

ĐẠI TẠNG KINH
VIỆT NAM

KINH
TRUNG A-HÀM

PL. 2536 - 1992

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

KINH TRUNG A-HÀM

TẬP I

(Số thứ tự 8)

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

Hà Nội - 2002

VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM
Ấn hành

HỘI ĐỒNG CHỨNG MINH
của
HỘI ĐỒNG PHIÊN DỊCH và ÁN HÀNH
ĐẠI TẶNG KINH VIỆT NAM

1. *Hòa thượng* THÍCH ĐỨC NHUẬN
2. *Hòa thượng* THÍCH ĐÔN HẬU
3. *Hòa thượng* THÍCH TRÍ TỊNH
4. *Hòa thượng* THÍCH MẬT HIỂN
5. *Hòa thượng* THÍCH HUỆ THÀNH
6. *Hòa thượng* THÍCH GIÁC NHU
7. *Hòa thượng* KIM CƯƠNG TỬ
8. *Hòa thượng* THÍCH TÂM THÔNG
9. *Hòa thượng* THÍCH SIÊU VIỆT
10. *Hòa thượng* MAHÀ SARAY
11. *Hòa thượng* THÍCH TRÍ NGHIỆM

**HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO
PHIÊN DỊCH và ẮN HÀNH
ĐẠI TẶNG KINH VIỆT NAM**

CHỦ TỊCH
Hòa thượng THÍCH MINH CHÂU

- Phó chủ tịch : *Hòa thượng* THÍCH THIỆN SIÊU
- Phó chủ tịch : *Hòa thượng* KIM CƯƠNG TỬ
- Phó chủ tịch : *Hòa thượng* THÍCH THANH KIỂM
- Phó chủ tịch : *Thượng tọa* THÍCH THANH TỪ
- Phó chủ tịch : *Thượng tọa* THÍCH THIỆN CHÂU

Trưởng ban Thư ký :

Thượng tọa THÍCH CHƠN THIỆN

Trưởng ban Tài chánh :

Thượng tọa THÍCH GIÁC TOÀN

Trưởng ban In ấn và Phát hành :

Cư sĩ VÕ ĐÌNH CƯỜNG

Trưởng ban Từ viện Phật học :

Cư sĩ MINH CHI

Bản dịch từ Phạn ra Hán:

**ĐỜI ĐÔNG TẤN NGÀI TAM TẠNG CÙ-ĐÀM
TĂNG-GIÀ-ĐỀ-BÀ, NƯỚC KẾ TÂN
ĐẠO TỔ chấp bút**

Bản dịch từ Hán ra Việt:

VIỆN CAO ĐẲNG PHẬT HỌC HẢI ĐỨC NHÀ TRẠNG

Hiệu đính bản Việt dịch :

Hòa thượng THÍCH THIÊN SIÊU

TỤNG THỨ NHẤT

(một ngày)

- | | | |
|------|-------------------------|---------|
| I. | PHẨM THẤT PHÁP | 10 kinh |
| II. | PHẨM NGHIỆP TƯƠNG ƯNG | 10 kinh |
| III. | PHẨM XÁ-LÊ TỬ TƯƠNG ƯNG | 11 kinh |
| IV. | PHẨM VỊ TÀNG HỮU PHÁP | 10 kinh |
| V. | PHẨM TẬP TƯƠNG ƯNG | 16 kinh |
| VI. | PHẨM VƯƠNG TƯƠNG ƯNG | |
| | (phần thứ nhất) | 7 kinh |

I. PHẨM THẤT PHÁP

(Gồm 10 kinh)

1. Kinh Thiện Pháp
2. Kinh Trú Độ Thọ
3. Kinh Thành Dụ
4. Kinh Thủy Dụ
5. Kinh Mộc Tích Dụ
6. Kinh Thiện Nhơn Vãng
7. Kinh Thế Gian Phước
8. Kinh Thất Nhật
9. Kinh Thất Xa
10. Kinh Lậu Tận

1. KINH THIÊN PHÁP

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Thế Tôn du hoá tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

— Nếu có Tỳ-kheo thành tựu bảy pháp tất được vui vẻ, an lạc trong bậc Hiền thánh, thẳng tiến đến lậu tận. Bảy pháp đó là gì? Đó là biết pháp, biết nghĩa, biết thời, biết tiết độ, biết mình, biết chúng hội và biết sự hơn kém của người.

Thế nào gọi là Tỳ-kheo biết pháp? Nghĩa là Tỳ-kheo biết Chánh kinh, Ca vịnh, Ký thuyết, Kệ-tha, Nhân duyên, Soạn lục, Bản khởi, Thử

thuyết, Sanh xứ, Quảng giải, Vị tăng hữu pháp và Thuyết nghĩa. Ấy là Tỳ-kheo biết pháp.

Nếu có Tỳ-kheo không biết pháp, tức không biết Chánh kinh, Ca vịnh, Ký thuyết, Kệ-tha, Nhân duyên, Soạn lục, Bản khởi, Thử thuyết, Sanh xứ, Quảng giải, Vị tăng hữu pháp và Thuyết nghĩa Tỳ-kheo như vậy là không biết pháp.

Nếu có Tỳ-kheo khéo biết pháp, tức biết Chánh kinh, Ca vịnh, Ký thuyết, Kệ-tha, Nhân duyên, Soạn lục, Bản khởi, Thử thuyết, Sanh xứ, Quảng giải, Vị tăng hữu pháp và Thuyết nghĩa. Ấy là Tỳ-kheo khéo biết pháp.

Như thế nào gọi là Tỳ-kheo biết nghĩa? Nghĩa là Tỳ-kheo biết nghĩa của các loại giáo thuyết này hay giáo thuyết kia, biết điều này có nghĩa như thế kia, biết điều kia có nghĩa như thế này. Ấy là Tỳ-kheo biết nghĩa. Nếu có Tỳ-kheo không biết nghĩa, tức là không biết nghĩa của những loại giáo thuyết này hay giáo thuyết kia, không biết điều này có nghĩa như thế kia, không biết điều kia có nghĩa như thế này. Tỳ-kheo như vậy là không biết nghĩa. Nếu có Tỳ-kheo khéo biết nghĩa, tức biết nghĩa của những giáo thuyết này hay giáo thuyết kia, biết điều này có nghĩa như thế

kia, biết điều kia có nghĩa như thế này. Ấy là Tỳ-kheo khéo biết nghĩa.

Như thế nào gọi là Tỳ-kheo biết thời? Nghĩa là Tỳ-kheo biết lúc nào nên tu pháp thấp, lúc nào nên tu pháp cao, lúc nào nên tu pháp xả. Ấy là Tỳ-kheo biết thời. Nếu có Tỳ-kheo không biết thời, tức không biết lúc nào nên tu pháp thấp, lúc nào nên tu pháp cao, lúc nào nên tu pháp xả. Tỳ-kheo như vậy là không biết thời. Nếu có Tỳ-kheo khéo biết thời, tức biết lúc nào nên tu pháp thấp, lúc nào nên tu pháp cao, lúc nào nên tu pháp xả. Ấy là Tỳ-kheo khéo biết thời.

Như thế nào là Tỳ-kheo biết tiết độ? Tỳ-kheo biết tiết độ trong việc uống, ăn, đi, đứng, ngồi, nằm, nói năng, yên lặng, đại tiểu tiện, và biết giảm bớt ngủ nghỉ, tu tập chánh trí. Ấy là Tỳ-kheo biết tiết độ. Nếu có Tỳ-kheo không biết tiết độ, tức không biết tiết độ trong việc uống, ăn, đi, đứng, nằm, ngồi, nói năng, im lặng, đại tiểu tiện, và biết giảm bớt ngủ nghỉ, tu tập chánh trí. Tỳ-kheo như vậy là không biết tiết độ. Nếu có Tỳ-kheo khéo biết tiết độ, tức biết tiết độ về các việc uống, ăn, đi, đứng, ngồi, nằm, nói năng, im lặng, đại tiểu

tiện, và biết giảm bớt ngủ nghỉ, tu tập chánh trí. Ấy là Tỳ-kheo khéo biết tiết độ.

Như thế nào là Tỳ-kheo biết mình? Tỳ-kheo tự biết mình có chừng ấy tín, giới, văn, thí, huệ, biện A-hàm và sở đắc. Tỳ-kheo như vậy là biết mình. Nếu có Tỳ-kheo không biết mình, tức không tự biết mình có chừng ấy tín, giới, văn, thí, huệ, biện A-hàm và sở đắc. Tỳ-kheo như vậy là không biết mình. Nếu có Tỳ-kheo khéo biết mình, tức tự biết mình có chừng ấy tín, văn, giới, thí, huệ, biện a-hàm và sở đắc. Ấy là Tỳ-kheo khéo biết mình.

Như thế nào là Tỳ-kheo biết chúng hội? Tỳ-kheo biết: “Đây là chúng hội Sát-lợi, đây là chúng hội Phạm chí, đây là chúng hội Cư sĩ, đây là chúng hội Sa-môn, và ở nơi chúng hội ấy, ta nên đi như vậy, đứng như vậy, ngồi như vậy, nói như vậy, im lặng như vậy.” Ấy là Tỳ-kheo biết chúng hội. Nếu có Tỳ-kheo không biết chúng hội, tức không biết: “Đây là chúng hội Sát-lợi, đây là chúng hội Phạm chí, đây là chúng hội Cư sĩ, đây là chúng hội Sa-môn, và ở nơi chúng hội ấy, ta nên đi như vậy, đứng như vậy, ngồi như vậy, nói như vậy, im lặng như vậy.” Tỳ-kheo như vậy là không biết chúng hội. Nếu có Tỳ-kheo khéo biết chúng hội,

tức biết: “Đây là chúng hội Sát-lợi, đây là chúng hội Phạm chí, đây là chúng hội Cư sĩ, đây là chúng hội Sa-môn, và ở nơi chúng hội ấy, ta nên đi như vậy, đứng như vậy, ngồi như vậy, nói như vậy, im lặng như vậy.” Ấy là Tỳ-kheo khéo biết chúng hội.

Như thế nào là Tỳ-kheo biết sự hơn kém của người? Là Tỳ-kheo biết có hai hạng người: có lòng tin và không có lòng tin. Người có lòng tin là cao thượng; người không có lòng tin là thấp kém. Người có lòng tin lại có hai hạng: thường đến gặp thầy Tỳ-kheo và không thường đến gặp thầy Tỳ-kheo. Người thường đến gặp thầy Tỳ-kheo là cao thượng; người không thường đến gặp thầy Tỳ-kheo là thấp kém. Người thường đến gặp thầy Tỳ-kheo lại có hai hạng: có kính lễ thầy Tỳ-kheo và không kính lễ thầy Tỳ-kheo. Người có kính lễ thầy Tỳ-kheo là cao thượng; người không kính lễ thầy Tỳ-kheo là thấp kém. Người kính lễ thầy Tỳ-kheo lại có hai hạng: có hỏi kinh và không hỏi kinh. Người có hỏi kinh là cao thượng; người không có hỏi kinh là thấp kém. Người có hỏi kinh lại có hai hạng: nhất tâm nghe kinh và không nhất tâm nghe kinh. Người nhất tâm nghe kinh là cao thượng; người không nhất tâm nghe kinh là thấp kém. Người nhất tâm nghe kinh lại có hai hạng: nghe rồi chấp

trì pháp và nghe rồi không chấp trì pháp. Người nghe rồi có chấp trì pháp là cao thượng; người nghe rồi không chấp trì pháp là thấp kém. Người nghe rồi có chấp trì pháp lại có hai hạng: nghe pháp có quán sát nghĩa và nghe pháp không quán sát nghĩa. Người nghe pháp có quán sát nghĩa là cao thượng; người nghe pháp không quán sát nghĩa là thấp kém. Người nghe pháp có quán sát nghĩa lại có hai hạng: biết pháp, biết nghĩa, hướng pháp, thứ pháp, tùy thuận pháp, thực hành đúng như pháp và hạng không biết pháp, không biết nghĩa, không hướng pháp, thứ pháp, không tùy thuận pháp, không thực hành đúng như pháp. Người biết pháp, biết nghĩa, hướng pháp, thứ pháp, tùy thuận pháp, thực hành đúng như pháp là cao thượng; người không biết pháp, không biết nghĩa, không hướng pháp, thứ pháp, không tùy thuận pháp, không thực hành đúng như pháp là thấp kém. Người biết pháp, biết nghĩa, hướng pháp, thứ pháp, tùy thuận pháp, thực hành như pháp lại có hai hạng: tự làm ích lợi và cũng làm ích lợi cho người khác, làm ích lợi cho mọi người, xót thương thế gian, cầu nghĩa lý, lợi ích, an ổn và khoái lạc cho Trời và Người, và hạng không tự làm lợi ích cũng không làm lợi ích cho người khác, không làm lợi

ích cho mọi người, không xót thương thế gian, không cầu nghĩa lý, lợi ích, an ổn và khoái lạc cho Trời và Người. Nếu người nào tự làm lợi ích, cũng làm lợi ích cho người khác, làm lợi ích cho mọi người, xót thương thế gian, cầu nghĩa lý, lợi ích, an ổn và khoái lạc cho Trời và Người; người ấy là bậc nhất, là hơn, là trên, là tối cao, là hơn hết, là tôn quý, là tuyệt diệu giữa mọi người. Ví như từ bò có sữa, từ sữa có lạc, từ lạc có sinh tô, từ sinh tô có thực tô, từ thực tô có tinh tô; tinh tô là bậc nhất, là hơn, là trên, là tối cao, là hơn hết, là tôn quý, là tuyệt diệu đối với những loại kia. Cũng vậy, nếu người nào tự làm lợi ích, cũng làm lợi ích cho người khác, làm lợi ích cho mọi người, xót thương thế gian cầu nghĩa lý, lợi ích, an ổn, khoái lạc cho Trời và Người, thì trong hai hạng người như trên đã nói, đã phân biệt, đã thi thiết; người ấy là bậc nhất, là lớn, là trên, là tối cao, là hơn hết, là tôn quý, là tuyệt diệu. Ấy là Tỳ-kheo biết sự hơn và kém của người.

Đức Phật dạy như thế, các vị Tỳ-kheo kia nghe lời Phật nói, hoan hỷ phụng hành.

2. KINH TRÚ ĐỘ THỌ

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật du hoá tại nước Xá-vệ, tại rừng Thắng Lâm, trong vườn Cấp Cô Độc.

Lúc bấy giờ đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

— Nếu lá cây Trú độ trên Tam thập tam thiên úa vàng, thì lúc đó Thiên chúng ở Tam thập tam thiên vui mừng hôn hờ, cho rằng: “Lá cây Trú độ chẳng bao lâu nữa sẽ rụng”. Rồi lá cây Trú độ ở Tam thập tam thiên đã rụng. Lúc đó chư Thiên ở Tam thập tam thiên vui mừng hôn hờ, cho rằng: “Lá cây Trú độ chẳng bao lâu sẽ mọc lại”. Rồi lá cây Trú độ ở Tam thập tam thiên đã mọc lại. Lúc đó chư Thiên ở Tam thập tam thiên vui mừng hôn

hở, cho rằng: “Cây Trú độ chẳng bao lâu sẽ kết ra mạng lưới”. Rồi cây Trú độ ở Tam thập tam thiên đã kết mạng lưới. Lúc đó chư Thiên ở Tam thập tam thiên vui mừng hơn hở, cho rằng: “Cây Trú độ chẳng bao lâu sẽ nở nụ giống như mỏ chim”. Rồi cây Trú độ ở Tam thập tam thiên đã nở nụ giống như mỏ chim. Lúc đó chư Thiên ở Tam thập tam thiên vui mừng hơn hở, cho rằng: “Cây Trú độ chẳng bao lâu sẽ nở hoa như cái bát”. Rồi cây Trú độ ở Tam thập tam thiên đã nở hoa như cái bát. Lúc đó chư Thiên ở Tam thập tam thiên vui mừng hơn hở cho rằng: “Cây Trú độ chẳng bao lâu sẽ nở hoa tròn trịa”. Nếu cây Trú độ đã nở hoa tròn trịa thì nó chiếu ra ánh sáng, màu sắc và tỏa ra mùi thơm trong chu vi một trăm do-diên. Lúc bấy giờ vào tháng tư, mùa hạ, các vị Tam thập tam thiên vui đùa với nhau bằng năm thứ dục lạc với đầy đủ tất cả các đặc tính của chúng. Đó là các vị Tam thập tam thiên tập trung dưới cây Trú độ mà hưởng thụ sự vui sướng.

Theo ý nghĩa như thế, vị Thánh đệ tử cũng vậy. Khi suy nghĩ đến việc xuất gia, lúc đó vị Thánh đệ tử được gọi là lá úa vàng, cũng giống như lá cây Trú độ ở cõi Tam thập tam thiên trở úa vàng.

Lại nữa, khi vị Thánh đệ tử cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, rất tin tưởng, bỏ gia đình, không có nhà cửa, học đạo; lúc đó Thánh đệ tử được gọi là lá rụng, như lá cây Trú độ ở cõi Tam thập tam thiên rụng xuống.

Lại nữa, khi vị Thánh đệ tử ly dục, ly pháp ác và pháp bất thiện, có giác có quán, ly sanh hỷ lạc, thành tựu an trụ Sơ thiên; lúc đó Thánh đệ tử được gọi là sanh trở lại, cũng như lá cây Trú độ ở cõi Tam thập tam thiên sanh trở lại.

Lại nữa, khi Thánh đệ tử không còn giác và quán, nội tâm tịch tịnh, không giác không quán, định sanh hỷ lạc, thành tựu an trụ Nhị thiên; lúc đó Thánh đệ tử được gọi là sanh màng lưới, cũng như cây Trú độ ở cõi Tam thập tam thiên sanh màng lưới.

Lại nữa, khi vị Thánh đệ tử ly hỷ dục, an trụ xả, vô cầu, chánh niệm, chánh trí, thân cảm giác lạc mà bậc Thánh gọi là xả niệm lạc, trụ không, thành tựu an trụ Tam thiên; lúc đó Thánh đệ tử được gọi là nở nụ như mỏ chim, cũng như cây Trú độ ở cõi Tam thập tam thiên nở nụ như mỏ chim.

Lại nữa, khi Thánh đệ tử diệt lạc, diệt khổ và ưu hỷ cũng đã diệt, không khổ lạc, xả niệm thanh

tịnh, thành tựu an trụ Tứ thiên; lúc đó Thánh đệ tử được gọi là nở hoa như cái bát, như cây Trú độ ở Tam thập tam thiên nở hoa như cái bát.

Lại nữa, khi Thánh đệ tử các lậu đã tận, tâm giải thoát, huệ giải thoát ngay trong hiện tại, tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết một cách như thật: "Sanh đã hết, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa"; lúc đó Thánh đệ tử được gọi là hoa nở tròn trịa, cũng như cây Trú độ ở cõi Tam thập tam thiên nở hoa tròn trịa. Đó là vị Tỳ-kheo Lậu tận A-la-hán, được Tam thập tam thiên tập hội tại chánh điện Thiện Pháp hỏi han, khen ngợi rằng: "Vị Thánh đệ tử tôn quý đó, ở tại thôn ấp đó, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, rất tin tưởng, lìa bỏ gia đình, sống không nhà cửa, học đạo, các lậu đã hết, tâm giải thoát, huệ giải thoát ngay trong hiện tại, tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết một cách như thật: "Sanh đã hết, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa"". Đó là các A-la-hán Lậu tận cùng tập hội như Tam thập tam thiên cùng tập hội dưới cây Trú độ vậy.

Đức Phật dạy như vậy, các vị Tỳ-kheo kia nghe những lời Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

3. KINH THÀNH DỤ

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật đến nước Xá-vệ, trong rừng
Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Như vương thành ở biên giới có bảy việc
đầy đủ và bốn thứ lương thực sung túc, dễ tìm,
không khó; do đó vương thành không bị ngoại địch
đánh phá, ngoại trừ bên trong tự phá hoại.

Những gì là bảy việc mà vương thành có đầy
đủ? Là vương thành ở biên giới xây cất những
vọng gác đắp đất cho chắc không thể phá vỡ, để
bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên
ngoài. Đó là việc đầy đủ thứ nhất của vương thành

Lại nữa, như vương thành ở biên giới có đào hào, vét ao cho thật sâu rộng, sửa sang để có thể nương tựa, làm cho bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Đó là việc đầy đủ thứ hai của vương thành.

Lại nữa, như dọn dẹp những con đường nối liền xung quanh vương thành ở biên giới cho bằng phẳng, rộng rãi để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Đó là việc đầy đủ thứ ba của vương thành.

Lại nữa, như biên thành của vua tập trung bốn quân chủng: tượng quân, mã quân, xa quân, bộ quân để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Đó là việc đầy đủ thứ tư của vương thành.

Lại nữa, như vương thành ở biên giới chuẩn bị binh khí, cung, tên, mâu, kích, để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Đó là việc đầy đủ thứ năm của vương thành.

Lại nữa, như vương thành ở biên giới lập vị đại tướng trấn thủ, sáng suốt, thao lược, cơ trí, tháo vác, dũng mãnh, cương nghị, giỏi mưu lược, người hiền lành thì cho vào, kẻ không lương thiện thì cấm để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Đó là việc đầy đủ thứ sáu của vương thành.

Lại nữa, như vương thành ở biên giới xây đắp tường cao cho thật kiên cố, trét bùn, tô đất để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Đó là việc đầy đủ thứ bảy của vương thành.

Bốn thứ lương thực sung túc, dễ tìm, không khó là gì? Là vương thành ở biên giới có sẵn, có chuẩn bị nước, cỏ, củi, gỗ để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Đó là loại lương thực thứ nhất sung túc, dễ tìm, không khó ở vương thành.

Lại nữa, như vương thành ở biên giới thụ nạp nhiều lúa gạo và chứa cất lúa mạch để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Đó là loại lương thực thứ hai sung túc, dễ tìm, không khó ở vương thành.

Lại nữa, như vương thành ở biên giới chứa nhiều đậu nành, đại đậu, tiểu đậu để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Đó là loại lương thực thứ ba sung túc, dễ tìm, không khó ở vương thành.

Lại nữa, như vương thành ở biên giới cất chứa bơ, dầu, mật, mía, đường, cá, muối, thịt khô; tất cả đều đầy đủ để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Đó là loại lương thực thứ tư sung túc, dễ tìm, không khó ở vương thành.

Như vậy, vương thành đầy đủ bảy việc, bốn thứ lương thực sung túc, dễ tìm, không khó nên không bị ngoại địch đánh phá, chỉ trừ bên trong tự phá hoại.

Cũng vậy, nếu Thánh đệ tử cũng được bảy thiện pháp và bốn tầng thượng tâm dễ được, không khó thì vị Thánh đệ tử không bị ma vương lung lạc, cũng không theo pháp ác, bất thiện, không bị nhiễm phiền não, không còn thọ sanh trở lại.

Bảy thiện pháp mà Thánh đệ tử có được là gì? Là Thánh đệ tử có lòng tin kiên cố sâu xa đối với Như Lai, tín căn đã vững, trọn không theo Sa-môn, Phạm chí, ngoại đạo, cũng như Thiên ma, Phạm thiên và hàng thế gian khác. Đó là Thánh đệ tử được thiện pháp thứ nhất.

Lại nữa, Thánh đệ tử thường thực hành xấu hổ, điều đáng hổ, biết xấu hổ, ghét pháp bất thiện và phiền não ô uế là thứ khiến thọ nhận các ác báo, tạo gốc rễ sanh tử. Đó là thiện pháp thứ hai mà Thánh đệ tử có được.

Lại nữa, Thánh đệ tử thường thực hành hổ thẹn, điều đáng hổ thẹn, biết hổ thẹn, ghét pháp bất thiện và phiền não, ô uế là thứ nhất khiến thọ

nhận các ác báo, tạo gốc rễ sanh tử. Đó là thiện pháp thứ ba mà Thánh đệ tử có được.

Lại nữa, Thánh đệ tử thường thực hành tinh tấn, đoạn trừ ác bất thiện, tu các thiện pháp, luôn tự khởi ý, chuyên nhất kiên cố, làm các gốc thiện, không bỏ phương tiện. Đó là thiện pháp thứ tư mà Thánh đệ tử có được.

Lại nữa, Thánh đệ tử học rộng, nghe nhiều, ghi nhớ không quên tích lũy sự học rộng các pháp tốt ở khoảng đầu, tốt ở khoảng giữa, tốt ở khoảng cuối, có nghĩa, có văn, đầy đủ thanh tịnh, hiển hiện phạm hạnh; học rộng nghe nhiều các pháp như vậy, luyện tập đến cả ngàn lần, ý chăm chú những điều tư duy quán sát đến chỗ thấy rõ hiểu sâu. Đó là thiện pháp thứ năm mà Thánh đệ tử có được.

Lại nữa, Thánh đệ tử thường thực hành niệm, thành tựu chánh niệm; những điều đã từng học tập từ lâu, đã từng nghe từ lâu, nhớ luôn không quên. Đó là thiện pháp thứ sáu mà Thánh đệ tử có được.

Lại nữa, Thánh đệ tử tu hành trí huệ, quán sát sự hưng suy của các pháp. Do có trí như vậy, có Thánh huệ, có sự thấu hiểu, phân biệt rõ ràng mà vị ấy diệt tận hoàn toàn sự khổ. Đó là thiện pháp thứ bảy mà Thánh đệ tử có được.

Những gì là bốn tầng thượng tâm dễ được, không khó mà Thánh đệ tử đạt đến? Là Thánh đệ tử ly dục, ly ác và pháp bất thiện, có giác có quán, ly sanh hỷ lạc, thành tựu an trụ Sơ thiên. Đó là tầng thượng tâm thứ nhất dễ được, không khó mà Thánh đệ tử đạt đến.

Lại nữa, Thánh đệ tử đã dứt giác quán, nội tĩnh nhất tâm, không giác không quán, định sanh hỷ lạc, thành tựu an trụ Nhị thiên. Đó là tầng thượng tâm thứ hai dễ được, không khó mà Thánh đệ tử đạt đến.

Lại nữa, Thánh đệ tử ly hỷ dục, thành tựu xả, vô cầu, chánh niệm, chánh trí, thân cảm giác lạc mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc, trú không, thành tựu an trụ Tam thiên. Đó là tâm tầng thượng thứ ba dễ được, không khó mà Thánh đệ tử đạt đến.

Lại nữa, Thánh đệ tử diệt lạc diệt khổ, hỷ ưu cũng đã diệt, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh, thành tựu an trú Tứ thiên. Đó là tâm tầng thượng thứ tư dễ được, không khó mà Thánh đệ tử đạt đến.

Như vậy, Thánh đệ tử được bảy thiện pháp, đạt đến bốn tâm tầng thượng dễ được, không khó, không bị ma vương lung lạc, cũng chẳng theo pháp

ác, bất thiện, không bị nhiễm phiền não, không còn thọ sanh trở lại.

Như vương thành ở biên giới xây cất vọng gác, đắp đất cho chắc, không thể phá vỡ để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Cũng như vậy, Thánh đệ tử có lòng tin kiên cố, sâu xa đối với Như Lai, tín căn đã lập, trọn không theo Sa-môn, Phạm chí ngoại đạo, cũng như Thiên ma, Phạm thiên và các hạng thế gian khác. Đó là Thánh đệ tử có vọng gác tín tâm để trừ ác và bất thiện, tu các thiện pháp.

Như vương thành ở biên giới đào hào, vét ao thật sâu rộng, sửa sang để có thể nương tựa, làm cho bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài; cũng thế, Thánh đệ tử thực hành xấu hổ, điều đáng xấu hổ biết xấu hổ, ghét pháp bất thiện và phiền não ô uế là thứ khiến thọ nhận các ác báo, tạo gốc rễ sanh tử. Đó là Thánh đệ tử có hồ ao xấu hổ, trừ ác và bất thiện, tu các thiện pháp.

Như vương thành ở biên giới dọn dẹp những con đường liên chung quanh cho bằng phẳng, rộng rãi để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài; cũng vậy, Thánh đệ tử thường thực hành hổ thẹn, điều đáng thẹn biết thẹn, ghét pháp bất thiện và phiền não ô uế là thứ khiến thọ nhận

các ác báo, tạo gốc rễ sanh tử. Đó là Thánh đệ tử có con đường bằng phẳng hỗ thẹn để trừ ác và bất thiện, tu các thiện pháp.

Như vương thành ở biên giới tập trung bốn quân chủng: tượng quân, mã quân, xa quân, bộ quân, để bên trong được yên ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Cũng vậy Thánh đệ tử thường thực hành tinh tấn, đoạn trừ ác bất thiện, tu các thiện pháp, luôn tự khởi ý, chuyên nhất, kiên cố, làm các gốc rễ thiện, không bỏ phương tiện. Đó là Thánh đệ tử có quân lực tinh tấn, để trừ ác và bất thiện, tu các thiện pháp.

Như vương thành ở biên giới chuẩn bị binh khí, cung, tên, mâu, kích để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Cũng vậy, Thánh đệ tử học rộng, nghe nhiều, ghi nhớ không quên, tích lũy sự nghe rộng các pháp tốt ở khoảng đầu, tốt ở khoảng giữa, tốt ở khoảng cuối, có nghĩa, có văn, đầy đủ thanh tịnh, hiển hiện phạm hạnh, học rộng nghe nhiều các pháp như thế, luyện tập đến cả ngàn lần, ý chăm chú những điều suy tư quán sát đến chỗ thấy rõ, hiểu sâu. Đó là Thánh đệ tử có binh khí đa văn để trừ ác và bất thiện, tu các thiện pháp.

Như vương thành ở biên giới lập vị đại tướng trấn thủ sáng suốt, thao lược, cơ trí, tháo vác, dũng mãnh, cương nghị, giỏi mưu lược, người hiền thì cho vào kẻ bất lương thì cấm để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Cũng vậy, Thánh đệ tử thường thực hành niệm, thành tựu chánh niệm, những gì đã từng học tập từ lâu, đã từng nghe từ lâu, nhớ luôn không quên. Đó là Thánh đệ tử có đại tướng trấn nhậm để trừ ác và bất thiện, tu các thiện pháp.

Như vương thành ở biên giới xây đắp tường cao cho thật kiên cố, trét bùn, tô đất để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Cũng vậy, Thánh đệ tử tu hành trí tuệ quán pháp hưng suy; do có Thánh huệ như vậy có sự thấu hiểu, phân biệt rõ ràng mà hoàn toàn diệt tận khổ.

Đó là Thánh đệ tử có bức tường trí tuệ để trừ ác và bất thiện, tu các thiện pháp.

Như vương thành ở biên giới có chuẩn bị sẵn nước, cỏ, củi, gỗ để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Cũng vậy, Thánh đệ tử ly dục, ly ác và pháp bất thiện, có giác có quán, ly sanh hỷ lạc, thành tựu an trụ Sơ thiền, lạc trụ, không thiếu thốn, an ổn, khoái lạc, tự mình đi đến Niết-bàn.

Như vương thành ở biên giới thu nạp nhiều lúa gạo và chứa cất lúa mạch để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài.

Cũng vậy, Thánh đệ tử đã dứt giác quán, nội tĩnh nhất tâm, không giác không quán, định sanh hỷ lạc, thành tựu an trụ Nhị thiên, lạc trụ, không thiếu thốn, an ổn, khoái lạc, tự mình đi đến Niết-bàn.

Như vương thành ở biên giới chứa nhiều niêm đậu, đại đậu, và tiểu đậu để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Cũng vậy, Thánh đệ tử ly hỷ dục, thành tựu xả, vô cầu, chánh niệm chánh trí, thân cảm giác lạc mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trụ không, thành tựu an trụ Tam thiên, lạc trụ, không thiếu thốn, an ổn khoái lạc, tự mình đi đến Niết-bàn.

Như vương thành ở biên giới chứa cất bơ, dầu, mật, mía, đường, cá, muối, thịt khô; tất cả đều đầy đủ để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Cũng vậy, Thánh đệ tử diệt lạc, diệt khổ, hỷ ưu cũng đã diệt, không khổ lạc, xả niệm thanh tịnh, thành tựu an trụ Tứ thiên, lạc trụ, không thiếu thốn, an ổn, khoái lạc, tự mình đi đến Niết-bàn.

Đức Phật dạy như vậy, các thầy Tỳ-kheo ấy, sau khi nghe Phật thuyết xong, hoan hỷ phụng hành.

4. KINH THỦY DỤ

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Ta sẽ giảng cho các Thầy nghe về bảy hạng người ở nước. Các Thầy hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ!

Bấy giờ các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe. Đức Phật dạy:

— Những gì là bảy? Hoặc có người nằm dưới nước; hoặc có người ra khỏi nước rồi chìm trở lại; hoặc có người ra khỏi nước rồi đứng; hoặc có người ra khỏi nước rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh; hoặc

có người ra khỏi nước rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn rồi đi qua; hoặc có người ra khỏi nước rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn rồi đi qua, đi qua rồi đến bờ bên kia; hoặc có người ra khỏi nước rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn rồi đi qua, đi qua rồi đến bờ bên kia, đến bờ bên kia rồi, được gọi là người đứng trên bờ.

Cũng vậy, Ta cũng giảng cho các Thầy nghe về bảy hạng người như ví dụ về nước; các Thầy hãy lắng nghe, lắng nghe, hãy khéo suy nghĩ!

Bấy giờ các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe. Đức Phật dạy:

— Những gì là bảy? Hoặc có hạng người nằm mãi; hoặc có người ra đã khỏi rồi chìm trở lại; hoặc có người ra khỏi và đứng lại; hoặc có người ra khỏi rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh; hoặc có người ra khỏi nước rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn rồi đi qua; hoặc có người ra khỏi rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn rồi đi qua, đi qua rồi tới bờ bên kia; hoặc lại có người ra khỏi rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn rồi đi qua, đi qua rồi tới bờ bên kia, tới bờ bên kia rồi, được gọi là người Phạm chí đứng trên bờ. Đó là Ta nói vắn tắt bảy hạng người theo ví dụ về bảy hạng người ở nước. Như đã nói trên, như đã giảng giải trên, các Thầy có biết ý nghĩa gì, có phân biệt gì, có nhân duyên gì?

Bấy giờ các Tỳ-kheo bạch đức Thế Tôn rằng:

— Thế Tôn là gốc của Pháp, Thế Tôn là chủ tể của Pháp, Pháp do Thế Tôn mà có, kính mong Thế Tôn nói ra để chúng con, sau khi nghe rồi, sẽ hiểu biết rộng rãi ý nghĩa.

Đức Phật dạy:

— Các Thầy hãy lắng nghe, hãy khéo suy nghĩ, Ta sẽ phân biệt ý nghĩa ấy cho các Thầy.

Bấy giờ các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe. Đức Phật dạy:

— Thế nào là hạng người nằm mãi? Nghĩa là có người bị những pháp bất thiện che lấp, bị nhiễm bởi nhiễm ô, thọ quả báo của ác pháp, tạo gốc sanh tử. Đó là hạng người nằm mãi như người nằm mãi dưới nước; Ta nói hạng người kia cũng y như vậy. Đó là ví dụ thứ nhất về hạng người ở nước. Thế gian thực có hạng người như vậy.

Thế nào là hạng người ra khỏi rồi chìm lại? Là người đã phát sinh lòng tin nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp. Người ấy sau đó lại quên mất tín tâm, không kiên cố, mất sự trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, không kiên cố. Đó là hạng người ra rồi chìm lại. Như

người chìm nước, đã ra được rồi lại chìm; Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó là ví dụ thứ hai về hạng người ở nước. Thế gian thực có hạng người như vậy.

Thế nào là hạng người ra rồi đứng? Là người đã phát khởi lòng tin nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp; về sau, tín tâm của người đó vẫn kiên cố, không mất, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ đều kiên cố, không mất. Đó là hạng người ra khỏi nước rồi đứng. Như người chìm nước, ra khỏi nước rồi đứng; Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó là ví dụ thứ ba về hạng người ở nước. Thế gian thực có hạng người như vậy.

Thế nào là hạng người ra rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh? Là người đã phát khởi lòng tin nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp; về sau, tín tâm của người đó vẫn kiên cố, không mất, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ vẫn kiên cố, không mất, trụ trong thiện pháp, biết như thật về Khổ, biết như thật về Khổ tập, về Khổ diệt, về Khổ diệt đạo. Người kia biết như vậy, thấy như vậy, ba kiết liên dứt sạch; đó là thân kiến, giới thủ và nghi, ba kiết đã dứt sạch chứng đến Tu-đà-hoàn,

không đoạ ác pháp, quyết định thẳng đến chánh giác, chỉ còn thọ sinh bảy lần, qua lại bảy lần trong nhân gian, thiên thượng rồi chứng đắc biên tế của sự khổ. Đó là hạng người ra rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh. Như người chìm nước ra rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh; Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó là ví dụ thứ tư về hạng người ở nước. Thế gian thật có hạng người như vậy.

Thế nào là người ra rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn rồi đi qua? Là người đã phát khởi lòng tin nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp; về sau, tín tâm của người đó vẫn chắc chắn, không mất, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, đều đã kiên cố, không mất, trú trong thiện pháp, biết như thật về Khổ, biết như thật về Khổ tập, về Khổ diệt, về Khổ diệt đạo, biết như vậy, thấy như vậy, ba kiết liên dứt sạch; đó là thân kiến, giới thủ, nghi, ba kiết đã dứt sạch; dâm, nộ, si vơi mỏng, còn phải một lần vãng lai trong nhân gian thiên thượng, sau khi qua lại một lần đó rồi liền chứng đắc biên tế của sự khổ; đó là người ra rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn rồi đi qua, như người chìm nước, ra rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn rồi đi qua; Ta nói người kia cũng lại như thế.

Đó là ví dụ thứ năm về hạng người ở nước. Thế gian thật có hạng người như vậy.

Thế nào là người ra rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn rồi đi qua, qua rồi đến bờ bên kia,? Là người đã phát khởi lòng tin nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp; về sau, tín tâm của người đó vẫn chắc chắn, không mất, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ đều vẫn kiên cố, không mất, trụ trong thiện pháp, biết như thật về Khổ, về Khổ tập, về Khổ diệt, về Khổ diệt đạo, biết như thế, thấy như thế, năm kiết hạ phần dứt sạch, đó là tham dục, sân nhuế, thân kiến, giới thủ, và nghi, năm hạ phần kiết dứt sạch rồi, sanh vào cõi ấy, rồi nhập Niết-bàn, chứng pháp bất thối, không trở lại thế gian này nữa. Đó là người ra rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn rồi đi qua, đi qua rồi đến bờ bên kia, như người chìm nước, ra rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn rồi đi qua, qua rồi đến bờ bên kia; Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó là ví dụ thứ sáu về hạng người ở nước. Thế gian thực có hạng người như vậy.

Thế nào là người ra rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn rồi đi qua, qua rồi đến bờ bên kia, đến bờ bên kia rồi được gọi là người Phạm chí

đứng trên bờ? Là người đã phát khởi lòng tin nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp; về sau, tín tâm của người đó vẫn chắc chắn, không mất, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ đều vẫn kiên cố không mất, trụ trong thiện pháp, biết như thật về Khổ, về Khổ tập, về Khổ diệt, về Khổ diệt đạo, biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát khỏi dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu, giải thoát rồi liền biết mình đã giải thoát và biết một cách như thật rằng: sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa. Đó là người ra rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn rồi đi qua, qua rồi đến bờ bên kia, đến bờ kia rồi gọi là vị Phạm chí đứng trên bờ. Như người chìm nước, ra rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn rồi đi qua, qua rồi đến bờ bên kia, đến bờ kia rồi gọi là người đứng trên bờ; Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó là ví dụ thứ bảy về hạng người ở nước. Thế gian thật có hạng người như vậy.

Ta trước có nói sẽ giảng cho các Thầy về bảy hạng người chìm trong nước; thế là Ta đã nói.

Phật thuyết như vậy, các vị Tỳ-kheo, sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

5. KINH MỘC TÍCH DỤ

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở Câu-tát-la, du hành giữa nhân gian, và có đại chúng Tỳ-kheo đi theo.

Bấy giờ đức Thế Tôn đang đi giữa đường, chợt thấy có đồng cây lớn ở một nơi kia bỗng nhiên bùng cháy. Thế Tôn thấy rồi liền rẽ xuống bên đường, đi đến một cây khác trái ni-sư-đàn, kiết-già mà ngồi yên. Đức Thế Tôn ngồi rồi, bảo các Tỳ-kheo:

— Các Thầy có thấy đằng kia có đồng cây lớn bỗng nhiên bùng cháy không?

Khi đó, các thầy Tỳ-kheo trả lời:

— Có thấy, bạch Thế Tôn.

Đức Thế Tôn lại bảo các thầy Tỳ-kheo:

— Các Thầy nghĩ sao, với đồng cây lớn phụt cháy bùng bùng đó, hoặc tới ôm, hoặc ngồi, hoặc nằm và với người con gái của dòng Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ hay thợ thuyền đang độ tuổi cường thịnh, tắm gội, xông hương thơm, mặc y phục sạch sẽ, dùng tràng hoa, chuỗi ngọc trang sức thân thể, hoặc tới ôm, hoặc ngồi, hoặc nằm; việc nào sung sướng hơn?

Lúc ấy, các thầy Tỳ-kheo thưa rằng:

— Bạch Thế Tôn, với đồng cây lớn đang phụt cháy bùng bùng, hoặc ôm, hoặc ngồi, hoặc nằm thì rất khổ. Bạch Thế Tôn, với người con gái dòng Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ hay thợ thuyền đang độ tuổi cường thịnh, tắm gội, xông hương thơm, mặc y phục sạch sẽ, dùng tràng hoa, chuỗi ngọc trang sức thân thể mà tới ôm, hoặc ngồi, hoặc nằm thì rất sung sướng, bạch Thế Tôn.

Đức Thế Tôn bảo:

— Ta sẽ nói cho các Thầy biết, không để cho các Thầy học làm Sa-môn mà lại mất đạo Sa-môn. Các Thầy nếu muốn thành tựu phạm hạnh vô thượng thì thà ôm đồng cây lớn đang phụt cháy bùng bùng, hoặc ngồi, hoặc nằm; việc ấy mặc dù

vì thế mà phải chịu khổ hoặc chết; nhưng không do đó mà khi thân hoại mạng chung phải thăng đến ác xứ hay sanh vào địa ngục. Nếu người ngu si phạm giới và không tinh tấn, sinh ra pháp ác bất thiện, không phải là phạm hạnh mà gọi là phạm hạnh, không phải là Sa-môn mà gọi là Sa-môn, hoặc ôm người con gái dòng Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ hay thợ thuyền đang độ tuổi cường thịnh đã tắm gội, xông hương thơm, mặc y phục sạch sẽ, dùng tràng hoa, chuỗi ngọc trang sức thân thể, hoặc ngồi, hoặc nằm; người ngu si kia vì thế mà vĩnh viễn không thiện, không nghĩa, thọ quả báo ác pháp, khi thân hoại mạng chung thăng đến nơi ác, sanh vào địa ngục. Do đó, các Thầy hãy quán sát nghĩa này, quán sát nghĩa kia, quán sát cả hai nghĩa, và hãy suy nghĩ như thế này: “Ta xuất gia học đạo không phải vô ích, không phải luống không, mà có quả, có báo, có sự an lạc vô cùng, được sanh vào các thiện xứ để được trường thọ, tiếp nhận áo chần, đồ ăn uống, giường, nệm, thuốc thang của người tín thí, làm cho các thí chủ được đại phúc đức, đại quả báo, đại quang minh”. Các Thầy nên học như vậy.

Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo rằng:

— Các Thầy nghĩ sao, như có lực sĩ lấy sợi dây thừng bằng lông còt siết cho đến đứt da, đứt da rồi đứt thịt, đứt thịt rồi đứt gân, đứt gân rồi đứt xương, đứt xương cho tới tủy mới thôi, hoặc theo người dòng Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ, thợ thuyền để thọ sự cúng thí, rờ rẫm thân thể, chi tiết và tay chân, thì việc nào sung sướng hơn?

Lúc bấy giờ, các Tỳ-kheo thưa rằng:

— Bạch Thế Tôn, nếu có lực sĩ đem sợi dây thừng bằng lông còt siết cho đến đứt da, đứt da rồi đứt thịt, đứt thịt rồi đứt gân, đứt gân rồi đứt xương, đứt xương cho tới tủy mới thôi, thì rất khổ, bạch Thế Tôn; còn nếu theo người dòng Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ, thợ thuyền để được cúng thí, rờ rẫm thân thể, chi tiết và tay chân, thì rất sung sướng, bạch Thế Tôn.

Thế Tôn bảo:

— Ta sẽ nói cho các Thầy biết, không để các Thầy học làm Sa-môn lại mất đạo Sa-môn. Các Thầy nếu muốn thành tựu phạm hạnh vô thượng thì thà để cho lực sĩ đem sợi dây thừng bằng lông còt siết cho đến đứt da, đứt da rồi đứt thịt, đứt thịt rồi đứt gân, đứt gân rồi đứt xương, đứt xương tới tủy mới thôi; việc ấy mặc dù do vậy mà các

Thầy thọ khổ hoặc chết, nhưng không do đó mà khi thân hoại mạng chung đi thẳng đến ác xứ hay sanh vào địa ngục. Nếu người ngu si phạm giới và không tinh tấn, sanh ra pháp ác bất thiện, không phải phạm hạnh, xưng là phạm hạnh, không phải Sa-môn xưng là Sa-môn, rồi theo người dòng Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ, thọ thuyên để thọ sự cúng thí, rờ rẫm thân thể, các chi tiết và tay chân; người ngu si ấy do đó vĩnh viễn không thiện, không nghĩa, thọ quả báo ác pháp, khi thân hoại mạng chung thẳng đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Vì thế các Thầy hãy quán sát nghĩa này, quán sát nghĩa kia, quán sát cả hai nghĩa, hãy suy nghĩ thế này: “Ta xuất gia học đạo không vô ích, không lường không mà có quả, có báo, có sự an lạc vô cùng, sanh vào các thiện xứ để được trường thọ, tiếp nhận áo chần, đồ ẩm thực, giường, nệm, thuốc thang của người tín thí, khiến cho các thí chủ được phúc đức lớn, được quả báo lớn, được quang minh lớn”. Các Thầy nên học như vậy.

Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo rằng:

— Các Thầy nghĩ sao, nếu có lực sĩ đem con dao đã mài giữa sắc bén chặt đứt ngang đùi, hay là theo người dòng Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ, thọ

thuyền để thọ sự lễ bái của tín thí, cung kính, đón rước; điều nào sung sướng hơn?

Bấy giờ, các Tỳ-kheo thưa rằng:

— Bạch Thế Tôn, nếu có lực sĩ đem con dao đã mài giữa sắc bén chặt đứt ngang đùi, thì rất khổ, bạch Thế Tôn; còn theo người dòng Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ, thọ thuyền để nhận sự lễ bái của tín thí, cung kính, đón rước thì rất sung sướng, bạch Thế Tôn.

Đức Thế Tôn bảo rằng:

— Ta sẽ nói cho các Thầy biết, không để các Thầy học làm Sa-môn mà mất đạo Sa-môn. Các Thầy nếu muốn thành tựu phạm hạnh vô thượng thì thà để cho lực sĩ đem dao bén đã mài giữa chặt đứt ngang đùi; việc ấy dù do đó mà chịu sự đau khổ, hoặc chết, nhưng không vì đó mà khi thân hoại mạng chung đi thẳng đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Nếu người ngu si phạm giới, không tinh tấn, sanh ra pháp ác, bất thiện, chẳng phải phạm hạnh xưng là phạm hạnh, chẳng phải Sa-môn xưng là Sa-môn, rồi theo người dòng Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ, thọ thuyền mà thọ sự lễ bái, cung kính, tiếp đón của tín thí; người ngu si kia, vì thế, vĩnh viễn không thiện, không nghĩa, thọ quả báo ác pháp,

sau khi thân hoại mạng chung thẳng đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Do đó, các Thầy nên quán sát nghĩa này, quán sát nghĩa kia, quán sát cả hai nghĩa. Nên nghĩ thế này: “Ta xuất gia học đạo không vô ích, không luống không, mà có quả, có báo, có sự an lạc cùng cực, sanh đến các thiện xứ để được trường thọ, tiếp nhận áo, chăn, thực phẩm, giường, chiếu của người cúng thí, khiến cho các thí chủ được phúc đức lớn, được quả báo lớn, được quang minh lớn”. Các Thầy nên học như vậy.

Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo rằng:

— Các Thầy nghĩ sao, hoặc có lực sĩ đem lá đồng hay sắt đốt cháy hừng hực rồi quần quanh thân thể, hoặc theo người dòng Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ, thợ thuyền để nhận y phục của người tín thí; cái nào sung sướng hơn?

Bấy giờ, các Tỳ-kheo thưa rằng:

— Bạch Thế Tôn, nếu có lực sĩ đem lá đồng hay sắt đốt cháy hừng hực rồi quần quanh thân thể thì rất khổ, bạch Thế Tôn; nếu theo người dòng Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ, thợ thuyền để nhận lãnh y phục của tín thí thì sung sướng hơn, bạch Thế Tôn.

Đức Thế-Tôn bảo rằng:

— Ta sẽ nói cho các Thầy biết, không để các Thầy học làm Sa-môn mà mất đạo Sa-môn. Các Thầy nếu muốn thành tựu phạm hạnh vô thượng, thì thà để cho lực sĩ đem lá đồng hay sắt đốt cháy hừng hực rồi quấn quanh thân thể; dù việc đó vì thế sẽ chịu sự khổ hoặc chết, nhưng không do vậy mà khi thân hoại mạng chung phải thăng đến ác xứ hay sanh vào địa ngục. Nếu người ngu si, phạm giới, không tinh tấn, sinh ra pháp ác bất thiện, chẳng phải phạm hạnh xưng là phạm hạnh, chẳng phải Sa-môn xưng là Sa-môn, để rồi theo người dòng Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ, thợ thuyền mà thọ lãnh y phục của tín thí. Người ngu kia vì thế vĩnh viễn không thiện, không nghĩa, thọ quả báo ác pháp, sau khi thân hoại mạng chung, thăng đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Do đó, các Thầy hãy quán sát nghĩa này, quán sát nghĩa kia, quán sát cả hai nghĩa. Nên nghĩ thế này: “Ta xuất gia học đạo không vô ích, không luống không, mà có quả, có báo, có sự an lạc cùng cực, sanh đến các thiện xứ để được trường thọ, nhận lãnh y phục, chăn mền, đồ ẩm thực, giường, chiếu, thuốc thang của tín thí, khiến cho các thí chủ được phước đức lớn, được quả báo lớn, được quang minh lớn”. Các Thầy nên học như vậy.

Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo rằng:

— Các Thầy nghĩ sao, hoặc có lực sĩ đem kèm sắt nóng kéo cho hở miệng ra rồi lấy viên sắt đốt cháy hừng hực, quăng vào trong miệng; viên sắt cháy đỏ đốt cháy môi, đốt môi rồi đốt lưỡi, đốt lưỡi rồi đốt lợi, đốt lợi rồi đốt cổ, đốt cổ rồi đốt tim, đốt tim rồi đốt bao tử và ruột, đốt bao tử và ruột rồi đốt xuống dưới, hoặc theo người dòng Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ, thợ thuyền để lãnh thợ đồ ăn, vô lượng mùi vị của tín thí; việc nào sung sướng hơn?

Bấy giờ, các Tỳ-kheo thưa rằng:

— Bạch Thế Tôn, nếu có lực sĩ đem kèm sắt nóng kéo cho hở miệng rồi lấy viên sắt đã đốt cháy hừng hực bỏ vào miệng; viên sắt nóng ấy đốt môi, đốt môi rồi đốt lưỡi, đốt lưỡi rồi đốt lợi, đốt lợi rồi đốt cổ, đốt cổ rồi đốt tim, đốt tim rồi đốt bao tử và ruột, đốt bao tử và ruột rồi đốt xuống dưới thì rất khổ, bạch Thế Tôn; còn nếu theo người dòng Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ, thợ thuyền để lãnh thợ đồ ăn, vô lượng mùi vị của các tín thí thì sung sướng hơn, bạch Thế Tôn.

Đức Thế Tôn bảo rằng:

— Ta sẽ nói cho các Thầy biết, không để các Thầy học làm Sa-môn mà mất đạo Sa-môn. Các Thầy nếu muốn thành tựu phạm hạnh vô thượng, thà để lực sĩ đem kèm sắt nóng kéo cho há miệng ra rồi đem viên sắt đã đốt cháy hừng hực quăng vào trong miệng; viên sắt nóng ấy đốt môi, đốt môi rồi đốt lưỡi, đốt lưỡi rồi đốt lợi, đốt lợi rồi đốt cổ, đốt cổ rồi đốt tim, đốt tim rồi đốt bao tử và đốt ruột, đốt bao tử và đốt ruột rồi đốt xuống dưới. Điều ấy nhân đó mà phải chịu đau khổ hoặc chết, nhưng không vì thế mà khi thân hoại mạng chung thẳng đến ác xứ hay sinh vào địa ngục. Nếu người ngu si phạm giới, không tinh tấn, sanh ra pháp ác, bất thiện, chẳng phải phạm hạnh xưng là phạm hạnh, chẳng phải Sa-môn xưng là Sa-môn, theo người dòng Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ, thợ thuyền để nhận lãnh sự cúng thí thực phẩm, vô lượng mùi vị; người ngu si đó vì thế mà vĩnh viễn không thiện, không nghĩa, chịu quả báo ác pháp, sau khi thân hoại mạng chung, thẳng đến ác xứ, hay sinh vào địa ngục. Vì thế các Thầy nên quán sát nghĩa này, quán sát nghĩa kia, quán sát cả hai nghĩa. Nên nghĩ thế này: “Ta xuất gia học đạo không vô ích, không luống không, mà có quả, có báo, có sự an lạc cùng cực, sanh đến các thiện xứ để được trường thọ, nhận

lãnh y phục, chăn mền, đồ ẩm thực, giường chiếu, thuốc thang của tín thí, khiến cho các thí chủ được phước đức lớn, được quả báo lớn, được quang minh lớn.” Các Thầy nên học như vậy.

Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo:

— Các Thầy nghĩ sao, nếu có lực sĩ đem giường sắt hay đồng đốt cháy hừng hực rồi cưỡng bức người kia phải nằm, ngồi trên đó, hoặc là theo các người dòng Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ, thợ thuyền để thợ lãnh giường chống và ngọa cụ của tín thí; việc nào sung sướng hơn?

Lúc đó, các Tỳ-kheo thưa:

— Bạch Thế Tôn, nếu có lực sĩ đem giường sắt hay đồng đốt cháy hừng hực rồi cưỡng bức người kia phải ngồi nằm trên đó thì rất khổ, bạch Thế Tôn; còn nếu theo các người dòng Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ, thợ thuyền để thợ lãnh giường chống và ngọa cụ của tín thí, thì sung sướng hơn, bạch Thế Tôn.

Đức Thế Tôn bảo dạy:

— Ta sẽ nói cho các Thầy biết, không để cho các Thầy học làm Sa-môn mà mất đạo Sa-môn. Nếu các Thầy muốn thành tựu phạm hạnh vô thượng,

thì thà để cho lực sĩ đem giường đồng hay sắt đốt cháy hừng hực rồi cưỡng bức phải nằm ngồi trên đó; việc đó dù vì thế mà chịu sự khổ sở hoặc chết, nhưng không vì thế mà sau khi thân hoại mạng chung, thẳng đến ác xứ hay sanh vào địa ngục. Nếu người ngu si phạm giới, không tinh tấn, sinh ra pháp ác, bất thiện, chẳng phải phạm hạnh xưng là phạm hạnh, chẳng phải Sa-môn xưng là Sa-môn, rồi theo những người Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ, thợ thuyền để thọ lãnh ngoại cụ, giường chõng của tín thí; người ngu si đó vì thế vĩnh viễn không thiện, không nghĩa, thọ quả báo ác, sau khi thân hoại mạng chung thẳng đến ác xứ hay sanh vào địa ngục. Vì thế, các Thầy hãy quán sát nghĩa này, quán sát nghĩa kia, quán sát cả hai nghĩa. Nên nghĩ thế này: “Ta xuất gia học đạo không vô ích, không luống không, mà có quả, có báo, có sự an lạc vô cùng, sanh đến các thiện xứ, được trường thọ, nhận lãnh áo mền, đồ ăn uống, giường, nệm, thuốc thang của tín thí, khiến cho các thí chủ được phước đức lớn, được quả báo lớn, được quang minh lớn”. Các Thầy nên học như vậy.

Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo rằng:

— Các Thầy nghĩ sao, nếu có lực sĩ đem nồi đồng hay sắt đốt cháy hừng hực rồi tóm một

người xóc ngược lên và quăng vào trong nồi, hoặc là theo người Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ, thợ thuyền để nhận lãnh phòng xá tô trét bùn đất, cửa nẻo kín đáo, chắc chắn, lò sưởi của tín thí; việc nào sung sướng hơn?

Bấy giờ, các Tỳ-kheo thưa rằng:

— Bạch Thế Tôn, nếu có lực sĩ đem nồi lớn bằng đồng hay sắt đốt cháy hừng hực rồi bắt một người xóc ngược lên và ném vào nồi thì quá khổ sở, bạch Thế Tôn; còn nếu theo những người Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ, thợ thuyền để nhận lãnh phòng xá tô trét bùn đất, cửa nẻo kín đáo, chắc chắn, lò sưởi của tín thí thì sung sướng hơn, bạch Thế Tôn.

Đức Thế Tôn bảo rằng:

— Ta sẽ nói cho các Thầy biết, không để các Thầy học làm Sa-môn mà mất đạo Sa-môn. Các Thầy nếu muốn thành tựu phạm hạnh vô thượng thì thà để cho lực sĩ đem nồi lớn bằng đồng hay sắt đốt cháy hừng hực rồi tóm người giở ngược lên quăng vào trong nồi, mặc dù vì thế mà chịu đau khổ hoặc chết, nhưng không do vậy mà sau khi thân hoại mạng chung lại thăng đến ác xứ hay sanh vào địa ngục. Nếu người ngu si phạm giới, không tinh tấn, sanh ra pháp ác, bất thiện, chẳng

phải phạm hạnh xưng là phạm hạnh, không phải Sa-môn xưng là Sa-môn, theo người Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ, thợ thuyền để nhận lãnh phòng xá tô trét bùn đất, cửa nẻo kín đáo, chắc chắn, lò sưởi của tín thí; người ngu si đó vì thế mà vĩnh viễn không thiện, không nghĩa, thọ quả báo ác, sau khi thân hoại mạng chung, thẳng đến ác xứ hay sanh vào địa ngục. Vì thế các Thầy hãy quán sát nghĩa này, quán sát nghĩa kia, quán sát cả hai nghĩa, nên nghĩ thế này: “Ta xuất gia học đạo không vô ích, không lương không mà có quả, có báo, có sự an lạc vô cùng, sinh đến các thiện xứ, được trường thọ, nhận lãnh áo mền, đồ ẩm thực, giường nệm, thuốc thang của tín thí, khiến cho các thí chủ được phước đức lớn, được quả báo lớn, được quang minh lớn”. Các Thầy nên học như thế.

Khi đức Phật dạy bài pháp này xong, sáu mươi vị Tỳ-kheo dứt sạch các lậu, giải thoát kiết sử; sáu mươi Tỳ-kheo xả giới, hoàn tục. Sao vậy? Vì sự giáo huấn của đức Thế Tôn rất sâu, rất khó; sự học đạo lại còn sâu, còn khó hơn.

Đức Phật dạy như thế, các vị Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

6. KINH THIỆN NHÂN VĂNG

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Ta sẽ nói cho các Thầy biết về nơi mà bảy bậc thiện nhân đi đến và Vô dư Niết-bàn; các Thầy hãy lắng nghe, lắng nghe, hãy suy nghĩ kỹ.

Bấy giờ, các thầy Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe. Phật dạy:

— Những gì là bảy? Tỳ-kheo nên thực hành như vậy:

“Không có gì là ta và của ta. Trong tương lai cũng không có gì là ta và của ta, nhưng đã có thì đoạn trừ, đã đoạn trừ thì chứng đắc xả, có lạc, không nhiễm, thứ gì cũng không chấp trước”. Thực hành như thế sẽ do huệ mà thấy được dấu vết đạo vô thượng, tịch tịnh, nhưng vẫn chưa được chứng ngộ. Tỳ-kheo thực hành như thế sẽ đi đến đâu? Ví như đốt trấu vừa nhen đã tắt, nên biết Tỳ-kheo kia cũng thế, chút ít mạn chưa trừ hết nhưng năm hạ phần kiết đã đoạn hết, chứng Trung Ban Niết-bàn. Đó là nơi đi đến của bậc thiện nhân thứ nhất. Thế gian thật có người như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo nên thực hành như vậy: “Không có gì là ta và của ta, trong tương lai cũng không có gì là ta và của ta, đã có thì đoạn trừ, đã đoạn trừ thì chứng đắc xả, có lạc, không nhiễm, thứ gì cũng không chấp trước”. Thực hành như thế sẽ do huệ mà thấy dấu vết đạo vô thượng, tịch tịnh, nhưng chưa được chứng ngộ. Tỳ-kheo thực hành như thế sẽ đi đến đâu? Ví như đem sắt đốt cháy hừng hực rồi lấy búa đập, lửa đốm tung lên liên tắt. Nên biết Tỳ-kheo cũng lại như thế, còn chút mạn chưa trừ hết, nhưng năm hạ phần kiết sử đã đoạn hết, chứng Trung Ban Niết-bàn. Đó là

chỗ đi đến của bậc thiện nhân thứ hai. Thế gian thật có người như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo nên thực hành như vậy: “Không có gì là ta và của ta, trong tương lai cũng không có gì là ta và của ta, đã có thì đoạn trừ, đã đoạn trừ thì chứng đắc xả, có lạc, không nhiễm, thứ gì cũng không chấp trước”. Thực hành như thế sẽ do huệ mà thấy dấu vết đạo vô thượng, tịch tịnh, nhưng chưa được chứng ngộ. Tỳ-kheo thực hành như thế sẽ đi đến đâu? Ví như đem sắt đốt cháy hừng hực rồi lấy búa đập, lửa đốm tung lên và rơi trở xuống chưa tới đất liền tắt. Nên biết Tỳ-kheo cũng lại như thế, còn chút ít mạn chưa đoạn hết, nhưng nắm hạ phần kiết đã đoạn, chứng Trung Ban Niết-bàn. Đó là nơi đi đến của bậc thiện nhân thứ ba. Thế gian quả thật có người như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo thực hành nên như vậy: “Không có gì là ta và của ta, trong tương lai cũng không có gì là ta và của ta, đã có thì đoạn trừ, đã đoạn trừ thì chứng đắc xả, có lạc, không nhiễm, thứ gì cũng không chấp trước”. Thực hành như thế sẽ do huệ mà thấy dấu vết đạo vô thượng, tịch tịnh, nhưng chưa được chứng ngộ. Tỳ-kheo thực hành như thế sẽ đi đến đâu? Ví như đem sắt đốt cháy hừng hực rồi lấy búa đập, lửa đốm tung lên

rơi xuống tới đất thì tắt. Nên biết Tỳ-kheo cũng lại như thế, còn chút ít mạn chưa đoạn nhưng năm hạ phần kiết đã đoạn hết, chứng Sanh Ban Niết-bàn. Đó là nơi đi đến của bậc thiện nhân thứ tư. Thế gian thật có người như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo nên thực hành như vậy: “Không có gì là ta và của ta, trong tương lai cũng không có gì là ta và của ta, đã có thì đoạn trừ, đã đoạn trừ thì chứng đắc xả, có lạc, không nhiễm, thứ gì cũng không chấp trước”. Thực hành như thế sẽ do huệ mà thấy dấu vết đạo vô thượng, tịch tịnh, nhưng chưa được chứng ngộ. Tỳ-kheo thực hành như thế sẽ đi đến đâu? Ví như đem sắt đốt cháy hừng hực rồi lấy búa đập, lửa đốm tung lên rớt xuống trên nhúm cỏ liền bốc khói hoặc phụt cháy, vừa cháy liền tắt. Nên biết Tỳ-kheo cũng lại như thế, còn chút ít mạn chưa đoạn, nhưng năm hạ phần kiết đã đoạn hết, chứng Hữu hành Ban Niết-bàn. Đó là chỗ đi đến của bậc thiện nhân thứ năm. Thế gian thật có người như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo nên thực hành như vậy: “Không có gì là ta và của ta, tương lai cũng không có gì là ta và của ta, đã có thì đoạn trừ, đã đoạn trừ thì chứng đắc xả, có lạc, không nhiễm, thứ gì cũng không chấp trước”. Thực hành như thế sẽ do

huệ mà thấy dấu vết đạo vô thượng, tịch tịnh, nhưng chưa được chứng ngộ. Tỳ-kheo thực hành như thế sẽ đi đến đâu? Ví như đem sắt đốt cháy hừng hực rồi lấy búa đập, lửa tung lên, rớt xuống trên đồng củi hay cỏ liên bốc khói hoặc phụt cháy, cháy hết mới tắt. Nên biết Tỳ-kheo cũng lại như thế, còn chút ít mạn chưa đoạn, nhưng năm hạ phần kiết đã đoạn hết, chứng Vô hành Ban Niết-bàn. Đó là nơi đi đến của bậc thiện nhân thứ sáu. Thế gian thật có người như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo nên thực hành như vậy: “Không có gì là ta và của ta, tương lai cũng không có gì là ta và của ta, đã có thì đoạn trừ, đoạn trừ thì chứng đắc xả, có lạc, không nhiễm, thứ gì cũng không chấp trước”. Thực hành như thế sẽ do huệ mà thấy dấu vết đạo vô thượng, tịch tịnh, nhưng chưa được chứng ngộ. Tỳ-kheo thực hành như thế sẽ đi đến đâu? Ví như đem sắt đốt cháy hừng hực rồi lấy búa đập, lửa tung lên, rơi xuống đồng củi hay cỏ liên bốc khói hoặc phụt cháy, cháy lan cả thôn ấp, thành quách, rừng núi, đồng nội, rồi, hoặc đến đường đi, hoặc mé nước, đến đất bằng thì tắt. Nên biết Tỳ-kheo cũng lại như thế, còn chút ít mạn chưa đoạn, nhưng năm hạ phần kiết đã đoạn hết, chứng Thượng lưu A-ca-nị-trá Ban Niết-bàn.

Đó là nơi đi đến của bậc thiện nhân thứ bảy. Thế gian thật có người như vậy.

Vô dư Niết-bàn là gì? Tỳ-kheo nên thực hành như vậy: “Không có gì là ta và của ta, tương lai cũng không có gì là ta và của ta, đã có thì đoạn trừ, đã đoạn trừ thì chứng đắc xả, có lạc, không nhiễm, thứ gì cũng không chấp trước”. Thực hành như thế, do huệ mà thấy dấu vết đạo vô thượng, tịch tịnh và đã được chứng ngộ. Ta nói rằng Tỳ-kheo kia không cần đến phương Đông, không cần đến phương Tây, phương Nam, phương Bắc, bốn góc và trên dưới, mà ngay trong hiện tại chứng được đạo tịch tịnh, diệt độ.

Ta nói về nơi đi đến của bảy bậc thiện nhân và Vô dư Niết-bàn là nhân đó mà nói.

Đức Phật dạy như thế, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

7. KINH THẾ GIAN PHƯỚC

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa Câu-xá-di, ở tại vườn Cù-xá-la. Bấy giờ vào lúc xế trưa, Tôn giả Ma-ha-châu-na từ chỗ nghỉ đứng dậy, đến trước Phật, đến rồi đánh lễ, lui ngồi một bên và thưa rằng:

— Bạch Thế Tôn, Ngài có thể giảng giải cho con về phước thế gian chăng?

Đức Thế Tôn bảo rằng:

— Có thể được, Châu-na, có bảy loại phước thế gian, có phước lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn. Những gì là bảy?.

Này Châu-na, có tín nam hay tín nữ con nhà dòng dõi cúng thí phòng xá, nhà gác cho chúng

Tỳ-kheo; đó là loại phước thế gian thứ nhất có phước lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn.

Lại nữa, Châu-na, có tín nam hay tín nữ con nhà dòng dõi cúng thí giường, tòa, thảm lông, chiếu lông, nệm dạ, ngọc cụ trong các phòng xá. Châu-na, đó là loại phước thế gian thứ hai có phước lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn.

Lại nữa, Châu-na, có tín nam hay tín nữ con nhà dòng dõi cúng thí cháo sáng, cơm trưa cho chúng Tăng ở trong phòng xá, lại cung cấp người làm vườn để sai khiến hoặc khi gió mưa, tuyết lạnh, đích thân đến vườn cúng dường thêm. Các Tỳ-kheo ăn xong, không lo gió mưa, tuyết lạnh thấm ướt y phục để ngày đêm yên ổn tu tập Thiền định. Châu-na, đó là loại phước thế gian thứ bảy có phước lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn.

Châu-na, nếu tín nam hay tín nữ con nhà dòng dõi đã tạo được bảy loại phước thế gian này rồi, thì hoặc đi, hoặc đến, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc ngủ, hoặc thức, hoặc ngày, hoặc đêm, phước ấy vẫn thường sinh, càng lúc càng thêm, càng lúc càng rộng.

Châu-na, ví như nước sông Hằng-già từ nguồn chảy ra, tuôn vào đại hải, ở vào khoảng giữa càng lúc càng sâu, càng lúc càng rộng. Cũng vậy Châu-na, nếu tín nam hay tín nữ con nhà dòng dõi đó đã tạo được bảy loại phước thế gian này rồi thì hoặc đi, hoặc đến, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc ngủ, hoặc thức, hoặc ngày, hoặc đêm, phước ấy thường sinh trưởng, càng lúc càng thêm, càng lúc càng rộng.

Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha-châu-na từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo bên hữu, gối phải sát đất, quỳ xuống chấp tay, bạch rằng:

— Bạch Thế Tôn, Ngài có thể chỉ dạy cho con về phước đức xuất thế gian được chăng?

Đức Thế Tôn bảo rằng:

— Có thể được, Châu-na, lại có bảy loại phước xuất thế gian có phước lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn. Những gì là bảy? — Châu-na, có tín nam hay tín nữ con nhà dòng dõi nghe đức Như Lai, hoặc đệ tử của đức Như Lai du hóa ở xứ nào đó, nghe rồi vui vẻ, trong lòng rất phấn khởi. Châu-na, đó là loại phước xuất thế gian thứ nhất có phước lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn.

Lại nữa, Châu-na, có tín nam hay tín nữ con nhà dòng dõi nghe đức Như Lai hay đệ tử đức Như Lai muốn từ nơi kia đến đây, nghe rồi vui vẻ, trong lòng rất phấn khởi. Châu-na, đó là loại phước xuất thế gian thứ hai có phước lớn, có danh dự lớn, có quả báo lớn, có công đức lớn.

Lại nữa, Châu-na, có tín nam hay tín nữ con nhà dòng dõi nghe đức Như Lai hay đệ tử của đức Như Lai đã từ nơi kia đến đây, nghe rồi vui vẻ, lòng rất phấn khởi, với tâm thanh tịnh đích thân tới thăm viếng, lễ kính, cúng dường, cúng dường xong thọ pháp Ba tự quy, đối với Phật, Pháp, và đại chúng Tỳ-kheo mà thọ giới cấm. Châu-na, đó là loại phước xuất thế gian thứ bảy có phước lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn.

Châu-na, nếu tín nam hay tín nữ con nhà dòng dõi đã tạo được bảy loại phước thế gian và lại có bảy loại phước xuất thế gian này, thì phước của người kia không thể tính được là có bao nhiêu phước, có bao nhiêu kết quả của phước, có bao nhiêu phước báo, chỉ có thể nói là không thể hạn lượng, và không thể biết được số lượng phước đức.

Châu-na, ví như từ châu Diêm-phù, có năm con sông: Một là Hằng-già, hai là Diêu-vưu-na, ba

là Xá-lao-phù, bốn là A-di-la-bà-đề và năm là Ma-xí chảy vào biển lớn, ở khoảng giữa của chúng, không thể tính được số nước là bao nhiêu thăng, hộc, chỉ có thể tính là số nước nhiều không thể hạn, lượng, không thể tính được.

Cũng vậy, Châu-na, nếu tín nam hay tín nữ con nhà dòng dõi đã tạo được bảy phước thế gian, và lại có bảy loại phước xuất thế gian, thì phước của người đó không thể tính được là có bao nhiêu phước, bao nhiêu phước quả, bao nhiêu phước báo, mà chỉ có thể tính là phước ấy nhiều không thể hạn lượng, không thể tính được.

Lúc đó đức Thế Tôn nói bài tụng rằng:

*Con sông Hằng-già,
Trong sạch dễ qua,
Biển nhiều của quý,
Là vua các sông.
Cũng như nước sông,
Người đời kính phụng,
Các sông chảy về,
Đều vào biển lớn.
Cũng vậy, người nào,
Cúng áo, thực phẩm,
Giường chõng, nệm chăn,*

*Và những tọa cụ,
Phước báo không lường,
Đưa đến cõi lành,
Cũng như nước sông,
Tuôn về biển lớn.*

Đức Phật dạy như thế, Tôn giả Ma-ha-châu-na và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

8. KINH THẤT NHẬT

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật du hóa tại nước Bệ-xá-ly, trong vườn cây Nại-thị.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo rằng:

— Tất cả các hành đều vô thường, là pháp không vĩnh cửu, là pháp chóng đổi thay, là pháp không thể nương tựa; các hành như vậy không nên tham đắm mà phải nhàm chán, ghê sợ, nên tìm sự xả ly, nên tìm giải thoát. Vì sao thế? Ví như lúc không mưa, ngay khi không mưa ấy, tất cả cây cối, trăm thứ lúa má cây thuốc đều phải khô héo, gãy nát, chết cả, không thể thường trụ. Vì thế, tất cả các hành đều vô thường, là pháp không vĩnh

cửu, là pháp chóng đổi thay, là pháp không thể nương tựa; các hành như vậy không nên tham đắm mà phải nhàm chán, ghê sợ, nên tìm sự xả ly, nên tìm giải thoát.

Lại nữa, có lúc hai mặt trời cùng xuất hiện. Khi hai mặt trời xuất hiện thì các rãnh, ngòi, sông, lạch đều phải khô cạn, không thể thường trụ. Vì thế, tất cả các hành đều vô thường, là pháp không vĩnh cửu, là pháp chóng đổi thay, là pháp không thể nương tựa; các hành như vậy không nên tham đắm mà phải nhàm chán, ghê sợ, phải tìm sự xả ly, phải tìm sự giải thoát.

Lại nữa, có lúc ba mặt trời cùng xuất hiện. Khi ba mặt trời xuất hiện thì tất cả các dòng sông lớn đều khô cạn, không thể thường trụ. Do đó, tất cả các hành đều vô thường, là pháp không vĩnh cửu, là pháp chóng đổi thay, là pháp không thể nương tựa; các hành như vậy không nên tham đắm mà phải nhàm chán, ghê sợ, nên tìm sự xả ly, nên tìm sự giải thoát.

Lại nữa, có lúc bốn mặt trời xuất hiện. Khi bốn mặt trời cùng xuất hiện thì các dòng suối lớn chảy ra năm con sông lớn trên châu Diêm-phù: Một là Hằng-già, hai là Diêu-vưu-na, ba là Xá-lao-

phù, bốn là A-di-la-bà-đề và năm là Ma-xí, các dòng suối nguồn lớn ấy đều khô cạn cả, không thể thường trụ. Do đó, các hành đều vô thường, là pháp không vĩnh cửu, là pháp chóng đổi thay, là pháp không thể nương tựa; các hành như vậy không nên tham trước mà phải nhàm chán, ghê sợ, nên tìm sự xả ly, nên tìm giải thoát.

Lại nữa, có lúc năm mặt trời xuất hiện. Khi năm mặt trời cùng xuất hiện, thì nước trong biển lớn sụt xuống một trăm do-diên, sụt dần đến bảy trăm do-diên. Khi năm mặt trời cùng xuất hiện như vậy, thì biển có mức nước bảy trăm do-diên sụt dần cho đến một trăm do-diên. Khi năm mặt trời xuất hiện, thì nước trong biển lớn sụt một cây đa-la, sụt dần đến bảy cây đa-la. Khi năm mặt trời cùng xuất hiện, thì những biển có mức nước bảy cây đa-la sụt dần cho đến một cây đa-la. Khi năm mặt trời xuất hiện, nước biển giảm sụt một người, sụt dần cho đến bảy người. Khi năm mặt trời xuất hiện, những biển có mức nước bảy người, giảm dần cho đến một người. Khi năm mặt trời xuất hiện, nước biển giảm cho đến cổ, đến vai, đến lưng, đến háng, đến đầu gối, đến mắt cá cho đến lúc nước biển ráo hết, không đủ chìm một ngón chân. Do đó, tất cả các hành đều vô thường, là pháp không

vĩnh cửu, là pháp chóng thay đổi, là pháp chẳng thể nương tựa; các hành như vậy không nên tham trước mà phải nhàm chán, ghê sợ, nên tìm sự xả ly, nên tìm giải thoát.

Lại nữa, có lúc sáu mặt trời xuất hiện. Khi sáu mặt trời cùng xuất hiện, thì tất cả đại địa và núi chúa Tu-di thấy đều bốc khói, tạo thành một đám khói. Ví như thợ gốm lúc mới nhen bếp; cả thấy đều bốc khói, tạo thành một đám khói. Như vậy, khi sáu mặt trời xuất hiện, thì tất cả đại địa thấy đều bốc khói, tạo thành một đám khói. Do đó, tất cả các hành đều vô thường, là pháp không vĩnh cửu, là pháp chóng đổi thay, là pháp không thể nương tựa; các hành như vậy không nên tham trước mà phải nhàm chán, ghê sợ, nên tìm sự xả ly, nên tìm giải thoát.

Lại nữa, có lúc bảy mặt trời xuất hiện. Khi bảy mặt trời cùng xuất hiện, thì tất cả đại địa và núi chúa Tu-di bỗng phụt cháy bùng bùng, tạo thành ngọn lửa rực rỡ. Như vậy, khi bảy mặt trời cùng xuất hiện, thì tất cả đại địa và núi chúa Tu-di bỗng phụt cháy bùng bùng, tạo thành một ngọn lửa, gió thổi ngọn lửa ấy vươn cao đến trời Phạm thiên. Lúc đó, các vị Trời Hoảng Dục mới sanh lên

cõi này, những vị Trời mới sanh lên cõi này không rõ sự thành bại của thế gian, không thấy sự thành bại của thế gian, không biết sự thành bại của thế gian, khi thấy ngọn lửa vĩ đại đến liền sợ hãi, dựng lông, suy nghĩ như thế này: “Lửa không đến đây được chăng? Lửa không đến đây được chăng?”. Các vị Trời sinh trước đã rõ sự thành bại của thế gian, đã thấy việc thành bại của thế gian, biết sự thành bại của thế gian, khi thấy ngọn lửa vĩ đại, liền an ủi các vị Trời kia rằng: “Chớ nên sợ hãi, lửa cháy chỉ chừng đó, không thể lên đến đây được”.

Khi bảy mặt trời cùng xuất hiện, thì núi chúa Tu-di sụp lở, tán hoại, diệt tận, một trăm do-diên, hai trăm do-diên, ba trăm do-diên, cho đến bảy trăm do-diên. Khi bảy mặt trời cùng xuất hiện, thì núi chúa Tu-di và đại địa này cháy tan, hủy diệt, không còn tro than gì cả. Cũng như đốt dầu bơ, cháy cho tiêu hết, không còn khói đen. Cũng vậy, khi bảy mặt trời cùng xuất hiện, thì núi chúa Tu-di và cõi đại địa này không còn tro than. Do đó, tất cả các hành đều vô thường, là pháp không vĩnh cửu, là pháp chóng thay đổi, là pháp không thể nương tựa. Các hành như vậy không nên tham trước mà phải nhàm chán, ghê sợ, nên tìm sự xả ly, nên tìm giải thoát.

Nay Ta nói cho các Thầy biết, ai có thể tin được rằng, núi chúa Tu-di sẽ sụp đổ? Chỉ có những người thấy được sự thật. Nay Ta nói cho các Thầy biết, ai có thể tin được rằng, nước trong đại hải sẽ khô cạn tất cả? Chỉ có những người đã thấy sự thật. Nay Ta nói cho các Thầy biết, ai có thể tin rằng, tất cả đại địa đều cháy sạch? Chỉ có những người đã thấy sự thật. Vì sao vậy? Nay các Tỳ-kheo, xưa có vị đại sư tên là Thiện Nhân, là bậc tôn sư của các tiên nhân ngoại đạo, xả ly dục và ái, chứng như ý túc. Đại sư Thiện Nhân có vô lượng trăm ngàn đệ tử. Đại sư Thiện Nhân dạy pháp Phạm thể cho các đệ tử. Khi đại sư Thiện Nhân dạy pháp Phạm thể cho các đệ tử, thì trong số đệ tử đó, có người phụng hành không đầy đủ pháp ấy; người ấy sau khi mạng chung hoặc sanh lên cõi Tứ thiên vương hoặc Tam thập tam thiên, hoặc trời Diệm-ma hoặc sinh lên trời Đâu-suất-dà hoặc sinh lên trời Hóa lạc, hoặc sinh lên trời Tha hóa lạc.

Nếu khi đại sư Thiện Nhân dạy pháp Phạm thể, mà trong số đệ tử đó, có ai phụng hành đầy đủ pháp ấy, thì người ấy phải tu bốn phạm thất, xả ly các dục; sau khi mạng chung, người ấy sanh lên trời Phạm thiên. Lúc đó, đại sư Thiện Nhân nghĩ thế này: “Ta không nên cùng với các đệ tử

cùng sanh chung một nơi nào vào đời sau. Nay ta hãy tu thêm tăng thượng từ, sau khi tu tăng thượng từ rồi, mạng chung sẽ được sinh lên trời Hoãn dục”.

Đại sư Thiện Nhân liền sau đó tu thêm tăng thượng từ, sau khi tu tăng thượng từ, mạng chung được sinh lên trời Hoãn dục. Đại sư Thiện Nhân và các đệ tử học đạo không uống công, đạt được quả báo lớn. Nay các Tỳ-kheo, các Thầy nghĩ sao? Xưa kia đại sư Thiện Nhân được hàng tiên nhân ngoại đạo cung kính, như là bậc thầy, xả ly ái dục, chứng như ý túc; các Thầy cho là người nào khác chăng? Chớ nghĩ như vậy. Nên biết, đó là Ta vậy. Vào thời đó Ta là Thiện Nhân đại sư, được tiên nhân ngoại đạo tôn kính như bậc thầy, xả ly ái dục, chứng như ý túc; lúc đó Ta có vô lượng trăm ngàn đệ tử, Ta dạy pháp Phạm thế cho các đệ tử. Khi Ta dạy pháp Phạm thế, nếu trong số đệ tử có người không phụng hành đầy đủ pháp ấy, thì người ấy sau khi mạng chung hoặc sinh lên trời Tứ thiên vương, hoặc sinh lên Tam thập tam thiên, hoặc sinh lên trời Diêm-ma, hoặc sinh lên trời Đâu-suất-đà, hoặc sinh lên trời Hóa lạc, hoặc sinh lên trời Tha hóa lạc. Khi Ta dạy pháp Phạm thế, nếu trong hàng đệ tử, có người phụng hành đầy đủ pháp ấy,

tu bốn phạm thất, xả ly các dục, thì người đó đến khi mạng chung được sinh lên trời Phạm thiên. Lúc đó, Ta nghĩ thế này: “Ta không nên cùng với các đệ tử sinh chung một nơi vào đời sau. Nay Ta hãy tu thêm tăng thượng từ. Sau khi tu tăng thượng từ, mạng chung được sinh lên trời Hoãn dục.” Sau đó, Ta lại tu thêm tăng thượng từ, sau khi tu tăng thượng từ, mạng chung được sinh lên trời Hoãn dục. Thời ấy, Ta và các đệ tử học đạo không hưởng, được quả báo lớn. Thời ấy, Ta thân hành đạo này vì lợi ích cho mình và lợi ích kẻ khác, làm lợi ích cho mọi người, xót thương thế gian, vì Trời và Người mà tìm cầu nghĩa, và sự lợi ích, tìm sự an ổn và khoái lạc. Lúc bấy giờ, Ta nói pháp chưa đến chỗ rốt ráo, không rốt ráo bạch tịnh, không rốt ráo phạm hạnh. Vì không rốt ráo phạm hạnh, nên bấy giờ Ta không xa lìa được sanh, lão, bệnh, tử, than khóc, buồn rầu, cũng chưa thể thoát được tất cả khổ não.

Này các thầy Tỳ-kheo, nay Ta là bậc Xuất Thế, là Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, là bậc Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, gọi là Phật, là đáng Chúng Hựu.

Nay Ta đã làm lợi ích cho chính mình cũng làm lợi ích cho kẻ khác, làm lợi ích cho mọi người, xót thương thế gian, vì Trời và Người mà tìm nghĩa và sự lợi ích, tìm sự an ổn khoái lạc. Nay Ta thuyết pháp đã đạt đến chỗ rốt ráo, rốt ráo bạch tịnh, rốt ráo phạm hạnh. Do rốt ráo phạm hạnh, Ta nay đã lìa khỏi sanh, lão, bệnh, tử, khóc than, buồn rầu. Nay Ta đã được giải thoát mọi khổ não.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, các Tỳ-kheo ấy, sau khi nghe xong, hoan hỷ phụng hành.

9. KINH THẤT XÁ

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật du hóa tại thành Vương Xá, trong tinh xá Trúc Lâm, cùng an cư mùa mưa với đại chúng Tỳ-kheo.

Tôn giả Mãn Từ Tử cũng an cư mùa mưa tại sinh quán mình. Lúc bấy giờ, các Tỳ-kheo địa phương, sau khi đã trải qua ba tháng an cư mùa mưa, sửa sang lại các y đã xong, xếp y cầm bát, từ sinh quán đi về phía thành Vương Xá, lần lượt đi về phía trước đến thành Vương Xá, ở trong tinh xá Trúc Lâm, tại thành Vương Xá.

Bấy giờ các Tỳ-kheo địa phương tới trước đức Thế Tôn, cúi đầu lễ bái, rồi ngồi sang một bên. Đức Thế Tôn hỏi rằng:

— Các Tỳ-kheo, các Thầy từ đâu đến đây?
An cư mùa mưa ở đâu?

Các Tỳ-kheo địa phương ấy thưa:

— Bạch Thế Tôn, chúng con từ sinh quán đến đây và an cư mùa mưa tại sinh quán.

Đức Thế Tôn hỏi:

— Trong các Thầy Tỳ-kheo địa phương đây, có Tỳ-kheo nào được các Tỳ-kheo khen ngợi là tự mình thiếu dục, tri túc và khen ngợi thiếu dục, tri túc, tự mình nhân cư và khen ngợi nhân cư, tự mình tinh tấn và khen ngợi tinh tấn, tự mình chánh niệm và khen ngợi chánh niệm, tự mình nhất tâm và khen ngợi nhất tâm, tự mình có trí tuệ và khen ngợi trí tuệ, tự mình lậu tận và khen ngợi lậu tận, tự mình khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ và khen ngợi khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ chăng?

Các Tỳ-kheo địa phương thưa:

— Bạch Thế Tôn, Tôn giả Mãn Từ Tử ở nơi sinh quán của mình được các Tỳ-kheo cùng khen ngợi là, tự mình thiếu dục, tri túc và khen ngợi thiếu dục, tri túc, tự mình nhân cư và khen ngợi nhân cư, tự mình tinh tấn và khen ngợi tinh tấn,

tự mình chánh niệm và khen ngợi chánh niệm, tự mình nhất tâm và khen ngợi nhất tâm, tự mình có trí tuệ và khen ngợi trí tuệ, tự mình lậu tận và khen ngợi lậu tận, tự mình khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ và khen ngợi khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Xá-lê Tử ngồi giữa đại chúng, Tôn giả Xá-lê Tử suy nghĩ như vậy: “Đức Thế Tôn đúng theo pháp mà hỏi các Tỷ-kheo địa phương. Các Tỷ-kheo địa phương vô cùng khen ngợi hiền giả Mãn Từ Tử là tự mình thiếu dục, tri túc và khen ngợi thiếu dục, tri túc, tự mình nhàn cư và khen ngợi nhàn cư, tự mình tinh tấn và khen ngợi tinh tấn, tự mình chánh niệm và khen ngợi chánh niệm, tự mình nhất tâm và khen ngợi nhất tâm, tự mình có trí tuệ và khen ngợi trí tuệ, tự mình lậu tận và khen ngợi lậu tận, tự mình khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ và khen ngợi khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ”.

Tôn giả Xá-lê Tử lại suy nghĩ như vậy: “Biết lúc nào ta mới được gặp gỡ hiền giả Mãn Từ Tử để hỏi một vài nghĩa lý. Hiền giả ấy thật có thể nghe và trả lời những điều ta hỏi.”

Bấy giờ đức Thế Tôn, sau khi trải qua ba tháng an cư mùa mưa ở thành Vương Xá, đã sửa sang lại các y, Ngài xếp y, ôm bát từ thành Vương Xá đi đến nước Xá-vệ, lần lượt tiến về phía trước, đến nước Xá-vệ, rồi ở trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Tôn giả Xá-lê Tử và các Tỳ-kheo địa phương cùng ở lại Vương Xá vài ngày, rồi xếp y, ôm bát đi đến nước Xá-vệ, lần lượt tiến về phía trước, đến nước Xá-vệ cùng ở tại rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Mãn Từ Tử ở tại sinh quán mình, sau khi trải qua ba tháng an cư mùa mưa, đã sửa sang lại các y, xếp y, ôm bát, từ quê quán mình, đi đến nước Xá-vệ, lần lượt tiến về phía trước đến nước Xá-vệ cùng ở trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Tôn giả Mãn Từ Tử đến chỗ đức Thế Tôn, cúi đầu lễ bái rồi trải ni-sự-dàn mà ngồi kiết-già trước Như Lai.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lê Tử hỏi các Tỳ-kheo khác rằng:

— Này chư Hiền, vị nào là hiền giả Mãn Từ Tử?

Các Tỳ-kheo thưa:

— Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, vị ngồi trước đức Như Lai, trắng trẻo, mũi cao như mỏ chim oanh vũ, là vị ấy.

Tôn giả Xá-lê Tử đã biết dáng mặt Mãn Từ Tử, liền ghi nhớ kỹ. Tôn giả Mãn Từ Tử, sau đêm đó đến sáng mai, khoác y, cầm bát, đi vào Xá-vệ để khát thực. Sau khi ăn xong, Tôn giả lại cất y bát, rửa tay chân, vắt ni-sư-dàn trên vai, đến rừng An-đà, là nơi kinh hành. Tôn giả Xá-lê Tử cũng qua đêm đó, đến sáng mai, khoác y, cầm bát đi vào Xá-vệ để khát thực. Sau khi ăn trưa xong, Tôn giả lại cất y bát, rửa tay chân, vắt ni-sư-dàn trên vai, đi đến rừng An-đà, là nơi kinh hành. Bấy giờ Tôn giả Mãn Từ Tử đến rừng An-đà, trải ni-sư-dàn dưới một gốc cây, ngồi kiết-già. Tôn giả Xá-lê Tử cũng đến rừng An-đà, cách Tôn giả Mãn Từ Tử không xa, trải ni-sư-dàn dưới một gốc cây, ngồi kiết-già. Tôn giả Xá-lê Tử vào lúc xế chiều, từ chỗ ngồi nghỉ, đứng dậy, đi đến chỗ Mãn Từ Tử, cùng chào hỏi nhau rồi ngồi sang một bên và hỏi Tôn giả Mãn Từ Tử:

— Này Hiền giả, Ngài theo Sa-môn Cù-đàm tu phạm hạnh chăng?

— Đúng như vậy.

— Nay Hiền giả, vì lý do gì? Có phải vì để giới được thanh tịnh nên Ngài theo Sa-môn Cù-đàm tu phạm hạnh chăng?

— Thưa không phải vậy.

— Vì để tâm được thanh tịnh, để kiến được thanh tịnh, để nghi cái được thanh tịnh, để đạo phi đạo tri kiến được thanh tịnh, để đạo tích tri kiến được thanh tịnh, để đạo tích đoạn tri được thanh tịnh, nên Ngài theo Sa-môn Cù-đàm tu phạm hạnh chăng?

Tôn giả Mãn Từ Tử đáp:

— Không phải vậy.

Tôn giả Xá-lê Tử lại hỏi:

— Tôi vừa hỏi Hiền giả rằng: “Có phải Ngài theo Sa-môn Cù-đàm tu phạm hạnh chăng?” thì Ngài đáp rằng: “Đúng vậy”; rồi tôi hỏi Ngài rằng: “Có phải vì để giới được thanh tịnh nên Ngài theo Sa-môn Cù-đàm tu phạm hạnh chăng?” Ngài lại đáp rằng: “Không phải vậy”. Tôi lại hỏi: “Có phải vì để tâm được thanh tịnh, để kiến được thanh tịnh, để nghi cái được thanh tịnh để đạo phi đạo tri kiến được thanh tịnh, để đạo tích tri kiến được

thanh tịnh, để đạo tích đoạn trí được thanh tịnh, nên Ngài theo Sa-môn Cù-đàm tu phạm hạnh chăng?" Ngài cũng lại đáp rằng: "Không phải vậy". Nhưng theo ý nghĩa nào mà Ngài theo Sa-môn Cù-đàm tu phạm hạnh?

Tôn giả Mãn Từ Tử đáp:

— Nay Hiền giả, vì Vô dư Niết-bàn vậy.

Tôn giả Xá-lê Tử hỏi:

— Nay Hiền giả, có phải vì để giới được thanh tịnh nên Sa-môn Cù-đàm giảng dạy Vô dư Niết-bàn chăng?

— Không phải vậy.

— Có phải vì để tâm được thanh tịnh, để kiến được thanh tịnh, để nghi cái được thanh tịnh, để đạo phi đạo tri kiến được thanh tịnh, để đạo tích tri kiến được thanh tịnh, để đạo tích đoạn trí được thanh tịnh nên Sa-môn Cù-đàm giảng dạy Vô dư Niết-bàn chăng?

— Không phải vậy.

Tôn giả Xá-lê Tử lại hỏi:

— Tôi vừa hỏi Hiền giả: "Nay Hiền giả, có phải vì để giới được thanh tịnh nên Sa-môn

Cù-dàm giảng dạy Vô dư Niết-bàn chẳng?” Hiền giả đáp rằng: “Không phải”. Tòì hỏi: “Có phải vì để tâm được thanh tịnh, để tri kiến được thanh tịnh, để nghi cái được thanh tịnh, để đạo phi đạo tri kiến được thanh tịnh, để đạo tích tri kiến được thanh tịnh, để đạo tích đoạn trí được thanh tịnh nên Sa-môn Cù-dàm giảng dạy Vô dư Niết-bàn chẳng?” Hiền giả cũng đáp: “Không phải.” Vậy những điều Hiền giả nói, có ý nghĩa gì? Làm thế nào để biết được?

Tôn giả Mãn Từ Tử đáp:

— Đây Hiền giả, nếu vì để giới được thanh tịnh mà Thế Tôn, Sa-môn Cù-dàm giảng dạy Vô dư Niết-bàn, thì tức là lấy hữu dư mà gọi vô dư; nếu vì để tâm được thanh tịnh, để tri kiến được thanh tịnh, để nghi cái được thanh tịnh, để đạo phi đạo tri kiến được thanh tịnh, để đạo tích tri kiến được thanh tịnh, để đạo tích đoạn trí được thanh tịnh mà đức Thế Tôn, Sa-môn Cù-dàm giảng dạy Vô dư Niết-bàn, thì tức là lấy hữu dư mà gọi vô dư.

Này Hiền giả, nếu là pháp đó mà đức Thế Tôn giảng dạy Vô dư Niết-bàn, thì người phạm phu cũng sẽ được Bát-niết-bàn, bởi vì phạm phu cũng xa là pháp đó.

Này Hiền giả, nhưng vì giới thanh tịnh nên tâm được thanh tịnh; vì tâm thanh tịnh, nên tri kiến được thanh tịnh; vì tri kiến thanh tịnh, nên nghi cái được thanh tịnh; vì nghi cái thanh tịnh nên đạo phi đạo tri kiến được thanh tịnh; vì đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh nên đạo tích tri kiến được thanh tịnh; vì đạo tích tri kiến thanh tịnh nên đạo tích đoạn trí được thanh tịnh; vì đạo tích đoạn trí thanh tịnh nên đức Thế Tôn, Sa-môn Cù-dàm giảng dạy Vô dư Niết-bàn.

Hiền giả, xin hãy nghe thêm. Xưa, vua xứ Câu-tát-la là Ba-tư-nặc, ở nước Xá-vệ có đại sự ở xứ Bà-kê-đế. Nhà vua suy nghĩ như vậy: “Dùng phương tiện gì để trong một ngày đi từ Xá-vệ đến Bà-kê-đế được?”. Lại nghĩ thế này: “Nay ta nên từ Xá-vệ đến Bà-kê-đế, ở giữa quảng đường đó, sắp đặt bảy cỗ xe.” Bấy giờ từ Xá-vệ đến Bà-kê-đế, ở quảng giữa đó, vua bố trí bảy cỗ xe. Bố trí bảy cỗ xe xong, từ Xá-vệ nhà vua đi đến cỗ xe thứ nhất, ngồi trên cỗ xe thứ nhất đi đến cỗ xe thứ hai, bỏ cỗ xe thứ nhất; cưỡi cỗ xe thứ hai đến cỗ xe thứ ba, bỏ cỗ xe thứ hai; ngồi cỗ xe thứ ba đến cỗ xe thứ tư, bỏ cỗ xe thứ ba; ngồi cỗ xe thứ tư đến cỗ xe thứ năm, bỏ cỗ xe thứ tư; ngồi cỗ xe thứ năm đến cỗ xe thứ sáu, bỏ cỗ xe thứ năm; ngồi cỗ xe thứ

sáu đến cỗ xe thứ bảy; bỏ cỗ xe thứ sáu ngồi cỗ xe thứ bảy, trong một ngày mà đến Bà-kê-đế. Vua ở tại Bà-kê-đế, sau khi lo làm xong đại sự, ngồi trong chánh điện của nhà vua, với các đại thần vây quanh. Quân thần tâu rằng:

“— Tâu Thiên vương, có phải chỉ trong một ngày mà Thiên vương đi từ Xá-vệ đến Bà-kê-đế?

Vua nói:

“— Đúng vậy.

“— Tâu Thiên vương, có phải Ngài chỉ ngồi trên một cỗ xe mà trong một ngày đi từ Xá-vệ đến Bà-kê-đế?

Vua nói:

“— Không phải vậy.

“— Có phải Ngài ngồi trên cỗ xe thứ hai, cỗ xe thứ ba, cho đến cỗ xe thứ bảy từ Xá-vệ đến Bà-kê-đế chăng?”

Vua nói:

“— Không phải vậy.”

— Nay Hiền giả, nếu quân thần lại hỏi nữa, Ba-tư-nặc, quốc vương xứ Câu-tát-la sẽ đáp thế

nào?. Có phải vua trả lời cho quần thần rằng: "Ta ở Xá-vệ, vì có đại sự ở Bà-kê-đế, ta nghĩ thế này: "Dùng phương tiện gì để trong một ngày có thể đi từ Xá-vệ đến Bà-kê-đế được?" Ta lại nghĩ thế này: "Nay ta nên từ Xá-vệ đến Bà-kê-đế ở quãng giữa đoạn đường đó, bố trí bảy cỗ xe." Rồi thì, ta từ Xá-vệ đến Bà-kê-đế, giữa đoạn đường ấy, ta bố trí bảy cỗ xe, bố trí xong, từ nước Xá-vệ ra đi đến cỗ xe thứ nhất; ngồi cỗ xe thứ nhất đến cỗ xe thứ hai, bỏ cỗ xe thứ nhất; ngồi cỗ xe thứ hai đến cỗ xe thứ ba, bỏ cỗ xe thứ hai; ngồi cỗ xe thứ ba đến cỗ xe thứ tư, bỏ cỗ xe thứ ba; ngồi cỗ xe thứ tư đến cỗ xe thứ năm, bỏ cỗ xe thứ tư; ngồi cỗ xe thứ năm đến cỗ xe thứ sáu, bỏ cỗ xe thứ năm; ngồi cỗ xe thứ sáu đến cỗ xe thứ bảy, bỏ cỗ xe thứ sáu; ngồi cỗ xe thứ bảy ấy trong vòng một ngày đến Bà-kê-đế".

— Thưa Hiền giả, Ba-tư-nặc, vua xứ Câu-tát-la trả lời câu hỏi của quần thần như vậy.

Cũng vậy, thưa Hiền giả, vì giới thanh tịnh nên tâm được thanh tịnh, vì tâm thanh tịnh nên tri kiến được thanh tịnh, vì tri kiến thanh tịnh nên nghi cái được thanh tịnh, vì nghi cái thanh tịnh nên đạo phi đạo tri kiến được thanh tịnh, vì đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh nên đạo tích tri

kiến được thanh tịnh, vì đạo tích trí kiến thanh tịnh nên đạo tích đoạn trí được thanh tịnh, vì đạo tích đoạn trí thanh tịnh nên đức Thế Tôn giảng dạy Vô dư Niết-bàn.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lê Tử hỏi Tôn giả Mãn Từ Tử:

— Tôn hiệu của Hiền giả là gì? Các người phạm hạnh gọi Hiền giả như thế nào?

Tôn giả Mãn Từ Tử trả lời rằng:

— Thân phụ tôi tên Mãn, thân mẫu tôi tên Từ; do đó, các Phạm hạnh gọi tôi là Mãn Từ Tử.

Tôn giả Xá-lê Tử tán thán rằng:

— Lành thay, lành thay! Hiền giả Mãn Từ Tử là đệ tử của đức Như Lai, những gì phải làm, những điều trí biện, thấy đều thông minh, quyết định, an lạc, vô úy, thành tựu chế ngự, đạt đến đại biện tài, được phước cam lồ, trong cõi cam lồ, tự mình đã chứng ngộ, thành tựu và an trú; những điều này khi đem hỏi Hiền giả thấy đều được trả lời bằng những ý nghĩa vô cùng sâu xa. Cho nên, Hiền giả Mãn Từ Tử, những người phạm hạnh sẽ được nhiều lợi ích, nếu gặp được Hiền giả Mãn Từ Tử, tùy thời mà thăm viếng, tùy thời mà lễ bái.

Nay tôi cũng được lợi ích, tùy thời mà thăm viếng, tùy thời mà lễ bái. Những người tu phạm hạnh nên quán y lên đầu mà đội Hiền giả Mãn Từ Tử để được nhiều lợi ích, nay tôi cũng được nhiều lợi ích, tùy thời mà thăm viếng, tùy thời mà lễ bái.

Tôn giả Mãn Từ Tử hỏi Tôn giả Xá-lê Tử:

— Hiền giả tôn hiệu là gì? Các Phạm hạnh gọi Hiền giả như thế nào?

Tôn giả Xá-lê Tử trả lời rằng:

— Tôi tự là Ưu-ba-đề-xá, thân mẫu tôi tên Xá-lê, nên những người phạm hạnh gọi tôi là Xá-lê Tử.

Tôn giả Mãn Từ Tử tán thán rằng:

— Hôm nay tôi từng bàn luận với đệ tử đức Thế Tôn mà không biết, cùng với bậc Đệ nhị tôn luận bàn mà không biết nhau, cùng với vị Pháp tướng luận bàn mà không biết, cùng với bậc đệ tử chuyển lại pháp luân đã chuyển luận bàn mà không biết. Nếu tôi biết Ngài là Tôn giả Xá-lê Tử thì tôi đã không thể trả lời nổi một câu, huống gì lại bàn luận sâu xa như thế. Lành thay, lành thay! Tôn giả Xá-lê Tử, Ngài là đệ tử đức Như Lai. Những điều cần phải làm, những điều trí biện, thấy đều thông

minh quyết định, an ổn, vô úy, thành tựu chế ngự, đạt đến đại biện tài, được phương cam lồ, trong cõi cam lồ, tự mình đã chứng ngộ, thành tựu và an trụ. Tôn giả đã hỏi những điều này rất sâu xa, rất sâu xa! Tôn giả Xá-lê Tử, các Phạm hạnh sẽ được lợi ích lớn, nếu gặp tôn giả Xá-lê Tử, tùy thời mà thăm viếng, tùy thời mà lễ bái. Nay tôi cũng được nhiều lợi ích, tùy thời mà thăm viếng, tùy thời mà lễ bái. Các người phạm hạnh phải quán y trên đầu mà đợi tôn giả Xá-lê Tử để được nhiều lợi ích. Nay tôi cũng được nhiều lợi ích, tùy thời mà thăm viếng, tùy thời mà lễ bái.

Hai vị Hiền giả, khen ngợi nhau như vậy, cùng khen ngợi nhau như vậy rồi hoan hỷ phụng hành và từ chỗ ngồi đứng dậy, trở về chỗ nghỉ của mình.

10. KINH LẬU TẬN

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật du hóa ở Câu-lâu-sấu, tại đô ấp Kiêm-ma-sắc-đàm-câu-lâu.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Do tri, do kiến mà các lậu tận diệt, chứ không phải do không tri, không kiến. Sao gọi là do tri, do kiến mà các lậu tận diệt? Do có chánh tư duy và không chánh tư duy. Nếu không chánh tư duy thì dục lậu chưa sinh sẽ phát sinh, đã phát sinh liền tăng trưởng; hữu lậu, vô minh lậu chưa sinh sẽ phát sinh, đã phát sinh liền tăng trưởng. Nếu có chánh tư duy thì dục lậu chưa sinh sẽ không phát sinh, đã sinh liền tiêu diệt; hữu lậu

và vô minh lậu chưa sinh thì không phát sinh, đã sinh liền tiêu diệt. Nhưng người phàm phu ngu si, không nghe Chánh pháp, không được gặp bậc chơn tri thức, không biết Thánh pháp, không điều ngự Thánh pháp, không biết pháp như thật. Nếu không có chánh tư duy, do đó dục lậu chưa sanh sẽ phát sanh, đã phát sanh thì tăng trưởng; hữu lậu và vô minh lậu chưa sanh sẽ phát sanh, đã sanh liền tăng trưởng. Nếu có chánh tư duy, dục lậu chưa sanh sẽ không phát sanh, đã phát sanh liền tiêu diệt; hữu lậu và vô minh lậu chưa sanh thì không phát sinh, đã phát sinh liền tiêu diệt. Vì không biết pháp như thật, do đó pháp không nên niệm lại niệm, pháp nên niệm lại không niệm. Vì pháp không nên niệm lại niệm và pháp nên niệm lại không niệm nên dục lậu chưa sanh sẽ phát sanh, đã sanh liền tăng trưởng; hữu lậu và vô minh lậu chưa sanh sẽ phát sanh, đã sanh liền tăng trưởng. Thánh đệ tử đã văn được nghe Chánh pháp, gặp bậc chơn tri thức, điều ngự Thánh pháp, biết pháp như thật. Nếu không có chánh tư duy, dục lậu chưa sanh sẽ phát sanh, đã sanh liền tăng trưởng; hữu lậu và vô minh lậu chưa sanh sẽ phát sanh, đã sanh liền tăng trưởng. Nếu có chánh tư duy, dục lậu chưa sanh sẽ không phát sanh, đã sanh liền

tiêu diệt; hữu lậu và vô minh lậu chưa sanh sẽ không phát sanh, đã sanh liền tiêu diệt. Khi đã biết như thật về các pháp, pháp không nên niệm sẽ không niệm, pháp nên niệm liền niệm. Vì pháp không nên niệm thì không niệm và pháp nên niệm liền niệm nên dục lậu chưa sanh sẽ không sanh, đã sanh liền tiêu diệt; hữu lậu và vô minh lậu chưa sanh thì không sanh, đã sanh liền tiêu diệt.

Có bảy pháp đoạn trừ lậu, phiền não, buồn rầu. Những gì là bảy? Hữu lậu được đoạn bởi kiến, hữu lậu được đoạn bởi hộ, hữu lậu được đoạn bởi ly, hữu lậu được đoạn bởi dụng, hữu lậu được đoạn bởi nhẫn, hữu lậu được đoạn bởi trừ, hữu lậu được đoạn bởi tư duy. Thế nào là hữu lậu được đoạn trừ bởi kiến? Kẻ phàm phu ngu si không nghe Chánh pháp, không được gặp bậc chơn tri thức, không biết thánh pháp, không điều ngự Thánh pháp, không biết như thật về pháp, vì không có chánh tư duy nên suy nghĩ thế này: “Ta có đời quá khứ, hay ta không có đời quá khứ? Do nhân gì ta có đời quá khứ, và ta có đời quá khứ như thế nào? Ta có đời vị lai hay ta không có đời vị lai? Do nhân gì ta có đời vị lai và ta có đời vị lai như thế nào? Tự nghĩ thân ta là gì? Nó là thế nào? Nay chúng sanh này từ đâu mà đến, và sẽ đi về đâu?

Trước kia do nhân gì mà có, và sẽ do nhân gì mà có?" Người kia khởi tư duy không chánh như vậy rồi, trong sáu tà kiến, tùy theo đó, một tà kiến thấy là ngã". Hoặc một tà kiến khởi lên cho rằng: "Ngã thấy là phi ngã". Hoặc một tà kiến khởi lên cho rằng: "Không phải ngã thấy là ngã". Một tà kiến khởi lên cho rằng: "Chính ngã ấy có thể nói, có thể biết, có thể hành động, có thể sai hành động, có thể đứng dậy, có thể sai đứng dậy, sanh vào nơi này, nơi kia, thọ lãnh thiện báo, ác báo, quyết không từ đâu đến, quyết không phải đã có, quyết không phải sẽ có". Đó là tệ tập của tà kiến.

Bị tà kiến lay động, bị kiết sử tà kiến buộc chặt, kẻ phạm ngu si vì thế mà phải bị sanh, già, bệnh, chết. Đa văn Thánh đệ tử được nghe Chánh pháp, gặp bậc chơn tri thức, điều ngự Thánh pháp, biết như thật về pháp, biết như chơn về Khổ, biết Khổ tập, biết Khổ diệt và biết như chơn về Khổ diệt đạo. Biết như thật như thế rồi, ba kiết tận trừ. Khi ba kiết, thân kiến, giới thủ, nghi đã trừ hết, chứng quả Tu-đà-hoàn, không còn dọa lạc ác pháp, chắc chắn thẳng tiến đến chánh giác, thọ

sanh tối đa bảy đời trong nhân gian hay thiên thượng. Sau bảy lần qua lại, liền chứng đắc khổ tế. Nếu không có tri kiến thì phát sinh phiền não, buồn rầu, có tri kiến thì không phát sinh phiền não, buồn rầu. Đó là hữu lậu được đoạn bởi kiến.

Hữu lậu được đoạn trừ bởi hộ là gì?. Này Tỳ-kheo, khi mắt thấy sắc, nếu có phòng hộ nhãn căn thì sẽ do chánh tư duy mà quán bất tịnh vậy; nếu không phòng hộ nhãn căn, thì sẽ do không chánh tư duy mà quán tịnh; nếu không phòng hộ thì sinh phiền não, ưu buồn; nếu có phòng hộ thì không sinh phiền não ưu buồn. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân hay ý biết pháp mà có phòng hộ ý căn, thì sẽ do chánh tư duy mà quán bất tịnh; nếu không phòng hộ ý căn, thì sẽ do không chánh tư duy mà quán tịnh; nếu không phòng hộ thì sanh phiền não, ưu buồn; nếu có phòng hộ thì không sanh phiền não, ưu buồn. Đó là hữu lậu được đoạn trừ bởi hộ.

Hữu lậu được đoạn trừ bởi ly là gì?. Này Tỳ-kheo, khi thấy voi dữ thì nên xa lánh, ngựa dữ, trâu dữ, chó dữ, rắn độc, đường hiểm, hầm hố, nhà tiêu, sông ngòi, suối sâu, núi dốc, ác tri thức, ác bằng hữu, ác ngoại đạo, làng mạc hung ác, nơi cư trú hung dữ, hoặc ở chung một chỗ với các người

phạm hạnh, người không nghi ngờ mà khiến nghi ngờ thì nên xa lánh. Là Tỷ-kheo phải nên xa lánh ác tri thức, ác bằng hữu, ác ngoại đạo, làng mạc hung ác, nơi cư trú hung dữ, hoặc ở chung một chỗ với các người phạm hạnh, người không nghi ngờ mà khiến nghi ngờ, hãy nên xa lánh tất cả, nếu không xa lánh thì sẽ sanh khởi phiền não, ưu sầu; nếu xa lánh thì không phát sanh phiền não ưu sầu. Đó là hữu lậu được đoạn trừ bởi ly.

Hữu lậu được đoạn trừ bởi dụng là gì? Đây Tỷ-kheo, khi thọ dụng y phục, chẳng phải để mưu lợi, chẳng phải để kiêu hãnh, chẳng phải để trang sức mà vì muối mòng, gió mưa, lạnh nóng và vì hổ thẹn. Khi thọ dụng đồ ăn uống, chẳng phải vì mưu lợi, chẳng phải để kiêu hãnh, chẳng phải để mập béo mà vì để làm cho thân thể ở đời lâu dài mà diệt trừ phiền não ưu buồn, vì để thực hành phạm hạnh, vì muốn cho bệnh cũ tiêu trừ đừng sanh bệnh mới, và vì để sống lâu an ổn, không bệnh hoạn. Khi thọ dụng nhà cửa, phòng xá, giường nệm, ngọa cụ, không phải để mưu lợi, chẳng phải để kiêu hãnh, chẳng phải để trang sức mà chỉ để lúc mệt mỏi có nơi an nghỉ, để có nơi tĩnh tọa. Khi thọ dụng thuốc thang, không phải để mưu lợi, chẳng phải để kiêu hãnh, không phải để mập béo

mà chỉ để trừ bệnh hoạn, để điều hòa mạng căn, để an ổn không bệnh. Nếu không thọ dụng những thứ ấy thì sẽ sinh phiền não, ưu sầu, còn thọ dụng thì không sanh phiền não, ưu sầu. Đó là hữu lậu được đoạn trừ bởi dụng.

Hữu lậu được đoạn trừ bởi nhẫn là gì? Đây Tỳ-kheo, hãy tinh tấn đoạn ác và bất thiện, tu tập thiện pháp. Thường khởi tưởng, chuyên tâm tinh cần; thân thể, da, thịt, gân, xương, máu, tủy thà để khô kiệt tất cả chứ không bỏ tinh tấn, phải đạt được mục đích mong muốn mới xả sự tinh tấn. Đây Tỳ-kheo, lại nên chịu đựng sự đói khát, lạnh nóng, muỗi mòng, ruồi, bọ chét, chấy; dù mưa gió hay mặt trời bức bách, bị lời dữ, bị đánh đập cũng đều có thể nhẫn chịu được; dù thân mang bệnh tật rất là đau đớn đến nỗi gần muốn tuyệt mạng và những điều không thể ưa vui được; tất cả đều chịu đựng được. Nếu không nhẫn chịu thì sinh khởi phiền não, ưu buồn; nếu nhẫn chịu được thì không sinh khởi phiền não, ưu buồn. Đó là hữu lậu được đoạn trừ bởi nhẫn.

Hữu lậu được đoạn trừ bởi trừ là gì? Đây Tỳ-kheo, nếu sanh khởi dục niệm mà không trừ đoạn, hay xả ly, sanh nhuế niệm, hại niệm mà không đoạn trừ, xả ly thì sanh khởi phiền não, ưu

buồn; nếu trừ diệt thì không sanh khởi phiền não ưu buồn. Đó là hữu lậu được đoạn trừ bởi trừ.

Hữu lậu được đoạn trừ bởi tư duy là gì? Nay Tỳ-kheo, hãy tư duy về giác chi thứ nhất là Niệm, y ly, y vô dục, y diệt tận, thẳng đến xuất yếu, Trạch pháp, Tinh tấn, Hỷ, Túc, Định, cho đến tư duy, về giác chi thứ bảy là Xả, y ly, y vô dục, y diệt tận, thẳng đến xuất yếu. Nếu không tư duy thì sanh khởi phiền não, ưu sầu, còn có tư duy thì không sanh phiền não, ưu buồn. Đó là hữu lậu được đoạn trừ bởi tư duy.

Nếu có thầy Tỳ-kheo nào phải đoạn hữu lậu bởi kiến thì vị ấy dùng kiến để đoạn; phải đoạn hữu lậu bởi hộ thì dùng hộ để đoạn; phải đoạn hữu lậu bởi ly thì dùng ly để đoạn; phải đoạn hữu lậu bởi dụng thì đem dụng để đoạn; phải đoạn hữu lậu bởi nhẫn thì dùng nhẫn để đoạn; phải đoạn hữu lậu bởi trừ thì dùng trừ để đoạn; phải đoạn hữu lậu bởi tư duy thì dùng tư duy để đoạn. Đó là vị Tỳ-kheo đã đoạn trừ tất cả lậu, đã giải trừ các kiết, có thể bằng chánh trí mà chứng đắc khổ tế.

Đức Phật dạy như thế, các vị Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

II. PHẨM NGHIỆP TƯƠNG ỨNG:

(Gồm 10 kinh)

1. Kinh Ví Dụ Hạt Muối
2. Kinh Hòa-phá
3. Kinh Độ
4. Kinh La-Vân
5. Kinh Tư
6. Kinh Già-lam
7. Kinh Già-di-ni
8. Kinh Sư Tử
9. Kinh Ni-kiền
10. Kinh Ba-la-lao

1. KINH VÍ DỤ HẠT MUỐI

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Tùy theo nghiệp sở tác của mỗi người mà thọ lấy quả báo của mình. Như vậy, nếu không thực hành phạm hạnh thì không dứt hết khổ được. Nếu nói như vậy: “Tùy theo nghiệp sở tác của mỗi người mà thọ lấy quả báo của mình”. Như vậy, nếu tu hành phạm hạnh thì tận diệt được khổ. Vì sao như vậy? Giả sử có người tạo nghiệp bất thiện, tất phải thọ quả báo khổ sở ở địa ngục. Thế nào là người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả báo

khổ sở ở địa ngục? Nghĩa là, nếu có một người không tu thân, không tu giới, không tu tâm, không tu huệ, thọ mạng rất ngắn. Đó là người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả báo khổ sở ở địa ngục. Ví như có người đem một lạng muối bỏ vào một chút nước, muốn làm cho nước mặn, không thể uống được. Các Thầy nghĩ sao? Một lạng muối đó có thể làm cho một ít nước mặn, không thể uống được chăng?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Đúng như vậy, bạch Thế Tôn, vì sao thế? Vì muối nhiều, nước ít nên có thể làm cho mặn, không thể uống được.

— Cũng vậy, nếu có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả báo khổ sở ở địa ngục. Thế nào là có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả báo khổ sở ở địa ngục? Nghĩa là, có một người không tu thân, không tu giới, không tu tâm, không tu huệ, thọ mạng rất ngắn. Đó là có người tạo nghiệp bất thiện, tất phải thọ quả báo khổ sở ở địa ngục.

Lại nữa, có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả báo khổ sở trong đời hiện tại. Thế nào là có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả báo khổ ở trong đời hiện tại? Nghĩa là, có một

người tu thân, tu giới, tu tâm, tu huệ, thọ mạng rất dài. Có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả báo khổ, ở trong đời hiện tại. Cũng như có người đem một lạng muối bỏ vào sông Hằng, muốn làm cho nước mặn, không thể uống được. Các Thầy nghĩ sao? Một lạng muối đó lại có thể làm cho nước sông Hằng mặn, không thể uống được chăng?

— Không thể được, bạch Thế Tôn, vì sao vậy? Vì nước sông Hằng rất nhiều mà một lạng muối thì quá ít; do đó, không thể làm mặn đến nỗi không uống được.

Đức Phật dạy:

— Cũng vậy, có người tạo nghiệp bất thiện, tất phải thọ quả báo khổ sở trong đời hiện tại. Thế nào là có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả báo khổ sở ở trong đời hiện tại? Nghĩa là, có một người tu thân, tu giới, tu tâm, tu huệ, thọ mạng rất dài. Đó là có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả báo khổ sở trong đời hiện tại.

Lại nữa, có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả báo khổ sở trong địa ngục. Thế nào là có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả báo khổ sở trong địa ngục? Nghĩa là, có một người không tu thân, không tu giới, không tu tâm, không

tu huệ, thọ mạng rất ngắn. Đó là có người tạo nghiệp bất thiện, tất phải thọ quả báo khổ sở trong địa ngục. Ví như, có người đoạt lấy con dê của người khác. Thế nào là có người đoạt lấy con dê của người khác? Nghĩa là, người đoạt dê ấy, hoặc là vua hay quan, có nhiều uy thế; người chủ dê kia thì nghèo hèn, yếu đuối. Kẻ ấy bất lực nên van lơn đủ cách, chấp tay cầu xin, nói như thế này: “Thưa Tôn giả, mong Ngài trả dê lại hoặc trả giá tiền dê cho tôi”. Đó là có người đoạt lấy dê của kẻ khác. Cũng vậy, có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả báo khổ sở ở địa ngục. Thế nào là có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả báo khổ sở ở địa ngục? Nghĩa là, có một người không tu thân, không tu giới, không tu tâm, không tu huệ, thọ mạng rất ngắn. Đó là người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả báo khổ sở trong địa ngục.

Lại nữa, có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả báo khổ sở trong hiện tại. Thế nào là có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả báo khổ sở ngay trong hiện tại. Nghĩa là, có một người tu thân, tu tâm, tu giới, tu tuệ, thọ mạng rất dài. Đó là có người tạo nghiệp bất thiện, tất phải thọ quả báo khổ sở trong hiện tại. Cũng như, có người tuy trộm dê của kẻ khác nhưng chủ dê

đến đoạt lấy lại. Thế nào là có người tuy lấy trộm dê của kẻ khác nhưng chủ dê tới đoạt lấy lại? Nghĩa là, người trộm dê nghèo hèn, cô thế, còn người chủ dê kia hoặc vua hay quan có rất nhiều uy lực, vì có uy lực nên bắt trói người lấy trộm và đoạt dê lại. Đó là, có người tuy trộm dê của kẻ khác nhưng chủ đoạt bắt trở lại. Cũng như vậy, có người tạo nghiệp bất thiện chắc chắn sẽ thọ quả báo khổ sở trong đời hiện tại. Thế nào là có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả báo khổ sở trong đời hiện tại? Nghĩa là, có một người tu thân, tu giới, tu tâm, tu huệ, thọ mạng rất dài. Đó là có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả báo khổ sở trong đời hiện tại.

Lại nữa, có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả báo khổ sở trong địa ngục. Thế nào là có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả báo khổ sở trong địa ngục? Nghĩa là, có một người không tu thân, không tu giới, không tu tâm, không tu huệ, thọ mạng rất ngắn. Đó là có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả báo khổ sở trong địa ngục. Cũng như có người nợ kẻ khác năm tiền bị chủ bắt trói, cho đến chỉ nợ một tiền cũng bị chủ nợ bắt trói. Thế nào là người nợ kẻ khác năm tiền bị chủ nợ bắt trói, cho đến chỉ nợ một tiền

cũng bị chủ nợ bắt trói? Nghĩa là người mắc nợ kia nghèo và không có thế lực; người kia vì nghèo và cô thế nên nợ kẻ khác năm tiền liền bị chủ nợ bắt trói, cho đến chỉ nợ một tiền cũng bị chủ nợ bắt trói. Đó là người nợ kẻ khác năm tiền bị chủ nợ bắt trói, cho đến chỉ nợ một tiền cũng bị bắt trói. Cũng vậy, có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả báo khổ sở trong địa ngục. Thế nào là có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả báo khổ sở trong địa ngục? Nghĩa là, có một người không tu thân, không tu giới, không tu tâm, không tu huệ, thọ mạng rất ngắn. Đó là có người tạo nghiệp bất thiện, tất phải thọ quả báo khổ trong địa ngục.

Lại nữa, có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả báo khổ sở trong đời hiện tại. Thế nào là có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả báo khổ sở trong đời hiện tại? Nghĩa là, có một người tu thân, tu giới, tu tâm, tu huệ, thọ mạng rất dài. Đó là có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả báo khổ sở trong đời hiện tại. Cũng như có người tuy mắc nợ một trăm tiền nhưng không bị chủ nợ bắt trói, cho đến ngàn vạn tiền cũng không bị chủ nợ bắt trói. Thế nào là có người tuy mắc nợ một trăm tiền cũng không bị

chủ nợ bắt trói, cho đến nợ ngàn vạn tiền cũng không bị chủ nợ bắt trói? Nghĩa là, người mắc nợ có vô lượng tài sản và thế lực rất lớn; người ấy nhờ vậy nên tuy mắc nợ trăm tiền vẫn không bị chủ nợ bắt trói, cho đến nợ ngàn vạn cũng không bị chủ nợ bắt trói. Đó là người tuy mắc nợ trăm tiền vẫn không bị chủ nợ bắt trói, cho đến nợ ngàn vạn tiền cũng vẫn không bị chủ nợ bắt trói. Cũng vậy, có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả báo khổ sở trong đời hiện tại. Thế nào là có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả báo khổ sở trong đời hiện tại? Nghĩa là, có một người tu thân, tu giới, tu tâm, tu huệ, thọ mạng rất dài. Đó là có người tạo nghiệp bất thiện chắc chắn phải thọ quả báo khổ sở trong đời hiện tại. Người ấy ở trong đời hiện tại cho dù thọ nghiệp báo thiện hay ác, vẫn thơ thới vậy.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe xong, hoan hỷ phụng hành.

2. KINH HÒA PHÁ

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa Thích-cơ-sấu, nước Ca-duy-la-vệ, trong vườn Ni-câu-loại.

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cùng với đại chúng Tỳ-kheo, sau giờ ngọ thực, vì có việc phải làm nên tập hợp ngồi ở giảng đường. Lúc bấy giờ, Ni-kiên có một đệ tử thuộc dòng họ Thích tên là Hòa Phá, sau giờ ngọ ung dung đến chỗ Mục-kiền-liên, cùng chào hỏi nhau rồi ngồi sang một bên. Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên hỏi về việc này:

— Này Hòa Phá, ý Ông nghĩ sao? Giả sử có vị Tỳ-kheo thủ hộ thân, khẩu, ý; trong trường hợp này, Ông có thấy vị ấy nhân đó mà sinh khởi lậu bất thiện, khiến phải đi đến đời sau chăng?

Hòa Phá trả lời rằng:

— Nay Đại Mục-kiền-liên, giả sử có vị Tỳ-kheo thủ hộ thân, khẩu, ý; trong trường hợp này, tôi thấy rằng vì thế mà sinh khởi lậu bất thiện khiến phải đi đến đời sau. Nay Đại Mục-kiền-liên, giả sử có ai ở đời trước thực hành hạnh bất thiện; người ấy do đó mà sinh khởi lậu bất thiện, khiến phải đi đến đời sau.

Lúc đó, đức Thế Tôn đang an tọa nơi chỗ vắng vẻ, bằng thiên nhĩ thanh tịnh, siêu việt hẳn mọi người, nên nghe Tôn giả Đại Mục-kiền-liên và Thích Hòa Phá, đệ tử Ni-kiền cùng bàn luận như trên.

Đức Thế Tôn nghe xong, vào lúc xế trưa ấy, từ nơi ngồi nghỉ, đứng dậy, đi đến giảng đường, trải chỗ và ngồi trước đại chúng Tỳ-kheo. Sau khi ngồi, đức Thế Tôn hỏi:

— Nay Đại Mục-kiền-liên, vừa rồi Ông cùng đệ tử Ni-kiền là Thích Hòa Phá bàn luận về việc gì? Lại có việc gì mà tập họp, ngồi tại giảng đường này?

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên thưa:

— Bạch Thế Tôn, hôm nay con cùng đại chúng Tỳ-kheo, sau giờ ngọ thực, vì có việc phải làm, nên tập họp tại giảng đường và Thích Hòa Phá, đệ tử

Ni-kiền, sau giờ ngộ ung dung đi đến chỗ con, cùng chào hỏi nhau rồi lui ngồi một phía. Con hỏi thế này: “Ý Hòa Phá nghĩ sao? Giả sử có vị Tỳ-kheo thủ hộ thân, khẩu, ý; trong trường hợp này, Ông có thấy vị ấy nhân đó mà sinh khởi lậu bất thiện, khiến phải đi đến đời sau chăng?”. Thích Hòa Phá, đệ tử Ni-kiền liền trả lời với con rằng: “Giả sử có vị Tỳ-kheo thủ hộ thân, khẩu, ý; trong trường hợp này, tôi thấy vị ấy nhân đó mà sinh khởi lậu bất thiện, khiến phải đi đến đời sau. Nay Đại Mục-kiền-liên, giả sử có ai đời trước thực hành hạnh bất thiện; người ấy do đó sinh khởi lậu bất thiện khiến phải đi đến đời sau.” Bạch đức Thế Tôn, vừa rồi con cùng Thích Hòa Phá, đệ tử Ni-kiền, bàn luận như vậy, do việc đó mà ngồi tập họp tại giảng đường.

Lúc đó đức Thế Tôn bảo Thích Hòa Phá, đệ tử Ni-kiền rằng:

— Nếu những gì Ta nói là đúng, Ông nên trả lời là đúng, nếu không đúng, Ông nên trả lời là không đúng. Ông có điều gì nghi ngờ thì nên hỏi Ta như vậy: “Sa-môn Cù-đàm, điều này có sự gì? Điều này có nghĩa gì?”. Tùy những điều Ta nói mà Ông có thể chấp nhận được thì Ta với Ông có thể cùng bàn luận điều ấy.

Hòa Phá trả lời :

— Sa-môn Cù-đàm, nếu điều Ngài nói là đúng, tôi sẽ nói đúng, nếu không đúng, tôi sẽ nói không đúng; nếu có điều nào nghi ngờ, tôi sẽ hỏi Cù-đàm: “Thưa Cù-đàm, điều này có sự gì? Điều này có nghĩa gì?”. Tùy theo những điều Sa-môn Cù-đàm nói, tôi chấp nhận vậy, Sa-môn Cù-đàm hãy cùng bàn luận việc ấy.

Đức Thế Tôn hỏi:

— Ý Hòa Phá nghĩ sao? Giả sử có vị Tỳ-kheo sinh khởi thân hành bất thiện, lậu, phiền não, ưu bi. Vị kia sau đó diệt trừ thân hành bất thiện, không tạo lại những nghiệp mới, vất bỏ nghiệp cũ, tức thì ngay trong đời hiện tại, liền chứng được cứu cánh, không còn phiền não, thường trụ bất biến; đó là chỗ thấy của trí tuệ bậc Thánh, chỗ biết của trí tuệ bậc Thánh. Nếu thân hành bất thiện, khẩu hành bất thiện, ý hành bất thiện, vô minh hành lậu, phiền não và ưu sầu; người kia sau đó diệt trừ vô minh hành bất thiện, tạo những nghiệp mới, vất bỏ nghiệp cũ, ngay trong đời này, liền chứng được cứu cánh, không còn phiền não, thường trụ bất biến, đó là chỗ thấy của trí tuệ bậc Thánh, chỗ biết của trí tuệ bậc Thánh. Thế nào, này Hòa Phá, vị Tỳ-kheo thủ hộ thân, khẩu, ý nghiệp như vậy trong trường hợp này, Ông có thấy

vị ấy nhân đó mà sanh khởi lậu bất thiện, khiến phải đi đến đời sau chăng?

Hòa Phá trả lời:

— Thưa Cù-dàm, giả sử có vị Tỳ-kheo thủ hộ thân, khẩu, ý như vậy, trong trường hợp này, tôi không thấy vị ấy do đó mà sanh khởi lậu bất thiện, khiến phải đi đến đời sau.

Đức Thế Tôn khen:

— Lành thay, Hòa Phá! Thế nào, này Hòa Phá? Nếu có vị Tỳ-kheo vô minh đã dứt hết, minh đã sinh khởi, vị ấy vô minh đã dứt, minh đã sinh khởi; có cảm giác về hậu thân thì biết là mình có cảm giác về hậu thân, có cảm giác về hậu mạng thì biết là mình có cảm giác về hậu mạng. Khi thân hoại mạng chung, tuổi thọ đã kết thúc, tức ngay trong đời này tất cả mọi cảm giác đều dứt sạch, tự biết rằng sẽ đi đến chỗ lãnh đạm hoàn toàn. Này Hòa Phá, cũng như nhân cây mà có bóng, giả sử có người mang búa thật bén đến chặt đứt rễ cây, chặt nát ra thành mười phần, hoặc thành trăm phần, đem lửa đốt thành tro rồi hoặc bị gió thổi hay mang đổ vào nước. Ý Hòa Phá nghĩ sao? Bóng nhân cây mà có, bóng ấy do đó mà mất hẳn cái nhân của nó, nên tuyệt diệt không còn sinh nữa chăng?

Hòa Phá trả lời:

— Đúng như thế, thưa Cù-đam.

— Nay Hòa Phá, nên biết vị Tỳ-kheo cũng lại như vậy. Vô minh đã dứt hết, minh đã sinh khởi. Vị kia vô minh đã dứt hết, minh đã sinh khởi, có cảm giác hậu thân liền biết mình có cảm giác hậu thân, khi có cảm giác hậu mạng liền biết mình có cảm giác hậu mạng, khi thân hoại mạng chung, tuổi thọ đã kết thúc, tức ngay trong đời này, tất cả mọi cảm giác đều chấm dứt, tự biết đi đến chỗ lãnh đạm hoàn toàn. Nay Hòa Phá, vị Tỳ-kheo có tâm giải thoát như vậy liền được sáu trụ xứ thiện. Sáu trụ xứ đó là gì? Nay Hòa Phá, vị Tỳ-kheo mắt thấy sắc mà không hỷ, không ưu, xả cầu, vô vi, chánh niệm, chánh trí. Nay Hòa Phá, vị Tỳ-kheo chánh tâm giải thoát như vậy, đó gọi là được trú xứ thiện thứ nhất. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, ý biết pháp mà không hỷ, không ưu, xả cầu, vô vi, chánh niệm, chánh trí. Nay Hòa Phá, vị Tỳ-kheo chánh tâm giải thoát như vậy gọi là được trú xứ thiện thứ sáu. Vị Tỳ-kheo chánh tâm giải thoát như vậy thì được sáu trụ xứ thiện này.

Hòa Phá bạch:

— Đúng như vậy, thưa Sa-môn Cù-đam, Đa văn Thánh đệ tử chánh tâm giải thoát như vậy,

được ở sáu trụ xứ thiện. Sáu trụ xứ là những gì? Thừa Cù-dàm, Đa văn Thánh đệ tử, khi mắt thấy sắc, không hỷ, không ưu, xả cầu, vô vi, chánh niệm, chánh trí. Thừa Cù-dàm, Đa văn Thánh đệ tử chánh tâm giải thoát như vậy gọi là trụ xứ thiện thứ nhất. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, ý biết pháp mà không hỷ, không ưu, xả cầu, vô vi, chánh niệm, chánh trí. Đúng như thế, thừa Cù-dàm, Đa văn Thánh đệ tử chánh tâm giải thoát như vậy gọi là trụ xứ thiện thứ sáu. Như vậy, thừa Cù-dàm, Đa văn Thánh đệ tử chánh tâm giải thoát như vậy, được sáu trụ xứ thiện này.

Bấy giờ, Hòa Phá lại bạch đức Thế Tôn:

— Bạch đức Cù-dàm, con đã biết, bạch đức Thiện Thệ, con đã hiểu. Bạch đức Cù-dàm, cũng như người có mắt sáng, cái gì bị úp thì lật lên, cái gì bị che đậy thì gỡ ra, đối với người mê thì chỉ đường, trong chỗ tối thì cho ánh sáng để ai có mắt thì thấy các màu sắc; Sa-môn Cù-dàm cũng giống như vậy. Vì con mà dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp và hiển hiện nghĩa lý Tỳ-kheo đạo thậm thâm. Bạch Thế Tôn, hôm nay con xin đem mình quy y với Phật, Pháp, và đại chúng Tỳ-kheo, cúi mong đức Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc kể từ hôm nay, con xin đem mình quy y cho đến khi

mạng chung. Bạch Thế Tôn, cũng như có người nuôi con ngựa dở mà mong có lợi ích, uống phí sự khổ nhọc của mình mà vẫn không thu được lợi ích. Bạch đức Thế Tôn, con cũng như vậy, Ni-kiền ngu si kia không khéo hiểu rõ, không thể giải biết, không biết được ruộng tốt mà con không tự xét vẫn mãi miết thờ phụng, cúng dường, lễ bái, mong được lợi ích, nhưng chỉ luống khổ nhọc. Bạch Thế Tôn, con nay lần thứ hai xin đem mình quy y với Phật, Pháp và đại chúng Tỳ-kheo, cúi mong đức Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc kể từ hôm nay, con xin đem mình quy y cho đến khi mạng chung. Bạch Thế Tôn, con vốn không biết nên đối với Ni-kiền ngu si mà có tín, có kính, từ nay dứt hẳn. Vì sao thế? Vì phỉnh gạt con vậy. Bạch Thế Tôn, nay con lần thứ ba, xin đem mình quy y với Phật, Pháp và đại chúng Tỳ-kheo, cúi mong đức Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc, kể từ hôm nay con xin đem mình quy y cho đến khi mạng chung.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, Thích Hòa Phá và các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe xong, hoan hỷ phụng hành.

3. KINH ĐỘ

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa nước Xá-vệ, trong rừng
Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

— Có ba độ xứ khác tánh, khác danh, khác
tông, khác thuyết; nghĩa là người có trí tuệ, khéo
nhận lãnh, khéo ghi nhớ để nói cho người khác,
nhưng không thu được lợi ích.

Những gì là ba? Hoặc có Sa-môn, Phạm chí
thấy như vậy, nói như vậy: “Tất cả hành vi của
con người đều do túc mạng định sẵn”. Lại có
Sa-môn, Phạm chí thấy như vậy, nói như vậy: “Tất
cả hành vi của con người đều do đấng chủ thể định

đoạt sản". Lại có Sa-môn, Phạm chí thấy như vậy, nói như vậy: "Tất cả hành vi của con người đều vô nhân, vô duyên".

Ở đây, nếu có Sa-môn, Phạm chí nào thấy như vậy, nói như vậy: "Tất cả hành vi của con người đều do túc mạng định đoạt", Ta liền đến nơi người kia, đến rồi liền hỏi:

— Này chư Hiền, quả thật các người thấy như vậy nói như vậy: "Tất cả hành vi của con người đều do túc mạng định đoạt sản" chẳng?

Người kia trả lời rằng:

— Thật vậy.

Ta lại nói với người kia rằng:

— Nếu quả thật như vậy, các Người là những kẻ sát sinh cả. Vì sao thế? Bởi vì tất cả đều do túc mạng định đoạt sản. Cũng vậy, này chư Hiền, các Người đều là những người trộm cắp, tà dâm, nói láo cho đến tà kiến. Vì sao thế? Bởi vì tất cả đều do túc mạng định đoạt sản. Này chư Hiền, nếu đối với kiến chấp rằng tất cả đều do túc mạng định đoạt sản mà cho là như thật, thì ở trong nội nhân, những điều nên hay không nên làm, hoàn toàn không có ý dục, không có phương tiện. Này chư Hiền, nếu đối với điều nên làm và không nên làm,

mà không biết như thật, thì sẽ mất chánh niệm, không có chánh trí, không có cách nào giáo hóa đúng theo pháp của Sa-môn được.

Nói như vậy mới có thể dùng lý để khuất phục các Sa-môn, Phạm chí kia.

Ở đây, nếu có Sa-môn, Phạm chí nào thấy như vậy, nói như vậy: “Tất cả hành vi đều do đấng chủ tể định đoạt”, Ta liền đi đến chỗ người kia, đến rồi liền hỏi:

— Này chư Hiền, có quả thật rằng các Người thấy như vậy, nói như vậy: “Tất cả hành vi của con người đều do đấng chủ tể định đoạt cả”?

Người kia trả lời:

— Thật vậy.

Ta lại nói với người kia:

— Nếu đúng vậy, thì các Người đều là những người sát sanh cả. Vì sao thế? Bởi vì tất cả đều do đấng chủ tể định đoạt sẵn. Cũng vậy, này chư Hiền, các Người đều là những người trộm cắp, tà dâm, nói láo cho đến tà kiến. Vì sao thế? Bởi vì tất cả đều do đấng chủ tể định đoạt sẵn. Này chư Hiền, nếu đối với những người chấp rằng: “Tất cả đều do đấng chủ tể định đoạt sẵn” mà cho là như

thật, thì ở trong nội nhân, những điều nên làm hay không nên làm, hoàn toàn không có ý dục, không có phương tiện. Nay chư Hiền, nếu đối với những điều nên hay không nên làm mà không biết như thật, thì sẽ mất chánh niệm, không có chánh trí, không có cách nào có thể giáo hóa đúng theo pháp của Sa-môn.

Nói như vậy mới có thể dùng lý khuất phục được các Sa-môn, Phạm chí kia.

Ở đây, nếu có Sa-môn, Phạm chí nào thấy như vậy, nói như vậy: “Tất cả hành vi của con người đều vô nhân, vô duyên”, Ta liền đi đến chỗ người kia, đến rồi liền hỏi:

— Nay chư Hiền, có quả thật rằng các Người thấy như vậy, nói như vậy: “Tất cả hành vi của con người đều vô nhân vô, duyên” chăng?

Người kia trả lời:

— Thật vậy.

Ta lại nói với người kia:

— Nếu quả thật như vậy, các Người đều là những kẻ sát sanh. Vì sao thế? Bởi vì tất cả đều vô nhân vô duyên. Cũng vậy, nay chư Hiền, các Người đều là những kẻ trộm cắp, tà dâm, nói láo,

cho đến tà kiến. Vì sao thế? Bởi vì tất cả đều vô nhân vô duyên. Nay chư Hiền, nếu đối với người có kiến chấp rằng: “Tất cả đều vô nhân, vô duyên” mà cho là như thật, thì ở trong nội nhân, điều nên làm hay không nên làm, hoàn toàn không có ý dục, không có phương tiện. Nay chư Hiền, nếu đối điều nên làm hay không nên làm mà không biết như thật, thì sẽ mất chánh niệm, không có chánh trí, không có cách nào khả dĩ giáo hóa đúng theo pháp của Sa-môn.

Nói như vậy mới có thể dùng lý khuất phục được các Sa-môn, Phạm chí kia.

Những gì Ta tự tri, tự giác và Ta nói cho các Thầy biết, dù là Sa-môn, Phạm chí, Thiên, Ma, Phạm và các loài thế gian khác đều không thể khuất phục được, không thể làm cho nhơ uest được, không thể chế phục được. Thế nào là những gì Ta tự tri, tự giác và nói cho các Thầy biết mà không thể bị Sa-môn, Phạm chí hay Thiên, Ma, Phạm và các loài thế gian khác có thể khuất phục được, có thể làm cho nhơ uest được, và có thể chế phục pháp được? Đó là pháp sáu xứ mà Ta đã tự tri, tự giác và nói cho các Thầy biết mà không thể bị Sa-môn, Phạm chí hay Thiên, Ma, Phạm và các loài thế gian khác có thể khuất phục được.

Lại có pháp sáu giới mà Ta đã tự tri, tự giác và nói cho các Thầy biết mà không thể bị Sa-môn, Phạm chí hay Thiên, Ma, Phạm và các loài thế gian khác có thể khuất phục được, có thể làm cho nhớ uest được và có thể chế phục được. Thế nào là pháp sáu xứ mà Ta đã tự tri, tự giác và nói cho các Thầy biết? Đó là nhãn xứ, nhĩ, tỉ, thiệt, thân và ý xứ. Đó là pháp sáu xứ, Ta đã tự tri, tự giác và nói cho các Thầy biết.

Thế nào là pháp sáu giới mà Ta đã tự tri, tự giác và nói cho các Thầy biết? Đó là địa giới, thủy, hỏa, phong, không và thức giới. Đó là pháp sáu giới mà Ta đã tự tri, tự giác và nói cho các Thầy biết.

Do sau giới hòa hiệp nên sinh thai nhi; nhân sáu giới mà có sáu xứ; nhân sáu xứ mà có xúc; nhân xúc mà có thọ.

Này các Tỳ-kheo, nếu ai giác ngộ, liền biết như thật về Khổ, biết như thật Khổ tập, biết như thật về Khổ diệt, biết như thật về Khổ diệt đạo. Thế nào là biết như thật về Khổ? Là sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, thù nghịch mà gặp nhau là khổ, yêu thương mà chia ly là khổ, cầu mong mà không được là khổ; tóm lại, năm ấm xí thành khổ. Đó là biết như thật về Khổ.

Thế nào là biết như thật về Khổ tập? Tức là do ái này mà thọ hữu trong tương lai, cùng với lạc dục, mong cầu hữu ở nơi này hay nơi kia. Đó là biết như thật về Khổ tập.

Thế nào là biết như thật về Khổ diệt? Do ái này mà thọ hữu trong tương lai, cùng với lạc dục, mong cầu hữu ở nơi này hay nơi kia; tất cả như vậy đã đoạn trừ, đã xả ly, diệt tận, vô dục, tịch tĩnh, tịch diệt. Đó là biết như thật về Khổ diệt.

Thế nào là biết như thật về Khổ diệt đạo? Đó là Tám chi Thánh đạo, Chánh kiến... Chánh định là tám. Đó là biết như thật về Khổ diệt đạo.

Tỳ-kheo nên biết như thật về Khổ, nên đoạn Khổ tập, nên tác-chứng Khổ diệt, nên tu Khổ diệt đạo. Nếu Tỳ-kheo nào biết như thật về Khổ, đoạn Khổ tập, tác chứng Khổ diệt, tu Khổ diệt đạo, thì đó là vị Tỳ-kheo đã tận trừ tất cả lậu, giải trừ các kiết, có thể bằng chánh trí chứng đắc khổ tế.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe xong, hoan hỷ phụng hành.

4. KINH LA-VÂN

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại thành Vương Xá, trong rừng Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa.

Bấy giờ, Tôn giả La-vân cũng ở tại thành Vương Xá, trong rừng Ôn Tuyền. Lúc đó, đức Thế Tôn sau đêm, vào buổi bình minh, khoác y, cầm bát đi vào thành Vương Xá để khát thực. Khất thực xong, Ngài đi đến rừng Ôn Tuyền, trú xứ của Tôn giả La-vân. Tôn giả La-vân từ đằng xa thấy đức Phật đi đến, lập tức đến rước, cầm y bát của đức Phật, trái tọa cụ và múc nước rửa chân. Đức Phật rửa chân xong, ngồi nơi tòa của La-vân. Khi đó đức Thế Tôn liền lấy chậu nước đổ ra một ít, rồi hỏi:

— Ông có thấy Ta cầm chậu nước này đổ ra một ít nước không?

Tôn giả La-vân trả lời:

— Bạch Thế Tôn, con có thấy.

Phật bảo Tôn giả La-vân:

— Ta nói đạo của người kia cũng ít như vậy, nghĩa là đã biết rồi còn nói dối mà không xấu hổ, không ăn năn, không tàm, không quý. Nay La-vân, người kia cũng không có điều ác nào là không làm. Do đó, nay La-vân, nên học như thế này: không cười giỡn và nói dối.

Đức Thế Tôn lấy lại cái chậu còn một ít nước, đổ hết ra rồi hỏi:

— Nay La-vân, Ông có thấy Ta cầm cái chậu còn một ít nước ấy, đổ hết ra ngoài không?

La-Vân trả lời:

— Con có thấy, bạch Thế Tôn.

Phật bảo rằng:

— Nay La-vân, Ta nói rằng đạo của những người kia cũng mất hết như vậy. Nghĩa là đã biết rồi còn nói dối, mà không xấu hổ, không ăn năn, không tàm, không quý. Nay La-vân, người ấy cũng

không có việc ác nào mà không làm. Do đó, này La-vân, nên học như thế này: không được cười giỡn và nói dối.

Đức Thế Tôn lại cầm chậu nước trống không úp xuống đất rồi hỏi:

— Này La-vân, Ông có thấy Ta cầm chậu nước trống không này úp xuống đất không?

La-vân trả lời:

— Con có thấy, bạch Thế Tôn.

Phật bảo:

— Này La-vân, Ta nói rằng đạo của người kia cũng bị lật úp như vậy, nghĩa là đã biết rồi còn nói dối mà không xấu hổ, không ăn năn, không tàm, không quý. Này La-vân, người ấy cũng không có việc ác nào mà không làm. Do đó, này La-vân, nên học như thế này: không được cười giỡn và nói dối.

Đức Thế Tôn lại cầm chậu nước lật ngửa lên rồi hỏi:

— Này La-vân, Ông có thấy Ta cầm cái chậu nước úp này lật ngửa lên không?

Tôn giả La-vân trả lời:

— Con có thấy, bạch Thế Tôn.

Đức Phật bảo Tôn giả La-vân:

— Ta nói rằng đạo của người kia lại cũng ngửa lên như vậy, nghĩa là đã biết rồi còn nói dối mà vẫn không xấu hổ, không ăn năn, không tàm, không quý. Nay La-vân, người ấy cũng không có việc ác nào mà không làm. Do đó, nay La-vân, nên học như thế này: không được cười giỡn và nói dối. Cũng như nhà vua có thót voi lớn, khi xông vào trận chiến đấu thì dùng cả chân trước, chân sau, đuôi, bộ xương, xương sống, hông, đầu, trán, tai, ngà, tất cả đều dùng, chỉ giữ gìn chiếc vòi. Tượng sư thấy vậy rồi suy nghĩ như thế này: “Thót voi lớn của nhà vua vẫn còn tiếc mạng sống”. Vì sao thế? Vì thót voi lớn của nhà vua khi xông vào trận giặc chiến đấu, thì dùng cả chân trước chân sau, đuôi, bộ xương, xương sống, hông, đầu, trán, tai, ngà, tất cả đều dùng, chỉ giữ gìn chiếc vòi. Nay La-vân, nếu thót voi lớn của nhà vua khi xông vào trận giặc chiến đấu, dùng cả chân trước, chân sau, đuôi bộ, xương, xương sống, hông đầu, trán, tai, vòi đem dùng tất cả. Tượng sư thấy như vậy rồi liền suy nghĩ như thế này: “Thót voi lớn của nhà vua không còn tiết mạng sống nữa.” Vì sao thế? Thót voi lớn của nhà vua khi xông vào trận giặc chiến đấu dùng

cả chân trước, chân sau, đuôi, bộ xương, xương sống, hông, đầu, ngà, vòi, tất cả đều đem dùng. Nay La-vân, nếu thốt voi lớn khi xông vào trận giặc chiến đấu mà dùng cả chân trước, chân sau, đuôi, bộ xương, xương sống, hông, đầu, ngà, vòi, tất cả đều đem dùng, này La-vân, Ta nói rằng thốt voi lớn của nhà vua khi xông vào trận giặc chiến đấu, không có việc dữ nào mà không làm. Cũng vậy, này La-vân, đã biết rồi còn nói dối, không hổ thẹn, không ăn năn, không tàm, không quý. Nay La-vân, Ta nói rằng người kia cũng không có việc ác nào mà không làm. Do đó, này La-Vân, nên học như thế này: không được cười giỡn và nói dối.

Rồi đức Thế Tôn nói bài tụng rằng:

*Kẻ nào phạm một pháp,
Pháp đó là nói dối,
Thì không sợ đời sau,
Không chừa sự dữ nào.
Thà nuốt viên sắt cháy,
Bị nóng như lửa đỏ,
Chứ không nên phạm giới,
Mà nhận đời cúng thí.
Nếu lo sợ khổ sở,
Thì không nên niệm á,
Ở nơi chỗ sáng, tối,*

*Chớ nên tạo nghiệp ác.
Nếu các nghiệp bất thiện,
Đã làm, nay đang làm,
Thì trốn không thoát được,
Và cũng không chỗ tránh.*

Đức Phật nói bài tụng rồi, lại hỏi:

— Nay La-vân, Ông nghĩ thế nào, người ta dùng gương để làm gì?

Tôn giả La-vân trả lời:

— Bạch Thế Tôn, để nhìn xem khuôn mặt sạch hay không sạch.

— Cũng vậy, này La-vân, nếu Ông sắp làm một thân nghiệp thì hãy quán sát thân nghiệp ấy rằng: “Ta sắp làm thân nghiệp, thân nghiệp ấy tịnh hay bất tịnh? Tự mình làm hay vì người khác?” Này La-vân, nếu khi quán sát như vậy, thì biết rằng: “Ta sắp làm thân nghiệp, thân nghiệp kia tịnh, tự mình làm hay vì người khác. Nếu đó là bất thiện, thì nó đưa đến khổ quả, và sự thọ lấy khổ báo”. Này La-vân, Ông nên bỏ thân nghiệp sắp làm ấy đi. Này La-vân, nếu khi quán sát như vậy thì biết rằng: “Ta sắp làm thân nghiệp, thân nghiệp kia bất tịnh, tự mình làm hay vì người khác. Nếu đó là nghiệp thiện, thì nó đưa đến lạc

quả, và sự thọ lấy lạc báo". Nay La-vân, Ông hãy chấp nhận thân nghiệp sắp làm ấy.

Nay La-vân, nếu Ông đang tạo thân nghiệp, hãy quán sát thân nghiệp ấy rằng: "Ta đang làm thân nghiệp, thân nghiệp ấy tịnh hay bất tịnh? Tự mình làm hay vì người khác?". Nay La-vân, khi quán sát như vậy, thì biết rằng: "Ta đang làm thân nghiệp; thân nghiệp này là tịnh, tự mình làm hay vì người khác. Nếu đó là bất thiện, thì nó đưa đến khổ quả và sự thọ lấy khổ báo". Nay La-vân, Ông nên bỏ thân nghiệp đang làm ấy đi. Nay La-vân, nếu khi quán sát như vậy thì biết rằng: "Ta đang làm thân nghiệp, thân nghiệp ấy là bất tịnh, tự mình làm hay vì người khác. Nếu đó là thiện, thì nó đưa đến lạc quả và sự thọ lấy lạc báo". Nay La-vân, Ông nên chấp trì thân nghiệp đang làm ấy.

Nay La-vân, nếu Ông đã làm một thân nghiệp, hãy quán sát thân nghiệp kia rằng: "Ta đã làm thân nghiệp; thân nghiệp kia đã đi qua, đã diệt tận, đã biến dịch, nó là tịnh hay bất tịnh. Tự mình làm hay vì người khác?" Nay La-vân, nếu khi quán sát như vậy thì biết rằng: "Ta đã làm thân nghiệp, thân nghiệp đã đi qua, diệt tận, biến dịch, thân nghiệp kia là tịnh, tự mình làm hay vì người khác.

Nếu đó là bất thiện, thì nó đưa đến khổ quả và sự thọ lấy khổ báo". Nay La-vân, Ông nên đi đến nơi người phạm hạnh, thiện tri thức đối với thân nghiệp đã tạo ấy, chí tâm phát lồ, xin ăn năn lỗi lầm, cần thận không che giấu, rồi lại phải khéo léo giữ gìn. Nay La-vân, nếu khi quán sát như vậy, tất biết rằng: "Ta đã làm thân nghiệp; thân nghiệp ấy đã đi qua, diệt tận, biến dịch, thân nghiệp ấy bất tịnh, tự mình làm hay vì người khác. Nếu đó là thiện, thì sẽ đưa đến lạc quả và sự thọ lấy lạc báo. Nay La-vân, Ông nên ngày đêm vui mừng, an trụ chánh niệm, chánh trí. Khẩu nghiệp cũng lại như vậy.

Nay La-vân, nếu nhân việc làm trong quá khứ nên đã sanh ý nghiệp, hãy quán sát ý nghiệp ấy rằng: "Nếu nhân việc làm trong quá khứ nên đã sanh ý nghiệp, ý nghiệp ấy tịnh hay bất tịnh, là tự mình làm hay vì người khác?". Nay La-vân, nếu khi quán như vậy, tất biết: "Nhân việc làm trong quá khứ mà sinh ra ý nghiệp, ý nghiệp ấy đã đi qua, diệt tận, biến dịch, ý nghiệp ấy tịnh, tự mình làm hay vì người khác. Nếu đó là bất thiện, thì nó đưa đến khổ quả và sự thọ lấy khổ báo". Nay La-vân, Ông nên bỏ ý nghiệp trong quá khứ ấy đi. Nay La-vân, nếu khi quán như vậy tất biết rằng: "Nhân việc làm trong quá khứ mà đã sinh ra trong ý

nghiệp đã lui về quá khứ, diệt tận, biến dịch, ý nghiệp ấy bất tịnh, tự mình hay vì người khác. Nếu đó là thiện, thì nó đưa đến lạc quả và sự thọ lấy lạc báo". Nay La-vân, Ông nên chấp trì ý nghiệp quá khứ ấy.

Này La-vân, nhân việc làm trong vị lai nên sẽ sinh khởi ý nghiệp, hãy nên quán sát ý nghiệp ấy: "Nếu nhân việc làm trong vị lai nên sẽ sinh ý nghiệp, ý nghiệp ấy là tịnh hay bất tịnh, tự mình hay vì người khác". Nay La-vân, nếu khi quán sát như vậy thì biết rằng: "Nhân việc làm trong vị lai nên sẽ sanh ý nghiệp, ý nghiệp ấy tịnh, hoặc tự mình làm hay vì người khác. Nếu đó là bất thiện, thì nó đưa đến khổ quả và sự thọ lấy khổ báo". Nay La-vân, Ông nên xả bỏ ý nghiệp trong vị lai đó đi. Nay La-vân, nếu khi quán biết rằng: "Nhân việc làm trong vị lai sẽ sinh ý nghiệp, ý nghiệp đó bất tịnh, tự mình hay vì người khác. Nếu đó là thiện, thì nó đưa đến lạc quả và sự thọ lấy lạc báo". Nay La-vân, Ông nên chấp trì ý nghiệp trong vị lai ấy.

Này La-vân, nhân việc làm trong hiện tại nên đang sinh khởi ý nghiệp, hãy nên quán sát ý nghiệp ấy rằng: "Nếu nhân việc làm trong hiện tại nên đang sinh khởi ý nghiệp, ý nghiệp ấy tịnh hay bất

tịnh, là tự mình hay vì người khác”. Nay La-vân, nếu khi quán sát biết rằng: “Nhân việc làm trong hiện tại nên đang sinh khởi ý nghiệp, ý nghiệp ấy tịnh, tự mình hoặc vì người khác. Nếu đó là bất thiện, thì nó đưa đến khổ quả và sự thọ lấy khổ báo”. Nay La-vân, Ông nên xả bỏ ý nghiệp trong hiện tại ấy đi. Nay La-vân, nếu khi quán sát biết rằng: “Nhân việc làm trong hiện tại nên đang sinh khởi ý nghiệp, ý nghiệp ấy bất tịnh, tự mình hay vì người khác. Nếu đó là thiện, thì nó đưa đến lạc quả và sự thọ lấy lạc báo”. Nay La-vân, Ông chấp trì ý nghiệp hiện tại ấy.

Nay La-vân, nếu trong quá khứ đã có những vị Sa-môn, Phạm chí tạo nghiệp thân, khẩu, ý, đã quán rồi lại quán sát nữa, đã thanh tịnh lại thanh tịnh hơn. Tất cả những vị ấy ngay nơi nghiệp thân, khẩu, ý của mình, quán rồi lại quán nữa, đã thanh tịnh lại thanh-tịnh hơn.

Nay La-vân, nếu trong vị lai sẽ có những vị Sa-môn, Bà-la-môn tạo nghiệp thân, khẩu, ý, sẽ quán rồi lại quán nữa, sẽ thanh tịnh lại thanh tịnh hơn. Tất cả những vị ấy ngay nơi nghiệp thân, khẩu, ý của mình, quán rồi lại quán nữa, sẽ thanh tịnh rồi lại thanh tịnh hơn.

Này La-vân, nếu trong hiện tại, có những vị Sa-môn, Phạm chí tạo nghiệp thân, khẩu, ý, đang quán rồi lại quán nữa, đang thanh tịnh rồi lại thanh tịnh hơn. Tất cả những vị ấy ngay nơi nghiệp thân, khẩu, ý của mình, đang quán rồi lại quán nữa, đang thanh tịnh rồi lại thanh tịnh hơn.

Này La-vân, Ông nên học như thế. Chính Ta cũng ngay nơi thân, khẩu, ý nghiệp của Ta, đang quán rồi lại quán nữa, đang thanh tịnh rồi lại thanh tịnh hơn.

Lúc đó, đức Thế Tôn lại nói bài tụng rằng:

*Thân nghiệp và khẩu nghiệp,
Ý nghiệp, này La-vân,
Pháp thiện hay bất thiện,
Ông hãy thường quán sát.
Đã biết còn nói dối,
Này La-vân, đừng nói;
Vốn sống theo người khác,
Sao lại dám nói dối?
Pháp Sa-môn bị úp,
Trống không, không chơn thật,
Đó chính là nói dối,
Không giữ gìn miệng mình.
Cho nên không nói dối,*

*Là con bậc Chánh Giác,
Đó là pháp Sa-môn.
La-vân, hãy nên học.
Nơi nơi vui, sung túc,
An ổn, không sợ hãi,
La-vân, muốn đến đó,
Đừng làm hại người khác.*

Đức Phật thuyết giảng như vậy, Tôn giả La-vân và các Tỷ-kheo sau khi nghe Phật thuyết giảng, hoan hỷ phụng hành.

5. KINH TƯ

Tôi nghe như vậy: 1

Một thời Phật du hóa nước Xá-vệ, trong rừng
Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo rằng:

— Nếu kẻ nào cố ý tạo nghiệp, Ta nói rằng
kẻ ấy phải thọ quả báo, hoặc thọ ngay trong đời
hiện tại, hoặc thọ vào đời sau. Nếu tạo nghiệp mà
không cố ý, Ta nói rằng người ấy chắc chắn không
phải thọ quả báo.

Ở đây, thân cố ý tạo ba nghiệp bất thiện,
đưa đến khổ quả và sự thọ khổ báo. Miệng có
bốn nghiệp, ý có ba nghiệp bất thiện đưa đến
khổ quả, thọ khổ báo.

Những gì là ba nghiệp do thân cố tạo, bất thiện đưa đến khổ quả và sự thọ khổ báo? Một là sát sinh, quá hung dữ, uống máu, cứ muốn sát hại, không thương xót chúng sanh cho đến loài côn trùng. Hai là không cho mà lấy, đấm trước tài vật của kẻ khác, với ý muốn trộm cắp. Ba là tà dâm, người kia đối với con gái có cha gìn giữ, hoặc được mẹ gìn giữ, hoặc được cha mẹ gìn giữ, hoặc được chị em gìn giữ, hoặc được anh em gìn giữ, hoặc được cô cậu gìn giữ, hoặc được người thân thuộc gìn giữ, hoặc được người cùng dòng họ gìn giữ, hoặc đối với những phụ nữ khác bị đe dọa bằng hình phạt hay roi vọt, hoặc đã được thuê, hoặc đã hứa hôn, cho đến chỉ mới nhận tràng hoa làm tin; nếu chính mình xúc phạm tới những người nữ như vậy. Đó là ba nghiệp do thân cố tạo bất thiện, đưa đến khổ quả và sự thọ lấy khổ báo.

Những gì là bốn nghiệp do miệng cố tạo, bất thiện, đưa đến khổ quả và sự thọ lấy khổ báo? Một là nói dối: Người kia, hoặc ở giữa đám đông, hoặc ở trong quyết. thuộc, hoặc ở tại vương gia, nếu có ai kêu người ấy mà hỏi rằng: "Người có biết thì nói", nhưng người ấy không biết nói là biết, biết mà nói là không biết, không thấy nói thấy, thấy nói không thấy, vì mình, vì người, hoặc vì của cải,

biết rồi mà lại nói dối. Hai là nói hai lưỡi: Muốn ly gián người khác nên nghe nơi người này đem nói lại với người kia vì muốn phá hoại người này, nghe nơi người kia đem nói lại người này vì muốn phá hoại người kia, những kẻ hợp nhau muốn cho ly tán, những kẻ đã ly tán lại muốn cho xa rời để kết bè đảng, thích thú sự kết bè đảng, khen ngợi sự kết bè đảng. Ba là nói thô ác: Người ấy nếu có nói năng gì thì lời lẽ thô tục, hung bạo, tiếng dữ trái tai, không ai ưa nổi, không ai mến nổi, làm cho người khác khổ não, khiến cho không được định tâm, nói lời như vậy. Bốn là nói thêu dệt: Người ấy nói không đúng lúc, nói không thành thật, nói lời không đúng nghĩa, nói lời không đúng pháp, nói không tịch tĩnh, lại còn khen ngợi sự không tịch tĩnh, trái ngược thời gian, không khéo dạy dỗ, không khéo la mắng. Đó là bốn nghiệp do miệng cố tạo bất thiện đưa đến khổ quả và sự thọ lấy khổ báo.

Những gì là ba nghiệp do cố ý tạo, bất thiện, đưa đến khổ quả và sự thọ lấy khổ báo? Đó là tham: Rình mò của cải và các nhu cầu sinh sống của người khác, thường tham lam, ước muốn sao cho được về của mình. Hai là sân nhuế: Trong ý ôm lòng oán ghét, nghĩ rằng: "Chúng sinh kia đáng giết, đáng

trối, đáng bắt, đáng loại bỏ, đáng đuổi đi, mong cho kẻ kia thọ khổ vô lượng". Ba là tà kiến, sở kiến điên đảo: Thấy như vậy, nói như vậy: "Không có bố thí, không có trai phước, và không có chú thuyết, không có nghiệp thiện ác và nghiệp báo thiện ác, không có đời này và đời sau, không có cha mẹ, trên đời không có bậc chân nhân đi đến thiện xứ, khéo vượt qua cõi này, khéo hướng đến đời này hay đời sau, tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu và an trụ". Đó là ba nghiệp do ý cố tạo, bất thiện, đưa đến khổ quả, thọ lấy khổ báo.

Đa văn Thánh đệ tử xả bỏ nghiệp bất thiện của thân, tu thân thiện nghiệp, xả bỏ nghiệp bất thiện của miệng và ý, tu thiện nghiệp miệng và ý. Đa văn Thánh đệ tử đầy đủ giới đức tinh tấn như vậy, thành tựu tịnh nghiệp nơi thân, đầy đủ tịnh nghiệp nơi miệng và ý, là sân nhuế, là não hại, từ bỏ ngủ nghỉ, không trạo cử và cống cao, đoạn nghi, vượt kiêu mạn, chánh niệm, chánh trí, không còn ngu si; tâm vị ấy đi đôi với từ, rải khắp một phương, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, với hai, ba, bốn phương và bốn góc trên dưới, rải khắp tất cả, tâm đi đôi với từ, không thù, không oán, không sân nhuế, không não hại, quảng đại vô biên, vô lượng, khéo tu tập, rải khắp tất cả thế gian,

thành tựu và an trụ. Người kia suy nghĩ rằng: “Tâm ta xưa kia vốn nhỏ hẹp, không khéo tu; tâm ta nay đây quảng đại vô lượng, khéo tu tập”. Đa văn Thánh đệ tử với vô lượng, khéo tu tập như vậy, nếu trước kia nhân ác tri thức, vì đã phóng dật, mà tạo tác nghiệp bất thiện; nay những thứ ấy không thể lôi kéo, không thể làm ô uế, không còn đi theo nữa. Giả sử có một trẻ thơ, hoặc trai hoặc gái, vừa sinh ra liền có thể tu hành từ tâm giải thoát, về sau thân, khẩu và ý có còn tạo những nghiệp bất thiện nữa chăng?

Các Tỳ-kheo thưa:

— Bạch Thế Tôn, không thể. Vì sao vậy? Tự mình không tạo ác nghiệp, thì ác nghiệp ấy do đâu mà sanh?

— Do đó, người tại gia và xuất gia, nam hay nữ thường phải siêng tu từ tâm giải thoát. Nếu người tại gia và xuất gia, nam hay nữ ấy tu từ tâm giải thoát, thì không còn mang thân này đi đến đời sau mà chỉ theo tâm đi khỏi cõi này. Tỳ-kheo nên nghĩ như vậy: “Ta vốn vì buông lung mà tạo nghiệp bất thiện; tất cả có thể thọ báo trong đời này chứ không để đến đời sau nữa.” Nếu có người thực hành từ tâm giải thoát rộng lớn vô lượng, khéo tu tập như vậy, chắc chắn người ấy sẽ chứng

quả A-na-hàm, hoặc chứng cao hơn nữa. Cũng vậy, tâm bi và hỷ tương ứng với xả, không thù, không oán, không sân nhuế, không náo hại, quảng đại vô lượng, vô biên, khéc tu tập, rải khắp tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Người ấy suy nghĩ như vậy: “Tâm ta trước vốn nhỏ hẹp, không khéo tu tập; tâm ta nay đây rộng lớn vô lượng, được khéo tu tập”. Đa văn Thánh đệ tử với tâm vô lượng, khéo tu tập như vậy, nếu trước kia nhân ác tri thức mà đã phóng dật và tạo tác nghiệp bất thiện; nay những thứ ấy không thể lôi kéo, không thể làm cho ô uế, không còn đi theo nữa. Giả sử có một trẻ thơ trai hay gái, vừa sinh ra liền có thể thực hành xả tâm giải thoát, về sau, thân, khẩu, ý có còn tạo tác những nghiệp bất thiện nữa chăng?

Tỳ-kheo trả lời:

— Bạch Thế Tôn, không thể. Vì sao vậy? Tự mình không tạo ác nghiệp, thì ác nghiệp do đâu mà sanh?

— Do đó, người tại gia và xuất gia, nam hay nữ, thường phải siêng tu xả tâm giải thoát; nếu những người tại gia và xuất gia, nam hay nữ kia mà tu xả tâm giải thoát, sẽ không còn mang thân này đi đến đời sau mà chỉ theo tâm đi khỏi cõi

này. Tỳ-kheo nên nghĩ như vậy: “Ta vốn buông lung tạo nghiệp bất thiện tất có thể thọ báo trong đời này chứ không để đến đời sau nữa”. Nếu có người thực hành xả tâm giải thoát, rộng lớn vô lượng, khéo tu tập như vậy chắc chắn chứng quả A-na-hàm, hay là chứng cao hơn.

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

6. KINH GIÀ-LAM

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật du hóa tại Già-lam viên, cùng đại chúng Tỳ-kheo, đến Cơ-xá Tử, trụ trong vườn Thi-nhiếp-hòa-phá phía Bắc thôn Cơ-xá Tử.

Bấy giờ, những người Già-lam ở Cơ-xá Tử nghe đồn Sa-môn Cù-đàm thuộc dòng họ Thích, đã từ giá dòng họ Thích, xuất gia học đạo, đang du hóa tại Già-lam viên cùng đại chúng Tỳ-kheo, đến Cơ-xá Tử này, trụ trong rừng Thi-nhiếp-hòa, ở phía Bắc thôn Cơ-xá Tử. Vị Sa-môn Cù-đàm ấy có tiếng tăm lớn, truyền khắp mười phương rằng: “Sa-môn Cù-đàm là bậc Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế

Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu. Vị ấy ở trong thế gian này, giữa chư Thiên và Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ loài Người cho đến loài Trời, tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu và án trụ. Vị ấy nếu có thuyết pháp, sơ thiện, trung thiện, cứu cánh, cúng thiện, có nghĩa, có văn, cụ túc thanh tịnh, hiển hiện phạm hạnh. Nếu gặp được đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác để tôn trọng, lễ bái, cúng dường, thờ kính, thì sẽ rất được thiện lợi. Chúng ta hãy cùng nhau đến gặp Sa-môn Cù-đàm để lễ bái cúng dường.” Những người Già-lam ở Cơ-xá Tử nghe như vậy, mỗi người cùng với quyến thuộc của mình kéo nhau đến Cơ-xá Tử, đi về phía Bắc, tới rừng Thi-nhiếp-hòa, họ muốn gặp đức Thế Tôn để lễ bái, cúng dường.

Đi đến chỗ Phật ngự, những người Già-lam ấy, hoặc có người cúi đầu lễ dưới chân Phật rồi ngồi sang một bên, hoặc có người chào hỏi đức Phật rồi ngồi sang một bên, hoặc có người chấp tay hướng đến đức Phật rồi ngồi sang một bên, hoặc có người từ đằng xa thấy đức Phật rồi im lặng ngồi xuống.

Lúc đó, những người Già-lam đều đã ngồi yên, đức Phật thuyết pháp cho họ, khuyến phát khát

ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu tâm hoan hỷ, Ngài ngồi im lặng.

Bấy giờ, những người Già-lam sau khi đã được đức Phật thuyết pháp, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, họ thấy đều từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa áo, trích vai bên hữu, chấp tay hướng đến đức Phật, rồi bạch đức Thế Tôn:

— Thưa Cù-đàm, có một vị Sa-môn Phạm chí đi đến Già-lam chỉ tự khen ngợi tri kiến của mình mà chê bai tri kiến của người khác. Thưa Cù-đàm, lại có một vị Sa-môn Phạm chí đi đến Già-lam cũng chỉ tự khen ngợi tri kiến của mình mà chê bai tri kiến của người khác. Thưa Cù-đàm, chúng tôi nghe vậy, liền sinh ra ngờ vực: “Những vị Sa-môn Phạm chí ấy, vị nào thật? Vị nào hư?”.

Đức Thế Tôn dạy:

— Nay các người Già-lam, các Người chớ sinh ra ngờ vực. Vì sao vậy? Vì nhân có ngờ vực liền sinh ra do dự. Nay các người Già-lam, các Người vốn không có tịnh trí để biết có đời sau hay không có đời sau. Nay các người Già-lam, các Người cũng không có tịnh trí để biết điều đã làm là có tội, hay không có tội. Nay các người Già-lam, nên biết các

nghiệp vốn sẵn có ba tập nhân. Những gì là ba? Đây các người Già-lam, tham là tập nhân sẵn có của các nghiệp. Đây các người Già-lam, nhuế và si là tập nhân sẵn có của các nghiệp.

Này các người Già-lam, người có tham thì bị tham che lấp, tâm không yếm túc, hoặc sát sanh, hoặc không cho mà lấy, hoặc hành tà dâm, hoặc biết rồi nói dối, hoặc lại uống rượu. Đây các người Già-lam, người có nhuế thì bị nhuế che lấp, tâm không yếm túc, hoặc sát sanh, hoặc không cho mà lấy, hoặc hành tà dâm, hoặc biết rồi nói dối, hoặc lại uống rượu. Đây các người Già-lam, người có si thì bị si che lấp, tâm không yếm túc, hoặc sát sanh, hoặc không cho mà lấy, hoặc hành tà dâm, hoặc biết rồi nói dối, hoặc lại uống rượu.

Này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử xa lìa việc sát, đoạn trừ việc sát, vứt bỏ dao gậy, có tâm, có quý, có tâm từ bi, làm lợi ích cho tất cả cho đến loài côn trùng. Những vị ấy, đối với việc sát sinh, tâm đã tịnh trừ.

Này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử xa lìa việc không cho mà lấy, đoạn trừ việc không cho mà lấy, chỉ lấy của được cho, vui trong việc lấy của đã được cho, thường ưa sự bố thí, vui vẻ, không keo kiệt, không mong người kia đền trả.

Những vị ấy, đối với việc không cho mà lấy, tâm đã tịnh trừ.

Này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử xa lìa sự phi phạm hạnh, đoạn trừ những việc phi phạm hạnh, siêng tu phạm hạnh, siêng tu điều hạnh, thanh tịnh, không ướ, ly dục, đoạn dâm. Những vị ấy, đối với việc phi phạm hạnh, tâm đã tịnh trừ.

Này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử xa lìa sự nói dối, đoạn trừ sự nói dối, nói lời chân thật, ưa thích sự chân thật, an trụ nơi sự chân thật, không di động; tất cả những điều vị ấy nói, đều đáng tin, không lừa gạt thế gian. Những vị ấy đối với sự nói dối, tâm đã tịnh trừ.

Này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử xa lìa sự nói hai lưỡi, đoạn trừ việc nói hai lưỡi, thực hành hạnh không nói hai lưỡi, không phá hoại kẻ khác, không nghe nơi người này nói lại với người kia muốn phá hoại người này, không nghe nơi người kia nói lại với người này vì muốn phá hoại người kia, đối với những người xa lìa nhau thì muốn kết hợp lại, thấy người kết hợp lại thì vui vẻ, không kết bè đảng, không ưa việc bè đảng, không khen việc bè đảng. Những vị ấy, đối với việc nói hai lưỡi, tâm đã tịnh trừ.

Này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử xa lìa việc nói thô ác, đoạn trừ việc nói thô ác, nếu có nói những lời mà từ khí thô bạo, âm thanh hung dữ, trái tai, mọi người không vui, mọi người không ưa, làm cho người khác khổ não, làm cho họ không được yên ổn; vị ấy đoạn trừ những lời như vậy. Nếu có nói lời gì thì hòa nhã, dịu dàng, xuôi tai, đi vào lòng người, đáng thích, đáng yêu, làm cho người kia an lạc, âm thanh đầy đủ, rõ ràng, không làm cho người kia sợ sệt, làm cho người kia được yên ổn; vị ấy nói những lời như vậy. Những vị ấy, đối với việc nói thô ác, tâm đã tịnh trừ.

Này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử xa lìa lời nói thêu dệt, đoạn trừ lời nói thêu dệt, nói đúng lúc, nói đúng sự thật, nói về pháp, nói về nghĩa, nói về tịch tĩnh, ưa nói về tịch tĩnh, hợp việc, hợp thời, thích nghi, khéo dạy dỗ, khéo quở rầy. Những vị ấy, đối với việc nói lời thêu dệt, tâm đã tịnh trừ.

Này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử xa lìa tham lam, đoạn trừ tham lam, không ôm lòng náo hại, thấy của cải và các nhu cầu sinh sống của người khác, không nóng lòng tham lam, muốn cho được về mình. Những vị ấy, đối với việc tham lam, tâm đã tịnh trừ.

Này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử xa lìa giận dữ, đoạn trừ giận dữ, có tâm, có quý, có tâm từ bi, làm lợi ích cho tất cả, cho đến loài côn trùng. những vị ấy, đối với việc ghét giận, tâm đã tịnh trừ.

Này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử xa lìa tà kiến, đoạn trừ tà kiến, thực hành chánh kiến, không điên đảo, thấy như vậy, nói như vậy: “Có sự bố thí, có sự trai phước và cũng có chú thuyết, có nghiệp thiện ác, có nghiệp báo thiện ác, có đời này đời sau, có cha, có mẹ, trên đời có những bậc chân nhân đi đến thiện xứ, khéo vượt qua cõi này, khéo hướng đến đời này và đời sau, tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu và an trụ”. Những vị ấy, đối với tà kiến, tâm đã tịnh trừ.

Này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử thành tựu tịnh nghiệp nơi thân, thành tựu tịnh nghiệp nơi khẩu và ý, xa lìa nhuế, xa lìa não hại, trừ bỏ ngủ nghỉ, không trạo cử, cống cao, đoạn trừ nghi, vượt qua mạn, chánh niệm, chánh trí, không có ngu si; tâm vị kia tương ứng với từ, biến mãn một phương, thành tựu và an trụ; cũng vậy, trong hai, ba, bốn phương, tứ duy thượng hạ, cùng khắp tất cả, tâm tương ứng với từ, không thù, không

oán, không sân nhuế, không não hại, rất rộng lớn, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ; cũng vậy, tâm bi, hỷ tương ứng với xả, không thù, không oán, không sân nhuế, không não hại, rất rộng lớn, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử tâm không thù, không oán, không sân nhuế, không não hại, liền được bốn trụ xứ an ổn. Những gì là bốn? Nếu có đời này, đời sau, có nghiệp báo thiện ác; khi ta đã được nghiệp tương ứng với chánh kiến này rồi, ta thọ trì đầy đủ, thân hoại mạng chung chắc sanh đến thiện xứ cho đến sanh lên các cõi trời. Như vậy, này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử tâm không thù, không oán, không sân nhuế, không não hại; đó là trụ xứ an ổn thứ nhất.

Lại nữa, này các người Già-lam, không có đời này đời sau, không có nghiệp báo thiện ác. Như vậy, ở ngay trong đời này, không phải do cố ấy mà ta bị người kia chê bai, nhưng lại được bậc chánh trí khen ngợi là người tinh tấn, là người có chánh kiến. Như vậy, này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử tâm không thù, không oán, không não hại; đó là được trụ xứ an ổn thứ hai.

Lại nữa, này các người Già-lam, nếu có tạo tác, chắc chắn ta không tạo ác, vì ta không niệm ác. Vì sao vậy? Vì tự mình không tạo ác, khổ do đâu sinh?. Như vậy, này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử tâm không thù, không oán, không não hại; đó là được trụ xứ an ổn thứ ba.

Lại nữa, này các người Già-lam, nếu có tạo tác, chắc chắn ta không tạo ác, vì ta không xâm phạm đời, sợ hay không sợ, thường nên thương xót tất cả thế gian, tâm ta không tranh chấp với thế gian, không vẩn đục, hân hoan. Như vậy, này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử tâm không thù, không oán, không não hại, đó là được trụ xứ an ổn thứ tư.

Như vậy, này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử tâm không kết, không oán, không sân hận, không não hại; đó là bốn trú xứ an ổn.

Các người Già-lam bạch Phật:

— Thật như vậy, thưa Cù-đàm, Đa văn Thánh đệ tử tâm không thù, không oán, không não hại, sẽ được bốn trú xứ an ổn. Nhưng gì là bốn? Nếu có đời này, đời sau, có nghiệp báo thiện ác; khi ta đã được nghiệp tương ứng với chánh kiến này rồi, thọ tri đầy đủ, thân hoại mạng chung chắc sanh

đến thiện xứ cho đến sanh lên các cõi trời. Như vậy, thưa Cù-đàm, Đa văn Thánh đệ tử tâm không thù không oán, không sân nhuế, không não hại; đó là được trụ xứ an ổn thứ nhất.

Lại nữa, thưa Cù-đàm, nếu không có đời này, đời sau, không có nghiệp báo thiện ác, ngay trong đời này, không phải do cố ấy mà ta bị người kia chê bai nhưng lại được bậc chánh trí khen ngợi là người tinh tấn, là người có chánh kiến. Như vậy, thưa Cù-đàm, Đa văn Thánh đệ tử tâm không thù, không oán, không sân nhuế, không não hại; đó là được trụ xứ an ổn thứ hai.

Lại nữa, thưa Cù-đàm, nếu có tạo tác, chắc chắn ta không tạo ác. Vì sao vậy? Vì tự mình không tạo ác, khổ do đâu sinh?. Như vậy, thưa Cù-đàm, Đa văn Thánh đệ tử tâm không thù, không oán, không sân nhuế, không não hại; đó là được trụ xứ an ổn thứ ba.

Lại nữa, thưa Cù-đàm, nếu có tạo tác, chắc chắn ta không tạo ác, vì ta không xâm phạm đời, sợ hay không sợ, thường nên thương xót tất cả thế gian, tâm ta không tranh chấp với thế gian, không vẩn đục, hân hoan. Như vậy, thưa Cù-đàm, Đa văn Thánh đệ tử tâm không thù, không oán, không

sân nhuế, không náo hại; đó là được trụ xứ an ổn thứ tư.

Như vậy, thưa Cù-đàm, Đa văn Thánh đệ tử tâm không kết, không oán, không sân hận, không náo hại; đó là được bốn trú xứ an ổn.

Thưa Cù-đàm, chúng tôi đã biết; bạch Thiện Thệ, chúng tôi đã hiểu; bạch Thế Tôn, chúng tôi trọn đời tự quy y với Phật, Pháp và Đại chúng Tỳ-kheo, cúi mong đức Thế Tôn chấp nhận chúng tôi làm Ưu-bà-tắc bắt đầu từ hôm nay, trọn đời tự quy y cho đến lúc mạng chung.

Đức Phật thuyết như vậy, tất cả các người Già-lam và các vị Tỳ-kheo nghe đức Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

7. KINH CA-DI-NI

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại vườn Na-nan-đà, trong rừng Tương-thôn-nại.

Bấy giờ, vị Trời A-tư-la có người con là Ca-di-ni sắc tướng uy nghi, chói sáng rực rỡ, lúc đêm gần về sáng, đi đến nơi đức Phật, cúi lạy dưới chân đức Phật rồi ngồi sang một bên. Ca-di-ni, con Trời A-tư-la, bạch:

— Bạch đức Thế Tôn, các người Phạm chí tự cao ngạo ngang bằng Trời. Họ cho rằng, nếu có chúng sinh nào mạng chung; họ có thể làm cho tự do qua lại các thiện xứ, sinh lên cõi trời. Đức Thế Tôn là đấng Pháp Chủ, mong đức Thế Tôn làm

cho chúng sanh khi mạng chung đi đến thiện xứ, sinh lên cõi trời.

Đức Thế Tôn dạy:

— Nay Ca-di-ni, nay Ta hỏi Ông, tùy theo sự hiểu biết của Ông mà trả lời. Nay Ca-di-ni, ý Ông nghĩ thế nào, nếu trong thôn ấp, hoặc có người nam, nữ biếng nhác, không tinh tấn, lại thực hành ác pháp, thành tựu mười loại nghiệp đạo bất thiện: sát sanh, không cho mà lấy, tà dâm, nói dối cho đến tà kiến; người ấy khi mạng chung, nếu có một số người đến đều chấp tay hướng về người đó kêu gọi, van lơn, nói như thế này: “Các người nam hoặc nữ, các người biếng nhác, không siêng năng, lại thực hành ác pháp, thành tựu mười loại nghiệp đạo bất thiện: sát sinh, không cho mà lấy, tà dâm, nói dối cho đến tà kiến; các vị nhân việc này, duyên việc này, khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đi đến thiện xứ, sinh lên cõi trời”. Như vậy, nay Ca-di-ni, những người nam hay nữ biếng nhác, không siêng năng, lại thực hành ác pháp, thành tựu mười loại nghiệp đạo bất thiện: sát sinh, không cho mà lấy, tà dâm, nói dối cho đến tà kiến, có thể nào vì được một số người đều chấp tay hướng về họ mà kêu gọi, van lơn; nhân việc ấy, duyên

việc ấy mà lúc thân hoại mạng chung, họ lại được đi đến thiện xứ, sinh lên cõi trời không?

Ca-di-ni thưa:

— Không thể được, bạch đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn khen:

— Đúng thế, Ca-di-ni! Vì sao thế? Những người nam hay nữ kia biếng nhác, không siêng năng, lại thực hành ác pháp, thành tựu mười loại nghiệp đạo bất thiện: sát sinh, không cho mà lấy, tà dâm, nói dối cho đến tà kiến, nếu được một số người đến chấp tay hướng về họ mà kêu gọi, van lơn; nhân việc ấy, duyên việc ấy mà lúc thân hoại mạng chung, họ lại được đi đến thiện xứ, sinh lên cõi trời; việc đó không thể có.

Này Ca-di-ni, cũng như cách thôn không bao xa có vực nước sâu, nơi đó có người ôm một tảng đá lớn và nặng ném vào trong nước, nếu có một số người đến, đều chấp tay hướng về tảng đá mà kêu gọi, van lơn, nói như thế này: “Mong tảng đá nổi lên! Mong tảng đá nổi lên!”. Này Ca-di-ni, Ông nghĩ thế nào? Tảng đá lớn nặng đó có thể nào vì được một số người chấp tay hướng về nó, khen ngợi, cầu xin, nhân việc đó, duyên việc đó mà sẽ nổi lên không?

Ca-di-ni trả lời :

— Không thể được, bạch đức Thế Tôn.

— Cũng vậy, này Ca-di-ni, những người nam nữ kia biếng nhác, không tinh tấn, lại thực hành ác pháp, thành tựu mười loại nghiệp đạo bất thiện: sát sanh, không cho mà lấy, tà dâm, nói dối cho đến tà kiến, nếu được một số người đến chấp tay hướng về họ mà kêu gọi, van lơn, nhân việc đó, duyên việc đó mà lúc thân hoại mạng chung, họ được đi đến thiên xứ, sinh lên cõi trời; điều ấy không thể có được. Vì sao thế? Bởi vì mười loại nghiệp đạo bất thiện này vốn đen, có quả báo đen, tự nhiên đi thẳng xuống, chắc chắn đến ác xứ.

Này Ca-di-ni, Ông nghĩ thế nào, nếu như trong thôn ấp hoặc có người nam hay nữ, tinh tấn siêng tu, lại thực hành diệu pháp, thành tựu mười nghiệp đạo thiện, xa lìa việc giết, đoạn trừ việc giết, không cho mà lấy, tà dâm, nói dối cho đến xa lìa tà kiến, được chánh kiến. Người ấy khi mạng chung, nếu có một số người đến đều chấp tay hướng về người đó mà kêu gọi, van lơn, nói như thế này: “Này các Người, nam hoặc nữ, các Người đã tinh tấn siêng tu, lại thực hành diệu pháp, thành tựu mười nghiệp đạo thiện, xa lìa việc giết, đoạn trừ việc giết, không

cho mà lấy, tà dâm, nói dối cho đến xa lìa tà kiến, đoạn trừ tà kiến, được chánh kiến. Các Người nhân việc đó, duyên việc đó mà khi thân hoại mạng chung hãy đi đến ác xứ, sinh vào địa ngục!”. Này Ca-di-ni, Ông nghĩ thế nào? Các người nam nữ kia tinh tấn siêng tu, lại thực hành diệu pháp, thành tựu mười nghiệp đạo thiện, xa lìa việc giết, đoạn trừ việc giết, không cho mà lấy, tà dâm, nói dối cho đến xa lìa tà kiến, đoạn trừ tà kiến, được chánh kiến, có thể nào vì bị một số người đến chấp tay hướng về người đó kêu gọi, van lơn; nhân việc đó, duyên việc đó, mà khi thân hoại mạng chung họ phải đi đến ác xứ, sinh vào địa ngục không?

Ca-di-ni trả lời:

— Không thể được, bạch đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn khen:

— Đúng thế, Ca-di-ni! Vì sao vậy? Này Ca-di-ni, những người nam hay nữ kia siêng năng tinh tấn, lại thực hành diệu pháp, thành tựu mười nghiệp đạo thiện, xa lìa việc giết, đoạn trừ việc giết, không cho mà lấy, tà dâm, nói dối cho đến xa lìa tà kiến, đoạn trừ tà kiến, được chánh kiến, nếu được một số người chấp tay hướng về người đó mà kêu gọi, van lơn; nhân việc đó, duyên việc

đó mà khi thân hoại mạng chung hãy đi đến ác xứ, sinh vào địa ngục; điều này không thể có. Vì sao vậy? Nay Ca-di-ni, bởi vì mười nghiệp đạo thiện này là trắng, có quả báo trắng, tự nhiên thăng lên, chắc chắn đến thiện xứ.

Nay Ca-di-ni, cũng như cách thôn không bao xa có vực nước sâu, nơi đó có người đem hũ dầu bỏ quăng vào nước nên bể ra, sành cặn chìm xuống, dầu bơ nổi lên trên. Cũng vậy, nay Ca-di-ni, những người nam hay nữ kia tinh tấn, siêng tu, lại thực hành diệu pháp, thành tựu mười nghiệp đạo thiện, xa lìa việc giết, đoạn trừ việc giết, không cho mà lấy, tà dâm, nói dối cho đến xa lìa tà kiến, đoạn trừ tà kiến, được chánh kiến; người ấy khi mạng chung, thân thể là sắc thô nặng, thuộc về bốn đại, do cha mẹ sinh, nuôi lớn bằng cơm áo, chống dựa khi ngồi nằm, chăm sóc bằng tắm gội là pháp phá hoại, là pháp diệt tận, là pháp ly tán. Sau khi mạng chung, hoặc chìm qua rĩa mớ, hoặc hùm sói ăn, hoặc bị đốt, hoặc bị chôn; tất cả trở thành cát bụi; tâm, ý, thức của người ấy thường được huân tập bởi tín, bởi tinh tấn, bởi đa văn, bố thí, trí tuệ; người ấy nhân việc đó, duyên việc đó mà tự nhiên thăng lên cao, sinh đến thiện xứ.

Này Ca-di-ni, người ấy đối với việc sát sinh, đã xa lìa việc giết, đoạn trừ việc giết; đó là con đường viên quán, con đường thẳng tấn, con đường thiện xứ.

Này Ca-di-ni, cũng vậy, đối với sự không cho mà lấy, tà dâm, nói dối, cho đến tà kiến, xa lìa tà kiến, được chánh kiến; đó là con đường viên quán, con đường thẳng tấn, con đường thiện xứ.

Này Ca-di-ni, lại có con đường viên quán, con đường thẳng tấn, con đường thiện xứ. Thế nào là lại có con đường viên quán, con đường thẳng tấn, con đường thiện xứ? Đó là Tám chi Thánh đạo, từ Chánh kiến cho đến Chánh định là tám. Này Ca-di-ni, đó là con đường viên quán, con đường thẳng tấn, con đường thiện xứ.

Đức Phật thuyết như vậy, Ca-di-ni và các vị Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

8. KINH SƯ TỬ

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật du hóa tại nước Tỳ-xá-ly, cao lâu đài quán bên bờ Di-hầu,

Bấy giờ, một số đông Lệ-xế ở Tỳ-xá-ly tụ họp ở thánh đường, một số xưng tán Phật, một số xưng tán Pháp và chúng Tỳ-kheo. Lúc ấy, đại thần Sư Tử, đệ tử Ni-kiền, cũng ở trong chúng đó. Bấy giờ đại thần Sư Tử muốn đến thăm viếng đức Phật để cúng dường, lễ bái. Đại thần Sư Tử trước hết đi tới các vị Ni-kiền, thưa với các vị Ni-kiền:

— Thưa chư Tôn, tôi muốn đến thăm viếng Sa-môn Cù-dàm.

Tức thì các Ni-kiền quở Sư Tử:

— Ông chớ đến thăm Sa-môn Cù-đàm. Vì sao vậy? Sa-môn Cù-đàm có tôn chỉ không nên làm và cũng giảng cho mọi người về pháp không nên làm. Nay Sư Tử, nếu thăm viếng người có tôn chỉ không nên làm sẽ không được may mắn, cúng dường, lễ bái cũng sẽ không được may mắn.

Nhóm đông Lệ-xế ở Tỳ-xá-ly kia, lần thứ hai, rồi lần thứ ba tụ tập nơi thính đường, một số xưng tán Phật, một số xưng tán Pháp và chúng Tỳ-kheo. Lúc ấy, đại thần Sư Tử, đệ tử Ni-kiền cũng lần thứ hai, rồi lần thứ ba ở trong chúng đó. Bấy giờ đại thần Sư Tử cũng lần thứ hai, rồi lần thứ ba, muốn đến thăm viếng đức Phật để cúng dường lễ bái. Đại thần Sư Tử không cáo từ các Ni-kiền nữa, mà đi thẳng đến đức Phật, cùng nhau chào hỏi rồi ngồi xuống một bên và nói:

— Tôi nghe rằng Sa-môn Cù-đàm có tôn chỉ không nên làm và cũng đem pháp không nên làm giảng cho người khác. Thưa Cù-đàm, nếu có người nói như vậy: “Sa-môn Cù-đàm có tôn chỉ không nên làm, và cũng đem pháp không nên làm giảng cho người khác.” Người đó há không hủy báng Sa-môn Cù-đàm chăng? Người ấy có nói sự thật chăng? Người ấy nói có đúng pháp chăng? Người

ấy nói pháp như pháp chẳng? Đối với như pháp, người ấy không có sai lầm và không bị chỉ trích chẳng?

Đức Thế Tôn trả lời:

— Này Sư Tử, nếu có ai nói như vậy: “Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ không nên làm, và cũng đem pháp không nên làm giảng cho mọi người”, người ấy không hủy báng Sa-môn Cù-đàm, người ấy nói sự thật, người ấy nói đúng pháp, người ấy nói như pháp; đối với pháp không có sai lầm, cũng không bị chỉ trích. Vì sao vậy? Này Sư Tử, có một sự kiện mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: “Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ không nên làm, và cũng đem pháp không nên làm ấy nói cho người khác.”

Này Sư Tử, lại có một sự kiện nữa mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: “Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ nên làm và cũng đem pháp nên làm ấy nói cho người khác.”

Này Sư Tử, lại có một sự kiện nữa mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: “Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ đoạn diệt, và cũng đem pháp đoạn diệt nói cho người khác.”

Này Sư Tử, có một sự kiện khác mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: “Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ khả tắng ố và cũng đem pháp khả tắng ố ấy nói cho người khác.”

Này Sư Tử, lại có một sự kiện khác mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: “Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ pháp luật và cũng đem pháp luật ấy nói cho người khác.”

Này Sư Tử, lại có một sự kiện khác nữa mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: “Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ khổ hạnh và cũng đem pháp khổ hạnh nói cho người khác.”

Này Sư Tử, lại có một sự kiện mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: “Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ không vào thai và cũng đem pháp không vào thai nói cho người khác.”

Này Sư Tử, lại có một sự kiện mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: “Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ an ổn và cũng đem pháp an ổn nói cho người khác.”

Này Sư Tử, thế nào là có một sự kiện mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: “Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ không nên làm và cũng đem tông chỉ không nên làm nói cho người khác”? Này Sư Tử, Ta nói thân ác hạnh là không nên làm, khẩu và ý ác hạnh cũng không nên làm. Này Sư Tử, nếu có vô lượng pháp ô uế, bất thiện tương tự như vậy, thì đấy là cội gốc của sự hữu trong tương lai, là nhân của khổ báo phiền nhiệt và của sanh, già, bệnh, chết. Này Sư Tử, Ta nói tất cả pháp ấy đều không nên làm. Này Sư Tử, đó là có một sự kiện mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: “Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ không nên làm và cũng đem pháp không nên làm nói cho người khác.”

Này Sư Tử, thế nào là có một sự kiện mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: “Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ nên làm và cũng đem pháp nên làm nói cho người khác”? Này Sư Tử, Ta nói, thân diệu hạnh là nên làm; khẩu và ý diệu hạnh cũng nên làm. Này Sư Tử, nếu có vô lượng thiện pháp tương tự như vậy thì chúng sẽ mang lại lạc quả, được thọ lạc báo, sanh về thiện xứ và được sống lâu. Này Sư Tử, Ta nói, tất cả những pháp này đều nên làm. Này Sư

Tử, đó là có một sự kiện khác mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng, “Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ nên làm và cũng đem pháp nên làm nói cho người khác.”

Này Sư Tử, thế nào là có một sự kiện khác, mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: “Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ đoạn diệt và cũng đem pháp đoạn diệt ấy nói cho người khác”? Này Sư Tử, thân ác hạnh nên đoạn diệt, khẩu và ý ác hạnh cũng nên đoạn diệt. Này Sư Tử, nếu có vô lượng pháp ô uế, bất thiện tương tự như vậy, thì đây là cội gốc cho sự hữu trong tương lai, làm nhân cho khổ báo phiền nhiệt và cho sanh, già, bệnh, chết. Này Sư Tử, Ta nói tất cả pháp đó nên đoạn diệt. Này Sư Tử, đó là có một sự kiện mà nhân sự kiện đó đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: “Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ đoạn diệt và cũng đem pháp đoạn diệt ấy nói cho người khác.”

Này Sư Tử, thế nào là có một sự kiện mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật không thể hủy báng rằng: “Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ khả tạng ổ, và cũng đem pháp khả tạng ổ ấy nói cho người khác”? Này Sư Tử, Ta nói thân ác hạnh nên tạng ổ, khẩu, ý, ác hạnh cũng nên tạng ổ. Này Sư

Tử, nếu có vô lượng pháp ô uế, bất thiện tương tự như vậy thì đây là cội gốc cho sự hữu trong tương lai, làm nhân cho khổ báo phiền nhiệt, và cho sanh, già, bệnh, chết. Nay Sư Tử, những pháp ấy Ta nói đều nên tắng ô. Nay Sư Tử, đó là có một sự kiện mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật không thể hủy báng rằng: “Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ khả tắng ô và cũng đem pháp khả tắng ô nói cho người khác.”

Này Sư Tử, thế nào là có một sự kiện mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: “Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ pháp luật và cũng đem pháp luật ấy nói cho người khác”? Nay Sư Tử, vì mục đích đoạn tham dâm mà Ta nói pháp luật, vì mục đích đoạn sân nhuế và ngu si mà Ta nói pháp luật. Nay Sư Tử, nếu có vô lượng pháp ô uế, bất thiện tương tự như vậy, thì đây là cội gốc của sự hữu trong tương lai, là nhân của khổ báo phiền nhiệt, và của sanh, già, bệnh, chết. Nay Sư Tử, vì mục đích đoạn trừ những sự kiện ấy mà Ta nói pháp luật. Nay Sư Tử, đó là có một sự kiện mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: “Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ pháp luật và cũng đem tông chỉ pháp luật ấy nói cho người khác.”

Này Sư Tử, thế nào là có một sự kiện mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: “Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ khổ hạnh và cũng đem pháp khổ hạnh nói cho người khác”? Này Sư Tử, hoặc có Sa-môn Phạm chí lỏa hình, không y phục, hoặc dùng tay làm y phục, hoặc lấy lá làm y phục, hoặc lấy châu ngọc làm y phục, hoặc không mức nước bằng bình, hoặc không mức nước bằng gáo, không ăn đồ ăn xóc xĩa bằng dao, gậy, không ăn đồ ăn lừa dối, không tự mình đến, không gửi tin đi, không đến chỗ tôn quý, không thích chỗ tôn quý, không ở chỗ tôn quý, không ăn giữa hai người đang ăn, không ăn tại nhà người thứ hai, không ăn tại nhà có nuôi chó, không ăn tại nhà có lằn xanh bay đến, không ăn cá, không ăn thịt, không uống rượu, không uống nước dấm, hoặc không uống gì cả, hoặc không uống, hoặc ăn một miếng và cho một miếng là đủ, hoặc ăn hai, ba, bốn cho đến bảy miếng và cho bảy miếng là đủ, hoặc ăn bởi một lần nhận được và cho một lần nhận được là đủ, hoặc ăn bởi hai, ba, bốn cho đến bảy lần nhận được và cho bảy lần nhận được là đủ, hoặc ngày ăn một lần và cho một lần ăn là đủ, hoặc hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy ngày, nửa tháng, hay một tháng ăn một lần và cho rằng

ăn một lần là đủ, hoặc ăn rau cỏ, hoặc ăn lúa cỏ, hoặc ăn nếp tuế, hoặc ăn cám, hoặc ăn đậu đầu-la, hoặc đồ ăn thô, hoặc đến rừng vắng, nương nơi rừng vắng, hoặc ăn rễ, hoặc ăn trái, hoặc ăn quả tự rụng xuống, hoặc mặc áo khâu đủ thứ vải, hoặc mặc áo lông, hoặc mặc áo đầu-xá, hoặc mặc áo đầu-xá bằng lông, hoặc mặc bằng da nguyên, hoặc mặc da có xoi lỗ, hoặc mặc da toàn xoi lỗ, hoặc để tóc xỏa, hoặc để tóc bện, hoặc để tóc vừa xỏa vừa bện, hoặc chỉ cạo tóc hoặc chỉ cạo râu, hoặc cạo cả râu tóc, hoặc chỉ nhổ tóc, hoặc chỉ nhổ râu, hoặc nhổ cả râu tóc, hoặc chỉ đứng thẳng không hề ngồi, hoặc đi chồm hổm, hoặc nằm gai, lấy gai làm giường, hoặc nằm trái, lấy trái làm giường, hoặc thờ nước, ngày đêm lấy tay vọc, hoặc thờ lửa, ngày đêm đốt lên, hoặc thờ mặt trời mặt trăng, thờ đấng Tôn hựu, đại đức, chấp tay hướng về, so như vậy, thì phải chịu vô lượng khổ để học hạnh phiên lao.

Này Sư Tử, có những khổ hạnh như vậy, chứ Ta chẳng nói là không có. Này Sư Tử, nhưng những khổ hạnh như vậy là những nghiệp hạ tiện, rất khổ, rất khốn là do sự thực hành của người phạm phu, không phải Thánh đạo. Này Sư Tử, nếu có Sa-môn Phạm chí nào, đối với các pháp khổ hạnh ấy, biết đoạn diệt, và nhổ dứt tuyệt tất cả gốc rễ

của chúng đến rốt cùng, không cho sanh ra. Ta nói rằng những người kia là khổ hạnh. Nay Sư tử, đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác đối với các pháp khổ hạnh ấy, đã biết đoạn trừ, đã diệt tận, nhổ đứt tuyệt tất cả gốc rễ của chúng đến rốt cùng, không cho sanh ra nữa; do đó, Ta là người khổ hạnh. Nay Sư Tử, đó là có sự kiện mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: “Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ khổ hạnh và cũng đem pháp khổ hạnh ấy nói cho người khác.”

Này Sư Tử, thế nào là có một sự kiện mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: “Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ không vào thai và cũng đem pháp không vào thai ấy nói cho người khác”? Này Sư Tử, nếu có Sa-môn Phạm chí đối với sự thai sanh trong tương lai, mà biết đoạn trừ, diệt tận, nhổ đứt tuyệt tất cả gốc rễ của nó cho đến rốt cùng, không cho sanh ra nữa; Ta nói rằng, người kia không còn vào thai. Này Sư Tử, đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, đối với thai sanh trong tương lai, đã biết, đã đoạn trừ, đã diệt tận, nhổ đứt tuyệt gốc rễ của chúng cho đến rốt cùng, không cho sanh ra nữa; do đó, Ta không còn vào thai nữa. Này Sư Tử, đó là có một sự kiện mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như

thật, không thể hủy báng rằng: “Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ không vào thai và cũng đem pháp không vào thai đó nói cho người khác.”

Này Sư Tử, thế nào là có một sự kiện mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: “Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ an ổn, và cũng đem pháp an ổn nói cho người khác”? Này Sư Tử, có một thiện nam tử nào đó cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, chỉ vì mục đích thành tựu phạm hạnh vô thượng, ở ngay trong đời này tự tri, tự giác, tự chứng, thành tựu và an trụ, biết như thật rằng: “Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.” Ta tự an ổn và cũng an ổn cho các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di khác. Ta đã an ổn và làm cho chúng sanh lệ thuộc sự sanh được giải thoát sự sanh ấy; chúng sanh lệ thuộc sự già, tật bệnh, sự chết, ưu sầu, nhiễm ô, được giải thoát khỏi sự ưu sầu, nhiễm ô ấy. Này Sư Tử, đó là có một sự kiện mà nhân sự kiện đó đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: “Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ an ổn và cũng đem pháp an ổn nói cho người khác.”

Dại thần Sư Tử thưa:

— Bạch Cù-dàm, tôi đã biết; bạch Thiện Thệ, tôi đã hiểu; bạch Cù-dàm, cũng như người tỏ mắt, cái gì úp thì giở lên, cái gì che kín thì mở ra, chỉ đường cho người mê, ban sự sáng đến chỗ tối, nếu người nào có mắt sáng liền thấy màu sắc, Sa-môn Cù-dàm cũng lại như vậy, bằng vô lượng phương tiện để thuyết pháp cho tôi, bày rõ nghĩa lý tùy theo các xu hướng.

Bạch Cù-dàm, nay tôi xin quy y Phật, quy y Pháp và chúng Tỳ-kheo, cúi mong Thế Tôn nhận tôi làm Ưu-bà-tắc, bắt đầu từ hôm nay, trọn đời tự quy y cho đến khi mạng chung!

Bạch Thế Tôn, cũng như có người nuôi một con ngựa chúng mà mong được sự lợi ích, chỉ uống công nhọc nhằn mà chẳng được lợi ích gì cả. Bạch Cù-dàm, tôi cũng như vậy, các Ni-kiên ngu si kia không khéo hiểu biết, không thể tự biết; tôi không nhận thức được đâu là ruộng tốt, mà lại không tự suy xét, mãi miết thờ kính, cúng dường, lễ bái để trông được lợi ích, khổ nhọc mà vô ích. Bạch Thế Tôn, nay tôi lần nữa xin tự quy y Phật, xin quy y Pháp và chúng Tỳ-kheo, cúi mong đức Thế Tôn nhận tôi làm Ưu-bà-tắc, bắt đầu từ hôm nay, trọn đời tự quy y cho đến khi mạng chung!

Bạch Thế Tôn, tôi vốn không hiểu nên đối với các Ni-kiền ngu si kia có sự tin tưởng và kính trọng, từ nay chấm dứt. Vì sao thế? Vì họ đối trá tôi. Bạch Thế Tôn, nay tôi lần thứ ba xin tự quy y nơi Phật, quy y Pháp và chúng Tỳ-kheo, cúi mong Thế Tôn nhận tôi làm Ưu-bà-tắc, bắt đầu từ hôm nay, trọn đời quy y cho đến mạng chung!

Đức Phật thuyết như vậy, đại thần Sư Tử và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

9. KINH NI-KIỀN

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại Thích-ki-sầu, trong Thiên Ấp.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

— Các vị Ni-kiền thấy như vậy, nói như vậy: “Những gì mà con người cảm thọ đều do nhân đã tạo tác từ trước. Nếu những nghiệp cũ của chúng do nhân khổ hạnh diệt mà không tạo nghiệp mới nữa, thì ác nghiệp ấy sẽ chấm dứt. Các nghiệp đã chấm dứt thì các khổ sẽ được chấm dứt, các khổ đã được chấm dứt thì đạt đến khổ biên tế.” Ta liền đến nơi các vị ấy, đến rồi liền hỏi:

“— Này Ni-kiền, phải chăng quả thật các vị thấy như vậy, nói như vậy: "Những gì mà con người cảm thọ đều do nhân đã tạo tác từ trước. Nếu những nghiệp cũ của họ do nhân khổ hạnh diệt mà không tạo nghiệp mới nữa, thì các nghiệp ấy sẽ chấm dứt, các khổ đã được chấm dứt thì đã đạt đến khổ biên tế"?

Họ trả lời:

“— Đúng vậy, thưa Cù-đàm.

Ta lại hỏi các vị Ni-kiền kia:

“— Các vị tự cho là có tịnh trí, vậy có biết rằng: "Trước kia ta có hay không có, trước kia ta tạo tác ác hay không tạo tác ác? Ta bị chừng ấy khổ là hết hay bị chừng ấy khổ vẫn chưa hết, nếu hết rồi thì sẽ được hết vĩnh viễn hay không. Chính ngay trong đời này mà đoạn các pháp bất thiện và tạo được các thiện pháp tu tập và tác chứng"?

Họ trả lời Ta:

“— Không, thưa Cù-đàm.

Ta lại bảo các Ni-kiền kia:

“— Các vị tự không có tịnh trí để biết rằng: "Trước kia ta có hay không có; trước kia ta tạo tác ác hay không tạo tác ác? Ta bị chừng ấy khổ là

hết hay bị chừng ấy khổ vẫn chưa hết? Nếu hết rồi thì sẽ được hết vĩnh viễn? Chính ngay trong đời này đoạn các pháp bất thiện và tạo được các thiện pháp, tu tập và tác chứng"? Và các Ông lại nói rằng: "Những gì mà con người cảm thọ đều do nhân đã tạo tác từ trước. Nếu những nghiệp cũ của họ do nhân khổ hạnh diệt và không tạo nghiệp mới nữa, thì các nghiệp ấy sẽ chấm dứt; các nghiệp đã chấm dứt thì các khổ sẽ được chấm dứt; các khổ đã được chấm dứt thì đạt đến khổ biên tế". Nay Ni-kiên, nếu các Ông tự cho là có tỉnh trí để hiểu biết rằng: "Trước kia ta có hay không có, trước kia ta tạo tác ác hay không tạo tác ác, ta bị chừng ấy khổ là hết hay bị chừng ấy khổ vẫn chưa hết, nếu hết rồi thì sẽ được hết vĩnh viễn hay không"; và nếu ngay trong đời này mà đoạn các pháp bất thiện và tạo được các thiện pháp, tu tập và tác chứng, thì nay Ni-kiên, các Ông mới có thể nói như vậy: "Những gì mà con người cảm thọ đều do nhân đã tạo tác từ trước. Nếu những nghiệp cũ đó do nhân khổ hạnh diệt và không tạo nghiệp mới nữa thì các nghiệp ấy sẽ chấm dứt; các nghiệp đã chấm dứt thì các khổ sẽ được chấm dứt; các khổ đã được chấm dứt thì đạt đến khổ biên tế."

"Nay Ni-kiên, cũng như có người thân thể trúng tên độc, vì trúng tên độc nên rất đau đớn,

người ấy được quyền thuộc yêu mến xót thương, muốn đem lại sự thiện ích, an ổn, nên lập tức mời vị y sư nhổ tên đến. Vị y sư nhổ tên đến liền lấy dao bén để giải phẫu vết thương, do sự giải phẫu vết thương nên người ấy lại rất đau đớn. Sau khi y sư giải phẫu vết thương, liền tìm mũi tên vàng, khi y sư tìm mũi tên vàng, người ấy lại càng rất đau đớn. Tìm được mũi tên vàng rồi, y sư lập tức nhổ ra, lúc nhổ ra người ấy lại càng đau đớn thêm. Nhổ mũi tên vàng ra rồi, y sư đẩy vết thương lại và băng bó, vì y sư băng bó vết thương, nên bấy giờ người ấy lại đau đớn hơn. Sau khi được nhổ mũi tên vàng ra, người ấy được khỏe mạnh, không bệnh hoạn, các căn không hư hoại, bình phục như cũ. Nay Ni-kiền, người ấy có sẵn khôn ngoan nên liền suy nghĩ như vậy: "Ta trước kia bị trúng tên độc, vì bị trúng tên độc nên rất đau đớn, các quyền thuộc của ta thấy vậy, yêu mến xót thương, muốn đem lại lợi ích và an lạc cho ta, nên liền mời y sư nhổ tên vàng; vị y sư nhổ tên vàng đến liền lấy mũi dao bén mổ vết thương cho ta, vì mổ vết thương nên lúc ấy ta rất đau đớn. Khi mổ vết thương rồi, y sư liền tìm mũi tên vàng, khi y sư tìm mũi tên vàng ta lại thêm rất đau đớn. Tìm được mũi tên vàng rồi, y sư liền nhổ ra, vì y sư nhổ ra nên lúc

ấy ta lại đau đớn hơn. Khi nhổ mũi tên vàng ra rồi, y sư đây vết thương lại và băng bó, vì băng bó nên lúc ấy ta lại rất đau đớn hơn. Ta, sau khi được nhổ mũi tên vàng ra rồi, được khỏe mạnh, không bệnh hoạn, các căn không hư hoại, trở lại bình thường như cũ."

"Cũng vậy, này Ni-kiền, nếu các vị tự có tịnh trí, biết rằng: "Trước kia ta có hay không có, trước kia ta tạo tác ác hay không tạo tác ác, ta bị chừng ấy khổ là hết hay bị chừng ấy khổ vẫn chưa hết và nếu hết rồi thì sẽ được hết vĩnh viễn hay không"; và nếu ngay trong đời này mà đoạn các pháp bất thiện và tạo được các thiện pháp, tu tập và tác chứng, thì này Ni-kiền, các vị mới có thể nói thế này: "Những gì mà con người cảm thọ đều do nhân đã tạo tác từ trước. Nếu những nghiệp cũ đó do nhân khổ hạnh diệt mà không tạo nghiệp mới nữa, thì các nghiệp ấy sẽ chấm dứt; các nghiệp đã chấm dứt thì các khổ sẽ được chấm dứt; các khổ đã được chấm dứt thì đạt đến khổ biên tế."

Ta hỏi như vậy mà không thấy các Ni-kiền nào có thể trả lời Ta rằng: "— Thưa Cù-đàm, đúng như vậy" hay "— Không đúng như vậy."

Lại nữa, Ta hỏi các Ni-kiền rằng:

“— Nếu các vị Ni-kiền có sự tinh cần bậc thượng, có sự khổ hạnh bậc thượng; bấy giờ các Ni-kiền có sinh khởi sự khổ bậc thượng chăng?

Họ trả lời:

“— Đúng vậy, thưa Cù-đàm.

“— Nếu các Ông có sự tinh cần bậc trung, có sự khổ hạnh bậc trung; bấy giờ các vị Ni-kiền có sinh khởi sự khổ bậc trung chăng?

Họ trả lời:

“— Đúng như vậy, thưa Cù-đàm.

“— Nếu các Ông có sự tinh cần bậc hạ, có sự khổ hạnh bậc hạ; bấy giờ các Ông có sinh khởi sự khổ bậc hạ chăng?

Họ trả lời:

“— Đúng như vậy, thưa Cù-đàm.

“Đó là các Ni-kiền có sự tinh cần bậc thượng và khổ hạnh bậc thượng, bấy giờ các Ni-kiền sinh khởi sự khổ bậc thượng; có sự tinh cần bậc trung và khổ hạnh bậc trung, bấy giờ các Ni-kiền ấy sinh khởi sự khổ bậc trung; có sự tinh cần bậc hạ và khổ hạnh bậc hạ, bấy giờ các Ni-kiền ấy sinh khởi sự khổ bậc hạ. Nếu cho rằng các vị Ni-kiền có sự

tinh cần bậc thượng và khổ hạnh bậc thượng; bấy giờ các vị Ni-kiên ấy chấm dứt các nỗi khổ bậc thượng; có sự tinh cần bậc trung và khổ hạnh bậc trung, bấy giờ các vị Ni-kiên ấy chấm dứt các nỗi khổ bậc trung; có sự tinh cần bậc hạ và khổ hạnh bậc hạ, bấy giờ các Ni-kiên ấy chấm dứt nỗi khổ bậc hạ, nếu làm như vậy hay không làm như vậy mà chấm dứt được những nỗi khổ cùng cực, và các nỗi khổ rất nặng nề, thì nên biết các Ni-kiên ngay trong đời này mà gây ra nỗi khổ. Nhưng các Ni-kiên bị sự mê che lấp, bị sự mê trói buộc, nên nói thế này: "Những gì mà con người cảm thọ đều do nhân đã tạo tác từ trước. Nếu những nghiệp cũ đó do nhân khổ hạnh diệt mà không tạo nghiệp mới nữa, thì các nghiệp ấy sẽ chấm dứt, các nghiệp đã chấm dứt thì các khổ sẽ được chấm dứt; các khổ đã được chấm dứt thì đã đạt đến khổ biên tế."

Ta hỏi như vậy, nhưng không thấy các Ni-kiên ấy chịu trả lời cho Ta rằng: "— Thừa Cù-đàm, đúng như vậy" hay "— Không đúng như vậy".

Lại nữa, Ta hỏi các Ni-kiên:

"— Các vị Ni-kiên, nếu có nghiệp mang lại lạc báo thì nghiệp ấy có thể nào nhân sự tinh cần và nhân sự khổ hạnh mà chuyển thành khổ báo chăng?"

Họ trả lời Ta rằng:

“— Không thể có, thưa Cù-đàm.

“— Nay các Ni-kiên, nếu có nghiệp mang lại khổ báo thì nghiệp ấy có thể nào nhân sự tinh cần và nhân sự khổ hạnh mà chuyển thành lạc báo chăng?

Họ trả lời:

“— Không thể có, thưa Cù-đàm.

“— Các vị Ni-kiên, nếu có nghiệp báo trong đời hiện tại thì nghiệp ấy có thể nào nhân sự tinh cần và nhân sự khổ hạnh mà chuyển thành quả báo đời sau chăng?

Họ trả lời:

“— Không thể có, thưa Cù-đàm.

“— Nay các Ni-kiên, nếu có nghiệp báo đời sau thì nghiệp ấy có thể nào nhân sự tinh cần và nhân sự khổ hạnh mà chuyển thành quả báo đời hiện tại chăng?

Họ trả lời:

“— Không thể có, thưa Cù-đàm.

“— Các Ni-kiên, nếu có nghiệp báo không chín mười, nghiệp ấy có thể nào nhân sự tinh cần và nhân sự khổ hạnh mà chuyển thành quả báo chín mười chăng?

Họ trả lời Ta rằng:

“— Không thể có, thưa Cù-Đàm.

“— Nay các Ni-kiên, nếu có nghiệp báo chín mười ngay thì nghiệp ấy có thể nào nhân sự tinh cần và nhân sự khổ hạnh mà chuyển đổi cho khác đi chăng?

Họ trả lời:

“— Không thể có, thưa Cù-đàm.

“— Các Ni-kiên, đó là lạc nghiệp báo, nghiệp ấy không thể nhân sự tinh cần và nhân sự khổ hạnh mà chuyển thành khổ báo được. Nay các Ni-kiên, khổ báo nghiệp, nghiệp ấy không thể nhân sự tinh cần hay nhân sự khổ hạnh mà chuyển thành lạc báo được. Các Ni-kiên, hiện báo nghiệp, nghiệp ấy không thể nhân sự tinh tấn và nhân sự khổ hạnh mà chuyển thành hậu báo được. Các Ni-kiên, sanh báo nghiệp, nghiệp ấy không thể nhân sự tinh cần và nhân sự khổ hạnh mà chuyển thành hiện báo được. Các Ni-kiên, nghiệp không

chín muôi, nghiệp ấy không thể nào nhân sự tinh cần và nhân sự khổ hạnh mà chuyển thành quả báo chín muôi. Các Ni-kiền, nghiệp báo chín muôi, nghiệp ấy không thể nào nhân sự tinh cần và nhân sự khổ hạnh mà chuyển đổi thành khác đi được. Vì thế, nay các Ni-kiền, sự nỗ lực của các Ông là hư vọng, sự tinh cần ấy là trống rỗng, chẳng đạt được gì cả.

Các vị Ni kiên ấy liền trả lời Ta rằng:

“— Thưa Cù-đàm, chúng tôi có tôn sư tên là Thân Tử Ni-kiền có nói thế này: "Các Ni-kiền, nếu các Ông trước kia đã tạo tác ác nghiệp, nghiệp ấy đều có thể nhân sự khổ hạnh này mà bị diệt tận tất cả. Nếu nay hộ trì thân, khẩu, ý, nhân đó nên không còn tạo ác nghiệp nữa."

Ta lại hỏi các vị Ni-kiền ấy:

“— Các vị tin vào tôn sư Thân Tử Ni-kiền mà không chút nghi hoặc sao?

Họ trả lời:

“— Thưa Cù-đàm, chúng tôi tin vào tôn sư Thân Tử Ni-kiền, không hề có nghi hoặc.

Ta lại hỏi các Ni-kiền ấy:

“— Có năm loại pháp quả báo trong đời này đem đến tín, nhạo, văn, niệm, hiền thiện quán. Các Ni-kiền, có người sẵn có bản tánh hư vọng, nói rằng điều này đáng tin, đáng ưa mến, đáng nghe theo, đáng suy gẫm, đáng chiêm nghiệm kỹ chẳng?

Họ trả lời Ta rằng:

“— Đúng như vậy, thưa Cù-đàm.

Ta lại bảo các Ni-kiền:

“— Đó là lời dối trá, sao đáng tin, sao đáng ưa muốn, sao đáng nghe theo, sao đáng suy gẫm, sao đáng chiêm nghiệm? Trong khi người ấy có sẵn bản tánh dối trá mà nói rằng: "Có tín, nhạo, văn, niệm, thiện quán." Nếu các Ni-kiền nói như thế, thì đối với như pháp có năm điều đáng khiển trách, chất vấn, đáng ghê tởm. Những gì là năm? Nay, những chúng sanh này thọ lãnh sự khổ hay vui đều do sự tạo tác của chính họ trước kia, nếu đúng vậy thì các vị Ni-kiền vốn trước kia đã tạo các nghiệp ác. Vì sao thế? Bởi nhân đó nên nay các Ni-kiền phải thọ khổ cực trọng đại. Đó là điều đáng ghê tởm thứ nhất của các Ni-kiền.

“Lại nữa, chúng sanh lãnh thọ sự khổ vui đều do sự tập hợp, nếu đúng vậy thì các Ông vốn tập

hợp các điều ác. Vì sao thế? Bởi vì thế nên nay các Ni-kiền phải thọ khổ cực trọng đại. Đó là điều đáng ghê tởm thứ hai của các Ni-kiền.

“Lại nữa, chúng sanh lãnh thọ sự khổ vui đều do định mạng, nếu đúng vậy thì các Ni-kiền vốn có định mạng ác. Vì sao thế? Bởi nhân đó cho nên nay các Kiền Tử phải thọ lãnh khổ cực trọng đại. Đó là điều đáng ghê tởm thứ ba của các Ni-kiền Tử.

“Lại nữa, chúng sanh lãnh thọ sự khổ vui đều do kiến, nếu đúng vậy thì các Ni-kiền kia vốn có ác kiến. Vì sao thế? Bởi nhân đó nên nay các Ni-kiền phải thọ khổ cực trọng đại. Đó là điều đáng ghê tởm thứ tư của các Ni-kiền.

“Lại nữa, chúng sanh lãnh thọ sự khổ vui đều do Tôn hựu tạo, nếu đúng vậy thì các Ni-kiền vốn có một Tôn hựu hung ác. Vì sao thế? Bởi nhân đó nên nay các Ni-kiền phải thọ khổ cùng cực. Đó là điều đáng ghê tởm thứ năm của các Ni-kiền.

“Nếu các Ni-kiền vốn do tạo tác ác nghiệp, ác tập hợp, ác định mạng, ác kiến, ác Tôn hựu, được sáng tạo bởi một ác Tôn hựu, nhân đó mà các Ni-kiền nay phải lãnh thọ khổ cực trọng đại. Đó là nhân những việc ấy nên các Ni-kiền là những người đáng ghê tởm”.

Pháp mà Ta tự tri, tự giác và nói cho các Ông, dù là Sa-môn, Phạm chí hoặc Thiên, Ma, Phạm và những kẻ khác trên thế gian đều không thể hàng phục được, đều không thể làm cho ô uế được, đều không thể chế ngự được.

Thế nào là pháp mà Ta tự tri tự giác và nói cho các vị mà chẳng thể bị Sa-môn, Phạm chí, hoặc Thiên, Ma, Phạm và những người khác trong thế gian có thể khuất phục được, có thể làm cho ô uế được, có thể chế ngự được? Nếu có Tỳ-kheo xả bỏ thân nghiệp bất thiện để tu thiện nghiệp, nơi thân, xả bỏ khẩu, ý nghiệp bất thiện để tu thiện nghiệp nơi khẩu, ý. Vị đó đối với sự khổ đời vị lai liền tự biết: “Ta không có khổ đời vị lai”, được sự an lạc như pháp nên không xả bỏ. Vị ấy hoặc muốn nỗ lực đoạn trừ đối với nguyên nhân của khổ do sự tập thành bằng dục, hoặc muốn nỗ lực đoạn trừ đối với nguyên nhân của khổ do sự tập thành bằng xả dục. Vị ấy nếu muốn nỗ lực đoạn trừ đối với nguyên nhân của khổ do tập thành bằng dục, vị ấy tu tập sự tập hành bởi dục ấy, và sau khi nỗ lực đã thành tựu, sự khổ liền chấm dứt. Vị ấy nếu muốn nỗ lực đoạn trừ đối với nguyên nhân của khổ do sự tập hành bởi xả dục, tức tu tập sự tập hành bởi xả dục ấy, và sau khi nỗ lực đã thành tựu, sự khổ liền chấm dứt.

Bấy giờ, nếu Tỳ-kheo ấy suy nghĩ như thế này: “Tùy theo sự tạo tác, tùy theo sự thực hành mà pháp bất thiện sanh khởi, còn thiện pháp bị tiêu diệt. Nếu tự tinh cần khổ hạnh mà pháp bất thiện bị tiêu diệt, thiện pháp sinh khởi, thì ta hãy tự tinh cần khổ hạnh”. Rồi vị ấy tự tinh cần khổ hạnh. Sau khi đã tinh cần, khổ hạnh, pháp bất thiện bị tiêu diệt, thiện pháp sanh khởi; bây giờ vị ấy không còn tinh cần khổ hạnh nữa.

Vì sao thế? Nay các Tỳ-kheo, những gì cần phải làm trước đó, nay mục đích đã thành tựu, nếu còn tinh cần khổ hạnh thì việc ấy không đúng.

Nay các Tỳ-kheo, cũng như anh thợ làm tên dùng kèm để uốn tên, khi cây tên đã thẳng thì không còn dùng kèm nữa. Vì sao thế? Vì việc phải làm trước đó nay đã xong rồi nếu còn dùng kèm nữa thì việc ấy không đúng.

Cũng vậy, một Tỳ-kheo suy nghĩ thế này: “Tùy theo sự tạo tác và tùy theo sự thực hành mà pháp bất thiện sanh khởi, thiện pháp bị tiêu diệt. Nếu tự tinh cần khổ hạnh mà pháp bất thiện bị tiêu diệt, thiện pháp sinh khởi, thì ta hãy tự tinh cần khổ hạnh ấy.” Rồi vị ấy tự tinh cần khổ hạnh. Sau khi đã tinh cần khổ hạnh, pháp bất thiện bị

tiêu diệt, thiện pháp sinh khởi; bây giờ vị ấy không còn tinh cần khổ hạnh nữa. Vì sao thế? Nay các Tỳ-kheo, những gì cần phải làm trước đó, nay mục đích đã thành tựu, nếu còn tinh cần khổ hạnh, thì việc ấy không đúng.

Này các Tỳ-kheo, cũng như có người thương nhớ, say đắm, trông chờ, sẵn đón một người nữ kia, nhưng người nữ ấy lại nói chuyện với người khác, thăm hỏi lẫn nhau, qua lại chung chạ; người ấy có do đó mà thân tâm phát sinh khổ não, rất buồn rầu không?

Các Tỳ-kheo trả lời:

— Quả như vậy, bạch Thế Tôn. Vì sao thế? Vì người kia thương nhớ, say đắm và hết sức trông chờ, sẵn đón nữ nhân mà nữ nhân ấy lại nói chuyện với người khác, thăm hỏi lẫn nhau, qua lại chung chạ, thì thân tâm người kia làm sao khỏi sinh ra khổ não, buồn rầu?

— Nay các Tỳ-kheo, nếu cho rằng người kia suy nghĩ thế này: “Ta thương nhớ, sẵn đón người nữ ấy, nhưng người nữ ấy lại nói chuyện với người khác, thăm hỏi lẫn nhau, qua lại chung chạ. Nay ta có nên vì sự tự gây khổ, tự gây sầu não này mà dứt trừ sự thương nhớ, say đắm người nữ kia

chăng?”. Người ấy, sau đó vì tự gây khổ, tự gây sầu não, nên liền dứt trừ sự thương nhớ, say đắm người nữ ấy. Nếu người nữ kia vẫn còn nói chuyện với người khác, thăm hỏi lẫn nhau, qua lại chung chạ; người ấy, sau đó có thể nào vẫn còn sinh ra khổ não, buồn rầu chăng?

Các Tỳ-kheo trả lời:

— Không còn nữa, bạch Thế Tôn. Vì sao thế? Vì người ấy đối với nữ nhân kia không còn thương nhớ, say đắm nữa. Nếu nữ nhân kia vẫn còn nói chuyện với người khác, thăm hỏi lẫn nhau, qua lại chung chạ, thế mà cho rằng người kia vì thế mà thân tâm lại còn sinh khởi khổ não, buồn rầu, thì điều ấy không đúng.

— Có vị Tỳ-kheo suy nghĩ thế này: “Tùy theo sự tạo tác, tùy theo sự thực hành mà pháp bất thiện sinh khởi, thiện pháp bị tiêu diệt. Nếu tự tinh cần khổ hạnh mà pháp bất thiện bị tiêu diệt, thiện pháp sinh khởi, thì ta hãy tự tinh cần khổ hạnh”. Rồi vị ấy tự tinh cần khổ hạnh. Sau khi đã tinh cần khổ hạnh, pháp bất thiện bị tiêu diệt, thiện pháp sinh khởi; bây giờ vị ấy không còn tinh cần khổ hạnh nữa. Vì sao thế? Những gì cần phải làm trước đó nay mục đích đã thành tựu, nếu còn tinh cần khổ hạnh thì việc ấy không đúng.

Vị ấy lại nghĩ như thế này: “Nếu có những nguyên nhân để đoạn trừ các khổ não kia, ta liền đã đoạn trừ rồi, nhưng đối với dục, ta vẫn còn như cũ chớ chưa đoạn được. Nay ta hãy tìm cách đoạn được dục”. Vị ấy tìm cách đoạn dục. Vị ấy, vì để đoạn dục, nên sống cô độc, ẩn dật nơi rừng vắng, hoặc đến dưới bóng cây, nơi vắng vẻ, sườn núi, động đá, đất trống, lùm cây, hoặc đi vào rừng sâu, hoặc ở giữa bãi tha ma; khi vị ấy đã sống nơi rừng vắng rồi, hoặc là đến dưới bóng cây, nơi vắng vẻ yên lặng, trải ni-sư-đàn, ngồi kiết-già, chánh thân chánh niệm, phản chiếu tâm niệm, đoạn trừ tham lam, tâm không còn nao hại, thấy của cải và dụng cụ sinh sống của người khác thì không còn móng khởi tham lam, muốn sao cho được về mình; vị ấy đối với sự tham lam đã tịnh trừ tâm ý. Cũng vậy, đối với sân nhuế, thùý niên, trạo hối, đoạn nghi, trừ hoặc, không còn do dự đối với các thiện pháp; vị ấy đối với nghi hoặc đã tịnh trừ.

Vị ấy đã đoạn trừ năm triền cái làm tâm nhơ uế, huệ kém cõi ấy, ly dục, ly ác bất thiện pháp, cho đến chứng đệ tứ Thiên, thành tựu và an trụ.

Vị ấy đạt được định tâm thanh tịnh, không nhơ uế và không phiền nhiệt, như vậy nhu nhuyến

và khéo léo an trụ, chứng đắc tâm bất động, tiến thẳng về lậu tận, chứng ngộ tối thông. Vị ấy biết như thật rằng: đây là Khổ, biết đây là Khổ tập, biết đây là Khổ diệt, và biết như thật đây là Khổ diệt đạo; cũng biết như thật rằng đây là lậu biết đây là lậu tập, biết đây là lậu diệt, biết như thật đây là lậu diệt đạo. Vị ấy biết như vậy, thấy như vậy rồi thì tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu và vô minh lậu, giải thoát rồi liền biết là giải thoát, biết như thật rằng: “Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa”.

Đức Như Lai với chánh tâm giải thoát như vậy mà được năm điều tán thán như pháp, không tranh, khả ái, khả kính. Những gì là năm?

Những chúng sanh kia thọ lãnh khổ vui đều do sự tạo tác trước kia của họ. Nếu đúng như vậy, thì đức Như Lai vốn có nghiệp vi diệu. Bởi vậy, nên nay đức Như Lai mới có sự an lạc vô lậu của bậc Thánh, tịch tịnh, tịnh chỉ, cảm thọ lạc. Đó là điều xưng tán thứ nhất mà đức Như Lai đạt được.

Lại nữa, chúng sanh thọ lãnh khổ vui đều do sự tập hợp, nếu đúng như vậy thì đức Như Lai vốn có sự tập hợp vi diệu. Bởi vậy, nên nay đức Như Lai mới có sự tập hợp vi diệu, sự an lạc vô lậu của

bạc Thánh, tịch tịnh, tinh chỉ, cảm thọ lạc. Đó là điều xưng tán thứ hai mà đức Như Lai đạt được.

Lại nữa, chúng sanh thọ lãnh khổ vui đều do định mạng, nếu đúng như vậy thì đức Như Lai vốn có định mạng vi diệu. Bởi vậy, nên nay đức Như Lai mới có sự an lạc vô lậu của bậc Thánh, tịch tịnh, tinh chỉ, cảm thọ lạc. Đó là điều xưng tán thứ ba mà đức Như Lai đạt được.

Lại nữa, chúng sanh thọ lãnh khổ vui đều do kiến, nếu đúng như vậy, thì đức Như Lai vốn có kiến vi diệu. Bởi vậy, nên nay đức Như Lai mới có sự an lạc vô lậu của bậc Thánh, tịch tịnh, tinh chỉ, cảm thọ lạc. Đó là điều xưng tán thứ tư mà đức Như Lai đạt được.

Lại nữa, chúng sanh thọ lãnh khổ vui đều do đấng Tôn hựu tạo tác, nếu đúng như vậy thì Như Lai vốn có Tôn hựu vi diệu. Bởi vậy, nên nay đức Như Lai mới có sự an lạc vô lậu của bậc Thánh, tịch tịnh, tinh chỉ, cảm thọ lạc. Đó là điều xưng tán thứ năm mà đức Như Lai đạt được.

Đó là nghiệp vi diệu, sự tập hợp vi diệu, định mạng vi diệu, kiến vi diệu, và Tôn hựu vi diệu vốn có của đức Như Lai, được Tôn hựu vi diệu tạo tác. Nhân vì thế mà nay đức Như Lai có sự an lạc vô

lậu của bậc Thánh, tịch tịnh, tĩnh chỉ, cảm thọ lạc. Do những sự kiện như vậy, nên nay đức Như Lai được năm điều tán thán.

Có năm nhân duyên làm cho tâm sinh khởi ưu khổ. Những gì là năm? Đó là dâm dục triền, do dâm dục quán chặt nên tâm sinh ưu khổ; cũng vậy, với sân nhuế, thù miên, trạo hối, nghi hoặc, do nghi hoặc quán chặt nên tâm sinh ưu khổ. Đó là năm nhân duyên làm cho tâm sinh ưu khổ.

Có năm nhân duyên để diệt tâm ưu khổ. Những gì là năm? Như do dâm dục nên tâm sinh khởi ưu khổ, trừ được dâm dục triền, thì ưu khổ liền bị tiêu diệt. Vì dâm dục triền nên tâm sinh ra ưu khổ, ngay trong đời hiện tại mà chứng đắc cứu cánh, không phiền, không nhiệt, thường trụ và bất biến, đó là sở tri của bậc Thánh, sở kiến của bậc Thánh. Cũng vậy, với sân nhuế, thù miên, trạo hối, nghi hoặc, do nghi hoặc quán chặt nên tâm sinh ra ưu khổ, nếu trừ được nghi hoặc triền, thì ưu khổ liền bị tiêu diệt. Vì nghi hoặc quán chặt nên tâm sinh ra ưu khổ, trong đời hiện tại mà chứng đắc cứu cánh, không phiền, không nhiệt, thường trụ và bất biến, đó là sở tri của bậc Thánh, sở kiến của bậc Thánh. Ấy là năm nhân duyên để tâm diệt trừ ưu khổ.

Lại nữa, còn có pháp khác ngay trong đời hiện tại mà chứng đắc cứu cánh, không phiền, không nhiệt, thường trụ và bất biến, là sở tri của bậc thánh, sở kiến của bậc Thánh. Thế nào là còn có pháp khác ngay trong đời hiện tại mà chứng đắc cứu cánh, không phiền, không nhiệt, thường trụ bất biến là sở tri của bậc Thánh, sở kiến của bậc Thánh? Đó là Tám chi Thánh đạo, tức từ Chánh kiến đến Chánh định, đó là tám. Ấy là còn có pháp khác ngay trong đời hiện tại, mà chứng đắc cứu cánh, không phiền, không nhiệt, thường trụ và bất biến, là sở tri của bậc Thánh, sở kiến của bậc Thánh.

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

10. KINH BA-LA-LAO

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật du hóa Câu-lệ-sầu cùng với đại chúng Tỳ-kheo, đi đến Bắc thôn, trụ ở phía Bắc của Bắc thôn, trong rừng Thi-nhiếp-hòa.

Bấy giờ, Ba-la-lao Già-di-ni nghe rằng: “Sa-môn Cù-đàm thuộc dòng dõi họ Thích, bỏ tông tộc họ Thích để xuất gia học đạo, đang du hóa ở Câu-lệ-sầu, cùng với đại chúng Tỳ-kheo, đi đến Bắc thôn, trụ ở phía Bắc của Bắc thôn, trong rừng Thi-nhiếp-hòa. Vị Sa-môn Cù-đàm ấy có tiếng tăm lớn, đồn khắp mười phương. Sa-môn Cù-đàm là bậc Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu.

Vị ấy ở giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ Người đến Trời trong thế gian này mà tự tri, tự giác, tự chứng, thành tựu và an trụ. Vị ấy nếu có thuyết pháp thì sơ thiện, trung thiện, cứu cánh cũng thiện, có nghĩa, có văn, đầy đủ phạm hạnh, hiển hiện thanh tịnh. Nếu được yết kiến đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác để tôn trọng, lễ bái, cúng dường, và thờ kính thì thật là sung sướng, được sự lợi ích an lành. Người ta suy nghĩ rằng: "Nên đến yết kiến Sa-môn Cù-đàm để lễ bái, cúng dường." Ba-la-lao Già-di-ni nghe như vậy, rời từ Bắc thôn ra đi, về hướng Bắc đến rừng Thi-nhiếp-hòa, muốn yết kiến Thế Tôn để lễ bái, cúng dường. Ba-la-lao Già-di-ni từ xa trông thấy Thế Tôn ở trong rừng cây, đoan nghiêm, đẹp đẽ như mặt trăng giữa đám tinh tú, sáng suốt, chói lọi, rực rỡ như tòa núi vàng, đầy đủ tướng hảo, uy thần nguy nguy, các căn tịch tịnh, không gì ngăn che, thành tựu sự điều ngự, tức tâm tĩnh mặc. Ba-la-lao Già-di-ni từ xa trông thấy đức Thế Tôn, rời đến trước chỗ Thế Tôn, cùng chào hỏi rồi ngồi xuống một phía, thưa với Thế Tôn rằng:

— Tôi nghe Sa-môn Cù-đàm biết huyền thuật, và là nhà huyền thuật. Thưa Cù-đàm, nếu ai nói như vậy: "Sa-môn Cù-đàm biết huyền thuật và là nhà huyền thuật", thì người ấy không hủy báng

Sa-môn Cù-đàm chẳng? Người ấy nói chân thật chẳng? Người ấy nói đúng chẳng? Người ấy nói pháp như pháp chẳng? Đối với như pháp không có lỗi lầm, không bị chỉ trích chẳng?

Đức Thế Tôn đáp:

— Này Già-di-ni, nếu ai nói như vậy: “Sa-môn Cù-đàm biết huyền thuật và là nhà huyền thuật”, thì người ấy không hủy báng Sa-môn Cù-đàm, người ấy nói chân thật, người ấy nói đúng, người ấy nói pháp như pháp, đối với như pháp không có lỗi lầm, không bị chỉ trích. Vì sao thế? Này Già-di-ni, Ta biết huyền thuật ấy, nhưng chính Ta không phải là nhà huyền thuật.

Già-di-ni nói:

— Các Sa-môn Phạm chí kia đều nói chân thật, nhưng tôi không tin, họ nói rằng: “Sa-môn Cù-đàm biết huyền thuật và là nhà huyền thuật.”

Đức Thế Tôn bảo:

— Này Già-di-ni, nếu người nào biết huyền thuật, thì người đó tức là nhà huyền thuật chẳng?

Già-di-ni thưa:

— Quả thật vậy, bạch Thế Tôn, quả thật vậy, bạch Thiện Thệ.

Đức Thế Tôn dạy:

— Này Già-di-ni, Ông đừng tự làm lẫn mà hủy báng Ta. Nếu hủy báng Ta thì chỉ tự gây tổn hại, có sự náo hại, có xúc phạm, điều mà Hiền thánh ghét bỏ, và bị tội lớn. Vì sao thế? Này Già-di-ni, điều ấy thật ra không đúng như lời Ông nói. Này Già-di-ni, Ông có nghe Câu-lệ-sấu có binh lính chăng?

Già-di-ni đáp:

— Tôi có nghe.

— Này Già-di-ni, Ông nghĩ thế nào, Câu-lệ-sấu dùng binh lính ấy để làm gì?

Già-di-ni đáp:

— Thưa Cù-đàm, để sai giết giặc. Vì việc đó nên Câu-lệ-sấu nuôi các binh lính vậy.

— Này Già-di-ni, Ông nghĩ thế nào, binh lính Câu-lệ-sấu có giữ giới cấm hay không giữ giới cấm?

Già-di-ni đáp:

— Thưa Cù-đàm, nếu trên thế gian này có những người không giữ giới cấm, vẫn không thể tệ hơn binh lính Câu-lệ-sấu. Vì sao thế? Vì binh lính Câu-lệ-sấu phạm rất nhiều những cấm giới, chỉ làm các ác pháp.

Thế Tôn hỏi:

— Ông thấy như vậy, biết như vậy, Ta không hỏi Ông. Nếu có người khác hỏi Ông: “Vì Già-di-ni biết rằng binh lính Câu-lê-sấu phạm rất nhiều cấm giới, chỉ làm các ác pháp; nhân việc đó nên Già-di-ni cũng phạm rất nhiều các cấm giới, chỉ làm các ác pháp”. Nếu nói như vậy, là nói đúng sự thật chăng?

Già-di-ni đáp:

— Không phải vậy, thưa Cù-đàm. Vì sao thế? Vì binh lính Câu-lê-sấu có tri kiến khác, có ý muốn khác, có sở nguyện khác, nên binh lính Câu-lê-sấu phạm rất nhiều cấm giới, chỉ làm các ác pháp. Còn tôi rất trì giới, không làm các ác pháp.

Thế Tôn lại hỏi Già-di-ni:

— Ông biết binh lính Câu-lê-sấu phạm rất nhiều cấm giới, chỉ làm các ác pháp, nhưng Ông không do đó mà phạm cấm giới và chỉ làm các ác pháp. Vậy thì vì sao đức Như Lai lại không thể biết huyền thuật trong khi chính mình không phải là nhà huyền thuật? Vì sao thế? Ta biết huyền thuật, biết người huyền thuật, biết quả báo của huyền thuật, biết đoạn trừ huyền thuật.

Này Già-di-ni, Ta cũng biết sự sát sanh, biết người sát sanh, biết quả báo sát sanh, biết sự đoạn

trừ sát sanh. Nay Già-di-ni, Ta biết việc không cho mà lấy, biết người không cho mà lấy, biết quả báo của việc không cho mà lấy, biết sự đoạn trừ việc không cho mà lấy. Nay Già-di-ni, Ta biết việc nói dối, biết người nói dối, biết quả báo nói dối, biết sự đoạn trừ nói dối. Nay Già-di-ni, Ta biết như vậy, thấy như vậy. Ai nói như vậy: “Sa-môn Cù-đàm biết huyền thuật, tức là nhà huyền thuật”, nếu người ấy chưa đoạn trừ lời nói này, mà nghe tâm ấy, dục ấy, nguyện ấy, văn ấy, niệm ấy, quấy ấy, thì trong khoảnh khắc như co đuổi cánh tay, mạng chung sanh vào địa ngục.

Già-di-ni nghe vậy, kinh hãi khủng khiếp, lông trên mình dựng đứng lên, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ chân Phật, quỳ mọp chấp tay hướng về đức Thế Tôn và bạch rằng:

— Bạch Cù-đàm, tôi ăn năn tội lỗi! Bạch Thiện Thệ, tôi vì trước như ngu si, như bất định, như bất thiện. Vì sao thế? Vì tôi nói quấy rằng Sa-môn Cù-đàm là nhà huyền thuật. Mong Cù-đàm cho tôi được ăn năn tội lỗi! Thấy tội, phát lộ, tôi đã ăn năn tội lỗi rồi, sẽ giữ gìn, không tạo lại nữa.

Đức Thế Tôn dạy:

— Thật như vậy, Già-di-ni, Ông quả thật như ngu si, như bất định, như bất thiện. Vì sao thế? Vì Ông đối với đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, mà nói quấy là nhà huyền thuật. Nhưng Ông có thể ăn năn tội lỗi, thấy tội nên phát lộ, hộ trì mà không tạo lại nữa. Cũng vậy, này Già-di-ni, nếu có người ăn năn tội lỗi, thấy tội nên phát lộ, hộ trì mà không tạo lại nữa, thì trường dưỡng Thánh pháp, không còn có sự sai lầm nữa.

Lúc đó Già-di-ni chấp tay hướng về đức Thế Tôn mà bạch:

— Thưa Cù-đàm, có một Sa-môn, Phạm chí, thấy thế này, nói thế này: “Nếu kẻ nào sát sanh, tất kẻ ấy phải ngay trong đời này, thọ báo, nó sanh ra ưu, khổ. Nếu có kẻ nào không cho mà lấy, nói dối, tất kẻ ấy phải thọ báo, nó sanh ra ưu, khổ”. Thưa Sa-môn Cù-đàm, ý Ngài nghĩ sao?

Đức Thế Tôn bảo:

— Này Già-di-ni, nay Ta hỏi Ông, tùy sự hiểu biết mà trả lời. Này Già-di-ni, Ông nghĩ thế nào, nếu trong thôn ấp, hoặc có một người đầu đội tràng hoa, dùng nhiều loại hương xoa vào thân rồi xướng nhạc, ca vũ, tự mình thỏa thích, vui cười với nữ sắc, hoan lạc như vua. Nếu có người hỏi rằng:

“Người này trước kia làm những gì mà nay đầu đội tràng hoa, hoặc dùng nhiều loại hương xoa vào thân rồi xướng nhạc, ca vũ, tự mình thỏa thích, vui cười với nữ sắc, hoan lạc như vua?”. Hoặc có người trả lời rằng: “Người ấy vì quốc vương mà giết những kẻ thù. Quốc vương, sau khi vui vẻ liên ban thưởng; do đó, người ấy đầu đội tràng hoa, dùng nhiều loại hương xoa vào thân, rồi xướng nhạc, ca vũ, tự mình thỏa thích, vui cười với nữ sắc, hoan lạc như vua.” Nay Già-di-ni, Ông có thấy như vậy, nghe như vậy chăng?

Già-di-ni đáp:

— Tôi có thấy vậy, bạch Cù-đàm, tôi đã nghe và sẽ nghe.

— Nay Già-di-ni, rồi lại thấy quốc vương bắt bố tội nhân, trói quặt hai tay lại, đánh trống, xướng lệnh, kéo ra cửa thành phía Nam, để ngồi dưới gốc cây nêu cao, rồi chém bêu đầu. Nếu có người hỏi rằng: “Người này mắc tội gì mà bị quốc vương giết chết?” Hoặc có người trả lời rằng: “Người này giết lầm người vô tội trong vương gia; do đó, quốc vương ra lệnh hành hình như vậy.” Nay Già-di-ni, Ông có thấy như vậy, nghe như vậy chăng?

Già-di-ni trả lời:

— Tôi có thấy vậy, thưa Cù-dàm, tôi đã nghe và sẽ nghe.

— Nay Già-di-ni, nếu có vị Sa-môn, Phạm chí thấy như vậy, nói như vậy: “Nếu có người nào sát sanh, tất người ấy phải thọ báo ngay trong đời hiện tại này, phải sanh ra ưu khổ”, thì đó là lời nói chân thật hay lời nói hư vọng?

Già-di-ni đáp:

— Đó là lời nói hư vọng, thưa Cù-dàm.

— Nếu người ấy nói lời hư vọng, Ông có tin chăng?

Già-di-ni đáp:

— Tôi không tin, thưa Cù-dàm.

Đức Thế Tôn khen:

— Hay thay, hay thay, Già-di-ni!

Ta lại hỏi Già-di-ni:

— Ông nghĩ thế nào, nếu trong thôn ấp hoặc có một người đầu đội tràng hoa, dùng nhiều thứ hương xoa vào thân rồi xuống nhạc, ca vũ, tự mình thỏa thích, vui chơi với nữ sắc, hoan lạc như vua. Nếu có người hỏi rằng: “Người này trước kia đã làm những việc gì mà nay đầu đội tràng hoa, dùng nhiều

thứ hương xoa vào thân, rồi xướng nhạc, ca vũ, tự mình thỏa thích, vui chơi với nữ sắc, hoan lạc như vua?" Hoặc có người trả lời rằng: "Người ấy ở trong nước khác, vì lấy của không cho, nên người ấy đầu đội tràng hoa, dùng nhiều thứ hương xoa vào thân, rồi xướng nhạc, ca vũ, tự mình thỏa thích, vui chơi với nữ sắc, hoan lạc như vua." Nay Già-di-ni, Ông có thấy như vậy, nghe như vậy chăng?

Già-di-ni thưa:

— Tôi có thấy vậy, thưa Cù-đàm, tôi đã nghe và sẽ nghe.

— Nay Già-di-ni, rồi lại còn thấy quốc vương bắt bớ tội nhân, trói quặt hai tay ra sau, đánh trống, xướng lệnh kéo ra cửa thành phía Nam để ngồi dưới cây nêu cao, rồi chém bêu đầu. Nếu có người hỏi rằng: "Người này mắc tội gì mà bị quốc vương giết chết?". Hoặc có người trả lời rằng: "Người ấy vì lấy của không cho ở trong nước; do đó, quốc vương ra lệnh hành hình như vậy." Nay Già-di-ni, Ông có thấy như vậy, nghe như vậy chăng?

Già-di-ni trả lời:

— Tôi có thấy vậy, thưa Cù-đàm, tôi đã nghe và sẽ nghe.

— Này Già-di-ni, nếu có vị Sa-môn Phạm chí thấy và nói như vậy: “Nếu có kẻ nào lấy của không cho; tất kẻ ấy phải thọ báo ngay trong đời hiện tại này, phải sanh ra ưu khổ.”, thì đó là lời nói chân thật hay lời nói hư vọng?

Già-di-ni đáp:

— Đó là lời nói hư vọng, thưa Cù-đàm.

— Nếu người ấy nói lời hư vọng, thì Ông có tin không?

Già-di-ni đáp:

— Tôi không tin, bạch Cù-đàm.

Đức Thế Tôn khen rằng:

— Hay thay, hay thay, Già-di-ni!

Ta lại hỏi Già-di-ni:

— Ông nghĩ thế nào, nếu trong thôn ấp có một người đầu đội tràng hoa, dùng nhiều thứ hương xoa vào thân, rồi xướng nhạc, ca vũ, tự mình thỏa thích, vui chơi với nữ sắc, hoan lạc như vua. Nếu có người hỏi rằng: “Người này trước kia đã làm những việc gì mà nay đầu đội tràng hoa, dùng nhiều thứ hương xoa vào thân, rồi xướng nhạc, ca vũ, tự mình thỏa thích, vui chơi với nữ sắc, hoan lạc như vua?” Hoặc có người trả lời rằng: “Người

ấy có khả năng ca múa cười đùa, nó dùng lời dối trá làm cho quốc vương vui vẻ, sau khi quốc vương vui vẻ, liền ban thưởng cho; do đó, người ấy đầu đội tràng hoa, dùng nhiều thứ hương xoa vào thân, rồi xuống nhạc, ca vũ, tự mình thỏa thích, vui chơi với nữ sắc, hoan lạc như vua.” Nay Già-di-ni, Ông có thấy như vậy, nghe như vậy chăng?

Già-di-ni trả lời:

— Tôi có thấy vậy, thưa Cù-đàm, tôi đã nghe và sẽ nghe.

— Nay Già-di-ni, rồi lại còn thấy quốc vương bắt bớ tội nhân, dùng gậy đánh đến chết, rồi bỏ vào cũi cây, chở trên xe trống, đi ra cửa thành phía Bắc, vất vào trong rãnh nước. Nếu có người hỏi rằng: “Người ấy mắc tội gì mà bị quốc vương giết chết?”. Hoặc có người trả lời rằng: “Người ấy, trước mặt quốc vương mà nói dối mình có chứng đắc; do nói dối, lừa gạt quốc vương, nên quốc vương ra lệnh bắt làm như thế.” Nay Già-di-ni, Ông có thấy như vậy, nghe như vậy không?

Già-di-ni trả lời:

— Tôi có thấy vậy, thưa Cù-đàm, tôi đã nghe và sẽ nghe.

— Này Già-di-ni, Ông nghĩ thế nào, nếu có Sa-môn Phạm chí thấy như vậy, nói như vậy: “Nếu có người nào nói dối; tất người ấy phải thọ báo ngay trong đời hiện tại này, phải sanh ra ưu khổ”, thì đó là lời nói chân thật hay lời nói hư vọng?

Già-di-ni trả lời:

— Đó là lời nói hư vọng, thưa Cù-dàm.

— Nếu người ấy nói lời hư vọng, thì Ông có tin chăng?

Già-di-ni đáp:

— Tôi không tin, bạch Cù-dàm.

Đức Thế Tôn khen:

— Hay thay, hay thay, Già-di-ni!

Lúc đó Già-di-ni liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trích vai, sửa áo, chấp tay hướng về Thế Tôn rồi thưa Thế Tôn rằng:

— Thật kỳ diệu thay, Cù-dàm! Ngài nói rất vi diệu, khéo ví dụ, khéo dẫn chứng. Bạch Cù-dàm, tôi ở trong Bắc thôn, có xây dựng một ngôi nhà cao lớn, sắp đặt giường nệm, để sẵn đồ chứa nước, thắp sáng những ngọn đèn lớn. Nếu có vị Sa-môn Phạm chí tinh tấn nào đến nghỉ ở ngôi nhà cao

lớn ấy, tôi sẽ tùy khả năng mà cung cấp những điều cần thiết. Có bốn vị luận sĩ mà sở kiến, sở tri khác nhau, trái ngược nhau, cùng đến tập họp tại ngôi nhà cao lớn ấy. Trong đó, có một vị luận sĩ thấy như vậy, nói như vậy: “Không có bố thí, không có trai tể, không có chú thuyết, không có nghiệp thiện, nghiệp ác, không có nghiệp báo thiện ác, không có đời này, đời sau, không cha, không mẹ, trên đời này không có bậc chân nhân đi đến thiện xứ, khéo đi khỏi cõi này, khéo hướng về đời này và đời sau, tự tri, tự giác, tự chứng, thành tựu và an trụ.”

Vị luận sĩ thứ hai lại có chánh kiến trái ngược với sở kiến, sở tri của vị luận sĩ thứ nhất, vị ấy thấy như vậy, nói như vậy: “Có bố thí, có trai tể, có chú thuyết, có nghiệp thiện ác, có nghiệp báo thiện ác, có đời này, đời sau, có cha, có mẹ, trên đời này có các bậc chân nhân đi đến thiện xứ, khéo đi khỏi cõi này, khéo hướng về đời này và đời sau, tự tri, tự giác, tự chứng, thành tựu và an trụ.”

Vị luận sĩ thứ ba thấy như vậy, nói như vậy: “Tự mình làm và dạy người khác làm, tự mình đoạn và dạy người khác đoạn, tự mình nấu và dạy người khác nấu, rầu rĩ, bực bội, lo lắng, buồn phiền, đắm ngực, ảo não, khóc lóc, ngu si, sát sanh, không

cho mà lấy, tà dâm, nói dối, uống rượu, đào vách, mở kho, đến ngõ hẻm lạ để ăn cướp, phá làng hại xóm, phá phách thành, diệt nước, làm như thế không phải là làm ác. Lại dùng vòng sắt bén như dao cạo, người ấy ở tại đất này, đối với tất cả chúng sanh, trong vòng một ngày, mà búa, mà cắt, mà chém, mà chặt, mà lột, mà lóc, xẻo từng miếng thịt, lóc từng phần, từng khối, do vậy vẫn không có nghiệp ác, do vậy vẫn không có nghiệp báo ác. Ở bờ Nam sông Hằng giết, rồi cắt, rồi nấu, rồi bỏ đi đến bờ Bắc sông Hằng bố thí, trai tế, chú thuyết, không do đó mà có tội, có phước, không do đó mà có quả báo tội phước. Cấp thí, tự chế ngự, thủ hộ, nhiếp trì, tán thán, nhiều ích, ái ngữ, lợi hành, không do đó mà có phước, không do đó mà có quả báo của phước.”

Luận sĩ thứ tư lại có chánh kiến, trái ngược sở tri, sở kiến của vị luận sĩ thứ ba, vị ấy thấy thế này, nói thế này: “Tự mình làm và dạy người khác làm, tự mình đoạn, và dạy người khác đoạn, tự mình nấu và dạy người khác nấu, rầu rĩ, bực bội, lo lắng, buồn bã, đấm ngực, ảo não, khóc lóc, ngu si, sát sanh, không cho mà lấy, tà dâm, nói dối, uống rượu, đào vách, mở kho, đến ngõ hẻm lạ để ăn cướp, phá làng hại xóm, phá phách thành,

diệt nước, làm như vậy chính là làm ác. Lại dùng vòng sắt bén như dao cạo, người ấy ở tại đất này, đối với tất cả chúng sanh trong vòng một ngày, mà bửa, mà cắt, mà chém, mà chặt, mà lột, mà lóc, xẻo từng miếng thịt, lách từng phần, từng khối, do vậy mà có nghiệp ác, do vậy mà có quả báo ác. Ở bờ Nam sông Hằng giết, cắt, nấu, bỏ đi, đến bờ Bắc sông Hằng bố thí, trai tế, chú thuyết; do đó mà có tội có phước; do đó mà có quả báo tội phước. Cấp thí, tự chế ngự, thủ hộ, nhiếp trì, tán thán, nhiều ích, ái ngữ lợi hành; do đó mà có phước, do đó mà có quả báo của phước.”

Thưa Cù-đàm, tôi nghe như vậy, liền sanh nghi hoặc: “Những vị Sa-môn Phạm chí đó, ai nói chân thật, ai nói hư vọng?”

Đức Thế Tôn dạy:

— Đây Già-di-ni, Ông đừng sanh ra nghi hoặc, vì sao thế? Vì do có nghi hoặc mà sanh ra do dự. Đây Già-di-ni, Ông tự mình không có tịnh trí để hiểu biết là có đời sau hay không có đời sau. Đây Già-di-ni, Ông lại không có tịnh trí để biết sự tạo tác ấy là ác hay sự tạo tác ấy là thiện. Đây Già-di-ni, có một phép định được gọi là viễn ly. Ông nhờ định ấy sẽ có thể được chánh niệm, có thể đạt tới

nhất tâm; như vậy, ở trong đời hiện tại, Ông sẽ đoạn trừ sự nghi hoặc, rồi được thăng tấn.

Lúc đó Già-di-ni từ chỗ ngồi đứng dậy, trích vai, sửa áo, chấp tay hướng về đức Thế Tôn mà bạch rằng:

— Thưa Cù-đàm, thế nào là phép định tên viên ly, khiến cho tôi do đó mà có thể được chánh niệm, có thể đạt tới nhất tâm, và như vậy, trong đời hiện tại, tôi sẽ đoạn được sự nghi hoặc, rồi được thăng tiến?

Đức Thế Tôn bảo:

— Đa văn Thánh đệ tử ly sát, đoạn sát, đoạn sự không cho mà lấy, tà dâm, nói dối, cho đến đoạn tà kiến và được chánh kiến; vị ấy ban ngày làm ruộng, cày bừa và gieo giống, đến chiều nghỉ ngơi vào nhà ngồi Thiền định, qua đêm ấy, sáng hôm sau nghĩ thế này: “Ta ly sát, đoạn sát, đoạn sự không cho mà lấy, nói dối, cho đến đoạn tà kiến, được chánh kiến.” Vị ấy liền tự thấy: “Ta đã đoạn mười nghiệp đạo ác, niệm mười nghiệp đạo thiện.” Vị ấy, sau khi tự thấy đoạn mười nghiệp đạo ác và niệm mười nghiệp đạo thiện rồi, liền sanh ra hân hoan, sau khi sanh ra hân hoan, liền phát sanh hỷ, sau khi phát sanh hỷ, thân an định, sau khi

thân được an định, thân liền cảm thọ lạc; sau khi thân cảm thọ lạc, thì được nhất tâm. Nay Già-di-ni, sau khi Đa văn Thánh đệ tử được nhất tâm rồi, thì tâm tương ưng với từ, biến khắp một phương, thành tựu và an trụ cũng thế, hai, ba, bốn phương, tứ duy thượng hạ, biến khắp tất cả. Tâm tương ưng với từ, không kết, không oán, không sân, không nhuế, không náo hại, quảng đại, vô biên, vô lượng, khéo tu tập biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ.

Vị ấy nghĩ như thế này: “Nếu có Sa-môn, Phạm chí nào thấy như vậy, nói như vậy: “Không có sự bố thí, không có trai tể, không có sự chú thuyết, không có nghiệp thiện ác, không có nghiệp báo thiện ác, không có đời này, đời sau, không có cha, không có mẹ, trên đời này không có bậc chân nhân đi đến thiện xứ, khéo đi khỏi cõi này, khéo hướng về đời này và đời sau, tự tri, tự giác, tự chứng, thành tựu và an trụ”; nếu điều vị Sa-môn Phạm chí kia nói ra là chân thật, thì ta cũng không xúc phạm đời, không phải vì sợ hãi hay không sợ hãi mà vì thương mến tất cả thế gian, tâm ta không cùng tranh chấp với thế gian, cũng không ô trược, được hân hoan. Nay ta được pháp của bậc Vô thượng, thắng tấn, trụ trong sự an lạc.”; đó là phép định

viễn ly. Những gì vị Sa-môn Phạm chí kia nói, (ta) không cho là đúng, không cho là sai; sau khi không cho là đúng, không cho là sai, liền được nội tâm tĩnh chỉ.”

Này Già-di-ni, đó là phép định được gọi là viễn ly, Ông có thể nhân định này mà được chánh niệm, mà được nhất tâm. Như vậy, Ông có thể đoạn hết nghi hoặc ở trong đời này mà được thăng tiến.

Lại nữa, này Già-di-ni, Đa văn Thánh đệ tử ly sát, đoạn sát, đoạn sự không cho mà lấy, nói dối, tà dâm, cho đến đoạn tà kiến, và được chánh kiến. Vị ấy ban ngày làm ruộng, cày bừa và gieo giống, đến chiều nghỉ ngơi, vào nhà ngồi Thiền định, qua đêm ấy, sáng hôm sau nghĩ như thế này: “Ta ly sát, đoạn sát, đoạn sự không cho mà lấy, nói dối, cho đến đoạn tà kiến được chánh kiến.” Vị ấy liền tự thấy: “Ta đã đoạn mười nghiệp đạo ác, niệm mười nghiệp đạo thiện.” Vị ấy, sau khi tự thấy đoạn mười nghiệp đạo ác và niệm mười nghiệp đạo thiện rồi, liền sanh ra hân hoan, sau khi sanh ra hân hoan, liền phát sanh hỷ, sau khi phát sanh hỷ, thân an định, sau khi thân được an định, thân liền cảm thọ lạc, sau khi cảm thọ lạc, thì được nhất tâm. Này Già-di-ni, sau khi Đa văn Thánh đệ tử được nhất tâm rồi, thì tâm tương ưng

với bi, biến khắp một phương, thành tựu và an trụ; cũng thế hai, ba, bốn phương, tứ duy thượng hạ, biến khắp tất cả. Tâm tương ưng với bi, không kết, không oán, không sân nhuế, không náo hại, quảng đại, vô biên, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ.

Vị ấy liền nghĩ như thế này: “Nếu có Sa-môn Phạm chí thấy như vậy, nói như vậy: “Có bố thí, có trai tế, có chú thuyết, có nghiệp thiện ác, có nghiệp báo thiện ác, có đời này, đời sau, có cha, có mẹ, trên đời này có bậc chân nhân đi đến thiện xứ, khéo vượt qua, khéo hướng đến đời này và đời sau, tự tri, tự giác, tự chứng, thành tựu và an trụ”; nếu điều mà vị Sa-môn Phạm chí ấy nói là chân thật, thì ta cũng không xúc phạm đời, không phải vì sợ hãi hay không sợ hãi mà vì thương mến tất cả thế gian, tâm ta không tranh chấp cùng với thế gian, cũng không ô trược, được hân hoan. Nay ta được pháp của bậc Vô thượng, thắng tấn, trụ trong sự an lạc; đó là phép định viễn ly. Những gì vị Sa-môn Phạm chí kia nói, (ta) không cho là đúng, không cho là sai, sau khi không cho là đúng, không cho là sai, liền được nội tâm tĩnh chỉ.”

Này Già-di-ni, đó là pháp định được gọi là viễn ly. Ông có thể nhân nhân định này mà được chánh

niệm, được nhất tâm. Như vậy, Ông có thể đoạn hết nghi hoặc ở trong đời này và được thăng tiến.

Lại nữa, Già-di-ni, Đa văn Thánh đệ tử ly sát, đoạn sát, đoạn sự không cho mà lấy, tà dâm, nói dối cho đến đoạn tà kiến và được chánh kiến. Vị ấy, ban ngày làm ruộng, cày bừa và gieo giống, đến chiều nghỉ ngơi vào nhà ngồi Thiền định, qua đêm ấy, sáng hôm sau nghĩ thế này: “Ta ly sát, đoạn sát, đoạn sự không cho mà lấy, nói dối, cho đến đoạn tà kiến được chánh kiến.” Vị ấy liền tự thấy: “Ta đã đoạn mười nghiệp đạo ác, niệm mười nghiệp đạo thiện.” Vị ấy, sau khi tự thấy mười nghiệp đạo ác và niệm mười nghiệp đạo thiện rồi, liền sanh ra hân hoan, sau khi sanh ra hân hoan, liền phát sanh hỷ, sau khi phát sanh hỷ, thân an định, sau khi thân được an định, thân liền cảm thọ lạc, sau khi thân cảm thọ lạc thì liền được nhất tâm. Nay Già-di-ni, sau khi Đa văn Thánh đệ tử được nhất tâm rồi, tâm tương ưng với hỷ, biến khắp một phương, thành tựu và an trụ; cũng thế hai, ba, bốn phương, tứ duy thượng hạ, biến khắp tất cả. Tâm tương ưng với hỷ, không kết, không oán, không sân nhuế, không não hại, quảng đại, vô biên, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ.

Vị ấy nghĩ thế này: "Nếu có Sa-môn Phạm chí, thấy như vậy, nói như vậy: "Tự mình làm và dạy người khác làm, tự mình đoạn và dạy người khác đoạn, tự mình nấu và dạy người khác nấu, rầu rĩ, bức bối, lo lắng, buồn bã, đấm ngực, ảo não, khóc lóc, ngu si, sát sanh, không cho mà lấy, tà dâm, nói dối, uống rượu, đào vách, mở kho, đến ngõ hẻm lạ để ăn cướp, phá làng hại xóm, phá thành, diệt nước, làm như thế không phải là làm ác. Lại dùng vòng sắt bén như dao cạo, người ấy ở tại đất này, đối với tất cả chúng sanh trong vòng một ngày, mà búa, mà cắt, mà chém, mà chặt, mà lột, mà lóc, xẻo từng miếng thịt, lách từng phần, từng khối, do vậy vẫn không có nghiệp ác, do vậy, vẫn không có nghiệp báo ác. Ở bờ Nam sông Hằng giết, rồi cắt, rồi nấu, rồi bỏ đi đến bờ Bắc sông Hằng bố thí, trai tế, chú thuyết, không do đó mà có tội, có phước, không do đó mà có quả báo tội phước. Cấp thí, tự chế ngự, thủ hộ, nhiếp trì, tán thán, nhiều ích, huệ thí, ái ngữ, lợi hành, không do đó mà có phước, không do đó mà có quả báo của phước". Nếu điều mà Sa-môn Phạm chí ấy nói là đúng, chân thật, thì ta cũng không xúc phạm đời, không phải vì sợ hãi hay không sợ hãi, mà vì thương mến tất cả thế gian, tâm ta không cùng

tranh chấp với thế gian, cũng không ô trước, được hân hoan. Nay ta được pháp của bậc Vô thượng, thắng tấn, trụ trong sự an lạc, đó là pháp định viễn ly. Những gì vị Sa-môn Phạm chí kia nói, (ta) không cho là đúng, không cho là sai; sau khi không cho là đúng, không cho là sai, liền được nội tâm tĩnh chỉ.”

Này Già-di-ni, đó là pháp định được gọi là viễn ly. Ông có thể nhân định này mà được chánh niệm, được nhất tâm. Như vậy, Ông có thể đoạn hết nghi hoặc ở trong đời này và được thắng tiến.

Lại nữa, này Già-di-ni, Đa văn Thánh đệ tử, ly sát, đoạn sát, đoạn sự không cho mà lấy, tà dâm, nói dối, cho đến đoạn tà kiến và được chánh kiến. Vị ấy ban ngày làm ruộng, cày bừa và gieo giống, đến chiều nghỉ ngơi vào nhà ngồi thiền định, qua đêm ấy, sáng hôm sau nghĩ thế này: “Ta ly sát, đoạn sát, đoạn sự không cho mà lấy, nói dối, cho đến đoạn tà kiến được chánh kiến.” Vị ấy liền tự thấy: “Ta đã đoạn mười nghiệp đạo ác, niệm mười nghiệp đạo thiện.” Vị ấy, sau khi tự thấy đã đoạn mười nghiệp đạo ác và niệm mười nghiệp đạo thiện rồi, liền sanh ra hân hoan, sau khi sanh ra hân hoan, liền phát sanh hỷ, sau khi phát sanh hỷ, thân an định, sau khi thân được an định, thân liền

cảm thọ lạc, sau khi thân cảm thọ lạc, thì được nhất tâm. Nay Già-di-ni, sau khi Đa văn Thánh đệ tử được nhất tâm rồi, tâm tương ưng với xả, biến khắp một phương, thành tựu và an trụ; cũng thế hai, ba, bốn phương, tứ duy thượng hạ, biến khắp tất cả. Tâm tương ưng với xả, không kết, không oán, không sân nhuế, không náo hại, quảng đại, vô biên, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ.

Vị ấy nghĩ như thế này: "Nếu có Sa-môn Phạm chí thấy thế này, nói thế này: "Tự mình làm, dạy người khác làm, tự mình đoạn, dạy người khác đoạn, tự mình nấu và dạy người khác nấu, rầu rĩ, bức bối, lo lắng, buồn bã, đấm ngực, ảo não, khóc lóc, ngu si, sát sanh, không cho mà lấy, tà dâm, nói dối, uống rượu, đào vách, mở kho, đến ngõ hẻm lạ để ăn cướp, phá làng, hại xóm, phá thành, diệt nước, làm như vậy chính là làm ác. Lại dùng vòng sắt bén như dao cạo; người ấy ở tại đất này, đối với tất cả chúng sanh trong vòng một ngày, mà bửa, mà cắt, mà chém, mà chặt, mà lột, mà lóc, xẻo từng miếng thịt, lóc từng phần, do vậy mà có nghiệp ác, do vậy mà có nghiệp báo ác. Ở bờ Nam sông Hằng giết, rồi cắt, rồi nấu, rồi bỏ đi đến bờ Bắc sông Hằng, bố thí, trai tế, chú thuyết,

do đó mà có tội, do đó mà có phước, có quả báo tội phước. Cấp thí, tự chế ngự, thủ hộ, nhiếp trì, tán thán, nhiều ích, huệ thí, ái ngữ, lợi hành, do đó mà có phước, do đó mà có quả báo của phước"; nếu điều mà vị Sa-môn Phạm chí ấy nói là chân thật, thì ta cũng không xúc phạm đời, không phải vì sợ hãi hay không sợ hãi, mà vì thương mến tất cả thế gian, tâm ta không cùng tranh chấp với thế gian, cũng không ô trược, được hân hoan. Nay ta được pháp của bậc Vô thượng thắng tấn, trú trong sự an lạc, đó là pháp định viễn ly. Những gì vị Sa-môn Phạm chí kia nói, (ta) không cho là đúng, không cho là sai, sau khi không cho là đúng, không cho là sai, liền được nội tâm tịnh chỉ."

Này Già-di-ni, đó là pháp định được gọi là viễn ly. Ông có thể nhân định này mà được chánh niệm, được nhất tâm. Như vậy, Ông có thể đoạn hết nghi hoặc ở trong đời này và được thắng tấn.

Khi bài pháp ấy được giảng xong, Già-di-ni xa lìa trần cấu, phát sanh pháp nhãn thanh tịnh về các pháp. Lúc đó, Già-di-ni thấy pháp, chứng pháp, giác ngộ pháp bạch tịnh, đoạn nghi, trừ hoặc, không còn tôn sùng ai khác, không còn theo ai khác, không còn do dự, đã trụ nơi quả chứng, đạt được vô sở úy đối với giáo pháp của đấng Thế Tôn,

liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lễ dưới chân Phật và bạch rằng:

— Bạch Thế Tôn, tôi từ nay xin quy y Phật, quy y Pháp, và đại chúng Tỳ-kheo, cúi mong đức Thế Tôn nhận tôi làm Ưu-bà-tắc bắt đầu từ hôm nay, trọn đời tự quy y cho đến khi mạng chung!

Đức Phật thuyết như vậy, Ba-la-lao Già-di-ni và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

III. PHẨM XÁ-LÊ TỬ TƯƠNG UNG:

(Gồm 11 kinh)

1. Kinh Đẳng Tâm
2. Kinh Thành Tư Giới
3. Kinh Trí
4. Kinh Sư Tử Hống
5. Kinh Thủy Dụ
6. Kinh Cù-ni-sư
7. Kinh Phạm Chí Đà-nhiên
8. Kinh Giáo Hóa Bệnh
9. Kinh Đại Câu-hi-la
10. Kinh Tượng Tích Dụ
11. Kinh Phân Biệt Thánh Đế

1. KINH ĐĂNG TÂM

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa nước tại Xá-vệ, ở trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất cùng đại chúng Tỳ-kheo vân tập tại giảng đường vào ban đêm, nhân đem các nội kết sử và ngoại kết sử mà phân biệt nghĩa lý cho các thầy Tỳ-kheo:

— Nay chư Hiền, trên đời quả thật có hai hạng người. Những gì là hai? Đó là người có nội kết sử, bậc A-na-hàm không trở lại thế gian này, và người có ngoại kết sử, không phải là bậc A-na-hàm sẽ còn trở lại thế gian này.

Này chư-Hiền, thế nào là người có nội kết sử, bậc A-na-hàm không còn trở lại thế gian này? Nếu có người tu tập các giới cấm, không rách nát, không sút mẻ, không ô uế, không cấu trược, hoàn toàn không thể chỉ trích, được bậc Thánh khen ngợi, khéo tu, khéo đầy đủ. Vị ấy nhân tu tập các giới cấm, không rách nát, không sút mẻ, không ô uế, không cấu trược, hoàn toàn không thể chỉ trích, được bậc Thánh khen ngợi, khéo tu, khéo đầy đủ, lại học tập sự nhàm chán dục, vô dục, và đoạn dục. Do học tập sự nhàm chán dục, vô dục và đoạn dục nên được tịch tịnh, tâm giải thoát, sau khi chứng đắc như vậy, trong cảm thọ lạc lại miễn tiếc, không chịu xa lìa, trong đời hiện tại không được cứu cánh trí, khi thân hoại mạng chung, vượt qua các cõi trời Đoàn Thực, sanh về các cõi trời Ý Sanh khác. Khi sanh về các nơi ấy rồi, vị ấy suy nghĩ thế này: “Ta trước kia còn làm người, lúc ấy tu tập các giới cấm, không rách nát, không sút mẻ, không ô uế, không cấu trược, hoàn toàn không thể chỉ trích, được bậc Thánh khen ngợi, khéo tu, khéo đầy đủ; do tu tập các giới cấm, không rách nát, không sút mẻ, không ô uế, không cấu trược, hoàn toàn không thể chỉ trích, được bậc Thánh khen ngợi, khéo tu, khéo đầy đủ, lại học tập sự nhàm chán dục, vô dục

và đoạn dục. Do học tập sự nhàm chán dục, vô dục và đoạn dục nên được tịch tịnh, tâm giải thoát; sau khi chứng đắc như vậy, trong cảm thọ lạc lại mẩn tiếc, không chịu xa lìa, trong đời hiện tại không được cứu cánh trí, khi thân hoại mạng chung, vượt qua các cõi trời Đâu Thích sanh về các cõi trời Ý Sanh khác, và đang ở nơi đây.”

Này chư Hiền, lại có người tu tập giới cấm, không rách nát, không sút mẻ, không ô uế, không cấu trược, hoàn toàn không thể chỉ trích, được bậc Thánh khen ngợi, khéo tu, khéo đầy đủ, lại học sắc hữu, đoạn tham, đoạn nghiệp và học xả ly dục nên được tịch tịnh, tâm giải thoát, sau khi chứng đắc như vậy, trong cảm thọ lạc lại mẩn tiếc; không chịu xa lìa, trong đời hiện tại không được cứu cánh trí, khi thân hoại mạng chung, vượt qua các cõi trời Đâu Thích, sanh về các cõi trời Ý Sanh khác. Khi sanh về các nơi ấy rồi, vị ấy suy nghĩ thế này: “Ta trước kia còn làm người, lúc ấy tu tập các giới cấm, không rách nát, không sút mẻ, không ô uế, không cấu trược, hoàn toàn không thể chỉ trích, được bậc Thánh khen ngợi, khéo tu, khéo đầy đủ, lại học sắc hữu, đoạn tham, đoạn nghiệp và học xả ly dục nên được tịch tịnh, tâm giải thoát, sau khi chứng đắc như vậy, trong cảm thọ lạc lại mẩn tiếc,

không chịu xa lìa, trong đời hiện tại không được cứu cánh trí, khi thân hoại mạng chung, vượt qua các cõi trời Đoàn Thực, sanh về các cõi trời Ý Sanh khác, và đang ở nơi đây.”

Này chư Hiền, đó là người có nội kết sử, bậc A-na-hàm không còn trở lại thế gian này.

Này chư Hiền, thế nào là người có ngoại kết sử, không phải bậc A-na-hàm, sẽ còn trở lại thế gian này? Nếu có người tu tập các giới cấm, thủ hộ biệt giải thoát luật nghi, lại còn khéo thâm nhiếp các oai nghi lễ tiết, thấy những tội lỗi nhỏ nhặt cũng thường sanh tâm lo sợ, thọ trì học giới.

Này chư Hiền, đó là người có ngoại kết sử, không phải là bậc A-na-hàm, sẽ còn trở lại thế gian này.

Bấy giờ, một số đông thiên chúng Đẳng Tâm, thân sắc ngụy nga, ánh sáng rực rỡ, chói lọi, lúc đêm gần tàn, đến chỗ Phật, cúi đầu làm lễ rồi đứng sang một bên, bạch rằng: “Bạch Thế Tôn, Tôn giả Xá-lợi-phất, đêm qua cùng đại chúng Tỳ-kheo vân tập tại giảng đường, nhân đem nội kết sử và ngoại kết sử mà phân biệt nghĩa lý cho các Tỳ-kheo nghe, như vậy: “Này chư Hiền, trên đời quả thật có hai hạng người: người có nội kết sử và người có ngoại

kết sử." Bạch Thế Tôn, đại chúng đã hoan hỷ, cúi mong Thế Tôn thương xót, miễn niệm đến nơi giảng đường."

Lúc ấy đức Thế Tôn im lặng nhận lời chư thiên Đăng Tâm. Chư thiên Đăng Tâm biết đức Thế Tôn đã im lặng nhận lời, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi biến mất khỏi chỗ đó. Không bao lâu sau khi chư thiên Đăng Tâm đi khỏi, đức Thế Tôn đi đến giảng đường, trải chỗ ngồi mà ngồi trước đại chúng Tỳ-kheo. Sau khi ngồi xong, đức Thế Tôn khen rằng:

— Lành thay, lành thay, Xá-lợi-phất! Ông thật là rất khéo léo. Vì sao thế? Vì đêm qua Ông và chúng đại Tỳ-kheo vân tập tại giảng đường, nhân đem nội kết sử và ngoại kết sử mà phân biệt nghĩa lý cho các Tỳ-kheo nghe, như vậy: "Này chư Hiền, trên đời quả thật có hai hạng người: người có nội kết sử và người có ngoại kết sử." Này Xá-lợi-phất, đêm rồi, lúc gần sáng, chư thiên Đăng Tâm đến chỗ Ta, sau khi cúi đầu làm lễ rồi đứng sang một bên và bạch với Ta rằng: "Bạch Thế Tôn, Tôn giả Xá-lợi-phất đêm qua cùng đại chúng Tỳ-kheo vân tập tại giảng đường, nhân đem nội kết sử và ngoại kết sử mà phân biệt nghĩa lý cho các Tỳ-kheo nghe, như vậy: "Này chư Hiền, trên đời

quả thật có hai hạng người: người có nội kết sử và người có ngoại kết sử". Bạch Thế Tôn, đại chúng đã hoan hỷ, cúi mong Thế Tôn thương xót, miễn niệm đến nơi giảng đường."

Này Xá-lợi-phất, Ta liền im lặng nhận lời chư thiên Đẳng Tâm kia. Chư thiên Đẳng Tâm biết Ta đã im lặng nhận lời, cúi đầu đánh lễ sát chân Ta, nhiễu quanh ba vòng, rồi biến mất khỏi chỗ đó.

Này Xá-lợi-phất, chư thiên Đẳng Tâm hoặc mười hay hai mươi vị, hoặc ba mươi hay bốn mươi vị, hoặc năm mươi hay sáu mươi vị, cùng đứng trên đầu một mũi dùi vẫn chẳng chướng ngại lẫn nhau. Này Xá-lợi-phất, chư thiên Đẳng Tâm chẳng phải do sanh ra trong cõi ấy, nhưng do du tập thiện tâm rất rộng, rất lớn cho nên chư thiên Đẳng Tâm hoặc có mười hay hai mươi, hoặc có ba mươi hay bốn mươi, hoặc năm mươi hay sáu mươi, cùng đứng trên đầu mũi dùi vẫn chẳng chướng ngại lẫn nhau. Này Xá-lợi-phất, chư thiên Đẳng Tâm trước kia khi còn là loài người, đã tu tập thiện tâm rất rộng, rất lớn, do đó khiến cho chư thiên Đẳng Tâm hoặc có mười hay hai mươi, hoặc ba mươi hay bốn mươi, hoặc năm mươi hay sáu mươi, cùng đứng trên đầu mũi dùi vẫn không chướng ngại lẫn nhau.

Do đó, này Xá-lợi-phất, nên học pháp tịch tịnh: các căn tịch tịnh, tâm ý tịch tịnh, ba nghiệp thân, khẩu, ý tịch tịnh, hướng về đấng Thế Tôn và các vị phạm hạnh có trí. Này Xá-lợi-phất, các hàng đệ học dối trá, luôn luôn suy tổn, vĩnh viễn lầm lạc. Vì sao vậy? Vì không được nghe diệu pháp như thế này.

Đức Phật thuyết như vậy, các vị Tỳ-kheo ấy sau khi nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

2. KINH THÀNH TỰ GIỚI

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo rằng:

— Nếu vị Tỳ-kheo thành tựu giới, thành tựu định và thành tựu huệ, thì ngay trong đời hiện tại ra vào định Tướng tri diệt; điều này chắc chắn có thể xảy ra. Còn nếu ngay trong đời hiện tại mà không chứng được cứu cánh trí, thì khi thân hoại mạng chung, vượt qua khỏi trời Đoàn Thực, sinh lên các cõi trời Ý Sinh, tại các cõi ấy mà ra vào định Tướng tri diệt; điều này chắc chắn có xảy ra.

Lúc đó, Tôn giả Ô-đà-di cũng hiện diện trong đại chúng. Tôn giả Ô-đà-di thưa:

— Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu các vị Tỳ-kheo sinh lên các cõi trời Ý Sinh khác, mà ra vào định Tưởng tri diệt, chắc chắn không có điều ấy.

Tôn giả Xá-lợi-phất, lần thứ hai, rồi lần thứ ba, bảo các Tỳ-kheo:

— Nếu vị Tỳ-kheo thành tựu giới, thành tựu định và thành tựu huệ, thì ngay trong đời hiện tại ra vào định Tưởng tri diệt; điều này chắc chắn có xảy ra. Còn nếu ngay trong đời hiện tại mà không chứng được cứu cánh trí, thì khi thân hoại mạng chung, vượt qua cõi trời Đoàn Thực, sinh lên các cõi trời Ý Sinh, tại các cõi ấy mà ra vào định Tưởng tri diệt; điều này chắc chắn có xảy ra.

Tôn giả Ô-đà-di cũng lại lần thứ hai rồi lần thứ ba, thưa rằng:

— Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu các vị Tỳ-kheo sinh lên các cõi trời Ý Sinh khác, mà ra vào định Tưởng tri diệt, chắc chắn không có điều ấy.

Lúc đó Tôn giả Xá-lợi-phất liền suy nghĩ thế này: “Vị Tỳ-kheo này cho đến hai rồi ba lần phi bác

lời ta nói, và cũng không có vị Tỳ-kheo nào tán thán lời ta nói. Vậy ta hãy đi đến đức Thế Tôn.”

Rồi Tôn giả Xá-lợi-phất đi đến đức Phật, cúi đầu đánh lễ và ngồi xuống một bên.

Sau khi Tôn giả Xá-lợi-phất ra đi chẳng bao lâu, Tôn giả Ô-đà-di và các vị Tỳ-kheo cũng đi đến đức Phật, cúi đầu đánh lễ rồi ngồi xuống một bên.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất lại nói với các Tỳ-kheo rằng:

— Nếu vị Tỳ-kheo thành tựu giới, thành tựu định, và thành tựu huệ, thì ngay trong đời hiện tại ra vào định Tướng tri diệt; điều này chắc chắn có xảy ra. Còn nếu ngay trong đời hiện tại mà không chứng được cứu cánh trí, thì khi thân hoại mạng chung, vượt qua cõi trời Đoàn Thực, sinh lên các cõi trời Ý Sinh, tại các cõi ấy mà ra vào định Tướng tri diệt; điều này chắc chắn có xảy ra.

Tôn giả Ô-đà-di lại thưa:

— Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu các vị Tỳ-kheo sinh lên các cõi trời Ý Sinh khác mà ra vào định Tướng tri diệt, chắc chắn không có điều ấy.

Tôn giả Xá-lợi-phất, lần thứ hai, lần thứ ba, bảo các vị Tỳ-kheo:

— Nếu vị Tỳ-kheo thành tựu giới, thành tựu định, và thành tựu huệ, thì ngay trong đời hiện tại ra vào định Tưởng tri diệt; điều này chắc chắn có xảy ra. Còn nếu ngay trong đời hiện tại mà không chứng được cứu cánh trí, thì khi thân hoại mạng chung, vượt qua cõi trời Đoàn Thực, sinh lên các cõi trời Ý Sinh, tại các cõi ấy mà ra vào định Tưởng tri diệt; điều này chắc chắn có xảy ra.

Tôn giả Ô-đà-di, cũng lại lần thứ hai, lần thứ ba, thưa rằng:

— Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu các vị Tỳ-kheo sinh lên các cõi trời Ý Sinh khác mà ra vào định Tưởng tri diệt, chắc chắn không có điều ấy.

Tôn giả Xá-lợi-phất lại suy nghĩ thế này: “Vị Tỳ-kheo này ở trước đức Thế Tôn, hai rồi ba lần phi bác lời ta nói, cũng không có một vị Tỳ-kheo nào tán thán lời ta nói, vậy ta nên im lặng.”

Lúc ấy, đức Thế Tôn hỏi:

— Này Ô-đà-di, Ông cho rằng, cõi trời Ý Sinh là sắc u?

Tôn giả Ô-đà-di bạch đức Thế Tôn:

— Quả thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đức Thế Tôn liền quở:

— Ông là người ngu si, mù tối, không có mắt, bằng vào những gì mà có thể luận bàn về A-tỳ-đàm rất sâu xa.

Bấy giờ Tôn giả Ô-đà-di sau khi bị đức Thế Tôn quở trách, lòng dạ ưu sầu, cúi đầu im lặng, không còn lời lẽ để biện luận, như có điều suy nghĩ.

Đức Thế Tôn sau khi quở trách Tôn giả Ô-đà-di rồi, bảo Tôn giả A-nan:

— Vị Tỳ-kheo trưởng lão, là bậc danh đức thượng tôn mà bị người khác cật vấn, tại sao Ông buông thả, không chịu kiểm thúc. Ông là người ngu si, không có lòng từ, quay lưng lại với bậc trưởng lão, thượng tôn, danh đức.

Bấy giờ, đức Thế Tôn sau khi quở trách Tôn giả Ô-đà-di và Tôn giả A-nan, Ngài bảo các Tỳ-kheo rằng:

— Nếu vị Tỳ-kheo thành tựu giới, thành tựu định và thành tựu huệ, thì ngay trong đời hiện tại ra vào định Tướng tri diệt; điều này chắc chắn có xảy ra. Còn nếu ngay trong đời hiện tại mà không chứng được cứu cánh trí, thì khi thân hoại mạng chung, vượt qua cõi trời Đoàn Thực, sinh lên các cõi trời Ý Sinh, tại các cõi ấy mà ra vào định Tướng tri diệt; điều này chắc chắn có xảy ra.

Đức Phật nói như vậy xong liền vào Thiên thất, mặc nhiên tĩnh tọa. Bấy giờ Tôn giả Tỳ-kheo Bạch Tịnh đang hiện diện trong đại chúng. Tôn giả A-nan thưa với Tôn giả Bạch Tịnh rằng:

— Đó là việc làm của vị khác mà tôi lại bị quở trách. Thưa Tôn giả Bạch Tịnh, vào lúc xế trưa chắc là đức Thế Tôn sẽ từ Thiên thất đi ra, đến trước đại chúng Tỳ-kheo trải chỗ ngồi mà ngồi, cùng thảo luận ý nghĩa này. Thưa Tôn giả Bạch Tịnh, Ngài nên trả lời việc này; tôi rất hổ thẹn đối với đức Thế Tôn và các vị phạm hạnh.

Bấy giờ, vào lúc xế trưa, đức Thế Tôn từ Thiên thất đi ra, đến trước đại chúng Tỳ-kheo, trải chỗ ngồi mà ngồi, rồi Ngài dạy:

— Nay Bạch Tịnh, vị Tỳ-kheo trưởng lão có mấy pháp để được các vị phạm hạnh kính mến, tôn trọng?

Tôn giả Bạch Tịnh thưa:

— Bạch Thế Tôn, vị Tỳ-kheo trưởng lão có năm pháp để được các vị phạm hạnh kính mến, tôn trọng. Những gì là năm? Bạch Thế Tôn, vị Tỳ-kheo trưởng lão tu tập các giới cấm, giữ gìn biệt giải thoát luật nghi, lại còn khéo thấu nhiếp các oai nghi, lễ tiết, thấy tội lỗi nhỏ nhất cũng

thường ôm lòng sợ sệt và thọ trì học giới. Bạch Thế Tôn, vị Tỳ-kheo trưởng lão thượng tôn có cấm giới ấy sẽ được các vị phạm hạnh kính mến, tôn trọng.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, vị Tỳ-kheo trưởng lão học rộng nghe nhiều, ghi nhớ không quên, tích lũy kiến thức rộng rãi; pháp do vị ấy nói ra thì sơ thiện, trung thiện và cứu cánh cũng thiện, có nghĩa lý, có văn từ, đầy đủ phạm hạnh, thanh tịnh hiển hiện, học rộng nghe nhiều các pháp như vậy, luyện tập cho đến cả ngàn, tâm ý tư duy quán sát, thấy rõ ràng và hiểu thấu sâu xa. Bạch Thế Tôn, vị Tỳ-kheo trưởng lão thượng tôn đa văn ấy sẽ được các vị phạm hạnh kính mến, tôn trọng.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, vị Tỳ-kheo trưởng lão thượng tôn có bốn tâm tăng thượng, đạt được sự an lạc ngay trong hiện tại, dễ được, không khó. Bạch Thế Tôn, vị Tỳ-kheo trưởng lão thượng tôn có thiên tư ấy sẽ được các vị phạm hạnh kính mến, tôn trọng.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, vị Tỳ-kheo trưởng lão tu hành trí tuệ, quán pháp hưng suy, được thánh trí tuệ minh đạt như vậy, phân biệt rõ ràng, chân chánh dứt hết khổ. Bạch Thế Tôn, vị Tỳ-kheo

trưởng lão thượng tôn có trí tuệ ấy sẽ được các vị phạm hạnh kính mến, tôn trọng.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, vị Tỳ-kheo trưởng lão đã dứt sạch các lậu, không còn hữu kết, tâm giải thoát, huệ giải thoát, trong đời hiện tại tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu và an trụ, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa, biết đúng như thật. Bạch Thế Tôn, vị Tỳ-kheo trưởng lão thượng tôn đã lậu tận ấy sẽ được các vị phạm hạnh kính mến, tôn trọng.

Bạch Thế Tôn, nếu vị Tỳ-kheo trưởng lão thành tựu năm pháp này sẽ được các vị phạm hạnh kính mến, tôn trọng.

Đức Thế Tôn hỏi:

— Nay Bạch Tịnh, nếu vị Tỳ-kheo trưởng lão thượng tôn không có năm pháp này, thì do nghĩa nào để cho các vị phạm hạnh kính mến, tôn trọng?

Tôn giả Bạch Tịnh thưa:

— Bạch Thế Tôn, nếu vị Tỳ-kheo trưởng lão thượng tôn không có năm pháp này, thì thật không còn điều nào khác để cho các vị phạm hạnh kính mến, tôn trọng. Chỉ còn lấy sự già nua, tóc bạc, răng rụng, sự khỏe mạnh ngày càng suy tàn, thân

còm, chân vẹo, cơ thể nặng nề, hơi thở đưa lên, chống gậy mà đi, thịt teo, nhăn, xù xì như cây gai, các căn rời rụng, nhan sắc xấu xí; vị kia nhân những điều ấy mà được các vị phạm hạnh kính mến, tôn trọng

Đức Thế Tôn dạy:

— Quả đúng như vậy, quả thật vậy đó. Nếu Tỳ-kheo trưởng lão thượng tôn mà không có năm pháp này, thì thật không còn điều kiện nào khác để cho các vị phạm hạnh kính mến, tôn trọng, Chỉ còn lấy sự già nua, tóc bạc, răng rụng, sự khỏe mạnh ngày càng suy tàn, thân còm, chân vẹo, cơ thể nặng nề, hơi thở đưa lên, chống gậy mà đi, thịt teo, da nhăn, xù xì như cây gai, các căn rời rụng, nhan sắc xấu xí; vị kia nhân những điều ấy mà được các vị phạm hạnh kính mến, tôn trọng.

Này Bạch Tịnh, Tỳ-kheo Xá-lợi-phất có đủ năm pháp này, các Ông phải kính mến, tôn trọng. Vì sao thế? Này Bạch Tịnh, Tỳ-kheo Xá-lợi-phất tu tập các giới cấm, thủ hộ biệt giải thoát luật nghi, lại còn khéo thâm nhiếp các oai nghi lễ tiết, thấy tội lỗi nhỏ nhặt cũng thường ôm lòng lo sợ, thọ trì học giới.

Lại nữa, này Bạch Tịnh, Tỳ-kheo Xá-lợi-phất học rộng nghe nhiều, ghi nhớ không quên, tích lũy

kiến thức rộng rãi; pháp do vị ấy nói ra từ sơ thiện, trung thiện, và cứu cánh cũng thiện, có nghĩa, có văn, đầy đủ phạm hạnh thanh tịnh hiển hiện, học rộng, nghe nhiều các pháp như vậy, luyện tập cho đến cả ngàn, tâm ý tư duy quán sát, thấy rõ ràng và hiểu biết sâu xa.

Lại nữa này Bạch Tịnh, Tỳ-kheo Xá-lợi-phất có bốn tâm tăng thượng, hiện tại được an lạc, dễ được chớ không khó.

Lại nữa, này Bạch Tịnh, Tỳ-kheo Xá-lợi-phất tu tập trí tuệ, quán pháp hưng suy, được thánh trí tuệ minh đạt như vậy, phân biệt rõ ràng để chân chánh dứt hết khổ.

Lại nữa, này Bạch Tịnh, Tỳ-kheo Xá-lợi-phất đã dứt sạch các lậu, không còn hữu kết, tâm giải thoát, huệ giải thoát, trong đời hiện tại tự tri, tự giác, tự chứng thành tựu và an trụ, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.

Này Bạch Tịnh, Tỳ-kheo Xá-lợi-phất thành tựu năm pháp này, các Ông nên kính mến, tôn trọng.

Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả Bạch Tịnh và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

3. KINH TRÍ

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Tỳ-kheo Mâu-lợi-phá-quần-nậu xả giới, bỏ đạo. Tỳ-kheo Hắc Xỉ nghe Tỳ-kheo Mâu-lợi-phá-quần-nậu xả giới, bỏ đạo, liền đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, cúi đầu lạy dưới chân rồi ngồi xuống một bên, ngồi xong, thưa rằng:

— Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, Ngài nên biết, Tỳ-kheo Mâu-lợi-phá-quần-nậu đã xả giới, bỏ đạo.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

— Tỳ-kheo Mâu-lợi-phá-quần-nậu đối với giáo pháp này có sự ái lạc chăng?

Tỳ-kheo Hắc Xi hỏi lại:

— Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, Ngài đối với giáo pháp này có sự ái lạc chăng?

Tôn giả Xá-lợi-phất trả lời:

— Nay Hắc Xi, trong giáo pháp này ta không hề có sự nghi hoặc.

Tỳ-kheo Hắc Xi lại hỏi:

— Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, Ngài đối với những việc trong tương lai lại như thế nào?

Tôn giả Xá-lợi-phất trả lời:

— Ta đối với việc trong tương lai cũng không có gì do dự.

Tỳ-kheo Hắc Xi nghe như vậy rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến chỗ Phật cúi đầu lễ dưới chân Phật rồi ngồi xuống một bên thưa rằng:

— Bạch Thế Tôn, Tôn giả Xá-lợi-phất vừa rồi tự cho rằng mình có trí tuệ, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa, biết đúng như thật.

Đức Thế Tôn nghe xong, bảo một vị Tỳ-kheo:

— Ông đến chỗ Xá-lợi-phất nói với Xá-lợi-phất rằng: “Đức Thế Tôn gọi Tôn giả”.

Vị Tỳ-kheo ấy nghe Phật dạy rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, lạy Phật rồi đi, qua đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất thưa rằng: “Đức Thế Tôn gọi Tôn giả Xá-lợi-Phất”. Tôn giả Xá-lợi-phất nghe rồi, liền đi đến trước Phật, cúi đầu lễ, rồi ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn hỏi:

— Nay Xá-lợi-phất, có thật vừa rồi thầy tự cho rằng mình có trí tuệ, biết đúng như thật, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa chăng?

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa:

— Bạch Thế Tôn, không phải với lời ấy, không phải với câu ấy mà con chỉ nói về nghĩa ấy.

Đức Thế Tôn bảo:

— Nay Xá-lợi-phất, một thiện nam tử hãy tùy phương tiện mà nói, hễ có trí tức nói có trí.

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa:

— Bạch Thế Tôn, con vừa nói, không phải với lời ấy, không phải với câu ấy mà con chỉ nói về nghĩa ấy.

Đức Thế Tôn hỏi:

— Nay Xá-lợi-phất, nếu có các vị phạm hạnh đến hỏi Thầy rằng: “Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, biết thế nào, thấy thế nào để có thể tự cho rằng mình được trí tuệ, biết đúng như thật, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa?”. Nay Xá-lợi-phất, nghe như vậy rồi Thầy sẽ trả lời sao?

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa:

— Bạch Thế Tôn, nếu có các vị phạm hạnh đến hỏi con rằng: “Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, biết thế nào, thấy thế nào để có thể tự cho rằng mình được trí tuệ, biết đúng như thật, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.” Bạch Thế Tôn, nếu có vị phạm hạnh đến hỏi con như vậy, thì con sẽ trả lời như thế này: “Nay chư Hiền, sự sanh có nguyên nhân, nguyên nhân của sự sanh này dứt hết và biết rõ nguyên nhân sự sanh đã dứt hết nên tôi tự xưng rằng, được trí tuệ, biết đúng như thật, sự sanh đã hết, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong không còn tái sanh nữa.”

Đức Thế Tôn khen:

— Hay thay, hay thay, Xá-lợi-phất! Nếu các vị phạm hạnh đến hỏi như thế, Thầy nên trả lời như vậy. Vì sao thế? Vì nói như thế, nên biết, đó là nói nghĩa.

Đức Thế Tôn hỏi:

— Này Xá-lợi-phất, nếu các vị phạm hạnh đến hỏi Thầy thế này: “Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, sự sanh do nhân gì, do duyên gì, từ đâu mà sanh, lấy gì làm gốc?” Thầy nghe những câu hỏi đó thì sẽ trả lời thế nào?

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa:

— Bạch Thế Tôn, nếu có các vị phạm hạnh đến hỏi con rằng: “Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, sự sanh do nhân gì, do duyên gì, từ đâu mà sanh, lấy gì làm gốc?” Con nghe vậy rồi, sẽ trả lời như thế này: “Này chư Hiền, sự sanh vốn lấy hữu làm nhân, lấy hữu làm duyên, từ hữu phát sinh, lấy hữu làm gốc.” Bạch Thế Tôn, nếu các vị phạm hạnh đến hỏi như thế, thì con sẽ đáp như vậy.

Đức Thế Tôn khen:

— Hay thay, hay thay, Xá-lợi-phất! Nếu các vị phạm hạnh đến hỏi như thế, Thầy nên trả lời

như vậy. Vì sao thế? Vì nói như vậy, nên biết, đó là nói nghĩa.

Đức Thế Tôn hỏi:

— Này Xá-lợi-phất, nếu các vị phạm hạnh đến hỏi Thầy thế này: “Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, hữu do nhân gì, do duyên gì, từ đâu mà sanh, lấy gì làm gốc?” Thầy nghe những câu hỏi đó thì sẽ trả lời thế nào?

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa:

— Bạch Thế Tôn, nếu các vị phạm hạnh đến hỏi con rằng: “Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, hữu lấy gì làm nhân, lấy gì làm duyên, từ đâu phát sanh, lấy gì làm gốc?” Bạch Thế Tôn, con nghe vậy rồi, sẽ trả lời thế này: “Này chư Hiền, hữu lấy thủ làm nhân, lấy thủ làm duyên, từ thủ phát sinh, lấy thủ làm gốc.” Bạch Thế Tôn, nếu các vị phạm hạnh đến hỏi như thế, thì con sẽ trả lời như vậy.

Đức Thế Tôn khen:

— Hay thay, hay thay, Xá-lợi-phất! Nếu các người phạm hạnh đến hỏi như thế, Thầy nên trả lời như vậy. Vì sao thế? Vì nói như vậy, nên biết, đó là nói nghĩa.

Đức Thế Tôn hỏi:

— Nay Xá-lợi-phất, nếu các vị phạm hạnh đến hỏi Thầy thế này: “Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, Thủ do nhân gì, do duyên gì, từ đâu mà sanh, lấy gì làm gốc?” Thầy nghe những câu hỏi đó rồi trả lời như thế nào?

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa:

— Nếu các vị phạm hạnh đến hỏi con rằng: “Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, thủ lấy gì làm nhân, lấy gì làm duyên, từ đâu phát sinh, lấy gì làm gốc?” Bạch Thế Tôn, con nghe như vậy rồi sẽ trả lời như thế này: “Nay chư Hiền, thủ lấy ái làm nhân, lấy ái làm duyên, từ ái phát sinh, lấy ái làm gốc.” Bạch Thế Tôn, nếu các vị phạm hạnh đến hỏi như thế, thì con sẽ trả lời như vậy.

Đức Thế Tôn khen:

— Hay thay, hay thay, Xá-lợi-phất! Nếu các vị phạm hạnh đến hỏi như thế, Thầy nên trả lời như vậy. Vì sao thế? Vì nói như vậy, nên biết, đó là nói nghĩa.

Đức Thế Tôn hỏi:

— Nay Xá-lợi-phất, nếu các vị phạm hạnh đến hỏi Thầy thế này: “Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, thế nào là ái.”; Thầy nghe câu hỏi đó rồi, sẽ trả lời thế nào?

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa:

— Bạch Thế Tôn, nếu các vị phạm hạnh đến hỏi con rằng: “Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, thế nào là ái?” Bạch Thế Tôn, con nghe vậy rồi sẽ trả lời như thế này: “Này chư Hiền, vì có ba thọ: lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Ưa thích, nhiễm trước ba thọ đó, gọi là ái.” Bạch Thế Tôn, nếu các vị phạm hạnh đến hỏi như thế, thì con sẽ đáp như vậy.

Đức Thế Tôn khen:

— Hay thay, hay thay, Xá-lợi-phất! Nếu có vị phạm hạnh đến hỏi như vậy, Thầy nên trả lời như vậy. Vì sao thế? Vì nói như vậy, nên biết, đó là nói nghĩa.

Đức Thế Tôn hỏi:

— Này Xá-lợi-phất, nếu có vị phạm hạnh đến hỏi Thầy rằng: “Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, thấy thế nào, biết thế nào để đối với ba thọ không nhiễm trước lạc dục?” Thầy nghe vậy rồi, sẽ trả lời thế nào?

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa:

— Bạch Thế Tôn, nếu các vị phạm hạnh đến hỏi rằng: “Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, thấy thế nào biết thế nào để đối với ba thọ không nhiễm trước

lạc dục?” Con nghe vậy rồi sẽ trả lời như thế này: “Này chư Hiền, ba thọ này là pháp vô thường, pháp khổ, pháp diệt. Pháp vô thường tức là khổ, thấy khổ rồi liền không còn nhiệm trước lạc dục đối với ba thọ.” Bạch Thế Tôn, nếu các vị phạm hạnh đến hỏi như thế, thì con sẽ trả lời như vậy.

Đức Thế Tôn khen:

— Hay thay, hay thay, Xá-lợi-phất! Nếu có các vị phạm hạnh đến hỏi như thế, Thầy nên đáp như vậy. Vì sao thế? Vì trả lời như thế, nên biết, đó là nói nghĩa.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo:

— Này Xá-lợi-phất, lời nói này còn có một ý nghĩa nữa để có thể trả lời vấn tắt. Này Xá-lợi-phất, còn có nghĩa gì để lời nói này có thể được trả lời vấn tắt? Những gì được cảm thọ, những gì được làm ra đều là khổ. Này Xá-lợi-phất, đó là còn có một ý nghĩa nữa để lời nói ấy có thể được trả lời vấn tắt.

Đức Thế Tôn hỏi:

— Này Xá-lợi-phất, nếu có các vị phạm hạnh đến hỏi rằng: “Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, đối với bội xả mà tự cho rằng có trí huệ, biết như thật,

sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa?” Thầy nghe như vậy rồi sẽ trả lời thế nào?

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa:

— Bạch Thế Tôn, nếu có các vị phạm hạnh đến hỏi con thế này: “Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, đối với bội xả mà tự cho rằng có trí tuệ, biết như thật, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa?” Con nghe vậy rồi, sẽ trả lời như thế này: “Này chư Hiền, tôi đối với bội xả mà dứt hết các thứ ái, không kinh hãi, không sợ sệt, không nghi, không làm, thực hành sự thủ hộ như vậy; thủ hộ như thế rồi không còn sinh ra lậu bất thiện.” Bạch Thế Tôn, nếu các vị phạm hạnh đến hỏi như vậy, con sẽ trả lời như vậy.

Đức Thế Tôn khen:

— Hay thay, hay thay, Xá-lợi-phất! Nếu các vị phạm hạnh đến hỏi như thế, Thầy nên trả lời như vậy. Vì sao thế? Vì trả lời như vậy, nên biết đó là nói nghĩa.

Đức Thế Tôn bảo:

— Này Xá-lợi-phất, lại còn ý nghĩa nữa để có thể trả lời vấn tất cho lời nói ấy: “Đối với những

kiết sử mà một vị Sa-môn nói đến, những kiết sử ấy không phải ta có, thực hành sự thủ hộ như vậy, thủ hộ như thế rồi không còn sinh ra lậu bất thiện.” Nay Xá-lợi-phất, đó là còn có ý nghĩa để có thể trả lời vấn tất cho lời nói ấy.

Đức Thế Tôn nói như vậy rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi vào tịnh thất để tĩnh tọa. Sau khi đức Thế Tôn đi vào tịnh thất chẳng bao lâu, Tôn giả Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo:

— Nay chư Hiền, thoát tiên, tôi vốn chưa kịp gợi ý mà đức Thế Tôn đã hỏi ý nghĩa đó, tôi đã nghĩ rằng, sợ không thể trả lời được. Nay chư Hiền, khi tôi nói ra nghĩa thứ nhất liền được đức Thế Tôn tán thán, tôi lại nghĩ thế này: “Nếu đức Thế Tôn trong một ngày một đêm với những lời khác, với câu khác mà hỏi tôi về nghĩa này thì tôi vẫn có thể trong một ngày một đêm với những lời khác, câu khác mà trả lời đức Thế Tôn về nghĩa ấy. Nếu đức Thế Tôn trong hai, ba, hay bốn cho đến bảy ngày bảy đêm với những lời khác, câu khác mà hỏi tôi về nghĩa này, thì tôi cũng vẫn có thể trong hai, ba, bốn cho đến bảy ngày bảy đêm với những lời khác, câu khác mà trả lời đức Thế Tôn về nghĩa ấy.”

Tỳ-kheo Hắc Xi nghe Tôn giả Xá-lợi-phất nói như vậy rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vội đến chỗ đức Phật và bạch với Thế Tôn:

— Sau khi đức Thế Tôn vào tịnh thất chẳng bao lâu, Tôn giả Xá-lợi-phất đã nói lời cùng tột, chẳng thua gì tiếng rống của sư tử: “Này chư Hiền, thoát tiên tôi vốn chưa gợi ý mà đức Thế Tôn đã hỏi ý nghĩa đó; tôi lại nghĩ rằng, sợ không thể trả lời được. Này chư Hiền, nhưng khi tôi nói ra nghĩa thứ nhất, liền được đức Thế Tôn tán thán; tôi lại nghĩ thế này: “Nếu đức Thế Tôn trong một ngày một đêm với những lời khác, với câu khác mà hỏi tôi về nghĩa này, thì tôi vẫn có thể trong một ngày một đêm với những lời khác, câu khác mà trả lời đức Thế Tôn về nghĩa ấy. Nếu đức Thế Tôn trong hai, ba, bốn cho đến bảy ngày, bảy đêm với những lời khác, câu khác mà hỏi tôi về nghĩa này, thì tôi cũng vẫn có thể trong hai, ba, bốn cho đến bảy ngày, bảy đêm với những lời khác, câu khác mà trả lời đức Thế Tôn về nghĩa ấy.””

Đức Thế Tôn bảo:

— Này Hắc Xi, thật vậy, thật vậy. Nếu Ta trong một ngày, một đêm với những lời khác, câu khác mà hỏi Tỳ-kheo Xá-lợi-phất về nghĩa này, thì Tỳ-kheo Xá-lợi-phất chắc chắn có thể trong một

ngày, một đêm với những lời khác, câu khác mà trả lời cho Ta về nghĩa ấy. Nếu Ta trong hai, ba, bốn cho đến bảy ngày, bảy đêm với các lời khác, câu khác để hỏi Tỳ-kheo Xá-lợi-phất về nghĩa này, thì Tỳ-kheo Xá-lợi-phất cũng có thể trong hai, ba, bốn cho đến bảy ngày đêm với những lời khác, câu khác mà trả lời cho Ta về nghĩa ấy. Vì sao thế? Nay Hắc Xi, Tỳ-kheo Xá-lợi-phất đã thấu đạt sâu xa về pháp giới vậy.

Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả Xá-lợi-phất và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

4. KINH SƯ TỬ HỒNG

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ đức Thế Tôn cùng đông đủ đại chúng Tỳ-kheo đang an cư mùa mưa tại nước Xá-vệ. Tôn giả Xá-lợi-phất cũng du hóa nước Xá-vệ rồi an cư mùa mưa. Lúc ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất an cư mùa mưa tại nước Xá-vệ xong, đã trải qua ba tháng, sau khi vá sửa các y rồi, liền xếp y, ôm bát đi đến nơi đức Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, lui qua một bên rồi thưa:

— Bạch Thế Tôn, con an cư mùa mưa ở nước Xá-vệ vừa xong. Bạch Thế Tôn, bây giờ con muốn du hành trong nhân gian.

Đức Thế Tôn dạy:

— Nay Xá-lợi-phất, Thầy hãy đi đến nơi nào tùy ý; những người nào chưa được hóa độ, hãy khiến cho họ được hóa độ; những người nào chưa được giải thoát, hãy khiến cho họ được giải thoát; những ai chưa chứng Niết-bàn, hãy khiến cho họ chứng Niết-bàn. Nay Xá-lợi-phất, Thầy hãy đi đến nơi nào tùy theo ý muốn.

Lúc đó Tôn giả Xá-lợi-phất nghe đức Phật dạy xong, khéo léo thọ trì, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, đi quanh ba vòng, rồi lui ra, trở về phòng riêng dọn dẹp chỗ ngồi, xếp y, ôm bát rồi ra đi du hành trong nhân gian.

Sau khi Tôn giả Xá-lợi-phất ra đi không bao lâu, có một vị phạm hạnh phạm vào pháp tương vi trước mặt đức Phật. Vị ấy thưa đức Thế Tôn:

— Hôm nay Tôn giả Xá-lợi-phất sau khi khinh mạn con, rồi đi du hành trong nhân gian.

Đức Thế Tôn nghe rồi, bảo một vị Tỳ-kheo rằng:

— Thầy hãy tìm đến chỗ Xá-lợi-phất, bảo với Xá-lợi-phất: “Đức Thế Tôn gọi Tôn giả, sau khi Tôn giả đi không bao lâu. Có một vị phạm hạnh phạm pháp tương vi trước mặt Như Lai, nói thế này: “Bạch Thế Tôn, hôm nay Tôn giả Xá-lợi-phất sau khi khinh mạn con, rồi đi du hành trong nhân gian.””

Vị Tỳ-kheo kia sau khi vâng lời đức Phật dạy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Phật rồi ra đi.

Bấy giờ Tôn giả A-nan đứng sau đức Thế Tôn, đang cầm quạt hầu đức Phật. Sau khi vị Tỳ-kheo kia ra đi không bao lâu, Tôn giả A-nan liền cầm chìa khóa cửa, đi đến khắp các phòng, gặp vị Tỳ-kheo nào cũng nói như thế này: “Lành thay, thua chư Tôn! Mau đến đại giảng đường, vì hôm nay Tôn giả Xá-lợi-phất sẽ ở trước đức Phật mà rống tiếng sư tử. Nếu Tôn giả Xá-lợi-phất nói ra những điều sâu xa, tịch tịnh ở trong tịch tịnh, vi diệu ở trong vi diệu; những lời như vậy, sau khi các vị và tôi được nghe rồi, nên khéo tụng tập, nên khéo thọ trì.”

Lúc ấy, các vị Tỳ-kheo nghe Tôn giả A-nan nói vậy, tất cả đều đến giảng đường.

Bấy giờ vị Tỳ-kheo kia đi đến chỗ tôn giả Xá-lợi-phất thưa rằng: “Đức Thế Tôn gọi Tôn giả, sau khi Tôn giả đi không bao lâu, có một vị phạm hạnh ở trước đức Thế Tôn phạm pháp tương vi, rồi nói thế này: “Bạch Thế Tôn, hôm nay Tôn giả Xá-lợi-phất, sau khi khinh mạn con, rồi đi du hành trong nhân gian.””

Bấy giờ, khi Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, liền từ chỗ ngồi đứng dậy và đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, rồi lui ngồi một bên. Đức Phật liền bảo:

— Nay Xá-lợi-phất, sau khi Thầy đi không bao lâu, có một vị phạm hạnh phạm pháp tương vi trước mặt Ta, rồi nói thế này: “Bạch Thế Tôn, hôm nay Tôn giả Xá-lợi-phất, sau khi khinh mạn con, rồi đi du hành trong nhân gian.” Nay Xá-lợi-phất, có thật sau khi khinh mạn một vị phạm hạnh rồi, Thầy đi du hành trong nhân gian chăng?

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa:

— Bạch Thế Tôn, nếu người nào không có thân hành niệm trên thân, thì người ấy mới khinh mạn một vị phạm hạnh, rồi đi du hành trong nhân gian. Bạch Thế Tôn, con khéo có thân hành niệm

trên thân, thì sao con lại khinh mạn một vị phạm hạnh, rồi đi du hành trong nhân gian?

Bạch Thế Tôn, như một con trâu đã gãy sừng, rất nhường nhịn, hiền lành, dễ sai khiến, dễ chế ngự; nó từ thôn này đi đến thôn khác, từ xóm này đi đến xóm khác, những nơi nó đi qua không có gì bị xâm phạm. Bạch Thế Tôn, con cũng vậy, tâm con như con trâu gãy sừng, không kết, không oán, không sân nhuế, không náo hại, rộng lớn vô biên, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Bạch Thế Tôn, nếu ai không có thân hành niệm trên thân thì người ấy sẽ khinh mạn một vị phạm hạnh, rồi đi du hành trong nhân gian. Bạch Thế Tôn, con khéo có thân hành niệm trên thân, thì sao con lại khinh mạn một vị phạm hạnh, rồi đi du hành trong nhân gian?

Bạch Thế Tôn, như con của một người Chiên-đà-la bị chặt hai tay, tâm ý rất thấp kém; nó từ thôn này đi đến thôn khác, từ xóm này đi đến xóm khác, những nơi nó đi ngang qua, không có gì bị xâm phạm. Bạch Thế Tôn, cũng như thế, tâm con như con của một người Chiên-đà-la bị đứt tay, không kết, không oán, không sân nhuế, không náo hại, rộng lớn vô biên, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Bạch Thế

Tôn, nếu ai không có thân hành niệm trên thân, thì người ấy sẽ khinh mạn một người phạm hạnh, rồi đi du hành trong nhân gian. Bạch Thế Tôn, con khéo có thân hành niệm trên thân, thì làm sao con lại khinh mạn một vị phạm hạnh, rồi đi du hành trong nhân gian?

Bạch Thế Tôn, cũng như mặt đất, dung nạp tất cả đồ sạch và đồ nhơ, đại tiện, tiểu tiện, nước mũi, nước miếng; mặt đất không phải vì thế mà có sự thương ghét, không lấy làm xấu xa, không xấu hổ cũng chẳng thẹn thùng. Bạch thế Tôn, con cũng như vậy, tâm con như mặt đất kia không kết, không oán, không sân nhuế, không náo hại, rộng lớn vô biên, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian thành tựu và an trụ. Bạch Thế Tôn, nếu ai không có thân hành niệm trên thân thì người ấy sẽ khinh mạn một vị phạm hạnh, rồi đi du hành trong nhân gian. Bạch Thế Tôn, con khéo có thân hành niệm trên thân thì sao con lại khinh mạn một vị phạm hạnh, rồi đi du hành trong nhân gian?

Bạch Thế Tôn, cũng như giòng nước, rửa sạch tất cả đồ sạch và đồ nhơ, đại tiện, tiểu tiện, nước mũi, nước miếng; giòng sông không phải vì thế mà có sự yêu ghét, không lấy làm xấu xa, không xấu hổ, cũng chẳng thẹn thùng. Bạch Thế Tôn, con

cũng như vậy, tâm con như giòng nước kia, không kết, không oán, không sân nhuế, không não hại, rộng lớn vô biên, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Bạch Thế Tôn, nếu ai không có thân hành niệm trên thân, thì người ấy sẽ khinh mạn một vị phạm hạnh, rồi đi du hành trong nhân gian. Bạch Thế Tôn, con khéo có thân hành niệm trên thân, thì sao con lại khinh mạn một vị phạm hạnh, rồi du hành trong nhân gian?

Bạch Thế Tôn, cũng như ngọn lửa đốt cháy tất cả đồ sạch và đồ nhơ, đại tiện, tiểu tiện, nước mũi, nước miếng; ngọn lửa không vì thế mà có sự yêu ghét, không lấy làm xấu xa, không xấu hổ, cũng chẳng thẹn thùng. Bạch Thế Tôn, con cũng như vậy, tâm con như ngọn lửa kia, không kết, không oán, không sân nhuế, không não hại, rộng lớn vô biên, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Bạch Thế Tôn, nếu ai không có thân hành niệm trên thân, thì người ấy sẽ khinh mạn một vị phạm hạnh, rồi đi du hành trong nhân gian. Bạch Thế Tôn, con khéo có thân hành niệm trên thân, thì sao con lại khinh mạn một vị phạm hạnh, rồi du hành trong nhân gian?

Bạch Thế Tôn, cũng như gió thổi bay đồ sạch và đồ nhơ, đại tiện, tiểu tiện, nước mũi, nước miếng; gió vẫn không vì thế mà có sự yêu ghét, không lấy làm xấu xa, không xấu hổ, cũng chẳng thẹn thùng. Bạch Thế Tôn, con cũng như vậy, tâm con như ngọn gió kia, không kết, không oán, không sân nhuế, không náo hại, rộng lớn vô biên, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Bạch Thế Tôn, nếu ai không có thân hành niệm trên thân, thì người ấy sẽ khinh mạn một vị phạm hạnh, rồi du hành trong nhân gian. Bạch Thế Tôn, con khéo có thân hành niệm trên thân, thì sao con lại khinh mạn một vị phạm hạnh, rồi du hành trong nhân gian?

Bạch Thế Tôn, cũng như cây chổi quét sạch tất cả đồ sạch và đồ nhơ, đại tiện, tiểu tiện, nước mũi, nước miếng, cây chổi vẫn không vì thế mà có sự yêu ghét, không lấy làm xấu xa, không xấu hổ, cũng chẳng thẹn thùng. Bạch Thế Tôn, con cũng như vậy, tâm con như cây chổi kia, không kết, không oán, không sân nhuế, không náo hại, rộng lớn vô biên, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Bạch Thế Tôn, nếu ai không có thân hành niệm trên thân, thì người ấy sẽ khinh mạn một vị phạm hạnh, rồi du hành trong nhân

gian. Bạch Thế Tôn, con khéo có thân hành niệm trên thân, thì sao con lại khinh mạn một vị phạm hạnh, rồi du hành trong nhân gian?

Bạch Thế Tôn, cũng như cái bô-chiên-ni, chùi lau tất cả đồ sạch và đồ nhơ, đại tiện, tiểu tiện, nước mũi, nước miếng. Cái bô-chiên-ni vẫn không vì thế mà có sự yêu ghét, không lấy làm xấu xa, không xấu hổ, cũng chẳng thẹn thùng. Bạch Thế Tôn, con cũng như vậy, tâm con như cái bô-chiên-ni kia, không kết, không oán, không sân nhuế, không náo hại, rộng lớn vô biên, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Bạch Thế Tôn, nếu ai không có thân hành niệm trên thân, thì người ấy sẽ khinh mạn một vị phạm hạnh, rồi du hành trong nhân gian. Bạch Thế Tôn, con khéo có thân hành niệm trên thân, thì sao con lại khinh mạn một vị phạm hạnh, rồi du hành trong nhân gian?

Bạch Thế Tôn, cũng như bình mỡ nứt nẻ cùng khắp, đựng đầy mỡ rồi để dưới ánh nắng mặt trời, chảy rĩ thấm ướt khắp cả; nếu người có mắt đến đứng bất cứ bên nào cũng thấy bình mỡ ấy nứt nẻ cùng khắp, đựng đầy mỡ rồi để dưới ánh nắng mặt trời, chảy rĩ khắp, thấm ướt tất cả. Bạch Thế Tôn,

con cũng như thế, con thường quán sát thân này có chín lỗ, thường chảy đồ bất tịnh, rỉ khắp, thấm ướt khắp. Bạch Thế Tôn, nếu ai không có thân hành niệm trên thân thì người ấy sẽ khinh mạn một vị phạm hạnh, rồi du hành trong nhân gian. Bạch Thế Tôn, con khéo có thân hành niệm trên thân thì làm sao con lại khinh mạn một vị phạm hạnh, rồi du hành trong nhân gian?

Bạch Thế Tôn, cũng như một người ưa thích tuổi thiếu niên của mình, tắm gội sạch sẽ, xông thân thể bằng hương thoa, mặc áo trắng, đeo vòng ngọc để trang sức, cạo râu, sửa tóc, đầu đội tràng hoa. Nếu đem ba xác chết, xác rắn chết, xác chó chết, và xác một người chết, máu ứ bầm xanh, sinh trướng to lên, rất thối tha, rửa nát, nước dơ chảy tràn ra dính đầy cổ họng; người ấy sẽ ôm lòng hổ thẹn, rất ghét đồ nhơ uế đó. Bạch Thế Tôn, con cũng như thế, thường quán sát những chỗ thối tha, không sạch sẽ trong thân này, tâm ôm lòng hổ thẹn, rất ghét vật nhơ uế đó. Bạch Thế Tôn, nếu ai không có thân hành niệm trên thân, thì người ấy sẽ khinh mạn một vị phạm hạnh, rồi du hành trong nhân gian. Bạch Thế Tôn, con khéo có thân hành niệm trên thân, thì sao con lại khinh mạn một vị phạm hạnh, rồi du hành trong nhân gian?

Lúc ấy, vị Tỳ-kheo kia liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lễ sát chân Phật và bạch:

— Bạch Thế Tôn, con xin sám hối! Bạch Thiện Thệ, con xin sám hối! Như người ngu si, như người bất định, như người bất thiện. Vì sao thế? Vì con đã đem lời dối trá để vu báng Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, là bậc phạm hạnh thanh tịnh. Bạch Thế Tôn, con nay xin sám hối tội lỗi, mong Ngài chấp nhận cho! Sau khi đã phát lồ rồi, con sẽ không còn tạo tội nữa.

Đức Thế Tôn dạy:

— Quả thật vậy, này Tỳ-kheo, Thầy quả thật như người ngu si, như người bất định, như người bất thiện. Vì sao thế? Vì Thầy đã đem lời dối trá, hoàn toàn không chân thật để vu báng Tỳ-kheo Xá-lợi-phất là bậc phạm hạnh thanh tịnh. Thầy có thể sám hối tội lỗi, đã phát lồ rồi, sau này sẽ không còn tạo tội nữa. Nếu có người nào sám hối tội lỗi đã phát lồ rồi, sau này không còn tạo tội nữa, như thế sẽ được trưởng thành trong Thánh pháp luật mà chẳng bị suy giảm.

Thế rồi, đức Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi-phất rằng:

— Thầy nên sớm nhận sự sám hối tội lỗi của người ngu si kia, chớ để Tỳ-kheo ấy lập tức ở trước Thầy mà đầu bị vỡ thành bảy mảnh.

Tôn giả Xá-lợi-phất vì thương xót Tỳ-kheo kia nên liền nhận sự sám hối tội lỗi.

Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả Xá-lợi-phất và các Tỳ-kheo, sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

5. KINH THỦY DỤ

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất bảo các Tỷ-kheo rằng:

— Nay chư Hiền, hôm nay tôi sẽ nói năm pháp trừ não cho các vị, hãy lắng nghe, hãy khéo suy nghĩ!

Các vị Tỷ-kheo kia vâng lời, lắng nghe.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói rằng:

— Những gì là năm? Nay chư Hiền, hoặc một người thân không tịnh hạnh, nhưng khẩu có tịnh

hạnh; nếu người có trí thấy mà sinh phiền giận, thì phải nên trừ bỏ.

Lại nữa, này chư Hiền, hoặc một người khẩu có tịnh hạnh, nhưng thân không tịnh hạnh; nếu người có trí thấy mà sinh phiền giận, thì phải nên trừ bỏ.

Lại nữa, này chư Hiền, hoặc một người thân không tịnh hạnh, khẩu không tịnh hạnh, nhưng tâm có chút ít tịnh hạnh; nếu người trí thấy mà sinh phiền giận, thì phải nên trừ bỏ.

Lại nữa, này chư Hiền, hoặc một người thân không tịnh hạnh, khẩu và ý không tịnh hạnh; nếu người có trí thấy mà sinh phiền giận, thì phải nên trừ bỏ.

Lại nữa, này chư Hiền, hoặc một người thân tịnh hạnh, khẩu và ý tịnh hạnh; nếu người trí thấy mà sinh phiền giận, thì phải nên trừ bỏ.

Này chư Hiền, hoặc một người thân không tịnh hạnh, nhưng khẩu tịnh hạnh; nếu người có trí thấy mà sinh phiền giận, nên trừ bỏ như thế nào? Này chư Hiền, cũng như Tỳ-kheo A-luyện-nhã mặc y phẩn tảo, thấy áo rách vất trong đồng phần, hoặc bị đại tiện dơ dáy, hoặc tiểu tiện, nước mũi, nước miếng và các đồ bất tịnh khác thấm dơ, thấy

rồi tay trái cầm lên, tay phải căng rộng ra, nếu chẳng bị đại tiện, tiểu tiện, nước mũi, nước miếng và các đồ bất tịnh khác thấm dơ, lại không có rách lủng, liền xếp cất lấy. Cũng vậy, này chư Hiền, hoặc một người thân không tịnh hạnh, nhưng khẩu tịnh hạnh, chớ nghĩ thân không tịnh hạnh của người kia, chỉ nên nghĩ về khẩu tịnh hạnh của người kia; nếu người có trí thấy mà sinh phiền giận, thì nên đoạn trừ như vậy.

Này chư Hiền, hoặc có người khẩu không tịnh hạnh, thân tịnh hạnh; nếu có người trí thấy mà sinh phiền giận, nên trừ bỏ như thế nào? Này chư Hiền, như ngoài thôn xóm không xa có hồ nước rất sâu, rêu cỏ che lấp, nếu có người đi đến rất nóng bức, phiền muộn, đói khát, thiếu thốn, bị gió nóng bức bách. Người ấy đến hồ rồi, cởi áo để trên bờ, liền nhảy xuống hồ, hai tay khoác rêu ra, khoan khoái mặc tình tắm rửa, trừ bỏ sự nóng bức, phiền muộn, đói khát, thiếu thốn. Cũng vậy, này chư Hiền, hoặc một người khẩu không tịnh hạnh, nhưng thân tịnh hạnh, đừng nghĩ về khẩu không tịnh hạnh của người ấy, chỉ nên nghĩ về thân tịnh hạnh của người ấy; nếu người có trí thấy mà sinh phiền giận, nên đoạn trừ như vậy.

Này chư Hiền, hoặc một người thân không tịnh hạnh, khẩu không tịnh hạnh nhưng tâm có chút ít tịnh hạnh; nếu người có trí thấy mà sinh phiền giận, nên trừ bỏ như thế nào? Này chư Hiền, như trên con đường ngã tư có nước trong vết chân trâu đi; nếu có người đi đến, vì quá nóng bức, phiền muộn, đói khát, thiếu thốn, gió nóng bức bách. Người ấy nghĩ thế này: “Mặc dù nước trong lỗ chân trâu ở ngã tư đường này ít, nếu ta dùng tay hoặc lá cây múc lấy, thì sẽ quấy thành đục ngầu, không thể trừ bỏ sự nóng bức vô cùng, phiền muộn, đói khát, thiếu thốn cho ta. Ta hãy nên quỳ xuống, tay và đầu gối áp sát đất, dùng miệng uống nước.” Người ấy liền quỳ dài xuống, tay và đầu gối áp sát đất, dùng miệng uống nước. Người ấy liền trừ được sự nóng bức vô cùng, phiền muộn, đói khát, thiếu thốn. Cũng vậy, này chư Hiền, hoặc một người thân không tịnh hạnh, khẩu không tịnh hạnh nhưng tâm có chút ít tịnh hạnh; chớ nên nghĩ đến thân không tịnh hạnh và khẩu không tịnh hạnh của người ấy, chỉ nên nghĩ đến tâm có chút ít tịnh hạnh của người ấy. Này chư Hiền, nếu người có trí thấy mà sinh phiền giận thì nên trừ bỏ đi.

Này chư Hiền, hoặc một người thân không tịnh hạnh, khẩu và ý không tịnh hạnh; nếu người có trí thấy mà sinh phiền giận thì nên trừ bỏ như

thế nào? Đây chư Hiền, cũng như có người đi xa trên con đường dài, nửa đường mắc bệnh, rất là khốn đốn, héo hắt, cô độc, không bạn bè, thôn xóm phía sau đã cách xa rồi mà thôn xóm phía trước lại chưa đến. Nếu có người đi đến đứng bên cạnh, thấy người bộ hành này đi xa trên con đường dài, nửa đường mắc bệnh, rất là khốn đốn, héo hắt, một mình không có bạn bè gì cả, thôn xóm phía sau đã cách xa rồi mà thôn xóm phía trước thì chưa đến. Người ấy nếu chịu giúp đỡ người này, từ giữa cánh đồng xa xôi đó dắt đến thôn ấp chăm sóc, cho uống thang thuốc hay, bổ dưỡng bằng đồ ăn ngon mỹ diệu; thì do vậy, bệnh của người ấy chắc chắn được giảm bớt. Đó là người kia có lòng rất thương xót, mẫn niệm đối với người bệnh này. Cũng vậy, đây chư Hiền, hoặc một người thân không tịnh hạnh, khẩu và ý không tịnh hạnh nếu người có trí thấy nên nghĩ thế này: “Vị này thân không tịnh hạnh, khẩu và ý không tịnh hạnh, đừng để cho vị này khẩu và ý không tịnh hạnh mà khi thân hoại mạng chung thẳng đến ác xứ, sinh vào địa ngục. Nếu vị này gặp thiện tri thức, sẽ bỏ thân không tịnh hạnh để tu thân tịnh hạnh, bỏ khẩu và ý không tịnh hạnh để tu khẩu và ý tịnh hạnh, thì do vậy, vị này sẽ do thân tịnh hạnh, khẩu và ý tịnh hạnh nên khi thân hoại mạng chung chắc

chấn sinh đến thiện xứ cho đến sinh lên thiên thượng.” Đó là vị kia có lòng thương xót, mẫn niệm đối với vị này; nếu người có trí thấy mà sinh lòng phiền giận, nên đoạn trừ như vậy.

Này chư Hiền, hoặc có một người thân tịnh hạnh, khẩu và ý tịnh hạnh; nếu người có trí thấy mà sinh phiền não, nên trừ bỏ như thế nào? Này chư Hiền, cũng như ngoài thôn xóm không xa, có hồ nước tốt, đã trong lại ngọt, đáy sâu bằng phẳng, đầy đặn, cỏ biếc ngập bờ, bốn phía có cây cỏ. Nếu có người đến, rất nóng bức, phiền muộn, đói khát, thiếu thốn, gió nóng bức bách. Người kia đến bờ rồi, cởi áo để trên bờ, nhảy xuống hồ, khoan khoái mặc tình tắm rửa, trừ bỏ sự nóng nức, phiền muộn, đói khát, thiếu thốn. Cũng vậy, này chư Hiền, hoặc có một người thân tịnh hạnh, khẩu, và ý tịnh hạnh, thường nên nghĩ về thân tịnh hạnh và khẩu, ý tịnh hạnh của người ấy; nếu người có trí thấy mà sinh phiền giận thì nên trừ bỏ đi.

Này chư Hiền, tôi vừa nói có năm pháp trừ não, chính là do vậy mà nói.

Tôn giả Xá-lợi-phất thuyết như vậy, các Tỳ-kheo, sau khi nghe Tôn giả dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

6. KINH CÙ-NI-SƯ

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại thành Vương Xá, trong rừng Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa.

Bấy giờ Tỳ-kheo Cù-ni-sư cũng trú tại thành Vương Xá, ở trong một khu vô sự, cười đùa, kiêu ngạo, tháo động, không chánh niệm, tâm như khí vượt. Tỳ-kheo Cù-ni-sư vì có chút việc nên đến thành Vương Xá.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi Tử cùng với đại chúng Tỳ-kheo sau giờ ngọ thực, vì có chút việc nên vân tập tại giảng đường. Tỳ-kheo Cù-ni-sư sau khi đã làm xong việc trong thành Vương Xá, đi đến giảng

đường. Tôn Giả Xá-lợi Tử từ đằng xa thấy Cù-ni-sư đi đến, nhân Cù-ni-sư mà bảo các Tỳ-kheo:

Này chư Hiền, thầy Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự, phải học sự kính trọng và phải biết tùy thuận. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự, mà phần nhiều không kính trọng, không biết tùy thuận, thì sẽ bị các Tỳ-kheo chỉ trích, cất vấn: “Vị Hiền giả này sống ở nơi vô sự mà làm gì? Vì sao thế? Vị Hiền giả vô sự này sống ở nơi vô sự, nhưng phần nhiều lại không biết kính trọng, không biết tùy thuận.” Nếu vị ấy đến ở trong đại chúng, thì cũng bị các Tỳ-kheo chỉ trích, cất vấn. Do đó, này chư Hiền, thầy Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự, nên học kính trọng và biết tùy thuận.

Này chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự, nên học hạnh không cười đùa, không tháo động. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự, mà hay cười đùa tháo động thì sẽ bị các Tỳ-kheo chỉ trích, cất vấn: “Vị Hiền giả vô sự này sống ở nơi vô sự mà làm gì? Vì sao thế? Vị Hiền giả vô sự này sống ở nơi vô sự, nhưng hay cười đùa, tháo động.” Nếu vị ấy đến trong đại chúng, thì cũng sẽ bị các Tỳ-kheo chỉ trích cất vấn. Do đó, này chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự nên học hạnh không cười đùa, không tháo động.

Này chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự, nên học không nói những vấn đề súc sanh. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự mà nói những vấn đề súc sanh sẽ bị các Tỳ-kheo chỉ trích, cật vấn: “Vị Hiền giả vô sự này sống ở nơi vô sự mà làm gì? Vì sao thế? Vị Hiền giả vô sự này sống ở nơi vô sự mà hay nói những vấn đề súc sanh.” Nếu vị ấy đến trong đại chúng, thì cũng sẽ bị các Tỳ-kheo chỉ trích, cật vấn. Do đó, này chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự, nên học không nói những vấn đề súc sanh.

Này chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự, nên học không kiêu ngạo và ít nói. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự, mà hay kiêu ngạo và nói năng nhiều, thì sẽ bị các Tỳ-kheo chỉ trích, cật vấn: “Vị Hiền giả vô sự này sống ở nơi vô sự làm gì? Vì sao thế? Vị Hiền giả vô sự này sống ở nơi vô sự mà lại hay kiêu ngạo và nói năng nhiều.” Nếu vị ấy đến trong đại chúng, thì cũng sẽ bị các Tỳ-kheo chỉ trích và cật vấn. Do đó, này chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự, nên học không kiêu ngạo và ít nói.

Này chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự, nên học giữ gìn các căn. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự mà phần nhiều

không chịu thủ hộ các căn, thì sẽ bị các Tỳ-kheo chỉ trích và cật vấn: “Vị Hiền giả vô sự này sống ở nơi vô sự làm gì? Vì sao thế? Hiền giả vô sự này sống ở nơi vô sự mà phần nhiều không chịu giữ gìn các căn.” Nếu vị ấy đến giữa đại chúng, cũng sẽ bị các Tỳ-kheo chỉ trích, cật vấn. Do đó, này chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự, nên học giữ gìn các căn.

Này chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự, nên học biết tiết độ trong việc ăn uống. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự, mà ham ăn nhiều món, không biết đủ, thì sẽ bị các Tỳ-kheo chỉ trích, cật vấn: “Vị Hiền giả vô sự này sống ở nơi vô sự mà làm gì? Vì sao thế? Vị Hiền giả vô sự này sống ở nơi vô sự, mà tham ăn nhiều món, không biết đủ”. Nếu vị ấy đến giữa đại chúng, thì cũng bị các Tỳ-kheo quở trách, cật vấn. Do đó, này chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự, nên học biết tiết độ trong việc ăn uống.

Này chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự, nên học tinh tấn, không giải đãi. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự, mà lại thường không tinh tấn, giải đãi, thì bị các Tỳ-kheo quở trách, cật vấn: “Vị Hiền giả vô sự này sống ở nơi vô sự làm gì? Vì sao thế? Vị Hiền giả vô sự này

sống ở nơi vô sự, không tinh tấn, mà trái lại còn giải đãi”. Nếu vị ấy đến giữa đại chúng, cũng bị các Tỳ-kheo quở trách, cật vấn. Do đó, này chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự, nên học tinh tấn, không giải đãi.

Này chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự, nên học chánh niệm và chánh trí. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự mà không có chánh niệm, không có chánh trí thì bị các Tỳ-kheo quở trách, cật vấn: “Vị Hiền giả vô sự này sống ở nơi vô sự làm gì? Vì sao thế? Vị Hiền giả vô sự này sống ở nơi vô sự mà thường không có chánh niệm, không có chánh trí.” Nếu vị ấy đến giữa đại chúng, thì cũng bị các Tỳ-kheo quở trách, cật vấn. Do đó, này chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự, nên học chánh niệm, chánh trí.

Này chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự, nên học biết thời và đúng thời, không đi vào thôn để khát thực quá sớm, cũng chẳng trở về quá trễ. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự mà vào thôn ấp để khát thực quá sớm và trở về trễ, thì bị các Tỳ-kheo quở trách, cật vấn: “Vị Hiền giả vô sự này sống ở nơi vô sự làm gì? Vì sao thế? Vị Hiền giả vô sự này sống ở nơi vô sự nhưng đi vào thôn ấp để khát thực quá sớm, lại

còn trở về trẻ.” Nếu vị ấy đến ở giữa đại chúng cũng thường bị các Tỳ-kheo quở trách, cật vấn. Do đó, này chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự, nên học biết thời và đúng thời.

Này chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự nên học biết ngồi, và ngồi đúng chỗ, không chiếm chỗ ngồi của vị trưởng lão để bị vị Tỳ-kheo nhỏ quở trách. Này chư Hiền, nếu vị Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự mà chiếm chỗ ngồi của bậc trưởng lão để bị Tỳ-kheo nhỏ quở trách, thì làm cho các Tỳ-kheo quở trách, cật vấn: “Vị Hiền giả vô sự này sống ở nơi vô sự mà làm gì? Vì sao thế? Vị Hiền giả vô sự này sống ở nơi vô sự, nhưng lại chiếm chỗ ngồi của bậc trưởng lão để bị Tỳ-kheo nhỏ quở trách”. Nếu vị ấy đến giữa đại chúng, thì cũng bị các Tỳ-kheo thường quở trách, cật vấn. Do đó, này chư Hiền, Tỳ-kheo sống ở nơi vô sự, nên học biết ngồi và ngồi đúng chỗ.

Này chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự nên học cùng nhau bàn luận về Luật và A-tỳ-đàm. Vì sao thế? Này chư Hiền, khi Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự, và có người đến hỏi về Luật và A-tỳ-đàm. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự mà không biết trả lời về Luật và

A-tỳ-dàm, thì bị các Tỳ-kheo thường quở trách, cật vấn: “Vị Hiền giả vô sự này sống ở nơi vô sự mà làm gì? Vì sao thế? Vị Hiền giả vô sự này sống ở nơi vô sự nhưng không biết trả lời về Luật và A-tỳ-dàm”. Nếu vị ấy đến giữa đại chúng, thì cũng bị các Tỳ-kheo thường quở trách, cật vấn. Do đó, này chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự nên học thảo luận về Luật và A-tỳ-dàm.

Này chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự nên học cùng nhau bàn luận về tịch tĩnh, giải thoát và ly sắc cho đến vô sắc định. Vì sao thế? Này chư Hiền, khi Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự và có người đến hỏi về sự tịch tĩnh, giải thoát và ly sắc, cho đến vô sắc định. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự mà không biết trả lời về tịch tĩnh, giải thoát và ly sắc, cho đến vô sắc định, thì bị các Tỳ-kheo thường quở trách, cật vấn: “Vị Hiền giả này vô sự sống ở nơi vô sự mà làm gì? Vì sao thế? Vị Hiền giả vô sự này sống ở nơi vô sự, nhưng không biết trả lời về tịch tĩnh, giải thoát và ly sắc cho đến vô sắc định”. Nếu vị ấy đến giữa đại chúng cũng bị các Tỳ-kheo thường quở trách, cật vấn. Do đó, này chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự, nên học thảo luận về tịch tĩnh, giải thoát và ly sắc cho đến vô sắc định.

Này chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự, nên học thảo luận về lậu tận trí thông. Vì sao thế? Này chư Hiền, khi Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự, hoặc có người đến hỏi về lậu tận trí thông. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự mà không biết trả lời về lậu tận trí thông, thì bị các Tỳ-kheo thường quở trách, cật vấn: “Hiền giả vô sự này sống ở nơi vô sự mà làm gì? Vì sao thế? Vì Hiền giả vô sự này sống ở nơi vô sự mà không biết trả lời về lậu tận trí thông”. Nếu vị ấy đến giữa đại chúng, thì cũng bị các Tỳ-kheo thường quở trách, cật vấn. Do đó, này chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự, nên học thảo luận về lậu tận trí thông.

Lúc ấy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cũng hiện diện trong đại chúng. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên thưa rằng:

— Thưa Tôn giả Xá-lợi Tử, chỉ những Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự, mới nên học những pháp như vậy, chứ không phải là những Tỳ-kheo ở giữa người đời sao?

Tôn giả Xá-lợi Tử trả lời:

— Thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự còn nên học những pháp như vậy, huống gì là Tỳ-kheo sống giữa nhân gian?

Như vậy, hai vị Tôn giả cùng khen ngợi, tán thán lẫn nhau: “Lành thay!”. Sau khi nghe những điều đã nói, họ từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

*Kính trọng, không cười cợt,
Không phiếm luận, kiêu ngạo,
Giữ căn, ăn biết đủ,
Tinh tấn, chánh niệm, trí.
Biết thời, ngồi đúng chỗ,
Thảo luận Luật, Tỳ-đàm,
Và tịch tĩnh, giải thoát,
Lậu tận thông, cũng vậy.*

7. KINH PHẠM CHÍ ĐÀ-NHIÊN

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật du hóa tại thành Vương Xá, trong rừng Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa, cùng đông đủ chúng đại Tỳ-kheo đang an cư mùa mưa.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lê Tử đang ở nước Xá-vệ cũng an cư mùa mưa. Lúc ấy, có một vị Tỳ-kheo ở thành Vương Xá sau khi trải qua ba tháng an cư mùa mưa xong, vá sửa lại các y, rồi khoác y, ôm bát từ thành Vương Xá đi đến nước Xá-vệ ở trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Vị Tỳ-kheo ấy đi đến chỗ Tôn giả Xá-lê Tử, cúi đầu đánh lễ dưới chân Tôn giả rồi lui ngồi một bên. Tôn giả Xá-lê Tử hỏi:

— Này Hiền giả, Hiền giả từ đâu đến và an cư mùa mưa ở đâu?

Vị Tỳ-kheo kia trả lời:

— Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, tôi từ thành Vương Xá đến đây và an cư tại thành Vương Xá.

— Này Hiền giả, đức Thế Tôn an cư tại thành Vương Xá, pháp thể có được an khang, mạnh khỏe, không bệnh tật, đi lại thoải mái, khí lực bình thường không?

— Thật vậy, thưa Tôn giả Xá-lê Tử, đức Thế Tôn an cư tại thành Vương Xá, pháp thể được an khang, mạnh khỏe, không bệnh tật, đi lại thoải mái và khí lực bình thường.

— Này Hiền giả, đại chúng Tỳ-kheo và đại chúng Tỳ-kheo-ni an cư mùa mưa tại thành Vương Xá, pháp thể có được an khang, mạnh khỏe, không bệnh tật, đi lại thoải mái, khí lực bình thường, có thường muốn thăm viếng đức Phật và có mong muốn được nghe Pháp không?

— Thật vậy, thưa Tôn giả Xá-lê Tử, đại chúng Tỳ-kheo và đại chúng Tỳ-kheo-ni an cư mùa mưa tại thành Vương Xá, pháp thể có được an khang, mạnh khỏe, không bệnh tật, đi lại thoải mái, khí

lực bình thường, thường muốn thăm viếng đức Phật và mong muốn được nghe Pháp.

— Này Hiền giả, chúng Ưu-bà-tắc và chúng Ưu-bà-di tại thành Vương Xá, thân thể có được an khang, mạnh khỏe, không bệnh tật, đi lại thoải mái, khí lực bình thường, có thường muốn thăm viếng đức Phật và mong muốn được nghe Pháp không?

— Thật vậy, thưa Tôn giả Xá-lê Tử, chúng Ưu-bà-tắc và chúng Ưu-bà-di tại thành Vương Xá, thân thể được an khang, mạnh khỏe, không bệnh tật, đi lại thoải mái, khí lực bình thường, thường muốn thăm viếng đức Phật và mong muốn được nghe Pháp.

— Này Hiền giả, tất cả Sa-môn Phạm chí dị học an cư mùa mưa tại thành Vương Xá, thân thể có được an khang, mạnh khỏe, không bệnh tật, đi lại thoải mái, khí lực bình thường, có thường thăm viếng đức Phật và có mong muốn được nghe Pháp không?

— Thật vậy, thưa Tôn giả Xá-lê Tử, tất cả Sa-môn Phạm chí dị học an cư mùa mưa tại thành Vương Xá, thân thể được an khang, mạnh khỏe, không bệnh tật, đi lại thoải mái, khí lực bình

thường, thường muốn thăm viếng đức Phật và mong muốn được nghe Pháp.

Tôn giả Xá-lê Tử lại hỏi:

— Này Hiền giả, tại thành Vương Xá có một Phạm chí tên là Đà-nhiên, vốn là bạn của tôi trước kia khi tôi chưa xuất gia, Hiền giả có biết vị ấy không?

— Thưa có biết.

— Này Hiền giả, Phạm chí Đà-nhiên ở thành Vương Xá, thân thể có được an khang, mạnh khỏe, không bệnh tật, đi lại thoải mái, khí lực bình thường, có thường muốn thăm viếng đức Phật và mong muốn được nghe Pháp không?

— Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, Phạm chí Đà-nhiên tại thành Vương Xá, thân thể được an khang, mạnh khỏe, không bệnh tật, đi lại thoải mái, khí lực bình thường, nhưng không muốn thăm viếng đức Phật, và không ưa nghe Pháp. Vì sao thế? Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, Phạm chí Đà-nhiên không tinh tấn, phạm vào các cấm giới. Vì ông ta dựa thế vào quốc vương để lừa gạt các Phạm chí, Cư sĩ, dựa thế vào các Phạm chí, Cư sĩ để lừa gạt quốc vương.

Tôn giả Xá-lê Tử nghe rồi, và ba tháng an cư mùa mưa ở nước Xá-vệ đã trải qua, sau khi vá sửa

các y, Tôn giả khoác y, ôm bát từ nước Xá-vệ đi đến thành Vương Xá, ở trong rừng Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa.

Bấy giờ đêm đã qua, vào lúc sáng sớm, Tôn giả Xá-lê Tử khoác y, ôm bát vào thành Vương Xá, lần lượt đi khát thực. Sau khi khát thực xong, Tôn giả đi đến nhà của Phạm chí Đà-nhiên.

Lúc ấy, Phạm chí Đà-nhiên từ nhà ra đi, đến bên dòng suối, khu cư ngụ để hành hạ dân chúng. Phạm chí Đà-nhiên từ xa trông thấy Tôn giả Xá-lê Tử, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trích vai sửa áo, chấp tay hướng đến Tôn giả Xá-lê Tử mà tán thán rằng:

— Kính chào Xá-lê Tử! Đã lâu rồi, Xá-lê Tử không đến đây.

Rồi Phạm chí Đà-nhiên, với lòng cung kính, dìu Tôn giả Xá-lê Tử dẫn vào nhà, trải giường đẹp mà mời ngồi. Tôn giả Xá-lê Tử liền ngồi trên giường đó. Phạm chí Đà-nhiên thấy Tôn giả Xá-lê Tử đã ngồi xuống, bèn bưng một cái chậu bằng vàng mời Tôn giả Xá-lê Tử ăn. Tôn giả Xá-lê Tử nói:

— Thôi, thôi, Đà-nhiên! Chỉ trong lòng vui mừng là đủ.

Phạm chí Đà-nhiên lại mời ăn lần thứ hai, rồi lần thứ ba. Tôn giả Xá-lê Tử cũng lần thứ hai, rồi lần thứ ba nói:

— Thôi, thôi, Đà-nhiên! Chỉ trong lòng vui mừng là đủ.

Lúc đó Phạm chí Đà-nhiên hỏi:

— Này Xá-lê Tử, có gì vào nhà như thế này mà lại chẳng chịu ăn?

Ngài Xá-lê Tử trả lời:

— Này Đà-nhiên, Ông không tinh tấn lại phạm vào các giới cấm, dựa thế quốc vương để lường gạt các Phạm chí, Cư sĩ, rồi dựa thế các Phạm chí, Cư sĩ để lường gạt quốc vương.

Phạm chí Đà-nhiên trả lời:

— Xá-lê Tử, nên biết, nay tôi còn sống tại gia, lấy gia nghiệp làm bốn phận; tôi còn phải lo cho mình được an ổn, cung dưỡng cha mẹ, săn sóc vợ con, cung cấp nô tỳ, phải nộp thuế cho vua, thờ tự thiên thần, cúng tế tổ tiên, và còn phải bố thí các Sa-môn Phạm chí để sau này sinh lên cõi trời, mong được trường thọ, được quả báo an lạc. Này Xá-lê Tử, tất cả các việc ấy không thể nào bỏ đi để chuyên theo giáo pháp.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lê Tử bảo:

— Nay Đà-nhiên, nay tôi hỏi Ông, tùy sự hiểu biết mà trả lời. Nay Đà-nhiên, Ông nghĩ thế nào, nếu có người vì cha mẹ mà tạo tác việc ác, vì tạo ác nên khi thân hoại mạng chung đi thẳng đến ác xứ, sinh vào địa ngục; sinh vào địa ngục rồi, khi ngục tốt bắt trói hành hạ rất khổ sở, người ấy hướng về ngục tốt mà nói thế này: “Nên biết, chớ hành hạ tôi! Vì sao thế? Tôi đã vì cha mẹ mới tạo các việc ác”. Thế nào, nay Đà-nhiên, người ấy có thể nào từ ngục tốt thoát khỏi sự khổ sở ấy không?

Phạm chí Đà-nhiên trả lời:

— Không thể vậy.

— Nay Đà-nhiên, Ông nghĩ thế nào, nếu có người vì vợ con mà tạo các nghiệp ác, vì tạo ác nên thân hoại mạng chung đi thẳng đến ác xứ, sinh vào địa ngục; sinh vào địa ngục rồi, khi ngục tốt bắt trói, hành hạ rất khổ sở, người ấy mới hướng về ngục tốt mà nói thế này: “Nên biết, chớ hành hạ tôi. Vì sao thế? Tôi đã vì vợ con mới tạo các việc ác”. Thế nào, nay Đà-nhiên, người ấy có thể nào từ ngục tốt thoát khỏi sự khổ sở ấy không?

Phạm chí Đà-nhiên trả lời:

— Không thể vậy.

— Nay Đà-nhiên, Ông nghĩ thế nào, nếu có người vì nô tỳ mà tạo các việc ác, vì tạo ác nên khi thân hoại mạng chung đi thẳng đến ác xứ, sinh vào địa ngục; sinh vào địa ngục rồi, khi ngục tốt bắt trời, hành hạ rất khổ sở, người ấy hướng về ngục tốt mà nói thế này: “Nên biết, chớ hành hạ tôi. Vì sao thế? Tôi đã vì nô tỳ mới tạo các việc ác”. Thế nào, nay Đà-nhiên, người ấy có thể nào từ ngục tốt thoát khỏi sự khổ sở ấy không?

— Không thể vậy.

— Nay Đà-nhiên, Ông nghĩ thế nào, nếu có người vì quốc vương, vì thiên thần, vì tổ tiên, vì Sa-môn Phạm chí mà tạo các việc ác, vì tạo ác nên khi thân hoại mạng chung đi thẳng đến ác xứ, sinh vào địa ngục; sinh vào địa ngục rồi, khi ngục tốt bắt trời, hành hạ rất khổ sở, người ấy hướng về ngục tốt mà nói thế này: “Nên biết, chớ hành hạ tôi. Vì sao thế? Tôi đã vì quốc vương, thiên thần, tổ tiên, Sa-môn Phạm chí mà tạo các việc ác”. Thế nào, nay Đà-nhiên, người ấy có thể nào từ ngục tốt thoát khỏi sự khổ sở ấy không?

— Không thể vậy.

— Nay Đà-nhiên, một tộc tánh tử vẫn có thể như pháp, như nghiệp, như công đức mà làm ra tiền

của để tôn trọng, kính phụng, hiếu dưỡng cha mẹ, làm các việc phước đức, chứ chẳng gây ác nghiệp.

Này Đà-nhiên, nếu một tộc tánh tử như pháp, như nghiệp, như công đức mà làm ra tiền của để tôn trọng, kính phụng, hiếu dưỡng cha mẹ, làm các nghiệp phước đức, chứ chẳng gây ác nghiệp; người ấy được cha mẹ thương yêu và nói thế này: “Mong cho con được mạnh khỏe, sống lâu vô cùng! Vì sao? Vì ta nhờ con nên được an ổn, khoái lạc”. Này Đà-nhiên, nếu người nào được cha mẹ thương yêu rất mực, người đó công đức càng ngày càng tăng thêm, không bao giờ suy giảm.

Này Đà-nhiên, một tộc tánh tử có thể như pháp, như nghiệp, như công đức mà làm ra tiền của, yêu thương, cung cấp và săn sóc vợ con, làm các nghiệp phước đức, chứ không gây ác nghiệp. Này Đà-nhiên, nếu tộc tánh tử như pháp, như nghiệp, như công đức, mà làm ra tiền của, yêu thương, cung cấp và săn sóc vợ con, làm các nghiệp phước đức, chứ không gây ác nghiệp, thì người ấy được vợ con tôn trọng, và nói thế này: “Mong cho Tôn trưởng được mạnh khỏe, sống lâu vô cùng. Vì sao vậy? Vì chúng tôi nhờ Tôn trưởng nên được an ổn, khoái lạc”. Này Đà-nhiên, nếu người nào

được vợ con tôn trọng rất mực, người đó công đức ngày càng tăng thêm, không bao giờ suy giảm.

Này Đà-nhiên, một tộc tánh tử có thể như pháp, như nghiệp, như công đức mà làm ra tiền của, thương xót, chu cấp và săn sóc nô tỳ, làm các nghiệp phước đức chứ không gây ác nghiệp. Này Đà-nhiên, nếu có tộc tánh tử như pháp, như nghiệp, như công đức mà làm ra các tiền của, thương xót, chu cấp và săn sóc nô tỳ, làm các nghiệp phước đức chứ không gây ác nghiệp, thì người ấy sẽ được nô tỳ tôn trọng và nói thế này: “Mong cho Đại gia được mạnh khỏe, sống lâu vô cùng. Vì sao vậy? Vì nhờ Đại gia mà chúng tôi được an ổn”. Này Đà-nhiên, nếu người nào được nô tỳ rất mực tôn trọng, thì công đức người ấy ngày tăng thêm, không bao giờ suy giảm.

Này Đà-nhiên, một tộc tánh tử có thể như pháp, như nghiệp, như công đức mà làm ra tiền của, tôn trọng, cúng dường các vị Sa-môn, Phạm chí, làm các nghiệp phước đức, chứ không gây ác nghiệp. Này Đà-nhiên, nếu có tộc tánh tử như pháp, như nghiệp, như công đức mà làm ra tiền của, tôn trọng, cúng dường các vị Sa-môn Phạm chí, làm các nghiệp phước đức, chứ không gây ác nghiệp, thì người ấy được các vị Sa-môn, Phạm chí

yêu mến rất mực và nói thế này: “Mong cho Thí chủ mạnh khỏe, sống lâu vô cùng! Vì sao thế? Vì chúng tôi nhờ thí chủ mà được an ổn, khoái lạc”. Nay Đà-nhiên, nếu người nào được Sa-môn, Phạm chí yêu mến rất mực, thì công đức người ấy ngày càng tăng thêm, không bao giờ suy giảm.

Bấy giờ Phạm chí Đà-nhiên liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trích vai sửa áo, chấp tay hướng về Tôn giả Xá-lê Tử, mà thưa:

— Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, tôi có người vợ yêu quý, tên là Doan Chánh. Tôi vì say mê bà ấy nên đã phóng dật, tạo quá nhiều các nghiệp tội lỗi. Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, bắt đầu từ nay tôi bỏ người vợ Doan Chánh kia, xin quy y với Tôn giả Xá-lê Tử.

Tôn giả Xá-lê Tử trả lời:

— Nay Đà-nhiên, Ông đừng quy y nơi tôi. Ông nên tự quy y nơi Phật, là bậc tôi quy y.

Phạm chí Đà-nhiên thưa:

— Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, Từ hôm nay, tôi xin quy y Phật, Pháp và đại chúng Tỳ-kheo. Cúi mong Tôn giả Xá-lê Tử nhận tôi làm một Ưu-bà-tắc của đức Phật! Trọn đời xin tự quy y cho đến khi mạng chung.

Thế rồi Tôn giả Xá-lê Tử thuyết pháp cho phạm chí Đà-nhiên, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi dùng vô lượng phương tiện để thuyết pháp, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, Tôn giả Xá-lê Tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến thành Vương Xá.

Ở đây được vài ngày, ngài xếp y, mang bát, từ thành Vương Xá ra đi, đến Nam Sơn, ở trong rừng Thi-nhiếp-hòa thuộc phía Bắc thôn Nam Sơn.

Bấy giờ có một vị Tỳ-kheo đi đến thành Vương Xá, ở đây qua được vài ngày, xếp y, ôm bát, từ thành Vương Xá ra đi, cũng đến Nam Sơn, trụ trong rừng Thi-nhiếp-hòa, thuộc phía Bắc thôn Nam Sơn.

Rồi vị Tỳ-kheo ấy đi đến chỗ Tôn giả Xá-lê Tử, cúi đầu đánh lễ dưới chân và ngồi sang một bên. Tôn giả Xá-lê Tử hỏi:

— Hiền giả từ nơi nào tới đây và trú ở đâu?

Vị Tỳ-kheo ấy trả lời:

— Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, tôi từ thành Vương Xá đến và trú ở thành Vương Xá.

Tôn giả Xá-lê Tử lại hỏi:

— Này Hiền giả, Hiền giả có biết Phạm chí tên là Đà-nhiên ở thành Vương Xá, vốn là bạn của tôi xưa kia, lúc tôi chưa xuất gia không?

— Thưa, có biết.

— Này Hiền giả, Phạm chí Đà-nhiên ở thành Vương Xá, thân thể có được an khang, khỏe mạnh, không bệnh tật, đi lại thoải mái, khí lực bình thường và có thường đến thăm viếng đức Phật và mong muốn được nghe Pháp không?

— Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, Phạm chí Đà-nhiên thường đến thăm viếng đức Phật và mong muốn được nghe Pháp nhưng không được mạnh khỏe, khí lực dần dần suy yếu. Vì sao vậy? Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, hiện giờ Phạm chí Đà-nhiên mang tật bệnh rất khốn khổ, nguy hiểm, không chừng do đó có thể mạng chung.

Tôn giả Xá-lê Tử nghe xong lời ấy, liền xếp y, ôm bát từ Nam Sơn ra đi, đến thành Vương Xá, trú trong rừng Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà. Bấy giờ đêm đã qua, vào lúc sáng sớm, Tôn giả Xá-lê Tử khoác y, ôm bát đi đến nhà của Phạm chí Đà-nhiên. Phạm chí Đà-nhiên từ đằng xa trông thấy Tôn giả Xá-lê Tử đi đến, muốn từ giường đứng dậy. Tôn

giả Xá-lê Tử thấy Phạm chí Đà-nhiên muốn từ giường đứng dậy, liền ngăn ông ấy rằng:

— Nay Phạm chí Đà-nhiên, Ông cứ nằm, đừng đứng dậy. Đã có giường khác đây rồi, tôi sẽ ngồi riêng.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lê Tử liền ngồi xuống giường ấy, ngồi rồi hỏi:

— Hôm nay căn bệnh ra sao? Ăn uống được nhiều ít? Sự đau đớn bớt dần, không đến nỗi tăng thêm chăng?

Đà-nhiên trả lời:

— Căn bệnh rất là khốn đốn, ăn uống chẳng được gì cả, sự đau đớn chỉ tăng thêm mà không cảm thấy giảm bớt tí nào. Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, giống như người lực sĩ đem con dao bén nhọn đâm vào đầu, chỉ sinh sự khổ sở quá mức thôi. Đầu tôi hôm nay nhức nhối cũng giống như vậy. Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, cũng như lực sĩ lấy sợi dây thừng chắc đem quấn riết chung quanh đầu, chỉ sinh sự khổ sở quá mức. Đầu tôi hôm nay nhức nhối cũng giống như vậy. Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, cũng giống như người mổ trâu đem con dao bén mổ bụng trâu, chỉ sanh sự đau khổ quá mức. Bụng tôi hôm nay đau quặn cũng giống như vậy. Thưa Tôn giả Xá-lê

Tử, cũng như hai người lực sĩ bắt một người ốm yếu đem nướng trên ngọn lửa chỉ sinh ra sự đau khổ cùng cực. Thân thể tôi hôm nay đau đớn, cả mình sinh ra khổ sở, chỉ tăng thêm chứ không giảm bớt, cũng giống như vậy.

Tôn giả Xá-lê Tử bảo:

— Nay Đà-nhiên, bây giờ tôi hỏi Ông, tùy sự hiểu biết mà Ông trả lời. Nay Phạm chí Đà-nhiên, Ông nghĩ thế nào, địa ngục và súc sinh, nơi nào tốt đẹp hơn?

Đà-nhiên trả lời:

— Súc sinh tốt đẹp hơn.

— Nay Đà-nhiên, súc sinh và ngựa quỷ, loài nào tốt đẹp hơn?

— Ngựa quỷ tốt đẹp hơn.

— Nay Đà-nhiên, ngựa quỷ so với người, loài nào tốt đẹp hơn?

— Loài người tốt đẹp hơn.

— Nay Đà-nhiên, người và Tứ thiên vương, cõi nào tốt đẹp hơn?

— Tứ thiên vương tốt đẹp hơn.

— Nay Đà-nhiên, Tứ thiên vương và Tam thập tam thiên, cõi nào tốt đẹp hơn?

— Tam thập tam thiên tốt đẹp hơn.

— Tam thập tam thiên và Diêm-ma thiên, cõi nào tốt đẹp hơn?

— Diêm-ma thiên tốt đẹp hơn.

— Nay Đà-nhiên, Diêm-ma thiên và Đâu-suất-đà thiên, cõi nào tốt đẹp hơn?

— Đâu-suất-đà thiên tốt đẹp hơn.

— Nay Đà-nhiên, Đâu-suất-đà thiên và Hóa lạc thiên, cõi nào tốt đẹp hơn?

— Hóa lạc thiên tốt đẹp hơn.

— Nay Đà-nhiên, Hóa lạc thiên và Tha hóa lạc thiên, cõi nào tốt đẹp hơn?

— Tha hóa lạc thiên tốt đẹp hơn.

— Nay Đà-nhiên, Tha hóa lạc thiên và Phạm thiên, cõi nào tốt đẹp hơn?

— Phạm thiên tốt đẹp hơn cả! Phạm thiên là tối thắng!

Tôn giả Xá-lê Tử bảo:

— Này Đà-nhiên, đức Thế Tôn là bậc Tri Kiến, là Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, có nói về bốn phạm thất. Nếu một tộc tánh nam hay tộc tánh nữ nào tu tập, tu tập nhiều, đoạn dục, xả dục niệm, thì khi thân hoại mạng chung, sẽ sinh lên cõi Phạm thiên. Những gì là bốn?

Này Đà-nhiên, Đa văn Thánh đệ tử có tâm tương ưng với từ, biến mãn một phương, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, với hai, ba, bốn phương, tứ duy và thượng hạ thấu khắp tất cả; tâm tương ưng với từ không thù, không oán, không sân hận, không não hại, bao la quảng đại, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn khắp tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Cũng thế, tâm tương ưng với bi, hỷ và xả, không thù, không oán, không sân nhuế, không não hại, bao la quảng đại, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn khắp tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Này Đà-nhiên, đó là đức Thế Tôn, bậc Tri Kiến, là Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác nói về bốn phạm thất. Nếu một tộc tánh nam hay tộc tánh nữ nào tu tập, tu tập nhiều, đoạn dục, xả dục niệm, thì khi thân hoại mạng chung, sinh lên cõi Phạm thiên.

Bấy giờ, sau khi giáo hóa cho Đà-nhiên, nói về pháp Phạm thiên, Tôn giả Xá-lê Tử từ chỗ ngồi

đứng dậy và đi. Tôn giả Xá-lê Tử từ thành Vương Xá đi ra, chưa đến Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà; đang lúc nửa đường ấy, Phạm chí Đà-nhiên nhờ tu tập bốn phạm thất, đoạn dục, xả dục niệm, nên khi thân hoại mạng chung, được sinh lên cõi Phạm thiên.

Bấy giờ, đức Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô lượng đại chúng đang vây quanh trước sau. Đức Thế Tôn thấy Tôn giả Xá-lê Tử từ đằng xa đi đến, liền nói với các thầy Tỳ-kheo:

— Tỳ-kheo Xá-lê Tử là bậc thông huệ, tốc huệ, tiệp huệ, lợi huệ, quảng huệ, thâm huệ, xuất yếu huệ, minh đạt huệ, biện tài huệ. Tỳ-kheo Xá-lê Tử đã thành tựu thật huệ. Tỳ-kheo Xá-lê Tử đã giáo hóa Phạm chí Đà-nhiên, đã nói về pháp Phạm thiên, rồi về đây. Nếu được giáo hóa cao hơn nữa, thì người kia mau biết pháp, như pháp.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lê Tử đi đến chỗ đức Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi sang một bên. Đức Thế Tôn bảo:

— Nay Xá-lê Tử, vì sao Thầy không giáo hóa phạm chí Đà-nhiên bằng một pháp cao hơn Phạm thiên? Nếu Thầy giáo hóa cao hơn, thì người kia sẽ mau biết pháp, như pháp.

Tôn giả Xá-lê Tử thưa:

— Bạch đức Thế Tôn, các Phạm chí mãi miết ái trước Phạm thiên, ưa thích Phạm thiên, cho Phạm thiên là tốt ráo, Phạm thiên là tôn quý, thật có Phạm thiên, là Phạm thiên của họ. Do đó, bạch Thế Tôn, con đã giáo hóa như vậy.

Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả Xá-lê Tử và vô lượng trăm ngàn đại chúng, sau khi nghe Phật nói xong, hoan hỷ phụng hành.

8. KINH GIÁO HÓA BỆNH

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật du hóa tại nước Xá-Vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, trưởng giả Cấp Cô Độc mang bệnh hiểm nghèo. Lúc ấy, trưởng giả Cấp Cô Độc bảo một người sứ giả rằng:

— Ngươi hãy đi đến chỗ đức Phật, vì ta mà cúi đầu đánh lễ dưới chân đức Thế Tôn, thăm hỏi đức Thế Tôn, xem pháp thể có được an khang, mạnh khỏe, không tật bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực có được bình thường không? Rồi nói như vậy: “Trưởng giả Cấp Cô Độc cúi đầu đánh lễ dưới chân đức Phật, thăm hỏi đấng Thế Tôn pháp thể

có được an khang, mạnh khỏe, không tật bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực có được bình thường không". Sau khi người đã vì ta mà thăm hỏi đức Thế Tôn rồi, hãy đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, hãy vì ta mà cúi đầu đánh lễ dưới chân Ngài, rồi hỏi thăm Tôn giả pháp thể có được an khang, mạnh khỏe, không tật bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực có bình thường không? Rồi nói như vậy: "Trưởng giả Cấp Cô Độc cúi đầu đánh lễ dưới chân Tôn giả Xá-lợi-phất, thăm hỏi Tôn giả pháp thể có được an khang, mạnh khỏe, không tật bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực có được bình thường không. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, trưởng giả Cấp Cô Độc đang mang tật bệnh rất hiểm nghèo, nay đã đến hồi nguy kịch. Trưởng giả Cấp Cô Độc, với tâm chí thiết, rất muốn được gặp Tôn giả Xá-lợi-phất, nhưng cơ thể quá sức yếu đuối, không còn chút khí lực để có thể đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất được. Lành thay, Tôn giả Xá-lợi-phất! Xin Ngài hãy vì lòng từ mẫn, mong Ngài đến nhà trưởng giả Cấp Cô Độc!".

Bấy giờ sau khi vâng lãnh lời dạy của trưởng giả Cấp Cô Độc, sứ giả liền đi đến chỗ đức Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân đức Phật, rồi đứng sang một bên, thưa rằng:

— Bạch đức Thế Tôn, trưởng giả Cấp Cô Độc cúi đầu đánh lễ dưới chân đức Phật, xin thăm hỏi đức Thế Tôn pháp thể có được an khang, mạnh khỏe, không tật bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực có được bình thường không?

Đức Thế Tôn bảo sứ giả:

— Mong cho trưởng giả Cấp Cô Độc an ổn, khoái lạc! Mong cho chư Thiên và A-tu-la, Kiền-tháp-hòe, La-sát và tất cả chủng loại khác, thân thể được an ổn, khoái lạc!

Bấy giờ, sứ giả nghe Phật dạy như thế, khéo léo thọ trì, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, đi quanh ba vòng rồi đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, cúi đầu đánh lễ dưới chân, rồi ngồi sang một bên, thưa:

— Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, trưởng giả Cấp Cô Độc cúi đầu đánh lễ dưới chân Tôn giả Xá-lợi-phất, xin hỏi thăm Tôn giả pháp thể có được an khang, khỏe mạnh, không tật bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực có được bình thường không? Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, trưởng giả Cấp Cô Độc đang mang tật bệnh rất hiểm nghèo, nay đã đến hồi nguy kịch. Trưởng giả Cấp Cô Độc, với tâm chí thiết, rất muốn được gặp Tôn giả Xá-lợi-phất, nhưng cơ thể quá sức yếu đuối, không còn chút

khí lực để có thể đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất được. Lành thay, Tôn giả Xá-lợi-phất! Xin Ngài hãy vì lòng từ mẫn, mong Ngài đến nhà trưởng giả Cấp Cô Độc!

Tôn giả Xá-lợi-phất liền im lặng nhận lời. Bấy giờ sứ giả biết rằng, Tôn giả Xá-lợi-phất đã im lặng nhận lời, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đánh lễ, đi quanh ba vòng rồi ra về.

Sau khi đêm đã qua, vào lúc sáng sớm, Tôn giả Xá-lợi-phất khoác y, ôm bát, đi đến nhà trưởng giả Cấp Cô Độc. Trưởng giả Cấp Cô Độc thấy Tôn giả Xá-lợi-phất từ đằng xa đi đến, muốn từ giường ngồi dậy. Tôn giả Xá-lợi-phất thấy vị trưởng giả ấy muốn từ giường ngồi dậy, liền cản lại:

— Nay Trưởng giả, chớ ngồi dậy! Nay Trưởng giả, chớ ngồi dậy! Còn giường khác đây, ta sẽ ngồi riêng.

Tôn giả Xá-lợi-phất liền ngồi lên giường ấy, ngồi rồi hỏi rằng:

— Bệnh trạng của Trưởng giả hôm nay thế nào? Ăn uống được nhiều ít? Sự đau đớn giảm dần, không đến nỗi tăng thêm chăng?

Trưởng giả trả lời:

— Bệnh trạng của con rất nguy hiểm, ăn uống chẳng được gì cả, sự đau đớn chỉ tăng thêm mà không cảm thấy giảm chút nào.

Tôn giả Xá-lợi-phất bảo:

— Này Trưởng giả, chớ sợ! Này Trưởng giả, đừng sợ! Vì sao vậy? Vì nếu là kẻ phạm phu ngu si thành tựu bất tín, thì khi thân hoại mạng chung sẽ đi thẳng đến ác xứ, sinh vào địa ngục; còn Trưởng giả không hề có sự bất tín mà chỉ có lòng tin cao thượng. Này Trưởng giả, nhờ lòng tin cao thượng ấy nên sẽ diệt được sự đau nhức khổ sở, sinh ra khoái lạc vô cùng; hoặc do lòng tin cao thượng ấy nên sẽ chứng quả Tư-dà-hàm hay quả A-na-hàm, vì Trưởng giả vốn đã chứng quả Tư-dà-hoàn.

Này Trưởng giả, chớ sợ! Này Trưởng giả, đừng sợ! Vì sao thế? Nếu là kẻ phạm phu ngu si, do ác giới, khi thân hoại mạng chung, đi thẳng đến ác xứ, sinh vào địa ngục; còn Trưởng giả không hề có ác giới mà chỉ có thiện giới. Trưởng giả nhân có thiện giới ấy nên sẽ tiêu diệt sự đau đớn khổ sở, sanh ra sự khoái lạc vô cùng, hoặc do thiện giới ấy nên sẽ chứng quả Tư-dà-hàm hay quả A-na-hàm, vì Trưởng giả vốn đã chứng quả Tư-dà-hoàn.

Này Trưởng giả, chớ sợ! Này Trưởng giả, đừng sợ! Vì sao thế? Vì nếu là kẻ phạm phu ngu si, do không có đa văn, khi thân hoại mạng chung, đi thẳng đến ác xứ, sanh vào địa ngục; còn Trưởng giả chưa hề có sự không đa văn mà chỉ có đa văn. Trưởng giả nhân có đa văn ấy nên sẽ chứng quả Tư-dà-hàm hay quả A-na-hàm, vì Trưởng giả vốn đã chứng được Tu-dà-hoàn.

Này Trưởng giả, chớ sợ! Này Trưởng giả, đừng sợ! Vì sao thế? Vì nếu là kẻ phạm phu ngu si, nhân có xan tham nên khi thân hoại mạng chung, đi thẳng đến ác xứ, sinh vào địa ngục; còn Trưởng giả không hề có xan tham mà chỉ có huệ thí. Trưởng giả nhân có huệ thí ấy nên sẽ tiêu diệt thống khổ, sinh ra khoái lạc vô cùng, hoặc nhân huệ thí ấy nên sẽ chứng quả Tư-dà-hàm hay A-na-hàm, vì trưởng giả vốn đã chứng Tu-dà-hoàn.

Này Trưởng giả, chớ sợ! Này Trưởng giả, đừng sợ! Vì sao vậy? Vì nếu là kẻ phạm phu ngu si, nhân có ác huệ nên khi thân hoại mạng chung, đi thẳng đến ác xứ, sinh vào địa ngục; còn Trưởng giả thì không hề có ác huệ mà chỉ có thiện huệ. Trưởng giả do có thiện huệ nên sẽ chứng quả Tư-dà-hàm hay quả A-na-hàm, vì Trưởng giả vốn đã chứng quả Tu-dà-hoàn.

Này Trưởng giả, chớ sợ! Này Trưởng giả, đừng sợ! Vì sao thế! Vì nếu là kẻ phạm phu ngu si, nhân có tà kiến nên khi thân hoại mạng chung, đi thẳng đến ác xứ, sinh vào địa ngục; còn Trưởng giả không hề có tà kiến mà chỉ có chánh kiến. Trưởng giả nhân có chánh kiến nên sẽ chấm dứt đau đớn, khổ sở, hoặc nhân có chánh kiến nên sẽ chứng quả Tư-dà-hàm hay quả A-na-hàm, vì Trưởng giả vốn đã chứng Tu-dà-hoàn.

Này Trưởng giả, chớ sợ! Này Trưởng giả, đừng sợ! Vì sao thế? Vì nếu là kẻ phạm phu ngu si nhân có tà chí, khi thân hoại mạng chung, đi thẳng đến ác xứ, sinh vào địa ngục; còn Trưởng giả không hề có tà chí mà chỉ có chánh chí. Trưởng giả nhân có chánh chí nên sẽ diệt trừ được thống khổ, sinh ra khoái lạc vô cùng, hoặc nhân có chánh chí nên sẽ chứng quả Tư-dà-hàm hay quả A-na-hàm, vì Trưởng giả vốn đã chứng quả Tu-dà-hoàn.

Này Trưởng giả, chớ sợ! Này Trưởng giả, đừng sợ! Vì sao vậy? Vì nếu là kẻ phạm phu ngu si do có tà giải nên khi thân hoại mạng chung, đi thẳng đến ác xứ, sinh vào địa ngục; còn Trưởng giả không hề có tà giải mà chỉ có chánh giải. Trưởng giả nhân có chánh giải nên sẽ tiêu diệt được sự thống

khổ, sinh ra khoái lạc vô cùng, hoặc nhân có chánh giải nên sẽ chứng quả Tư-dà-hàm hay A-na-hàm, vì Trưởng giả vốn đã chứng Tu-dà-hoàn.

Này Trưởng giả, chớ sợ! Này Trưởng giả, đừng sợ! Vì sao vậy? Vì nếu là kẻ phàm phu ngu si, do có tà thoát nên khi thân hoại mạng chung, đi thẳng đến ác xứ, sinh vào địa ngục; còn Trưởng giả vốn không có tà thoát mà chỉ có chánh thoát. Trưởng giả nhân có chánh thoát nên sẽ chấm dứt sự thống khổ, sinh ra khoái lạc vô cùng, hoặc nhân có chánh thoát nên sẽ chứng quả Tư-dà-hàm hay A-na-hàm, vì Trưởng giả vốn đã chứng Tu đà hoàn.

Này Trưởng giả, chớ sợ! Này Trưởng giả, đừng sợ! Vì sao thế? Vì nếu là kẻ phàm phu ngu si do có tà trí nên khi thân hoại mạng chung, đi thẳng đến ác xứ, sinh vào địa ngục; còn Trưởng giả không có tà trí mà chỉ có chánh trí. Trưởng giả nhân có chánh trí nên sẽ chấm dứt sự thống khổ, sinh ra khoái lạc vô cùng, hoặc nhân có chánh trí nên sẽ chứng quả Tư-dà-hàm hay A-na-hàm, vì Trưởng giả vốn đã chứng Tu-dà-hoàn.

Bấy giờ, bệnh trạng của trưởng giả liền được thuyên giảm, bình phục như cũ, đang nằm liền ngồi dậy, khen Tôn giả Xá-lợi-phất rằng:

— Hay thay, hay thay! Ngài thuyết pháp cho bệnh nhân rất kỳ, rất lạ. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, khi con nghe xong bài pháp giáo hóa cho bệnh nhân ấy, liền chấm dứt hẳn thống khổ, sinh ra khoái lạc vô cùng. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, bây giờ bệnh của con đã thuyên giảm hẳn, bình phục như cũ. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, trước kia, nhân có chút việc cần làm, con đi đến thành Vương Xá, tạm trú trong nhà của một trưởng giả. Lúc ấy, vị trưởng giả kia, buổi sáng hôm sau, sẽ cúng dường cho đức Phật và đại chúng Tỳ-kheo. Bấy giờ, qua đêm ấy, lúc trời gần sáng, vị trưởng giả kia sai con cháu, nô tỳ, sứ giả và quyến thuộc: “Các Người hãy dậy sớm để cùng nhau bày biện, trang hoàng”. Những người kia đều vâng lời, cùng nhau sắp xếp việc bếp núc, bày biện cỗ bàn với những loại ngon lành; còn trưởng giả đích thân trải bày một chỗ ngồi cao, trang nghiêm vô lượng.

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, sau khi thấy vậy, con liền nghĩ thế này: “Hôm nay vị trưởng giả này, vì việc hôn nhân, hay việc lễ hội rước dâu, hay việc thỉnh quốc vương hay việc mời đại thần, mà lại sắm sửa tiệc cơm, mở cuộc đãi đằng lớn như vậy?”

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, suy nghĩ như vậy rồi, con liền hỏi vị trưởng giả kia rằng:

“— Ông vì việc hôn nhân, hay việc lễ hội rước dâu, việc thỉnh quốc vương, hay việc mời đại thần, mà lại sắm sửa tiệc cơm, mở cuộc đãi đằng lớn như vậy?

Lúc ấy, vị trưởng giả kia liền trả lời con rằng:

“— Tôi không phải vì việc hôn nhân, cũng không phải rước dâu, không phải lễ hội, không phải thỉnh quốc vương và mời đại thần, nhưng tôi sắm sửa tiệc cơm, mở bày cuộc đại thí là vì sáng mai, tôi sẽ cúng dường cho đức Phật và đại chúng Tỳ-kheo.

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, vì con chưa từng được nghe đến danh hiệu đức Phật, nên khi nghe rồi, toàn thân lòng dưng ngược. Con liền hỏi rằng:

“— Trưởng giả nói Phật, vậy thế nào là Phật?

Lúc đó, vị trưởng giả kia liền trả lời con rằng:

“— Ông chưa được nghe sao? Có một vị dòng dõi họ Thích, từ giã dòng họ Thích, cạo bỏ râu tóc, khoác y ca-sa với lòng tin chí thiết, lìa bỏ gia đình, sống không nhà để học đạo, chứng quả vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác; vị ấy gọi là Phật.

Con lại hỏi rằng:

“— Trưởng giả vừa nói đại chúng, vậy thế nào là đại chúng?

Bấy giờ vị trưởng giả kia trả lời con rằng:

“— Còn có rất nhiều vị, có dòng họ và danh hiệu khác cũng cạo bỏ râu tóc, khoác y ca-sa, với lòng tin chí thiết, lìa bỏ gia đình, sống không nhà để theo đức Phật học đạo. Những vị đó gọi là đại chúng. Đức Phật và đại chúng ấy là những bậc tôi sắp thỉnh đến.

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, con lại hỏi vị trưởng giả kia rằng:

“— Đức Thế Tôn bây giờ đang ở nơi nào? Tôi muốn đến yết kiến.

Bấy giờ vị trưởng giả kia trả lời con rằng:

“— Đức Thế Tôn đang ở tại thành Vương Xá, trong Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, Ông có muốn đến đó, thì cứ tùy tiện.

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, lúc ấy con nghĩ thế này: “Mong cho chóng sáng để lập tức đi đến yết kiến đức Phật”. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, bây giờ, với tâm chí thành, con muốn đến yết kiến đức Phật, nên lúc đang đêm ấy mà tưởng đã sáng rồi, liền từ nhà vị trưởng giả ấy ra đi, đến trạm dừng

nơi cổng thành. Bấy giờ tại trạm dừng nơi cổng thành có hai người lính gác, một người gác đầu hôm thì cho hành khách bên ngoài vào thành, không làm trở ngại gì; một người gác cuối đêm cho hành khách ở trong thành đi ra cũng chẳng làm trở ngại gì. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, con lại nghĩ thế này: “Đêm hãy còn chưa sáng lắm. Vì sao vậy? Vì tại trạm dừng ở cổng thành có hai người lính gác, một người gác đầu hôm thì cho hành khách bên ngoài vào thành, không làm trở ngại gì; một người nữa gác cuối đêm cho hành khách đi ra mà cũng không làm trở ngại”. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, con vượt qua trạm dừng ở cửa thành để đi ra bên ngoài, chẳng bao lâu ánh sáng biến mất và trời tối hẳn lại. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, con liền sợ hãi, toàn thân lông dựng đứng, mong sao đừng có người nào hay loài phi nhân đến xúc nhiễu con. Bấy giờ, tại trạm dừng ở cửa thành có một vị Trời, từ thành Vương Xá đi đến Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa, có ánh sáng tỏa chiếu khắp nơi, đến bảo con rằng:

— “Này Trưởng giả, chớ sợ! Này Trưởng giả, đừng sợ! Vì sao vậy? Tôi kiếp trước đây vốn là bằng hữu của Ông, tên là Mật Khí, vào lúc còn trẻ tuổi, chúng ta rất yêu mến nhau. Này Trưởng giả, thuở xưa ấy, tôi đi đến chỗ Tôn giả Đại Mục-kiền-

liên cúi đầu đánh lễ dưới chân, rồi ngồi sang một bên. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên thuyết pháp cho tôi, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ.

Sau khi dùng vô lượng phương tiện để thuyết pháp, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ cho tôi rồi, Ngài ban cho tôi pháp tam tự quy, và trao cho năm giới. Nay Trưởng giả, tôi do tam tự quy y và thọ trì năm giới nên khi thân hoại mạng chung, sanh lên Tứ vương thiên ở trong trạm dừng tại cổng thành này. Trưởng giả hãy đi mau lên! Trưởng giả hãy đi vội lên! Quả thật, đi tốt hơn là đứng lại.”

Vị Trời ấy nói bài tụng để khuyên con như vậy:

*Được trăm ngựa, nữ tỳ,
Trăm xe đầy châu báu,
Không bằng phần mười sáu
Một bước đi đến Phật.
Trăm voi trắng tối thượng,
Sấm yên cương vàng bạc,
Không bằng phần mười sáu
Một bước đi đến Phật.
Trăm nữ nhân đẹp đẽ,
Đeo chuỗi ngọc tràng hoa,
Không bằng phần mười sáu*

*Một bước đi đến Phật.
Chuyển luân vương kính trọng,
Báu ngọc nữ đệ nhất,
Không bằng phần mười sáu
Một bước đi đến Phật.*

Vị Trời nói tụng xong, rồi khuyên con rằng:

“— Này Trưởng giả, đi mau lên! Này trưởng giả, đi nhanh lên! Quả thật, đi tốt hơn là đứng lại.”

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, con lại nghĩ thế này: “Đức Phật có ân đức che chở bao trùm, Pháp và đại chúng Tỳ-kheo cũng có ân đức che chở bao trùm. Vì sao vậy? Cho đến bậc Trời cũng muốn khiến ta yết kiến”. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, con do ánh sáng ấy mà đi đến Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà. Bấy giờ đêm còn chưa sáng tỏ, đức Thế Tôn từ Thiên thất đi ra, kinh hành ở khu đất trống để chờ con. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, từ xa con trông thấy đức Phật đẹp đẽ, đoan nghiêm như mặt trăng giữa các vì tinh tú, ánh sáng chói lợi rực rỡ, sáng rực như tòa kim sơn, đầy đủ tướng tốt, oai thần nguy nguy, các căn tịch tịnh chẳng có gì che khuất, thành tựu điều nguyện, tức tâm tĩnh mặc. Con thấy rồi, liền hoan hỷ đi đến trước đức Phật, dẫn lễ sát chân, rồi kinh hành theo Ngài, theo pháp của bậc trưởng giả mà nói bài tụng thăm hỏi rằng:

*Thế Tôn ngủ an ổn,
Đến trọn đêm khỏe chẳng?
Như Phạm chí diệt độ,
Vì không nhiễm trước dục.
Xả li tất cả nguyện,
Được an ổn vô cùng,
Tâm từ, không phiền nhiệt,
Ngủ an lạc vui vẻ.*

Bấy giờ đức Thế Tôn vừa đi đến cuối đường kinh hành, liền trải ni-sư-đàn, ngồi kiết-già. Thừa Tôn giả Xá-lợi-phất, lúc ấy con đánh lễ dưới chân Phật rồi ngồi sang một bên. Đức Thế Tôn thuyết pháp cho con, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ cho con rồi, như pháp thông lệ của chư Phật, trước nói pháp đoạn chánh, để người nghe hoan hỷ. Đó là nói thí, nói giới, nói pháp sinh thiên, chê dục vọng là tai họa, sanh tử là nhơ ố, ngợi khen vô dục là đạo phẩm vi diệu, bạch tịnh. Đức Thế Tôn nói những pháp như vậy cho con rồi, đức Phật biết con có tâm hoan hỷ, tâm cụ túc, tâm nhu nhuyễn, tâm kham nhẫn, tâm vươn lên, tâm chuyên nhất, tâm không nghi, tâm không che lấp, có khả năng kham thọ Chánh pháp, nghĩa là những điều chính yếu mà chư Phật nói ra, Thế Tôn liền

nói Khổ, Tập, Diệt, Đạo cho con. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, ngay khi con ngồi đấy, đã thấy được Bốn Thánh Đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cũng như tấm vải trắng để nhuộm thành màu sắc, con cũng như vậy, ngay khi đang ngồi đã thấy Bốn Thánh Đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, con đã thấy Pháp, đắc Pháp, giác Pháp bạch tịnh, đoạn nghi, trừ hoặc, không còn tôn sùng ai, cũng chẳng theo người khác, không còn do dự, đã trụ nơi quả chứng, được sự không sợ hãi đối với giáo pháp đức Thế Tôn, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Phật và bạch:

“— Bạch Thế Tôn, con hôm nay tự quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo. Cúi mong Thế Tôn chấp nhận cho con làm Ưu-bà-tắc bắt đầu từ hôm nay, trọn đời tự quy y cho đến lúc mạng chung.”

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, bấy giờ con chấp tay thưa rằng:

“— Bạch đức Thế Tôn, ngưỡng mong Ngài nhận lời mời của con cùng đại chúng Tỳ-kheo đến nước Xá-vệ để an cư mùa mưa.

Lúc ấy đức Phật hỏi con:

“— Ông tên là gì? Nhân dân nước Xá-vệ gọi Ông là gì?

Con liền trả lời:

“— Con tên là Tu-đạt-đa, vì con thường cung cấp cho những người cô độc, do đó nhân dân nước Xá-vệ gọi con là Cấp Cô Độc.

Bấy giờ đức Thế Tôn lại hỏi con:

“— Tại nước Xá-vệ, Ông đã có phòng xá gì chưa?

Con trả lời rằng:

“— Tại nước Xá-vệ, con chưa có phòng xá gì cả.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo con:

“— Nếu có phòng xá thì các thầy Tỳ-kheo mới có thể vắng lai, mới có thể trú ngụ được.

Con lại thưa:

“— Thật vậy, bạch Thế Tôn, vì thế con sẽ xây cất phòng xá để các thầy Tỳ-kheo có thể vắng lai và có thể trú ngụ tại nước Xá-vệ. Mong đức Thế Tôn cho một vị đến giúp đỡ con.”

Bấy giờ đức Thế Tôn liền sai Tôn giả Xá-lợi-phất, khiến Tôn giả Xá-lợi-phất đến giúp đỡ.

Bấy giờ, sau khi nghe đức Phật dạy xong, con khéo léo thọ trì, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Phật, đi quanh ba vòng rồi ra về.

Khi công việc cần làm tại thành Vương Xá đã hoàn tất, con cùng Tôn giả Xá-lợi-phất đi đến nước Xá-vệ, nhưng không vào trong thành Xá-vệ, cũng chẳng trở về nhà mà lập tức đi dạo khắp nơi bên ngoài thành để xem chỗ nào có thể đi lại tốt nhất, ban ngày không ồn ào, ban đêm thì tịch tĩnh, không có muỗi mòng, cũng chẳng ruồi bọ, không lạnh không nóng, có thể xây phòng xá để cúng dường đức Phật và Đại chúng.

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, bấy giờ con chỉ thấy vườn của Thắng Đồng Tử là đi lại tốt nhất, ban ngày không ồn ào, ban đêm thì tịch tĩnh, không có muỗi mòng, cũng chẳng ruồi bọ, không lạnh, không nóng. Con thấy rồi liền suy nghĩ thế này: “Chỉ có chỗ này là tốt nhất, có thể xây cất phòng xá để cúng dường Phật và đại chúng”. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, lúc ấy con vào nước Xá-vệ, nhưng cũng chưa về nhà, liền đi đến chỗ Thắng Đồng Tử thưa rằng:

“— Thưa Đồng Tử, Ngài có thể bán khu vườn kia lại cho tôi không?

Bấy giờ Đồng Tử liền bảo con:

“— Trưởng giả nên biết, tôi không bán vườn đâu.

Cứ như vậy, lần thứ hai rồi lần thứ ba, con thưa rằng:

“— Thưa Đồng Tử, Ngài có thể bán khu vườn kia lại cho tôi không?

Bấy giờ Đồng Tử cũng lại lần thứ hai rồi lần thứ ba bảo con rằng:

“— Tôi không bán vườn, chỉ khi nào ước triệu trái đây.

Con liền thưa:

“— Nay Đồng Tử, Ngài đã quyết định giá cả, chỉ còn việc trao tiền nữa thôi.”

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, con và Đồng Tử người thì nói đã quyết định giá cả; người thì nói chưa quyết định giá cả, cùng nhau tranh tụng lớn, rồi dất nhau đến vị phán xử của nước Xá-vệ để xin phán luận về việc này. Bấy giờ vị phán xử nước Xá-vệ bảo Thắng Đồng Tử rằng:

“— Nay Đồng Tử, thế là Ngài đã tự quyết định giá cả rồi, chỉ còn việc nhận tiền nữa thôi.”

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, con liền vào nước Xá-vệ, trở về nhà lấy tiền, dùng voi, ngựa và xe để chuyên chở các kho lăm đem đến, đã xuất ra tới ức triệu để trải khắp mặt đất, nhưng còn vài chỗ chưa khắp đến. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, con nghĩ như vậy: “Nên xuất ở kho nào nữa đây để mang đến trải khắp chỗ dư này, không thừa cũng không thiếu?”. Bấy giờ Thắng Đồng Tử liền bảo con rằng:

“— Này Trưởng giả, nếu có ăn năn về số tiền ấy thì hãy tự mang trở về, trả lại khu vườn cho tôi.

Con bảo với Đồng Tử rằng:

“— Quả thật tôi không có ăn năn. Tôi suy nghĩ xem, nên lấy ở kho nào để mang đến trải khắp chỗ dư này, không thừa cũng không thiếu.”

Bấy giờ Thắng Đồng Tử liền nghĩ như vậy: “Đức Phật hẳn là một bậc cao cả, có oai đức lớn; Pháp và đại chúng Tỳ-kheo hẳn cũng là rất cao cả, có oai đức lớn. Vì sao thế? Vì có vậy mới làm cho trưởng giả thiết bầy sự cúng dường vĩ đại, coi rẻ của cải đến thế. Nay ta có lẽ xây cất cổng ngõ ngay nơi này để cúng dường đức Phật và đại chúng Tỳ-kheo.” Rồi Thắng Đồng Tử liền bảo với con rằng:

“— Này Trưởng giả, hãy thôi đi! Đừng xuất tiền để trải lên khoảnh đất còn lại này nữa, vì ngay chỗ này tôi sẽ xây cất cộng ngộ, cúng dường đức Phật và đại chúng Tỳ-kheo.”

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, vì lòng từ mẫn, nên con đồng ý để chỗ ấy lại cho Thắng Đồng Tử. Tôn giả Xá-lợi-phất, rồi ngay trong mùa hạ ấy, con cho xây mười sáu dãy nhà lớn, sáu mươi câu-hy. Thời ấy Tôn giả Xá-lợi-phất giúp đỡ con việc ấy, thế nhưng nay Tôn giả Xá-lợi-phất thuyết pháp để giáo hóa người bệnh còn rất kỳ, rất lạ hơn. Con nghe bài pháp giáo hóa người bệnh này rồi, bệnh khổ quá nặng nề ấy liền được giảm bớt, lại sinh ra sự an lạc vô cùng.

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, bây giờ con không còn bệnh nữa, và được an ổn. Mong Tôn giả Xá-lợi-phất ở lại đây thọ trai.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất im lặng nhận lời. Lúc ấy trưởng giả biết rằng Tôn giả Xá-lợi-phất đã im lặng nhận lời, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, tự mình lấy nước rửa, đem tất cả các thứ đồ ăn ngon, tinh khiết, dồi dào, các loại cứng và loại mềm, tự tay dọn sốt, cho đến khi Tôn giả được no đủ. Ăn xong, dọn dẹp và lấy nước rửa tay xong, ông trải một chỗ ngồi nhỏ, ngồi riêng để nghe pháp. Sau

khi trưởng giả ngồi xong, Tôn giả Xá-lợi-phất thuyết pháp cho ông, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ cho trưởng giả kia rồi, ngài từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

Bấy giờ đức Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô lượng đại chúng vây quanh trước sau. Từ đằng xa, đức Thế Tôn thấy Tôn giả Xá-lợi-phất đi lại, liền bảo các thầy Tỳ-kheo rằng:

— Tỳ-kheo Xá-lợi-phất là bậc thông huệ, tốc huệ, tiếp huệ, lợi huệ, quảng huệ, xuất yếu huệ, minh đạt huệ, biện tài huệ. Tỳ-kheo Xá-lợi-phất đã thành tựu thật huệ. Vì sao vậy? Vì về bốn hạng Tu-đà-hoàn mà Ta đã nói sơ lược, thì Tỳ-kheo Xá-lợi-phất triển khai thành mười hạng để nói cho trưởng giả Cấp Cô Độc.

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo kia nghe Phật nói xong, hoan hỷ phụng hành.

9. KINH ĐẠI CÂU-HY-LA

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại thành Vương Xá, trong rừng Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa.

Bấy giờ vào lúc xế trưa, Tôn giả Xá-lợi-phất từ chỗ tĩnh tọa đứng dậy, đi đến chỗ Tôn giả Đại Câu-hy-la, chào hỏi lẫn nhau rồi ngồi xuống một bên.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Tôn giả Đại Câu-hy-la như vậy:

— Tôi có điều muốn hỏi, mong Hiền giả nghe cho chăng?

Tôn giả Đại Câu-hy-la trả lời:

— Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, Ngài muốn hỏi điều gì xin cứ hỏi, tôi nghe rồi sẽ suy nghĩ.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

— Hiền giả Đại Câu-hy-la, có điều kiện nào mà nhân điều kiện đó, thầy Tỳ-kheo thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập Chánh pháp chăng?

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

— Có vậy, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, đó là có thầy Tỳ-kheo biết bất thiện và biết gốc bất thiện. Thế nào là biết bất thiện? Thân ác hạnh bất thiện, khẩu và ý ác hạnh bất thiện, đó là biết bất thiện. Thế nào là biết gốc bất thiện? Tham là gốc bất thiện, nhuế và si là gốc bất thiện. Đó là biết gốc bất thiện.

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu có thầy Tỳ-kheo biết bất thiện và gốc bất thiện như vậy, đó là thầy Tỳ-kheo đã thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh, và thể nhập chánh pháp.

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe rồi khen:

— Hay thay, hay thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la!

Tôn giả Xá-lợi-phất khen rồi hoan hỷ phụng hành. Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi:

— Hiền giả Đại Câu-hy-la, lại có điều kiện nào mà nhân điều kiện đó, thầy Tỳ-kheo thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập Chánh pháp chăng?

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

— Có vậy, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, đó là có thầy Tỳ-kheo biết thiện và biết gốc thiện. Thế nào là biết thiện? Đó là diệu hạnh của thân là thiện, diệu hạnh của khẩu và ý là thiện. Đó là biết thiện. Thế nào là biết gốc thiện? Vô tham là gốc thiện, vô nhuế và vô si là gốc thiện. Đó là biết gốc thiện.

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu có thầy Tỳ-kheo biết thiện và biết gốc thiện như vậy; đó là thầy Tỳ-kheo đã thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập Chánh pháp.

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe rồi khen:

— Hay thay, hay thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la!

Tôn giả Xá-lợi-phất khen rồi hoan hỷ phụng hành. Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi:

— Hiền giả Đại Câu-hy-la, lại có điều kiện nào mà nhân điều kiện đó, thầy Tỳ-kheo thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập Chánh pháp chẳng?

Tôn giả Đại Câu-hy-la trả lời:

— Có vậy, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nghĩa là thầy Tỳ-kheo biết như thật về ăn, biết như thật về sự tập khởi của ăn, về sự diệt tận của ăn, và về con đường diệt tận của ăn.

Thế nào là biết như thật về ăn? Có bốn loại ăn: một là cách ăn đồ ăn thô tế, hai là cách ăn bằng cảm xúc, ba là cách ăn bằng ý tư, bốn là cách ăn bằng thức. Đó là biết như thật về ăn.

Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của ăn? Nghĩa là do nhiễm ái mới có sự ăn. Đó là biết như thật về sự tập khởi của ăn.

Thế nào là biết như thật về sự diệt tận ăn? Nghĩa là nhiễm ái diệt thì sự ăn diệt. Đó là biết như thật về sự diệt tận ăn.

Thế nào là biết như thật về con đường diệt tận ăn? Tám chi Thánh đạo, từ Chánh kiến tới Chánh định là tám. Đó là biết như thật về con đường diệt tận ăn.

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu có thầy Tỳ-kheo biết như thật về ăn, biết như thật về sự tập khởi ăn, sự diệt tận ăn, và con đường diệt tận ăn; đó là thầy Tỳ-kheo đã thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với các pháp được bất hoại tịnh và thể nhập Chánh pháp.

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe rồi khen rằng:

— Hay thay, hay thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la!

Tôn giả Xá-lợi-phất khen rồi hoan hỷ phụng hành. Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi:

— Hiền giả Đại Câu-hy-la, lại có điều kiện nào mà nhân điều kiện đó, thầy Tỳ-kheo thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập Chánh pháp chăng?

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

— Có vậy, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nghĩa là thầy Tỳ-kheo biết như thật về lậu, biết như thật về sự tập khởi của lậu, sự đoạn diệt lậu và con đường đoạn diệt lậu.

Thế nào là biết như thật về lậu? Có ba lậu: dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Đó là biết như thật về lậu.

Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của lậu? Nghĩa là vô minh mới có lậu. Đó là biết như thật về lậu tập.

Thế nào là biết như thật về sự đoạn diệt lậu? Nghĩa là vô minh diệt tức lậu diệt. Đó là biết như thật về lậu diệt.

Thế nào là biết như thật về con đường đoạn diệt lậu? Nghĩa là Tám chi Thánh đạo, từ chánh kiến cho tới chánh định là tám. Đó là biết như thật về con đường đoạn diệt lậu.

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu có thầy Tỳ-kheo biết như thật về lậu, biết như thật về sự tập khởi của lậu, sự đoạn diệt lậu và con đường đoạn diệt lậu như vậy, thì thầy Tỳ-kheo đó thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập Chánh pháp.

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe rồi khen:

— Hay thay, hay thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la!

Tôn giả Xá-lợi-phất khen rồi hoan hỷ phụng hành. Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi:

— Hiền giả Đại Câu-hy-la, lại có điều kiện nào mà nhân điều kiện đó, thầy Tỳ-kheo thành

tự kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập Chánh pháp chẳng?

Tôn giả Đại Cầu-hy-la đáp:

— Có vậy, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nghĩa là có thầy Tỳ-kheo biết như thật về Khổ, biết như thật về Khổ tập, Khổ diệt và Khổ diệt đạo.

Thế nào là biết như thật về Khổ? Sinh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, oán ghét mà gặp nhau là khổ, yêu thương mà xa lìa là khổ, những điều mong cầu mà không được là khổ; tóm lại, năm ấm là khổ. Đó là biết như thật về Khổ.

Thế nào là biết như thật về Khổ tập? Nghĩa là do già, chết mới có khổ. Đó là biết như thật về Khổ tập.

Thế nào là biết như thật về Khổ diệt? Nghĩa là già, chết diệt tức Khổ diệt. Đó là biết như thật về Khổ diệt.

Thế nào là biết như thật về Khổ diệt đạo? Nghĩa là Tám chi Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định là tám. Đó là biết như thật về Khổ diệt đạo.

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu có Tỳ-kheo biết như thật về Khổ, biết như thật về Khổ tập, Khổ

diệt, Khổ diệt đạo như vậy, thì thầy Tỳ-kheo đó thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập Chánh pháp.

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe rồi khen:

— Hay thay, hay thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la!

Tôn giả Xá-lợi-phất khen rồi hoan hỷ phụng hành. Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi:

— Hiền giả Đại Câu-hy-la, lại có điều kiện nào mà nhân điều kiện đó, thầy Tỳ-kheo thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập Chánh pháp chăng?

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

— Có vậy, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nghĩa là thầy Tỳ-kheo biết như thật về già, chết, biết như thật về sự tập khởi của già, chết, sự đoạn diệt của già, chết và con đường đoạn diệt già, chết. Thế nào là biết như thật về già? Nghĩa là người kia già cả, đầu bạc, răng rụng, sự cường tráng càng ngày càng suy giảm, thân còng, chân vẹo, cơ thể nặng nề, hơi thở khó khăn, chống gậy mà đi, các cơ teo rút, da nhăn lại như cây gai, các căn hư hoại, nhan sắc xấu xí, đó gọi là già. Thế nào là biết như thật về

chết? Nghĩa là chúng sanh kia và tất cả loại chúng sanh khác khi mạng chung, cơn vô thường đến thì chết, tiêu mất và tan rã, hoại diệt, tuổi thọ chấm dứt và bị phá hoại, mạng căn bế tắc; đó gọi là chết. Đây là nói về chết, trước đó nói về già, đó gọi là chết; đó là biết như thật về già, chết.

Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của già, chết? Nghĩa là do sanh mà có già, chết; đó là biết như thật về sự tập khởi của già, chết.

Thế nào là biết như thật về sự đoạn diệt của già, chết? Nghĩa là sanh diệt tức già, chết diệt; đó là biết như thật về sự đoạn diệt của già, chết.

Thế nào là biết như thật về con đường đoạn diệt già, chết? Nghĩa là Tám chi Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định là tám. Đó là biết như thật về con đường đoạn diệt già, chết.

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu có thầy Tỳ-kheo biết như thật về già, chết, biết như thật về sự tập khởi của già, chết, sự đoạn diệt già, chết và con đường đoạn diệt già, chết, thì thầy Tỳ-kheo đó thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập Chánh pháp.

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe rồi khen:

— Hay thay, hay thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la!

Tôn giả Xá-lợi-phất khen rồi hoan hỷ phụng hành. Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi:

— Hiền giả Đại Câu-hy-la, lại có điều kiện nào mà nhân điều kiện đó, thầy Tỳ-kheo thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bát hoại tịnh và thể nhập Chánh pháp chăng?

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

— Có vậy, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nghĩa là có thầy Tỳ-kheo biết như thật về sanh, biết như thật về sự tập khởi của sanh, sự đoạn diệt sanh và con đường đoạn diệt sanh.

Thế nào là biết như thật về sanh? Nghĩa là chúng sanh kia và tất cả chủng loại chúng sanh khác đến lúc sanh thì sanh, đến lúc xuất thì xuất, đến lúc thành thì thành. Khi phát khởi năm ấm liền có mạng căn. Đó là biết như thật về sanh. Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của sanh? Nghĩa là do hữu mà có sanh. Đó là biết như thật về sự tập khởi của sanh. Thế nào là biết như thật về sự đoạn diệt của sanh? Nghĩa là hữu diệt tức sanh diệt. Đó là biết như thật về sự đoạn diệt của sanh. Thế nào là biết như thật về con đường đoạn

diệt sanh? Nghĩa là Tám chi Thánh đạo, từ chánh kiến cho tới chánh định là tám. Đó là biết như thật về con đường đoạn diệt sanh.

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu có thầy Tỳ-kheo biết như thật về sanh, biết như thật về sự tập khởi của sanh, sự đoạn diệt sanh và con đường đoạn diệt sanh, thì thầy Tỳ-kheo đó thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập Chánh pháp.

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe rồi khen:

— Hay thay, hay thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la!

Tôn giả Xá-lợi-phất khen rồi khoan hỷ phụng hành. Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi:

— Hiền giả Đại Câu-hy-la, lại có điều kiện nào mà nhân điều kiện đó, thầy Tỳ-kheo thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập Chánh pháp chăng?

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

— Có vậy, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, có thầy Tỳ-kheo biết như thật về hữu, biết như thật về sự tập khởi của hữu, sự đoạn diệt hữu và con đường đoạn diệt hữu.

Thế nào là biết như thật về hữu? Nghĩa là có ba hữu: dục hữu, sắc hữu và vô sắc hữu. Đó là biết như thật về hữu.

Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của hữu? Nghĩa là do thủ mà có hữu. Đó là biết như thật về sự tập khởi của hữu. Thế nào là biết như thật về sự đoạn diệt hữu? Nghĩa là thủ diệt tức hữu diệt. Đó là biết như thật về sự đoạn diệt hữu. Thế nào là biết như thật về con đường đoạn diệt hữu? Nghĩa là Tám chi Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định là tám. Đó là biết như thật về con đường đoạn diệt hữu.

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu có thầy Tỳ-kheo biết như thật về hữu, biết như thật về sự tập khởi của hữu, sự đoạn diệt hữu và con đường đoạn diệt hữu như vậy, thì Tỳ-kheo đó thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập Chánh pháp.

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe rồi khen:

— Hay thay, hay thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la!

Tôn giả Xá-lợi-phất khen rồi hoan hỷ phụng hành. Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi:

— Hiền giả Đại Câu-hy-la, lại có điều kiện nào mà nhân điều kiện đó, thầy Tỳ-kheo thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập Chánh pháp chẳng?

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

— Có vậy, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nghĩa là có thầy Tỳ-kheo biết như thật về thủ, biết như thật về sự tập khởi của thủ, sự đoạn diệt thủ và con đường đoạn diệt thủ.

Thế nào là biết như thật về thủ? Nghĩa là có bốn thủ: dục thủ, giới thủ, kiến thủ và ngã thủ. Đó là biết như thật về thủ.

Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của thủ? Nghĩa là do ái mà có thủ. Đó là biết như thật về sự tập khởi của thủ. Thế nào là biết như thật về sự đoạn diệt thủ? Nghĩa là ái diệt tức thủ diệt. Đó là biết như thật về thủ diệt. Thế nào là biết như thật về con đường đoạn diệt thủ? Nghĩa là Tám chi Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định là tám. Đó là biết như thật về con đường đoạn diệt thủ.

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu có thầy Tỳ-kheo biết như thật về thủ, biết như thật về sự tập khởi của thủ, sự đoạn diệt thủ và con đường đoạn diệt

thủ như vậy, thì vị Tỳ-kheo đó thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập Chánh pháp.

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe rồi khen:

— Hay thay, hay thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la!

Tôn giả Xá-lợi-phất khen rồi hoan hỷ phụng hành. Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi:

Hiền giả Đại Câu-hy-la, lại có điều kiện nào mà nhân điều kiện đó, thầy Tỳ-kheo thành tựu kiến, được chánh kiến kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập Chánh pháp chăng?

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

— Có vậy, thưa Tôn giả Xá-lợi phất, có thầy Tỳ-kheo biết như thật về ái, biết như thật về sự tập khởi của ái, sự đoạn diệt ái và con đường đoạn diệt ái.

Thế nào là biết như thật về ái? Nghĩa là có ba ái: dục ái, sắc ái và vô sắc ái. Đó là biết như thật về ái. Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của ái? Nghĩa là do thọ mà có ái. Đó là biết như thật về sự tập khởi của ái. Thế nào là biết như thật về sự đoạn diệt ái? Nghĩa là thọ diệt tức ái

diệt. Đó là biết như thật về sự đoạn diệt ái. Thế nào là biết như thật về con đường đoạn diệt ái? Nghĩa là Tám chi Thánh đạo, từ chánh kiến đến chánh định là tám. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu có thầy Tỳ-kheo biết như thật về ái, biết như thật về sự tập khởi của ái, sự đoạn diệt ái và con đường đoạn diệt ái như vậy, thì thầy Tỳ-kheo đó đã thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập Chánh pháp.

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe rồi khen:

— Hay thay, hay thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la!

Tôn giả Xá-lợi-phất khen rồi hoan hỷ phụng hành. Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi:

— Hiền giả Đại Câu-hy-la, lại có điều kiện nào mà nhân điều kiện đó, thầy Tỳ-kheo thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập Chánh pháp chăng?

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

— Có vậy, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nghĩa là có thầy Tỳ-kheo biết như thật về thọ, biết như thật về sự tập khởi của thọ, sự đoạn diệt thọ và con đường đoạn diệt thọ. Thế nào là biết như thật

về thọ? Có ba thọ: lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Đó là biết như thật về thọ. Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của thọ? Nghĩa là do xúc mà có thọ. Đó là biết như thật về sự tập khởi của thọ. Thế nào là biết như thật về sự đoạn diệt thọ. Nghĩa là xúc diệt tức thọ diệt. Đó là biết như thật về sự đoạn diệt thọ. Thế nào là biết như thật về con đường đoạn diệt thọ? Nghĩa là Tám chi Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định là tám. Đó là biết như thật về con đường đoạn diệt thọ.

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu có Tỳ-kheo biết như thật về thọ, biết như thật về sự tập khởi của thọ, sự đoạn diệt thọ và con đường đoạn diệt thọ như vậy, thì thầy Tỳ-kheo đó đã thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập Chánh pháp.

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe rồi khen:

— Hay thay, hay thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la!

Tôn giả Xá-lợi-phất khen rồi hoan hỷ phụng hành. Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi:

— Hiền giả Đại Câu-hy-la, lại có điều kiện nào mà nhân điều kiện đó, thầy Tỳ-kheo thành

tự kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập Chánh pháp chẳng?

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

— Có vậy, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nghĩa là có thầy Tỳ-kheo biết như thật về xúc, biết như thật về sự tập khởi của xúc, sự đoạn diệt xúc và con đường đoạn diệt xúc.

Thế nào là biết như thật về xúc? Nghĩa là có ba xúc: lạc xúc, khổ xúc, và bất khổ bất lạc xúc. Đó là biết như thật về xúc. Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của xúc? Nghĩa là do sáu xứ mà có xúc. Đó là biết như thật về sự tập khởi của xúc. Thế nào là biết như thật về sự đoạn diệt xúc? Nghĩa là sáu xứ diệt tức xúc diệt. Đó là biết như thật về sự đoạn diệt xúc. Thế nào là biết như thật về con đường đoạn diệt xúc? Nghĩa là Tám chi Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định là tám. Đó là biết như thật về con đường đoạn diệt xúc.

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nghĩa là có Tỳ-kheo biết như thật về xúc, biết như thật về sự tập khởi của xúc, sự đoạn diệt xúc và con đường đoạn diệt xúc như vậy, thì Thầy Tỳ-kheo đó đã thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh, thể nhập Chánh pháp.

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe rồi khen:

— Hay thay, hay thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la!

Tôn giả Xá-lợi-phất khen rồi hoan hỷ phụng hành. Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi:

— Hiền giả Đại Câu-hy-la, lại có điều kiện nào mà nhân điều kiện đó, thầy Ty-kheo thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập Chánh pháp chẳng?

Hiền giả Đại Câu-hy-la đáp:

— Có vậy, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nghĩa là có thầy Ty-kheo biết như thật về sáu xứ, biết như thật về sự tập khởi của sáu xứ, sự đoạn diệt sáu xứ và con đường đoạn diệt sáu xứ.

Thế nào là biết như thật về sáu xứ? Nghĩa là nhãn xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý xứ. Đó là thầy Ty-kheo biết như thật về sáu xứ. Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của sáu xứ? Nghĩa là do danh sắc mà có sáu xứ. Đó là thầy Ty-kheo biết như thật về sự tập khởi sáu xứ. Thế nào là biết như thật về sự đoạn diệt sáu xứ? Nghĩa là danh sắc diệt tức sáu xứ diệt. Đó là thầy Ty-kheo biết như thật về sự đoạn diệt sáu xứ. Thế nào là biết như thật về con đường đoạn diệt sáu xứ? Nghĩa là

Tám chi Thánh đạo từ chánh kiến cho đến chánh định là tám. Đó là thầy Tỳ-kheo biết như thật về con đường đoạn diệt sáu xứ. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu Thầy Tỳ-kheo biết như thật về sáu xứ, biết như thật về sự tập khởi của sáu xứ, sự đoạn diệt sáu xứ và con đường đoạn diệt sáu xứ như vậy, thì thầy Tỳ-kheo đó đã thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập Chánh pháp.

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe rồi khen:

— Hay thay, hay thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la!

Tôn giả Xá-lợi-phất khen rồi hoan hỷ phụng hành. Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi:

— Hiền giả Đại Câu-hy-la, lại có điều kiện nào mà nhân điều kiện đó, thầy Tỳ-kheo thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập Chánh pháp chăng?

Hiền giả Đại Câu-hy-la đáp:

— Có vậy, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nghĩa là thầy Tỳ-kheo biết như thật về danh sắc, biết như thật về sự tập khởi của danh sắc, sự đoạn diệt danh sắc và con đường đoạn diệt danh sắc.

Thế nào là biết như thật về danh? Nghĩa là bốn âm không phải sắc là danh. Thế nào là biết sắc? Bốn đại và sắc do bốn đại tạo thành. Đây là nói về sắc, trước đó là nói về danh, đó là danh sắc. Đó là biết như thật về danh sắc. Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của danh sắc? Nghĩa là do thức mà có danh sắc. Đó là thầy Ty-kheo biết như thật về sự tập khởi của danh sắc. Thế nào là biết như thật về sự đoạn diệt của danh sắc? Nghĩa là thức diệt tức danh sắc diệt. Đó là thầy Tỳ-kheo biết như thật về sự đoạn diệt danh sắc. Thế nào là biết như thật về con đường đoạn diệt danh sắc? Nghĩa là Tám chi Thánh đạo, từ chánh kiến đến chánh định là tám. Đó là thầy Tỳ-kheo biết như thật về con đường đoạn diệt danh sắc.

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu thầy Tỳ-kheo biết như thật về danh sắc, biết như thật về sự tập khởi của danh sắc, sự đoạn diệt danh sắc và con đường đoạn diệt danh sắc như vậy, thì thầy Tỳ-kheo đó đã thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập Chánh pháp.

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe rồi khen:

— Hay thay, hay thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la!

Tôn giả Xá-lợi-phất khen rồi hoan hỷ phụng hành. Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi:

— Hiền giả Đại Cầu-hy-la, lại có điều kiện nào mà nhân điều kiện đó, thầy Tỳ-kheo thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập Chánh pháp chẳng?

Hiền giả Đại Cầu-hy-la đáp:

— Có vậy, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nghĩa là thầy Tỳ-kheo biết như thật về thức, biết như thật về sự tập khởi của thức, sự đoạn diệt thức và con đường đoạn diệt thức.

Thế nào là biết như thật về thức? Nghĩa là có sáu thức: nhãn thức, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý thức. Đó là thầy Tỳ-kheo biết như thật về thức. Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của thức? Nghĩa là do hành mà có thức. Đó là thầy Tỳ-kheo biết như thật về sự tập khởi của thức. Thế nào là biết như thật về sự đoạn diệt thức? Nghĩa là hành diệt tức thức diệt. Đó là thầy Tỳ-kheo biết như thật về sự đoạn diệt thức. Thế nào là biết như thật về con đường đoạn diệt thức? Nghĩa là Tám chi Thánh đạo, từ chánh kiến đến chánh định là tám. Đó là thầy Tỳ-kheo biết như thật về con đường đoạn diệt thức.

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu thầy Tỳ-kheo biết như thật về thức, biết như thật về sự tập khởi của thức, sự đoạn diệt thức và con đường đoạn diệt thức như vậy, thì thầy Tỳ-kheo đó đã thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập Chánh pháp.

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe rồi khen:

— Hay thay, hay thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la!

Tôn giả Xá-lợi-phất khen rồi hoan hỷ phụng hành. Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi:

— Hiền giả Đại Câu-hy-la, lại có điều kiện nào mà nhân điều kiện đó, thầy Tỳ-kheo thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập Chánh pháp chăng?

Hiền giả Đại Câu-hy-la đáp:

— Có vậy, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nghĩa là thầy Tỳ-kheo biết như thật về hành, biết như thật về sự tập khởi của hành, sự đoạn diệt hành và con đường đoạn diệt hành.

Thế nào là biết như thật về hành? Nghĩa là có ba hành: Thân hành, khẩu hành và ý hành. Đó là thầy Tỳ-kheo biết như thật về hành. Thế nào

là biết như thật về sự tập khởi của hành? Nghĩa là do vô minh mà có hành. Đó là thầy Tỳ-kheo biết như thật về sự tập khởi của hành. Thế nào là biết như thật về sự đoạn diệt hành? Nghĩa là vô minh diệt tức hành diệt. Đó là thầy Tỳ-kheo biết như thật về sự đoạn diệt hành. Thế nào là biết như thật về con đường đoạn diệt hành? Nghĩa là Tám chi Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định là tám. Đó là thầy Tỳ-kheo biết như thật về con đường đoạn diệt hành.

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu thầy Tỳ-kheo biết như thật về hành, biết như thật về sự tập khởi của hành, sự đoạn diệt hành và con đường đoạn diệt hành như vậy, thì thầy Tỳ-kheo đó đã thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập Chánh pháp.

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe rồi khen:

— Hay thay, hay thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la!

Tôn giả Xá-lợi-phất khen rồi hoan hỷ phụng hành. Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi:

— Thưa Hiền giả Đại Câu-hy-la, nếu có thầy Tỳ-kheo mà vô minh đã dứt, minh đã phát sanh, thì vị ấy còn phải làm những gì nữa?

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

— Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu có thầy Tỳ-kheo mà vô minh đã dứt, minh đã phát sinh, thì vị ấy không còn phải làm gì nữa.

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe rồi khen:

— Hay thay, hay thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la!

Hai vị Tôn giả ấy cùng nhau nói về nghĩa như vậy, đều hoan hỷ phụng hành, từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi.

10. KINH TƯỢNG TÍCH DỤ

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất bảo các Tỷ-kheo rằng:

— Nay chư Hiền, nếu có vô lượng thiện pháp, thì tất cả những pháp ấy đều thâm nhiếp vào Bốn Thánh Đế, đi vào trong Bốn Thánh Đế; nghĩa là trong tất cả pháp, Bốn Thánh Đế là pháp tối thượng bậc nhất. Vì sao thế? Vì Bốn Thánh Đế bao gồm tất cả thiện pháp.

Này chư Hiền, cũng như dấu chân của các loài thú, thì dấu chân voi là bậc nhất. Vì sao thế? Vì dấu chân voi ấy rất to lớn vậy.

Cũng vậy, này chư Hiền, có vô lượng thiện pháp, thì tất cả pháp ấy đều thâu nhiếp vào Bốn Thánh Đế, đi vào trong Bốn Thánh đế; nghĩa là trong tất cả pháp, Bốn Thánh Đế là pháp tối thượng bậc nhất.

Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập, Khổ diệt, và Khổ diệt đạo Thánh đế.

Này chư Hiền, thế nào là Khổ Thánh đế? Nghĩa là sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, thù ghét mà gặp nhau là khổ, yêu thương mà xa lìa là khổ, mong cầu mà không được là khổ; nói tóm lại, năm ấm là khổ.

Này chư Hiền, thế nào là năm ấm là khổ? Nghĩa là sắc ấm, thọ, tưởng, hành và thức ấm.

Này chư Hiền, thế nào là sắc ấm? Nghĩa là những gì có sắc, tất cả bốn đại và do bốn đại tạo thành.

Này chư Hiền, thế nào là bốn đại? Nghĩa là đất, nước, lửa và gió.

Này chư Hiền, thế nào là địa giới? Này chư Hiền, địa giới có hai: có nội địa giới và ngoại địa giới.

Này chư Hiền, thế nào là nội địa giới? Nghĩa là, ở trong thân, được thấm nhiếp trong thân những gì cứng, thuộc loại cứng, cố định, bị chấp thủ bên trong. Đó là những gì? — Là tóc, lông, móng, răng, da, thô hay mịn, da non, thịt, gân, xương, tim, thận, gan, phổi, lá lách, ruột, bao tử, phần, và tương tự như vậy; những thứ khác ở trong thân, được thấm nhiếp bên trong, cứng, thuộc loại cứng, cố định, bị chấp thủ bên trong; ấy là nội địa giới.

Này chư Hiền, ngoại địa giới, nghĩa là đại, là tịnh, là không tăng ổ.

Này chư Hiền, có lúc bị thủy tai, khi ấy tiêu diệt cả ngoại địa giới. Này chư Hiền, ngoại địa giới này cực đại, cực tịnh, cực bất tăng ổ. Đó là pháp vô thường, pháp cùng tận, pháp suy yếu, pháp biến dịch; huống nữa xác thân tạm bợ này bị chấp thủ bởi ái. Nghĩa là kẻ phàm phu ngu si, không đa văn nghĩ như vậy: “Đây là ta, đây là tự ngã của ta, đây là của ta”; còn Đa văn Thánh đệ tử không suy nghĩ như thế: “Đây là ta, đây là tự ngã của ta, đây là của ta”. Vì ấy vì sao nghĩ như vậy? Nếu có người khác mắng chửi, đánh đập, giận dữ, quở trách, thì

vị ấy nghĩ: “Cái khổ đến với mình đây là sanh ra từ nhân duyên, chứ chẳng phải không sanh ra từ nhân duyên”. Cái gì là duyên? Duyên vào khổ xúc vậy. Vị ấy cũng quán xúc này là vô thường, rồi quán thọ, tưởng, hành, thức đều vô thường. Tâm vị ấy duyên nơi đối tượng mà trụ, mà chỉ, mà hiệp, mà nhất tâm, mà định, mà không lay động. Sau đó, có người đến nói với vị ấy bằng lời lẽ dịu dàng; vị ấy suy nghĩ như vậy: “Cái khổ đến với mình đây là sinh ra từ nhân duyên, chứ chẳng phải không sinh ra từ nhân duyên”. Duyên là gì? Duyên vào lạc xúc vậy. Vị ấy quán xúc này là vô thường, rồi quán thọ, tưởng, hành, thức cũng vô thường. Tâm vị ấy duyên nơi đối tượng mà trụ, mà chỉ, mà hiệp, mà nhất tâm, mà không lay động. Sau đó, hoặc có người thọ ấu, thiếu niên, trung niên hay trưởng lão đến làm điều không vừa ý đối với vị ấy: hoặc nắm tay thoi, hoặc lấy đá ném, hoặc dùng dao đâm, gậy đập; vị ấy suy nghĩ thế này: “Ta thọ thân này vốn là sắc pháp, là thô chất thuộc bốn đại chủng, do cha mẹ sanh, được nuôi dưỡng bằng ăn uống, được che kín bởi y phục, được chăm sóc bằng tắm rửa; nằm ngồi bông bế; nó là pháp bị hư hoại, là pháp bị diệt tận, là pháp ly tán. Ta vì thân này mà đến nỗi bị tay thoi, đá

ném, dao đâm, gậy đập". Do ý nghĩ đó, vị kia rất siêng năng, không biếng nhác, chánh thân, chánh niệm, không nhuế, không si, nhất tâm, an định. Vị ấy nghĩ thế này: "Ta siêng năng, không biếng nhác, chánh tâm, chánh niệm, không nhuế, không si, nhất tâm, an định; ta thọ thân này dù cho bị tay thôi, đá ném, dao đâm, gậy đập, cũng chỉ nên siêng năng học giáo pháp của đức Thế Tôn".

Này chư Hiền, đức Thế Tôn cũng nói như vậy: "Giả sử có kẻ giặc cầm cửa hay dao bén, xẻ vụn thân thể ra; nếu các Thầy bị kẻ giặc cầm cửa hay dao bén xẻ vụn thân thể ra, lúc ấy hoặc tâm dao động, hoặc nói năng hung dữ, tức các Thầy đã suy thoái. Các Thầy nên nghĩ như vậy: "Giả sử có kẻ giặc cầm cửa hay dao bén xẻ vụn thân thể ta ra, mong sao nhân đó mà tâm ta không dao động, không nói năng hung dữ, mà khởi tâm ai mãn đối với người đã đến xẻ vụn thân thể ta ra; do người đó nên tâm ta tương ưng với từ, biến mãn một phương, thành tựu an trú, cũng thế với hai, ba, bốn phương, tứ duy thượng hạ, biến mãn tất cả; tâm tương ưng với từ, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, quảng đại vô biên, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trú".

Này chư Hiền, thầy Tỳ-kheo kia, nếu nương Phật, Pháp và Đại chúng mà vẫn không an trú thiện, tương ưng với xả, thì này chư Hiền, thầy Tỳ-kheo ấy nên xấu hổ, thẹn thùng và nghĩ: “Ta ở trong sự lợi ích mà không được lợi ích, ở trong đức mà không có đức; nghĩa là, ta nương Phật pháp và Đại chúng mà vẫn không an trú nơi thiện, tương ưng với xả.”

Này chư Hiền, như người dẫu lúc mới rước về gặp mặt cha mẹ chồng, hay gặp người chồng của mình thì xấu hổ, thẹn thùng. Này chư Hiền, nên biết rằng, thầy Tỳ-kheo cũng lại như vậy, nên xấu hổ, thẹn thùng và nghĩ: “Ta ở trong sự lợi ích mà không được lợi ích, ở trong đức mà không có đức; nghĩa là, ta nương Phật, Pháp và Đại chúng mà vẫn không an trú nơi thiện tương ưng với xả”. Người ấy, do xấu hổ, thẹn thùng, nên liền an trú nơi thiện tương ưng với xả; đó là diệu, là tĩnh, là tịch diệt, nghĩa là xả tất cả hữu, lìa ái, vô dục, diệt tận hoàn toàn. Này chư Hiền, đó là thầy Tỳ-kheo học về tất cả đại.

Này chư Hiền, thế nào là thủy giới? Ở đây, thủy giới có hai: nội thủy giới và ngoại thủy giới.

Này chư Hiền, thế nào là nội thủy giới? Đó là nước ở trong thân, được thấm nhiếp bên trong

thân, tính của nước là ẩm ướt, chứa đựng ở trong thân. Đó là những gì? Là mỡ óc, nước mắt, mồ hôi, nước mũi, nước miếng, mủ máu, mỡ, tủy, nước dãi, nước mật, nước tiểu và tương tự như vậy; tất cả những chất nước khác, thuộc ở trong thân này, được thâu nhiếp bên trong thân, thuộc loại nước, ẩm ướt, bị chấp thủ bên trong. Nay chư Hiền, đó là nội thủy giới.

Nay chư Hiền, ngoại thủy giới, đó là đại, là tịnh, là không tăng ố. Nay chư Hiền, có lúc bị hỏa tai, lúc đó ngoại thủy giới bị tiêu diệt. Nay chư Hiền, ngoại thủy giới rất lớn, rất tịnh, rất bất tăng ố; đó là pháp vô thường, pháp đoạn diệt, pháp suy yếu, pháp biến dịch; huống gì cái thân tạm bợ này bị chấp thủ bởi ái. Nghĩa là, có kẻ phàm phu, ngu si, không học, suy nghĩ như vậy: “Đây là ta, đây là tự ngã của ta, đây là của ta”. Còn Đa văn Thánh đệ tử không nghĩ: “Đây là ta, đây là tự ngã của ta, đây là của ta”. Vì ấy vì sao nghĩ như vậy? Nếu có người khác mắng chửi, đánh đập, giận dữ, quở trách, thì vị ấy nghĩ như vậy: “Cái khổ đến với mình đây là sanh ra từ nhân duyên, chứ chẳng phải là không sanh ra từ nhân duyên”. Duyên là gì? Duyên khổ xúc vậy. Vị ấy quán xúc này là vô thường, quán thọ, tưởng, hành, thức cũng vô

thường. Tâm vị ấy duyên nơi đối tượng mà trú, mà chỉ, mà hiệp, mà nhất tâm, mà định, mà không lay động. Vào lúc khác, có người đến nói với vị ấy bằng lời lẽ dịu dàng; vị này suy nghĩ như vậy: “Cái lạc đến với mình đây là sanh ra từ nhân duyên, chứ chẳng phải là không sinh ra từ nhân duyên”. Thế nào là duyên? Duyên vào lạc xúc vậy. Vị ấy quán xúc này là vô thường, quán thọ, tưởng, hành, thức cũng vô thường. Tâm vị ấy duyên nơi đối tượng mà trú, mà chỉ, mà hiệp, mà nhất tâm, mà định, mà không lay động. Sau đó hoặc có người thơ ấu, thiếu niên, tráng niên hay trưởng lão đến làm điều không vừa ý đối với vị ấy, hoặc nắm tay thoi, hoặc lấy đá ném, hoặc dùng dao đâm, gậy đập; vị ấy suy nghĩ thế này: “Ta thọ thân này vốn là do sắc pháp, thô chất, thuộc bốn đại chủng, do cha mẹ sanh, được nuôi dưỡng bằng ăn uống, được che kín bởi y phục, được chăm sóc bằng xoa bóp, tắm rửa. Nó là pháp hư hoại, là pháp đoạn diệt, là pháp ly tán. Ta vì thân này mà đến nỗi bị tay thoi, đá ném, dao đâm, gậy đập”. Do lẽ đó, vị kia rất siêng năng, không biếng nhác, chánh thân, chánh niệm, không nhuế, không si, nhất tâm an định, vị ấy nghĩ thế này: “Ta rất siêng năng, không biếng nhác, chánh thân, chánh niệm, không nhuế, không si, nhất tâm an định; ta thọ thân này dù bị tay

thoi, đá ném, dao đâm, gậy đập, cũng chỉ nên siêng năng học giáo pháp của đức Thế Tôn”.

Này chư Hiền, đức Thế Tôn cũng nói như vậy: “Giả sử có kẻ giặc cầm cửa hay dao bén, xẻ vụn thân thể ra. Nếu các Thầy bị kẻ giặc cầm cửa hay dao bén, xẻ vụn thân thể ra, lúc ấy hoặc tâm biến dịch, hoặc nói năng hung dữ, tức các Thầy đã suy thối. Các Thầy nên suy nghĩ như vậy: “Giả sử có kẻ giặc cầm cửa hay dao bén, xẻ vụn thân thể ta ra, mong sao nhân đó mà tâm ta không biến dịch, không nói năng hung dữ, hãy khởi tâm ai mẫn đối với người xẻ vụn thân thể ta ra, nhờ người đó nên tâm ta tương ưng với từ, biến mãn một phương, thành tựu an trụ, cũng thế với hai, ba, bốn phương, tứ duy, thượng hạ, biến mãn tất cả; tâm tương ưng với từ, không kết, không oán, không nhuế, không tránh, quảng đại, vô biên, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trụ””.

Này chư Hiền, thầy Tỳ-kheo kia nếu nương tựa Phật, Pháp và Đại chúng mà vẫn không an trụ nơi thiện tương ưng với xả, thì này chư Hiền, thầy Tỳ-kheo ấy nên xấu hổ, thẹn thùng và nghĩ: “Ta ở trong lợi ích, mà không được lợi ích, ở trong đức mà không được đức; nghĩa là ta nhờ Phật,

Pháp và Đại chúng mà vẫn không an trú nơi thiện tương ưng với xả”.

Này chư Hiền, như người dẫu lúc mới rước về, gặp mặt cha mẹ chồng, hay gặp người chồng của mình, thì xấu hổ, thẹn thùng. Này chư Hiền, nên biết rằng thầy Tỳ-kheo cũng lại như vậy, nên xấu hổ, thẹn thùng và nghĩ: “Ta ở trong lợi ích, mà không lợi ích, ở trong đức mà không có đức; nghĩa là ta nhờ Phật pháp và đại chúng mà vẫn không an trú nơi thiện tương ưng với xả”. Người ấy do xấu hổ, thẹn thùng, nên thường an trú nơi thiện tương ưng với xả; đó là diệu, là tĩnh, là tịch diệt, nghĩa là xả tất cả hữu, lìa ái, vô dục, diệt tận hoàn toàn. Này chư Hiền, đó là thầy Tỳ-kheo học về tất cả đại.

Này chư Hiền, thế nào là hỏa giới? Này chư Hiền, ở đây hỏa giới có hai: nội hỏa giới và ngoại hỏa giới.

Này chư Hiền, thế nào là nội hỏa giới? Đó là lửa ở trong thân, được thâu nhiếp trong thân, những gì là hỏa thuộc tánh nóng, bị chấp thủ bên trong. Đó là những gì? Nóng bức nơi thân, phiền muộn, sự ám áp, tráng kiện, tiêu hóa đồ ăn và tương tự như vậy; những thứ lửa khác ở trong

thân, được thâu nhiếp trong thân; tánh lửa nóng, bị chấp thủ bên trong. Đây chư Hiền, đó là nội hỏa giới.

Này chư Hiền, ngoại hỏa giới là đại, là tịnh, là không tăng ố. Đây chư Hiền, có lúc ngoại hỏa giới phát khởi lên, khi phát khởi rồi thì thiêu đốt xóm ấp, thành quách, núi rừng, đồng nội, diệt các thứ đó rồi, hoặc đến đường đến nước thì bị tắt. Đây chư Hiền, sau khi ngoại hỏa giới tắt, nhân dân tìm lửa, hoặc cọ cây lấy lửa, chặt tre hoặc dùng ngọc lấy lửa. Đây chư Hiền, ngoại hỏa giới này cực đại, cực tịnh, cực bất tăng ố; đó là pháp vô thường, là pháp đoạn diệt, là pháp suy yếu, là pháp biến dịch; huống gì là cái thân tạm bợ này bị chấp thủ bởi ái này; nghĩa là có kẻ phàm phu ngu si, không học, suy nghĩ như vậy: “Đây là ta, đây là tự ngã của ta, đây là của ta”. Còn Đa văn Thánh đệ tử không nghĩ như vậy: “Đây là ta, đây là tự ngã của ta, đây là của ta”. Vì ấy vì sao nghĩ như vậy? Nếu có người khác mắng chửi, đánh đập, giận dữ, quở trách thì vị ấy nghĩ như vậy: “Cái khổ đến với mình đây là sinh ra từ nhân duyên chứ chẳng phải là không sinh ra từ nhân duyên”. Cái gì là duyên? Duyên vào khổ xúc vậy. Vị ấy quán xúc này là vô thường, quán thọ, tưởng, hành, thức cũng vô thường. Tâm

vị ấy duyên nơi đối tượng mà trú, mà chỉ, mà hiệp, mà nhất tâm, mà định, mà không lay động; sau đó, có người đến nói với vị ấy bằng lời lẽ dịu dàng; vị ấy suy nghĩ như vậy: “Cái lạc đến với mình đây sinh ra từ nhân duyên, chứ chẳng phải là không sinh ra từ nhân duyên”. Thế nào là duyên? Duyên vào lạc xúc vậy. Vị ấy quán xúc này là vô thường, quán thọ, tưởng, hành, thức cũng vô thường. Tâm vị ấy duyên nơi đối tượng mà trú, mà chỉ, mà hiệp, mà nhất tâm, mà định, mà không lay động. Sau đó hoặc có người thơ ấu, thiếu niên, tráng niên, hay trưởng lão đến làm điều không vừa ý đối với vị ấy: hoặc nắm tay thoi, hoặc lấy đá ném, hoặc dùng dao đâm, gậy đập. Vị ấy suy nghĩ thế này: “Ta thọ thân này vốn là do sắc pháp, thô chất, thuộc bốn đại chủng, do cha mẹ sanh, được nuôi dưỡng bằng ăn uống, được che kín bởi y phục, được chăm sóc bằng tắm rửa, xoa bóp. Nó là pháp hư hoại, là pháp đoạn diệt, là pháp ly tán. Ta vì thân này mà đến nỗi bị tay thoi, đá ném, dao đâm, gậy đập”. Do lẽ đó vị kia rất siêng năng, không biếng nhác, chánh thân, chánh niệm, không nhuế, không si, nhất tâm, an định. Vị ấy nghĩ thế này: “Ta rất siêng năng, không biếng nhác, chánh thân, chánh niệm, không nhuế, không si, nhất tâm an định, ta thọ thân này đáng

để cho tay thoi, đá ném, dao đâm, gậy đập; chỉ nên siêng năng học giáo pháp của đức Thế Tôn”.

Này chư Hiền, đức Thế Tôn cũng nói như vậy: “Giả sử có kẻ giặc cầm cửa hay dao bén xẻ vụn thân thể ra. Nếu các Thầy bị kẻ giặc cầm cửa hay dao bén xẻ vụn thân thể ra, lúc ấy hoặc tâm biến dịch, hoặc nói năng hung dữ, tức là các Thầy đã suy thoái. Các Thầy nên suy nghĩ như vậy: “Nếu có kẻ giặc cầm cửa hay dao bén xẻ vụn thân thể ta ra, mong sao nhân đó mà tâm ta không biến dịch, không nói năng hung dữ, hãy khởi tâm ai mãn đối với người xẻ vụn thân thể ta ra, nhờ người đó nên tâm tương ưng với từ, biến mãn một phương, thành tựu an trú. Cũng thế, với hai, ba, bốn phương, tứ duy, thượng hạ, biến mãn tất cả. Tâm tương ưng với từ, không kết, không oán, không nhuế, không tránh, quảng đại, vô biên, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn khắp cả thế gian, thành tựu an trú””.

Này chư Hiền, nếu thầy Tỳ-kheo kia nương Phật, Pháp và Đại chúng mà vẫn không an trú nơi thiện tương ưng với xả, thì này chư Hiền, thầy Tỳ-kheo ấy nên xấu hổ thẹn thùng và nghĩ: “Ta ở trong lợi ích mà không được lợi ích, ở trong đức mà không có đức; nghĩa là ta nhờ Phật, Pháp và

Đại chúng mà vẫn không an trú nơi thiện tương ưng với xả”.

Này chư Hiền, như người dẫu lúc mới rước về, gặp mặt cha mẹ chồng, hay gặp người chồng của mình, thì xấu hổ, thẹn thùng. Này chư Hiền, nên biết rằng thầy Tỳ-kheo cũng lại như vậy, nên xấu hổ thẹn thùng và nghĩ: “Ta ở trong lợi ích mà không được lợi ích, ở trong đức mà không có đức; nghĩa là ta nhờ Phật, Pháp và Đại chúng mà vẫn không an trú nơi thiện tương ưng với xả”. Người ấy do xấu hổ thẹn thùng, nên liền an trú nơi thiện tương ưng với xả; đó là diệu, là tĩnh, là tịch diệt, nghĩa là xả tất cả hữu, lìa ái, vô dục, diệt tận hoàn toàn. Này chư Hiền, đó là thầy Tỳ-kheo học về tất cả đại.

Này chư Hiền, thế nào là phong giới? Này chư Hiền, ở đây, phong giới có hai: nội phong giới và ngoại phong giới.

Này chư Hiền, thế nào là nội phong giới. Đó là gió ở trong thân, được thấm nhiếp trong thân, những gì là gió thuộc tính chất chuyển động, bị chấp thủ bên trong. Đó là những gì? — Là gió trên, gió dưới, gió trong bụng, gió ngang hông, gió co thắt lại, gió dao, gió nhảy lên, gió phi đạo, gió thổi qua tay chân, gió của hơi thở ra, gió của hơi

thở vô, và tương tự như vậy, những thứ khác ở trong thân, được thấm nhiếp trong thân, thuộc loại gió chuyển động, bị chấp thủ bên trong. Đây chư Hiền, đó là nội phong giới.

Này chư Hiền, ngoại phong giới là đại, là tịnh, là không tăng ố. Đây chư Hiền, có lúc ngoại phong giới phát khởi lên, khi phát khởi rồi, thì nhà sập, cây tróc, núi lở, khi núi non đã lở rồi, gió liền đứng lại, mây lòng cũng chẳng lay động. Đây chư Hiền, sau khi ngoại phong giới dừng lại, nhân dân tìm kiếm gió, hoặc dùng quạt, hoặc dùng lá đa-la, hoặc dùng áo tìm gió. Đây chư Hiền, phong giới này cực đại, cực tịnh, cực bất tăng ố. Đó là pháp vô thường, là pháp đoạn diệt, là pháp suy yếu, là pháp biến dịch; huống là xác thân tạm bợ, bị chấp thủ bởi ái này. Nghĩa là kẻ phàm phu ngu si, không đa văn nghĩ như vậy: “Đây là ta, đây là tự ngã của ta, đây là của ta”. Còn Đa văn Thánh đệ tử không suy nghĩ như thế: “Đây là ta, đây là tự ngã của ta, đây là của ta”. Vì ấy vì sao nghĩ như vậy? Nếu có người khác mắng chửi, đánh đập, giận dữ, quả trách, thì vị ấy nghĩ như vậy: “Cái khổ đến với mình đây là sinh ra từ nhân duyên, chứ chẳng phải là không sinh ra từ nhân duyên”. Cái gì là duyên? Duyên vào khổ xúc vậy. Vị ấy quán xúc

này là vô thường, quán thọ, tưởng, hành, thức cũng vô thường. Tâm vị ấy duyên nơi đối tượng mà trú, mà chỉ, mà hiệp, mà nhất tâm, mà định, mà không lay động. Sau đó, có người đến nói với vị ấy bằng lời lẽ dịu dàng, vị này suy nghĩ như vậy: “Cái lạc đến với mình đây là sinh ra từ nhân duyên, chứ chẳng phải là không sinh ra từ nhân duyên”. Thế nào là duyên? Duyên vào lạc xúc vậy. Vị ấy quán xúc này là vô thường, quán thọ, tưởng, hành, thức cũng vô thường. Tâm vị ấy duyên nơi đối tượng mà trú, mà chỉ, mà hiệp, mà nhất tâm mà định, mà không lay động. Sau đó, hoặc có người thơ ấu, thiếu niên, trung niên hay trưởng lão đến làm điều không vừa ý đối với vị ấy: hoặc nắm tay thoi đánh, hoặc lấy đá ném, hoặc dùng dao đâm, gậy đập; vị này suy nghĩ thế này: “Ta thọ thân này vốn là do sắc pháp, thô chất, thuộc bốn đại chủng, do cha mẹ sanh, được nuôi dưỡng bằng ăn uống, được che kín bằng y phục, được chăm sóc bằng tắm rửa, xoa bóp; nó là pháp hư hoại, là pháp đoạn diệt, là pháp ly tán. Ta vì thân này mà đến nỗi bị tay thoi, đá ném, dao đâm, gậy đập”. Do lẽ đó, vị kia rất siêng năng, không biếng nhác, chánh thân, chánh niệm, không nhuế, không si, nhất tâm an định, vị ấy nghĩ như thế này: “Ta rất siêng năng, không biếng

nhác, chánh thân, chánh niệm, không nhuế, không si, nhất tâm an định, ta thọ thân này đáng để cho tay thoi, đá ném, dao đâm, gậy đập, chỉ nên siêng năng học giáo pháp của đức Thế Tôn."

Này chư Hiền, đức Thế Tôn cũng nói như vậy: "Giả sử có giặc đến cầm cửa hay dao bén, xẻ vụn thân thể ra; nếu các Thầy bị kẻ giặc cầm cửa hay dao bén, xẻ vụn thân thể ra, lúc ấy hoặc tâm biến dịch, hoặc nói năng hung dữ, tức các Thầy đã suy thối. Các Thầy nên nghĩ như vậy: "Giả sử có kẻ giặc đến cầm cửa hay dao bén, xẻ vụn thân thể ta ra, mong sao, nhân đó mà tâm ta không biến dịch, không nói năng hung dữ, hãy khởi tâm ai mãn đối với người đến xẻ vụn thân thể ta ra; nhờ người đó nên tâm ta tương ưng với từ, biến mãn một phương, thành tựu an trú, cũng thế với hai, ba, bốn phương, tứ duy, thượng và hạ, biến mãn tất cả; tâm tương ưng với từ, không kết, không oán, không nhuế, không tránh, quảng đại, vô biên, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trú".

Này chư Hiền, thầy Tỳ-kheo kia nếu nương Phật, Pháp và Đại chúng mà vẫn không an trú nơi thiện tương ưng với xả, thì này chư Hiền, thầy Tỳ-kheo ấy nên hổ thẹn, nên xấu xa nghĩ: "Ta ở

trong sự lợi ích mà không được lợi ích, ở trong đức mà không có đức; nghĩa là ta nhờ Phật, Pháp và Đại chúng mà vẫn không an trụ nơi thiện tương ưng với xả”.

Này chư Hiền, như người dâu lúc mới rước về, gặp mặt cha mẹ chồng, hay gặp người chồng của mình thì xấu hổ, thẹn thùng. Này chư Hiền, nên biết rằng, thầy Tỳ-kheo cũng lại như vậy, nên xấu hổ, thẹn thùng nghĩ: “Ta ở trong sự lợi ích mà không được lợi ích, ở trong đức mà không có đức; nghĩa là ta nhờ Phật, Pháp và Đại chúng mà vẫn không an trụ nơi thiện tương ưng với xả”. Người ấy do hổ thẹn, xấu xa, nên liền an trụ nơi thiện tương ưng với xả. Đó là diệt, là tĩnh, là tịch diệt, nghĩa là xả tất cả hữu, lìa ái, vô dục, diệt tận hoàn toàn. Này chư Hiền; đó là thầy Tỳ-kheo học về tất cả đại.

Này chư Hiền, cũng như nhờ cây gỗ, nhờ bùn đất, nhờ cỏ nước che kín trên một khoảng không, nên sinh ra danh từ “nhà”. Chư Hiền nên biết, thân này cũng lại như vậy, nhờ gân cốt, nhờ da dẻ, nhờ thịt máu, vây kín một khoảng không nên sanh ra danh từ “thân”.

Này chư Hiền, như có người bị hư mắt, nên ngoại sắc không được ánh sáng rọi đến, thành ra

không có niệm và do đó, nhãn thức không sanh ra được. Nay chư Hiền, nếu con mắt không bị hư hoại thì ngoại sắc sẽ được ánh sáng rọi đến và liền có niệm nên nhãn thức được sanh ra.

Nay chư Hiền, con mắt và sắc, cùng với nhãn thức biết ngoại sắc; đó thuộc về sắc ấm. Nếu có thọ, thì đó là thọ ấm, nếu có tưởng thì đó là tưởng ấm, nếu có tư thì đó là tư ấm, nếu có thức thì đó là thức ấm. Như vậy, quan sát sự hội hiệp của các ấm.

Nay chư Hiền, đức Thế Tôn cũng nói như vậy: “Nếu ai thấy duyên khởi tức thấy pháp, nếu thấy pháp tức thấy duyên khởi”. Vì sao thế? Nay chư Hiền, đức Thế Tôn dạy, năm ấm từ nhân duyên sanh, sắc ấm, thọ, tưởng, hành, thức ấm cũng vậy.

Nay chư Hiền, nếu nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý xứ bên trong bị hư hoại thì các pháp bên ngoài sẽ không được ánh sáng rọi đến, nên không có niệm; do đó, ý thức không sanh khởi được. Nay chư Hiền, nếu nội ý xứ không bị hư hoại thì pháp bên ngoài sẽ được ánh sáng rọi đến và liền có niệm, nên ý thức được sanh ra.

Nay chư Hiền, ý xứ bên trong và pháp cùng với ý thức biết sắc pháp bên ngoài, đó thuộc về sắc ấm, nếu có thọ, thì đó là thọ ấm, nếu có tưởng,

thì đó là tướng ấm, nếu có tư, thì đó là tư ấm, nếu có thức, thì đó là thức ấm. Quán sát sự hội hiệp của các ấm như vậy.

Này chư Hiền, đức Thế Tôn cũng nói như vậy: “Nếu ai thấy duyên khởi tức thấy pháp, nếu thấy Pháp tức thấy duyên khởi”. Vì sao thế? Này chư Hiền, đức Thế Tôn dạy, năm ấm từ nhân duyên sanh, sắc ấm, thọ, tưởng, hành và thức ấm cũng vậy. Vị ấy nhàm chán năm ấm này trong ba đời: quá khứ, vị lai, hiện tại; nhàm chán rồi, liền vô dục, vô dục rồi, liền giải thoát, giải thoát rồi, liền biết giải thoát, biết một cách như thật rằng: “Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.”

Này chư Hiền, đó là thầy Tỳ-kheo học về tất cả đại.

Tôn giả Xá-lợi-phất giảng như vậy, các thầy Tỳ-kheo nghe Tôn giả Xá-lợi-phất giảng xong, hoan hỷ phụng hành.

11. KINH PHÂN BIỆT THÁNH ĐẾ

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các thầy Tỳ-kheo rằng:

— Đây là sự công bố Chánh pháp tối thượng, tức là công bố Bốn Thánh Đế; đó là sự thâm nhiếp toàn diện, là sự quán chiếu toàn diện, là sự phân biệt, là sự phát lộ, là sự khát ngưỡng, là sự thi thiết, là sự hiển thị, là sự thú hưởng.

Trong quá khứ, các đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác cũng đã có sự công bố Chánh pháp tối thượng này, tức công bố Bốn Thánh

Đế; đó là sự thấu nhiếp toàn diện, là sự quán chiếu toàn diện, là sự phân biệt, là sự phát lộ, là sự khát ngưỡng, là sự thi thiết, là sự hiển thị, là sự thú hướng.

Trong đời vị lai, các đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác cũng sẽ có sự công bố Chánh pháp tối thượng này, tức là công bố Bốn Thánh Đế; đó là sự thấu nhiếp toàn diện, là sự quán chiếu toàn diện, là sự phân biệt, là sự phát lộ, là sự khát ngưỡng, là sự thi thiết, là sự hiển thị, là sự thú hướng.

Trong đời hiện tại, Ta là đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác cũng công bố chánh pháp tối thượng này, tức công bố Bốn Thánh Đế; đó là sự thấu nhiếp toàn diện, là sự quán chiếu toàn diện, là sự phân biệt, là sự phát lộ, là sự khát ngưỡng, là sự thi thiết, là sự hiển thị, là sự thú hướng.

Tỳ-kheo Xá-lợi-phất là bậc thông tuệ, là bậc tối huệ, là bậc tiếp huệ, là bậc lợi huệ, quảng huệ, thâm huệ, xuất yếu huệ, minh đạt huệ, biện tài huệ. Tỳ-kheo Xá-lợi-phất thành tựu thật huệ. Vì sao vậy? Vì Ta nói sơ lược về Bốn Thánh Đế này, thì Tỳ-kheo Xá-lợi-phất có thể vì người khác mà

giáo hóa toàn diện, quán sát toàn diện, phân biệt, phát lộ, khát ngưỡng thi thiết, hiển thị, thú hưởng.

Khi Tỳ-kheo Xá-lợi-phất giáo hóa toàn diện, khai thị toàn diện về Bốn Thánh Đế này, phân biệt, phát lộ, khát ngưỡng, thi thiết, hiển hiện, thú hưởng, thì có thể làm cho vô lượng người đạt đến chánh quán. Tỳ-kheo Xá-lợi-phất có khả năng hướng dẫn bằng chánh kiến; Tỳ-kheo Mục-kiền-liên có khả năng làm cho đứng vững nơi chân tế tối thượng, nghĩa là cứu cánh lậu tận. Tỳ-kheo Xá-lợi-phất sinh ra các bậc phạm hạnh, cũng như sanh mẫu; Tỳ-kheo Mục-kiền-liên trưởng dưỡng các bậc phạm hạnh, cũng như dưỡng mẫu. Do đó, các vị phạm hạnh nên phụng sự, cúng dường, cung kính, lễ bái Tỳ-kheo Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên. Vì sao vậy? Vì Tỳ-kheo Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên mong cầu phước lợi, thiện ích và cầu sự an ổn, an lạc cho các vị phạm hạnh.

Bấy giờ, sau khi nói như vậy rồi đức Thế Tôn liền từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tịnh thất tịnh tọa. Lúc đó, Tôn giả Xá-lợi-phất bảo các thầy Tỳ-kheo:

— Nay chư Hiền, đức Thế Tôn vì chúng ta mà xuất hiện thế gian, vì mọi người mà giáo hóa

và khai thị toàn diện Bốn Thánh Đế này, mà phân biệt, phát lộ, khát ngưỡng, thi thiết, hiển hiện, thú hưởng.

Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập, Khổ diệt và Khổ diệt đạo Thánh đế. Nay chư Hiền, thế nào là Khổ Thánh đế? Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, oán thù mà gặp nhau là khổ, yêu thương mà xa lìa là khổ, mong cầu mà không được là khổ; tóm lại, năm ấm là khổ.

Nay chư Hiền, nói sanh là khổ, vì lẽ gì mà nói như vậy? Nay chư Hiền, sanh là chúng sanh kia và tất cả chủng loại chúng sanh khác sanh thì sanh, xuất thì xuất, thành thì thành, phát khởi năm ấm rồi, liền có mạng căn, như vậy gọi là sanh.

Nay chư Hiền, sanh là khổ, đó là chúng sanh khi sanh, thân chịu sự khổ, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; lãnh nạp khổ, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; thân tâm lãnh nạp khổ, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; thân lãnh nạp sự phiền não, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; tâm lãnh nạp nhiệt não, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; thân tâm lãnh nạp sự nhiệt não, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất

cả cảm thọ; thân lãnh nạp sự tráng nhiệt, sự phiền não, sự ưu sầu, lãnh nạp tất cả sự lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; tâm lãnh nạp sự tráng nhiệt, sự phiền não, sự ưu sầu, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; thân tâm lãnh nạp sự tráng nhiệt, sự phiền não, sự ưu sầu, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ. Đây chư Hiền, nói sanh là khổ là do đó mà nói vậy.

Này chư Hiền, nói già là khổ, vì lẽ gì nói như vậy? Đây chư Hiền, già nghĩa là chúng sanh kia và tất cả chúng sanh khác trở nên già yếu, đầu bạc, răng rụng, sự cường tráng ngày càng suy giảm, thân còng, chân vẹo, cơ thể nặng nề, hơi thở đưa lên, phải chống gậy mà đi, thịt rút, da nhăn xù xì như cây gai, các căn hư hoại, nhan sắc xấu xí, như vậy gọi là lão. Đây chư Hiền, già là khổ, nghĩa là khi chúng sanh già, thân chịu khổ, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; tâm lãnh nạp khổ, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; thân tâm lãnh nạp khổ, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; thân lãnh nạp sự nhiệt não, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ, tâm lãnh nạp sự nhiệt não, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; thân tâm lãnh nạp sự nhiệt não, lãnh nạp tất cả lãnh nạp,

cảm thọ tất cả cảm thọ; thân lãnh nạp sự tráng nhiệt, sự phiền não, sự ưu sầu, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; thân tâm lãnh nạp sự tráng nhiệt, sự phiền não, sự ưu sầu, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ. Nay chư Hiền, nói giả là khổ là do đó mà nói vậy.

Nay chư Hiền, nói bệnh là khổ, vì lẽ gì mà nói như vậy? Nay chư Hiền, bệnh là đau đầu, mắt đau, mũi đau, mặt đau, môi đau, răng đau, lưỡi đau, nướu đau, cổ đau, phong sưng, ho hen, ói mửa, cứng họng, bệnh diên, bệnh động kinh, ung thư, mọc bướu, kinh tràn, đờm đỏ, nóng bức, khô héo, bệnh trĩ, mụn nhọt, kiết lị, và tất cả những bệnh khác tương tự như vậy, từ xúc mà sinh ra, không rời khỏi tâm, ở ngay trong thân; như vậy gọi là bệnh. Nay chư Hiền, bệnh là khổ, nghĩa là khi chúng sanh bị bệnh, thân chịu khổ, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; tâm lãnh nạp khổ, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; thân tâm lãnh nạp khổ, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; thân lãnh nạp sự nhiệt não, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; tâm lãnh nạp nhiệt não, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; thân tâm lãnh nạp sự nhiệt não, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ

tất cả cảm thọ; thân lãnh nạp sự tráng nhiệt, sự phiền não, sự ưu sầu, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; tâm lãnh nạp sự tráng nhiệt, sự phiền não, sự ưu sầu, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; thân tâm lãnh nạp sự tráng nhiệt, sự phiền não, sự ưu sầu, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ. Nay chư Hiền, nói bệnh là khổ là do đó mà nói vậy.

Nay chư Hiền, nói chết là khổ, là vì lẽ gì mà nói như vậy? Nay chư Hiền, chết là chúng sanh kia và tất cả chủng loại chúng sanh khác mạng chung, vô thường, chết chóc, tan rã, tuổi thọ chấm dứt, hủy hoại, mạng căn bế tắc, như vậy gọi là chết. Nay chư Hiền, chết là khổ, nghĩa là khi chúng sanh chết, thân lãnh nạp khổ, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; tâm lãnh nạp khổ, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; thân tâm lãnh nạp khổ, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; thân lãnh nạp sự nhiệt não, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; tâm lãnh nạp nhiệt não, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; thân tâm lãnh nạp sự nhiệt não, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; thân lãnh nạp sự tráng nhiệt, sự phiền não, sự ưu sầu, lãnh nạp tất cả lãnh nạp,

cảm thọ tất cả cảm thọ; tâm lãnh nạp sự tráng nhiệt, sự phiền não, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; thân tâm lãnh nạp sự tráng nhiệt, sự phiền não, sự ưu sầu, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ. Nay chư Hiền, nói chết là khổ là do đó mà nói vậy.

Nay chư Hiền, nói oán ghét mà gặp nhau là khổ, là vì lẽ gì mà nói như vậy? Nay chư Hiền, oán ghét mà gặp gỡ nghĩa là chúng sanh thật sự có sáu xứ bên trong, nhãn xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý xứ không khả ái; nhưng chúng cùng tụ hội ở một chỗ, có sự gắn bó, hòa hợp, tập hợp; sự hòa hợp ấy là khổ. Cũng vậy, các ngoại xứ, xúc, thọ, tưởng, hành, ái cũng lại như vậy. Nay chư Hiền, chúng sanh quả thật có sáu giới, địa giới, thủy, hỏa, phong, không và thức giới không khả ái; nhưng chúng lại cùng tụ hội một chỗ, có sự gắn bó, hòa hợp, tập hợp, sự hòa hợp ấy là khổ. Như vậy gọi là oán ghét mà gặp nhau. Nay chư Hiền, oán ghét mà gặp nhau là khổ, nghĩa là khi chúng sanh oán ghét nhau mà lại gặp nhau, thân lãnh nạp khổ, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; tâm lãnh nạp khổ, nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; thân tâm lãnh nạp khổ, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ thân lãnh

nap sự nhiệt não, lãnh nap tất cả lãnh nap, cảm thọ tất cả lãnh cảm thọ; tâm lãnh nap sự nhiệt não, lãnh nap tất cả lãnh nap, cảm thọ, tất cả cảm thọ; thân tâm lãnh nap sự nhiệt não, lãnh nap tất cả lãnh nap, cảm thọ tất cả cảm thọ; thân lãnh nap sự tráng nhiệt, sự phiền não, sự ưu sầu, lãnh nap tất cả lãnh nap, cảm thọ tất cả cảm thọ; tâm lãnh nap sự tráng nhiệt, sự phiền não, sự ưu sầu, lãnh nap tất cả lãnh nap, cảm thọ tất cả cảm thọ; thân tâm lãnh nap sự tráng nhiệt, sự phiền não, sự ưu sầu, lãnh nap tất cả lãnh nap, cảm thọ tất cả cảm thọ. Nay chư Hiền, nói oán ghét mà gặp nhau là khổ là do đó mà nói vậy.

Này chư Hiền, nói yêu thương mà xa lìa là khổ là vì lẽ gì mà nói như vậy? Nay chư Hiền, yêu thương mà xa lìa là khổ, đó là chúng sanh quả thật có sáu xứ bên trong, nhãn xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ khả ái, nhưng chúng phân tán thành khác biệt, không tương ưng nhau, cách xa, không tụ hội, không gắn bó, không tập hợp, không hòa hợp, đó là khổ. Cũng vậy, các ngoại xứ, xúc, thọ, tưởng, hành, ái, khả ái, cũng lại như vậy. Nay chư Hiền, chúng sanh quả thật có sáu giới, địa giới, thủy, hỏa, phong, không và thức giới khả ái, nhưng chúng phân tán thành khác biệt, không tương ưng

nhau, cách xa, không tụ hội, không gắn bó, không tập hợp, không hòa hợp, đó là khổ. Như vậy gọi là yêu thương mà xa lìa là khổ. Nay chư Hiền, yêu thương mà xa lìa là khổ nghĩa là chúng sanh khi xa cách nhau thân lãnh nạp khổ, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; tâm lãnh nạp khổ, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; thân tâm lãnh nạp khổ, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; thân lãnh nạp sự nhiệt nảo, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; tâm lãnh nạp nhiệt nảo, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; thân tâm lãnh nạp sự nhiệt nảo, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; thân lãnh nạp sự tráng nhiệt, sự phiền nảo, sự ưu sầu, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; tâm lãnh nạp sự tráng nhiệt, sự phiền nảo, sự ưu sầu, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; thân tâm lãnh nạp sự tráng nhiệt, sự phiền nảo, sự ưu sầu, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ. Nay chư Hiền, nói yêu thương mà xa lìa là khổ là do đó mà nói.

Nay chư Hiền, nói mong cầu mà không được là khổ, vì lẽ gì mà nói như vậy? Nay chư Hiền, nghĩa là chúng sanh trong sự sanh, không thể xa

là sự sanh, ước muốn rằng: “Mong tôi không sanh ra!” Điều ấy quả thật không thể muốn mà được; với sự già, sự chết, sự buồn rầu, lo lắng bi ai mà ước muốn rằng: “Mong tôi không có bi ai!”, Điều ấy không thể muốn mà được. Nay chư Hiền, chúng sanh quả thật sanh là khổ, không khả lạc, không khả ái, không khả niệm; người ấy nghĩ thế này: “Nếu sanh ra khổ, nên không khả lạc, không khả ái, không khả niệm, mong sao được đổi thành khả ái, khả niệm!”. Điều ấy không thể muốn mà được. Nay chư Hiền, chúng sanh nào quả thật sanh ra lạc, khả ái, khả niệm; người ấy nghĩ như vậy: “Nếu ta sanh ra lạc, khả ái, khả niệm, mong sao nó là pháp thường hằng, vĩnh cửu và không biến dịch!”. Điều ấy không thể muốn mà được.

Nay chư Hiền, chúng sanh nào quả thật sanh ra tư tưởng không khả lạc, không khả ái, không khả niệm; người ấy nghĩ như vậy: “Nếu sanh ra tư tưởng không khả lạc, không khả ái, không khả niệm, mong sao nó đổi thành khả ái khả niệm!”. Điều ấy không thể muốn mà được.

Nay chư Hiền, chúng sanh nào quả thật sanh ra tư tưởng khả ái, khả niệm; người ấy nghĩ như vậy: “Nếu tư tưởng ta sanh ra là khả ái, khả niệm, mong sao nó là pháp thường hằng, vĩnh cửu và

không biến dịch!”. Điều ấy cũng không thể muốn mà được. Nay chư Hiền, nói mong cầu mà không được là khổ là do đó mà nói vậy.

Nay chư Hiền, nói tóm lại, năm ấm là khổ là vì lẽ gì mà nói như vậy? Đó là sắc ấm, thọ, tưởng, hành, và thức ấm. Nay chư Hiền, nói tóm lại, năm ấm là khổ là do đó mà nói.

Nay chư Hiền, thời gian quá khứ là Khổ Thánh đế, thời gian vị lai và hiện tại là Khổ Thánh đế; đó là điều chắc thật, không hư dối, không xa rời sự thật, cũng chẳng phải điên đảo, mà là sự xét đoán một cách chắc thật; những gì hợp với sự chắc thật như vậy là sở hữu của bậc Thánh, sở tri của bậc Thánh, sở kiến của bậc Thánh, sở liễu của bậc Thánh, sở đắc của bậc Thánh, là sự giác ngộ tối thượng chân chánh của bậc Thánh. Do đó nói Khổ Thánh đế.

Thế nào là ái tập, Khổ tập Thánh đế? Nghĩa là mọi chúng sanh thật sự có tham ái sáu xứ bên trong, nhãn xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý xứ. Trong đó nếu có ái, có cấu bẩn, có nhiễm, có trước, thì đó gọi là tập.

Nay chư Hiền, Đa văn Thánh đệ tử biết rằng: “Ta biết pháp ấy vậy; thấy như vậy, hiểu rõ như

vậy, nhận định như vậy và tri giác như vậy.” Đó là ái tập, Khổ tập Thánh đế.

Biết như vậy là biết thế nào? Nếu có người tham ái vợ con, nô tỳ, kẻ sai bảo, quyến thuộc, ruộng đất, nhà cửa, quán xá, thu và xuất tài vật, tạo tác những nghiệp có ái, có cấu bẩn, có nhiễm, có trước, đó gọi là tập. Người kia biết ái tập, Khổ tập Thánh đế này, cũng vậy, đối với xúc, thọ, tưởng, tư, ái thuộc về ngoại xứ, cũng lại như vậy.

Này chư Hiền, chúng sanh quả thật có tham ái sáu giới: địa giới, thủy, hỏa, phong, không, và thức giới, trong đó nếu có ái, có cấu bẩn, có nhiễm, có trước, thì đó gọi là tập.

Này chư Hiền, Đa văn Thánh đệ tử biết rằng: “Ta biết pháp này như vậy, thấy như vậy, hiểu rõ như vậy, nhận định như vậy và tri giác như vậy.” Đó là ái tập, Khổ tập Thánh đế.

Biết như vậy là biết thế nào? Nếu có người tham ái vợ con, nô tỳ, kẻ sai bảo, quyến thuộc, ruộng đất, nhà cửa, quán xá, thu và xuất tài vật, tạo tác những nghiệp có ái, có cấu bẩn, có nhiễm, có trước, đó gọi là tập. Người kia biết ái tập, Khổ tập Thánh đế này.

Này chư Hiền, thời gian quá khứ là ái tập, Khổ tập Thánh đế; thời gian hiện tại và vị lai là ái tập, Khổ tập Thánh đế, chắc thật không hư dối và không xa rời sự thật, cũng chẳng phải điên đảo, mà là sự thấu xét chắc thật. Thích hợp với Thánh đế như vậy, thì đó là sở hữu của bậc Thánh, sở tri, sở kiến, sở liễu, sở đắc của bậc Thánh, là sự giác ngộ tối thượng chân chánh của bậc Thánh. Do đó nên nói là ái tập, Khổ tập Thánh đế.

Này chư Hiền, thế nào là ái diệt, Khổ diệt Thánh đế? Nghĩa là chúng sanh quả thật có tham ái sáu xứ bên trong nhãn xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý xứ; chúng sanh ấy nếu giải thoát, không nhiễm, không trước, đoạn bỏ hoàn toàn, không còn dục, diệt tận, tịch tĩnh, đó gọi là Khổ diệt.

Này chư Hiền, Đa văn Thánh đệ tử biết rằng: “Ta biết pháp này như vậy, thấy như vậy, hiểu rõ như vậy, nhận định như vậy và tri giác như vậy.” Đó là ái diệt, Khổ diệt Thánh đế.

Biết như vậy là biết như thế nào? Nếu có người nào không tham ái vợ con, nô tỳ, kẻ sai bảo, quyến thuộc, ruộng đất, nhà cửa, quán xá, thu xuất tài vật, đó không phải là tạo tác nghiệp; người ấy nếu giải thoát, không nhiễm, không trước, đoạn bỏ hoàn toàn, không còn dục, diệt tận, tịch tĩnh, thì

đó gọi là Khổ diệt. Sự biết đó là ái diệt, Khổ diệt Thánh đế. Cũng thế, xúc, thọ, tưởng, tư, ái thuộc về ngoại xứ cũng lại như vậy.

Này chư Hiền, chúng sanh quả thật có tham ái sáu giới bên ngoài, địa giới, thủy, hỏa, phong, không và thức giới; kẻ ấy nếu giải thoát, không nhiễm, không trước, đoạn bỏ hoàn toàn, không còn dục, diệt tận, tịch tĩnh, thì đó gọi là Khổ diệt.

Này chư Hiền, Đa văn Thánh đệ tử biết rằng: “Ta biết pháp này như vậy, thấy như vậy, hiểu rõ như vậy, nhận định như vậy và tri giác như vậy.” Đó là ái diệt, Khổ diệt Thánh đế.

Biết như vậy là biết như thế nào? Nếu có kẻ không tham ái vợ con, nô tỳ, kẻ sai khiến, quyến thuộc, ruộng đất, nhà cửa, quán xá, thu xuất tài vật, không phải là tạo tác nghiệp; người ấy nếu giải thoát, không nhiễm, không trước, đoạn bỏ hoàn toàn, không còn dục, diệt tận, tịch tĩnh, đó gọi là Khổ diệt. Sự biết ấy là ái diệt, Khổ diệt Thánh đế.

Này chư Hiền, thời gian quá khứ là ái diệt, Khổ diệt Thánh đế; thời gian vị lai và hiện tại là ái diệt, Khổ diệt Thánh đế, chắc thật không hư dối, và không xa rời như thật, cũng chẳng phải điên đảo, mà là sự thẩm xét chắc thật. Thích hợp với

Thánh đế như vậy, thì đó là sở hữu của bậc Thánh, sở tri, sở kiến, sở liễu, sở đắc của bậc Thánh, là sự giác ngộ chân chánh, tối thượng của bậc Thánh. Do đó nói là ái diệt, Khổ diệt Thánh đế.

Này chư Hiền, thế nào là Khổ diệt đạo Thánh đế? Đó là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định.

Này chư Hiền, thế nào là chánh kiến? Đó là khi vị Thánh đệ tử suy niệm Khổ là Khổ, Tập là Tập, Diệt là Diệt, Đạo là Đạo, hoặc quán sát về sự tạo tác trước kia của mình, hoặc học suy niệm về các hành, hoặc thấy các hành là tai họa, hoặc thấy Niết-bàn là tịch tịnh, hoặc khi suy niệm vô trước để quán sát thiện tâm giải thoát, trong đó có sự giản trạch toàn diện, quyết định, giản trạch, giản trạch pháp, nhận định toàn diện, nhận định quán sát minh đạt. Đó là chánh kiến.

Này chư Hiền, thế nào là chánh tư duy? Nghĩa là khi vị Thánh đệ tử suy niệm Khổ là Khổ, Tập là Tập, Diệt là Diệt, Đạo là Đạo, hoặc quán sát về sự tạo tác trước kia của mình, hoặc học suy niệm về các hành, hoặc thấy các hành là tai họa, hoặc thấy Niết-bàn là tịch tịnh hoặc suy niệm vô trước

để quán sát thiện tâm giải thoát, trong đó tư sát toàn diện tư sát, tùy thuận tư sát, điều nào nên niệm thì niệm, điều nào nên hy vọng thì hy vọng. Đó là chánh tư duy.

Này chư Hiền, thế nào là chánh ngữ? Nghĩa là khi vị Thánh đệ tử suy niệm Khổ là Khổ, Tập là Tập, Diệt là Diệt, Đạo là Đạo, hoặc quán sát về sự tạo tác trước kia của mình, hoặc học suy niệm về các hành, hoặc thấy các hành là tai họa, hoặc thấy Niết-bàn là tịch tĩnh, hoặc suy niệm vô trước để quán sát thiện tâm giải thoát, trong đó ngoài bốn diệu hạnh nơi miệng ra còn các ác hạnh khác nơi miệng đều viễn ly và đoạn trừ, không thực hành, không tạo tác, không tập hợp và không tụ hội. Đó là chánh ngữ.

Này chư Hiền, thế nào là chánh nghiệp? Nghĩa là khi Thánh đệ tử suy niệm Khổ là Khổ, Tập là Tập, Diệt là Diệt, Đạo là Đạo, hoặc quán sát về sự tạo tác trước kia của mình, hoặc học suy niệm về các hành, hoặc thấy các hành là tai họa, hoặc thấy Niết-bàn là tịch tĩnh, hoặc khi suy niệm vô trước để quán sát thiện tâm giải thoát, trong đó ngoài ba diệu hạnh nơi thân, còn các ác hạnh khác nơi thân đều viễn ly, đoạn trừ không thực

hành, không tạo tác, không tập hợp, không tụ hội. Đó là chánh nghiệp.

Này chư Hiền, thế nào là chánh mạng? Nghĩa là khi Thánh đệ tử suy niệm Khổ là Khổ, Tập là Tập, Diệt là Diệt, Đạo là Đạo, hoặc quán sát về sự tạo tác trước kia của mình, hoặc học suy niệm về các hành, hoặc thấy các hành là tai họa, hoặc thấy Niết-bàn là tịch tĩnh, hoặc khi suy niệm vô trước để quán sát thiện tâm giải thoát, trong đó không mong cầu sự vô lý, không do nhiều tham dục nào mà không biết nhàm đủ, không làm các thứ xảo thuật, bùa chú để sinh sống bằng tà mạng, chỉ theo Chánh pháp mà mong cầu y phục, chớ không phải với phi pháp, cũng theo chánh pháp để mong cầu thực phẩm, giường chõng, chứ không phải với phi pháp. Đó là chánh mạng.

Này chư Hiền, thế nào là chánh tinh tấn? Nghĩa là khi vị Thánh đệ tử suy niệm Khổ là Khổ, Tập là Tập, Diệt là Diệt, Đạo là Đạo, hoặc quán sát về sự tạo tác trước kia của mình, hoặc học suy niệm về các hành, hoặc thấy các hành là tai họa, hoặc thấy Niết-bàn là tịch tĩnh, hoặc khi suy niệm vô trước để quán sát thiện tâm giải thoát, trong đó nếu có phương tiện tinh tấn thì quả quyết, tinh cần để mong cầu, có khả năng để thú hưởng, chuyên

chú, không xả bỏ, cũng không suy thoái, nhất định hàng phục tâm mình. Đó là chánh tinh tấn.

Này chư Hiền, thế nào là chánh niệm? Đó là khi Thánh đệ tử suy niệm Khổ là Khổ, Tập là Tập, Diệt là Diệt, Đạo là Đạo, hoặc quán sát về sự tạo tác trước kia của mình, hoặc học suy niệm về các hành, hoặc thấy các hành là tai họa, hoặc thấy Niết-bàn là tịch tĩnh, hoặc khi suy niệm vô trước để quán sát thiện tâm giải thoát, trong đó nếu tùy thuận niệm, phản chiếu niệm, suy niệm biến mãn suy niệm, ức niệm liên tục ức niệm, tâm niệm tâm niệm không xao lãng. Đó là chánh niệm.

Này chư Hiền, thế nào là chánh định? Đó là khi Thánh đệ tử suy niệm Khổ là Khổ, Tập là Tập, Diệt là Diệt, Đạo là Đạo, hoặc quán sát về sự tạo tác trước kia của mình, hoặc học suy niệm về các hành, hoặc thấy các hành là tai họa, hoặc thấy Niết-bàn là tịch tĩnh, hoặc khi suy niệm vô trước để quán thiện tâm giải thoát, trong đó nếu tâm trụ, thiền trụ, thuận trụ, không loạn, không tán, chuyên nhất, chánh định. Đó là chánh định.

Này chư Hiền, thời gian quá khứ là Khổ diệt đạo Thánh đế; thời gian vị lai và hiện tại là Khổ diệt đạo Thánh đế; chắc chắn, không hư dối, không xa rời sự thật, cũng chẳng điên đảo, thấu xét chắc

thật, thích hợp với sự chắc chắn, như vậy là sở hữu của bậc Thánh, sở tri, sở kiến, sở liễu, sở đắc, giác ngộ tối thượng chơn chánh của bậc Thánh. Do đó nói là Khổ diệt đạo Thánh đế.

Rồi Tôn giả nói bài tụng rằng:

*Phật thấu triệt các pháp,
Thấy vô lượng thiện đức.
Khổ, Tập, Diệt, Đạo đế,
Khéo hiển hiện, phân biệt.*

Tôn giả Xá-lợi-phất thuyết như vậy, các Tỷ-kheo sau khi nghe Tôn giả Xá-lợi-phất dạy, hoan hỷ phụng hành.

IV. PHẨM VỊ TẦNG HỮU PHÁP:

(Gồm 10 kinh)

1. Kinh Vị Tăng Hữu Pháp
2. Kinh Thị Giả
3. Kinh Bạc-Câu-La
4. Kinh A-Tu-La
5. Kinh Địa Động
6. Kinh Chiêm-Ba
7. Kinh Úc-Già Trưởng Giả (A)
8. Kinh Úc-Già Trưởng Giả (B)
9. Kinh Thủ Trưởng Giả (A)
10. Kinh Thủ Trưởng Giả (B)

1. KINH VỊ TĂNG HỮU PHÁP

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, vào lúc xế trưa, Tôn giả A-nan từ chỗ tĩnh tọa đứng dậy, đi đến chỗ đức Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân Ngài, rồi đứng qua một bên, thưa rằng:

— Bạch Thế Tôn, con nghe đức Thế Tôn đến thời Phật Ca-diếp mới bắt đầu phát nguyện Phật đạo, thực hành phạm hạnh. Nếu đức Thế Tôn đến thời Phật Ca-diếp mới bắt đầu phát nguyện Phật đạo, thực hành phạm hạnh, thì con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của đức Thế Tôn.

Con nghe rằng, đức Thế Tôn đến thời Phật Ca-diếp mới bắt đầu phát nguyện Phật đạo, thực hành phạm hạnh và sinh lên cõi trời Đâu-suất-dà. Nếu đức Thế Tôn đến thời Phật Ca-diếp mới bắt đầu phát nguyện Phật đạo, thực hành phạm hạnh và sinh lên cõi trời Đâu-suất-dà, thì con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của đức Thế Tôn.

Con nghe rằng, đức Thế Tôn đến thời Phật Ca-diếp mới phát nguyện Phật đạo, thực hành phạm hạnh và sinh lên cõi trời Đâu-suất-dà; đức Thế Tôn sinh lên sau nhưng có ba việc thù thắng hơn các vị Trời Đâu-suất-dà sinh đến trước: đó là thọ mạng, sắc tướng và danh dự của hàng Trời. Do đó, các vị trời Đâu-suất vui mừng, hơn hờ, tán thán rằng: “Kỳ diệu thay và hy hữu thay! Vị Thiên tử này có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hỷ, có đại oai thần. Vì sao vậy? Vì vị ấy sinh đến đây sau nhưng có ba việc thù thắng hơn những vị Trời Đâu-suất-dà sinh đến trước, đó là thọ mạng, sắc tướng và danh dự của hàng trời.” Nếu đức Thế Tôn đến thời Phật Ca-diếp mới phát nguyện Phật đạo, thực hành phạm hạnh và sinh lên cõi trời Đâu-suất-dà; đức Thế tôn sinh lên sau nhưng có ba việc thù thắng hơn các vị Trời Đâu-suất-dà sinh trước: đó là thọ mạng, sắc tướng

và danh dự của hàng Trời. Do đó, các vị Trời Đâu-suất vui mừng, hớn hở, tán thán rằng: “Kỳ diệu thay và hy hữu thay! Vị Thiên tử này có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần. Vì sao vậy? Vì vị ấy sinh đến đây sau nhưng có ba việc thù thắng hơn những vị Trời Đâu-suất-đà sinh đến trước: đó là thọ mạng, sắc tướng và danh dự của hàng trời.” Con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của đức Thế Tôn.

Con nghe rằng, đức Thế Tôn ở cung trời Đâu-suất, ở nơi đó mạng chung, biết sẽ vào thai mẹ, lúc ấy chấn động tất cả trời đất, có ánh sáng vi diệu, quang đại chiếu khắp thế gian cho đến những nơi u ám, tối tăm cũng không có gì ngăn che được; nghĩa là những nơi nào mà mặt trời, mặt trăng này dù có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần cũng không chiếu rọi ánh sáng đến được, thì tất cả nơi ấy đều được chói ngời, chúng sanh ở các nơi ấy do thấy ánh sáng nhiệm màu này, đều phát khởi sự hiểu biết rằng: “Có một chúng sanh kỳ diệu, hy hữu ra đời! Có một chúng sanh kỳ diệu, hy hữu ra đời!”. Nếu đức Thế Tôn ở cung trời Đâu-suất, ở nơi đó mạng chung, biết sẽ vào thai mẹ, lúc ấy chấn động cả trời đất, có ánh sáng vi diệu, quang đại chiếu khắp thế gian, cho đến những

nơi u ám, tối tăm cũng không có gì ngăn che được; nghĩa là những nơi nào mà mặt trời mặt trăng này dù có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần cũng không chiếu rọi ánh sáng đến được, thì tất cả nơi ấy đều được chói ngời, chúng sanh ở các nơi ấy do thấy ánh sáng nhiệm màu này, đều phát khởi sự hiểu biết rằng: “Có một chúng sanh kỳ diệu ra đời! Có một chúng sanh kỳ diệu ra đời!” — thì con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của đức Thế Tôn.

Con nghe rằng, đức Thế Tôn biết mình trụ trong thai mẹ, tựa vào hông bên phải. Nếu đức Thế Tôn biết mình trụ trong thai mẹ, tựa vào hông bên phải, thì con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của đức Thế Tôn.

Con nghe rằng, đức Thế Tôn hình thể thư thái trụ trong thai mẹ. Nếu đức thế Tôn hình thể thư thái trụ trong thai mẹ, thì con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của đức Thế Tôn.

Con nghe rằng, đức Thế Tôn ẩn kín trong thai mẹ, không bị máu nhơ làm cho ô uế, cũng không bị tinh khí các thứ bất tịnh khác làm cho ô uế. Nếu đức Thế Tôn ẩn kín trong thai mẹ, không bị máu nhơ làm cho ô uế, cũng không bị tinh khí

và các thứ bất tịnh khác làm cho ô uế, thì con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của đức Thế Tôn.

Con nghe rằng, đức Thế Tôn biết mình ra khỏi thai mẹ, lúc ấy chấn động cả trời đất, có ánh sáng vi diệu, quảng đại chiếu khắp thế gian, cho đến những nơi u ám, tối tăm cũng không có gì ngăn che được; nghĩa là những nơi mà mặt trời, mặt trăng này dù có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần vẫn không chiếu rọi ánh sáng được, thì tất cả những nơi ấy đều được chói ngời, chúng sanh ở các nơi ấy do ánh sáng nhiệm màu này nên đều phát sinh sự hiểu biết rằng: “Có chúng sanh kỳ diệu ra đời! Có chúng sanh kỳ diệu ra đời!”. Nếu đức Thế Tôn biết mình ra khỏi thai mẹ, lúc ấy chấn động cả đất trời, có ánh sáng vi diệu, quảng đại khắp thế gian, cho đến những nơi u ám, tối tăm cũng không có gì ngăn che được; nghĩa là những nơi mà mặt trời, mặt trăng này dù có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần vẫn không chiếu rọi ánh sáng đến được, thì tất cả những nơi ấy đều được chói ngời, chúng sanh ở các nơi ấy do ánh sáng nhiệm màu này nên đều phát sanh sự hiểu biết rằng: “Có chúng sinh kỳ diệu ra đời! Có chúng sanh kỳ diệu ra đời!” thì con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của đức Thế Tôn.

Con nghe rằng, đức Thế Tôn có thể thư thái ra khỏi thai mẹ. Nếu đức Thế Tôn có thể thư thái ra khỏi thai mẹ, thì con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của đức Thế Tôn.

Con nghe rằng, đức Thế Tôn ẩn kín khi ra khỏi thai mẹ nên không bị máu nhơ làm cho ô uế, cũng không bị tinh khí và các vật bất tịnh khác làm cho ô uế. Nếu đức Thế Tôn ẩn kín khi ra khỏi thai mẹ nên không bị máu nhơ làm ô uế, cũng không bị tinh khí và các vật khác làm cho ô uế, thì con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của đức Thế Tôn.

Con nghe rằng, khi đức Thế Tôn vừa sanh ra, liền có bốn vị Thiên tử, tay cầm áo rất mịn đứng trước bà mẹ làm cho người mẹ hoan hỷ, tán thán rằng: “Đồng tử này rất kỳ diệu, rất hy hữu, có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hỷ, có đại oai thần!” Nếu khi đức Thế Tôn vừa được sinh ra có bốn vị Thiên tử tay cầm áo rất mịn đứng trước bà mẹ làm cho người mẹ hoan hỷ, tán thán rằng: “Đồng tử này rất kỳ diệu, rất hy hữu, có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hỷ, có đại oai thần!” thì con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của đức Thế Tôn.

Con nghe rằng, khi đức Thế Tôn vừa mới sinh ra, liền đi bảy bước, không khiếp sợ, không

kinh hãi, quán sát các phương. Nếu đức Thế Tôn vừa mới sinh ra, liền đi bảy bước, không khiếp sợ, không kinh hãi, quán sát các phương, thì con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của đức Thế Tôn.

Con nghe rằng, khi đức Thế Tôn vừa được sinh ra, thì ngay phía trước người mẹ bỗng nảy sinh một hồ nước lớn, nước tràn bờ làm cho người mẹ ở nơi ấy được thọ dụng thanh tịnh. Nếu khi đức Thế Tôn vừa được sinh ra, thì ngay phía trước người mẹ bỗng nảy sinh một hồ nước lớn, nước đầy tràn bờ làm cho người mẹ ở nơi ấy được thọ dụng thanh tịnh, thì con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của đức Thế Tôn.

Con nghe rằng, khi đức Thế Tôn vừa được sinh ra, thì từ trên hư không nước mưa rưới xuống, một luồng ấm, một luồng lạnh, để tắm thân thể của Thế Tôn. Nếu khi Thế Tôn vừa sinh ra, từ trên hư không nước mưa rưới xuống một luồng lạnh, một luồng ấm để tắm cho thân thể Thế Tôn, thì con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của đức Thế Tôn.

Con nghe rằng, khi đức Thế Tôn vừa sinh ra, chư thiên ở trên hư không đánh trống tấu lên âm nhạc của trời, hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen đỏ, hoa sen trắng và hoa văn-đà-la của cõi trời, và

bột hương chiên-đàn rải trên đức Thế Tôn. Nếu khi đức Thế Tôn vừa sinh ra, chư Thiên ở trên hư không đánh trống tấu lên âm nhạc trời, hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen đỏ, hoa sen trắng, và hoa văn-đà-la của cõi trời và bột hương chiên-đàn rải trên đức Thế Tôn, thì con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của đức Thế Tôn.

Con nghe rằng, đức Thế Tôn ở trong hoàng gia của phụ vương Bạch Tịnh, vào một ngày đi dự lễ hạ điền, ngồi dưới gốc cây diêm-phù, ly dục, ly pháp ác và bất thiện, có giác có quán, ly dục và ly ác bất thiện pháp mà sanh hỷ lạc, nhập sơ Thiền, thành tựu và an trụ; bấy giờ là lúc xế chiều, tất cả bóng của các cây khác đều ngả dần dần, chỉ có bóng cây diêm-phù là không ngả, vẫn che mát thân thể đức thế Tôn. Lúc đó Thích Bạch Tịnh đến quan sát công tác hạ điền, đi đến chỗ người làm ruộng hỏi rằng:

— Này nông phu, vương tử ở chỗ nào?

Người ấy trả lời:

— Vị Thiên vương tử ấy hiện đang ở dưới gốc cây diêm-phù.”

Rồi Thích Bạch Tịnh đi đến cây diêm-phù, bấy giờ là xế trưa, Thích Bạch Tịnh thấy bóng của

tất cả cây khác đều đã ngã, chỉ có bóng cây diêm-phù là không ngã, vẫn che mát thân thể của Thế Tôn, liền nghĩ như vậy: “Vị vương tử này thật là kỳ diệu, rất hy hữu, có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần! Vì sao thế? Vì vào buổi xế trưa thì tất cả bóng cây đều ngã, chỉ có bóng cây diêm-phù là không ngã, vẫn che mát thân của vương tử.” Nếu vào buổi xế trưa, tất cả bóng cây đều ngã, chỉ có bóng cây diêm-phù không ngã, vẫn che mát thân thể của đức Thế Tôn, thì con xin thọ trì, pháp vị tăng hữu ấy của đức Thế Tôn.

Con nghe rằng, có một thời đức Thế Tôn du hóa ở Đại Lâm, thuộc Tỳ-xá-ly, lúc đó, qua một đêm đến buổi sáng, đức Thế Tôn khoác y, cầm bát vào thành Tỳ-xá-ly để khát thực. Sau khi khát thực xong, xếp y, ôm bát, rửa tay chân, vắt ni-sư-dàn trên vai, đi vào rừng, đến dưới một gốc cây đa-la trải ni-sư-dàn, ngồi kiết-già. Bấy giờ là buổi xế trưa, là tất cả bóng cây khác đều ngã, chỉ trừ bóng cây đa-la kia là không ngã, vẫn che mát thân thể của Thế Tôn. Bấy giờ là buổi xế trưa, Thích Ma-ha-nam ung dung đi đến Đại Lâm; Thích Ma-ha-nam thấy vào buổi xế, tất cả bóng cây đều ngã, chỉ trừ bóng cây đa-la là không ngã, vẫn che

mát thân thể của Thế Tôn, liền nghĩ như thế này: “Sa-môn Cù-dàm rất là kỳ diệu, rất là hy hữu, có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần! Vì sao vậy? Vì vào buổi xế trưa, tất cả bóng cây khác đều ngã, chỉ trừ bóng cây đa-la là không ngã, vẫn che mát thân thể của Sa-môn Cù-dàm.” Nếu đức Thế Tôn, vào buổi xế trưa, tất cả bóng cây khác đều ngã, chỉ trừ bóng cây đa-la là không ngã, vẫn che mát thân thể Thế Tôn, thì con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của Thế Tôn.

Con nghe rằng, một thời đức Thế Tôn du hóa tại Tỳ-xá-ly, ở trong Đại Lâm. Bấy giờ các thầy Tỳ-kheo để bình bát ngoài chỗ đất trống và bình bát của Thế Tôn cũng có trong số ấy. Lúc ấy, có một con khỉ ôm bình bát của Thế Tôn mà đi. Các thầy Tỳ-kheo liền la lên, sợ nó làm bể bình bát của Phật, nhưng đức Phật bảo các Tỳ-kheo rằng: “Hãy để yên, hãy để yên, đừng la, nó không làm bể bình bát đâu!” Thế rồi khỉ ôm bình bát của đức Thế Tôn đi đến một cây sa-la, chậm rãi leo lên trên cây lấy đầy bát mật ở trên cây sa-la, rồi chậm rãi leo xuống, trở về chỗ đức Phật, đem dâng bát mật ấy lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn không thọ nhận. Lúc đó, khỉ liền đứng qua một bên, nhặt bỏ rác và sâu bọ; sau khi lựa bỏ sâu bọ xong, nó ôm

bình bát trở lại dâng lên Thế Tôn. Thế Tôn cũng không nhận. Khi lại ôm qua một bên, mức nước đổ vào trong bát, rồi ôm trở lại dâng lên Thế Tôn. Thế Tôn liền thọ nhận. Khi thấy Thế Tôn nhận bát mật, vui mừng hơn hở, múa may nhảy nhót, rồi ra đi. Nếu đức Thế Tôn khiến con khi kia, khi thấy đức Thế Tôn nhận bát mật, vui mừng hơn hở, múa may nhảy nhót, rồi ra đi, thì con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của đức Thế Tôn.

Con nghe rằng, một thời, đức Thế Tôn du hóa tại Tỳ-xá-ly, tại cao lâu đài quán, bên bờ ao Di Hâu. Bấy giờ đức Thế Tôn đang phơi tọa cụ, rũ bụi, phủ đất; lúc ấy có một đám mây kéo đến trái thời, che kín khắp hư không, muốn mưa nhưng dừng lại chờ đức Thế Tôn phơi tọa cụ, rũ bụi, xếp cất một nơi rồi, mang cất rồi, vào đứng trong nền nhà; bấy giờ, đám mây lớn ấy thấy Thế Tôn đã xếp cất tọa cụ, mới mưa xuống rất to, từ đất thấp cho đến cao, nước ngập tràn lai láng. Nếu Thế Tôn làm cho đám mây lớn kia thấy Thế Tôn xếp cất tọa cụ rồi, mới mưa xuống thật to, từ đất thấp đến cao, nước chảy ngập tràn lai láng, thì con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của Thế Tôn.

Con nghe rằng, một thời đức Thế Tôn du hóa tại Bạt-kỳ, ngồi dưới cây ta-la chúa, trong rừng Ôn

Tuyền. Bấy giờ là buổi xế trưa, tất cả bóng cây khác đều ngả, chỉ trừ bóng cây ta-la chúa là không ngả, vẫn che mát thân thể Thế Tôn. Khi ấy chủ vườn là La-ma đi dạo xem vườn, thấy vào buổi xế, tất cả bóng cây khác đều ngả, chỉ trừ bóng cây sa-la chúa là không ngả, vẫn che mát thân thể của Thế Tôn, liền nghĩ như thế này: “Sa-môn Cù-đàm thật là kỳ diệu, rất là hy hữu, có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần! Vì sao vậy? Vì vào buổi xế, tất cả bóng cây khác đều ngả, chỉ trừ bóng cây sa-la chúa là không ngả, vẫn che mát thân thể của Sa-môn Cù-đàm.” Nếu đức Thế Tôn, vào buổi xế, tất cả bóng cây khác đều ngả, chỉ trừ bóng cây sa-la chúa là không ngả, vẫn che mát thân thể Thế Tôn, thì con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của đức Thế Tôn.

Con nghe rằng, có một thời đức Thế Tôn ở trong miếu thần A-phù. Bấy giờ, sau một đêm đến buổi sáng, đức Thế Tôn khoác y, ôm bát vào thôn A-phù để khát thực. Sau khi khát thực xong, xếp y, cất bát, rửa chân tay, Ngài vắt ni-sư-dàn lên vai, đi vào miếu thần ngồi nghỉ. Bấy giờ trời mưa to và sấm sét đánh chết bốn con trâu và hai người cày, lúc chôn cất cho hai người chết ấy thật là đông đảo ồn ào, âm thanh cao và to, tiếng dội chấn động.

Bấy giờ vào xế trưa, khi đức Thế Tôn từ chỗ ngồi tĩnh tọa đứng dậy, ở trong miếu thần đi ra chỗ đất trống để kinh hành; trong đám đông đó có một người thấy đức Thế Tôn vào lúc xế trưa, từ chỗ tĩnh tọa đứng dậy, ở trong miếu thần đi ra chỗ đất trống để kinh hành, liền đi đến chỗ Phật cúi đầu làm lễ, rồi đi kinh hành theo sau đức Phật. Đức Phật thấy người ấy ở phía sau nên hỏi:

“— Vì có gì mà đông đảo ồn ào, âm thanh cao và to, tiếng dội chấn động vậy?

Người ấy thưa:

“— Bạch Thế Tôn, lúc trưa, trời mưa to và sấm sét đánh chết bốn con trâu và hai người cày; họ chôn cất các người ấy, nên đông đảo ồn ào, âm thanh to và cao, tiếng dội chấn động. Bạch Thế Tôn, vừa rồi Ngài không nghe gì hết sao?

Đức Thế Tôn đáp:

“— Ta không nghe các âm thanh ấy.

Người ấy, lại hỏi đức Thế Tôn:

“— Vừa rồi Ngài ngủ sao?

Thế Tôn trả lời:

“— Không phải.

Người ấy, lại hỏi đức Thế Tôn:

“— Lúc ấy Ngài tỉnh thức mà không nghe những âm thanh lớn ấy sao?

Thế Tôn trả lời:

“— Quả thật vậy.”

Bấy giờ người kia liền suy nghĩ như vậy: “Thật là kỳ diệu, rất là hy hữu, sở hành của Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác rất là vắng lặng, rất là tịch tĩnh! Vì sao vậy? Vì lúc tỉnh thức mà vẫn không nghe các âm thanh to lớn này.” Nếu đức Thế Tôn tỉnh thức mà vẫn không nghe âm thanh to lớn ấy, thì con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của đức Thế Tôn.

Con nghe rằng, một thời đức Thế Tôn trụ tại Uất-tỳ-la, bên bờ sông Ni-liên-nhiên, ngồi dưới cây A-xà-hòa-la-ni-câu-loại, lúc mới thành đạo. Bấy giờ mưa lớn đến bảy ngày, từ cao đến thấp đều bị ngập nước, từng luồng nước lớn chảy xoáy ngang dọc; trong vùng đất trống đó, đức Thế Tôn đi kinh hành, đến chỗ nào thì nơi ấy có bụi bay lên. Nếu đức Thế Tôn ở trong vùng có luồng nước chảy xoáy ngang dọc mà đi kinh hành, đến chỗ nào là chỗ ấy có bụi bay lên, thì con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của đức Thế Tôn.

Con nghe rằng, ma vương trong suốt sáu năm theo Phật để tìm chỗ sơ sót mà không được, liền chán nản nên bỏ về. Nếu đức Thế Tôn bị ma vương, trong suốt sáu năm, theo tìm chỗ sơ sót mà vẫn không được, liền chán nản, bỏ về, thì con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của đức Thế Tôn.

Con nghe rằng, đức Thế Tôn trong suốt bảy năm suy niệm về thân, luôn luôn suy niệm, không gián đoạn. Nếu đức Thế Tôn trong suốt bảy năm suy niệm về thân, luôn luôn suy niệm, không gián đoạn, thì con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của đức Thế Tôn.

Bấy giờ đức Thế Tôn dạy:

— Nay A-nan, Thầy hãy nghe từ nơi Như Lai mà thọ trì thêm các pháp vị tăng hữu như thế này nữa. Nay A-nan, Như Lai biết sự sanh khởi của cảm thọ, biết trú, biết diệt, luôn luôn biết, chẳng có lúc nào không biết. Nay A-nan, Như Lai biết sự sanh của tư và tưởng, biết trụ, biết diệt, luôn luôn biết, không lúc nào không biết. Cho nên, nay A-nan, hãy nghe từ nơi Như Lai mà thọ trì thêm pháp vị tăng hữu như vậy.

Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

2. KINH THỊ GIẢ

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại thành Vương Xá.

Bấy giờ các đại đệ tử Tỳ-kheo trưởng lão thượng tôn danh đức được mọi người biết đến, đó là Tôn giả Câu-lân-nã, Tôn giả A-nhiếp-bối, Tôn giả Bạt-đề-thích-ca Vương, Tôn giả Ma-ha-nam-câu-lệ, Tôn giả Hòa-phá, Tôn giả Da-xá, Tôn giả Bân-nậu, Tôn giả Duy-la-ma, Tôn giả Già-hòa-ba-đê, Tôn giả Nan-đê, Tôn giả Kim-tỳ-la, Tôn giả Lệ-bà-đa, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Đại Ca-diếp, Tôn giả Đại Câu-hy-la, Tôn giả Đại Châu-na, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, Tôn giả Bân-nậu-gia-nậu Tả trưởng lão, Tôn giả Da-xá Hành Trù trưởng lão,

và rất nhiều các vị đại đệ tử Tỳ-kheo trưởng lão thượng tôn danh đức, được mọi người biết đến, tương tự như vậy, cũng du hóa thành Vương Xá; tất cả đều ở gần ngôi nhà lá của Phật.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Hiện nay Ta tuổi tác đã già, thân thể càng ngày càng suy yếu, tuổi thọ đã quá dài rồi, nên Ta cần có thị giả. Các Thầy hãy cử cho Ta một thầy thị giả, làm sao để chăm sóc Ta, xứng ý, chớ không phải không xứng ý, ghi nhớ lời Ta nói mà không quên mất ý nghĩa.

Lúc ấy Tôn giả Câu-lân-nhã liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trích vai sửa y, chấp tay hướng về đức Phật thưa rằng:

— Bạch Thế Tôn, con xin nguyện hầu hạ, xứng ý, chớ không phải không xứng ý, ghi nhớ những lời Ngài nói mà không quên mất ý nghĩa.

Đức Thế Tôn dạy:

— Nay Câu-lân-nhã, chính Thầy tuổi đã già, thân thể ngày càng suy yếu, tuổi thọ đã quá dài rồi. Chính Thầy cũng cần có thị giả. Nay Câu-lân-nhã, Thầy nên về chỗ ngồi đi.

Bấy giờ, Tôn giả Câu-lân-nhã đánh lễ chân Phật rồi lui về chỗ ngồi.

Cũng như vậy, lần lượt Tôn giả A-nhiếp-bối, Tôn giả Bạt-đề-thích-ca Vương, Tôn giả Ma-ha-nam-câu-lệ, Tôn giả Hòa-phá, Tôn giả Da-xá, Tôn giả Bàn-nậu, Tôn giả Duy-la-ma, Tôn giả Hòa-ba-đề, Tôn giả Tu-dà-da, Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả A-na-luật-dà, Tôn giả Nan-đề, Tôn giả Kim-tỳ-la, Tôn giả Bệ-bà-đa, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Đại Ca-diếp, Tôn giả Đại Câu-hy-la, Tôn giả Đại Châu-na, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, Tôn giả Bàn-nậu-gia-nậu Tả trưởng lão, Tôn giả Da-xá Hành Trụ trưởng lão, liên từ chỗ ngồi đứng dậy trịch vai sửa áo, chấp tay hướng về đức Phật, thưa rằng:

— Bạch Thế Tôn, con xin nguyện hầu hạ xứng ý, chứ không phải không xứng ý, ghi nhớ những lời Ngài nói mà không quên ý nghĩa.

Đức Thế Tôn bảo:

— Nay Da-xá, chính Thầy tuổi đã già, thân thể ngày càng suy yếu, tuổi thọ đã quá dài rồi. Chính Thầy cũng cần có thị giả. Nay Da-xá, Thầy nên về chỗ ngồi đi.

Bấy giờ Tôn giả Da-xá liền đánh lễ chân Phật trở về chỗ ngồi.

Bấy giờ, ở trong đại chúng ấy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên suy nghĩ như vậy: “Đức Thế Tôn muốn tìm vị nào làm thị giả, ý Ngài đặt vào Tỳ-kheo nào, muốn cho ai chăm sóc Ngài, xứng ý, chứ không phải không xứng ý, và ghi nhớ những lời Ngài dạy mà không quên mất nghĩa, có lẽ ta nên nhập Như kỳ tượng định, quán sát tâm niệm của đại chúng Tỳ-kheo.”

Thế rồi, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền nhập Như kỳ tượng định để quán sát tâm niệm của đại chúng Tỳ-kheo. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên biết đức Thế Tôn muốn chọn hiền giả A-nan làm thị giả, ý Ngài đặt vào A-nan, muốn A-nan chăm sóc, xứng ý, chứ không phải không xứng ý, ghi nhớ lời dạy mà không quên ý nghĩa.

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên xuất định, thưa với đại chúng Tỳ-kheo:

— Chư Hiền biết không? Đức Thế Tôn muốn chọn hiền giả A-nan làm thị giả, ý Ngài đặt vào A-nan, muốn A-nan chăm sóc, xứng ý, chứ không phải không xứng ý, ghi nhớ lời dạy mà không quên ý nghĩa. Bấy giờ chúng ta nên cùng nhau đến chỗ hiền giả A-nan khuyến dụ để thầy ấy chịu làm thị giả.

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên và các thầy Tỳ-kheo cùng nhau đến chỗ Tôn giả A-nan, chào

hỏi nhau rồi ngồi sang một bên. Lúc ấy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên ngồi xong, bảo rằng:

— Này Hiền giả A-nan, Thầy biết không, đức Thế Tôn muốn chọn Thầy làm thị giả, ý Ngài đặt vào A-nan, muốn A-nan chăm sóc Ngài, vì Thầy xứng ý Ngài, chứ không phải không xứng ý, ghi nhớ lời dạy của Ngài mà không quên mất ý nghĩa. Này A-nan, cũng như ngoài thôn xóm không bao xa, có một tòa lâu đài to lớn, cửa sổ ở phía Đông mở ra, thì khi mặt trời mọc lên, ánh sáng sẽ rọi thẳng vào vách phía Tây. Này Hiền giả A-nan, đức Thế Tôn cũng vậy, muốn chọn Hiền giả A-nan làm thị giả, ý Ngài đặt vào A-nan, muốn A-nan chăm sóc Ngài, vì Thầy xứng ý Ngài, chứ không phải không xứng ý, ghi nhớ lời dạy của Ngài mà không quên mất ý nghĩ. Này Hiền giả A-nan, nay Thầy nên làm thị giả đức Thế Tôn.

Tôn giả A-nan thưa:

— Thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, tôi không thể lãnh trách nhiệm hầu hạ đức Thế Tôn nổi. Vì sao thế? Vì với các đức Phật, Thế Tôn, khó xứng ý, khó hầu hạ, nghĩa là khó làm thị giả. Thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, cũng như con voi rất hùng mạnh, đã hơn sáu mươi tuổi, kiêu ngạo, sức mạnh

cường thịnh, đủ ngà, đủ vóc, khó làm xứng ý, khó gần gũi, nghĩa là khó mà coi sóc. Thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, với đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác cũng lại như vậy, khó xứng ý, khó gần gũi, nghĩa là khó làm thị giả. Thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, vì vậy tôi không thể lãnh trách nhiệm thị giả được.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói:

— Nay Hiền giả A-nan, Thầy hãy nghe tôi nói ví dụ, người trí nghe ví dụ liền hiểu ý nghĩa của nó. Nay Hiền giả A-nan, cũng như hoa ưu-đàm-bát-la đúng thời mới xuất hiện thế gian. Nay Hiền giả A-nan, đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác cũng lại như vậy, đúng thời mới xuất hiện thế gian. Nay Hiền giả A-nan, Thầy nên mau làm thị giả đức Thế Tôn Cù-đàm, sẽ được kết quả lớn.

Tôn giả A-nan lại thưa:

— Thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, nếu đức Thế Tôn cho tôi ba điều nguyện, thì tôi mới có thể làm thị giả. Thế nào là ba? Tôi nguyện không đáp y của đức Thế Tôn, dù cũ hay mới; tôi nguyện không ăn thực phẩm biệt thỉnh của đức Thế Tôn; tôi nguyện không gặp Thế Tôn phi thời. Thưa Tôn

giả Đại Mục-kiên-liên, nếu đức Thế Tôn cho tôi ba điều nguyện ấy; có vậy, tôi mới làm thị giả đức Thế tôn.

Bấy giờ, sau khi khuyên Tôn giả A-nan làm thị giả rồi, Tôn giả Đại Mục-kiên-liên từ chỗ ngồi đứng dậy, đi quanh qua Tôn giả A-nan, rồi trở về, đến chỗ đức Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi sang một bên và thưa:

— Bạch Thế Tôn, con đã khuyến dụ hiền giả A-nan làm thị giả Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, hiền giả A-nan xin Thế Tôn ba điều nguyện. Những gì là ba? Nguyện không đáp y của Thế Tôn, dù mới hay cũ, nguyện không ăn thực phẩm biệt thỉnh của Thế Tôn, nguyện không gặp Thế Tôn phi thời. Bạch Thế Tôn, nếu đức Thế Tôn cho phép hiền giả A-nan ba điều nguyện ấy; có vậy, hiền giả A-nan mới có thể làm thị giả Thế Tôn được.

Đức Thế Tôn dạy:

— Nay Đại Mục-kiên-liên, Tỳ-kheo A-nan thông minh, trí tuệ, dự đoán sẽ có những lời ty hiêm, hoặc các vị đồng phạm hạnh sẽ nói như vậy: “Tỳ-kheo A-nan vì y áo nên hầu hạ đức Thế Tôn.” Nay Đại Mục-kiên-liên, nếu Tỳ-kheo A-nan thông minh, trí tuệ, dự đoán sẽ có những lời ty hiêm

hoặc các vị đồng phạm hạnh nói như vậy: “Tỳ-kheo A-nan vì y áo nên hầu hạ đức Thế Tôn”, thì đó là pháp vị tăng hữu của Tỳ-kheo A-nan.

Này Đại Mục-kiền-liên, Tỳ-kheo A-nan thông minh, trí tuệ, dự đoán sẽ có những lời ty hiem, hoặc các vị đồng phạm hạnh sẽ nói như vậy: “Tỳ-kheo A-nan vì thực phẩm nên hầu hạ đức Thế Tôn.” Này Đại Mục-kiền-liên, nếu Tỳ-kheo A-nan thông minh, trí tuệ, dự đoán sẽ có những lời ty hiem, hoặc các vị đồng phạm hạnh nói như vậy: “Tỳ-kheo A-nan vì thực phẩm nên hầu hạ Thế Tôn”, thì đó là pháp vị tăng hữu của Tỳ-kheo A-nan.

Này Đại Mục-kiền-liên, Tỳ-kheo A-nan khéo biết thời, khéo phân biệt được thời; biết lúc nào mình nên đến gặp đức Như Lai; biết lúc nào mình không nên đến gặp Như Lai; biết lúc nào chúng Tỳ-kheo và chúng Tỳ-kheo-ni nên đến gặp Như Lai; biết lúc nào chúng Tỳ-kheo và chúng Tỳ-kheo-ni không nên đến gặp Như Lai; biết lúc nào chúng Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di nên đến gặp Như Lai; biết lúc nào chúng Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di không nên đến gặp Như Lai; biết lúc nào các hàng Sa-môn, Phạm chí, dị học nên đến gặp đức Như Lai; biết lúc nào các hàng Sa-môn, Phạm chí, dị học không

nên đến gặp Như Lai; biết các hàng Sa-môn, Phạm chí, dị học nào có thể bàn luận với Như Lai; biết các hàng Sa-môn, Phạm chí, dị học nào không thể bàn luận với Như Lai; biết thức ăn loại cứng hay loại mềm nào đức Như Lai dùng rồi, sẽ an ổn, lợi ích; biết thức ăn loại cứng hay loại mềm nào đức Như Lai dùng rồi, sẽ không được an ổn, lợi ích; biết thức ăn loại cứng hay loại mềm nào đức Như Lai dùng rồi, sẽ được biện tài thuyết pháp; biết thức ăn loại cứng hay loại mềm nào đức Như Lai dùng rồi, sẽ không được biện tài thuyết pháp. Đó là những pháp vị tăng hữu của Tỳ-kheo A-nan.

Này Đại Mục-kiền-liên, mặc dù Tỳ-kheo A-nan không có tha tâm trí, nhưng có thể khéo biết trước được là đức Như Lai sẽ thuyết pháp cho ai khi Như Lai từ chỗ tĩnh tọa đứng dậy vào buổi xế, hôm nay đức Như Lai sẽ làm như vậy, sẽ hiện pháp lạc trụ như vậy, nhận xét đúng như lời Ngài nói, chắc thật, không thể sai khác. Đó là pháp vị tăng hữu của Tỳ-kheo A-nan.

Tôn giả A-nan nói như vậy: “Thưa chư Hiền, tôi đã hầu hạ đức Phật trong hai mươi lăm năm, nếu bảo do đó mà khởi tâm cống cao, thì ý tưởng ấy không thể có.” Nếu Tôn giả A-nan nói như thế, thì đó là pháp vị tăng hữu của Tỳ-kheo A-nan.

Tôn giả A-nan lại nói như vậy: “Thưa chư Hiền, tôi đã hầu hạ đức Phật trong hai mươi lăm năm; cho đến nay tôi chưa hề đến gặp đức Thế Tôn phi thời.” Nếu Tôn giả A-nan nói như thế, thì đó là pháp vị tăng hữu của Tôn giả A-nan.

Tôn giả A-nan lại nói như vậy: “Thưa chư Hiền, tôi đã hầu hạ đức Phật trong hai mươi lăm năm, chưa từng một lần bị Phật khiển trách, trừ có một lỗi, lỗi đó cũng vì người khác.” Nếu Tôn giả A-nan nói như vậy, thì đó là pháp vị tăng hữu của Tôn giả A-nan.

Tôn giả A-nan lại nói như vậy: “Thưa chư Hiền, tôi theo đức Như Lai thọ nhận tám vạn pháp tụ, thọ trì không quên, nếu nhân điều đó mà khởi cống cao; sự kiện như vậy không thể có.” Nếu Tôn giả A-nan nói như thế, thì đó là pháp vị tăng hữu của Tôn giả A-nan.

Tôn giả A-nan lại nói như vậy: “Thưa chư Hiền, tôi theo đức Như Lai thọ trì tám vạn pháp tụ, chưa hề hối lại lần thứ hai, trừ có một câu, câu ấy như vậy cũng không dễ.” Nếu Tôn giả A-nan nói như thế, thì đó là pháp vị tăng hữu của Tôn giả A-nan.

Tôn giả A-nan lại nói như vậy: “Thưa chư Hiền, tôi theo đức Như Lai thọ trì tám vạn pháp

tự, chưa hề theo người khác thọ pháp." Nếu Tôn giả A-nan nói như vậy, thì đó là pháp vị tăng hữu của Tôn giả A-nan.

Tôn giả A-nan lại nói như vậy: "Thưa chư Hiền, tôi theo đức Như Lai thọ trì tám vạn pháp tự, trước hết, không có tâm này: "Tôi thọ trì pháp ấy là để giáo hóa cho người khác". Nay chư Hiền, tôi chỉ muốn tự điều ngự, tự tịch tịnh, tự Bất-nhiết-bàn thôi." Nếu Tôn giả A-nan nói như thế, thì đó là pháp vị tăng hữu của Tôn giả A-nan.

Tôn giả A-nan lại nói như vậy: "Thưa chư Hiền, có điều rất kỳ lạ này! Đó là có bốn bộ chúng đi đến chỗ tôi để nghe pháp. Nếu tôi vì thế mà khởi cống cao, điều ấy không thể có được. Tôi cũng không hề tác ý trước, để khi có người đến hỏi, thì tôi sẽ trả lời như vậy, như vậy. Nay chư Hiền, bấy giờ tôi chỉ ngồi đấy, rồi tùy theo nghĩa mà người kia hỏi để ứng đối." Nếu Tôn giả A-nan nói như vậy, thì đó là pháp vị tăng hữu của Tôn giả A-nan.

Tôn giả A-nan lại nói như vậy: "Thưa chư Hiền, có điều rất kỳ lạ này: đó là có số đông Sa-môn, Phạm chí, dị học đến hỏi việc nơi tôi; nếu vì thế mà tôi sợ sệt, hải hùng, lông tóc dựng đứng, thì không thể có sự kiện ấy. Tôi cũng không hề tác ý

trước, để khi có người đến hỏi thì tôi sẽ trả lời như vậy, như vậy. Thưa chư Hiền, bấy giờ tôi chỉ ngồi đấy, rồi tùy theo nghĩa ấy mà ứng đối.” Nếu Tôn giả A-nan nói như thế, thì đó là pháp vị tăng hữu của Tôn giả A-nan.

Lại nữa, có một thời Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên và Tôn giả A-nan trụ tại nước Xá-vệ, trong núi Ba-la-la. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi rằng:

— Này Hiền giả A-nan, Thầy hầu hạ đức Phật cho đến nay là hai mươi lăm năm, Thầy nhớ, có lần nào khởi dục tâm không?

Tôn giả A-nan thưa:

— Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, tôi còn là hàng hữu học chưa ly dục.

Tôn giả Xá-lợi-phất lại bảo:

— Này Hiền giả A-nan, tôi không hỏi Thầy là bậc hữu học hay vô học; tôi chỉ hỏi, qua hai mươi lăm năm hầu hạ đức Thế Tôn, Thầy nhớ, có lần nào khởi dục tâm không?

Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi lần thứ hai rồi lần thứ ba rằng:

— Này Hiền giả A-nan, trong hai mươi lăm năm hầu hạ đức Thế Tôn, Thầy nhớ, đã có lần nào khởi dục tâm không?

Tôn giả A-nan cũng đáp đến lần thứ hai, rồi thứ ba rằng:

— Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, tôi còn là hàng hữu học nên chưa ly dục.

Tôn giả Xá-lợi-phất lại bảo:

— Này Hiền giả A-nan, tôi không hỏi Thầy, là bậc hữu học hay vô học; tôi chỉ hỏi, trong hai mươi lăm năm hầu hạ Thế Tôn, Thầy nhớ, có lần nào đã khởi dục tâm chăng?

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói:

— Này Hiền giả A-nan, đáp nhanh đi, đáp nhanh đi. Này A-nan, Thầy đừng xúc nhiều đến bậc thượng tôn trưởng lão.

Lúc đó Tôn giả A-nan trả lời:

— Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, tôi hầu hạ đức Phật đã hai mươi lăm năm qua, tôi nhớ, là chưa hề có lần nào phát khởi dục tâm. Vì sao vậy? Vì tôi thường hướng đến Thế Tôn và các vị phạm hạnh có trí với tâm niệm hổ thẹn.

Nếu Tôn giả A-nan nói như thế, thì đó là pháp vị tăng hữu của Tôn giả A-nan.

Lại nữa, có một thời đức Thế Tôn du hoá thành Vương Xá, trụ trong Nham sơn. Bấy giờ Thế Tôn bảo rằng:

— Nay A-nan, Thầy nên nằm như cách nằm của sư tử.

Tôn giả A-nan thưa:

— Bạch Thế Tôn, sư tử, chúa tể của loài thú, nằm theo cách nào?

Đức Thế Tôn đáp:

— Nay A-nan, sư tử, chúa tể của loài thú, ban ngày đi tìm ăn xong, rồi vào hang. Khi nó muốn ngủ, chân xếp chồng lên nhau, ngay đuôi ra sau, nằm bằng hông bên phải, qua đêm ấy đến sáng hôm sau, quay ra sau nhìn thân thể. Nếu sư tử, chúa tể của loài thú, mà thân thể không ngay thẳng, thì khi được trông thấy, không hoan hỷ; nếu sư tử, chúa tể của loài thú, mà thân thể được tròn trịa, ngay thẳng, thì khi được trông thấy, được hoan hỷ. Nó từ chỗ nằm đứng dậy, ở trong hang đi ra, đi ra rồi vươn mình, vươn mình rồi tự ngắm thân thể, tự ngắm thân thể rồi trông khắp

bốn hướng, xoay nhìn khắp bốn hướng rồi liền rống lên vài ba tiếng, rống vài ba tiếng rồi liền đi tìm ăn. Cách thức nằm của sư tử, chúa tể các loài thú là như vậy.

Tôn giả A-nan thưa:

“— Bạch Thế Tôn, cách thức nằm của sư tử, chúa tể của các loài thú, là như thế. Vậy cách nằm của thầy Tỳ-kheo phải như thế nào?”

Đức Thế Tôn đáp:

“— Nay A-nan, nếu thầy Tỳ-kheo trụ nơi thôn ấp, sau một đêm đến sáng hôm sau, khoác y, ôm bát, đi vào thôn khát thực, khéo hộ trì thân thể, nhiếp thủ các căn, trụ nơi chánh niệm. Vị ấy từ thôn ấp khát thực xong, xếp y, cất bát, rửa sạch tay chân, vắt ni-sư-dàn lên vai, đi đến chỗ rừng vắng, hoặc đến dưới bóng cây, hoặc vào trong nhà trống, hoặc kinh hành, hoặc tọa Thiền, tịnh trừ những điều chướng ngại trong tâm, ban ngày, hoặc kinh hành hoặc tọa Thiền để tịnh trừ những chướng ngại trong tâm rồi, vào đầu hôm, hoặc kinh hành hoặc tọa Thiền để tịnh trừ những điều chướng ngại trong tâm, sau khi hoặc kinh hành hoặc tọa Thiền để tịnh trừ những điều chướng ngại trong tâm vào lúc đầu hôm rồi, đến nửa đêm, đi vào tịnh

thất để nằm, xếp lăm tư ưu-đa-la-tăng, trải lên giường, gập y tăng-già-lê là gối, nằm xuống phía hông bên phải, hai chân xếp chồng lên nhau, ý buộc vào minh tướng chánh niệm, chánh trí, hằng hướng tâm niệm đến ý tưởng sẽ ngồi dậy, sau đêm ấy, liền mau đứng dậy, hoặc kinh hành, hoặc tọa Thiền, để tịnh trừ những pháp chướng ngại trong tâm. Như thế là cách nằm như sư tử của thầy Tỳ-kheo.

Tôn giả A-nan thưa:

— Bạch Thế Tôn, đó là cách nằm như sư tử của thầy Tỳ-kheo.

Tôn giả A-nan lại thưa như vầy:

— Nay chư Hiền, đức Thế Tôn dạy cách nằm giống như sư tử cho tôi, từ đó trở đi, chưa hề có lần nào tôi nằm về hướng bên trái.

Nếu Tôn giả A-nan nói như thế, thì đó là pháp vị tăng hữu của Tôn giả A-nan.

Lại nữa, có thời đức Thế Tôn du hóa Câu-thi-na-kiệt, trụ trong rừng Sa-la của Hòa-bạt-dan Lực Sĩ. Bấy giờ là lúc tối hậu, đức Thế Tôn muốn thủ Bát-niết-bàn, Ngài bảo rằng:

— Này A-nan, Thầy hãy đi đến giữa hai cây sa-la song thọ, trải một giường đầu quay về hướng Bắc cho Như Lai. Nửa khuya đêm nay Như Lai sẽ Bát-niết-bàn.

Tôn giả A-nan vâng lời dạy của đức Như Lai, liền đến giữa hai cây sa-la, trải giường nằm, đầu xoay về hướng Bắc cho đức Như Lai, trải giường rồi trở về nơi đức Phật, cúi đầu lễ chân Phật, đứng sang một bên, thưa rằng:

— Bạch Thế Tôn, con đã trải giường nằm đầu quay hướng Bắc cho đức Như Lai, ở giữa hai cây sa-la. Kính mong đức Thế Tôn tự biết thời.

Bấy giờ đức Thế Tôn cùng với tôn giả A-nan đến giữa hai cây sa-la, xếp làm tư ưu-đa-la-tăng, trải lên giường, gấp y tăng-già-lê để làm gối, nằm về phía hông bên phải, hai chân chồng lên nhau. Lúc cuối cùng sắp Bát-niết-bàn, tôn giả A-nan quạt hầu Phật, giơ tay gạt nước mắt, rồi nghĩ như vầy: “Trước kia có đại chúng Tỳ-kheo ở các nơi muốn đến thăm viếng đức Thế Tôn để cúng dường, lễ bái, thì đều có thể tùy lúc mà được thăm viếng đức Thế Tôn để cúng dường lễ bái. Nếu họ nghe được đức Thế Tôn đã Bát-niết-bàn thì sẽ không còn đến để được thăm viếng đức Thế Tôn mà cúng

đường lễ bái. Ta cũng không còn tùy lúc thăm viếng đức Thế Tôn để cúng dường lễ bái.”

Bấy giờ đức Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo:

— Tỳ-kheo A-nan bây giờ ở đâu?

Lúc ấy các vị Tỳ-kheo thưa:

— Bạch Thế Tôn, Tôn giả A-nan đang cầm quạt hầu Phật, đưa tay gạt nước mắt, rồi nghĩ thế này: “Trước kia có đại chúng Tỳ-kheo ở các nơi muốn đến thăm viếng đức Thế Tôn để cúng dường, lễ bái, thì đều có thể tùy lúc mà được thăm viếng đức Thế Tôn để cúng dường lễ bái.” Nếu họ nghe được đức Thế Tôn đã Bát-niết-bàn sẽ không còn đến để được thăm viếng đức Thế Tôn mà cúng dường lễ bái. Ta cũng không còn tùy lúc thăm viếng đức Thế Tôn để cúng dường lễ bái”.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo rằng:

— Nay A-nan, Thầy chớ khóc lóc, cũng chớ buồn rầu, vì sao vậy? Nay A-nan, Thầy hầu hạ Ta, thân hành từ, hòa khẩu và ý hành từ hòa, chưa từng có hai tâm, an lạc, vô lượng, vô biên, vô hạn. Nay A-nan, trong đời quá khứ, các bậc Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác không có người thị giả hầu hạ nào hơn Thầy được. Nay A-nan, nếu

các bậc Như lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác đời vị lai có thị giả hầu hạ, cũng không thể hơn Thầy được. Nay A-nan, Ta là bậc Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác trong đời hiện tại; nếu có người nào làm thị giả, cũng không thể hơn Thầy được. Vì sao như vậy? Nay A-nan, vì Thầy khéo biết thời, khéo phân biệt thời, biết mình lúc nào nên đến gặp đức Như Lai, lúc nào không nên đến gặp đức Như Lai. Biết lúc nào đại chúng Tỳ-kheo và đại chúng Tỳ-kheo-ni nên thăm viếng đức Như Lai, biết lúc nào đại chúng Tỳ-kheo, đại chúng Tỳ-kheo-ni không nên thăm viếng đức Như Lai, biết lúc nào chúng Ưu-bà-tắc và chúng Ưu-bà-tư nên thăm viếng đức Như Lai, và lúc nào chúng Ưu-bà-tắc và chúng Ưu-bà-tư không nên thăm viếng đức Như Lai.

Nay Đại Mục-kiền-liên, Tỳ-kheo A-nan khéo biết thời, khéo phân biệt được thời, biết lúc nào mình nên đến gặp đức Như Lai, biết lúc nào mình không nên đến gặp đức Như Lai, biết lúc nào chúng Tỳ-kheo và chúng Tỳ-kheo-ni nên đến gặp đức Như Lai, biết lúc nào chúng Tỳ-kheo và chúng Tỳ-kheo-ni không nên đến gặp đức Như Lai, biết lúc nào chúng Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-tư nên đến gặp đức Như Lai, biết lúc nào chúng Ưu-bà-tắc và

Ưu-bà-tư không nên đến gặp đức Như Lai, biết lúc nào hàng Sa-môn, Phạm chí, dị học nên đến gặp đức Như Lai; biết lúc nào các hàng Sa-môn, Phạm chí, dị học không nên đến gặp đức Như Lai; biết các hàng Sa-môn, Phạm chí, dị học nào có thể bàn luận với đức Như Lai; biết các hàng Sa-môn, Phạm chí, dị học nào không thể bàn luận với đức Như Lai; biết thức ăn loại cứng hay loại mềm nào đức Như Lai dùng rồi, sẽ an ổn, lợi ích, biết thức ăn loại cứng hay loại mềm nào đức Như Lai dùng rồi, sẽ không được an ổn, ích, biết thức ăn loại cứng hay loại mềm nào đức Như Lai dùng rồi sẽ được biện tài thuyết pháp, biết thức ăn loại cứng hay loại mềm nào đức Như Lai dùng rồi, sẽ không được biện tài thuyết pháp.

Lại nữa A-nan, mặc dù Thầy không có tha tâm trí, nhưng biết trước được đức Như Lai vào buổi xế, từ chỗ tĩnh tọa đứng dậy, sẽ chuẩn bị thuyết pháp cho ai, hôm nay đức Như Lai sẽ làm như vậy, sẽ hiện pháp lạc trú như vậy, xét đúng như lời đức Phật dạy, chắc thật, không có sự sai khác.

Bấy giờ đức Thế Tôn muốn làm cho Tôn giả A-nan vui mừng nên bảo với các thầy Tỳ-kheo rằng:

— Vị Chuyển luân Thánh vương có bốn pháp vị tăng hữu. Những gì là bốn? Đó là: hàng Sát-lợi

đến yết kiến Chuyển luân vương; nếu lúc ấy Chuyển luân vương im lặng, họ thấy mặt liền vui vẻ; nếu lúc ấy Chuyển luân vương có nói gì, họ nghe rồi, liền vui vẻ. Hàng Phạm chí, hàng Cư sĩ, hàng Sa-môn đến yết kiến vị Chuyển luân vương; nếu lúc ấy Chuyển luân vương im lặng, họ thấy mặt liền vui vẻ; nếu lúc ấy Chuyển luân vương có nói gì, họ nghe rồi liền vui vẻ.

Tỳ-kheo A-nan cũng giống như vậy, được bốn pháp vị tăng hữu. Những gì là bốn? Đó là chúng Tỳ-kheo khi đến gặp A-nan; nếu lúc ấy A-nan im lặng, họ thấy mặt liền hoan hỷ; nếu lúc ấy A-nan có nói gì, họ nghe rồi, liền hoan hỷ. Chúng Tỳ-kheo-ni, chúng Ưu-bà-tắc, chúng Ưu-bà-tư đến gặp A-nan; nếu lúc ấy A-nan im lặng, họ thấy mặt, liền hoan hỷ; nếu lúc ấy A-nan có nói gì, họ nghe rồi, liền hoan hỷ.

Lại nữa, A-nan thuyết pháp cho đại chúng có bốn điều vị tăng hữu. Những gì là bốn? Tỳ-kheo A-nan thuyết pháp cho chúng Tỳ-kheo với chí tâm, chẳng phải không có chí tâm; chúng Tỳ-kheo kia cũng nghĩ như vậy: “Mong Tôn giả A-nan thuyết pháp không dừng lại nữa chừng!” Chúng Tỳ-kheo kia nghe Tôn giả A-nan thuyết pháp, hoàn toàn không chán nản, nhưng Tỳ-kheo A-nan vẫn ngồi

im lặng. Tỳ-kheo A-nan thuyết pháp cho chúng Tỳ-kheo-ni, chúng Ưu-bà-tắc, chúng Ưu-bà-di, với chí tâm, chẳng phải không có chí tâm; chúng Ưu-bà-di ấy cũng nghĩ như vậy: “Mong Tôn giả A-nan thuyết pháp không dừng lại nữa chừng!” Chúng Ưu-bà-di ấy nghe Tôn giả A-nan thuyết pháp, hoàn toàn không nhàm chán, nhưng Tỳ-kheo A-nan vẫn ngồi im lặng.

Lại nữa, có một thời sau khi Thế Tôn Bát-niết-bàn không bao lâu; Tôn giả A-nan đứ hóa tại Kim Cang, trụ ở thôn Kim Cang. Bấy giờ Tôn giả A-nan thuyết pháp cho vô lượng trăm ngàn đại chúng vây quanh trước sau. Bấy giờ Tôn giả Kim Cang Tử cũng đang ở trong đại chúng ấy. Tôn giả Kim Cang Tử trong tâm suy nghĩ như vậy: “Tôn giả A-nan vẫn còn là bậc hữu học, chưa ly dục sao? Ta nên nhập Như kỳ tượng định, bằng Như kỳ tượng định mà quán sát tâm của Tôn giả A-nan.” Thế rồi Tôn giả Kim Cang Tử liền vào Như kỳ tượng định, bằng Như kỳ tượng định mà quán sát tâm Tôn giả A-nan. Tôn giả Kim Cang Tử biết Tôn giả A-nan vẫn còn là hữu học nên chưa ly dục. Bấy giờ Tôn giả Kim Cang Tử ra khỏi tam muội, hướng về Tôn giả A-nan mà nói bài tụng rằng:

*Núi rừng vắng, tư duy,
Niết-bàn khiến vào tâm,
Thiền Cù-đàm không loạn,
Sẽ sớm chứng tịch tĩnh.*

Bấy giờ Tôn giả A-nan vâng lời dạy của Tôn giả Kim Cang Tử, rời bỏ chỗ đông, sống một mình, tinh tấn, không tán loạn. Vị ấy rời bỏ chỗ đông người, sống một mình, tinh tấn không tán loạn, để đạt mục đích mà một thiện nam tử đã cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, là duy chỉ thành tựu phạm hạnh vô thượng, ngay trong đời hiện tại, tự tri tự giác, tự chứng, thành tựu và an trụ, biết như thật rằng: “Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.” Tôn giả A-nan biết pháp rồi, cho đến chứng đắc A-la-hán. Tôn giả A-nan nói như vậy:

— Nay chư Hiền, tôi ngồi trên giường, nghiêng đầu chưa đụng gối, liền đoạn tất cả lậu, chứng tâm giải thoát.

Nếu Tôn giả A-nan nói như thế, thì đó là pháp vị tăng hữu của Tỳ-kheo A-nan.

Tôn giả A-nan lại nói như vậy:

— Nay chư Hiền, tôi sẽ ngồi kiết-già để Bát-niết-bàn.

Tôn giả A-nan liền ngồi kiết-già để Bát-niết-bàn.

Nếu Tôn giả A-nan ngồi kiết-già để Bát-niết-bàn, thì đó là pháp vị tăng hữu của Tỳ-kheo A-nan.

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

3. KINH BẠC-CÂU-LA

Tôi nghe như vậy:

Một thời, sau khi đức Phật nhập Niết-bàn không bao lâu, Tôn giả Bạc-câu-la du hóa tại thành Vương Xá, ở trong Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa.

Bấy giờ có một người dị học, vốn là bằng hữu thân thiết với Tôn giả Bạc-câu-la lúc Tôn giả chưa xuất gia, vào buổi xế, thông thả đi đến chỗ Tôn giả Bạc-câu-la, chào hỏi rồi ngồi sang một bên. Vị dị học nói rằng:

— Thưa Hiền giả Bạc-câu-la, tôi có vài điều muốn hỏi, Ngài có thể cho phép tôi hỏi chăng?

Tôn giả Bạc-câu-la trả lời:

— Này Dị học, tùy điều Ông hỏi, tôi nghe rồi, sẽ suy nghĩ.

Dị học hỏi:

— Thưa Hiền giả Bạc-câu-la, Ngài đã theo học trong chánh pháp luật này được bao lâu?

Tôn giả Bạc-câu-la trả lời:

— Này Dị học, tôi đã học đạo trong chánh pháp luật này đến nay là tám mươi năm.

Dị học lại hỏi:

— Thưa Hiền giả Bạc-câu-la, Ngài đã học đạo trong chánh pháp luật này đến nay là tám mươi năm; Ngài nhớ có lần nào đã làm việc dâm dục chăng?

Tôn giả Bạc-câu-la bảo dị học:

— Ông đừng hỏi câu ấy, Ông hãy hỏi một cách khác: “Thưa Hiền giả Bạc-câu-la, Ngài học đạo trong chánh pháp luật này đã tám mươi năm; Ngài nhớ có lần nào đã từng khởi lên dục tưởng chăng?” Này Dị học, Ông nên hỏi như vậy.

Bấy giờ dị học nói như vậy:

— Tôi nay hỏi lại rằng, Hiền giả Bạc-câu-la đã học đạo trong chánh pháp luật này đến nay là

tám mươi năm; Ngài nhớ có lần nào khởi lên dục tưởng chăng?

Bấy giờ Tôn giả Bạc-câu-la nhân người dị học hỏi như vậy, liền bảo các thầy Tỳ-kheo rằng:

— Nay chư Hiền, tôi đã học đạo trong chánh pháp luật này đến nay là tám mươi năm, nếu bảo tôi nhân đó mà khởi tâm cống cao, thì ý tưởng đó hoàn toàn không có.

Nếu Tôn giả Bạc-câu-la nói như thế, thì đó là pháp vị tăng hữu của Tỳ-kheo Bạc-câu-la.

Lại nữa, Tôn giả Bạc-câu-la nói như vậy:

— Nay chư Hiền, tôi đã học đạo trong chánh pháp luật này đến nay là tám mươi năm, chưa từng khởi lên dục tưởng.

Nếu Tôn giả Bạc-câu-la nói như thế, thì đó là pháp vị tăng hữu của Tỳ-kheo Bạc-câu-la.

Lại nữa, Tôn giả Bạc-câu-la nói như vậy:

— Nay chư Hiền, tôi mặc y phần tảo đến nay là tám mươi năm. Nếu bảo tôi nhân đó mà khởi tâm cống cao, thì ý tưởng ấy hoàn toàn không có.

Nếu Tôn giả Bạc-câu-la nói như thế, thì đó là pháp vị tăng hữu của Tỳ-kheo Bạc-câu-la.

Lại nữa, Tôn giả Bạc-câu-la nói như vậy:

— Nay chư Hiền, tôi mặc áo phấn tảo đến nay là tám mươi năm; tôi nhớ chưa từng thọ y của người cư sĩ, chưa từng cắt may y, chưa từng nhờ thầy Tỳ-kheo khác may y, chưa từng dùng kim may y, chưa từng cầm kim may túi, dù là một sợi chỉ.

Nếu Tôn giả Bạc-câu-la nói như thế, thì đó là pháp vị tăng hữu của Tỳ-kheo Bạc-câu-la.

Lại nữa, Tôn giả Bạc-câu-la nói như vậy:

— Nay chư Hiền, tôi khát thực đến nay là tám mươi năm, nếu bảo tôi nhân đó mà khởi tâm cống cao, thì ý tưởng ấy hoàn toàn không có.

Nếu Tôn giả Bạc-câu-la nói như thế, thì đó là pháp vị tăng hữu của Tỳ-kheo Bạc-câu-la.

Lại nữa, Tôn giả Bạc-câu-la nói như vậy:

— Tôi khát thực đến nay là tám mươi năm; tôi nhớ chưa từng thọ thỉnh của cư sĩ, chưa từng khát thực bỏ thứ tự, chưa từng đến nhà giàu khát thực để ở đây sẽ nhận các thức mỹ diệu, tinh khiết, sung túc, đủ các loại cứng và mềm, chưa từng nhìn mặt người đàn bà; tôi nhớ chưa từng vào phòng của Tỳ-kheo-ni; tôi nhớ chưa từng chào hỏi Tỳ-kheo-ni, dù ở ngoài đường cũng không nói chuyện với họ.

Nếu Tôn giả Bạc-câu-la nói như thế, thì đó là pháp vị tăng hữu của Tỳ-kheo Bạc-câu-la.

Lại nữa, Tôn giả Bạc-câu-la lại nói như vậy:

— Nay chư Hiền, tôi đã học đạo trong chánh pháp luật này đến nay là tám mươi năm; tôi nhớ chưa từng nuôi sa-di, chưa từng thuyết pháp cho người bạch y, dù chỉ bốn câu tụng cũng không nói.

Nếu Tôn giả Bạc-câu-la nói như thế, thì đó là pháp vị tăng hữu của Tỳ-kheo Bạc-câu-la.

Lại nữa, Tôn giả Bạc-câu-la nói như vậy:

— Nay chư Hiền, tôi đã học đạo trong chánh pháp luật này đến nay là tám mươi năm, chưa từng có bệnh, dù là chỉ nhức đầu trong một khoảnh khắc bằng khảy móng tay; tôi nhớ chưa từng uống thuốc, dù là chỉ một miếng ha-lê-lạc.

Nếu Tôn giả Bạc-câu-la nói như thế, thì đó là pháp vị tăng hữu của Tỳ-kheo Bạc-câu-la.

Lại nữa, Tôn giả Bạc-câu-la nói như vậy:

— Nay chư Hiền, trong tám mươi năm qua, khi tôi ngồi kiết-già, chưa từng dựa vào vách hay dựa vào cây.

Nếu Tôn giả Bạc-câu-la nói như thế, thì đó là pháp vị tăng hữu của Tỳ-kheo Bạc-câu-la.

Lại nữa, Tôn giả Bạc-câu-la nói như vậy:

— Nay chư Hiền, trong vòng ba ngày đêm, tôi chứng đắc ba quả vị.

Nếu Tôn giả Bạc-câu-la nói như thế, thì đó là pháp vị tăng hữu của Tỳ-kheo Bạc-câu-la.

Lại nữa, Tôn giả Bạc-câu-la nói như vậy:

— Nay chư Hiền, tôi sẽ ngồi kiết-già để vào Niết-bàn.

Rồi Tôn giả Bạc-câu-la liền ngồi kiết-già mà vào Niết-bàn.

Nếu Tôn giả Bạc-câu-la ngồi kiết-già mà vào Niết-bàn, thì đó là pháp vị tăng hữu của Tỳ-kheo Bạc-câu-la.

Tôn giả Bạc-câu-la thuyết như vậy; các thầy Tỳ-kheo và người dị học, sau khi nghe Tôn giả Bạc-câu-la giảng xong, hoan hỷ phụng hành.

4. KINH A-TU-LA

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại Bệ-lan-nhã, trong vườn Hoàng Lô.

Bấy giờ vua A-tu-la là Bà-la-la và thái tử là Mâu-lê-già đều có sắc tướng uy nghi, ánh áng chói lọi, vào lúc đêm gần về sáng, đi đến chỗ đức Phật, đánh lễ dưới chân Thế Tôn, rồi đứng sang một bên.

Đức Thế Tôn hỏi:

— Này Bà-la-la, phải chăng trong biển lớn, A-tu-la không bị các sự suy thoái như tuổi thọ của A-tu-la, sắc tướng của A-tu-la, sự hoan lạc của A-tu-la, sức mạnh của A-tu-la; cho nên các A-tu-la thích sống trong biển lớn chăng?

Vua A-tu-la là Bà-la-la và thái tử A-tu-la là Mậu-lê-già trả lời:

— Bạch Thế Tôn, các A-tu-la của con ở trong biển lớn, không có các sự suy thoái như là tuổi thọ của A-tu-la, sắc tướng của A-tu-la, sự hoan lạc của A-tu-la và sức mạnh của A-tu-la; cho nên các A-tu-la thích sống ở trong biển lớn.

Đức Thế Tôn hỏi:

— Nay Bà-la-la, trong biển lớn có mấy pháp vị tăng hữu, khiến cho A-tu-la thấy vậy nên thích sống trong ấy?

Bà-la-la trả lời:

— Trong biển lớn của con có tám pháp vị tăng hữu, khiến cho các A-tu-la thấy vậy nên thích sống trong ấy. Những gì là tám? Bạch Thế Tôn, biển lớn của con từ đáy lên trên, chu vi dần dần rộng hơn, nghiêng chênh chếch lên dần mãi cho tới bờ biển; nước trong ấy luôn luôn đầy, chưa từng chảy ra ngoài. Bạch Thế Tôn, nếu biển lớn của con từ đáy lên trên, chu vi dần dần rộng hơn, nghiêng chênh chếch dần lên mãi cho tới bờ biển; nước trong ấy luôn luôn đầy, chưa từng chảy ra ngoài, thì đó là pháp vị tăng hữu thứ nhất trong biển

lớn của con. Các A-tu-la thấy vậy nên thích sống ở trong đó.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, thủy triều trong biển lớn của con chưa từng sai thời. Bạch Thế Tôn, nếu thủy triều trong biển lớn của con chưa từng sai thời, thì đó là pháp vị tăng hữu thứ hai trong biển lớn của con. Các A-tu-la thấy vậy nên thích sống trong đó.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, nước trong biển lớn của con rất sâu, không có đáy, rất rộng, không thấy bờ. Bạch Thế Tôn, nếu nước trong biển lớn của con rất sâu, không có đáy, rất rộng, không thấy bờ, thì đó là pháp vị tăng hữu thứ ba trong biển lớn của con. Các A-tu-la thấy vậy nên thích sống trong đó.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, nước trong biển lớn của con đều cùng một vị mặn. Bạch Thế Tôn, nếu nước trong biển lớn của con cùng một vị mặn, thì đó là pháp vị tăng hữu thứ tư trong biển lớn của con. Các A-tu-la thấy vậy nên thích sống trong đó.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, trong biển lớn của con có rất nhiều trân bảo, vô lượng đồ quý báu lạ mắt; tất cả đồ trân kỳ được chứa đầy trong đó. Tên của các trân bảo đó là vàng, bạc, thủy tinh,

lưu ly, ma-ni, chân châu, bích ngọc, bạch kha, loa bích, san hô, hổ phách, mã não, độc mao, xích thạch, triều châu. Bạch Thế Tôn, nếu trong biển lớn của con có rất nhiều trân bảo, vô lượng đồ quý báu lạ mắt; tất cả đồ trân kỳ được chứa đầy trong đó. Tên của các trân bảo đó là vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly, ma-ni, chân châu, bích ngọc, bạch kha, loa bích, san hô, hổ phách, mã não, độc mao, xích thạch, triều châu, thì đó là pháp vị tăng hữu thứ năm trong biển lớn của con. Các A-tu-la thấy vậy nên thích sống trong ấy.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, có những vị thần cư trú trong biển lớn của con; tên của các vị đại thần đó là A-tu-la Kiên-thấp-hòa, La-sát, Ngư-ma-kiệt, Quy-dà, Bà-lưu-nê, Đế-nghe-già-la-đề, Đế-nghe-già-la; lại nữa, trong biển lớn rất kỳ lạ, rất đặc biệt, có chúng sanh thân thể tới một trăm do-diên, hai trăm do-diên, ba trăm do-diên, cho đến bảy trăm do-diên mà thân vẫn ở trong biển lớn. Bạch Thế Tôn, nếu có những vị đại thần cư trú trong biển lớn; tên của các vị thần đó là A-tu-la Kiên-thấp-hòa, La-sát, Ngư-ma-kiệt, Quy-dà, Bà-lưu-nê, Đế-nghe, Đế-nghe-già-la-đề, Đế-nghe-già-la; lại nữa, trong biển lớn rất kỳ lạ, rất đặc biệt, có chúng sanh thân thể tới một trăm do-diên, hai trăm do-diên, ba trăm

do-diên cho đến bảy trăm do-diên mà thân thể vẫn ở trong biển lớn, thì đó là pháp vị tăng hữu thứ sáu trong biển lớn của con. Các A-tu-la thấy vậy nên thích sống trong ấy.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, biển lớn của con thanh tịnh, không dung chứa tử thi. Nếu có người nào mạng chung, thì không hơn một đêm, gió liền thổi tấp vào bờ. Bạch Thế Tôn, nếu biển lớn của con thanh tịnh, không dung chứa tử thi; có người nào mạng chung thì không hơn một đêm, gió liền thổi tấp vào bờ, thì đó là pháp vị tăng hữu thứ bảy trong biển lớn của con. Các A-tu-la thấy vậy nên thích sống trong ấy.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, trong biển lớn của con, thuộc về châu Diêm-phù có năm sông lớn: Hằng-già, Diêu-vưu-na, Xá-lao-phù, A-di-la-bà-đề, Ma-xí; tất cả đều chảy vào biển lớn, chảy vào đó rồi, đều bỏ tên cũ mà gọi chung là biển lớn. Bạch Thế Tôn, nếu trong biển lớn của con thuộc về châu Diêm-phù có năm sông lớn: Hằng-già, Diêu-vưu-na, Xá-lao-phù, A-di-la-bà-đề, Ma-xí; tất cả đều chảy vào biển lớn, chảy vào đó rồi đều bỏ tên cũ mà gọi chung là biển lớn, thì đó là pháp vị tăng hữu thứ tám trong biển lớn của con. Các A-tu-la thấy vậy nên thích sống trong ấy.

Bạch Thế Tôn, đó là tám pháp vị tăng hữu trong biển lớn của con; các A-tu-la thấy vậy nên thích sống trong ấy.

Bạch Thế Tôn, trong chánh pháp luật của Thế Tôn có mấy pháp vị tăng hữu, khiến cho các Tỳ-kheo thấy được, liền hân hoan trong đó?

Thế Tôn trả lời rằng:

— Nay Bà-la-la, trong chánh pháp luật của Ta cũng có tám pháp vị tăng hữu, khiến cho các Tỳ-kheo thấy được liền hân hoan trong đó. Những gì là tám? Nay Bà-la-la, giống như biển lớn từ đáy lên trên, chu vi dần dần rộng hơn, nghiêng chênh lệch dần lên mãi cho tới bờ; nước trong ấy luôn luôn đầy, chưa từng chảy ra ngoài; nay Bà-la-la, chánh pháp luật của Ta cũng giống như vậy, có sự dần dần thực hành, dần dần học, dần dần đoạn trừ hết và dần dần giáo hóa. Nay Bà-la-la, nếu trong chánh pháp luật của Ta có sự dần dần thực hành, dần dần học, dần dần đoạn trừ và dần dần giáo hóa, thì đó là pháp vị tăng hữu thứ nhất trong chánh pháp luật của Ta, khiến cho các Tỳ-kheo thấy rồi thích an trú ở trong đó.

Lại nữa, nay Bà-la-la, giống như thủy triều trong biển lớn chưa từng sai thời; nay Bà-la-la,

chánh pháp luật của Ta cũng giống như vậy, giảng cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di bằng những cấm giới. Các thiện nam tử ấy dù đến mạng chung vẫn không phạm giới. Nay Bà-la-la, nếu trong chánh pháp luật của Ta có sự giảng dạy cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di bằng những cấm giới và các thiện nam tử ấy dù đến mạng chung vẫn không phạm giới, thì đó là pháp vị tăng hữu thứ hai trong chánh pháp luật của Ta, khiến cho các Tỳ-kheo thấy rồi thích an trú ở trong đó.

Lại nữa, này Bà-la-la, giống như nước trong biển lớn rất sâu, không đáy, rất rộng, không thấy bờ; này Bà-la-la, chánh pháp luật của Ta cũng giống như vậy, các pháp rất sâu, không có đáy, rất rộng, không thấy bờ. Nay Bà-la-la, nếu trong chánh pháp luật của Ta các pháp rất sâu, không có đáy, rất rộng, không thấy bờ, thì đó là pháp vị tăng hữu thứ ba trong chánh pháp luật của Ta, khiến cho các Tỳ-kheo thấy rồi thích an trú ở trong đó.

Lại nữa, này Bà-la-la, giống như nước trong biển lớn đều cùng một vị mặn, này Bà-la-la, chánh pháp luật Ta cũng giống như vậy, chỉ một vị vô dục, vị giác, vị tịch tĩnh và vị đạo. Nay Bà-la-la, nếu trong chánh pháp luật của Ta chỉ có một vị vô dục, vị giác, vị tịch tĩnh và vị đạo, thì đó là

pháp vị tăng hữu thứ tư trong chánh pháp luật của Ta, khiến cho các Tỳ-kheo thấy vậy rồi thích an trú ở trong đó.

Lại nữa, này Bà-la-la, giống như trong biển lớn có rất nhiều trân bảo, vô lượng đồ quý báu lạ mắt, tất cả đồ trân kỳ được chứa đầy trong đó; tên của các trân bảo đó là vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly, ma-ni, chân châu, bích ngọc, bạch kha, loa bích, san hô, hổ phách, mã não, độc mao, xích thạch, triều châu, này Bà-la-la, chánh pháp luật của Ta cũng giống như vậy, có rất nhiều trân bảo, vô lượng pháp quý báu kỳ lạ; tất cả pháp trân kỳ chứa đầy trong đó; tên của các pháp trân bảo đó là: Bốn Niệm xứ, Bốn Chánh đoạn, Bốn Như ý túc, Năm Căn, Năm Lực, Bảy Giác chi, Tám chi Thánh đạo. Này Bà-la-la, nếu trong chánh pháp luật của Ta có rất nhiều trân bảo, vô lượng pháp quý báu kỳ lạ; tất cả pháp trân kỳ chứa đầy trong đó; tên của các pháp trân bảo ấy là: Bốn Niệm xứ, Bốn Chánh đoạn, Bốn Như ý túc, Năm Căn, Năm Lực, Bảy Giác chi, Tám chi Thánh đạo, thì đó là pháp vị tăng hữu thứ năm trong chánh pháp luật của Ta, khiến cho các Tỳ-kheo thấy rồi thích an trú ở trong đó.

Lại nữa, này Bà-la-la, giống như có đại thần cư trú trong biển lớn; tên của các vị đại thần đó

là: A-tu-la Kiên-thấp-hòa, La-sát, Ngư-ma-kiệt, Quy-đa Bà-lu-nê, Đế-nghe, Đế-nghe-già-la-đa, Đế-nghe-già-la. Lại nữa, trong biển lớn rất kỳ lạ, rất đặc biệt, có chúng sanh thân thể tới một trăm do-diên, hai trăm do-diên, ba trăm do-diên, cho tới bảy trăm do-diên mà thân thể vẫn ở trong biển lớn. Nay Bà-la-la, chánh pháp luật của Ta cũng giống như vậy, đại thần thánh chúng đều trú trong đó, tên của các vị đại thần đó là: A-la-hán, A-la-hán hướng, A-na-hàm, A-na-hàm hướng, Tư-đa-hàm, Tư-đa-hàm hướng, Tu-đa-hoàn, Tu-đa-hoàn hướng. Nay Bà-la-la, nếu trong chánh pháp luật của Ta, có đại thần thánh chúng đều trú trong đó; tên của các vị đại thần đó là: A-la-hán, A-la-hán hướng, A-na-hàm, A-na-hàm hướng, Tư-đa-hàm, Tư-đa-hàm hướng, Tu-đa-hoàn, Tu-đa-hoàn hướng, thì đó là pháp vị tăng hữu thứ sáu trong chánh pháp luật của Ta, khiến các Tỳ-kheo thấy rồi thích an trú ở trong đó.

Lại nữa, này Bà-la-la, giống như biển lớn trong sạch, không dung chứa tử thi, nếu có người mạng chung trong biển, thì không hơn một đêm, gió sẽ thổi tấp vào bờ; này Bà-la-la, chánh pháp luật của Ta cũng giống như vậy, Thánh chúng thanh tịnh, không dung chứa tử thi, nếu có người nào không tinh tấn sinh ra điều ác, phi Phạm hạnh mà xưng

là Phạm hạnh, phi Sa-môn mà cho là Sa-môn, người ấy dù ở trong Thánh chúng, nhưng cách Thánh chúng rất xa, Thánh chúng cũng lại cách người ấy rất xa. Nay Bà-la-la, nếu trong chánh pháp luật của Ta, thánh chúng như biển lớn thanh tịnh, không dung chứa tử thi; nếu có người không tinh tấn sinh ra điều ác, phi Phạm hạnh mà cho là Phạm hạnh, phi Sa-môn mà cho là Sa-môn, người ấy dù ở trong Thánh chúng, nhưng cách Thánh chúng rất xa, Thánh chúng cũng lại cách xa người ấy, thì đó là pháp vị tăng hữu thứ bảy trong chánh pháp luật của Ta, khiến cho các Tỷ-kheo thấy rồi thích an trú ở trong đó.

Lại nữa, này Bà-la-la, giống như biển lớn thuộc về châu Diêm-phù, có năm sông lớn: Hằng-già, Diêu-vưu-na, Xá-lao-phù, A-di-la-bà-đề và Ma-xí; tất cả đều chảy vào biển lớn, chảy vào đó rồi, liền bỏ tên cũ mà gọi chung là biển lớn; này Bà-la-la, chánh pháp luật của Ta cũng giống như thế; thiện nam tử thuộc dòng Sát-lợi, cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo; người ấy bỏ tên cũ, có tên chung là Sa-môn; thiện nam tử thuộc dòng Phạm chí, dòng Cư sĩ, dòng thợ thuyền, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình,

xuất gia học đạo; người ấy bỏ tên cũ, có tên chung là Sa-môn. Nay Bà-la-la, nếu trong chánh pháp luật của Ta, thiện nam tử thuộc dòng Sát-lợi, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, không gia đình, xuất gia học đạo; người ấy bỏ tên cũ, có tên chung là Sa-môn; thiện nam tử thuộc dòng Phạm chí, dòng Cư sĩ, dòng thợ thuyền, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo; người ấy bỏ tên cũ, có tên chung là Sa-môn, thì đó là pháp vị tăng hữu thứ tám trong chánh pháp luật của Ta, khiến cho các Tỳ-kheo thấy rồi thích an trú ở trong đó.

Này Bà-la-la, đó là tám pháp vị tăng hữu có trong chánh pháp luật của Ta, khiến cho các Tỳ-kheo thấy rồi thích an trú ở trong đó.

Này Bà-la-la, ý Ông nghĩ thế nào? Trong chánh pháp luật của Ta có tám pháp vị tăng hữu, trong biển lớn của Ông cũng có tám pháp vị tăng hữu; hai loại vị tăng hữu pháp ấy, loại nào là tối thắng, là vi diệu, là tối thượng?

Bà-la-la thưa:

— Bạch Thế Tôn, tám pháp vị tăng hữu có trong biển lớn của con không bằng tám pháp vị tăng hữu của Như Lai, không bằng một phần ngàn,

một phần vạn, không thể so sánh, không thể ví dụ, không thể đếm, không thể kể, chỉ có tám pháp vị tăng hữu của Thế Tôn là cao hơn hết, là tối thắng, là vi diệu, là tối thượng.

Hôm nay con xin đem thân đến quy y Phật, quy y Pháp và Đại chúng Tỳ-kheo, cúi mong đức Thế Tôn chấp nhận con làm Ưu-bà-tắc bắt đầu từ hôm nay cho đến trọn đời, đem tự thân quy y cho đến khi tận mạng!

Đức Phật thuyết như vậy, vua A-tu-la là Bà-la-la và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

5. KINH ĐỊA ĐỘNG

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Kim Cang, tên của thành là Địa.

Bấy giờ vùng ấy xảy ra động đất lớn, khi xảy ra động đất lớn bốn mặt nổi gió ào ạt, bốn phương sao chổi mọc, nhà cửa, tường vách, tất cả đều băng hoại.

Lúc đó, Tôn giả A-nan thấy xảy ra động đất lớn, khi xảy ra động đất lớn, bốn mặt nổi gió ào ạt, bốn phương sao chổi mọc, nhà cửa, tường vách, tất cả đều băng hoại. Tôn giả A-nan thấy rồi, sợ hãi, lông toàn thân dựng đứng, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, đứng sang một bên và thưa:

— Bạch Thế Tôn, hôm nay có động đất lớn, khi xảy ra động đất lớn, bốn mặt nổi gió ào ạt, bốn phương sao chổi mọc, nhà cửa, tường vách, tất cả đều bằng hoại.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo A-nan:

— Đúng như vậy, A-nan, hôm nay có động đất lớn. Đúng như vậy, này A-nan, khi xảy ra động đất lớn, bốn mặt nổi gió ào ạt, bốn phương sao chổi mọc, nhà cửa, tường vách, tất cả đều bằng hoại.

Tôn giả A-nan thưa:

— Bạch Thế Tôn, có mấy nguyên nhân làm xảy ra động đất lớn, khi xảy ra động đất lớn ấy, bốn mặt nổi gió ào ạt, bốn phương sao chổi mọc, nhà cửa, tường vách, tất cả đều bằng hoại?

Đức Thế tôn trả lời:

— Này A-nan, có ba nhân duyên làm xảy ra động đất lớn, khi xảy ra động đất lớn, bốn mặt nổi gió ào ạt, bốn phương sao chổi mọc, nhà cửa, tường vách, tất cả đều bằng hoại. Những gì là ba?

Này A-nan, mặt đất này ở trên nước, nước ở trên gió, gió nương vào hư không. Này A-nan, có khi trong không gian nổi lên gió lớn, hễ gió thổi thì nước bị khuấy động, nước bị khuấy động thì

xảy ra động đất. Đó là nguyên nhân thứ nhất gây ra động đất lớn; khi xảy ra động đất lớn, bốn mặt nổi gió ào ạt, bốn phương sao chổi mọc, nhà cửa, tường vách, tất cả đều băng hoại.

Lại nữa, này A-nan, thầy Tỳ-kheo có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, tâm tự tại như ý túc. Vị ấy khởi tiểu tướng đối với đất, khởi vô lượng tướng đối với nước. Vì vị ấy khởi tướng như vậy, nên mặt đất này theo sở dục, theo ý tưởng của vị ấy mà bị xoay rồi lại xoay, chấn động rồi lại chấn động. Vì Trời theo hộ vệ thầy Tỳ-kheo ấy cũng lại như vậy, có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, tâm tự tại như ý túc. Vị ấy khởi tiểu tướng đối với đất, khởi vô lượng tướng đối với nước. Vị ấy khởi tướng như vậy, nên mặt đất này theo sở dục, theo ý tưởng của vị ấy mà bị xoay rồi lại xoay, chấn động rồi lại chấn động. Đó là nguyên nhân thứ hai, gây ra động đất lớn; khi xảy ra động đất lớn, bốn mặt nổi gió ào ạt, bốn phương sao chổi mọc, nhà cửa, tường vách, tất cả đều băng hoại.

Lại nữa, này A-nan, nếu Như Lai không bao lâu, qua ba tháng sau sẽ nhập Niết-bàn, do có ấy nên xảy ra động đất lớn; khi xảy ra động đất lớn, bốn mặt nổi gió ào ạt, bốn phương sao chổi

mọc, nhà cửa, tường vách, tất cả đều băng hoại. Đó là nguyên nhân thứ ba gây ra động đất lớn; khi xảy ra động đất lớn, bốn mặt nổi gió ào ạt, bốn phương sao chổi mọc, nhà cửa, tường vách, tất cả đều băng hoại.

Bấy giờ, sau khi nghe xong, Tôn giả A-nan buồn rầu khóc lóc, nước mắt đầm đìa, chấp tay hướng về Thế Tôn mà bạch:

— Bạch Thế Tôn, thật là kỳ diệu, thật là hy hữu! Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác thành tựu công đức, có nhiều pháp vị tăng hữu. Vì sao thế? Vì Như Lai không bao lâu, qua ba tháng sau sẽ nhập Niết-bàn, lúc đó làm xảy ra động đất lớn; khi xảy ra động đất lớn, bốn mặt nổi gió ào ạt, bốn phương sao chổi mọc, nhà cửa, tường vách, tất cả đều băng hoại.

Đức Thế Tôn bảo A-nan:

— Đúng như vậy, A-nan, đúng như vậy, A-nan, thật là kỳ diệu, thật là hy hữu! Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác thành tựu công đức, có nhiều pháp vị tăng hữu. Vì sao thế? Vì Như Lai không bao lâu, qua ba tháng sau sẽ nhập Niết-bàn, lúc đó làm xảy ra động đất lớn; khi xảy ra động đất lớn, bốn mặt nổi gió ào ạt, bốn phương

sao chổi mọc, nhà cửa, tường vách, tất cả đều băng hoại.

Lại nữa, này A-nan, Ta đến ngồi giữa vô lượng trăm ngàn chúng Sát-lợi đàm luận với họ, để cho vừa ý họ. Sau khi cùng ngồi xuống vững vàng, giống như sắc tướng của họ, sắc tướng Ta cũng vậy; giống như âm thanh của họ, âm thanh của Ta cũng vậy; giống như oai nghi lễ tiết của họ, oai nghi lễ tiết của Ta cũng vậy; nếu họ hỏi về nghĩa ấy, Ta sẽ trả lời về nghĩa ấy. Lại nữa Ta sẽ thuyết pháp cho họ, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho họ, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi, liền ẩn mình ra khỏi nơi ấy. Khi Ta đã ẩn mình rồi, họ không biết Ta là ai, là người hay phi nhân. Này A-nan, như vậy, thật là kỳ diệu, thật là hy hữu! Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, thành tựu công đức, có nhiều pháp vị tăng hữu, cũng như vậy, đối với chúng Phạm chí, Cư sĩ, Sa-môn.

Này A-nan, Ta đến ngồi giữa vô lượng trăm ngàn chúng Tứ thiên vương, đàm luận với họ, để cho họ vừa ý, sau khi cùng ngồi xuống vững vàng; giống như sắc tướng của họ, sắc tướng Ta cũng vậy; giống như âm thanh của họ, âm thanh của Ta

cũng vậy; giống như oai nghi lễ tiết của họ, oai nghi lễ tiết của Ta cũng vậy; nếu họ hỏi về nghĩa ấy Ta sẽ trả lời về nghĩa ấy. Lại nữa Ta sẽ thuyết pháp cho họ, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho họ, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi, liền ẩn hình ra khỏi nơi ấy. Khi Ta ẩn hình rồi, họ không biết Ta là ai, là Trời hay khác với hàng Trời. Nay A-nan, như vậy, thật là kỳ diệu, thật là hy hữu! Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác thành tựu công đức, có nhiều pháp vị tăng hữu. Cũng vậy đối với Tam thập tam thiên, Diệm-ma thiên, Hóa lạc thiên, Tha hóa lạc thiên, Phạm thân thiên, Phạm phú-lâu thiên, Thiếu quang thiên, Vô lượng quang thiên, Hoảng dục thiên, Thiếu tịnh thiên, Vô lượng tịnh thiên, Biến tịnh thiên, Vô quái ngại thiên, Thọ phước thiên, Quả thật thiên, Vô phiền thiên, Vô nhiệt thiên, Thiện kiến thiên, và Thiện hiện thiên.

Này A-nan, Ta đến ngồi giữa vô lượng trăm ngàn chúng Trời Sắc cứu cánh đàm luận với họ, để cho họ vừa ý. Sau khi cùng ngồi xuống vững vàng, giống như sắc tướng của họ, sắc tướng của Ta cũng vậy; giống như âm thanh của họ, âm thanh của Ta cũng vậy; giống như oai nghi lễ tiết của

họ, oai nghi lễ tiết của Ta cũng như vậy; nếu họ hỏi về ý nghĩa ấy Ta sẽ trả lời về nghĩa ấy. Lại nữa, Ta sẽ thuyết pháp cho họ, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi Ta dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho họ, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi, Ta liền ẩn hình ra khỏi nơi ấy. Khi Ta đã ẩn hình rồi, họ không biết Ta là ai, là Trời hay khác với hàng Trời. Nay A-nan, như vậy, thật là kỳ diệu, thật là hy hữu! Đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác thành tựu công đức, có nhiều pháp vị tăng hữu.

Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

6. KINH CHIÊM-BA

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại Chiêm-ba, ở bên hồ Hằng-già.

Bấy giờ, là ngày mười lăm trong tháng, là ngày đức Thế Tôn nói Biệt giải thoát giới, trải tòa ngồi trước đại chúng. Khi Thế Tôn ngồi xong, liền nhập định và bằng tha tâm trí, Ngài quán sát tâm đại chúng. Khi quán sát tâm đại chúng rồi, cho đến lúc hết buổi đầu hôm, Ngài vẫn ngồi im lặng.

Bấy giờ có một thầy Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, trích vai sửa y, chấp tay hướng về đức Phật thưa:

— Bạch Thế Tôn, đã hết buổi đầu hôm, đức Phật và đại chúng Tỳ-kheo tập trung ngồi ở đây đã lâu, mong đức Thế Tôn nói Biệt giải thoát giới.

Bấy giờ, đức Thế Tôn im lặng không trả lời.

Thế rồi, cho đến nửa đêm, đức Thế Tôn vẫn ngồi im lặng. Thầy Tỳ-kheo kia, lại lần nữa, từ chỗ ngồi đứng dậy, trích vai sửa áo, chấp tay hướng về đức Phật mà thưa:

— Bạch Thế Tôn, buổi đầu hôm đã qua, buổi nửa đêm cũng sắp hết, đức Thế Tôn và đại chúng Tỳ-kheo tập trung ngồi ở đây đã lâu, cúi mong đức Thế Tôn nói Biệt giải thoát giới.

Đức Thế Tôn lại lần nữa im lặng, không trả lời.

Thế rồi, cho đến cuối đêm, đức Thế Tôn vẫn ngồi im lặng. Thầy Tỳ-kheo kia, lại lần thứ ba, từ chỗ ngồi đứng dậy, trích vai sửa áo, chấp tay hướng về Thế Tôn mà thưa:

— Bạch Thế Tôn, buổi đầu hôm đã qua lâu, buổi nửa đêm cũng đã chấm dứt rồi, buổi cuối đêm cũng sắp hết, trời gần về sáng, không bao lâu nữa mặt trời sẽ mọc, đức Thế Tôn và đại chúng Tỳ-kheo tập trung ở đây đã quá lâu, cúi mong đức Thế Tôn nói Biệt giải thoát giới.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo vị Tỳ-kheo kia:

— Trong chúng này có một thầy Tỳ-kheo đã làm việc bất tịnh.

Lúc đó Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cũng đang ở trong đại chúng.

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên suy nghĩ thế này: “Vì thầy Tỳ-kheo nào mà đức Thế Tôn nói rằng trong đại chúng này có một thầy Tỳ-kheo đã làm việc bất tịnh? Ta nên nhập định Như kỳ tượng, nhân trong định Như kỳ tượng, bằng tha tâm trí mà quán sát tâm niệm đại chúng.” Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền vào định Như kỳ tượng, nhân trong định Như kỳ tượng, bằng tha tâm trí, quán sát tâm niệm đại chúng.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên biết vị Tỳ-kheo nào trong đại chúng này đã làm việc bất tịnh mà đức Thế Tôn đã nói với thầy Tỳ-kheo kia.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền xuất định, đi đến trước vị Tỳ-kheo ấy, nắm tay kéo đi, mở cửa lòi ra bên ngoài và nói:

— Này người Ngu si, hãy đi xa đi, đừng đứng ở đây, không được trở lại hội họp với đại chúng Tỳ-kheo, từ nay trở đi Ông không phải là Tỳ-kheo nữa.

Ngài đóng cửa, gài chốt then lại, rồi trở về chỗ Phật, cúi lạy dưới chân Phật, ngồi sang một bên và thưa:

— Đức Thế Tôn đã nói cho các Tỳ-kheo rằng, trong đại chúng ở đây, có một vị Tỳ-kheo đã làm việc bất tịnh, con đã đuổi vị ấy đi rồi. Bạch Thế Tôn, buổi đầu hôm đã qua lâu, buổi nửa đêm đã hết rồi và buổi cuối đêm sắp chấm dứt, trời sắp sáng rồi, chẳng bao lâu nữa mặt trời sẽ mọc; đức Thế Tôn và đại chúng Tỳ-kheo tập trung ngồi đã quá lâu rồi, cúi mong đức Thế Tôn nói Biệt giải thoát giới.

Đức Thế Tôn bảo Đại Mục-kiền-liên rằng:

— Kẻ ngu si kia mắc đại tội là xúc nhiều đức Thế Tôn và đại chúng Tỳ-kheo. Nay Đại Mục-kiền-liên, nếu Như Lai ở giữa đại chúng bất tịnh mà nói Biệt giải thoát thì đầu người ấy sẽ vỡ thành bảy mảnh. Do đó, nay Đại Mục-kiền-liên, từ nay về sau các Thầy hãy tự nói Biệt giải thoát, Như Lai không nói Biệt giải thoát nữa. Vì sao thế? Nay Đại Mục-kiền-liên, giống như biển lớn kia từ đáy lên trên, chu vi càng rộng, nghiêng chênh lệch dần mãi cho tới bờ biển; nước trong ấy luôn luôn đầy, chưa từng chảy ra ngoài. Nay Đại Mục-kiền-liên, chánh pháp luật của Ta cũng giống như vậy,

dần dần thực hành, dần dần học hỏi, dần dần đoạn trừ tất cả, và dần dần giáo hóa. Nay Đại Mục-kiền-liên, nếu chánh pháp luật của Ta đều dần dần thực hành, dần dần học hỏi, dần dần đoạn trừ tất cả và dần dần giáo hóa, thì đó là pháp vị tăng hữu trong chánh pháp luật của Ta.

Lại nữa, nay Đại Mục-kiền-liên, giống như thủy triều trong biển lớn chưa từng sai thời. Nay Đại Mục-kiền-liên, chánh pháp luật của Ta cũng lại như vậy, giảng dạy cấm giới cho chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di; các tộc tánh tử ấy cho dù trọn đời vẫn hoàn toàn không phạm giới. Nay Đại Mục-kiền-liên, nếu chánh pháp luật của Ta giảng dạy các giới cấm cho chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di; các tộc tánh tử ấy cho dù trọn đời vẫn hoàn toàn không phạm giới. Nay Đại Mục-kiền-liên, nếu chánh pháp luật của Ta giảng dạy các giới cấm cho chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, các tộc tánh tử ấy cho dù trọn đời vẫn hoàn toàn không phạm giới, thì đó là pháp vị tăng hữu trong chánh pháp luật của Ta.

Lại nữa, nay Đại Mục-kiền-liên, giống như nước trong biển lớn rất sâu, không có đáy, rất rộng, không thấy bờ. Nay Đại Mục-kiền-liên, chánh pháp

luật của Ta cũng giống như vậy, các pháp thâm thâm, rất sâu, không có đáy, rất rộng, không có bờ. Nay Đại Mục-kiền-liên, nếu trong chánh pháp luật của Ta, các pháp thâm thâm, rất sâu, không có đáy, rất rộng, không thấy bờ, thì đó là pháp vị tăng hữu trong chánh pháp luật của Ta.

Lại nữa, này Đại Mục-kiền-liên, giống như nước trong biển lớn đều cùng một vị mặn. Nay Đại Mục-kiền-liên, chánh pháp luật của Ta cũng giống như vậy, chỉ có vị vô dục, vị giác, vị tịch tịnh, và vị đạo. Nay Đại Mục-kiền-liên, nếu trong chánh pháp luật của Ta chỉ có vị vô dục, vị giác, vị tịch tịnh, và vị đạo, thì đó là pháp vị tăng hữu trong chánh pháp luật của Ta.

Lại nữa, này Đại Mục-kiền-liên, như trong biển lớn có rất nhiều trân bảo, vô lượng đồ quý báu, lạ mắt; tất cả đồ trân kỳ đầy dẫy trong đó, tên của các trân bảo đó là vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly, ma-ni, chơn châu, bích ngọc, bạch kha, xà cừ, san hô, hổ phách, mã não, độc mao, xích thạch, tuyền châu. Nay Đại Mục-kiền-liên, chánh pháp luật của Ta cũng giống như vậy, có rất nhiều trân bảo, vô lượng pháp quý báu kỳ lạ; tất cả pháp trân kỳ đầy dẫy trong đó; tên của các trân bảo đó là: Bốn Niệm xứ, Bốn Chánh cần, Bốn Như ý túc,

Năm Căn, Năm Lực, Bảy Giác chi và Tám chi Thánh đạo. Nay Đại Mục-kiền-liên, nếu trong chánh pháp luật của Ta có rất nhiều trân bảo, vô lượng pháp quý báu kỳ lạ; tất cả pháp trân kỳ đầy đầy trong đó; tên của các pháp trân bảo đó là: Bốn Niệm xứ, Bốn Chánh cần, Bốn Như ý túc, Năm Căn, Năm Lực, Bảy Giác chi và Tám chi Thánh đạo, thì đó là pháp vị tăng hữu trong chánh pháp luật của Ta.

Lại nữa, nay Đại Mục-kiền-liên, giống như có những vị đại thần cư trú trong biển lớn, tên của các vị đại thần đó là: A-tu-la Kiền-thấp-hòa, La-sát, Ngư-ma-kiệt, Quy-dà, Bà-lưu-nê, Đế-nghe-già-la-đề, Đế-nghe-già-la. Lại nữa, trong biển lớn rất kỳ lạ, rất đặc biệt, có chúng sinh thân thể tới một trăm do-diên, hai trăm do-diên, ba trăm do-diên, cho đến bảy trăm do-diên, mà thân vẫn ở trong biển. Nay Đại Mục-kiền-liên chánh pháp luật của Ta cũng giống như vậy; đại thần Thánh chúng đều trú trong đó; tên của các vị đại thần trong đó là: A-la-hán, A-la-hán hương, A-na-hàm, A-na-hàm hương, Tư-dà-hàm, Tư-dà-hàm hương, Tu-dà-hoàn, Tu-dà-hoàn hương. Nay Đại Mục-kiền-liên, nếu trong chánh pháp luật của Ta có đại thần Thánh chúng, đều trú trong đó; tên của các vị thần đó là: A-la-hán,

A-la-hán hướng, A-na-hàm, A-na-hàm hướng, Tư-đà-hàm, Tư-đà-hàm hướng, Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hoàn hướng, thì đó là pháp vị tăng hữu trong chánh pháp luật của Ta.

Lại nữa, này Đại Mục-kiền-liên, như biển lớn trong sạch không dung chứa tử thi; nếu có người nào mạng chung trong biển, thì không hơn một đêm, gió liền thổi tấp vào bờ biển. Này Đại Mục-kiền-liên, chánh pháp luật của Ta cũng giống như vậy, Thánh chúng thanh tịnh không dung chứa tử thi; nếu có người nào không tinh tấn, sinh ra điều ác, phi Phạm hạnh tự xưng là Phạm hạnh, phi Sa-môn tự xưng là Sa-môn, thì người ấy dù vẫn ở trong Thánh chúng, nhưng cách Thánh chúng rất xa, Thánh chúng cũng lại cách người ấy rất xa. Này Đại Mục-kiền-liên, nếu trong chánh pháp luật của Ta, Thánh chúng thanh tịnh không dung chứa tử thi; nếu có người nào không tinh tấn, sinh ra điều ác, phi Phạm hạnh tự xưng là Phạm hạnh phi Sa-môn tự xưng là Sa-môn, thì người ấy dù vẫn ở trong Thánh chúng, nhưng cách Thánh chúng rất xa, Thánh chúng cũng lại cách người ấy rất xa, thì đó là pháp vị tăng hữu trong chánh pháp luật của Ta.

Lại nữa, này Đại Mục-kiền-liên, giống như trong biển lớn, thuộc về châu Diêm-phù, có năm giòng sông lớn: một là Hằng-già, hai là Diêu-vưu-na, ba là Xá-la-phù, bốn là A-di-la-bà-đề và năm là Ma-xi; tất cả đều chảy vào biển lớn, chảy vào đó và loài rồng nước trong biển làm mưa xuống từ trên hư không, rơi từng hạt to như bánh xe, tất cả các thứ nước ấy không thể làm cho biển lớn tăng hay giảm. Này Đại Mục-kiền-liên, trong chánh pháp luật của Ta cũng giống như vậy, tộc tánh tử thuộc giòng Sát-lợi, cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, bất động tâm giải thoát, tự tác chứng, thành tựu an trụ. Này Đại Mục-kiền-liên, bất động tâm giải thoát ở trong chánh pháp luật của Ta không tăng không giảm. Cũng vậy, đối với tộc tánh tử thuộc giòng Phạm chí, giòng Cư sĩ, giòng thợ thuyền, cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, bất động tâm giải thoát, tự tác chứng, thành tựu an trụ. Này Đại Mục-kiền-liên, bất động tâm giải thoát trong chánh pháp luật của Ta không tăng không giảm. Này Đại Mục-kiền-liên, nếu trong chánh pháp luật của Ta, tộc tánh tử thuộc giòng Sát-lợi, cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chí tín, lìa

bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, bất động tâm giải thoát, tự tác chứng, thành tựu an trụ thì cũng vậy, đối với tộc tánh tử thuộc giòng Phạm chí, thuộc giòng Cư sĩ, giòng thợ thuyền, cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, bất động tâm giải thoát, tự tác chứng, thành tựu an trụ. Nay Đại Mục-kiền-liên, nếu bất động tâm giải thoát trong chánh pháp luật của Ta không tăng không giảm, thì đó là pháp vị tăng hữu trong chánh pháp luật của Ta.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên và các Tỷ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

7. KINH ÚC-GIÀ TRƯỞNG GIẢ(A)

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại Tỳ-xá-ly, trong rừng Đại Lâm.

Bấy giờ trưởng giả Úc-già chỉ có một số phụ nữ theo hầu hạ và ông đang ở trước các phụ nữ ấy, từ Tỳ-xá-ly ra đi, đến giữa rừng Đại Lâm thuộc Tỳ-xá-ly, chỉ để hoan lạc với các kỹ nữ như vị quốc vương.

Lúc đó, trưởng giả Úc-già uống rượu say túy lúy, bỏ các phụ nữ kia lại đó, đi vào trong Đại Lâm. Đang lúc trưởng giả Úc-già say rượu túy lúy, từ đằng xa trông thấy đức Thế Tôn ở giữa rừng cây, đoan chánh đẹp đẽ như vàng trắng giữa đám

sao, ánh sáng chói lọi rực rỡ, ánh sáng như tòa núi vàng, đầy đủ tướng tốt, oai thần uy nga, các căn tịch tĩnh, không bị ngăn che, thành tựu sự điều ngự, tâm vắng lặng tịch mặc. Ông ấy thấy đức Phật rồi, lập tức tỉnh rượu. Trưởng giả Úc-già khi đã hết say rượu, liền đến chỗ đức Phật cúi đầu đánh lễ dưới chân đức Phật, rồi ngồi sang một bên.

Bấy giờ đức Thế Tôn thuyết pháp cho ông, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho ông ấy, khuyến phát khát ngưỡng và thành tựu hoan hỷ, như pháp thông lệ của chư Phật, trước hết nói về pháp đoàn chánh để cho người nghe hân hoan, tức là nói thí, nói giới, nói pháp sanh thiên, chê bai dục là tai họa, sanh tử là nhơ uế, khen ngợi vô dục là đạo phẩm bạch tịnh, vi diệu. Sau khi đức Thế Tôn nói những pháp ấy cho ông rồi, đức Phật biết ông ấy có tâm hoan hỷ, tâm cụ túc, tâm nhu nhuyễn, tâm nhẫn nại, tâm thẳng tắn, tâm chuyên nhất, tâm không nghi, tâm không bị che lấp, có khả năng, có sức lực, có thể kham thọ Chánh pháp. Rồi như thông lệ của chư Phật nói về pháp yếu chân chánh, đức Thế Tôn thuyết cho ông ấy về Khổ, Tập, Diệt và Đạo.

Bấy giờ trưởng giả Úc-già, ngay nơi chỗ ngồi, thấy được Bốn Thánh Đế: Khổ, Tập, Diệt và Đạo. Cũng như vải trắng dễ nhuộm thành màu, trưởng giả Úc-già cũng giống như vậy, ngay nơi chỗ ngồi, thấy được Bốn Thánh Đế: Khổ, Tập, Diệt và Đạo.

Lúc ấy, trưởng giả Úc-già thấy pháp và đặc pháp, hiểu biết pháp bạch tịnh; đoạn trừ nghi, vượt qua hoặc, không còn tôn sùng người khác, không còn theo người khác, không còn do dự, đã trụ nơi quả chứng, không còn sợ hãi đối với giáo pháp của Thế Tôn, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ và thưa:

— Bạch Thế Tôn, con nay tự thân xin quy y Phật, Pháp và Đại chúng Tỷ-kheo, cúi mong Thế Tôn chấp nhận con làm Ưu-bà-tắc bắt đầu từ hôm nay, trọn đời con xin tự quy y cho đến khi mạng chung. Bạch Thế Tôn, từ ngày nay, con xin theo đức Thế Tôn, trọn đời lấy phạm hạnh làm đầu, thọ trì năm giới.

Sau khi trưởng giả Úc-già, xin theo đức Thế Tôn, trọn đời lấy phạm hạnh làm đầu, thọ trì năm giới, ông cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi ra đi.

Ông trở về nhà, liên tập trung các phụ nữ, tập trung rồi nói rằng:

— Các Người biết không, ta đã xin theo đức Thế Tôn, trọn đời lấy phạm hạnh làm đầu, thọ trì năm giới; các Người nếu còn muốn được ở nơi đây, thì có thể ở và làm việc bố thí, gây phước, nếu không còn muốn ở, thì cứ tự trở về nhà. Nếu các Người muốn có chồng, thì ta sẽ gả chồng cho.

Bấy giờ vị phu nhân lớn nhất thưa với trưởng giả Úc-già:

— Nếu Ngài đã xin theo đức Phật, trọn đời lấy phạm hạnh làm đầu, thọ trì năm giới, thì nên đem tôi gả cho người kia.

Trưởng giả Úc-già liền kêu người kia đến, tay trái cầm tay vị đại phu nhân, tay mặt bưng chậu nước bằng vàng, bảo người kia:

— Nay ta đem đại phu nhân gả cho Người làm vợ.

Người ấy nghe rồi, liền vì quá sợ hãi, lòng toàn thân đều dựng đứng, thưa với Úc-già trưởng giả rằng:

— Thưa Trưởng giả, Ngài muốn giết tôi chăng? Ngài muốn giết tôi chăng?

Trưởng giả trả lời:

— Ta không giết Người đâu! Vì ta đã xin theo đức Phật, trọn đời lấy phạm hạnh làm đầu, thọ trì năm giới, do đó, ta sẽ đem vị phu nhân lớn nhất này gả cho Người làm vợ.

Trưởng giả Úc-già khi đã cho vị đại phu nhân và ngay trong khi cho, hoàn toàn không có lòng hối tiếc.

Bấy giờ, vô lượng trăm ngàn đại chúng vây quanh đức Thế Tôn ở đấy, đang khen ngợi, tán thán trưởng giả Úc-già, trưởng giả Úc-già có tám pháp vị tăng hữu.

Bấy giờ có một thầy Tỳ-kheo, khi đêm đã qua, vào lúc hừng sáng, khoác y, ôm bát, đi vào nhà trưởng giả Úc-già.

Trưởng giả Úc-già từ đằng xa trông thấy thầy Tỳ-kheo đi đến, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trích vai sửa áo, chấp tay hướng về thầy Tỳ-kheo thưa rằng:

— Kính chào Tôn giả, Tôn giả đã lâu không đến đây. Mời Ngài ngồi nơi giường này.

Bấy giờ thầy Tỳ-kheo ngồi xuống giường ấy. Trưởng giả Úc-già đánh lễ dưới chân thầy Tỳ-kheo rồi ngồi sang một bên. Thầy Tỳ-kheo bảo:

— Này Trưởng giả, Ông có thiện lợi, có công đức lớn. Vì sao vậy? Vì Ông, giữa vô lượng trăm ngàn đại chúng vây quanh, đức Thế Tôn ở đấy khen ngợi, tán thán rằng trưởng giả Úc-già có tám pháp vị tăng hữu. Này Trưởng giả, Ông có những pháp gì?

Trưởng giả Úc-già trả lời thầy Tỳ-kheo:

— Đức Thế Tôn chưa hề nói sai, nhưng con không biết đức Thế Tôn vì lẽ gì mà nói như vậy. Mong Tôn giả nghe về những pháp mà con có:

Một thời đức Thế Tôn du hóa tại Tỳ-xá-ly, trong rừng Đại Lâm. Bạch Tôn giả, bấy giờ chỉ có một số phụ nữ theo hầu hạ và con đang đi trước hết, đi từ thành Tỳ-xá-ly đến trong rừng Đại Lâm thuộc Tỳ-xá-ly, chỉ để hoan lạc với các kỹ nữ như vị quốc vương. Bạch Tôn giả, bấy giờ con uống rượu quá say, bỏ các phụ nữ kia lại đó, đi vào rừng Đại Lâm. Bạch Tôn giả, con bấy giờ đang sau túy lúy, từ đằng xa trông thấy đức Thế Tôn ở giữa rừng cây, đoan chánh đẹp đẽ như vàng trắng giữa đám sao, ánh sáng chói lợi rực rỡ, sáng ngời như tòa

núi vàng, đầy đủ tướng tốt, oai thần nguy nga, các căn định, không bị ngăn che, thành tựu sự điều ngự, tâm vắng lặng tịch mặc. Con thấy đức Thế Tôn rồi lập tức tỉnh say rượu. Bạch Tôn giả, con có pháp ấy.

Thầy Tỳ-kheo khen rằng:

— Nay Trưởng giả, nếu Ông có pháp ấy thì thật là kỳ diệu, thật là hy hữu!

— Bạch Tôn giả, con không phải chỉ có pháp này mà thôi. Lại nữa, bạch Tôn giả, khi con tỉnh rượu rồi, liền đi đến đức Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi sang một bên. Đức Thế Tôn thuyết pháp cho con, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho con, khuyến phát khát ngưỡng và thành tựu hoan hỷ; như pháp thông lệ của chư Phật, Ngài trước hết nói về pháp đoạn chánh để cho người nghe hân hoan, tức là nói thí, nói giới, nói pháp sanh thiên, chê bai dục là tai họa, sanh tử là như uế, khen ngợi vô dục là đạo phẩm bạch tịnh vi diệu. Sau khi đức Thế Tôn nói những pháp ấy cho con rồi; đức Thế Tôn biết con có tâm hoan hỷ, tâm an trụ, tâm cụ túc, tâm nhu nhuyến, tâm nhẫn nại, tâm thẳng tắn, tâm chuyên nhất, tâm không nghi, tâm không bị che lấp, có khả năng,

có sức lực, có thể kham thọ Chánh pháp. Rồi như thông lệ của chư Phật, Ngài nói về pháp yếu chân chính, đức Thế Tôn liền thuyết cho con nghe về Khổ, Tập, Diệt, Đạo.

Bấy giờ, con ngay nơi chỗ ngồi, thấy được Bốn Thánh Đế: Khổ, Tập, Diệt và Đạo. Cũng như vải trắng dễ nhuộm thành màu, con cũng giống như vậy, ngay nơi chỗ ngồi con thấy được Bốn Thánh Đế: Khổ, Tập, Diệt và Đạo. Bạch Tôn giả con có pháp ấy.

Thầy Tỳ-kheo khen:

— Nay Trưởng giả, nếu Ông có pháp ấy thì thật là kỳ diệu, thật là hy hữu!

— Bạch Tôn giả, con không phải chỉ có pháp ấy mà thôi. Lại nữa bạch Tôn giả, con thấy pháp, đắc pháp, giác pháp bạch tịnh, đoạn trừ nghi, vượt qua hoặc, không còn tôn sùng người khác, không còn theo người khác, không còn dự dự, đã trụ nơi quả chứng, không còn sợ hãi đối với giáo pháp của đức Thế Tôn. Bạch Tôn giả, lúc ấy con liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật và thưa rằng: “Bạch Thế Tôn, con nay tự thân xin quy y với Phật, quy y với Pháp và Đại chúng Tỳ-kheo, cúi mong đức Thế Tôn chấp nhận cho

con làm Ưu-bà-tắc bắt đầu từ hôm nay, trọn đời xin tự thân quy y cho đến khi mạng chung. Bạch Thế Tôn, từ ngày nay con xin theo đức Thế Tôn trọn đời, lấy phạm hạnh làm đầu, thọ trì năm giới.” Bạch Tôn giả, từ khi con theo đức Thế Tôn, con trọn đời lấy phạm hạnh làm đầu, thọ trì năm giới, chưa từng biết mình đã phạm giới. Bạch Tôn giả, con có pháp ấy.

Thầy Tỳ-kheo khen rằng:

— Nay Trưởng giả, nếu Ông có pháp ấy thì thật là kỳ diệu, thật là hy hữu!

— Bạch Tôn giả, con không phải chỉ có pháp ấy mà thôi. Lại nữa, bạch Tôn giả, bấy giờ, sau khi con theo đức Thế Tôn, nguyện trọn đời lấy phạm hạnh làm đầu, thọ trì năm giới rồi, con cúi đầu đánh lễ chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi ra về. Trở lại nhà, con liền tập trung các phụ nữ rồi nói:

“— Các Người biết không, ta đã xin theo đức Thế Tôn, trọn đời lấy phạm hạnh làm đầu, thọ trì năm giới; các Người nếu còn muốn ở nơi đây, thì có thể ở và làm việc bổ thí, gây phước, nếu không còn muốn ở, thì cứ tự trở về nhà; nếu các Người muốn lấy chồng thì ta gả chồng cho.

Bấy giờ vị phu nhân lớn nhất thưa với con rằng:

“— Nếu Ngài đã xin theo đức Phật, trọn đời lấy phạm hạnh làm đầu, thọ trì năm giới, thì nên đem tôi gả cho người kia.

Con liền kêu người kia đến, tay trái cầm tay vị đại phu nhân, tay mặt bưng chậu nước bằng vàng, bảo người kia rằng:

“— Nay ta đem đại phu nhân gả cho Người làm vợ.

Người ấy nghe rồi, liền vì quá sợ hãi, lòng toàn thân đều dựng đứng và thưa với con:

“— Thưa Trưởng giả, Ngài muốn giết tôi chăng? Ngài muốn giết tôi sao?

Con trả lời:

“— Ta không giết Người đâu! Vì ta đã xin theo đức Phật, trọn đời lấy phạm hạnh làm đầu, thọ trì năm giới, do đó, ta sẽ đem vị phu nhân lớn nhất này gả cho Người làm vợ.”

Bạch Tôn giả, con đã cho vị đại phu nhân, ngay lúc đang cho ấy, con hoàn toàn không có lòng hối tiếc. Bạch Tôn giả, con có pháp ấy.

Thầy Tỳ-kheo khen:

— Nay Trưởng giả, nếu Ông có pháp ấy thì thật là kỳ diệu, thật là hy hữu!

— Bạch Tôn giả, con không phải chỉ có pháp ấy mà thôi. Lại nữa, bạch Tôn giả, khi con đến vườn của chúng Tăng, nếu trước hết con gặp một thầy Tỳ-kheo nào, liền đánh lễ. Nếu vị Tỳ-kheo ấy kinh hành, con cũng kinh hành. Nếu vị ấy ngồi, con cũng ngồi theo một bên, ngồi rồi nghe pháp. Vị Tôn giả ấy thuyết pháp cho con, con cũng thuyết pháp cho vị Tôn giả ấy. Vị Tôn giả ấy hỏi việc con, con cũng hỏi việc Tôn giả ấy. Vị Tôn giả ấy trả lời câu hỏi cho con, con cũng trả lời câu hỏi ấy cho vị Tôn giả. Con nhớ chưa từng có lần nào khinh mạn các vị Tỳ-kheo thượng tôn trưởng lão, và các vị bậc thượng, hạ. Bạch Tôn giả, con có pháp ấy.

Thầy Tỳ-kheo khen:

— Nay Trưởng giả, nếu Ông có pháp ấy thì thật là kỳ diệu, thật là hy hữu!

— Bạch Tôn giả, con không phải chỉ có pháp ấy mà thôi. Lại nữa, bạch Tôn giả, khi con ở giữa đại chúng Tỳ-kheo, thực hành việc bố thí, thì có chư Thiên trụ giữa hư không bảo con rằng: “Này

Trưởng giả, đây là bậc A-la-hán, đây là bậc A-la-hán hướng; đây là bậc A-na-hàm, đây là bậc A-na-hàm hướng; đây là bậc Tu-đà-hàm, đây là bậc Tu-đà-hàm hướng; đây là bậc Tu-đà-hoàn, đây là bậc Tu-đà-hoàn hướng; vị này tinh tấn, vị này không tinh tấn". Bạch Tôn giả, khi con cúng dường cho đại chúng Tỳ-kheo, con nhớ chưa từng có ý phân biệt. Bạch Tôn giả con có pháp ấy.

Thầy Tỳ kheo khen:

— Nay Trưởng giả, nếu Ông có pháp ấy thì thật là kỳ diệu, thật là hy hữu!

— Bạch Tôn giả, con không phải chỉ có pháp ấy mà thôi. Lại nữa bạch Tôn giả, khi con ở giữa đại chúng Tỳ-kheo thực hành sự cúng dường, thì có chư Thiên trú trên hư không bảo con rằng: "Nay Trưởng giả, có đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Thế Tôn, khéo thuyết pháp, và Thánh chúng của đức Như Lai khéo thú hướng". Bạch Tôn giả, con không do vị Trời kia mà có tín, không do vị Trời kia mà có dục lạc, không nghe theo vị kia, nhưng con tự có tinh trí để biết, có đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, đức Thế Tôn khéo thuyết pháp, và Thánh chúng của đức Như Lai khéo thú hướng. Bạch Tôn giả, con có pháp ấy.

Thầy Tỳ-kheo khen:

— Này Trưởng giả, nếu Ông có pháp ấy thì thật là kỳ diệu, thật là hy hữu!

— Bạch Tôn giả, con không chỉ có pháp ấy mà thôi. Lại nữa, bạch Tôn giả, đức Phật có nói về năm hạ phần kiết sử, tức tham dục, sân nhuế, thân kiến, giới thủ và nghi. Con thấy năm kiết sử ấy, hoàn toàn không có một kiết sử nào còn trôi buộc con thác sanh vào bào thai, trở lại thế gian này. Bạch Tôn giả, con có pháp ấy.

Thầy Tỳ-kheo khen rằng:

— Này Trưởng giả, nếu Ông có pháp ấy thì thật là kỳ diệu, thật là hy hữu!

— Bạch Tôn giả, con không phải chỉ có pháp ấy mà thôi.

Trưởng giả Úc-già liền thưa với thầy Tỳ-kheo rằng:

— Mong Tôn giả ở lại đây thọ thực!

Thầy Tỳ-kheo im lặng nhận lời thỉnh của trưởng giả. Sau khi biết thầy Tỳ-kheo im lặng nhận lời rồi, trưởng giả Úc-già liền từ chỗ ngồi đứng dậy, tự mình múc nước rửa tay, đem rất nhiều món

ăn cũng và mềm, rất mỹ diệu, tinh khiết, ngon lành tự tay hầu sốt, để cho thầy Tỳ-kheo ăn được no đủ. Ăn xong, trưởng giả Úc-già dọn cất đồ đạc và rửa tay, rồi lấy một giường nhỏ ngồi riêng để nghe pháp.

Thầy Tỳ-kheo thuyết pháp cho trưởng giả, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ cho ông ấy rồi, thầy Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi sang một bên, đem trình bày đầy đủ lại cuộc thảo luận giữa thầy và trưởng giả Úc-già lên đức Phật.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Ta vì lẽ ấy mà khen ngợi, tán thán trưởng giả Úc-già có tám pháp vị tăng hữu.

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

8. KINH ÚC-GIÀ TRƯỞNG GIẢ(B)

Tôi nghe như vậy:

Một thời, sau khi đức Phật nhập Niết-bàn không bao lâu, có một số đông trưởng lão Tỳ-kheo du hóa tại Tỳ-xá-ly, ở bên sông Di-hầu, cao lâu dài quán.

Bấy giờ trưởng giả Úc-già tổ chức cuộc bố thí lớn như sau: đãi ăn cho những người khách từ xa đến, đãi ăn, cho các hành khách, các bệnh nhân và những người nuôi bệnh, thường dọn cháo, thường dọn cơm, cung cấp cho người trông nom tăng viên, thường mời đại chúng gồm hai mươi vị Tỳ-kheo đến thọ thực, cứ mỗi năm ngày đều có mời đại chúng đến thọ trai. Trưởng giả tổ chức cuộc bố thí lớn như vậy mà trên biển lại còn có một chiếc tàu

buồm lớn chở đầy hàng hóa trở về, giá trị đến trăm ngàn, vừa bị chìm mất.

Đại chúng Tỳ-kheo trưởng lão, thượng tôn nghe trưởng giả Úc-già tổ chức cuộc bố thí lớn như thế: đãi ăn cho những người khách từ xa đến, đãi ăn cho các hành khách, các bệnh nhân và những người nuôi bệnh, thường dọn cháo, thường dọn cơm, cung cấp cho người trông nom tăng viên, thường mời đại chúng gồm hai mươi vị Tỳ-kheo đến thọ thực, cứ mỗi năm ngày đều có mời đại chúng Tỳ-kheo tới thọ trai.

Các vị ấy nghe rồi bàn luận với nhau:

— Nay chư Hiền, vị nào có thể đến bảo với trưởng giả Úc-già: “Này trưởng giả, nên dừng lại, chớ bố thí nữa. Này trưởng giả, sau này sẽ tự biết.”

Rồi các vị ấy nghĩ như vậy: “Tôn giả A-nan là thị giả của đức Thế Tôn, thọ lãnh di giáo của Thế Tôn, được Thế Tôn và các vị đồng phạm hạnh có trí khen ngợi. Tôn giả A-nan có thể đến bảo với trưởng giả Úc-già: “Này Trưởng giả, hãy dừng lại, đừng bố thí nữa. Này Trưởng giả, sau sẽ tự biết.”

— Nay chư Hiền, chúng ta nên cùng nhau đến nơi Tôn giả A-nan trình bày sự việc như thế.

Bấy giờ, đại chúng Tỳ-kheo trưởng lão thượng tôn đi đến chỗ Tôn giả A-nan, cùng nhau chào hỏi rồi ngồi sang một bên và thưa:

— Thưa Hiền giả A-nan, Hiền giả có biết chăng, trưởng giả Úc-già tổ chức cuộc bố thí lớn như vậy: đãi ăn cho những người khách từ xa đến, đãi ăn cho các hành khách, các bệnh nhân và những người nuôi bệnh, thường dọn cháo, thường dọn cơm, cung cấp cho người trông nom tăng viên, thường mời đại chúng gồm hai mươi vị Tỳ-kheo đến thọ thực, cứ mỗi năm ngày đều có mời đại chúng Tỳ-kheo tới thọ trai. Trưởng giả tổ chức cuộc bố thí lớn như vậy mà trên biển lại có một chiếc tàu buồm lớn, chở đầy hàng hóa trở về, giá trị đến trăm ngàn, vừa bị chìm mất. Chúng tôi cùng bàn luận với nhau như thế này: “Ai có thể đến bảo với trưởng giả Úc-già như vậy: “Này trưởng giả, hãy dừng lại, chớ bố thí nữa. Này Trưởng giả, rồi sau sẽ tự biết.”” Chúng tôi lại nghĩ: “Tôn giả A-nan là thị giả của đức Thế Tôn, thọ lãnh di giáo của Thế Tôn, được Thế Tôn và các vị đồng phạm hạnh có trí khen ngợi. Tôn giả A-nan có thể đến bảo với trưởng giả Úc-già: “Này Trưởng giả, hãy dừng lại, đừng bố thí nữa. Này Trưởng giả, rồi sau sẽ tự biết.”” Này Hiền giả A-nan, Hiền giả có thể

đến bảo với trưởng giả Úc-già rằng: “Này Trưởng giả, hãy dừng lại, chớ bố thí nữa. Này Trưởng giả, rồi sau sẽ tự biết.”

Tôn giả A-nan thưa với các vị Tỳ-kheo trưởng lão thượng tôn:

— Thưa các Ngài, trưởng giả Úc-già tính tình nghiêm chỉnh, nếu tôi tự tiện nói thì biết đâu lại làm cho ông ấy chẳng vui. Thưa các Ngài, tôi đại diện cho ai để nói đây?

Các vị Tỳ-kheo trưởng lão trả lời:

— Hiền giả nên xưng là đại chúng Tỳ-kheo bảo như vậy. Sau khi Hiền giả xưng là chúng đại Tỳ-kheo bảo vậy, ông ấy sẽ không còn nói gì nữa.

Tôn giả A-nan liền im lặng, vâng lời các vị Tỳ-kheo trưởng lão thượng tôn. Bấy giờ các vị Tỳ-kheo trưởng lão thượng tôn biết Tôn giả A-nan im lặng nhận lời rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi quanh Tôn giả A-nan rồi ai về chỗ ấy. Sau khi đêm qua, vào lúc hừng sáng, Tôn giả A-nan khoác y, cầm bát, đi đến nhà trưởng giả Úc-già. Trưởng giả Úc-già thấy Tôn giả A-nan từ xa đi lại, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trích vai sửa áo, chấp tay hướng về Tôn giả A-nan thưa:

— Kính chào Tôn giả A-nan, Tôn giả từ đâu đến đây? Mời Ngài ngồi lên giường này.

Tôn giả A-nan liền ngồi lên giường ấy. Trưởng giả Úc-già đánh lễ dưới chân Tôn giả A-nan, rồi ngồi sang một bên, Tôn giả A-nan bảo:

— Trưởng giả biết chăng? Trưởng giả đã tổ chức cuộc bố thí lớn như vậy: đãi ăn cho những người khách từ xa đến, đãi ăn cho các hành khách, các bệnh nhân và những người nuôi bệnh, thường dọn cháo, thường dọn cơm, cung cấp cho người trông nom tăng viên, thường mời đại chúng gồm hai mươi vị Tỳ-kheo đến thọ thực, cứ mỗi năm ngày đều có mời đại chúng Tỳ-kheo đến thọ trai. Trưởng giả tổ chức cuộc bố thí lớn như vậy mà trên biển lại còn một chiếc tàu buồm lớn chở đầy hàng hóa trở về, trị giá đến trăm ngàn, vừa bị chìm mất. Nay Trưởng giả, hãy dừng lại, chớ bố thí nữa. Nay Trưởng giả, rồi sau sẽ tự biết.

Trưởng giả thưa:

— Bạch Tôn giả A-nan, đây là lời nói của ai vậy?

Tôn giả A-nan đáp:

— Nay Trưởng giả, tôi tuyên bố thay cho đại chúng Tỳ-kheo.

Trưởng giả thưa:

— Nếu Tôn giả A-nan tuyên bố lời của đại chúng Tỳ-kheo, thì không có gì phải luận; còn nếu tự mình bảo như vậy, thì có thể làm cho con rất không được vui lòng. Bạch Tôn giả A-nan, nếu con có hành xả như thế, có bố thí như thế, dù tất cả tài vật đều khô cạn, cũng chỉ làm cho con mãn nguyện thôi, giống như ý nguyện của vị Chuyển luân vương.

Tôn giả A-nan hỏi:

— Nay Trưởng giả, thế nào là ý nguyện của vị Chuyển luân vương?

Trưởng giả đáp:

— Bạch Tôn giả A-nan, có một người nghèo trong thôn nghĩ như vậy: “Mong sao ta trở nên giàu nhất trong thôn!” Đó là ý nguyện của người ấy. Có một người giàu trong thôn suy nghĩ như vậy: “Mong sao ta trở nên giàu nhất trong ấp!” Đó là ý nguyện của người ấy. Có một người giàu trong ấp suy nghĩ như vậy: “Mong sao ta giàu nhất trong thành!” Đó là ý nguyện của người ấy. Có một người giàu trong thành nghĩ như vậy: “Mong sao ta làm được chức tông chánh trong thành!” Đó là ý nguyện của người ấy. Vị tông chánh trong thành nghĩ như

vầy: “Mong sao ta làm được quan tướng quốc!” Đó là ý nguyện của người ấy. Quan tướng quốc suy nghĩ thế này: “Mong sao ta được làm vị tiểu vương!” Đó là ý nguyện của người ấy. Vị tiểu vương suy nghĩ như vầy: “Mong sao ta được làm Chuyển luân vương!”. Đó là ý nguyện của người ấy. Vị Chuyển luân vương suy nghĩ như vầy: “Mong sao ta được làm như một thiện nam tử, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, để thành tựu phạm hạnh vô thượng, tự tri, tự giác, tự chứng, thành tựu và an trụ, biết như thật rằng: Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa!” Đó là ý nguyện của Chuyển luân vương.

Bạch Tôn giả A-nan, nếu con có hành xả như thế, có bố thí như thế, dù cho tất cả tài vật đều khô cạn, cũng chỉ làm cho con mãn nguyện, như là ý nguyện của vị Chuyển luân vương. Bạch Tôn giả A-nan, con có pháp ấy.

Tôn giả A-nan khen:

— Nay Trưởng giả, nếu Ông có pháp ấy, thì thật là kỳ diệu, thật là hy hữu!

— Lại nữa, bạch Tôn giả A-nan, con không những chỉ có pháp ấy thôi. Bạch Tôn giả A-nan,

khi con đến vườn của chúng Tăng, khi vừa thấy một thầy Tỳ-kheo nào, con liền đánh lễ; nếu thấy thầy Tỳ-kheo ấy kinh hành, con cũng kinh hành theo; nếu thầy ấy ngồi, con cũng ngồi một bên, ngồi rồi nghe giảng pháp. Vị Tôn giả ấy thuyết pháp cho con, con cũng thuyết pháp cho vị Tôn giả ấy. Vị Tôn giả ấy hỏi việc con, con cũng hỏi việc Tôn giả ấy. Vị Tôn giả ấy trả lời con về mọi việc, con cũng trả lời vị Tôn giả ấy về mọi việc. Bạch Tôn giả A-nan, con nhớ, chưa từng có lần nào khinh mạn các vị Tỳ-kheo trưởng lão thượng tôn, các bậc thượng, trung, hạ. Bạch Tôn giả A-nan, con có pháp ấy.

Tôn giả A-nan khen:

— Nay Trưởng giả, nếu Ông có pháp ấy, thì thật là kỳ diệu, thật là hy hữu!

Bạch Tôn giả A-nan, khi con ở giữa đại chúng Tỳ-kheo để thực hành việc bố thí, thì có chư thiên trú trên hư không, bảo con rằng: “Nay Trưởng giả, vị này là A-la-hán, vị này là A-la-hán hướng; vị này là A-na-hàm, vị này là A-na-hàm hướng; vị này là Tư-dà-hàm, vị này là Tư-dà-hàm hướng; vị này là Tu-dà-hoàn, vị này là Tu-dà-hoàn hướng; vị này tinh tấn, vị kia không tinh tấn”. Bạch Tôn giả A-nan, khi con cúng dường cho đại chúng

Tỳ-kheo, con nhớ, chưa từng có ý phân biệt. Bạch Tôn giả A-nan, con có pháp ấy.

Tôn giả A-nan khen:

— Nay Trưởng giả, nếu Ông có pháp ấy, thì thật là kỳ diệu, thật là hy hữu!

— Lại nữa, bạch Tôn giả A-nan, con không những chỉ có pháp ấy thôi. Bạch Tôn giả A-nan, khi con ở giữa đại chúng Tỳ-kheo để thực hành việc bố thí, thì có chư Thiên trú trên không bảo con rằng: “Có đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, là bậc Thế Tôn khéo thuyết pháp, và có Thánh chúng của Như Lai khéo thú hưởng.” Nhưng con không do vị Trời kia mà có tín, con không do vị ấy; mà có dục lạc, không nghe theo vị ấy; nhưng con tự có tịnh trí, biết rằng, đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, là bậc Thế Tôn khéo thuyết pháp, và có Thánh chúng của Như Lai khéo thú hưởng. Bạch Tôn giả A-nan, con có pháp ấy.

Tôn giả A-nan khen:

— Nay Trưởng giả, nếu Ông có pháp ấy, thì thật là kỳ diệu, thật là hy hữu!

— Lại nữa, bạch Tôn giả A-nan, con không những chỉ có pháp ấy thôi. Bạch Tôn giả A-nan, con ly dục, ly pháp ác và pháp bất thiện, chứng

đến đệ tứ Thiên, thành tựu và an trụ. Bạch Tôn giả A-nan, con có pháp ấy.

Tôn giả A-nan khen:

— Nay Trưởng giả, nếu Ông có pháp ấy, thì thật là kỳ diệu, thật là hy hữu!

Bấy giờ trưởng giả Úc-già thưa:

— Bạch Tôn giả A-nan, mời Ngài ở lại đây thọ thực.

Tôn giả A-nan im lặng nhận lời mời của trưởng giả Úc-già. Trưởng giả Úc-già biết Tôn giả A-nan im lặng nhận lời rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, tự mình lấy nước rửa tay rồi bưng rất nhiều đồ ăn cứng và mềm, đầy đủ mỹ diệu và tinh khiết, tự tay hầu sốt để Tôn giả A-nan được no đủ. Ăn xong, trưởng giả dọn cất đồ đạc, dùng nước rửa xong, đem một cái giường nhỏ ngồi riêng nghe pháp. Tôn giả A-nan thuyết pháp cho ông ấy khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi, Tôn giả A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi.

Tôn giả A-nan thuyết như vậy, trưởng giả Úc-già sau khi nghe Tôn giả A-nan dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

9. KINH THỦ TRƯỞNG GIẢ(A)

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại A-la-bệ-già-la, trong rừng Hòa Lâm.

Bấy giờ Thủ trưởng giả cùng với năm trăm đại trưởng giả đi đến nơi đức Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi sang một bên, năm trăm trưởng giả cũng cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi sang một bên.

Đức Thế Tôn dạy:

— Nay Thủ trưởng giả, nay Ông có một đại chúng rất đông. Nay Trưởng giả, Ông dùng những pháp nào để nhiếp hóa đại chúng này.

Bấy giờ Thủ trưởng giả thưa:

— Bạch Thế Tôn, có bốn sự nhiếp, như đức Thế Tôn đã dạy: một là bố thí, hai là ái ngữ, ba là lợi hành và bốn là đồng sự. Bạch Thế Tôn, con dùng bốn pháp ấy để nhiếp hóa đại chúng này, hoặc là dùng bố thí, hoặc là dùng ái ngữ, hoặc là dùng lợi hành, hoặc là đồng sự.

Đức Thế Tôn khen:

— Hay thay, hay thay! Này Thủ trưởng giả, Ông có thể đúng như pháp mà nhiếp hóa đại chúng, đúng như môn mà nhiếp hóa đại chúng, đúng như nhân duyên mà nhiếp hóa đại chúng. Này Thủ trưởng giả, nếu trong quá khứ có vị Sa-môn Phạm chí nào, đúng như pháp mà nhiếp hóa đại chúng, thì tất cả những pháp ấy đều ở trong bốn sự nhiếp hóa này, hoặc còn ít hơn nữa. Này Thủ trưởng giả, nếu trong vị lai có Sa-môn Phạm chí nào đúng như pháp mà nhiếp hóa đại chúng, thì tất cả những pháp ấy đều ở trong bốn sự nhiếp này, hoặc còn ít hơn nữa. Này Thủ trưởng giả, nếu trong hiện tại có Sa-môn Phạm chí nào đúng như pháp mà nhiếp hóa đại chúng, thì tất cả những pháp ấy đều ở trong bốn sự nhiếp này, hoặc còn ít hơn nữa.

Bấy giờ đức Thế Tôn thuyết pháp cho Thủ trưởng giả, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi dùng vô lượng phương tiện thuyết

pháp cho ông ấy, khuyến phát khát ngưỡng và thành tựu hoan hỷ rồi, Ngài ngồi im lặng.

Bấy giờ, sau khi được đức Phật thuyết pháp cho khuyến phát khát ngưỡng và thành tựu hoan hỷ rồi, Thủ trưởng giả liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi ra đi.

Trở về nhà, khi tới cổng ngoài, nếu có gặp người nào, ông đều thuyết pháp cho, khuyến phát khát ngưỡng và thành tựu hoan hỷ. Khi đến cổng giữa, cổng trong và vào đến bên trong nhà, nếu gặp người nào, ông đều thuyết pháp cho, khuyến phát khát ngưỡng và thành tựu hoan hỷ. Sau đó ông vào nhà, trải giường ngồi kiết-già, tâm tương ưng với từ, biến mãn một phương, thành tựu và an trụ; cứ như vậy, hai, ba, bốn phương, tứ duy thượng hạ, biến khắp tất cả, tâm tương ưng với từ, không kết, không oán, không nhuế, không tránh, rộng lớn bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ; cũng vậy, với bi và hỷ, tâm tương ưng với xả, không kết, không oán, không nhuế, không tránh, rộng lớn bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ.

Bấy giờ, chư Thiên ở cõi Tam thập tam thiên tập trung tại pháp đường, khen ngợi Thủ trưởng giả:

— Nay chư Hiền, Thủ trưởng giả có đại thiện lợi, có đại công đức. Vì sao thế? Vì Thủ trưởng giả ấy, sau khi được đức Phật thuyết pháp, khuyến phát khát ngưỡng và thành tựu hoan hỷ cho rồi, ông liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi ra đi. Trở về nhà, khi tới cổng ngoài, nếu gặp người nào, ông đều thuyết pháp cho, khuyến phát khát ngưỡng và thành tựu hoan hỷ; khi đến cổng giữa, cổng trong và vào đến bên trong nhà, nếu gặp người nào, ông đều thuyết pháp cho, khuyến phát khát ngưỡng và thành tựu hoan hỷ. Sau đó ông vào nhà, trải giường ngồi kiết-giã, tâm tương ưng với từ, biến mãn một phương, thành tựu và an trụ; cứ như vậy, hai, ba, bốn phương, tứ duy thượng hạ, biến khắp tất cả, tâm tương ưng với từ, không kết, không oán, không nhuế, không tránh, rộng lớn bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ; cũng như vậy, với bi và hỷ, tâm tương ưng với xả, không kết, không oán, không nhuế, không tránh, rộng lớn bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ.

Bấy giờ, Tỳ-sa-môn đại thiên vương, sắc tướng nguy nga, ánh sáng rực rỡ, lúc đêm gần về sáng, đi đến nhà Thủ trưởng giả và bảo :

— Đây Trưởng giả, Ông có đại thiện lợi, có đại công đức. Vì sao thế? Hôm nay, ở cõi Tam thập tam thiên vì Trưởng giả mà tập trung tại pháp đường khen ngợi: “Thủ trưởng giả ấy có đại thiện lợi, có đại công đức. Vì sao thế? Đây chư Hiền, vì Thủ trưởng giả ấy, sau khi trở về nhà, khi tới cổng ngoài, nếu gặp người nào ông đều thuyết pháp cho, khuyến phát khát ngưỡng và thành tựu hoan hỷ; khi đến cổng giữa, cổng trong và vào bên trong nhà, nếu gặp người nào, ông đều thuyết pháp cho, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu và hoan hỷ. Sau đó ông vào nhà, trải giường ngồi kiết-già, tâm tương ứng với từ, biến mãn một phương, thành tựu và an trụ; cứ như vậy, hai, ba, bốn phương, tứ duy thượng hạ, biến khắp tất cả, tâm tương ứng với từ, không kết, không oán, không nhuế, không tránh, rộng lớn bao la vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian thành tựu và an trụ; cũng như vậy, với bi và hỷ, tâm tương ứng với xả, không kết, không oán, không nhuế, không tránh, rộng lớn bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ.”

Bấy giờ, Thủ trưởng giả im lặng không nói gì cả, không ngấm, không nhìn Tỳ-sa-môn đại thiên vương. Vì sao thế? Vì tôn trọng định tâm, và để thủ hộ định tâm của mình.

Bấy giờ đức Thế Tôn ở giữa đại chúng, khen ngợi Thủ trưởng giả:

— Thủ trưởng giả có bảy pháp vị tăng hữu. Sau khi Ta thuyết pháp cho Thủ trưởng giả ấy, khuyến phát khát ngưỡng và thành tựu hoan hỷ rồi, ông ấy từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Ta, nhiễu quanh ba vòng rồi ra đi. Trở về lại nhà, khi tới cổng ngoài, nếu gặp người nào, ông đều thuyết pháp cho, khuyến phát khát ngưỡng và thành tựu hoan hỷ; khi đi đến cổng giữa, cổng trong, vào đến bên trong nhà, nếu gặp người nào, ông đều thuyết pháp cho, khuyến phát khát ngưỡng và thành tựu hoan hỷ. Sau đó, ông vào nhà, trải giường ngồi kiết-già, tâm tương ưng với từ, biến mãn một phương, thành tựu và an trụ; cứ như vậy, hai, ba, bốn phương, tứ duy thượng hạ, biến mãn tất cả, tâm tương ưng với từ, không kết, không oán, không tránh, không nhuế, rộng lớn bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ; cũng như vậy, với bi và hỷ, tâm tương ưng với xả, không kết, không oán, không nhuế, không tránh, rộng lớn bao la, vô lượng khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ.

Hôm nay chư Thiên ở Tam thập tam thiên vì trưởng giả ấy mà tập trung ở pháp đường, khen

ngợi: “Thủ trưởng giả có đại thiên lợi, có đại công đức. Vì sao thế? Vì Thủ trưởng giả ấy, sau khi được Phật thuyết pháp, khuyến phát khát ngưỡng và thành tựu hoan hỷ rồi, ông liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi ra đi. Trở về lại nhà, khi tới cổng ngoài, nếu gặp người nào, ông đều thuyết pháp cho, khuyến phát khát ngưỡng và thành tựu hoan hỷ; khi đến cổng giữa, cổng trong và vào đến bên trong nhà, nếu gặp người nào, ông đều thuyết pháp cho, khuyến phát khát ngưỡng và thành tựu hoan hỷ. Sau đó, ông vào nhà, trải giường, ngồi kiết-già, tâm tương ưng với từ, biến mãn một phương, thành tựu và an trụ; cứ như vậy, hai, ba, bốn phương, tứ duy thượng hạ, biến mãn tất cả, tâm tương ưng với từ, không kết, không oán, không nhuế, không tránh, rộng lớn bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ; cũng như vậy, với bi và hỷ, tâm tương ưng với xả, không kết, không oán, không nhuế, không tránh, rộng lớn bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ.”

Hôm nay Tỳ-sa-môn đại thiên vương, sắc tướng nguy nga ánh sáng rực rỡ, vào lúc đêm gần về sáng, đi đến nhà trưởng giả mà khen ngợi rằng:

“— Nay Trưởng giả, Ông có đại thiện lợi, có đại công đức. Vì sao thế? Hôm nay chư Thiên ở cõi Tam thập tam thiên vì trưởng giả mà tập trung tại pháp đường để khen ngợi rằng: "Thủ trưởng giả có đại thiện lợi có đại công đức. Vì sao thế? Nay chư Hiền, sau khi được Phật thuyết pháp, khuyến phát khát ngưỡng và thành tựu hoan hỷ rồi, ông liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Phật, nhiễu quanh ba vòng, rồi ra đi. Trở về nhà, khi tới cổng ngoài, nếu gặp người nào, ông đều thuyết pháp cho, khuyến phát khát ngưỡng và thành tựu hoan hỷ; khi đến cổng giữa, cổng trong và vào đến bên trong nhà, nếu gặp người nào, ông đều thuyết pháp cho, khuyến phát khát ngưỡng và thành tựu hoan hỷ. Sau đó, ông vào nhà, trải giường, ngồi kiết-già, tâm tương ưng với từ, biến mãn một phương, thành tựu và an trụ; cứ như vậy, hai, ba, bốn phương, tứ duy thượng hạ, biến mãn tất cả, tâm tương ưng với từ, không kết, không oán, không nhuế, không tránh, rộng lớn bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ; cũng như vậy, với bi và hỷ, tâm tương ưng với xả, không kết, không oán, không nhuế, không tránh, rộng lớn bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ."”

Bấy giờ, có một thầy Tỳ-kheo, sau đêm ấy đến sáng hôm sau, khoác y, ôm bát đến nhà Thủ trưởng giả. Thủ trưởng giả từ xa trông thấy thầy Tỳ-kheo liền từ chỗ ngồi đứng dậy, chấp tay hướng về thầy Tỳ-kheo mà thưa:

— Kính chào Tôn giả, Tôn giả đã lâu không đến đây. Mời Ngài ngồi trên giường này.

Lúc đó thầy Tỳ-kheo liền ngồi trên giường ấy. Thủ trưởng giả đánh lễ dưới chân thầy Tỳ-kheo, rồi ngồi một bên. Thầy Tỳ-kheo bảo:

— Này Trưởng giả, Ông có đại thiện lợi, có đại công đức. Vì sao thế? Đức Thế Tôn vì Ông ở giữa vô lượng trăm ngàn đại chúng mà khen ngợi Thủ trưởng giả: “Thủ trưởng giả có bảy pháp vị tăng hữu. Sau khi đức Thế Tôn thuyết pháp cho Thủ trưởng giả, khuyến phát khát ngưỡng, và thành tựu hoan hỷ rồi, Thủ trưởng giả từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, nhiễu quanh ba vòng, rồi ra đi. Trở về lại nhà, khi tới cổng ngoài, nếu gặp người nào, trưởng giả đều thuyết pháp cho, khuyến phát khát ngưỡng và thành tựu hoan hỷ. Khi đi đến cổng giữa, cổng trong và vào đến bên trong nhà, nếu gặp người nào, trưởng giả đều thuyết pháp cho, khuyến phát khát ngưỡng và thành tựu hoan hỷ. Sau đó trưởng giả vào nhà, trải giường,

ngồi kiết-già, tâm tương ưng với từ, biến mãn một phương, thành tựu và an trụ; cứ như vậy, hai, ba, bốn phương, tứ duy thượng hạ, biến khắp tất cả, tâm tương ưng với từ, không kết, không oán, không nhuế, không tránh, rộng lớn bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ; cũng như vậy, với bi và hỷ, tâm tương ưng với xả, không kết, không oán, không nhuế, không tránh, rộng lớn bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ”.

Bấy giờ Thủ trưởng giả im lặng không nói gì cả, không ngắm không nhìn Tỳ-sa-môn đại thiên vương. Vì sao thế? Vì tôn trọng định tâm và để thủ hộ định tâm của mình.

Bấy giờ Thủ trưởng giả thưa với thầy Tỳ-kheo rằng:

— Bạch Tôn giả, lúc bấy giờ không có người bạch y chăng?

Thầy Tỳ-kheo trả lời:

— Không có người bạch y.

Rồi thầy Tỳ-kheo hỏi:

— Nếu có người bạch y thì sẽ có những lỗi lầm nào?

Trưởng giả đáp:

— Bạch Tôn giả, nếu có kẻ không tin lời đức Thế Tôn, kẻ ấy sẽ vĩnh viễn bất nghĩa, bất nhân, sanh vào chỗ cực ác, thọ vô lượng khổ. Nếu kẻ nào tin lời đức Thế Tôn, người ấy do việc đó sẽ có thể cung kính lễ bái con. Bạch Tôn giả, con cũng chẳng thích được như vậy. Bạch Tôn giả, mời Ngài ở lại đây thọ thực.

Vị Tỳ-kheo ấy im lặng nhận lời mời của Thủ trưởng giả. Thủ trưởng giả biết thầy Tỳ-kheo ấy im lặng nhận lời rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, tự mình lấy nước rửa tay, rồi dùng tất cả món ăn cứng và mềm, đầy đủ, mỹ diệu và tinh khiết, tự tay mình hầu sốt để Tỳ-kheo được no đủ. Sau bữa ăn, ông cất dọn đồ đạc và dùng nước rửa, rồi dọn một cái giường nhỏ ngồi riêng để nghe pháp. Thầy Tỳ-kheo ấy thuyết pháp cho Thủ trưởng giả, khuyến phát khát ngưỡng và thành tựu hoan hỷ. Sau khi đã dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho ông ấy, khuyến phát khát ngưỡng và thành tựu hoan hỷ rồi, thầy Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến chỗ đức Thế Tôn, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi sang một bên, trình bày tất cả lên đức Phật những gì mình vừa bàn luận với Thủ trưởng giả.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các thầy Tỳ-kheo rằng:

— Ta vì có ấy mà khen Thủ trưởng giả có bảy pháp vị tăng hữu. Lại nữa, Thủ trưởng giả có pháp vị tăng hữu thứ tám. Thủ trưởng giả vô cầu, vô dục.

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

10. KINH THỦ TRƯỞNG GIẢ (B)

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại A-la-bệ-già-la, ở trong rừng Hòa Lâm.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Thủ trưởng giả có tám pháp vị tăng hữu. Những gì là tám? Thủ trưởng giả có thiếu dục, có tín, có tâm, có quý, có tinh tấn, có niệm, có định, có huệ.

Nói Thủ trưởng giả có thiếu dục là do nhân gì? Thủ trưởng giả tự thân thiếu dục, không muốn để cho người khác biết mình có thiếu dục. Có tín, có tâm, có quý, có tinh cần, có niệm, có huệ. Thủ trưởng giả tự có huệ, không muốn để cho người

khác biết mình có huệ. Nói Thủ trưởng giả có thiếu dục, là vì lẽ đó.

Nói Thủ trưởng giả có tín là vì lẽ gì? Thủ trưởng giả có lòng tin kiên cố, bền chặt đối với Như Lai, tín tâm đã vững, hoàn toàn không theo Sa-môn Phạm chí, Ngoại đạo, hoặc Thiên, Ma, Phạm và tất cả những người khác trong thế gian. Nói Thủ trưởng giả có tín là vì lẽ đó.

Nói Thủ trưởng giả có tâm là vì lẽ gì? Thủ trưởng giả thường thực hành xấu hổ, điều gì đáng xấu hổ thì biết xấu hổ, như các pháp ác bất thiện và phiền não ô uế là thứ sẽ phải thọ các ác báo, tạo gốc sanh tử. Nói Thủ trưởng giả có tâm là vì lẽ đó.

Nói Thủ trưởng giả có quý là vì lẽ gì? Thủ trưởng giả thường thực hành sự biết thẹn, điều nào đáng thẹn thì biết thẹn, như các pháp ác bất thiện và phiền não ô uế là thứ sẽ phải thọ các ác báo, là tạo gốc sanh tử. Nói Thủ trưởng giả có quý là vì lẽ đó.

Nói Thủ trưởng giả có tinh tấn là vì lẽ gì? Thủ trưởng giả thường thực hành tinh tấn, trừ ác và bất thiện, tu các thiện pháp, luôn tự khởi ý, chuyên nhất và kiên cố, làm các gốc rễ thiện, không

hề từ bỏ khó nhọc. Nói Thủ trưởng giả có tinh tấn là vì lẽ đó.

Nói Thủ trưởng giả có niệm là vì lẽ gì? Thủ trưởng giả quán nội thân như thân, quán nội giác, nội tâm, nội pháp như pháp. Nói Thủ trưởng giả có niệm là vì lẽ đó.

Nói Thủ trưởng giả có định là vì lẽ gì? Thủ trưởng giả ly dục, ly pháp ác và bất thiện, cho đến chứng đắc tứ Thiên, thành tựu và an trụ. Nói Thủ trưởng giả có định là vì lẽ đó.

Nói Thủ trưởng giả có huệ là vì lẽ gì? Thủ trưởng giả tu hành trí tuệ, quán các pháp hưng suy, đạt được trí như vậy, tuệ minh đạt, phân biệt rõ ràng để hoàn toàn thoát khổ. Nói Thủ trưởng giả có huệ là vì lẽ đó.

Nhân đó nên nói Thủ trưởng giả có tám pháp vị tăng hữu.

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỷ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

V. PHẨM TẠP TƯƠNG ƯNG

1. Kinh Hà Nghĩa
2. Kinh Bất Tư
3. Kinh Niệm
4. Kinh Tàm Quý (A)
5. Kinh Tàm Quý (B)
6. Kinh Giới
7. Kinh Giới
8. Kinh Cung Kính (A)
9. Kinh Cung Kính (B)
10. Kinh Bốn Tế
11. Kinh Thực
12. Kinh Thực
13. Kinh Lậu Tận
14. Kinh Niết-Bàn
15. Kinh Di-Hê
16. Kinh Túc Vi Tỳ-Kheo Thuyết

1. KINH HÀ NGHĨA

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ vào lúc xế trưa, Tôn giả A-nan từ chỗ nghỉ ngơi đứng dậy, đến trước đức Phật, đánh lễ dưới chân Ngài, rồi ngồi qua một bên mà bạch:

— Bạch đức Thế Tôn, giữ giới thì có lợi ích gì?

Đức Thế Tôn đáp:

— Nay A-nan, giữ giới có lợi ích là để không hối hận. A-nan, nếu ai giữ giới liền được không hối hận.

— Bạch đức Thế Tôn, không hối hận thì có lợi ích gì?

— Nay A-nan, không hối hận có lợi ích là được hoan duyệt. A-nan, nếu ai không hối hận liền được sự hoan duyệt.

— Bạch đức Thế Tôn, sự hoan duyệt có lợi ích gì?

— Nay A-nan, sự hoan duyệt có lợi ích là được hoan hỷ. A-nan, nếu ai hoan duyệt liền được hoan hỷ.

— Bạch đức Thế tôn, hỷ có lợi ích gì?

— Nay A-nan, hỷ có lợi ích là được tỉnh chỉ. A-nan, nếu ai hoan hỷ liền được thân tỉnh chỉ.

— Bạch đức Thế Tôn, chỉ có lợi ích gì?

— Nay A-nan, chỉ có lợi ích là được hoan lạc. A-nan, nếu ai tỉnh chỉ liền được cảm giác hoan lạc.

— Bạch đức Thế Tôn, lạc có lợi ích gì?

— Nay A-nan, lạc có lợi ích là được định tĩnh. A-nan, nếu ai hoan lạc liền được tâm định tĩnh.

— Bạch đức Thế Tôn, định có lợi ích gì?

— Nay A-nan, định có lợi ích là để có thấy như thật, biết như thật. A-nan, nếu ai định tâm liền được thấy như thật, biết như thật.

— Bạch đức Thế Tôn, thấy như thật, biết như thật có lợi ích gì?

— Nay A-nan, thấy như thật, biết như thật có lợi ích là nhàm chán. Nay A-nan, nếu ai thấy như thật, biết như thật thì liền nhàm chán.

— Bạch đức Thế Tôn, nhàm chán có lợi ích gì?

— Nay A-nan, nhàm chán thì được vô dục. A-nan, nếu ai nhàm chán liền được vô dục.

— Bạch đức Thế Tôn, vô dục có lợi ích gì?

— Nay A-nan, vô dục thì được giải thoát. A-nan, nếu ai vô dục liền được giải thoát mọi dâm, nộ, si.

Cho nên, nay A-nan, như giữ giới mà được không hối hận, như không hối hận mà được hoan duyệt, như hoan duyệt mà được hỷ, như hỷ mà được xả, như xả mà được lạc, như lạc mà được định.

Nay A-nan, Đa văn Thánh đệ tử như định mà có thấy như thật, biết như thật; do có thấy

như thật, biết như thật mà có nhàm chán, như nhàm chán mà được vô dục, như vô dục mà được giải thoát, như giải thoát mà có giải thoát tri kiến, biết đúng như thật rằng: “Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa”.

Này A-nan, đó chính là các pháp làm ích cho nhau, làm như cho nhau. Như vậy, giới này đưa đến chỗ cao tốt, tức là đưa từ bờ này đến tận bờ kia.

Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe những lời Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

2. KINH BẤT TỬ

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo:

— Này A-nan, người giữ giới không nên nghĩ rằng: “Mong sao ta không có sự hối hận.” Này A-nan, bởi vì pháp tự nó vốn vậy, ai giữ giới liền được sự không hối hận.

Này A-nan, người đã được sự không hối hận không nên nghĩ rằng: “Mong sao ta được hoan duyệt”. Này A-nan, bởi vì pháp tự nó vốn vậy, ai không hối hận liền được hoan duyệt.

Này A-nan, người đã được hoan duyệt không nên nghĩ rằng: “Mong sao ta được hoan hỷ”. Này A-Nan, pháp tự nó vốn vậy, ai đã có hoan duyệt thì liền được hoan hỷ.

Này A-nan, người đã có hỷ không nên nghĩ rằng: “Mong sao ta được tỉnh chỉ.” Này A-nan, pháp tự nó vốn vậy, ai đã có hỷ thì liền được thân tỉnh chỉ.

Này A-nan, người đã có tỉnh chỉ không nên nghĩ rằng: “Mong sao ta có lạc”. Này A-nan, pháp tự nó vốn vậy, ai đã có tỉnh chỉ liền được cảm giác lạc.

Này A-nan, người đã có lạc không nên nghĩ rằng: “Mong sao ta có định.” Này A-nan, pháp tự nó vốn vậy, ai đã có lạc liền có tâm định.

Này A-nan, người đã có định không nên nghĩ rằng: “Mong sao ta có tri kiến như thật.” Này A-nan, pháp tự nó vốn vậy, ai đã có định liền được tri kiến như thật.

Này A-nan, người đã có tri kiến như thật không nên nghĩ rằng: “Mong sao ta có nhàm chán.” Này A-nan, pháp tự nó vốn vậy, ai có tri kiến như thật liền có nhàm chán.

Này A-nan, người đã có sự nhàm chán không nên nghĩ rằng: “Mong sao ta có vô dục.” Này A-nan, pháp tự nó vốn vậy, ai đã có nhàm chán liền được vô dục.

Này A-nan, người có được vô dục không nên nghĩ rằng: “Mong sao ta có giải thoát.” Này A-nan, pháp tự nó vốn vậy, ai đã vô dục liền được giải thoát mọi dâm, nộ, si.

Này A-nan, ấy là nhơn giữ giới mà được không hối hận, nhơn không hối hận mà được hoan duyệt, nhơn hoan duyệt mà được hỷ, nhơn hỷ mà được chí, nhơn chí mà được lạc, nhơn lạc mà được tâm định. Này A-nan, Đa văn Thánh đệ tử nhơn định mà có tri kiến như thật, nhơn tri kiến như thật mà được nhàm chán, nhơn nhàm chán mà được vô dục, nhơn vô dục mà được giải thoát, nhơn giải thoát mà có tri kiến giải thoát, biết như thật rằng: “Sự sanh đã dứt, hạnh lành đã lập, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa.”

Này A-nan, đó chính là các pháp giúp ích cho nhau, làm nhơn cho nhau. Như vậy, giới này đưa đến chỗ cùng tốt, nghĩa là đưa từ bờ này đến tận bờ kia.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật thuyết giảng, hoan hỷ phụng hành.

3. KINH NIỆM

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nếu Tỳ-kheo nào thường lãng quên, không chánh trí, thì làm tổn hại chánh niệm, chánh trí. Nếu không chánh niệm chánh trí thì làm tổn hại các việc gìn giữ các căn, gìn giữ giới, không hối hận, hoan duyệt, hỷ, chí, lạc, định, tri kiến như thật, nhàm chán, vô dục, giải thoát; nếu không giải thoát thì tổn hại Niết-bàn.

Nếu Tỳ-kheo nào không hề lãng quên, có chánh trí, thì thường có chánh niệm, chánh trí.

Nếu có chánh niệm chánh trí thì thường gìn giữ các căn, giữ giới, không hối hận, hoan duyệt, hỷ, chí, lạc, định, tri kiến như thật, nhằm chán, vô dục, giải thoát; nếu đã giải thoát liền chứng đắc Niết-bàn.

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe những điều Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

4. KINH TÂM QUÝ (A)

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nếu Tỳ-kheo nào không có tâm không có quý thì làm tổn hại ái và kính. Nếu không có ái và kính thì làm tổn hại tín; nếu không có tín thì làm tổn hại chánh tư duy; nếu không chánh tư duy thì làm tổn hại chánh niệm, chánh trí; nếu không chánh niệm, chánh trí thì làm tổn hại sự gìn giữ các căn, giữ giới, không hối hận, hoan duyệt, hoan hỷ, tỉnh chỉ, lạc, định, tri kiến như

thật, nhằm chán, vô dục, giải thoát; nếu không giải thoát thì làm tổn hại Niết-bàn.

Nếu Tỳ-kheo nào biết hổ, biết thẹn thì có ái và kinh. Nếu có ái và kinh thì thường có tín; nếu có tín thì thường có chánh tư duy; nếu có chánh tư duy thì thường có chánh niệm, chánh trí; nếu có chánh niệm, chánh trí thì thường gìn giữ các căn, giữ giới, không hối hận, hoan duyệt, hoan hỷ, tĩnh chỉ, lạc, định, tri kiến như thật, nhằm chán, vô dục, giải thoát; nếu giải thoát thì liền đắc Niết-bàn.

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe những điều Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

5. KINH TÂM QUÝ (B)

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trú tại rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lê Tử bảo các Tỷ-kheo:

— Nay các Hiền giả, nếu Tỷ-kheo nào không tâm, không quý thì làm tổn hại ái và kinh. Nếu không ái và kinh thì làm tổn hại tín; nếu không có tín thì làm tổn hại chánh tư duy; nếu không chánh tư duy thì làm tổn hại chánh niệm, chánh trí; nếu không chánh niệm, chánh trí thì làm tổn hại việc giữ gìn các căn, giữ giới, không hối hận, hoan duyệt, hoan hỷ, tinh chí, lạc, định, tri kiến

như thật, nhằm chán, vô dục, giải thoát; nếu không giải thoát thì tổn hại Niết-bàn.

Này các Hiền giả, cũng như cây nào mà lớp vỏ ngoài bị tổn hại thì vỏ trong cũng hư. Vỏ trong hư nên thân, lõi, nhánh, cành, hoa, lá chắc chắn thấy đều tàn rụi. Các Hiền giả nên biết, Tỳ-kheo cũng giống như thế, nếu không tầm không quý thì làm tổn hại ái và kính; nếu không ái và kính, thì làm tổn hại tín; nếu không tín thì làm tổn hại chánh tư duy; nếu không chánh tư duy thì làm tổn hại chánh niệm, chánh trí; nếu không chánh niệm chánh trí thì làm tổn hại việc gìn giữ các căn, giữ giới, không hối hận, hoan duyệt, hoan hỷ, tĩnh chỉ, lạc, định, tri kiến như thật, nhằm chán, vô dục, giải thoát; nếu không giải thoát thì tổn hại Niết-bàn.

Này các Hiền giả, Tỳ-kheo biết tầm, biết quý thì thường có ái và kính, nếu có ái và kính thì thường có tín; nếu có tín thì thường có chánh tư duy; nếu có chánh tư duy thì thường có chánh niệm, chánh trí; nếu có chánh niệm, chánh trí thì thường giữ gìn các căn, giữ giới, không hối hận, hoan duyệt, hoan hỷ, tĩnh chỉ, lạc, định, tri kiến như thật, nhằm chán, vô dục, giải thoát; nếu đã giải thoát, liền đắc Niết-bàn.

Này các Hiền giả, giống như cây nào mà vỏ ngoài không bị hư thì vỏ trong không bị hư. Vỏ trong không hư nên thân, lõi, nhánh, cành, hoa, lá chắc chắn thấy đều thành tựu. Chư Hiền nên biết, Tỳ-kheo cũng y như vậy, nếu biết tầm biết quý thì thường có ái và kính; nếu có ái và kính thì thường có tín; nếu có tín thì thường có chánh tư duy; nếu có chánh tư duy thì thường có chánh niệm, chánh trí; nếu có chánh niệm, chánh trí thì thường giữ gìn các căn, giữ giới, không hối hận, hoan duyệt, hoan hỷ, đình chỉ, lạc, định, tri kiến như thật, nhàm chán, vô dục, giải thoát; nếu đã giải thoát, liền đắc Niết-bàn.

Tôn giả Xá-lê Tử giảng thuyết như vậy, các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe những gì Tôn giả Xá-lê Tử giảng thuyết, hoan hỷ phụng hành.

6. KINH GIỚI (A)

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nếu Tỳ-kheo nào phạm giới thì làm tổn hại các việc: không hối hận, hoan duyệt, hoan hỷ, tỉnh chỉ, lạc, định, tri kiến như thật, nhằm chán, vô dục, giải thoát; nếu không giải thoát thì tổn hại Niết-bàn.

Nếu Tỳ-kheo nào giữ giới thì thường có sự không hối hận, hoan duyệt, hoan hỷ, tỉnh chỉ, lạc, định, tri kiến như thật, nhằm chán, vô dục, giải thoát; nếu đã giải thoát thì liền đắc Niết-bàn.

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe những điều Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

7. KINH GIỚI (B)

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lê Tử bảo các Tỳ-kheo:

— Nay chư Hiền, nếu Tỳ-kheo nào phạm giới thì làm tổn hại các việc không hối hận, hoan duyệt, hoan hỷ, tĩnh chỉ, lạc, định, tri kiến như thật, nhàm chán, vô dục, giải thoát; nếu không giải thoát thì tổn hại Niết-bàn.

Này chư Hiền, giống như cây nào hư gốc thì thân, lõi, nhánh, cành, hoa, lá không thể thành được. Chư Hiền nên biết, Tỳ-kheo cũng như vậy, nếu ai phạm giới thì làm tổn hại các việc như

không hối hận, hoan duyệt, hoan hỷ, tỉnh chỉ, lạc, định, tri kiến như thật, nhàm chán, vô dục, giải thoát; nếu không giải thoát thì tổn hại Niết-bàn.

Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo nào giữ giới thì thường có sự không hối hận, hoan duyệt, hoan hỷ, tỉnh chỉ, lạc, định, tri kiến như thật, nhàm chán, vô dục, giải thoát; nếu đã giải thoát thì liền đắc Niết-bàn.

Này chư Hiền, giống như cây nào không hư gốc thì thân, lõi, nhánh, cành, hoa, lá đều thành tựu. Chư Hiền nên biết, Tỳ-kheo cũng như vậy, nếu ai giữ giới thì thường có sự không hối hận, hoan duyệt, hoan hỷ, tỉnh chỉ, lạc, định, tri kiến như thật, nhàm chán, vô dục; nếu đã giải thoát thì liền đắc Niết-bàn.

Tôn giả Xá-lê Tử dạy như thế, các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe những điều Tôn giả Xá-lê Tử thuyết, hoan hỷ phụng hành.

8. KINH CUNG KÍNH (A)

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Tỳ-kheo nên thực hành hạnh cung kính và khéo quán sát, kính trọng các bậc Phạm hạnh.

Nếu Tỳ-kheo nào không thực hành hạnh cung kính, không khéo quán sát, không kính trọng các bậc Phạm hạnh, mà lại có đầy đủ phép tắc, oai nghi, điều đó không thể xảy ra. Phép tắc oai nghi không đầy đủ mà học pháp đầy đủ, điều đó không thể xảy ra. Học pháp không đầy đủ mà giới thân đầy đủ, điều đó không thể xảy ra. Giới thân không

đầy đủ mà định thân đầy đủ, điều đó không thể xảy ra. Định thân không đầy đủ mà tuệ thân đầy đủ, điều đó không thể xảy ra. Tuệ thân không đầy đủ mà giải thoát thân đầy đủ, điều đó không thể xảy ra. Giải thoát thân không đầy đủ mà giải thoát tri kiến thân đầy đủ, điều đó không thể xảy ra. Giải thoát tri kiến thân không đầy đủ mà Niết-bàn đầy đủ, điều đó không thể xảy ra.

Nếu Tỳ-kheo nào thực hành hạnh cung kính và khéo quán sát kính trọng các bậc Phạm hạnh nên đã đầy đủ oai nghi, điều đó chắc chắn xảy ra. Oai nghi đầy đủ nên học pháp đầy đủ, điều đó chắc chắn xảy ra. Học pháp đầy đủ nên giới thân đầy đủ, điều đó chắc chắn xảy ra. Giới thân đầy đủ nên định thân đầy đủ, điều đó chắc chắn xảy ra. Định thân đầy đủ nên tuệ thân đầy đủ, điều đó chắc chắn xảy ra. Tuệ thân đầy đủ nên giải thoát thân đầy đủ, điều đó chắc chắn xảy ra. Giải thoát thân đầy đủ nên giải thoát tri kiến thân đầy đủ, điều đó chắc chắn xảy ra. Giải thoát tri kiến thân đầy đủ nên Niết-bàn đầy đủ, điều đó chắc chắn xảy ra.

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe những điều đức Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

9. KINH CUNG KÍNH (B)

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Tỳ-kheo nên thực hành hạnh cung kính và khéo quán sát, kính trọng các bậc Phạm hạnh.

Nếu Tỳ-kheo nào không thực hành hạnh cung kính, không khéo quán sát, không kính trọng các bậc Phạm hạnh mà có oai nghi đầy đủ, điều đó không thể xảy ra. Oai nghi không đầy đủ mà học pháp đầy đủ, điều đó không thể xảy ra. Học pháp không đầy đủ, mà giữ gìn các căn, giữ giới, không hối hận, hoan duyệt, hoan hỷ, tỉnh chỉ, lạc, định,

tri kiến như thật, nhằm chán, vô dục, giải thoát đầy đủ, điều đó không thể xảy ra. Giải thoát không đầy đủ mà Niết-bàn đầy đủ, điều đó không thể xảy ra.

Nếu Tỳ-kheo nào thực hành hạnh cung kính và khéo quán sát kính trọng các bậc Phạm hạnh nên oai nghi đầy đủ, điều đó chắc chắn xảy ra. Oai nghi đầy đủ nên học pháp đầy đủ, điều đó chắc chắn xảy ra. Học pháp đầy đủ nên giữ gìn các căn, giữ giới, không hối hận, hoan duyệt, hoan hỷ, tinh chí, lạc, định, tri kiến như thật, nhằm chán, vô dục, giải thoát đầy đủ, điều đó chắc chắn xảy ra. Giải thoát đầy đủ nên Niết-bàn đầy đủ, điều đó chắc chắn xảy ra.

Đức Phật giảng thuyết như vậy, các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe những điều đức Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

10. KINH BỐN TẾ

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỷ kheo:

— Không thể biết biên tế cùng cực của hữu ái. Trước kia vốn không có hữu ái nhưng nay sanh ra hữu ái; do đó, mới có thể biết được nhân của hữu ái Hữu ái có nhơn chứ không phải không có nhơn. Nhơn của hữu ái là gì? Vô minh là nhơn. Vô minh cũng có nhơn chứ không phải không nhơn. Nhơn của vô minh là gì? Năm triền cái là nhơn. Năm triền cái cũng có nhơn chứ không phải không nhơn. Nhơn của năm triền cái là gì? Ba ác hạnh

là nhơn. Ba ác hạnh cũng có nhơn chứ không phải không nhơn. Nhơn của ba ác hạnh là gì? Không giữ gìn các căn là nhơn. Không giữ gìn các căn cũng có nhơn chứ không phải không nhơn. Nhơn không giữ gìn các căn là gì? Không chánh niệm, không chánh trí là nhơn. Không chánh niệm, không chánh trí cũng có nhơn chứ không phải không nhơn. Nhơn của không chánh niệm, không chánh trí là gì? Không chánh tư duy là nhơn. Không chánh tư duy cũng có nhơn chứ không phải không nhơn. Nhơn của không chánh tư duy là gì? Không có tín là nhơn. Không có tín cũng có nhơn chứ không phải không nhơn. Nhơn của không có tín là gì? Nghe điều ác là nhơn. Nghe điều ác cũng có nhơn chứ không phải không nhơn. Nhơn của nghe điều ác là gì? Gắn gũi ác tri thức là nhơn. Gắn gũi ác tri thức cũng có nhơn chứ không phải không nhơn. Nhơn của gắn gũi ác tri thức là gì? Người ác là nhơn. Vậy thì sẵn có đủ người ác mới có đủ sự gắn gũi ác tri thức. Có đủ sự gắn gũi ác tri thức mới có đủ sự nghe điều ác. Có đủ sự nghe điều ác mới có đủ sự sanh lòng bất tín. Có sự sanh lòng bất tín mới có đủ sự không chánh tư duy. Có đủ sự không chánh tư duy mới có đủ sự không chánh niệm, chánh trí. Có đủ sự không chánh

niệm, chánh trí mới có đủ sự không gìn giữ các căn. Có đủ sự không gìn giữ các căn mới đầy đủ ba ác hạnh. Đủ ba ác hạnh mới đủ năm triền cái. Đủ năm triền cái nên mới đủ vô minh. Có đủ vô minh nên đầy đủ hữu ái. Như vậy hữu ái này lần hồi tựu thành tròn vẹn.

Minh giải thoát cũng có nhưn chứ không phải không nhưn. Nhưn của minh giải thoát là gì? Bảy giác chi là nhưn. Bảy giác chi cũng có nhưn chứ không phải không nhưn. Nhưn của bảy giác chi là gì? Bốn niệm xứ là nhưn. Bốn niệm xứ cũng có nhưn chứ không phải không nhưn. Nhưn của bốn niệm xứ là gì? Ba diệu hạnh là nhưn. Ba diệu hạnh cũng có nhưn chứ không phải không nhưn. Nhưn của ba diệu hạnh là gì? Giữ gìn các căn là nhưn. Giữ gìn các căn cũng có nhưn chứ không phải không nhưn. Nhưn của giữ gìn các căn là gì? Chánh niệm, chánh trí là nhưn. Chánh niệm, chánh trí cũng có nhưn chứ không phải không nhưn. Nhưn của chánh niệm, chánh trí là gì? Chánh tư duy là nhưn. Chánh tư duy cũng có nhưn chứ không phải không nhưn. Nhưn của chánh tư duy là gì? Tín là nhưn. Tín cũng có nhưn chứ không phải không nhưn. Nhưn của tín là gì? Nghe điều thiện là nhưn. Nghe điều thiện cũng có nhưn chứ không phải

không nhơn. Nhơn của nghe điều thiện là gì? Gắn gũi thiện tri thức là nhơn. Gắn gũi thiện tri thức cũng có nhơn chứ không phải không nhơn. Nhơn của gắn gũi thiện tri thức là gì? Người thiện là nhơn. Vậy thì sẵn có đủ người thiện mới có đủ sự gắn gũi thiện tri thức. Có đủ sự gắn gũi thiện tri thức mới có đủ sự nghe điều thiện. Có đủ sự nghe điều thiện mới có đủ tín. Có đủ tín mới có đủ chánh tư duy. Có đủ chánh tư duy mới có đủ chánh niệm, chánh trí. Có đủ chánh niệm, chánh trí mới có đủ sự giữ gìn các căn. Có đủ sự giữ gìn các căn mới có đủ ba diệu hạnh. Đủ ba diệu hạnh mới đủ bốn niệm xứ. Đủ bốn niệm xứ mới đủ bảy giác chi. Đủ bảy giác chi mới đầy đủ minh giải thoát. Như vậy minh giải thoát này lần hồi tự thành toàn vẹn.

Đức Phật giảng thuyết như vậy, các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe những điều đức Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

11. KINH THỨC ĂN (A)

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thảng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Không thể biết được bốn tế của hữu ái. Trước kia vốn không có hữu ái, nhưng nay sanh ra hữu ái; do đó mới biết được sở nhơn của hữu ái.

Hữu ái có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của hữu ái là gì? Vô minh là thức ăn. Vô minh cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của vô minh là gì? — Năm triền cái là thức ăn. Năm triền cái cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức

ăn của năm triền cái là gì? Ba ác hạnh là thức ăn. Ba ác hạnh cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của ba ác hạnh là gì? — Không gìn giữ các căn là thức ăn. Không gìn giữ các căn cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của không gìn giữ các căn là gì? — Không chánh niệm, chánh trí là thức ăn. Không chánh niệm chánh trí cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của không chánh niệm chánh trí là gì? — Không chánh tư duy là thức ăn. Không chánh tư duy cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của không chánh tư duy là gì? — Không có tín là thức ăn. Không có tín cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của không có tín là gì? — Nghe điều ác là thức ăn. Nghe điều ác cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của nghe điều ác là gì? — Gắn gũi ác tri thức là thức ăn. Gắn gũi ác tri thức cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của gắn gũi ác tri thức là gì? — Người ác là thức ăn. Vậy thì có đủ người ác mới có đủ sự gắn gũi ác tri thức. Có đủ sự gắn gũi ác tri thức mới có đủ sự nghe điều ác. Có đủ sự nghe điều ác mới có đủ sự sanh lòng bất tín. Có đủ sự sanh lòng không tín mới có đủ sự

không chánh tư duy. Có đủ sự không chánh tư duy mới có đủ sự không chánh niệm, chánh trí. Có đủ sự không chánh niệm, chánh trí mới có đủ sự không gìn giữ các căn. Có đủ sự không gìn giữ các căn mới đầy đủ ba ác hạnh. Đầy đủ ba ác hạnh mới đủ năm triền cái. Đầy đủ năm triền cái mới đầy đủ vô minh. Đầy đủ vô minh mới đầy đủ hữu ái. Như vậy hữu ái này lần hồi thành tựu toàn vẹn.

Biển cả cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của biển cả là gì? — Sông lớn là thức ăn. Sông lớn cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của sông lớn là gì? — Sông nhỏ là thức ăn. Sông nhỏ cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của sông nhỏ là gì? — Lạch lớn là thức ăn. Lạch lớn cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của lạch lớn là gì? — Lạch nhỏ là thức ăn. Lạch nhỏ cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của lạch nhỏ là gì? — Khe suối ao hồ là thức ăn. Khe suối ao hồ cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của khe suối ao hồ là gì? — Mưa là thức ăn. Có lúc mưa lớn. Mưa lớn rồi thì khe suối ao hồ nước tràn đầy. Khe suối ao hồ nước tràn đầy thì lạch nhỏ tràn đầy. Lạch nhỏ tràn đầy thì lạch lớn

tràn đầy. Lạch lớn tràn đầy thì sông nhỏ tràn đầy. Sông nhỏ tràn đầy thì sông lớn tràn đầy. Sông lớn tràn đầy thì biển cả tràn đầy. Như vậy biển cả kia lần hồi tràn đầy trọn vẹn.

Giống như vậy, hữu ái cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của hữu ái là gì? — Vô minh là thức ăn. Vô minh cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của vô minh là gì? — Năm triền cái là thức ăn. Năm triền cái cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của năm triền cái là gì? — Ba ác hạnh là thức ăn. Ba ác hạnh cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của ba ác hạnh là gì? — Không gìn giữ các căn là thức ăn. Không gìn giữ các căn cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của không gìn giữ các căn là gì? — Không chánh niệm, chánh trí là thức ăn. Không chánh niệm, chánh trí cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của không chánh niệm, chánh trí là gì? — Không chánh tư duy là thức ăn. Không chánh tư duy cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của không chánh tư duy là gì? — Không có tín là thức ăn. Không có tín cũng có thức ăn chứ không phải không có thức

ăn. Thức ăn của không có tín là gì? — Nghe điều ác là thức ăn. Nghe điều ác cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của nghe điều ác là gì? — Gắn gũi ác tri thức là thức ăn. Gắn gũi ác tri thức cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của gắn gũi ác tri thức là gì? — Người ác là thức ăn. Vậy thì sẵn có đủ người ác mới có đủ sự gắn gũi ác tri thức. Có đủ sự gắn gũi ác tri thức mới có đủ sự nghe điều ác. Có đủ sự nghe điều ác mới có đủ sự sanh lòng không tín. Có đủ sự sanh lòng không tín mới có đủ sự không chánh tư duy. Có đủ sự không chánh tư duy mới có đủ sự không chánh niệm, chánh trí. Có đủ sự không chánh niệm, chánh trí mới có đủ sự không gìn giữ các căn. Có đủ sự không gìn giữ các căn mới đủ ba ác hạnh. Đủ ba ác hạnh mới đủ năm triền cái. Có đủ năm triền cái mới đủ vô minh. Đầy đủ vô minh mới đầy đủ hữu ái. Như vậy hữu ái này lần hồi thành tựu trọn vẹn.

Minh giải thoát cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của minh giải thoát là gì? — Bảy giác chi là thức ăn. Bảy giác chi cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của bảy giác chi là gì? — Bốn niệm xứ là thức ăn. Bốn niệm xứ cũng có thức ăn chứ

không phải không có thức ăn. Thức ăn của bốn niệm xứ là gì? — Ba diệu hạnh là thức ăn. Ba diệu hạnh cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của ba diệu hạnh là gì? — Giữ gìn các căn là thức ăn. Giữ gìn các căn cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của giữ gìn các căn là gì? — Chánh niệm chánh trí là thức ăn. Chánh niệm, chánh trí cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của chánh niệm, chánh trí là gì? — Chánh tư duy là thức ăn. Chánh tư duy cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của chánh tư duy là gì? — Lòng tín là thức ăn. Tín cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của tín là gì? — Nghe điều thiện là thức ăn. Nghe điều thiện cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của nghe điều thiện là gì? — Gắn gũi thiện tri thức là thức ăn. Gắn gũi thiện tri thức cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của gắn gũi thiện tri thức là gì? — Người thiện là thức ăn. Vậy thì sẵn có đủ người thiện mới có đủ sự gắn gũi thiện tri thức. Có đủ sự gắn gũi thiện tri thức mới có đủ sự nghe điều thiện. Có đủ sự nghe điều thiện mới có đủ sự phát sanh tín. Có đủ sự phát sanh tín mới có đủ chánh

tư duy. Có đủ chánh tư duy mới có đủ chánh niệm, chánh trí. Có đủ chánh niệm, chánh trí mới có đủ sự gìn giữ các căn. Có đủ sự gìn giữ các căn mới có đủ ba diệu hạnh. Đủ ba diệu hạnh mới đủ bốn niệm xứ. Đủ bốn niệm xứ mới đủ bảy giác chi. Đủ bảy giác chi mới đủ minh giải thoát. Như vậy minh giải thoát này lần hồi tựu thành trọn vẹn.

Biển cả cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của biển cả là gì? — Sông lớn là thức ăn. Sông lớn cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của sông lớn là gì? — Sông nhỏ là thức ăn. Sông nhỏ cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của sông nhỏ là gì? — Lạch lớn là thức ăn. Lạch lớn cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của lạch lớn là gì? — Lạch nhỏ là thức ăn. Lạch nhỏ cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của lạch nhỏ là gì? — Khe suối ao hồ là thức ăn. Khe suối ao hồ cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của khe suối ao hồ là gì? — Mưa là thức ăn. Có lúc mưa lớn. Mưa lớn rồi thì khe suối ao hồ đầy nước. Khe suối ao hồ đầy nước thì lạch nhỏ tràn đầy. Lạch nhỏ tràn đầy thì lạch lớn tràn đầy. Lạch lớn tràn đầy thì sông nhỏ tràn đầy. Sông nhỏ tràn

đầy thì sông lớn tràn đầy. Sông lớn tràn đầy thì biển cả tràn đầy. Như vậy biển cả ấy lần hồi tràn đầy trọn vẹn.

Cũng thế, mình giải thoát cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của mình giải thoát là gì? — Bảy giác chi là thức ăn. Bảy giác chi cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của bảy giác chi là gì? — Bốn niệm xứ là thức ăn. Bốn niệm xứ cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của bốn niệm xứ là gì? — Ba diệu hạnh là thức ăn. Thức ăn của ba diệu hạnh là gì? — Gìn giữ các căn là thức ăn. Gìn giữ các căn cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của gìn giữ các căn là gì? — Chánh niệm, chánh trí là thức ăn. Chánh niệm, chánh trí cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của chánh niệm, chánh trí là gì? — Chánh tư duy là thức ăn. Chánh tư duy cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của chánh tư duy là gì? — Tín là thức ăn. Tín cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của tín là gì? — Nghe điều thiện là thức ăn. Nghe điều thiện cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của nghe điều thiện là gì? — Gắn gũi

thiện tri thức là thức ăn. Gắn gũi thiện tri thức cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của gần gũi thiện tri thức là gì? — Người thiện là thức ăn. Vậy thì sẵn có đủ người thiện mới có đủ sự gần gũi thiện tri thức. Có đủ sự gần gũi thiện tri thức mới có đủ sự nghe điều thi thiện. Có đủ sự nghe điều thiện mới có đủ sự sanh lòng tín. Có đủ sự sanh lòng tín mới có đủ chánh tư duy. Có đủ chánh tư duy mới có đủ chánh niệm, chánh trí. Có đủ chánh niệm, chánh trí mới có đủ sự gìn giữ các căn. Có đủ sự gìn giữ các căn mới đủ ba diệu hạnh. Đủ ba diệu hạnh mới đủ bốn niệm xứ. Đủ bốn niệm xứ mới đủ bảy giác chi. Đủ bảy giác chi mới đủ minh giải thoát. Như vậy minh giải thoát này lần hồi tựu thành trọn vẹn.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe xong hoan hỷ phụng hành.

12. KINH THỨC ĂN (B)

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Không thể biết được bốn tế của hữu ái. Trước kia vốn không có hữu ái, nhưng nay sanh ra hữu ái; do đó mới biết được sở nhơn của hữu ái.

Hữu ái có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của hữu ái là gì? — Vô minh là thức ăn. Vô minh có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của vô minh là gì? — Năm triền cái là thức ăn. Năm triền cái cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của

năm triền cái là gì? Ba ác hạnh là thức ăn. Ba ác hạnh cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của ba ác hạnh là gì? — Không gìn giữ các căn là thức ăn. Không gìn giữ các căn cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của không gìn giữ các căn là gì? — Không chánh niệm, chánh trí là thức ăn. Không chánh niệm, chánh trí cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của không chánh niệm, chánh trí là gì? — Không chánh tư duy là thức ăn. Không chánh tư duy cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của không chánh tư duy là gì? — Không tín là thức ăn. Không tín cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của không tín là gì? — Nghe điều ác là thức ăn. Nghe điều ác cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của nghe điều ác là gì? — Gắn gũi ác tri thức là thức ăn. Gắn gũi ác tri thức cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của gắn gũi ác tri thức là gì? — Người ác là thức ăn.

Biển cả cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của biển cả là gì? — Mưa là thức ăn. Có lúc mưa lớn. Mưa lớn rồi thì nước tràn đầy khe suối ao hồ. Nước đầy khe suối ao hồ thì

lạch nhỏ tràn đầy. Lạch nhỏ tràn đầy thì lạch lớn tràn đầy. Lạch lớn tràn đầy thì sông nhỏ tràn đầy. Sông nhỏ tràn đầy thì sông lớn tràn đầy. Sông lớn tràn đầy thì biển cả tràn đầy. Như vậy biển cả kia lần hồi tràn đầy trọn vẹn.

Cũng giống như vậy, sẵn có đủ người ác mới có đủ sự gần gũi ác tri thức. Có đủ sự gần gũi ác tri thức mới có đủ sự nghe điều ác. Có đủ sự nghe điều ác mới có đủ sự sanh lòng không tín. Có đủ sự sanh lòng không tín mới có đủ sự không chánh tư duy. Có đủ sự không chánh tư duy mới có đủ sự không chánh niệm, chánh trí. Có đủ sự không chánh niệm, chánh trí mới có đủ sự không gìn giữ các căn. Có đủ sự không gìn giữ các căn mới có đủ ba ác hạnh. Đủ ba ác hạnh mới đủ năm triền cái. Đủ năm triền cái mới đủ vô minh. Đủ vô minh mới đủ hữu ái. Như vậy hữu ái này lần hồi tự thành trọn vẹn.

Minh giải thoát cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của minh giải thoát là gì? — Bảy giác chi là thức ăn. Bảy giác chi cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của bảy giác chi là gì? — Bốn niệm xứ là thức ăn. Bốn niệm xứ cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của bốn

niệm xứ là gì? — Ba diệu hạnh là thức ăn. Ba diệu hạnh cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của ba diệu hạnh là gì? — Gìn giữ các căn là thức ăn. Gìn giữ các căn cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của gìn giữ các căn là gì? — Chánh niệm, chánh trí là thức ăn. Chánh niệm, chánh trí cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của chánh niệm, chánh trí là gì? — Chánh tư duy là thức ăn. Chánh tư duy cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của chánh tư duy là gì? — Tín là thức ăn. Tín cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của tín là gì? — Nghe điều thiện là thức ăn. Nghe điều thiện cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của nghe điều thiện là gì? — Gắn gũi thiện tri thức là thức ăn. Gắn gũi thiện tri thức cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của gắn gũi thiện tri thức là gì? — Người thiện là thức ăn.

Biển cả cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của biển cả là gì? — Mưa là thức ăn. Có lúc mưa lớn. Mưa lớn xong thì nước tràn đầy khe suối ao hồ. Nước tràn đầy khe suối ao hồ thì lạch nhỏ tràn đầy. Lạch nhỏ tràn đầy

thì lạch lớn tràn đầy. Lạch lớn tràn đầy thì sông nhỏ tràn đầy. Sông nhỏ tràn đầy thì sông lớn tràn đầy. Sông lớn tràn đầy thì biển cả tràn đầy. Như vậy biển cả kia lần hồi tràn đầy trọn vẹn.

Cũng giống như vậy, sẵn có đủ người thiện mới có đủ sự gần gũi thiện tri thức. Có đủ sự gần gũi thiện tri thức mới có đủ sự nghe điều thiện. Có đủ sự nghe điều thiện mới có đủ sự sanh lòng tín. Có đủ sự sanh lòng tín mới có đủ chánh tư duy. Có đủ chánh tư duy mới có đủ chánh niệm, chánh trí. Có đủ chánh niệm, chánh trí mới có đủ sự gìn giữ các căn. Có đủ sự gìn giữ các căn mới có đủ ba diệu hạnh. Đủ ba diệu hạnh mới có đủ bốn niệm xứ. Đủ bốn niệm xứ mới có đủ bảy giác chi. Đủ bảy giác chi mới có đủ minh giải thoát. Như vậy minh giải thoát này lần hồi tựu thành trọn vẹn.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe xong, hoan hỷ phụng hành.

13. KINH TẬN TRÍ

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật du hóa tại Câu-lâu-sấu, trú tại đô ấp Kiến-ma-sắc-đàm-câu-lâu.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Có tri kiến mới có chứng đắc lậu tận, chứ không phải là không tri, không kiến.

Thế nào là có tri kiến mới có chứng đắc lậu tận?
— Tri kiến như thật về sự Khổ mới có chứng đắc lậu tận. Tri kiến như thật về Khổ tập, tri kiến như thật về Khổ diệt, tri kiến như thật về Khổ diệt đạo mới có chứng đắc lậu tận.

Tận trí có như chứ không phải không như. Như của tận trí là gì? — Giải thoát là như. Giải

thoát cũng có nhơn chứ không phải không có nhơn. Nhơn của giải thoát là gì? — Vô dục là nhơn. Vô dục cũng có nhơn chứ không phải không nhơn. Nhơn của vô dục là gì? — Nhàm chán là nhơn. Nhàm chán cũng có nhơn chứ không phải không nhơn. Nhơn của nhàm chán là gì? — Tri kiến như thật là nhơn. Tri kiến như thật cũng có nhơn chứ không phải không nhơn. Nhơn của tri kiến như thật là gì? — Định là nhơn. Định cũng có nhơn chứ không phải không nhơn. Nhơn của định là gì? — Lạc là nhơn. Lạc cũng có nhơn chứ không phải không nhơn. Nhơn của lạc là gì? — Chỉ là nhơn. Chỉ cũng có nhơn chứ không phải không nhơn. Nhơn của chỉ là gì? — Hỷ là nhơn. Hỷ cũng có nhơn chứ không phải không nhơn. Nhơn của hỷ là gì? — Hoan duyệt là nhơn. Hoan duyệt cũng có nhơn chứ không phải không nhơn. Nhơn của hoan duyệt là gì? — Không hối hận là nhơn. Không hối hận cũng có nhơn chứ không phải không nhơn. Nhơn của không hối hận là gì? — Giữ giới là nhơn. Giữ giới cũng có nhơn chứ không phải không nhơn. Nhơn của giữ giới là gì? — Gìn giữ các căn là nhơn. Gìn giữ các căn cũng có nhơn chứ không phải không nhơn. Nhơn của gìn giữ các căn là gì? — Chánh niệm, chánh trí là nhơn. Chánh niệm,

chánh trí cũng có nhơn chứ không phải không nhơn. Nhơn của chánh niệm, chánh trí là gì? — Chánh tư duy là nhơn. Chánh tư duy cũng có nhơn chứ không phải không nhơn. Nhơn của chánh tư duy là gì? — Tín là nhơn. Tín cũng có nhơn chứ không phải không nhơn. Nhơn của tín là gì? — Quán pháp nhãn là nhơn. Quán pháp nhãn cũng có nhơn chứ không phải không nhơn. Nhơn của quán pháp nhãn là gì? — Tụng đọc pháp là nhơn. Tụng đọc pháp cũng có nhơn chứ không phải không nhơn. Nhơn của tụng đọc pháp là gì? — Thọ trì pháp là nhơn. Thọ trì pháp cũng có nhơn chứ không phải không nhơn. Nhơn của thọ trì pháp là gì? — Quán nghĩa của pháp là nhơn. Quán nghĩa của pháp cũng có nhơn chứ không phải không nhơn. Nhơn của quán nghĩa của pháp là gì? — Nhĩ giới là nhơn. Nhĩ giới cũng có nhơn chứ không phải không nhơn. Nhơn của nhĩ giới là gì? — Nghe điều thiện là nhơn. Nghe điều thiện cũng có nhơn chứ không phải không nhơn. Nhơn của nghe điều thiện là gì? — Gắn gũi là nhơn. Gắn gũi cũng có nhơn chứ không phải không nhơn. Nhơn của gắn gũi là gì? — Phụng sự là nhơn. Nếu ai phụng sự thiện tri thức, điều chưa nghe được nghe, điều đã nghe được bổ ích. Như vậy, nếu ai không phụng

sự thiện tri thức thì làm tổn hại cái nhưn phụng sự. Nếu không phụng sự thì làm tổn hại cái nhưn gần gũi. Nếu không gần gũi thì làm tổn hại cái nhưn nghe điều thiện. Nếu không nghe điều thiện thì làm tổn hại cái nhưn của nhĩ giới. Nếu không có nhĩ giới thì làm tổn hại cái nhưn quán nghĩa của pháp. Nếu không quán nghĩa của pháp thì làm tổn hại cái nhưn thọ tri pháp. Nếu không thọ tri pháp thì làm tổn hại cái nhưn tụng đọc pháp. Nếu không tụng đọc pháp thì làm tổn hại cái nhưn quán pháp nhãn. Nếu không quán pháp nhãn thì làm tổn hại cái nhưn của tín. Nếu không có tín thì làm tổn hại cái nhưn của chánh tư duy. Nếu không chánh tư duy thì làm tổn hại cái nhưn chánh niệm, chánh trí. Nếu không chánh niệm, chánh trí thì làm tổn hại cái nhưn gìn giữ các căn, gìn giữ giới, không hối hận, hoan duyệt, hỷ, chí, lạc, định, tri kiến như thật, nhằm chán, vô dục, giải thoát. Nếu không giải thoát thì làm tổn hại cái nhưn của tạn trí.

Nếu ai phụng sự thiện tri thức, điều chưa nghe được nghe, điều đã nghe được bổ ích. Như vậy, đối với thiện tri thức, nếu ai phụng sự thì là nhưn cho phụng sự. Nếu đã phụng sự thì là nhưn cho gần gũi. Nếu đã gần gũi thì có nhưn

cho nghe điều thiện. Nếu đã nghe điều thiện thì có hơn cho nhĩ giới. Nếu có nhĩ giới thì có hơn cho quán nghĩa của pháp. Nếu đã quán nghĩa của pháp thì có hơn cho thọ trì pháp. Nếu đã thọ trì pháp thì có hơn cho tụng đọc pháp. Nếu đã tụng đọc pháp thì có hơn cho quán pháp nhãn. Nếu đã quán pháp nhãn thì có hơn cho tín. Nếu đã có tín thì có hơn cho chánh tư duy. Nếu đã chánh tư duy thì có hơn cho chánh niệm, chánh trí. Nếu đã chánh niệm, chánh trí thì có hơn cho gìn giữ các căn, giữ giới, không hối hận, hoan duyệt, hỷ, chí, lạc, định, tri kiến như thật, nhằm chán, vô dục, giải thoát. Nếu đã giải thoát thì có hơn cho tận trí.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe xong, hoan hỷ phụng hành.

14. KINH NIẾT-BÀN

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Niết-bàn có nhơn chứ không phải không có nhơn. Nhơn của Niết-bàn là gì? — Giải thoát là nhơn. Giải thoát cũng có nhơn chứ không phải không nhơn. Nhơn của giải thoát là gì? — Vô dục là nhơn. Vô dục cũng có nhơn chứ không phải không nhơn. Nhơn của vô dục là gì? — Nhàm chán là nhơn. Nhàm chán cũng có nhơn chứ không phải không nhơn. Nhơn của nhàm chán là gì? — Tri kiến như thật là nhơn. Tri kiến như thật cũng có

nhơn chứ không phải không nhơn. Nhơn của tri kiến như thật là gì? — Định là nhơn. Định cũng có nhơn chứ không phải không nhơn. Nhơn của định là gì? — Hoan lạc là nhơn. Hoan lạc cũng có nhơn chứ không phải không nhơn. Nhơn của hoan lạc là gì? — Tính chỉ là nhơn. Tính chỉ cũng có nhơn chứ không phải không nhơn. Nhơn của tính chỉ là gì? — Hỷ là nhơn. Hỷ cũng có nhơn chứ không phải không nhơn. Nhơn của hỷ là gì? — Hoan duyệt là nhơn. Hoan duyệt cũng có nhơn chứ không phải không nhơn. Nhơn của hoan duyệt là gì? — Không hối hận là nhơn. Không hối hận cũng có nhơn chứ không phải không nhơn. Nhơn của sự không hối hận là gì? — Giữ giới là nhơn. Giữ giới cũng có nhơn chứ không phải không nhơn. Nhơn của giữ giới là gì? — Nhơn của giữ giới là giữ gìn các căn. Giữ gìn các căn cũng có nhơn chứ không phải không nhơn. Nhơn của gìn giữ các căn là gì? — Chánh niệm, chánh trí là nhơn. Chánh niệm, chánh trí cũng có nhơn chứ không phải không nhơn. Nhơn của chánh niệm, chánh trí là gì? — Chánh tư duy là nhơn. Chánh tư duy cũng có nhơn chứ không phải không nhơn. Nhơn của chánh tư duy là gì? — Lòng tin là nhơn. Lòng tin cũng có nhơn chứ không phải không nhơn. Nhơn của lòng

tin là gì? — Khổ là nhơn. Khổ cũng có nhơn chứ không phải không nhơn. Nhơn của khổ là gì? — Lão tử là nhơn. Lão tử cũng có nhơn chứ không phải không nhơn. Nhơn của lão tử là gì? — Sanh là nhơn. Sanh cũng có nhơn chứ không phải không nhơn. Nhơn của sanh là gì? — Hữu là nhơn. Hữu cũng có nhơn chứ không phải không nhơn. Nhơn của hữu là gì? — Thọ là nhơn. Thọ cũng có nhơn chứ không phải không nhơn. Nhơn của thọ là gì? — Ái là nhơn. Ái cũng có nhơn chứ không phải không nhơn. Nhơn của ái là gì? — Giác là nhơn. Giác cũng có nhơn chứ không phải không nhơn. Nhơn của giác là gì? — Cánh lạc là nhơn. Cánh lạc cũng có nhơn chứ không phải không nhơn. Nhơn của cánh lạc là gì? — Lục xứ là nhơn. Lục xứ cũng có nhơn chứ không phải không nhơn. Nhơn của lục xứ là gì? — Danh sắc là nhơn. Danh sắc cũng có nhơn chứ không phải không nhơn. Nhơn của danh sắc là gì? — Thức là nhơn. Thức cũng có nhơn chứ không phải không nhơn. Nhơn của thức là gì? — Hành là nhơn. Hành cũng có nhơn chứ không phải không nhơn. Nhơn của hành là gì? — Vô minh là nhơn.

Như vậy duyên vô minh có hành; duyên hành có thức; duyên thức có danh sắc; duyên danh sắc

có lục xứ; duyên lục xứ có cánh lạc; duyên cánh lạc có giác; duyên giác có ái; duyên ái có thọ; duyên thọ có hữu; duyên hữu có sanh; duyên sanh có lão tử; duyên lão tử có khổ. Nhơn khổ mới có tín; nơn tín mới có chánh tư duy; nơn chánh tư duy mới có chánh niệm, chánh trí; nơn chánh niệm, chánh trí mới gìn giữ các căn, gìn giữ giới, không hối hận, hoan duyệt, hỷ, chí, lạc, định, tri kiến như thật, nhàm chán, vô dục, giải thoát. Có giải thoát mới đắc Niết-bàn.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe xong, hoan hỷ phụng hành.

15. KINH DI-HÊ

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật du hóa tại nước Ma-kiệt-đà, trong hang rừng Măng-nại, ở thôn Xà-đấu.

Bấy giờ Tôn giả Di-hê làm thị giả Ngài.

Vào buổi sáng sớm, Tôn giả Di-hê mang y, cầm bát đi vào thôn Xà-đấu khát thực. Khất thực xong, Tôn giả đi đến bờ sông Kim-bệ, thấy một khu đất bằng phẳng, gọi là rừng Hảo-nại. Nước sông Kim-bệ rất tốt, thật là vừa ý, suối trong từ từ chảy, nóng, lạnh ôn hòa, dễ chịu. Thấy thế, Tôn giả vui mừng thầm nghĩ: “Khu đất này bằng phẳng, gọi là rừng Hảo-nại. Nước sông Kim-bệ rất tốt, thật là vừa ý, suối trong từ từ chảy, nóng lạnh ôn

hòa, dễ chịu. Nếu người quý tộc nào muốn tu pháp đoạn trừ thì nên ở chỗ này. Ta cũng có điều phải đoạn trừ, có nên ở chỗ yên tĩnh này để tu pháp đoạn trừ chăng?”. Liền đó, sau khi ăn ngọ xong, Di-hê thu xếp y bát, rửa tay chân, vắt ni-sư-đàn lên vai, đi đến chỗ đức Phật, đánh lễ dưới chân Ngài, rồi ngồi qua một bên mà bạch:

— Bạch đức Thế Tôn, sáng sớm hôm nay, con mang y, cầm bát đi vào thôn Xà-đấu khát thực. Khất thực xong, con đến bờ sông Kim-bệ, thấy một khu đất bằng phẳng gọi là rừng Hảo-nại, nước sông Kim-bệ rất tốt, thật là vừa ý, suối trong từ từ chảy, nóng lạnh ôn hòa dễ chịu. Con vui mừng liền thầm nghĩ: “Khu đất này bằng phẳng gọi là rừng Hảo-nại. Nước sông Kim-bệ rất tốt, thật là vừa ý, suối trong từ từ chảy, nóng lạnh ôn hòa dễ chịu. Nếu người quý tộc nào muốn tu pháp đoạn trừ thì nên ở chỗ này. Mình cũng có điều phải đoạn trừ, có thể ở chỗ yên tĩnh đó để tu pháp đoạn trừ chăng?”. Bạch đức Thế Tôn, nay con muốn đến chỗ yên tĩnh ở rừng Hảo-nại kia để tu pháp đoạn trừ.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo:

— Nay Di-hê, Ông nay có biết không? Ta một mình, không có ai, không có thị giả. Ông có thể ở

lại ít lâu, đợi có Tỳ-kheo khác đến làm thị giả cho Ta, rồi Ông có thể đến chỗ yên tĩnh ở rừng Hảo-nại kia mà tu pháp đoạn trừ.

Tôn giả Di-hê bạch đến ba lần rằng:

— Bạch đức Thế Tôn, nay con muốn đến chỗ yên tĩnh ở rừng Hảo-nại kia để tu pháp đoạn trừ.

Đức Thế Tôn cũng ba lần bảo rằng:

— Nay Di-hê, Ông nay có biết không? Ta một mình, không có ai, không có thị giả. Ông có thể ở lại ít lâu, đợi có Tỳ-kheo khác đến làm thị giả cho ta, rồi Ông có thể đến chỗ yên tĩnh ở rừng Hảo-nại kia mà tu pháp đoạn trừ.

Di-hê lại bạch:

— Bạch Thế Tôn, Ngài là bậc không còn bốn phạm, không còn điều phải làm, không còn điều phải quán. Con còn có những bốn phạm, những điều phải làm, những điều phải quán. Bạch đức Thế Tôn, con xin đến chỗ yên tĩnh ở rừng Hảo-nại kia để tu pháp đoạn trừ.

Đức Thế Tôn dạy:

— Nay Di-hê, Ông mong cầu sự đoạn trừ, Ta không có nói gì thêm nữa. Di-hê, Ông cứ đi, tùy theo những gì mà ý Ông muốn.

Bấy giờ Tôn giả Di-hê nghe theo đức Phật dạy, như vậy khéo thọ nhận, khéo ghi nhớ và khéo tụng tập, Tôn giả liền đánh lễ sát chân đức Phật, đi quanh ba vòng, rồi đi. Sau khi đến rừng Hảo-nại kia, vào rừng, Tôn giả đi đến dưới một gốc cây, trải ni-sư-đan mà ngồi kiết-già. Tôn giả Di-hê ở trong rừng Hảo-nại sanh khởi lên ba ý tưởng ác, bất thiện, là dục, sân nhuế và hại. Do đó, Tôn giả liền nghĩ đến đức Thế Tôn. Bấy giờ vào lúc xế trưa, tôn giả Di-hê từ chỗ ngồi nghỉ đứng dậy, đến trước đức Thế Tôn, đánh lễ chân Ngài, ngồi qua một bên và bạch rằng:

— Bạch đức Thế Tôn, con đến rừng Hảo-nại, ngồi ở chỗ yên tĩnh liền sanh khởi ba ý tưởng ác, bất thiện, là dục, sân nhuế và hại. Do đó, con liền nghĩ đến Thế Tôn.

Đức Thế Tôn bảo:

— Này Di-hê, tâm giải thoát chưa thuần thực mà muốn cho thuần thực, có năm pháp để tu tập. Những gì là năm? Di-hê, Tỳ-kheo phải tự mình là một thiện tri thức, phải gần thiện tri thức và cùng hòa hợp với thiện tri thức. Này Di-hê, với người tâm giải thoát chưa thuần thực mà muốn cho thuần thực, thì đó là pháp tu tập thứ nhất.

Lại nữa Di-hê, là Tỳ-kheo phải tu tập cấm giới, thủ hộ giải thoát giới, lại phải khéo thâu nhiếp oai nghi, lễ tiết, thấy tội lỗi nhỏ nhất cũng thường canh cánh lo sợ, thọ trì học giới. Nay Di-hê, với người tâm giải thoát chưa thuần thực mà muốn cho thuần thực thì đó là pháp tu tập thứ hai.

Lại nữa Di-hê, là Tỳ-kheo, nên nói điều đáng nói, phù hợp nghĩa của bậc Thánh, khiến tâm nhu nhuyễn, làm cho tâm không bị che lấp, tức là nói về giới, nói về định, nói về huệ, nói về giải thoát, nói về giải thoát tri kiến, nói về sự tổn giảm dần dần, nói về việc không ưa tụ hợp, nói về thiếu dục, nói về tri túc, nói về pháp đoạn trừ, nói về vô dục, nói về pháp diệt, nói về yển tọa, nói về duyên khởi đặc. Như vậy, những gì Sa-môn ấy nói đều được trọn đủ, dễ được chứ không khó. Nay Di-hê, với người tâm giải thoát chưa thuần thực mà muốn cho thuần thực thì đó là pháp tu tập thứ ba.

Lại nữa, nay Di-hê, là Tỳ-kheo, thì phải thực hành tinh tấn, đoạn trừ điều bất thiện, tu các pháp thiện, thường tự khởi ý chuyên nhất kiên cố, làm các điều thiện không xao lãng. Nay Di-hê, với người tâm giải thoát chưa thuần thực mà muốn cho thuần thực, thì đó là pháp tu tập thứ tư.

Lại nữa, Di-hê, là Tỳ-kheo thì phải tu hành về trí tuệ, quán các pháp hưng suy, chứng trí như vậy, Thánh huệ sáng suốt, phân biệt thấu hiểu để chính thức diệt tận khổ đau. Nay Di-hê, với người tâm giải thoát chưa thuần thục mà muốn cho thuần thục, thì đó là pháp tu tập thứ năm.

Vị ấy khi đã có năm pháp tu tập này rồi, lại phải tu bốn pháp khác nữa. Những gì là bốn? — Tu ố lộ để đoạn trừ dục, tu trừ để đoạn trừ sân nhuế, tu sở tức để đoạn trừ tâm niệm tán loạn, tu vô thường để đoạn trừ ngã mạn.

Này Di-hê, nếu Tỳ-kheo nào tự mình là thiện tri thức, gần gũi thiện tri thức, cùng hòa hợp với thiện tri thức, thì nên biết rằng vị ấy chắc chắn tu tập cấm giới, thủ hộ giải thoát giới, lại khéo thâm nhiếp các oai nghi, lễ tiết, thấy tội nhỏ nhất cũng canh cánh lo sợ, thọ trì học giới. Nay Di-hê, nếu Tỳ-kheo nào chính mình là thiện tri thức, gần gũi thiện tri thức, và cùng hòa hợp với thiện tri thức, thì nên biết rằng vị ấy chắc chắn nói điều đáng nói, đúng theo nghĩa của bậc Thánh, khiến tâm nhu nhuyễn, làm cho tâm không bị ngăn che, tức là nói về giới, nói về định, nói về huệ, nói về giải thoát, nói về giải thoát tri kiến, nói về sự tổn giảm dần dần, nói về việc không ưa tự hợp, nói về

thiếu dục, nói về tri túc, nói về pháp đoạn, nói về vô dục, nói về pháp diệt, nói về yển tọa, nói về duyên khởi đặc. Như vậy, những gì Sa-môn ấy nói đều được, trọn đủ, dễ được chứ không khó.

Này Di-hê, nếu Tỳ-kheo tự mình là thiện tri thức, gần gũi thiện tri thức, và cùng hòa hợp với thiện tri thức, thì nên biết rằng vị ấy chắc chắn tu hành tinh tấn, đoạn các điều ác bất thiện, tu tập các điều thiện, thường khởi tâm chuyên nhất kiên cố, làm các điều thiện không xao lãng. Này Di-hê, nếu Tỳ-kheo nào chính mình là thiện tri thức, gần gũi thiện tri thức, và cùng hòa hợp với thiện tri thức, thì nên biết rằng vị ấy chắc chắn tu về trí tuệ, quán các pháp hưng suy, chứng trí như vậy, Thánh tuệ sáng suốt, phân biệt thấu hiểu, để chính thức diệt tận khổ đau.

Này Di-hê, nếu Tỳ-kheo nào chính mình là thiện tri thức, gần gũi thiện tri thức, cùng hòa hợp với thiện tri thức, thì nên biết rằng vị ấy chắc chắn tu ố lộ để đoạn dục, tu từ để đoạn sân nhuế, tu số tức để đoạn tâm niệm tán loạn, tu vô thường tưởng để đoạn ngã mạn.

Này Di-hê, nếu Tỳ-kheo nào đặc vô thường tưởng, chắc chắn vị ấy đặc vô ngã tưởng. Này

Di-hê, nếu Tỳ-kheo nào đắc vô ngã tướng, thì ngay trong đời hiện tại, vị ấy đoạn hết thấy ngã mạn, chứng đắc tịch tĩnh, diệt tận, vô vi, Niết-bàn.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, sau khi nghe những điều Phật thuyết giảng, Tôn giả Di-hê và các Tỳ-kheo hoan hỷ phụng hành.

16. KINH VỊ TỠ-KHEO THUYẾT

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

— Với tâm giải thoát chưa thuần thục, mà muốn cho thuần thục thì có năm pháp để tu tập. Những gì là năm? — Tỷ-kheo, chính mình là thiện tri thức, gần gũi thiện tri thức, cùng hòa hợp với thiện tri thức. Với người tâm giải thoát chưa thuần thục, muốn cho thuần thục, thì đó là pháp tu tập thứ nhất.

Lại nữa, Tỷ-kheo tu tập cấm giới, thủ hộ giải thoát giới, lại khéo thâm nhiếp các oai nghi, lễ tiết,

thấy lỗi nhỏ nhặt phải thường canh cánh lo sợ, thọ trì học giới. Với người tâm giải thoát chưa thuần thực muốn cho thuần thực, thì đó là pháp tu tập thứ hai.

Lại nữa, Tỳ-kheo nói điều đáng nói, phù hợp với nghĩa của bậc Thánh, khiến tâm nhu nhuyển, làm cho tâm không bị ngăn che, tức là nói về giới, nói về định, nói về huệ, nói về giải thoát, nói về giải thoát tri kiến, nói về pháp tổn giảm dần dần, nói về việc không ưa tụ hội, nói về thiếu dục, nói về tri túc, nói về pháp đoạn, nói về vô dục, nói về pháp diệt, nói về yển tọa, nói về duyên khởi đặc. Như vậy, những gì Sa-môn ấy nói đều được đầy đủ, dễ được chứ không khó. Với người tâm giải thoát chưa thuần thực muốn cho thuần thực, thì đó là pháp tu tập thứ ba.

Lại nữa, Tỳ-kheo thường thực hành tinh tấn, đoạn các điều ác bất thiện, tu các điều thiện, hằng tự khởi ý, chuyên nhất kiên cố, làm các điều thiện mà không xao lãng. Với người tâm giải thoát chưa thuần thực mà muốn cho thuần thực, thì đó là pháp tu tập thứ tư.

Lại nữa, Tỳ-kheo tu hành về trí tuệ, quán các pháp hưng suy, chứng trí như vậy, Thánh tuệ minh đạt, phân biệt thấu hiểu, để chính thức diệt tận khổ

đau. Với người tâm giải thoát chưa thuần thực muốn cho thuần thực, thì đó là pháp tu tập thứ năm.

Sau khi đã có năm pháp tu tập kia rồi, lại phải tu tập bốn pháp khác nữa. Những gì là bốn? — Tu ố lộ để đoạn dục, tu từ để đoạn sân nhuế, tu số tức để đoạn tâm niệm tán loạn, tu vô thường tưởng để đoạn ngã mạn.

Nếu Tỳ-kheo nào chính mình là thiện tri thức, gần gũi thiện tri thức, cùng hòa hợp với thiện tri thức, thì nên biết rằng vị ấy chắc chắn tu tập cấm giới, thủ hộ giải thoát giới lại khéo thâm nhiếp các oai nghi lễ tiết, thấy lỗi nhỏ nhặt cũng thường canh cánh lo sợ, thọ trì học pháp.

Nếu Tỳ-kheo nào chính mình là thiện tri thức, gần gũi thiện tri thức, cùng hòa hợp với thiện tri thức, thì nên biết rằng vị ấy chắc chắn nói điều đáng nói, phù hợp với nghĩa của bậc Thánh, khiến tâm nhu nhuyễn, làm cho tâm không bị ngăn che, tức là nói về giới, nói về định, nói về huệ, nói về giải thoát, nói về giải thoát tri kiến, nói về pháp tổn giảm dần dần, nói về việc không ưa tụ hội, nói về thiếu dục, nói về tri túc, nói về pháp đoạn, nói về vô dục, nói về pháp diệt, nói về yển tọa, nói về duyên khởi đặc. Như vậy, những gì Sa-môn nói đều được đầy đủ, để được chứ không khó.

Nếu Tỳ-kheo nào chính mình là thiện tri thức, gần gũi thiện tri thức, cùng hòa hợp với thiện tri thức, thì nên biết rằng vị ấy chắc chắn tu hành tinh tấn, đoạn các điều ác bất thiện, tu các điều thiện, thường tự khởi ý, chuyên nhất kiên cố làm các điều thiện mà không xao lãng.

Nếu Tỳ-kheo nào thấy mình là thiện tri thức, gần gũi thiện tri thức, cùng hòa hợp với thiện tri thức, thì nên biết rằng vị ấy chắc chắn tu về trí tuệ, quán các pháp hưng suy, chứng trí như vậy, Thánh tuệ minh đạt, phân biệt thấu hiểu, để chính thức diệt tận khổ đau.

Nếu Tỳ-kheo nào chính mình là thiện tri thức, gần gũi thiện tri thức, cùng hòa hợp với thiện tri thức, thì nên biết rằng vị ấy chắc chắn từ ô lộ để đoạn dục, từ từ để đoạn nhuế, từ số tức để đoạn tâm niệm tán loạn, từ vô thường tưởng để đoạn ngã mạn. Nếu Tỳ-kheo nào đắc vô thường tưởng, chắc chắn đắc vô ngã tướng. Nếu Tỳ-kheo nào đắc vô ngã tướng, thì ngay trong đời hiện tại đoạn hết thấy ngã mạn, chứng đắc tịch tĩnh, diệt tận, vô vi, Niết-bàn.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe xong, hoan hỷ phụng hành.

VI. PHẨM VƯƠNG TƯƠNG ƯNG

Phần thứ nhất

1. Kinh Thất Bảo
2. Kinh Tam Thập Nhị Tướng
3. Kinh Tứ Châu
4. Kinh Ngư Phần Dự
5. Kinh Tần-bệ-ta-la Vương
Nghinh Phật
6. Kinh Bệ-bà-lăng-kỳ
7. Kinh Thiên Sứ

1. KINH THẤT BẢO

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nếu lúc Chuyển luân vương ra đời thì nên biết rằng liền có Bảy Báu xuất hiện ở đời. Những gì là bảy? — Xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu và tướng quân báu. Đó là Bảy Báu. Nếu lúc Chuyển luân vương ra đời thì nên biết rằng liền có Bảy Báu này xuất hiện ở đời. Giống như vậy, lúc Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Chánh Đẳng Chánh Giác ra đời, thì nên biết rằng cũng có Bảy Giác chi báu xuất hiện

ở thế gian. Những gì là bảy? — Niệm giác chi, Trạch pháp giác chi, Tinh tấn giác chi, Hỷ giác chi, Túc giác chi, Định giác chi và Xả giác chi. Đó là bảy. Lúc Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác ra đời, thì nên biết rằng, có Bảy báu Giác chi ấy xuất hiện ở thế gian.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, sau khi các Tỳ-kheo ấy nghe xong, hoan hỷ phụng hành.

2. KINH TAM THẬP NHỊ TƯỚNG

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ các Tỳ-kheo sau khi ăn trưa xong, tụ tập ngồi tại giảng đường, cùng luận bàn như sau:

— Này chư Hiền, kỳ diệu thay, hy hữu thay! Bạc đại nhân thành tựu ba mươi hai tướng thì chắc chắn có hai trường hợp, chắc chắn không sai lầm. Nếu ở tại gia thì chắc chắn vị ấy làm Chuyển luân vương, thông minh trí tuệ, có bốn loại quân, chinh trị thiên hạ, tự do tự tại, là pháp vương hành động theo Chánh pháp, thành tựu Bảy Báu. Bảy Báu ấy là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư

sĩ báu, tướng quân báu. Vị ấy có đủ một ngàn con trai dung mạo đẹp đẽ, đồng mãnh không sợ, nhiếp phục được địch quân. Vị ấy thống lãnh toàn thể cõi đất này cho đến biển cả, không dùng đao gậy mà dùng pháp giáo hóa khiến cho an lạc. Nếu vị ấy cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo thì chắc chắn chứng đắc quả Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, tiếng tăm vang dội, mười phương đều nghe.

Bấy giờ đức Thế Tôn đang ngồi nghỉ ngơi, với thiên nhĩ thanh tịnh, vượt xa người thường, Ngài nghe các Tỳ-kheo, sau bữa ăn trưa tụ tập ngồi tại giảng đường, cùng bàn luận về sự kiện này: “Chư Hiền, kỳ lạ thay, hy hữu thay! Bậc đại nhân thành tựu ba mươi hai tướng thì chắc chắn có hai trường hợp, chắc chắn không sai lầm. Nếu ở tại gia thì chắc chắn vị ấy làm Chuyển luân vương, thông minh trí tuệ, có bốn loại quân chinh trị thiên hạ, tự do tự tại, là pháp vương hành động theo Chánh pháp, thành tựu Bảy Báu. Bảy Báu ấy là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu, tướng quân báu. Đó là bảy báu. Vị ấy có đủ một ngàn con trai, dung mạo đẹp đẽ, đồng mãnh không sợ, nhiếp phục được địch quân. Vị ấy thống

lãnh toàn thể cõi đất này cho đến biển cả, không dùng đao gậy mà dùng pháp giáo hóa khiến cho an lạc. Nếu vị ấy cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chỉ tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo, thì chắc chắn chứng đắc quả Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, tiếng tăm vang dội, mười phương đều nghe.”

Đức Thế Tôn sau khi nghe như vậy xong, vào lúc xế trưa, Ngài từ chỗ nghỉ ngơi đứng dậy, đi đến giảng đường, trải tọa mà ngồi trước chúng Tỳ-kheo, Ngài hỏi các Tỳ-kheo:

— Hôm nay, các Thầy tụ họp tại giảng đường cùng nhau bàn luận việc gì?

Bấy giờ các Tỳ-kheo đáp:

— Bạch đức Thế Tôn, hôm nay tụ tập tại giảng đường, chúng con cùng nhau bàn luận thế này: “Này chư Hiền, kỳ lạ thay, hy hữu thay! Bậc đại nhân thành tựu ba mươi hai tướng, thì chắc chắn có hai trường hợp, chắc chắn không sai lầm. Nếu ở tại gia, chắc chắn vị ấy là Chuyển luân vương, thông minh trí tuệ có bốn loại quân, chinh trị thiên hạ, tự do tự tại, là vị pháp vương hành theo Chánh pháp, thành tựu Bảy Báu. Bảy Báu ấy là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư

sĩ bấu, tướng quân bấu. Đó là Bảy Bấu. Vị ấy có đủ một ngàn người con trai, mặt mày khôi ngô, đồng mãnh không sợ, nhiếp phục được địch quân. Vị ấy thống lãnh tất cả cõi đất này cho đến biển cả, không dùng đao gậy, dùng pháp giáo hóa khiến cho an lạc. Nếu vị ấy cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo, thì chắc chắn chứng đắc quả Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, tiến tầm vang dội, mười phương đều nghe". Bạch đức Thế Tôn, chúng con cùng nhau bàn luận việc như vậy, nên tụ tập ngồi tại giảng đường.

Bấy giờ đức Thế Tôn dạy:

— Nay các Tỳ-kheo, các Thầy muốn Như Lai nói về ba mươi hai tướng không? Bậc đại nhân mà thành tựu ba mươi hai tướng thì chắc chắn có hai trường hợp, chắc chắn không sai lầm. Nếu ở tại gia, chắc chắn vị ấy làm Chuyển luân vương, thông minh trí tuệ, có bốn loại quan chính trị thiên hạ, tự do tự tại, là pháp vương hành động theo Chánh pháp, thành tựu Bảy Bấu. Bảy Bấu ấy là xe bấu, voi bấu, ngựa bấu, ngọc bấu, nữ bấu, cư sĩ bấu, tướng quân bấu; đó là Bảy Bấu. Vị ấy có một ngàn người con trai, mặt mày khôi ngô, đồng mãnh không sợ, nhiếp phục địch quân. Vị ấy thống lãnh tất cả đất

đại này cho đến biển cả, không dùng đao gậy, dùng pháp giáo hóa khiến cho an lạc. Nếu vị ấy cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, dứt khoát từ bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo, thì chắc chắn chứng đắc quả Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, tiếng tăm vang dội, mười phương đều nghe.

Sau khi nghe xong, các Tỳ-kheo bạch:

— Bạch đức Thế Tôn, nay quả là đúng lúc. Nếu Ngài nói cho các Tỳ-kheo về ba mươi hai tướng, thì sau khi nghe xong, các Tỳ-kheo sẽ khéo ghi nhớ.

Đức Thế Tôn bảo:

— Nay các Tỳ-kheo, hãy lắng nghe, hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ, ghi nhớ! Ta sẽ giảng giải, phân biệt rộng rãi cho các Thầy rõ.

Bấy giờ các Tỳ-kheo vâng lời, lắng nghe Thế Tôn dạy:

— Bạc đại nhân có lòng bàn chân bằng phẳng. Đó là tướng của đại nhân.

Lại nữa, lòng bàn chân của đại nhân có hình bánh xe. Bánh xe có đầy đủ ngàn tám. Đó là tướng của bạc đại nhân.

Lại nữa, ngón chân của bạc đại nhân thon dài. Đó là tướng của bạc đại nhân.

Lại nữa, mu bàn chân đại nhân thì ngay ngắn. Đó là tướng của bậc đại nhân.

Lại nữa, ở phía sau hai bên mắt cá của gót chân đại nhân thì đầy đặn bằng phẳng. Đó là tướng của bậc đại nhân.

Lại nữa, hai mắt cá nơi bàn chân thì nhỏ. Đó là tướng của bậc đại nhân.

Lại nữa, lông trên thân thể của đại nhân mọc hướng lên. Đó là tướng của bậc đại nhân.

Lại nữa, ở chân tay đại nhân có màng lưới giống như của chim nhận chúa. Đó là tướng của bậc đại nhân.

Lại nữa, chân tay đại nhân rất đẹp, mềm mại, xòe ra như hoa dâu-la. Đó là tướng của bậc đại nhân.

Lại nữa, da thịt của đại nhân mịn màng, bụi nước không dính được. Đó là tướng của bậc đại nhân.

Lại nữa, từng sợi lông trên thân của đại nhân, từng sợi lông một mọc ở một lỗ chân lông, màu xanh lông lánh như màu của ốc, xoay tròn về hướng phải. Đó là tướng của bậc đại nhân.

Lại nữa, bắp đùi như bắp đùi của nai chúa. Đó là tướng của bậc đại nhân.

Lại nữa, âm tàng của đại nhân giống như của ngựa chúa tốt. Đó là tướng của bậc đại nhân.

Lại nữa, thân hình đại nhân cân xứng đẹp đẽ, giống như cây ni-câu-loại, trên dưới tương xứng hoàn toàn. Đó là tướng của bậc đại nhân.

Lại nữa, thân thể của đại nhân không gù còng. Thân không còng nghĩa là đứng thẳng mà duỗi tay, rờ tận đầu gối. Đó là tướng của bậc đại nhân.

Lại nữa, thân của đại nhân màu vàng giống như màu hoàng kim. Đó là tướng của bậc đại nhân.

Lại nữa, thân của đại nhân có bảy chỗ đầy đặn. Bảy chỗ đầy đặn là hai bàn tay, hai bàn chân, hai vai và cổ. Đó là tướng của bậc đại nhân.

Lại nữa, thân của đại nhân phần trên lớn giống như thân sư tử. Đó là tướng của bậc đại nhân.

Lại nữa, quai hàm của đại nhân như sư tử. Đó là tướng của bậc đại nhân.

Lại nữa, xương sống thẳng bằng. Đó là tướng của bậc đại nhân.

Lại nữa, trên hai vai liên tiếp qua cổ đầy đặn bằng phẳng. Đó là tướng của bậc đại nhân.

Lại nữa, đại nhân có bốn mươi cái răng. Răng đều đầy đặn, không khuyết lở, trắng, trong, lóng lánh. Đó là tướng của bậc đại nhân.

Lại nữa, tiếng nói đáng ưa như tiếng trời Phạm thiên, âm thanh như tiếng chim ca-lăng-tần-già. Đó là tướng của bậc đại nhân.

Lại nữa, đại nhân có lưỡi rộng dài. Lưỡi rộng dài là lưỡi khi le ra trùm khắp cả mặt. Đó là tướng của bậc đại nhân.

Lại nữa, mí mắt của đại nhân rộng như của bậc trâu chúa. Đó là tướng của bậc đại nhân.

Lại nữa, mắt đại nhân màu xanh lóng lánh. Đó là tướng của bậc đại nhân.

Lại nữa, đánh đầu đại nhân có nhục kế tròn cân đối, tóc xoáy ốc về hướng phải. Đó là tướng của bậc đại nhân.

Lại nữa, giữa hai lông mày của đại nhân có sợi lông trắng mọc xoáy tròn về hướng phải. Đó là tướng của bậc đại nhân.

Này các Tỳ-kheo, đại nhân thành tựu ba mươi hai tướng này, chắc chắn có hai trường hợp, chân

thực không hư dối. Nếu ở tại gia thì chắc chắn vị ấy làm Chuyển luân vương, thông minh trí tuệ, có bốn loại quân, chinh trị thiên hạ, tự do tự tại, là pháp vương hành động theo Chánh pháp, thành tựu Bảy Báu. Bảy Báu ấy là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu, tướng quân báu. Đó là Bảy Báu. Vị ấy có đủ một ngàn người con trai, mặt mày khôi ngô, đông mảnh không sợ hãi, nhiếp phục được địch quân. Vị ấy thống lãnh tất cả cõi đất này cho đến biển cả, không dùng đao gậy, dùng pháp giáo hóa khiến cho lạc. Nếu vị ấy cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo, thì chắc chắn chứng quả Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, tiếng tăm vang dội, mười phương đều nghe.

Đức Phật thuyết như vậy, sau khi các Tỳ-kheo ấy nghe xong, hoan hỷ phụng hành.

3. KINH TỬ CHÂU

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Tôn giả A-nan ở nơi yên tĩnh, ngồi trầm lặng tư duy và suy nghĩ như vậy: “Người đời thật hiếm, ít ai có thể thỏa mãn đối với dục; ít ai có sự nhàm tởm, ghê sợ dục cho đến lúc chết. Người đời đối với dục mà có thỏa mãn, nhàm tởm, ghê sợ đối với dục cho đến lúc chết, quả là quá khó kiếm”. Rồi Tôn giả A-nan, vào lúc xế trưa, từ chỗ yên nghĩ đứng dậy, đi đến trước đức Phật, đánh lễ, rồi ngồi qua một bên và thưa:

— Bạch đức Thế Tôn, hôm nay con ở chỗ yên tĩnh, ngồi trầm lặng tư duy, đã suy nghĩ như vậy: “Người đời thật hiếm, ít ai có thể thỏa mãn đối với dục; ít ai có sự nhàm tởm, ghê sợ đối với dục cho đến lúc chết. Người đời đối với dục mà có ý thỏa mãn, nhàm tởm, ghê sợ đối với dục cho đến lúc chết, quả là quá khó kiếm!”.

Đức Phật bảo A-nan:

— Đúng như vậy, đúng như vậy! Người đời quá hiếm, ít ai có thể thỏa mãn đối với dục; ít ai có sự nhàm tởm, ghê sợ đối với dục cho đến lúc chết. Người đời đối với dục mà có ý thỏa mãn, nhàm tởm, ghê sợ đối với dục cho đến lúc chết, quả là quá khó kiếm. Nay A-nan, quả thực là rất khó kiếm, quả thực là rất khó kiếm!

Nhưng nay A-nan, trong thế gian, những người đối với dục mà không thỏa mãn, không nhàm tởm, ghê sợ cho đến lúc chết thì thật quá nhiều! thật quá nhiều! Vì sao? Nay A-nan, trong đời quá khứ, có nhà vua tên là Đảnh Sanh làm Chuyển luân vương, thông minh trí tuệ, có bốn loại quân, ngự trị thiên hạ, tự do tự tại, là pháp vương hành động theo Chánh pháp, thành tựu Bảy Báu. Bảy Báu ấy là: xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu và tướng quân báu. Đó là Bảy Báu.

Vị ấy có đủ một ngàn người con trai, mặt mày khôi ngô, dong mãnh không sợ, nhiếp phục được người khác. Vị ấy thống lãnh khắp cả cõi đất này cho đến biển cả, không dùng đao gậy, chỉ dùng pháp giáo hóa, khiến cho an lạc.

Này A-nan, một thời gian hết sức lâu xa về sau, vua Đảnh Sanh ấy nghĩ rằng: “Ta có châu Diêm-phù giàu có, hoan lạc cùng cực, nhân dân đông đúc. Ta có Bảy Báu, đầy đủ một ngàn người con; ta muốn ngay ở cung điện này mưa báu bảy ngày dâng đến tận đầu gối”. Này A-nan, vua Đảnh Sanh có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần nên vừa khởi tâm ưa thích như vậy, tức thì ở trong cung mưa báu bảy ngày, nước dâng đến đầu gối.

Này A-nan, một thời gian hết sức lâu xa về sau, vua Đảnh Sanh kia lại nghĩ rằng: “Ta có châu Diêm-phù giàu có, hoan lạc cùng cực, nhân dân đông đúc. Ta có Bảy Báu, đầy đủ một ngàn đứa con, và ở trong cung này, mưa báu bảy ngày, nước dâng đến đầu gối. Ta nhớ đã từng nghe nơi người xưa nói rằng, ở phương Tây có châu tên là Cù-đa-ni, giàu có, hoan lạc cùng cực, nhân dân đông đúc. Nay ta muốn đến xem châu Cù-đa-ni, và để thống trị”. Này A-nan, vua Đảnh Sanh có đại như ý túc,

có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, nên vừa khởi tâm ưa thích như vậy, liền dùng như ý túc cưỡi lên hư không mà đi, cùng với bốn loại quân. Nay A-nan, vua Đảnh Sanh trong phút chốc liền đến trú ở châu Cù-đa-ni kia.

Này A-nan, sau khi đến ở, nhà vua đã ngự trị châu Cù-đa-ni suốt vô lượng trăm ngàn vạn năm.

Này A-nan, một thời gian hết sức lâu xa về sau nữa, vua Đảnh Sanh kia lại nghĩ: “Ta có châu Diêm-phù giàu có, hoan lạc cùng cực, nhân dân đông đúc. Ta có Bảy Báu, đầy đủ một ngàn đứa con, và ở trong cung mưa báu bảy ngày, nước dâng đến đầu gối. Ta lại có thêm châu Cù-đa-ni. Ta đã từng nghe người xưa có nói rằng, ở phương Đông có châu tên là Phất-bà-bệ-đa-đề giàu có, hoan lạc cùng cực, nhân dân đông đúc. Nay ta muốn đến xem châu Phất-bà-bệ-đa-đề và sau khi đến sẽ ngự trị”. Nay A-nan, vua Đảnh Sanh kia có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần nên vừa khởi tâm ưa thích như vậy, liền dùng như ý túc cưỡi hư không mà đi cùng bốn thứ quân. Nay A-nan, trong phút chốc nhà vua đến trú ở châu Phất-bà-bệ-đa-đề. Nay A-nan, sau khi đến ở, nhà vua đã ngự trị châu Phất-bà-bệ-đa-đề suốt vô lượng trăm ngàn vạn năm.

Này A-nan, một thời gian hết sức lâu xa về sau nữa, vua Đảnh Sanh kia lại nghĩ: “Ta có châu Diêm-phù giàu có, hoan lạc cùng cực, nhân dân đông đúc. Ta có Bảy Báu, đầy đủ một ngàn người con, và ở trong cung mưa báu bảy ngày dâng đến đầu gối. Ta lại có thêm châu Cù-dà-ni, có thêm châu Phất-bà-bệ-dà-đê. Ta lại từng nghe người xưa có nói rằng, ở phương Bắc có châu tên là Uất-đơn-việt, giàu có, hoan lạc cùng cực, nhân dân đông đúc, họ tuy không có ngã tướng, không có thọ dụng riêng, nhưng ta muốn cùng quyến thuộc đi xem châu Uất-đơn-việt, để thống trị”. Này A-nan, vua Đảnh Sanh có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, nên vừa khởi tâm ưa thích như vậy, liền dùng như ý túc cuối hư không mà đi cùng với bốn loại quân. Này A-nan, nhà vua thấy đất trắng bằng phẳng từ xa, bảo các cận thần:

“— Các Khanh có thấy đất trắng bằng phẳng của châu Uất-đơn-việt này không? .

Các cận thần đáp:

“— Dạ thấy, tâu Thiên vương.

Nhà vua lại bảo:

“— Các Khanh biết không? Đó là lúa tự nhiên của người xứ Uất-đơn-việt; người Uất-đơn-việt

thường ăn loại thức ăn đó, các Khanh cũng nên ăn loại thức ăn đó.

Này A-nan, xa xa, vua Đảnh Sanh lại thấy tại châu Uất-đơn-việt có biết bao loại cây quý báu, khoe đủ màu sắc ở trong lan can, liền bảo cận thần:

“— Các Khanh có thấy biết bao nhiêu loại cây quý báu, khoe đủ màu sắc ở trong lan can tại châu Uất-đơn-việt không ?

Các cận thần đáp:

“— Dạ thấy, tâu Thiên vương.

Vua lại bảo:

“— Các Khanh biết không? Đó là thứ cây áo của người xứ Uất-đơn-việt. Người Uất-đơn-việt dùng thứ ấy mà mặc. Các Khanh cũng nên dùng thứ ấy mà mặc”.

Này A-nan, trong phút chốc, nhà vua đến trú ở châu Uất-đơn-việt. Này A-nan, sau khi cùng quyến thuộc đến đó, vua Đảnh Sanh thống trị châu Uất-đơn-việt suốt cả trăm ngàn vạn năm.

Này A-nan, một thời gian hết sức lâu xa về sau nữa, vua Đảnh Sanh kia lại nghĩ: “Ta có châu Diêm-phù giàu có vô cùng, nhân dân đông đúc. Ta có Bảy Báu, đầy đủ một ngàn người con và ở trong

cung mưa bấu bảy ngày, nước dâng đến đầu gối. Ta cũng có châu Cù-đa-ni, cũng có châu Phất-bà-bệ-đa-đề, lại có thêm châu Uất-đơn-việt. Ta lại từng nghe người xưa nói rằng, có cõi trời tên là Tam thập tam thiên. Nay ta muốn đến thấy Tam thập tam thiên”.

Này A-nan, vua Đảnh Sanh có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, nên vừa khởi tâm ưa thích như vậy, liền dùng như ý túc cười hư không cùng với bốn loại quân, hướng theo ánh sáng mặt trời mà đi. Này A-nan, từ xa, vua Đảnh Sanh đã thấy ở trong Tam thập tam thiên, trên đỉnh núi chúa Tu-di, có một vật lớn như một đám mây lớn, liền bảo các cận thần:

“— Các Khanh có thấy ở trên đỉnh núi chúa Tu-di (có một vật) như một đám mây lớn ấy chăng?

Các cận thần đáp:

“— Dạ thấy, tâu Thiên vương.

Nhà vua lại bảo:

“— Các Khanh biết chăng? Đó là cây Trú Độ của trời Tam thập tam thiên vậy. Dưới gốc cây này, vào mùa hạ tháng tư, các vị Trời ở Tam thập tam thiên vui chơi với đầy đủ năm thứ dục lạc.

Này A-nan, từ xa, vua Đảnh Sanh thấy ở trong trời Tam thập tam thiên, trên đỉnh núi chúa Tu-di, gần về hướng Nam có một vật giống như đám mây lớn, liên bảo các cận thần:

“— Các Khanh có thấy ở trong trời Tam thập tam thiên, trên đỉnh núi chúa Tu-di, gần về phía Nam, có một vật giống như đám mây lớn không?

“— Có thấy, tâu Thiên vương.

Nhà vua lại bảo:

“— Các Khanh biết không? Đó là nhà Chánh pháp của Tam thập tam thiên. Vị Trời Tam thập tam thiên ở trong nhà ấy, vào những ngày mùng tám, mười bốn hoặc mười lăm, vì loài trời, vì loài người mà tư duy về pháp, tư duy về nghĩa”.

Này A-nan, vua Đảnh Sanh liền đến cõi Tam thập tam thiên. Đến nơi, nhà vua đi vào nhà Chánh pháp. Ở đó, Trời Đế-thích nhường một nửa chỗ ngồi cho vua Đảnh Sanh và mời ngồi. Vua Đảnh Sanh liền ngồi xuống trên nửa chỗ ngồi của Đế-thích. Bấy giờ nhà vua và Trời Đế-thích hoàn toàn không khác gì nhau: ánh sáng và ánh sáng không khác, màu sắc và màu sắc không khác, hình dung và hình dung không khác, oai nghi lễ tiết và y phục cũng không khác nhau, chỉ có con mắt nháy là khác nhau.

Này A-nan, vua Đảnh Sanh kia một thời gian hết sức lâu xa về sau nữa, lại nghĩ: “Ta có châu Diêm-phù giàu có, hoan lạc cùng cực, nhân dân đông đúc. Ta có Bảy Báu, đầy đủ một ngàn người con, và trong cung mưa báu bảy ngày dâng đến đầu gối. Ta lại có châu Cù-đa-ni, có châu Phất-bà-bệ-đa-đề, có châu Uất-đơn-việt. Ta cũng đã thấy Tam thập tam thiên vân tập đại hội. Ta đã được vào nhà Chánh pháp của chư Thiên, lại được Đế-thích nhường cho một nửa chỗ ngồi, và ta đã ngồi trên một nửa chỗ ngồi của Đế-thích. Ta với Đế-thích hoàn toàn không khác gì nhau: ánh sáng không khác, màu sắc không khác, hình dung không khác, oai nghi lễ tiết cho đến y phục cũng không sai khác, chỉ có con mắt nháy là khác nhau mà thôi. Nay có lẽ ta đuổi Đế-thích đi, cướp lấy phân nửa chỗ ngồi ấy mà làm vua loài Trời và loài Người, tự do tự tại.”

Này A-nan, vua Đảnh Sanh vừa khởi ý niệm như vậy, bất giác rớt xuống châu Diêm-phù, liền mất như ý túc, nhuộm bệnh, đau nguy kịch. Đến lúc sắp chết, các cận thần đến bên nhà vua hỏi rằng:

“— Tâu Thiên vương, nếu có vị Phạm chí, Cư sĩ và kẻ bày tội hay thần dân nào đến hỏi các

hạ thần rằng: "Lúc băng hà Thiên vương chỉ bảo những gì?" Tâu Thiên vương, các hạ thần trả lời thế nào cho Phạm chí, Cư sĩ hay thần dân ấy?

Nhà vua bảo cận thần:

— Nếu có Phạm chí, Cư sĩ, hay thần dân nào đến hỏi các Khanh rằng: "Lúc băng hà, nhà vua đã nói những gì?" thì các Khanh nên đáp như thế này: "Vua Đánh Sanh đã được châu Diêm-phù, nhưng khi chết vẫn chưa thỏa mãn; vua Đánh Sanh đã được Bảy Báu, nhưng khi chết vẫn chưa được thỏa mãn; vua Đánh Sanh đã đầy đủ một ngàn người con, nhưng khi chết vẫn chưa thỏa mãn; vua Đánh Sanh đã có bảy ngày mưa báu, nhưng khi chết vẫn chưa thỏa mãn; vua Đánh Sanh đã được châu Cù-đà-ni, nhưng khi chết vẫn chưa thỏa mãn; vua Đánh Sanh đã được châu Phất-bà-bệ-đa-đề, nhưng khi chết vẫn chưa thỏa mãn; vua Đánh Sanh đã được châu Uất-đơn-việt, nhưng khi chết vẫn chưa thỏa mãn; vua Đánh Sanh đã thấy chư Thiên tụ hội, nhưng khi chết vẫn chưa thỏa mãn; vua Đánh Sanh đã đầy đủ các đặc tính của năm thứ sắc, thanh, hương, vị, xúc nhưng khi chết vẫn chưa thỏa mãn". Nếu có vị Phạm chí, Cư sĩ, hay thần dân nào đến hỏi các Khanh rằng: "Lúc băng hà,

vua Đánh Sanh đã nói những gì?" thì các Khanh nên trả lời đúng như thế.

Bấy giờ đức Thế Tôn đọc bài tụng:

*Trời mưa trên bảo quí,
Chưa thỏa lòng kẻ dục,
Ham muốn khổ, nào vui,
Kẻ trí cần phải biết.
Giả sử được đồng vàng,
Cao như núi Hy-mã,
Vẫn chưa đủ mây may,
Kẻ trí nghĩ như vậy:
Được ngũ dục trên trời,
Chẳng cho đó là vui,
Dứt ái, không đắm dục,
Là đệ tử Như Lai.*

Rồi đức Thế Tôn bảo:

— Này A-nan, vua Đánh Sanh ngày xưa ấy, Ông cho là ai khác chăng? Chớ nghĩ như vậy. Nền biết rằng, vị ấy chính là Ta vậy. Này A-nan, lúc bấy giờ Ta được lợi ích, cũng làm lợi ích cho người khác, cho mọi người, thương xót thế gian, vì Trời và vì loài Người mà cầu nghĩa và lợi ích, cầu an ổn khoái lạc. Lúc bấy giờ, Ta nói pháp không đến chỗ rốt ráo, không rốt ráo bạch tịnh, không rốt

ráo phạm hạnh. Vì không rốt ráo phạm hạnh hoàn toàn, lúc ấy Ta không lìa khỏi sự sanh, già, bệnh, chết, khóc than, ảo não, cũng chưa thể thoát ra ngoài mọi khổ đau. Nay A-nan, hôm nay Ta là bậc Xuất Thế, là đấng Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, hiệu là Phật, là Chúng Hựu. Nay Ta đã làm lợi ích cho mình, cũng làm lợi ích cho người khác, cho mọi người, thương xót thế gian, vì Trời và vì Người mà cầu nghĩa và lợi ích, cầu an ổn khoái lạc.

Nay Ta thuyết pháp đã đến chỗ rốt ráo, rốt ráo bạch tịnh, rốt ráo phạm hạnh. Khi đã rốt ráo phạm hạnh, Ta lìa khỏi sự sanh, già, bệnh, chết, khóc than, ảo não. Ta đã thoát khỏi mọi khổ đau.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe thuyết giảng, hoan hỷ phụng hành.

4. KINH NGUU PHẤN DỤ

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ có một vị Tỳ-kheo ở chỗ yên tĩnh, ngồi tư duy, suy nghĩ như vậy: “Có sắc nào thường trú, bất biến, hoàn toàn chỉ có lạc, tồn tại vĩnh viễn chăng? Có giác, tưởng, hành, thức nào thường trú, bất biến, chỉ có lạc, tồn tại vĩnh viễn chăng?”

Vào lúc xế trưa, vị Tỳ-kheo ấy từ chỗ ngồi yên tĩnh đứng dậy, đến trước đức Phật, cúi đầu đánh lễ rồi ngồi qua một bên và bạch:

— Bạch đức Thế Tôn, hôm nay ở chỗ yên tĩnh, con ngồi tư duy, suy nghĩ như vậy: “Có sắc

nào thường trú, bất biến, hoàn toàn chỉ có lạc, tồn tại vĩnh viễn chẳng? Có giác, tưởng, hành, thức nào thường trú, bất biến, chỉ còn có lạc, tồn tại vĩnh viễn chẳng?”.

Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

— Không có một sắc nào thường trú, bất biến, hoàn toàn chỉ có lạc, tồn tại vĩnh viễn; không có giác, tưởng, hành, thức nào thường trú, bất biến, hoàn toàn chỉ có lạc, tồn tại vĩnh viễn.

Bấy giờ đức Thế Tôn dùng móng tay khơi ít phân bò, bảo Tỳ-kheo:

— Nay Tỳ-kheo, nay Ông có thấy Ta dùng móng tay khơi chút ít phân bò chẳng?

Vị Tỳ-kheo đáp:

— Bạch đức Thế Tôn, có thấy.

Đức Phật bảo:

— Nay Tỳ-kheo, cũng vậy, không có một tí sắc nào thường trú, bất biến, chỉ toàn có lạc, tồn tại vĩnh viễn; cũng như vậy, không có một tí giác, tưởng, hành, thức nào thường trú, bất biến, chỉ toàn có lạc, tồn tại vĩnh viễn. Vì sao? — Nay Tỳ-kheo, nhớ lại xưa kia trong một thời gian dài, Ta thường làm phúc. Sau một thời gian dài làm

phúc ấy, Ta thọ quả báo an lạc. Vào thuở xưa đó, Ta tu hành về từ tâm trong bảy năm; trải qua bảy kiếp thành hoại vẫn không trở lại thế gian này. Vào thời kiếp hoại, Ta sanh vào cõi trời Hoán Dục; vào thời kiếp thành, Ta sanh vào trong cung điện Không Phạm, ở trong cõi Phạm kia, làm Đại Phạm thiên vương; và qua một ngàn lần tái sinh vào những nơi khác, Ta làm Tự tại thiên vương; ba mươi sáu lần tái sinh làm Thiên Đế-thích, rồi lại vô lượng lần tái sinh làm Sát-lợi Đánh Sanh vương. Nay Tỳ-kheo, lúc làm vua Sát-lợi Đánh Sanh, Ta có tám vạn bốn ngàn thớt voi lớn được phủ những đồ cưới rất đẹp, dùng các báu Bạch châu lạc trang sức, phủ lên voi chúa đầu đàn Vu-tra-hạ.

Nay Tỳ-kheo, lúc Ta làm vua Sát-lợi Đánh Sanh có tám vạn bốn ngàn con ngựa được phủ lên các thứ đồ cưới đẹp. Dùng các báu vàng, bạc, dao lạc để trang sức cho ngựa đầu đàn là ngựa Mao.

Nay Tỳ-kheo, lúc Ta làm vua Sát-lợi Đánh Sanh, có tám vạn bốn ngàn cỗ xe, trang sức bằng bốn cánh, dùng da vằn quý báu đủ màu của các thú như sư tử, cọp, beo, dệt thành đủ loại màu sắc xen lẫn trang sức cho cỗ xe dẫn đầu chạy rất nhanh chóng tên là xe Lạc Thanh.

Này Tỳ-kheo, lúc Ta làm vua Sát-lợi Đánh Sanh có tám vạn bốn ngàn thành lớn giàu có cùng cực, dân chúng đông đúc, lấy thành Câu-xá-hòa-đề Vương làm đầu.

Này Tỳ-kheo, lúc làm vua Sát-lợi Đánh Sanh, Ta có tám vạn bốn ngàn ngôi lầu, có bốn loại lầu báu, làm bằng vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh trải lên bằng các thứ nệm, chiếu dệt bằng lông năm sắc, phủ lên bằng những gấm, the, sa trun, lụa là; có chăn nệm lót, hai đầu để gối, trải thảm quý bằng da sơn dương.

Này Tỳ-kheo, lúc làm vua Sát-lợi Đánh Sanh, Ta có tám vạn bốn ngàn chiếc áo song y, áo sơ-ma, áo gấm, áo lụa, áo kiết-bối, áo ca-lăng-già-ba-hòa-la.

Này Tỳ-kheo, lúc làm vua Sát-lợi Đánh Sanh, Ta có tám vạn bốn ngàn người nữ, thân thể nở nà, sạch sẽ sáng sủa, sắc đẹp hơn người, đoan chánh, ai nhìn cũng sinh ưa thích, trang điểm bằng các thứ vật báu, anh lạc; tất cả đều thuộc dòng Sát-lợi. Ngoài ra, những người thuộc dòng khác thì nhiều vô số.

Này Tỳ-kheo, lúc làm vua Sát-lợi Đánh Sanh, Ta có tám vạn bốn ngàn món ăn, mọi đêm thường dọn ra cho Ta ăn. Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn

ngàn món ăn kia, có một món hết sức ngon, sạch sẽ, có vô lượng mùi vị, là món Ta thường ăn.

Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn người nữ kia có một người thuộc dòng Sát-lợi, đoan chánh đẹp để khác thường, hầu hạ Ta.

Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn song y kia có một chiếc áo song y, hoặc là áo sơ-ma, hoặc áo gấm, hoặc áo lụa, hoặc áo kiếp-bối, hoặc áo ca-lăng-già-ba-hòa-la là Ta thường mặc.

Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn ngự tòa kia, có một ngự tòa làm bằng vàng hoặc bạc, hoặc lưu ly, hoặc thủy tinh; đồ trải lên thì dùng những tấm nệm, những chiếc chiếu dệt bằng lông năm sắc; đồ phủ lên thì dùng gấm, the, sa trun, lụa là, có chần nệm lót, hai đầu để gối, có trải thảm quý bằng da sơn dương, là Ta thường nằm.

Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn lầu quán kia, có một lầu quán làm bằng vàng hoặc bạc, hoặc lưu ly, hoặc thủy tinh, tên là điện Chánh Pháp, là nơi Ta thường ở.

Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn thành lớn kia, có một thành giàu có cùng cực, dân chúng đông đúc, gọi là thành Câu-xá-hòa-đề là chỗ Ta thường ở.

Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn cỗ xe kia, có một cỗ được dùng da đủ màu của các thú như sư tử, cọp, beo dệt thành, màu sắc xen kẽ để trang hoàng, chạy rất nhanh chóng, tên là xe Lạc Sanh; Ta thường ngồi lên, đi đến các lầu quán để ngắm nhìn các vườn tược.

Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn con ngựa kia có một con màu xanh mượt, đầu đen như quạ gọi là ngựa Mao là Ta thường cỡi, đi đến các lầu quán để ngắm các vườn tược

Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn thớt voi lớn kia, có một thớt toàn thân trắng toát, bảy chi thấy đều ngay thẳng, gọi là voi chúa Vu-ba-hạ, là Ta thường cưỡi đi đến các lầu quán để ngắm các vườn tược.

Này Tỳ-kheo, bây giờ Ta nghĩ rằng: “Đó là nghiệp quả gì, là nghiệp báo gì, mà ngày nay Ta có đại như ý túc, đại oai đức, đại phước hỷ, đại oai thần?”.

Này Tỳ-kheo, Ta lại nghĩ: “Đó là ba nghiệp quả, là ba nghiệp báo, khiến Ta ngày nay có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hỷ, có đại oai thần: một là bố thí, hai là điều phục, ba là thủ hộ.”

— Nay Tỳ-kheo, Ông hãy quán sát rằng, tất cả những gì hiện hữu đều phải tiêu diệt, cả đến như ý tức cũng phải mất. Nay Tỳ-kheo, Ông nghĩ thế nào? Sắc là thường hay vô thường?

— Bạch đức Thế Tôn, vô thường.

— Vô thường là khổ hay không khổ?

— Bạch đức Thế Tôn, là khổ và biến dịch.

— Nếu là pháp vô thường, khổ, biến dịch, thì Đa văn Thánh đệ tử có nên cho rằng: “Cái này là ta, cái này là tự ngã của ta, cái này là của ta” chăng?

— Bạch đức Thế Tôn, không.

— Nay Tỳ-kheo, Ông nghĩ thế nào? Giác, tưởng, hành, thức là thường hay vô thường.

— Bạch đức Thế Tôn, là vô thường.

— Nếu vô thường thì khổ hay chẳng khổ?

— Bạch đức Thế Tôn, là khổ, là biến dịch.

— Nếu là pháp vô thường, khổ, biến dịch thì Đa văn Thánh đệ tử có nên cho rằng: “Cái này là ta, cái này là tự ngã của ta, cái này của ta” chăng?

— Bạch Thế Tôn, không.

— Vậy thì, này Tỳ-kheo, Ông nên học như vậy: Bất cứ sắc nào, dù quá khứ, hoặc vị lai hay hiện tại, hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc đẹp hoặc xấu, hoặc gần hoặc xa; tất cả những cái ấy chẳng phải là ta, chẳng phải là tự ngã của ta, chẳng phải là của ta; hãy dùng trí tuệ quán sát, biết đúng như thật. Bất cứ giác, tưởng, hành, thức, hoặc quá khứ hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc đẹp hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần; tất cả những cái ấy chẳng phải là ta, chẳng phải là tự ngã của ta, chẳng phải là của ta. Hãy dùng trí tuệ quán sát, biết đúng như thật.

Này Tỳ-kheo, nếu Đa văn Thánh đệ tử quán như thế thì liền nhàm chán sắc, nhàm chán giác, tưởng, hành, thức, nhàm chán thì liền vô dục, vô dục thì giải thoát, giải thoát thì có giải thoát tri kiến, biết đúng như thật rằng: “Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa”.

Bấy giờ, nghe đức Phật dạy như vậy xong, Tỳ-kheo ấy khéo ghi nhận, khéo ghi nhớ, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Ngài, đi quanh ba vòng rồi lui. Tỳ-kheo ấy sau khi thọ nhận lời giáo hóa của đức Phật, liền ở một mình thực

hành hạnh viễn ly, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn. Vị ấy đã sống một mình, thực hành hạnh viễn ly, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn, đạt đến mục đích mà thiện nam tử đã cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo; đó là chỉ cầu vô thượng phạm hạnh, ngay trong đời hiện tại, tự biết, tự ngộ, tự thân tác chứng, thành tựu an trú, biết đúng như thật rằng: “Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.” Như vậy, Tỳ-kheo ấy, sau khi đã biết pháp, chứng A-la-hán.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, Tỳ-kheo ấy sau khi nghe Phật thuyết giảng, hoan hỷ phụng hành.

5. KINH TẦN-BỆ-TA-LA VƯƠNG NGHINH PHẬT

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Ma-kiệt-dà, cùng với chúng Tỳ-kheo gồm một nghìn vị, đều là những bậc Vô trước, Chí chơn, vốn là những đạo sĩ bện tóc. Ngài đi đến ấp Ma-kiệt-dà ở thành Vương Xá.

Bấy giờ vua xứ Ma-kiệt-dà là Tần-bệ-ta-la nghe đức Thế Tôn du hóa tại nước Ma-kiệt-dà cùng với chúng Tỳ-kheo, gồm một nghìn vị, đều là những bậc Vô trước, Chí chơn, vốn là những đạo sĩ bện tóc; Ngài đến ấp Ma-kiệt-dà ở thành Vương Xá này. Sau khi nghe vậy, vua Tần-bệ-ta-la nước

Ma-kiệt-đa liền cho sắp đặt bốn loại quân: là tượng quân, mã quân, xa quân, và bộ quân. Sau khi sắp đặt bốn loại quân xong, nhà vua với đông đủ vô số thuộc hạ, kéo dài trên một do-diên cùng nhau đi đến chỗ Phật. Bấy giờ từ xa, đức Phật thấy vua Tần-bệ-ta-la nước Ma-kiệt-đa đi đến, Ngài theo đường tắt đến dưới gốc cây ni-câu-loại lớn nhất, trải ni-sư-đàn ngồi kiết-già cùng chúng Tỳ-kheo. Từ xa, vua Tần-bệ-ta-la nước Ma-kiệt-đa thấy Thế Tôn ở giữa cây rừng, trang nghiêm đẹp đẽ như vàng trắng ở giữa vòm sao, chói lọi, sáng ngời như núi vàng, tướng tốt vẹn toàn, oai thần lồng lộng, các căn vắng lặng, không bị ngăn che, thành tựu tự chế ngự, tâm tư yên tĩnh. Khi đã thấy Ngài, vua cùng tùy tùng xuống xe.

Nếu các vua Sát-lợi được rước nước lên đỉnh đầu để làm bậc Nhân chủ, chính trị cõi đất, có năm loại nghi tượng, một là kiếm, hai là lọng, ba là mũ thiên quan, bốn là phất trần cán ngọc, năm là giầy thêu. Nhưng đến đây nhà vua cởi bỏ tất cả, và cùng bốn loại quân đi bộ đến trước đức Phật, đánh lễ rồi tự xưng danh tánh ba lần rằng:

— Bạch đức Thế Tôn, tôi là Tỳ-ni-tần-bệ-ta-la, vua nước Ma-kiệt-đa.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo:

— Này Đại vương, đúng vậy, đúng vậy. Đại vương là Tắc-ni-tần-bệ-ta-la, vua nước Ma-kiệt-dà.

Sau khi vua Tắc-ni-tần-bệ-ta-la nước Ma-kiệt-dà ba lần tự xưng danh tánh rồi, đánh lễ đức Phật và ngồi qua một bên. Các người nước Ma-kiệt-dà đi theo, có người đánh lễ dưới chân Ngài rồi ngồi qua một bên, có người chào hỏi Ngài rồi ngồi qua một bên, có người chấp tay hướng về Ngài rồi ngồi qua một bên, có người ở xa thấy Ngài rồi lạng lẽ ngồi xuống.

Bấy giờ Tôn giả Uất-tỳ-la-ca-diếp cùng ngồi trong chúng. Tôn giả là vị mà những người nước Ma-kiệt-dà chú ý đến và cho rằng, đó là bậc đại Tôn sư, bậc Chơn nhân, Vô trước. Bấy giờ những người xứ Ma-kiệt-dà đều nghĩ rằng: “Sa-môn Cù-đàm theo Uất-tỳ-la-ca-diếp học phạm hạnh chăng? Hay là Uất-tỳ-la-ca-diếp theo Sa-môn Cù-đàm học phạm hạnh?”

Bấy giờ đức Thế Tôn biết ý nghĩ trong tâm người xứ Ma-kiệt-dà, Ngài liền hướng về Tôn giả Uất-tỳ-la-ca-diếp mà nói bài tụng:

— *Ca-diếp thấy những gì,
Bỏ lửa mà đến đây?*

*Ca-diếp nói Ta biết,
Lý do không thờ lửa?*

- *Ăn uống đủ các vị,
Do dục nên thờ lửa;
Trong đời thấy như vậy,
Cho nên không ưa thờ.*
- *Ý Ca-diếp không ưa,
Ăn uống đủ các vị,
Sao không ưa Trời, Người?
Ca-diếp nói Ta rõ.*

- *Thấy tịch tĩnh, diệt tận,
Vô vi, không dục hữu,
Không có Trời cao quý,
Cho nên không thờ lửa.
Thế Tôn là tối thắng,
Thế Tôn không tà tư,
Thấy các pháp rõ ràng,
Con nhận pháp tối thắng.*

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo:

- *Này Ca-diếp, Ông hãy hiển hiện như ý túc
để cho chúng hội này được vui lòng và tin tưởng.*

Lúc đó Tôn giả Uất-tỳ-la-ca-diếp, bằng chính thân mình mà hiển hiện như ý túc, biến mất khỏi

chỗ đang ngồi, từ phương Đông bay lên, đi trên hư không, hiện bốn oai nghi: đi, đứng, nằm, ngồi. Tôn giả lại nhập hỏa định. Sau khi Tôn giả Uất-tỳ-la-ca-diếp nhập hỏa định, trong thân liền tỏa ra vô số tia lửa đủ màu: xanh, vàng, đỏ, trắng, màu hòa hợp, màu thủy tinh. Phần thân dưới phóng ra lửa thì phần thân trên phóng ra nước, phần thân trên phóng ra lửa thì phần thân dưới phun ra nước. Cũng vậy, từ các phương Nam, Tây, Bắc bay lên hư không, hiện ra bốn oai nghi: đi, đứng, nằm, ngồi. Tôn giả lại nhập hỏa định. Sau khi Tôn giả Uất-tỳ-la-ca-diếp nhập hỏa định, trong thân tỏa ra vô số tia lửa đủ màu: xanh, vàng, đỏ, trắng, màu hòa hợp, màu thủy tinh. Thân thể về phần dưới phóng ra lửa thì phần trên phun ra nước, phần trên phóng ra lửa thì phần dưới phun ra nước. Sau khi hiển hiện như ý túc, Tôn giả Uất-tỳ-la-ca-diếp đánh lễ dưới chân Phật và bạch rằng:

— Bạch đức Thế Tôn, Ngài là Thầy của con; con là đệ tử của Ngài. Ngài có nhất thiết trí; con không có nhất thiết trí.

Đức Thế Tôn bảo:

— Đúng vậy, Ca-diếp, đúng vậy, Ca-diếp. Ta có nhất thiết trí; Ông không có nhất thiết trí.

Bấy giờ Tôn giả Uất-tỳ-la-ca-diếp vì chính mình mà nói bài tụng:

*Ngày xưa, lúc chưa rõ,
Thờ lửa, cầu giải thoát,
Tuy già vẫn đui mù,
Tà, không thấy chân tế.
Nay con thấy Thượng Thích,
Ròng Vô Thượng đã dạy:
Vô vi, thoát hết khổ,
Thấy rồi sanh tử dứt.*

Những người xứ Ma-kiệt-đà, sau khi thấy như vậy, liền nghĩ: “Không phải Sa-môn Cù-đàm theo Uất-tỳ-la-ca-diếp học phạm hạnh mà chính Uất-tỳ-la-ca-diếp theo Sa-môn Cù-đàm để học phạm hạnh.” Đức Thế Tôn biết ý nghĩ trong tâm của người xứ Ma-kiệt-đà, liền thuyết pháp cho Tỳ-ni-tàn-bệ-ta-la, vua nước Ma-kiệt-đà nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi Ngài đã dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho vua nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Ngài theo đúng pháp của chư Phật, trước tiên thuyết pháp đoạn chánh, khiến người nghe vui mừng, ấy là thuyết về bố thí, thuyết về trì giới, thuyết về pháp sanh thiên, chỉ trích dục

là tai họa, sanh tử là ô uế, khen ngợi vô dục là diệu đạo phẩm, bạch tịnh. Đức Thế Tôn đã nói cho vị đại vương ấy nghe những pháp như vậy. Ngài biết nhà vua có tâm hoan hỷ, tâm cụ túc, tâm nhu nhuyến, tâm kham nhẫn, tâm tăng thượng, tâm chuyên nhất, tâm vô nghi, tâm vô tận, có khả năng, có sức lực thọ nhận Chánh pháp, tức là các pháp yếu mà chư Phật đã giảng thuyết, cũng vậy, đức Thế Tôn nói cho nhà vua nghe về Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Ngài dạy:

— Nay Đại vương, sắc là pháp sanh diệt. Đại vương nên biết, sắc là pháp sanh diệt. Nay Đại vương, giác, tưởng, hành, thức là pháp sanh diệt. Đại vương nên biết, thức là pháp sanh diệt. Nay Đại vương, giống như lúc mưa lớn thì bọt trên mặt nước sanh diệt. Nay Đại vương, sắc sanh diệt cũng như vậy. Đại vương nên biết sắc là pháp sanh diệt. Nay Đại vương, giác, tưởng, hành, thức là pháp sanh diệt. Đại vương nên biết, thức là pháp sanh diệt. Nay Đại vương, nếu một thiện nam tử biết sắc sanh diệt thì biết rằng sắc không sanh lại ở tương lai. Nay Đại vương, nếu một thiện nam tử nào biết giác, tưởng, hành, thức sanh diệt thì liền biết rằng thức không sanh lại ở tương lai. Nay Đại vương, nếu một thiện nam tử biết sắc đúng như

thật thì không trước sắc, không kế sắc, không nhiễm sắc, không trụ nơi sắc, không hoan lạc, không cho “sắc là ta”. Nay Đại vương, nếu một thiện nam tử biết giác, tưởng, hành, thức đúng như thật thì không trước thức, không kế thức, không nhiễm thức, không trụ nơi thức, không hoan lạc, không cho “thức là ta”. Nay Đại vương, nếu một thiện nam tử không trước sắc, không kế sắc, không nhiễm sắc, không an trụ nơi sắc, không hoan lạc, không cho “sắc là ta”, thì người ấy không thọ nhận sắc tương lai. Nay Đại vương, nếu một thiện nam tử nào không trước giác, tưởng, hành, thức, không kế thức, không nhiễm thức, không trụ thức, không hoan lạc, không cho “thức là ta”, thì người ấy không thọ nhận thức tương lai. Nay Đại vương, thiện nam tử ấy vô lượng, không thể kể xiết, vô hạn, chúng đắc tịch tịnh, nếu xả bỏ thân ngũ ấm này thì không còn thọ ấm thân khác nữa.

Bấy giờ, những người xứ Ma-kiệt-đà nghĩ rằng: “Nếu như sắc là vô thường, giác, tưởng, hành, thức là vô thường, thì ai làm, ai thọ nhận khổ, lạc?”. Đức Thế Tôn biết ý nghĩ của những người xứ Ma-kiệt-đà, liền bảo các Tỷ-kheo rằng:

— Hàng phàm phu ngu si không học, thấy ngã là ngã mà đắm trước nơi ngã, nhưng thực ra

không có ngã, không có ngã sở. Ngã vốn không, ngã sở vốn không, pháp sanh thì sanh, pháp diệt thì diệt, thấy đều do nhơn duyên hội tụ mà sanh khổ. Nếu không có nhơn duyên thì các khổ liền diệt. Chúng sanh do duyên tụ hội liên tục mà sanh các pháp. Như Lai sau khi thấy chúng sanh liên tục sanh ra nên nói “có sanh có tử”. Ta dùng thiên nhãn thanh tịnh hơn hẳn người thường, thấy đúng như thật về chúng sanh này, lúc tử lúc sanh, hoặc đẹp hoặc xấu, hoặc diệu hoặc bất diệu, qua lại thiện xứ, hoặc bất thiện xứ, đều tùy theo nghiệp mà chúng sanh ấy đã tạo, và thấy đúng như thật: Nếu chúng sanh nào thành tựu ác hạnh nơi thân, ác hạnh nơi khẩu, ý, phỉ báng Thánh nhơn, tà kiến và thành tựu nghiệp tà kiến, thì do nhơn duyên kia, khi thân này hoại diệt, chúng sanh ấy chắc chắn đi đến chỗ ác, sanh vào địa ngục. Nếu chúng sanh nào thành tựu thiện hạnh nơi thân, thiện hạnh nơi khẩu, ý, không phỉ báng Thánh nhơn, có chánh kiến, thành tựu nghiệp chánh kiến thì do nhơn duyên đó, khi thân này hoại diệt, chúng sanh ấy chắc chắn đi lên chỗ thiện, cho đến cõi trời. Ta biết chúng sanh kia như vậy nhưng không nói rằng: Đó là ngã có thể cảm giác, có thể nói năng, làm và sai làm, đứng dậy và khiến đứng dậy, ở nơi này hay nơi kia thọ nhận nghiệp báo thiện

ác. Ở đây, hoặc có suy nghĩ như vậy: “Điều đó không hợp lý, điều đó không đứng vững, việc làm ấy đúng như pháp, như cái này mà cái kia sanh, nếu không như cái này thì cái kia không sanh, cái này có thì cái kia có, cái này diệt thì cái kia diệt. Tức là duyên vô minh có hành cho đến duyên sanh mà có già, chết. Nếu vô minh diệt thì hành diệt, cho đến sanh diệt thì già, chết diệt.”

Này Đại vương, Đại vương nghĩ sao, sắc là vô thường hay thường?

Nhà vua đáp:

— Bạch Thế Tôn, là vô thường.

— Nếu vô thường thì khổ hay không khổ?

— Bạch Thế Tôn, là khổ, là biến dịch.

— Nếu pháp là vô thường, khổ, biến dịch, thì Đa văn Thánh đệ tử có nên cho rằng: “Cái này là ta, cái này là tự ngã của ta, cái này là của ta”?

— Bạch Thế Tôn, không.

— Này Đại vương, Đại vương nghĩ sao, giác, tưởng, hành, thức là thường hay vô thường?

— Bạch Thế Tôn, là vô thường.

— Nếu vô thường thì khổ hay không khổ?

— Bạch Thế Tôn, là khổ, là biến dịch.

— Nếu pháp là vô thường, khổ, biến dịch, thì Đa văn Thánh đệ tử có nên cho rằng: “Cái này là ta, cái này là tự ngã của ta, cái này là của ta”?

— Bạch Thế Tôn, không nên.

— Nay Đại vương, Đại vương nên học như vậy, bất cứ sắc nào, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc đẹp hoặc xấu, hoặc gần, hoặc xa; tất cả đều chẳng phải là ta, chẳng phải là tự ngã của ta, chẳng phải là của ta. Nên dùng trí tuệ quán biết như thật.

Nay Đại vương, bất cứ giác, tưởng, hành, thức nào, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc đẹp hoặc xấu, hoặc gần hoặc xa; tất cả thứ ấy chẳng phải ta, chẳng phải là tự ngã của ta, chẳng phải là của ta. Nên dùng trí tuệ quán biết đúng như thật.

Nay Đại vương, nếu Đa văn Thánh đệ tử quán đúng như vậy, thì liền nhàm chán sắc, nhàm chán giác, tưởng, hành, thức. Nhàm chán rồi liền vô dục, vô dục rồi, liền được giải thoát, đã giải thoát liền có tri kiến giải thoát, biết như thật rằng: “Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa”.

Lúc đức Phật nói pháp này xong, Tắc-ni-tần-bệ-ta-la, vua nước Ma-kiệt-đà xa lìa trần cấu, pháp nhãn về các pháp sanh khởi và tám vạn chư thiên, một vạn hai ngàn người xứ Ma-kiệt-đà xa lìa trần cấu, pháp nhãn về các pháp sanh khởi. Bấy giờ Tắc-ni-tần-bệ-ta-la, vua nước Ma-kiệt-đà thấy pháp, đắc pháp, giác ngộ pháp bạch tịnh, đoạn nghi, vượt khỏi mê hoặc, không còn ai hơn, không theo ai nữa, không còn do dự, đã an trụ nơi quả chứng, đối với pháp của Thế Tôn, chứng đắc vô sở úy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật và bạch:

— Bạch Thế Tôn, hôm nay con xin đem mình quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo. Cúi mong Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc, bắt đầu từ hôm nay, trọn đời con xin đem mình quy y cho đến lúc mạng chung.

Đức Phật thuyết như vậy, Tắc-ni-tần-bệ-ta-la, vua nước Ma-kiệt-đà và tám vạn chư Thiên, Ma, và một vạn hai ngàn người xứ Ma-kiệt-đà cùng một ngàn Tỳ-kheo, sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

6. KINH BỆ-BÀ-LĂNG-KỲ

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Câu-tát-la.

Bấy giờ đức Thế Tôn và đại chúng Tỳ-kheo cùng đi trên đường; giữa đường Ngài mỉm cười rạng rỡ. Tôn giả A-nan thấy Thế Tôn mỉm cười, liền chấp tay hướng về Thế Tôn và bạch:

— Bạch Thế Tôn, do nhơn duyên gì Ngài mỉm cười? Các đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, nếu không có nhơn duyên gì, thì không bao giờ cười suông. Xin Ngài nói cho con biết lý do ấy.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo:

— Này A-nan, chính trong xứ này, đức Ca-diếp Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, ngồi tại nơi đây mà nói pháp cho các đệ tử.

Lúc đó Tôn giả A-nan, ngay tại chỗ ấy, liền nhanh chóng trải chỗ ngồi, chấp tay hướng về Thế Tôn và bạch:

— Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn cũng ngồi nơi đây mà nói pháp cho các đệ tử. Như vậy, đây là nơi mà hai đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác đã cùng ngồi.

Bấy giờ đức Thế Tôn ngồi xuống trên chỗ mà Tôn giả A-nan đã trải. Sau khi ngồi xuống Ngài bảo:

— A-nan, ở trong xứ này, đức Ca-diếp Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, có giảng đường. Đức Ca-diếp Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, sau khi ngồi vào trong đó, Ngài giảng pháp cho các đệ tử nghe. Này A-nan, trong xứ này, xưa kia có thôn ấp, tên là Bệ-bà-lăng-kỳ, giàu có cùng cực, dân chúng đông đúc. Này A-nan, trong thôn ấp Bệ-bà-lăng-kỳ, có Phạm chí đại trưởng giả tên là Vô Nhuế, giàu có tốt đỉnh, của cải vô lượng, sản nghiệp chăn nuôi, không thể tính toán, phòng hộ thực ấp đầy đủ mọi thứ.

Này A-nan, Phạm chí đại trưởng giả Vô Nhuế có người con tên là Ưu-đa-la-ma-nạp, được cha mẹ nuông chiều, thọ sanh thanh tịnh, cho đến bảy đời cha mẹ, chủng tộc không tuyệt, đời đời không ác, học rộng, nghe nhiều, đọc hết bốn loại kinh điển, thấu triệt nhưn duyên, chánh văn, ưa ngũ cú thuyết.

Này A-nan, đồng tử Ưu-đa-la có người bạn lành làm thợ đồ gốm tên là Nan-đê-bà-la thường được đồng tử Ưu-đa-la yêu thương, tưởng nhớ, ưa gặp gỡ, không chán. Này A-nan, thợ đồ gốm Nan-đê-bà-la quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo, không nghi ngờ Ba Ngôi Báu, không nghi hoặc Khổ, Tập, Diệt, Đạo, có tín, có giới, học rộng, ưa bố thí, thành tựu trí tuệ, xa lìa sát sanh, xả bỏ đao gậy, biết hổ, biết thẹn, có tâm từ bi, làm lợi ích tất cả cho đến loài côn trùng; đối với tâm niệm sát sanh, vị ấy đã tịnh trừ.

Này A-nan, thợ gốm Nan-đê-bà-la xa lìa việc không cho mà lấy, đoạn trừ việc không cho mà lấy, cái gì cho mới lấy, ưa việc đem cho, thường thích bố thí, hoan hỷ, không bòn xén, không mong báo đáp; đối với tâm niệm không cho mà lấy, vị ấy đã tịnh trừ.

Này A-nan, thợ gốm Nan-đê-bà-la xa lìa phi phạm hạnh, đoạn trừ phi phạm hạnh, siêng tu

phạm hạnh, tinh tấn tu diệu hạnh, thanh tịnh, không ô uế, lìa dục, đoạn dâm; đối với tâm niệm phi phạm hạnh, vị ấy đã tịnh trừ.

Này A-nan, thợ đồ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa nói dối, đoạn trừ nói dối, nói chân thật, ưa chân thật, an trú vào chân thật, không chút di động, hoàn toàn đáng tin cậy, không lừa dối thế gian; đối với tâm niệm nói dối, vị ấy đã tịnh trừ.

Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa nói hai lưỡi, đoạn trừ nói hai lưỡi, tu hạnh không nói hai lưỡi, không phá hoại ai, không nghe chuyện người này rồi mách lại người kia, xúi dục phá hoại người này, không nghe chuyện người kia, rồi mách lại người này, xúi dục phá hoại người kia, ai chia lìa thì làm cho hòa hợp, ai hòa hợp thì làm cho hoan hỷ, không lập bè đảng, không ưa bè đảng, không khen ngợi bè đảng; đối với tâm niệm nói hai lưỡi, vị ấy đã tịnh trừ.

Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa lời nói thô ác, đoạn trừ lời nói thô ác. Nếu có những lời thô bạo, hung ác, trái tai, khiến mọi người không hoan hỷ, mọi người không thương mến, khiến người khác khổ não, không được định tĩnh, vị ấy đoạn trừ lời nói như vậy. Nếu có những lời hòa nhã, nhu thuận, lọt tai, vừa lòng, khiến được

hoan hỷ, được mến thương, khiến người khác an lạc, âm thanh rõ ràng, không làm người sợ, khiến người khác định tĩnh, vị ấy nói những lời như vậy; đối với tâm niệm ưa nói thô ác, vị ấy đã định trừ.

Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa lời nói thêu dệt, đoạn trừ lời nói thêu dệt, nói đúng lúc, nói chân thật, nói về pháp, nói về nghĩa, nói về chỉ tức, nói về việc ưa chỉ tức, nói việc thuận thời, thích hợp, khéo dạy, khéo quả trách; đối với tâm niệm ưa nói thêu dệt, vị ấy đã tịnh trừ.

Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc kinh doanh buôn bán, đoạn trừ việc kinh doanh buôn bán, xả bỏ đong lường và đấu học, xả bỏ việc nhận hàng hóa, không cột trói người, không trông mong sự đo lường tà vạy, không vì chút lợi nhỏ mà lấn lướt, lừa dối người; đối với tâm niệm kinh doanh buôn bán, vị ấy đã tịnh trừ.

Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa nhận đàn bà góa, con gái, đoạn trừ việc nhận đàn bà góa, con gái; đối với tâm niệm nhận đàn bà góa, con gái, vị ấy đã tịnh trừ.

Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc nhận tớ gái, đoạn trừ việc nhận tớ gái; đối với tâm niệm nhận tớ gái, vị ấy đã tịnh trừ.

Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc nhận tổ gái, đoạn trừ việc nhận tổ gái; đối với tâm niệm nhận tổ gái, vị ấy đã tịnh trừ.

Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc nhận voi, ngựa, trâu, dê, đoạn trừ việc nhận voi, ngựa, trâu, dê; đối với tâm niệm nhận voi, ngựa, trâu, dê, vị ấy đã tịnh trừ.

Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc nhận gà, heo, đoạn trừ việc nhận gà, heo; đối với tâm niệm nhận gà, heo, vị ấy đã tịnh trừ.

Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc nhận ruộng đất, quán xá, đoạn trừ việc nhận ruộng đất, quán xá; đối với tâm niệm nhận ruộng đất, quán xá, vị ấy đã tịnh trừ.

Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc nhận nếp, lúa, đậu sống, đoạn trừ việc nhận nếp, lúa, đậu sống; đối với tâm niệm nhận nếp, lúa, đậu sống, vị ấy đã tịnh trừ.

Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc uống rượu, đoạn trừ việc uống rượu; đối với tâm niệm uống rượu, vị ấy đã tịnh trừ.

Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc dùng giường sang, cao rộng, đoạn trừ việc dùng

giường sang, cao rộng; đối với tâm niệm dùng giường sang, cao rộng, vị ấy đã tịnh trừ.

Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc đeo vòng hoa, đeo chuỗi ngọc, thoa hương, đánh phấn, đoạn trừ việc đeo vòng hoa, chuỗi ngọc, thoa hương, đánh phấn; đối với tâm niệm đeo vòng hoa, chuỗi ngọc, thoa hương, đánh phấn, vị ấy đã tịnh trừ.

Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc ca múa, xướng hát, hoặc đến nghe, xem, đoạn trừ việc ca múa, xướng hát hoặc đến nghe, xem; đối với tâm niệm ca múa, xướng hát và đến xem, nghe, vị ấy đã tịnh trừ.

Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc nhận vàng, bạc, châu báu, đoạn trừ việc nhận vàng, bạc, châu báu; đối với tâm niệm nhận vàng, bạc, châu báu, vị ấy đã tịnh trừ.

Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc ăn quá ngọ, đoạn trừ việc ăn quá ngọ, thường ăn một bữa, không ăn ban đêm, học hạnh ăn đúng thời; đối với tâm niệm ăn quá ngọ, vị ấy đã tịnh trừ.

Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la trọn đời tay không cầm cuốc, không tự tay đào đất, cũng không bảo người khác đào; nếu đất ở dề chặn nước lở ra, hoặc đất do chuột đào lên thì lấy làm đồ gốm đưa

lên và nói với người mua rằng: “Các Ngài, nếu có đậu oản, gạo giẻ, lúa mạch, đậu ma lớn nhỏ, đậu bẹ và hạt cải, sau khi trút xuống rồi, Ngài cứ mang đồ gốm này mà đi, tùy theo ý muốn.”

Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la trọn đời hầu hạ cha mẹ, cha mẹ mù lòa chỉ trông cậy vào vị ấy; cho nên vị ấy phải hầu hạ.

Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la vào một sáng sớm, đi đến trước đức Ca-diếp Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác; sau khi đến, vị ấy đánh lễ Ngài, rồi ngồi qua một bên. Đức Ca-diếp Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác thuyết pháp cho vị ấy, khuyến khích phát khởi lòng ngưỡng mộ thành tựu tâm, hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho vị ấy, khuyến khích phát khởi lòng ngưỡng mộ, thành tựu tâm, hoan hỷ xong, đức Ca-diếp Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác ngồi im lặng.

Này A-nan, sau khi được đức Ca-diếp Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác thuyết pháp, khuyến khích phát khởi lòng ngưỡng mộ, thành tựu tâm, hoan hỷ rồi, thợ gốm Nan-đề-bà-la từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Ngài, đi quanh ba vòng, rồi lui ra.

Bấy giờ đồng tử Ưu-đa-la cưỡi xe ngựa trắng, cùng với năm trăm đồng tử nữa, vào lúc vừa sáng, từ thôn ấp Bệ-bà-lăng-kỳ ra đi, đến một chỗ vô sự, muốn giáo hóa các đệ tử từ nhiều nước đến, dạy chúng đọc sách phạm chí. Bấy giờ đồng tử Ưu-đa-la từ xa trông thấy thợ gốm Nan-đề-bà-la đi đến, thấy xong liền hỏi Nan-đề-bà-la:

“— Anh từ đâu đến?”

Nan-đề-bà-la đáp:

“— Hôm nay tôi từ chỗ đức Ca-diếp Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, sau khi cúng dường lễ bái Ngài xong thì đến đây. Nay Ưu-đa-la, bạn có thể cùng với tôi đến chỗ đức Ca-diếp Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác để cúng dường, lễ bái Ngài?”

Bấy giờ đồng tử Ưu-đa-la đáp:

“— Nay anh Nan-đề-bà-la, tôi không muốn thấy Sa-môn trọc đầu. Sa-môn trọc đầu không thể đắc đạo, vì đạo khó chúng đắc.”

Bấy giờ thợ gốm Nan-đề-bà-la túm lấy tóc của đồng tử Ưu-đa-la kéo xuống xe. Lúc đó đồng tử Ưu-đa-la nghĩ: “Anh thợ gốm Nan-đề-bà-la này bình thường không bốn cật, không khùng, không si, nay kéo tóc mình chắc có điều gì?” Nghĩ xong liền bảo:

“— Này anh Nan-đề-bà-la, tôi đi theo Anh, tôi đi theo Anh!

Bấy giờ Nan-đề-bà-la hoan hỷ nói rằng:

“— Lành thay, chúng ta đi.

Thợ gốm Nan-đề-bà-la và đồng tử Ưu-đa-la cùng nhau đến chỗ đức Ca-diếp Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác. Đến nơi, hai người đánh lễ rồi ngồi qua một bên. Thợ gốm Nan-đề-bà-la bạch đức Ca-diếp Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác rằng:

“— Bạch Thế Tôn, đồng tử Ưu-đa-la này là bạn của con. Bạn này thường ưa đến thăm, thường thích đến thăm con, không hề nhàm chán, nhưng không có lòng tin và cung kính đối với Thế Tôn. Mong Thế Tôn khéo léo thuyết pháp cho bạn con, hoan hỷ, khởi lòng tin và cung kính.”

Bấy giờ đức Ca-diếp Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác thuyết pháp cho thợ gốm Nan-đề-bà-la và đồng tử Ưu-đa-la, khuyết khích phát khởi lòng ngưỡng mộ, thành tựu tâm hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho hai vị ấy, khuyến khích phát khởi lòng ngưỡng mộ, thành tựu tâm hoan hỷ xong, đức Thế Tôn ngồi im lặng.

Bấy giờ, sau khi được đức Ca-diếp Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác thuyết pháp, khuyến khích phát khởi lòng ngưỡng mộ, thành tựu tâm hoan hỷ, hai vị liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Ngài, đi quanh ba vòng, rồi lui ra.

Lúc trở về, đi chưa bao xa, đồng tử Ưu-đa-la lại hỏi:

“— Này anh Nan-đề-bà-la, Anh đã được nghe pháp vi diệu như thế từ đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, tại sao Anh còn ở nhà, không thể lìa bỏ để học Thánh đạo?

Bấy giờ thợ gốm Nan-đề-bà-la đáp:

“— Này Ưu-đa-la, chính Bạn đã biết tôi phải trọn đời hầu hạ, nuôi nấng cha mẹ; vì cha mẹ tôi mù lòa, chỉ trông cậy ở mình tôi. Tôi vì hầu hạ phụng dưỡng cha mẹ vậy.

Bấy giờ đồng tử Ưu-đa-la hỏi:

“— Này Nan-đề-bà-la, tôi có thể theo đức Ca-diếp Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác xuất gia học đạo, thọ giới cụ túc, làm Tỳ-kheo, tu hành phạm hạnh được chăng?

Lúc đó, thợ gốm Nan-đề-bà-la và đồng tử Ưu-đa-la từ nơi ấy quay trở lại chỗ đức Ca-diếp

Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, đến nơi, đánh lễ Ngài, rồi ngồi qua một bên. Thọ gồm Nan-đề-bà-la bạch đức Ca-diếp Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác rằng:

“— Bạch Thế Tôn, đồng tử Ưu-đa-la này trở về chưa bao xa, lại hỏi con rằng: "Này anh Nan-đề-bà-la, từ đức Ca-diếp Như lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Anh được nghe pháp vi diệu như thế; tại sao Anh còn ở nhà, không thể lìa bỏ để học thánh đạo?"

Bạch Thế Tôn, con đã trả lời rằng: "Chính Bạn đã rõ, tôi phải trọn đời hầu hạ, phụng dưỡng cha mẹ. Cha mẹ tôi mù lòa, chỉ trông cậy vào một mình tôi. Như vậy, tôi phải hầu hạ, phụng dưỡng cha mẹ." Ưu-đa-la lại hỏi: "Này anh Nan-đề-bà-la, tôi có thể theo đức Ca-diếp Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, xuất gia học đạo, thọ cụ túc giới, làm Tỳ-kheo, tu hành phạm hạnh được không?"

Bạch Thế Tôn, mong Ngài độ cho bạn con xuất gia, học đạo, truyền trao giới cụ túc cho bạn con được làm Tỳ-kheo.

Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác im lặng nhận lời của Nan-đề-bà-la. Sau

khi biết đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh giác im lặng nhận lời, thợ gốm Nan-đề-bà-la từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Ngài, đi quanh ba vòng rồi lui ra.

Sau khi Nan-đề-bà-la đi chưa bao lâu, đức Ca-diếp Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác độ cho đồng tử Ưu-đa-la xuất gia, học đạo, truyền trao giới cụ túc. Sau khi cho Ưu-đa-la xuất gia, cho thợ cụ túc xong, Ngài ở thôn ấp Bệ-bà-lăng-kỳ vài ngày, rồi mang y, cầm bát cùng với đại chúng Tỳ-kheo du hành, muốn đến ấp Ba-la-nại, nước Ca-tư. Đến Ba-la-nại, Ngài trú tại xứ Tiên Nhon, vườn Lộc Dã. Bấy giờ vua Hiệp-bệ nghe đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác du hành qua nước Ca-tư cùng với chúng đại Tỳ-kheo đồng đến Ba-la-nại này, hiện ở tại xứ Tiên Nhon, vườn Lộc Dã. Nghe xong, vua bảo người đánh xe:

“— Người hãy sửa soạn xe, hôm nay ta muốn đi đến chỗ đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác.

Người đánh xe kia vâng lời vua bảo liền sửa soạn xa giá, sửa soạn xong, tâu với vua rằng:

“— Con đã sửa soạn xe đẹp, xin tùy ý Thiên vương”.

Vua Hiệp-bệ ngồi xe đẹp, từ Ba-la-nại ra đi, đến xứ Tiên Nhơn, vườn Lộc Dã. Từ xa, vua Hiệp-bệ thấy giữa rừng cây, đức Ca-diếp Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác trang nghiêm đẹp đẽ như vàng trắng giữa vòm sao, chói lọi sáng ngời như núi vàng, tiếng tốt vẹn toàn, oai nghi lồng lộng, các căn vắng lặng, không bị ngăn che, hoàn toàn tự chế ngự, lắng tâm tĩnh mặc. Sau khi thấy Ngài, vua xuống xe, đi đến chỗ đức Ca-diếp Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, đánh lễ, rồi ngồi qua một bên. Sau khi nhà vua ngồi xuống, đức Ca-diếp Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác thuyết pháp, khuyến khích phát khởi lòng ngưỡng mộ, thành tựu tâm hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho nhà vua, khuyến khích phát khởi lòng ngưỡng mộ, thành tựu hoan hỷ rồi, Ngài ngồi im lặng. Sau khi được đức Ca-diếp Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, khuyến khích phát khởi lòng ngưỡng mộ, thành tựu hoan hỷ rồi, nhà vua liền đứng dậy, kéo lệch vai áo đang mặc, chấp tay hướng về Ngài và bạch:

“— Mong Thế Tôn cùng với đại chúng Tỳ-kheo ngày mai nhận lời mời của con!”

Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, im lặng nhận lời mời của vua Hiệp-bệ. Sau khi biết

đức Như Lai đã im lặng nhận lời, nhà vua cúi đầu đánh lễ, đi quanh ba vòng rồi lui ra, trở về nhà.

Đêm ấy, vua hạ lệnh sắp sửa đủ các món ăn, thức uống ngon lành, sạch sẽ, mỹ diệu, với đủ các thức ăn loại cứng, loại mềm. Đêm ấy, việc bày biện đã xong, sáng ra, vua sai trải giường ngồi, rồi sai người đến bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn, nay giờ đã đến, thức ăn đã sẵn sàng mong Thế Tôn đến đúng thời.”

Bấy giờ, vào lúc sáng sớm, đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác mang y, cầm bát và có chúng Tỳ-kheo theo sau, đi đến nhà của vua Hiệp-bệ, ngồi vào chỗ ngồi phía trên chúng Tỳ-kheo. Vua Hiệp-bệ thấy đức Phật và chúng Tỳ-kheo ngồi xong, tự tay múc nước rửa, tự tay bưng hầu các thức ăn, thức uống, đầy đủ các món ngon, sạch, mỹ diệu, khiến các Ngài ăn no. Ăn rồi dọn bát, lấy nước rửa xong, nhà vua lấy ghế nhỏ ngồi riêng một bên để nghe pháp. Vua Hiệp-bệ ngồi xong, đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác thuyết pháp cho vua, khuyến khích phát khởi lòng ngưỡng mộ, thành tựu tâm hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho vua, khuyến khích phát khởi lòng ngưỡng mộ, thành tựu tâm hoan hỷ xong rồi, Ngài ngồi im lặng. Sau khi được

đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác thuyết pháp, khuyến khích phát khởi lòng ngưỡng mộ, thành tựu tâm hoan hỷ rồi, vua Hiệp-bệ từ chỗ ngồi đứng dậy, kéo lệch vai áo đang mặc, chấp tay hướng về đức Như Lai và bạch:

“— Mong Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo nhận lời của con mà an cư mùa mưa tại Ba-la-nại này. Con xin xây cất năm trăm gian phòng, năm trăm giường nệm và cúng thí các vật dụng, cung cấp nếp trắng và đủ các món thực phẩm của vua, để cúng dường Ngài và chúng Tỳ-kheo.

Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác bảo nhà vua:

“— Thôi, thôi Đại vương, chỉ cần có tâm hoan hỷ là đủ.

Ba lần như thế, vua Hiệp-bệ chấp tay hướng về đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác thưa:

“— Mong Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo nhận lời mời của con mà an cư mùa mưa tại Ba-la-nại này. Con xin xây cất năm trăm gian phòng, năm trăm giường nệm, và cúng thí các vật dụng cung, cấp nếp trắng và các món ăn thực phẩm của vua để cúng dường Ngài và chúng Tỳ-kheo.

Đức Như Lai, Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác cũng ba lần bảo:

“— Thôi, thôi, Đại vương, chỉ cần có tâm hoan hỷ là đủ.

Bấy giờ vua Hiệp-bệ không nhẫn được, không vừa ý, tâm rất ưu sầu, nghĩ rằng: “Đức Ca-diếp Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác không nhận lời mời của ta mà an cư mùa mưa tại Ba-la-nại này cùng với chúng Tỳ-kheo.” Nghĩ xong, nhà vua thưa đức Như Lai:

“— Bạch Thế Tôn, có kẻ bạch y tại gia nào phụng sự Thế Tôn giống con chăng?

Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác đáp:

“— Có, và ở tại thôn Bệ-bà-lăng-kỳ giàu có, hoan lạc tột cùng, nhân dân đông đúc, thuộc lãnh thổ của Đại vương. Đây Đại vương, ở trong thôn Bệ-bà-lăng-kỳ ấy có thợ gốm Na-đề-bà-la; đây Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo, không hoài nghi Ba Ngôi Báu, không nghi hoặc Khổ, Tập, Diệt, Đạo, có tín, tri giới, học rộng, ưa bố thí, thành tựu trí tuệ, xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh, xả bỏ đao gậy, biết hổ thẹn, có tâm từ bi, làm lợi ích cho đến cả tất cả

loài côn trùng. Đối với tâm niệm sát sanh vị ấy đã tịnh trừ.

Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc không cho mà lấy, đoạn trừ việc không cho mà lấy, cái gì cho mới lấy, ưa việc đem cho, thường hay bố thí, hoan hỷ, không bôn xén, không mong báo đáp; đối với tâm niệm không cho mà lấy, vị ấy đã tịnh trừ.

Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa phi phạm hạnh, đoạn trừ phi phạm hạnh, tinh tấn tu diệu hạnh, thanh tịnh không ô uế, lìa dục, đoạn dâm; đối với tâm niệm phi phạm hạnh, vị ấy đã tịnh trừ.

Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa nói dối, đoạn trừ nói dối, nói chân thật, ưa chân thật, an trú vào chân thật, không di động, hoàn toàn đáng tin cậy, không lừa dối thế gian; đối với tâm niệm ưa nói dối, vị ấy đã tịnh trừ.

Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa lời nói hai lưỡi, đoạn trừ lời nói hai lưỡi, tu hạnh không nói hai lưỡi, không phá hoại ai, không nghe chuyện người này rồi mách lại người kia để phá hoại người này, không nghe chuyện người kia rồi mách lại người này để phá hoại người kia, ai chia

là thì làm cho hòa hợp, ai hòa hợp thì làm cho hoan hỷ, không lập bè đảng, không ưa bè đảng, không khen ngợi bè đảng; đối với tâm niệm ưa nói hai lưỡi, vị ấy đã tịnh trừ.

Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa là lời nói thô ác, đoạn trừ lời nói thô ác; nếu có lời nói thô bạo hung ác, trái tai, mọi người không hoan hỷ, mọi người không thương mến, khiến người khác khổ não, không được định tĩnh, thì vị ấy đoạn trừ lời nói như vậy; nếu có nói lời hòa nhã nhu thuận, lọt tai vừa lòng, khiến được hoan hỷ, được mến thương, khiến người khác an lạc, âm thanh rõ ràng, không làm người sợ, khiến người khác định tĩnh, thì vị ấy nói năng như vậy; đối với tâm niệm ưa nói thô ác, vị ấy đã tịnh trừ.

Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa là lời nói thêu dệt, đoạn trừ lời nói thêu dệt, nói đúng lúc, nói chân thật, nói về pháp, nói về nghĩa, nói về chỉ tức, nói về việc ưa chỉ tức, nói việc thuận thời, hợp thời, khéo dạy, khéo quở trách; đối với tâm niệm ưa nói thêu dệt, vị ấy đã tịnh trừ.

Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa là việc kinh doanh, buôn bán, đoạn trừ việc kinh doanh buôn bán, xả bỏ đong lường và đấu hộc, xả bỏ việc nhận hàng hóa, không cột trói người, không

trông mong sự đo lường tà vạy, không vì chút lợi nhỏ mà lẩn lút, lừa dối người; vị ấy, đối với tâm niệm ưa kinh doanh, buôn bán, đã tịnh trừ.

Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc nhận đàn bà góa, con gái, đoạn trừ việc nhận đàn bà góa, con gái; đối với tâm niệm nhận đàn bà góa, con gái, vị ấy đã tịnh trừ.

Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc nhận tổ gái, đoạn trừ việc nhận tổ gái; đối với tâm niệm nhận tổ gái, vị ấy đã tịnh trừ.

Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc thọ nhận voi, ngựa, trâu, dê, đoạn trừ việc nhận voi, ngựa, trâu, dê; đối với tâm niệm thọ nhận voi, ngựa, trâu, dê, vị ấy đã tịnh trừ.

Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc nhận gà, heo, đoạn trừ việc nhận gà, heo; đối với tâm niệm nhận gà, heo, vị ấy đã tịnh trừ.

Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc nhận ruộng đất, quán xá, đoạn trừ việc nhận ruộng đất, quán xá; đối với tâm niệm nhận ruộng đất, quán xá, vị ấy đã tịnh trừ.

Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc nhận lúa sống, đoạn trừ việc nhận gạo sống; đối với tâm niệm thọ nhận gạo sống, vị ấy đã tịnh trừ.

Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc uống rượu, đoạn trừ việc uống rượu; đối với tâm niệm uống rượu, vị ấy đã tịnh trừ.

Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc dùng giường sang, cao rộng, đoạn trừ việc dùng giường sang, cao rộng; đối với tâm niệm dùng giường sang, cao rộng, vị ấy đã tịnh trừ.

Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc đeo vòng hoa, đeo chuỗi ngọc, thoa hương, đánh phấn, đoạn trừ việc đeo vòng hoa, đeo chuỗi anh lạc, thoa hương, đánh phấn; đối với tâm niệm đeo vòng hoa, đeo chuỗi anh lạc, vị ấy đã tịnh trừ.

Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc ca múa, xướng hát, và đến xem, nghe, đoạn trừ ca múa, xướng hát và đến xem nghe; đối với tâm niệm ca múa xướng hát và đến xem nghe, vị ấy đã tịnh trừ.

Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc nhận vàng, bạc, châu báu, đoạn trừ việc nhận vàng, bạc, châu báu; đối với tâm niệm nhận vàng, bạc, châu báu, vị ấy đã tịnh trừ.

Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc ăn quá ngọ, đoạn trừ việc ăn quá ngọ, thường ăn một bữa, không ăn ban đêm, tu hạnh ăn đúng

thời; đối với tâm niệm ăn quá ngọ, vị ấy đã tịnh trừ.

Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la trọn đời tay không cầm cuốc, không tự đào đất, cũng không bảo người khác đào, nếu đất ở bờ nước lở ra, hoặc đất do chuột moi lên, thì lấy làm đồ gốm, đưa lên nói với người mua rằng: "Các Ngài, nếu có đậu oản, lúa de, lúa mạch, đậu ma lớn, nhỏ, đậu bè, hạt cải, hãy trút xuống, rồi hãy cứ mang đồ gốm này mà đi, tùy theo ý muốn."

Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la trọn đời hầu hạ cha mẹ. Cha mẹ mù lòa chỉ trông cậy vào một mình người ấy cho nên người ấy phải hầu hạ.

Này Đại vương, Ta nhớ lúc xưa có lần du hành tại thôn ấp Bà-bệ-lăng-kỳ. Này Đại vương, bấy giờ vào lúc sáng sớm, Ta mang y, cầm bát vào thôn ấp Bà-bệ-lăng-kỳ khát thực, khát thực theo thứ tự, Ta đến nhà thợ gốm Nan-đề-bà-la. Lúc đó, vì bận chút việc, nên Nan-đề-bà-la đi vắng. Này Đại vương, Ta hỏi cha mẹ Nan-đề-bà-la rằng:

"— Này Trưởng lão, thợ gốm bây giờ ở đâu?"

Cha mẹ người ấy đáp:

"— Bạch Thế Tôn, đứa hầu ấy vì bận chút việc nên tạm thời đi khỏi, không ở nhà. Bạch Thiện

Thệ, đưa hầu ấy vì bận chút việc nên tạm thời đi khỏi nhà, không có ở nhà. Bạch Thế Tôn, trong rá, cơm, trong chảo có canh đậu. Mong Thế Tôn thương xót chúng con, lấy dùng theo ý của Ngài."

Này Đại vương, Ta liền thọ nhận pháp Uất-đơn-việt, lấy cơm canh ở trong rá rồi đi. Thọ gồm Nan-đề-bà-la, sau khi trở về nhà, thấy cơm trong rá còn ít, canh trong chảo giảm bớt, hỏi cha mẹ rằng:

"— Ai lấy bớt canh cơm?"

Cha mẹ đáp:

"— Này con, hôm nay đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác đến đây khát thực. Ngài lấy cơm và canh trong rá, trong chảo rồi đi."

Thọ gồm Nan-đề-bà-la nghe xong liền nghĩ rằng: "Ta có lợi ích lớn lao, có công đức lớn lao. Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, đối với nhà ta, Ngài tùy ý tự tại." Nhờ đó vị ấy hoan hỷ, ngồi kiết-già lắng tâm tịch mặc suốt bảy ngày, mười lăm ngày sau vẫn còn hoan lạc. Cha mẹ trong gia đình ấy suốt bảy ngày cũng được hoan hỷ.

Lại nữa này Đại vương, Ta nhớ xưa có lần du hành tại thôn ấp Bệ-bà-lăng-kỳ, bấy giờ vào lúc

sáng sớm, Ta mang y, cầm bát vào thôn Bê-bà-lăng-kỳ khát thực. Khất thực theo thứ tự, Ta đến nhà thợ gốm Nan-đê-bà-la. Bấy giờ Nan-đê-bà-la vì bận chút việc nên đi vắng. Nay Đại vương, Ta hỏi cha mẹ Nan-đê-bà-la rằng:

"— Nay Trưởng lão, thợ gốm bấy giờ ở đâu?

Hai người ấy đáp:

"— Bạch đức Thế Tôn, đứa hầu ấy vì bận chút việc nên tạm thời đi khỏi, không ở nhà. Bạch đức Thiện Thệ, đứa hầu ấy, vì bận chút việc, đi khỏi một lát, không có ở đây. Bạch đức Thế Tôn, trong chảo lớn có cơm nếp, trong chảo nhỏ có canh; mong đức Thế Tôn thương xót chúng con, lấy dùng theo ý của Ngài."

Nay Đại vương, Ta liền thọ nhận pháp Uất-đơn-việt, lấy cơm canh trong chảo lớn và chảo nhỏ rồi đi. Sau khi trở về nhà, thợ gốm Nan-đê-bà-la thấy cơm trong chảo lớn còn ít, canh trong chảo nhỏ giảm bớt, hỏi cha mẹ rằng:

"— Ai lấy cơm trong chảo lớn, lấy canh trong chảo nhỏ?

Cha mẹ đáp:

"— Này con, hôm nay đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác đến đây khát thực. Ngài lấy cơm trong chảo lớn và chảo nhỏ rồi đi."

Nghe xong, thợ gốm Nan-đề-bà-la nghĩ rằng: "Ta có lợi ích lớn lao, có công đức lớn lao. Đức Ca-diếp Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác đối với nhà ta, đã tùy ý tự tại." Nhờ đó, vị ấy hoan hỷ, ngồi kiết-già lắng tâm tịch mặc suốt bảy ngày, mười lăm ngày sau vẫn còn hoan lạc; cha mẹ trong gia đình ấy suốt bảy ngày cũng được hoan lạc.

Lại nữa, này Đại vương, Ta nhớ xưa kia có lần an cư mùa mưa tại thôn Bệ-bà-lăng-kỳ. Bấy giờ Ta mới làm nhà chưa kịp lợp. Nhà làm gốm cũ của thợ gốm vừa mới lợp. Này Đại vương, Ta bảo các Tỳ-kheo đang đứng hầu rằng: "Các Ông hãy đến dỡ nhà cũ làm đồ gốm của thợ gốm Nan-đề-bà-la đem về lợp nhà Ta." Tỳ-kheo hầu hạ vâng lời Ta dạy, liền đến nhà của Nan-đề-bà-la và dỡ nhà cũ làm đồ gốm, bó lại rồi mang về lợp nhà của Ta. Cha mẹ thợ gốm Nan-đề-bà-la nghe dỡ nhà cũ làm đồ gốm liền hỏi:

"— Ai dỡ nhà cũ làm đồ gốm của Nan-đề-bà-la đó?

Các Tỳ-kheo đáp:

"— Chúng tôi là các Tỳ-kheo hầu đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác đến dỡ nhà cũ làm đồ gốm của Nan-đề-bà-la bó lại, mang về lợp nhà của Ngài.

Cha mẹ của thợ gốm bảo:

"— Chư Hiền, chư Hiền hãy đem đi theo ý muốn, không có gì trở ngại.

Sau khi trở về, thợ gốm Nan-đề-bà-la thấy nhà cũ làm đồ gốm bị dỡ, liền hỏi cha mẹ:

"— Ai dỡ nhà cũ làm đồ gốm của mình vậy?

Cha mẹ đáp:

"— Này con, hôm nay các Tỳ-kheo hầu đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác đến dỡ nhà cũ làm đồ gốm, bó lại, đem về lợp nhà của Ngài."

Nghe xong, Nan-đề-bà-la nghĩ: "Ta có lợi ích lớn, có công đức lớn lao. Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác đối với nhà ta, đã tùy ý tự tại".

Nhờ đó, vị ấy hoan hỷ, ngồi kiết-già lắng tâm tĩnh mặc suốt bảy ngày, mười lăm ngày sau vẫn còn hoan lạc. Cha mẹ trong gia đình ấy suốt bảy ngày cũng được hoan lạc. Này Đại vương, nhà cũ

làm đồ gốm của Nan-đề-bà-la suốt bốn tháng mùa mưa hoàn toàn không bị dột. Vì sao như vậy? Vì nhờ oai thần của Phật. Nay Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la không có điều gì không nhẫn được, không có điều gì không thích thú, nên tâm không ưu sầu, đã nghĩ rằng: "Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác đối với gia đình ta đã được tùy ý tự tại."

Nay Đại vương, Đại vương có điều không nhẫn được, có điều không thích thú, nên tâm quá ưu sầu, đã nghĩ rằng: "Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác và chúng Tỳ-kheo không nhận lời mời của ta mà an cư mùa mưa tại Ba-la-nại này." Bấy giờ đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác thuyết pháp cho vua Hiệp-bệ, khuyến khích phát lòng ngưỡng mộ, thành tựu tâm hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho vua, khuyến khích phát khởi lòng ngưỡng mộ, thành tựu tâm hoan hỷ xong, Ngài từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

Khi đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác ra đi chưa bao lâu, vua Hiệp-bệ hạ lệnh cho người hầu cận: "Các Người dùng năm trăm cỗ xe chất đầy gạo, nếp và đủ các món thực

phẩm của vua, chở đến nhà thợ gốm Nan-đề-bà-la và nói với Nan-đề-bà-la rằng: "Này Nan-đề-bà-la, năm trăm cỗ xe này chất đầy gạo, nếp và đủ các món thực phẩm của vua, do vua Hiệp-bệ bảo chở đến tặng cho Ông, mong Ông thương xót; hôm nay, xin Ông nhận cho." Lúc đó, người hầu cận vâng lời vua, dùng năm trăm cỗ xe chất đầy gạo, nếp và đủ các món thực phẩm của vua, chở đến nhà thợ gốm Nan-đề-bà-la. Đến nơi, vị ấy nói:

"— Thưa thợ gốm Nan-đề-bà-la, năm trăm cỗ xe này chất đầy gạo, nếp và đủ các món thực phẩm của nhà vua, do vua Hiệp-bệ bảo chở đến biếu tặng Ông, mong Ông thương xót; hôm nay, xin Ông nhận cho.

Bấy giờ thợ gốm Nan-đề-bà-la từ chối, không nhận và nói với các người hầu vua rằng:

"— Chư Hiền, vua Hiệp-bệ phải lo đại sự cho nước nhà nên chi phí nhiều. Tôi biết như vậy, nên không thọ nhận".

Đến đây, đức Phật bảo A-nan:

— Này A-nan, ý Ông nghĩ thế nào? Đồng tử Ưu-đa-la lúc bấy giờ, Ông cho là người nào chăng? Chớ nghĩ vậy. Nên biết rằng chính là Ta vậy. Này A-nan, Ta lúc bấy giờ đã làm lợi ích cho chính

mình, cũng làm lợi ích cho người khác, làm lợi ích cho mọi người, thương xót thế gian. Vì loài Trời và loài Người mà Ta đã cầu nghĩa, cầu sự lợi ích, an ổn khoái lạc. Lúc bấy giờ Ta thuyết pháp không được rớt ráo, không rớt ráo bạch tịnh, không rớt ráo phạm hạnh. Không rớt ráo phạm hạnh, nên bấy giờ Ta không xa lìa được sanh, già, bệnh, chết, ưu sầu, khóc lóc, cũng không thoát được mọi khổ đau. Nay A-nan, hôm nay Ta là bậc Xuất Thế, là Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, là bậc Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu. Hôm nay Ta đã làm lợi ích cho chính mình, cũng làm lợi ích cho người khác, lợi ích cho nhiều người, thương xót thế gian. Vì Trời và Người mà Ta tìm cầu nghĩa, tìm cầu sự an ổn khoái lạc. Nay Ta thuyết pháp được rớt ráo, rớt ráo bạch tịnh, rớt ráo phạm hạnh. Do rớt ráo phạm hạnh, Ta đã lìa khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu sầu, khóc lóc. Nay Ta đã thoát được mọi khổ đau.

Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

7. KINH THIÊN SỨ

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trú ở vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Thắng Lâm.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Ta dùng thiên nhãn thanh tịnh, thấy xa hơn người, nhìn thấy chúng sinh này lúc sinh lúc tử, sắc đẹp hoặc xấu, thiện hoặc bất thiện, qua lại chỗ lành hoặc chỗ chẳng lành, tùy theo nghiệp mà chúng sinh ấy đã tạo. Ta thấy sự kiện ấy đúng như thật. Nếu chúng sinh nào thành tựu thân ác hạnh, khẩu, ý ác hạnh, phỉ báng Thánh nhơn, tà kiến, thì do nhơn duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chúng sinh này chắc chắn đi đến chỗ ác, sinh vào địa ngục. Còn nếu chúng sinh nào thành

tự thân thiện hạnh, khẩu, ý thiện hạnh, không phỉ báng Thánh nhơn, có chánh kiến, thành tựu nghiệp chánh kiến, thì do nhơn duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chúng sinh này chắc chắn đi đến chỗ lành, sinh vào cõi trời.

Cũng như lúc mưa lớn, bọt nước sinh ra rồi diệt, nếu ai có mắt đứng yên một nơi thì thấy bọt nước thoát sinh, thoát diệt. Ta cũng như vậy, bằng thiên nhãn thanh tịnh, thấy xa hơn người thường, thấy chúng sinh lúc sinh, lúc tử, hoặc đẹp hoặc xấu, hoặc thiện hoặc bất thiện, qua lại chỗ lành và chỗ không lành, tùy theo nghiệp mà chúng sinh ấy đã tạo. Ta thấy sự kiện ấy đúng như thật. Nếu chúng sinh nào thành tựu thân ác hạnh, khẩu, ý ác hạnh, phỉ báng Thánh nhơn, tà kiến, thành tựu nghiệp tà kiến thì do nhơn duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chúng sinh ấy chắc chắn đi đến chỗ ác, sinh vào địa ngục. Còn nếu chúng sinh nào thành tựu thân thiện hạnh, khẩu, ý thiện hạnh, không hủy báng Thánh nhơn, có chánh kiến, thành tựu nghiệp chánh kiến, thì do nhơn duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chúng sinh ấy chắc chắn đi đến chỗ lành và sinh vào cõi trời.

Cũng như mưa lớn trút xuống, giọt nước hoặc ở chỗ cao, hoặc ở chỗ thấp; nếu ai có mắt, đứng

yên một nơi thì thấy nước lúc giọt chỗ cao, lúc giọt chỗ thấp. Ta cũng như vậy, bằng thiên nhân thanh tịnh, thấy xa hơn người thường, nhìn thấy chúng sinh lúc sinh, lúc tử, hoặc đẹp hoặc xấu, hoặc diêu hoặc bất diêu, qua lại chỗ lành và chỗ chẳng lành tùy theo nghiệp mà chúng sinh ấy đã tạo. Ta thấy sự kiện ấy đúng như thật. Nếu chúng sinh nào thành tựu thân ác hạnh, khẩu, ý ác hạnh, phỉ báng Thánh nhơn, có tà kiến, thành tựu nghiệp tà kiến, thì do nhơn duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chúng sinh ấy chắc chắn đi đến chỗ ác, sinh vào địa ngục. Còn nếu chúng sinh nào thành tựu thân diêu hạnh khẩu, ý diêu hạnh, không phỉ báng Thánh nhơn, có chánh kiến, thành tựu nghiệp chánh kiến, thì do nhơn duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chúng sinh ấy chắc chắn đi đến chỗ lành, sinh vào cõi trời.

Cũng như ngọc lưu ly thanh tịnh, tự nhiên sinh ra không có tỳ vết, ô uế, tám góc khéo xâu qua bằng sợi dây đẹp hoặc xanh, hoặc vàng, hoặc đỏ, hoặc đen, trắng; người nào có mắt, đứng yên một chỗ thì thấy ngọc lưu ly này thanh tịnh, tự nhiên sinh ra không có tỳ vết, ô uế, tám góc khéo xâu qua bằng sợi dây đẹp hoặc xanh, hoặc vàng, hoặc đỏ, đen, trắng. Ta cũng như vậy, bằng thiên

nhân thanh tịnh, thấy xa hơn người, nhìn thấy chúng sinh này lúc sinh, lúc tử, hoặc đẹp hoặc xấu, diệu hoặc, hoặc bất diệu, qua lại chỗ lành, hoặc chỗ chẳng lành, tùy theo nghiệp mà chúng sinh ấy đã tạo. Ta thấy sự kiện ấy đúng như thực. Nếu chúng sinh nào thành tựu thân ác hạnh, khẩu, ý ác hành, phi báng Thánh nhơn, tà kiến, thành tựu nghiệp tà kiến, thì do nhơn duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chúng sinh ấy chắc chắn đi đến chỗ ác, sinh vào địa ngục. Nếu chúng sinh nào thành tựu thân diệu hạnh, khẩu, ý diệu hạnh, không phi báng Thánh nhơn, chánh kiến, thành tựu nghiệp chánh kiến, thì do nhơn duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chúng sinh ấy chắc chắn đi đến chỗ lành, sinh vào cõi trời.

Cũng như hai nhà có chung cửa ngõ, nhiều người ra vào; nếu ai có mắt, đứng yên một chỗ thì thấy người ra, kẻ vào. Ta cũng như vậy, bằng thiên nhãn thanh tịnh, thấy xa hơn người, nhìn thấy chúng sinh lúc sinh, lúc tử, hoặc xấu hoặc đẹp, hoặc diệu hoặc bất diệu, qua lại chỗ lành hoặc chỗ chẳng lành tùy theo nghiệp mà chúng sinh ấy đã tạo. Ta thấy sự kiện ấy đúng như thật. Nếu chúng sinh nào thành tựu thân ác hạnh, khẩu, ý ác hành, phi báng Thánh nhơn, tà kiến, thành tựu nghiệp

tà kiến, thì do nhơn duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chúng sinh này chắc chắn đi đến chỗ ác, sinh vào địa ngục. Nếu chúng sinh nào thành tựu thân diệu hạnh, khẩu, ý diệu hạnh, không phỉ báng Thánh nhơn, chánh kiến, thành tựu nghiệp chánh kiến, thì do nhơn duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chúng sinh ấy chắc chắn đi đến chỗ lành, sinh vào cõi trời.

Nếu ai có mắt, đứng yên trên lầu cao nhìn người dưới thấp qua lại, đổi thay đủ cách, ngồi, nằm, chạy, nhảy. Ta cũng như vậy, bằng thiên nhãn thanh tịnh, thấy xa hơn người, nhìn thấy chúng sinh lúc sinh, lúc tử, hoặc xấu hoặc đẹp, hoặc diệu hoặc bất diệu, qua lại chỗ lành hoặc chỗ chẳng lành tùy theo nghiệp mà chúng sinh ấy đã tạo. Ta thấy sự kiện ấy đúng như thật. Nếu chúng sinh nào thành tựu thân ác hạnh, khẩu, ý ác hạnh, phỉ báng Thánh nhơn, tà kiến, thành tựu nghiệp tà kiến, thì do nhơn duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chúng sinh ấy chắc chắn đi đến chỗ ác, sinh vào địa ngục. Nếu chúng sinh nào thành tựu thân diệu hạnh, khẩu, ý diệu hạnh, không phỉ báng Thánh nhơn, chánh kiến, thành tựu nghiệp chánh kiến, thì do nhơn duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chắc chắn chúng sinh đó sinh lên chỗ lành, sinh vào cõi trời.

Nếu chúng sinh nào sống ở nhơn gian, không hiếu thảo với cha mẹ, không biết kính trọng Sa-môn, Phạm chí, không làm đúng như thật, không tạo phước nghiệp, không sợ tội đời sau, thì do nhơn duyên ấy, khi thân hoại mạng chung, chúng sinh ấy sinh vào cảnh Diêm vương. Người ở Diêm vương bắt đưa đến chỗ vua và thưa rằng:

— Tâu Thiên Vương, chúng sinh này lúc còn làm người, không hiếu thảo với cha mẹ, không biết kính trọng Sa-môn, Phạm chí, không làm đúng như thật, không tạo phước nghiệp, không sợ tội đời sau, mong Thiên vương trừng phạt đúng theo tội trạng của nó.

Bấy giờ, Thiên vương dẫn Thiên sứ thứ nhất ra để hỏi kỹ, kiểm xét kỹ, khéo dạy, khéo quở trách chúng sinh kia rằng:

— Người có thấy Thiên sứ thứ nhất đến không?

Chúng sinh kia đáp:

— Tâu Thiên vương, không thấy.

Diêm vương lại hỏi:

— Ở trong một thôn ấp có hài nhi bé nhỏ hoặc nam hoặc nữ, thân thể yếu đuối, nằm giữa

giữa phần và nước tiểu, không thể kêu cha mẹ; cha mẹ bỗng khỏi chỗ bất tỉnh, tắm rửa thân nó cho được sạch sẽ. Người có thấy cảnh tượng đó không?

Chúng sinh ấy đáp:

“— Tâu Thiên vương, có thấy.

Diêm vương lại bảo:

“— Từ đó về sau, lúc Người đã hiểu biết, tại sao Người không nghĩ rằng: "Chính ta lệ thuộc sự sanh, không lìa khỏi sinh; ta nên làm điều thiện về thân, khẩu và ý."

Chúng sinh ấy đáp:

“— Tâu Thiên vương, tôi là kẻ bại hoại, suy vi, mất hẳn chẳng?

Diêm vương đáp:

“— Người quả là kẻ bại hoại, suy vi, mất hẳn. Nay ta sẽ tra khảo Người như trị kẻ phóng dật, làm hạnh phóng dật. Ác nghiệp của Người không phải do cha mẹ làm, không phải do vua, không phải do Trời, cũng không phải do Sa-môn, Phạm chí làm. Chính Người tự tạo nghiệp ác bất thiện, cho nên hôm nay chắc chắn Người phải thọ báo”.

Sau khi dẫn Thiên sứ thứ nhất này ra để hỏi kỹ, kiểm xét kỹ, khéo dạy, khéo quả trách xong, lại dẫn Thiên sứ thứ hai ra để hỏi kỹ, kiểm xét kỹ, khéo dạy, khéo quả trách chúng sinh kia rằng:

“— Người có thấy Thiên sứ thứ hai đến không?

Chúng sinh kia đáp:

“— Tâu Thiên vương, không thấy.

Diêm vương lại hỏi:

“— Trước kia ở trong một thôn ấp, Người há không thấy người đàn bà hoặc đàn ông, tuổi quá già nua, sức sống rũ liệt gần tàn, răng rụng, tóc bạc, lưng còm, chống gậy mà đi, thân thể run rẩy?

Chúng sinh ấy đáp:

“— Tâu Thiên vương, có thấy.

Diêm vương lại hỏi:

“— Người từ đó về sau, khi đã có hiểu biết, tại sao không nghĩ rằng: "Chính ta lệ thuộc sự già, không là khỏi sự già; ta nên làm đều thiện về thân, khẩu, ý"?

Chúng sanh kia đáp:

“— Tàu Thiên vương, tôi quả là kẻ bại hoại, suy vi, mất hẳn chẳng?”

Diêm vương bảo:

“— Người rõ ràng là kẻ bại hoại, suy vi, mất hẳn, nay phải tra khảo Người như trừng trị kẻ phóng dật, hành động phóng dật. Ác nghiệp này của Người không phải do cha mẹ làm, không phải do vua, do Trời, cũng không phải do Sa-môn, Phạm chí làm, chính Người tự tạo lấy nghiệp ác bất thiện, cho nên nay Người chắc chắn phải thọ báo.”

Diêm vương đã dẫn Thiên sứ thứ hai này ra để hỏi kỹ khéo kiểm xét kỹ, khéo dạy, khéo quả trách xong, lại dẫn Thiên sứ thứ ba ra để khéo tra hỏi, khéo kiểm xét, khéo dạy, khéo quả trách rằng:

“— Người có thấy Thiên sứ thứ ba đến không?”

Chúng sanh kia đáp:

“— Tàu Thiên vương, không thấy.

Diêm vương lại hỏi:

“— Trước kia trong một thôn ấp, Người há không thấy người đàn ông hoặc đàn bà bệnh tật nguy khốn, hoặc nằm ngòì trên giường, hoặc nằm ngòì trên chõng, hoặc nằm ngòì dưới đất, thân thể

đau đớn cùng cực, không thể chịu được, muốn cướp mất sự sống?

Chúng sanh ấy đáp:

“— Tâu Thiên Vương, có thấy.

Diêm vương lại hỏi:

— Từ đó về sau, khi Người đã có hiểu biết, nhưng tại sao Người không nghĩ: "Chính ta lệ thuộc sự tật bệnh, không lìa khỏi bệnh. Ta nên làm điều thiện về thân, khẩu, ý"?

Chúng sanh ấy đáp:

“— Tâu Thiên vương, tôi quả là kẻ bại hoại, suy vi, mất hẳn chẳng?

Diêm vương đáp:

“— Chính Người rõ ràng là kẻ bại hoại, suy vi mất hẳn. Nay cần phải tra khảo Người như trường trị kẻ phóng dật, hành động phóng dật. Ác hạnh này của Người không phải do cha mẹ làm, không phải do vua, do Trời, cũng không phải do Sa-môn, Phạm chí làm. Chính Người tự tạo nghiệp ác bất thiện; cho nên nay Người đương nhiên phải thọ quả báo.”

Diêm vương đã dẫn Thiên sứ thứ ba này để khéo tra hỏi, khéo kiểm xét, khéo dạy, khéo quả trách xong, lại dẫn Thiên sứ thứ tư ra để khéo tra hỏi, khéo kiểm xét, khéo dạy, khéo quả trách rằng:

“— Ngươi có thấy Thiên sứ thứ tư đến không?

Chúng sanh ấy đáp:

“— Tâu Thiên vương, không thấy.

Diêm vương lại hỏi:

“— Trước kia, trong một thôn ấp, Ngươi có thấy người đàn ông hay đàn bà lúc chết rồi qua một hai ngày cho đến sáu bảy ngày bị quạ mổ, chó ăn, hoặc lửa đốt, hoặc chôn xuống đất, hoặc vữa nát bấn tan?

Chúng sanh ấy đáp:

“— Tâu Thiên vương, có thấy.

Diêm vương lại hỏi:

“— Từ đó về sau, lúc Ngươi đã có hiểu biết, tại sao Ngươi không nghĩ: "Chính ta lệ thuộc sự chết, ta không lìa khỏi sự chết. Ta nên làm điều thiện về thân, khẩu, ý"?

Chúng sanh ấy đáp:

“— Tàu Thiên vương, tôi quả là kẻ bại hoại, suy vi, mất hẳn chẳng?”

Diêm vương đáp:

“— Người rõ ràng là kẻ bại hoại, suy vi, mất hẳn. Nay phải tra khảo Người giống như trừng trị kẻ phóng dật, hành động phóng dật. Ác nghiệp này của Người không phải do cha mẹ làm, không phải do vua, không phải do Trời, cũng không phải do Sa-môn, Phạm chí làm. Chính Người tự tự tạo ác nghiệp bất thiện, cho nên nay đương nhiên Người phải thọ báo.”

Diêm vương đã dẫn Thiên sứ thứ tư này ra để khéo tra hỏi, khéo kiểm xét, khéo dạy, khéo quả trách xong, lại cho dẫn Thiên sứ thứ năm ra để khéo tra hỏi, khéo kiểm xét, khéo dạy, khéo quả trách:

“— Người có thấy Thiên sứ thứ năm đến không?”

Chúng sanh ấy đáp:

“— Tàu Thiên vương, không thấy.

Diêm vương lại hỏi:

“— Người không thấy chẳng, người của vua tróc nã kẻ phạm tội, tra khảo, trừng trị đủ cách,

như chặt tay, chặt chân, hoặc chặt cả tay chân, xẻo tai, xẻo mũi, hoặc xẻo cả mũi tai, hoặc thái hoặc cắt, nhổ râu, nhổ tóc, hoặc nhổ cả râu tóc, hoặc bỏ vào trong củi, trong áo mà đốt, hoặc dùng cát lấp kín, dùng cỏ quấn lại mà đốt, hoặc bỏ vào trong bụng con lừa bằng sắt, hoặc bỏ vào trong miệng con heo bằng sắt, hoặc đặt vào trong miệng cọp bằng sắt mà đốt hoặc bỏ vào trong chảo bằng đồng, hoặc bỏ vào trong chảo bằng sắt mà nấu, hoặc chặt ra từng đoạn; hoặc dùng chia nhọn mà đâm, hoặc dùng móc mà móc, hoặc bắt nằm trên giường sắt mà dội nước sôi, hoặc cho người vào cối sắt, dùng chày sắt mà giã, hoặc cho rấn rít mổ; hoặc dùng roi da mà quất, hoặc dùng gậy mà đánh, hoặc dùng hèo mà phang, hoặc treo lên ngọn cây ở sanh quán, hoặc chặt đầu đem bêu?

Chúng sanh ấy đáp:

“— Tâu thiên vương, có thấy.

Diêm vương lại hỏi:

“— Từ đó về sau, khi Người đã biết, tại sao không nghĩ: "Nay ta thấy điều ác, bất thiện"?

Chúng sanh ấy thưa:

“— Tâu Thiên vương, tôi quả là kẻ bại hoại, suy vi, mất hẳn chẳng?

Diêm vương đáp:

“— Người rõ ràng là kẻ bại hoại, suy vi, mất hẳn. Nay phải tra khảo Người giống như trừng trị kẻ phóng dật, hành động phóng dật. Ác nghiệp này của Người không phải do cha mẹ làm, không phải do vua, chẳng phải do Trời, cũng không phải do Sa-môn, Phạm chí làm. Chính Người tự tạo nghiệp ác bất thiện, cho nên nay Người đương nhiên thọ báo.”

Diêm vương đã dẫn Thiên sứ thứ năm này ra để khéo tra hỏi, khéo kiểm xét, khéo giáo hóa, khéo quả trách xong, liền giao phó chúng sanh ấy cho ngục tốt. Ngục tốt liền dẫn y giam vào trong đại địa ngục Bốn Cửa. Bấy giờ vua nói bài tụng rằng:

*Bốn trụ có bốn cửa,
Vách vuông mười hai góc,
Dùng sắt làm tường rào,
Ở trên đây nắp sắt.
Trong ngục đất bằng sắt,
Hừng hực lửa sắt nung,
Suốt vô lượng do-diên,
Cho đến tận đáy đất.
Cực ác không chịu nổi,
Sắc lửa khó nhìn thấy,*

*Thấy rồi, lòng dựng đứng,
Khủng khiếp, sợ, rất khổ.
Chúng sanh đọa địa ngục,
Chân treo, đầu chúc xuống,
Do phi báng Thánh nhơn,
Điều ngự thiện, Thánh thiện.*

Một thời gian thực lâu xa về sau, trong bốn cửa của Đại địa ngục, cửa phía Đông liền mở. Sau khi cửa mở, các chúng sanh ấy nhắm chạy đến, muốn tìm nơi an ổn, tìm chỗ nương tựa. Nếu khi các chúng sanh ấy tụ tập khoảng vô lượng trăm ngàn, thì cửa phương Đông của Địa ngục liền tự đóng lại. Chúng sanh ở trong đó chịu đựng khổ đau cùng cực, khóc lóc kêu gào, sầu muộn, nằm lăn xuống đất, vẫn không thể chết được, cốt làm cho nghiệp ác bất thiện của các chúng sanh ấy sạch hết. Một thời gian lâu xa nữa, cửa Nam, cửa Tây, cửa Bắc lại mở. khi cửa Bắc đã mở, các chúng sanh kia liền nhắm chạy đến, muốn tìm nơi an ổn, tìm chỗ nương tựa. Các chúng sanh kia nếu khi tụ tập đến số vô lượng trăm ngàn, thì cửa Bắc của địa ngục tự nhiên đóng lại. Những chúng sanh ở trong đó chịu khổ đau cùng cực, khóc lóc, kêu gào, sầu muộn, nằm lăn xuống đất, vẫn không thể chết được, cốt làm cho nghiệp ác bất thiện của các chúng sanh

ấy sạch hết. Một thời gian hết sức lâu xa về sau nữa, các chúng sanh kia ra khỏi đại địa ngục bốn cửa. Tiếp theo đại địa ngục Bốn Cửa, các chúng sanh ấy lại sanh vào đại địa ngục Phong Nham, lửa đây bên trong, không khói, không lửa ngọn, khiến các chúng sanh ấy đi trên lửa, qua lại khắp nơi, da thịt, máu huyết ở đôi bàn chân, bước xuống thì cháy sạch mà đỡ lên thì sanh lại như cũ. Địa ngục ấy hành hạ các chúng sanh ấy như vậy cho đến vô lượng trăm ngàn năm, chịu khổ đau cùng tột vẫn không chết được, cốt làm cho nghiệp ác bất thiện của các chúng sanh ấy sạch hết. Một thời gian thực lâu xa về sau, các chúng sanh ấy ra khỏi địa ngục Phong Nham.

Tiếp theo địa ngục Phong Nham, lại sanh vào đại địa ngục Phấn Thi, bên trong đây đầy phấn, sâu đến vô lượng trăm trượng. Các chúng sanh kia đọa hết vào trong đó. Trong đại địa ngục Phấn Thi ấy có rất nhiều trùng. Trùng tên là lăng-cù-lai, thân trắng đầu đen, mỏ nhọn như kim. Loại trùng này rúc rĩa, đục phá chân của chúng sanh kia; sau khi đục phá chân, lại đục phá xương đùi; sau khi đục phá xương đùi, lại đục phá xương bắp vế; sau khi phá xương bắp vế, lại đục phá xương bàn tọa; đục phá xương bàn tọa xong, lại đục phá xương

sống; đục phá xương sống xong, lại đục phá xương vai, xương cổ, xương đầu; đục phá xương đầu xong, lại ăn sạch não. Các chúng sanh kia chịu bức bách vô lượng trăm ngàn năm như thế, chịu đau khổ cùng tột, vẫn không chết được, để cho nghiệp ác bất thiện của các chúng sanh ấy sạch hết. Một thời gian rất lâu về sau, các chúng sanh kia ra khỏi địa ngục Phấn Thi.

Tiếp theo địa ngục Phấn Thi, lại sanh vào đại địa ngục Rừng Cây Lá Sắt. Các chúng sanh kia thấy rồi tưởng là mát mẻ, nghĩ rằng: “Chúng ta qua nơi khoái lạc ấy để được mát mẻ”. Các chúng sanh ấy nhắm chạy đến, muốn tìm nơi an ổn, muốn tìm chỗ nương tựa. Nếu tụ tập được vô lượng trăm ngàn, thì các chúng sanh ấy liền vào trong đại địa ngục Rừng Cây Lá Sắt. Trong đại địa ngục Rừng Cây Lá Sắt đó, bốn bề có gió nóng lớn thổi đến, gió nóng thổi đến thì lá cây bằng sắt rụng xuống. Lá sắt rụng cắt lìa tay, cắt lìa chân, hoặc cắt lìa cả tay chân, cắt lìa tai, cắt lìa mũi hoặc cắt lìa cả tai lẫn mũi và các bộ phận còn lại, cắt thân máu chảy vô lượng trăm ngàn năm, chịu khổ đau cùng tột, vẫn không chết được, để cho nghiệp ác bất thiện của các chúng sanh ấy sạch hết. Lại nữa, trong đại địa ngục Rừng Cây Lá Sắt ấy có chó rất

lớn xuất hiện, răng dài thườn thượt, ngoạm cả chúng sanh kia, lột da từ chân đến đầu mà ăn. Các chúng sanh ấy chịu bức bách vô lượng trăm ngàn năm như thế, chịu khổ đau cùng tột vẫn không thể chết được, để cho nghiệp ác bất thiện của chúng dứt sạch. Lại nữa, trong đại địa ngục Rừng Cây Lá Sắt ấy có con chim đen lớn, mà ăn, mổ xuống đầu lấy não mà ăn. Các chúng sanh ấy chịu bức bách như vậy suốt vô lượng trăm ngàn năm, chịu đau khổ cùng tột, cuối cùng vẫn không chết được, để cho nghiệp ác bất thiện của các chúng sanh ấy sạch hết. Sau một thời gian hết sức lâu dài, các chúng sanh ấy ra khỏi đại địa ngục Rừng Cây Lá Sắt. Tiếp theo đại địa ngục Rừng Cây Lá Sắt, các chúng sanh ấy lại sanh vào đại địa ngục Rừng Cây Kiếm Sắt. Đại kiếm thọ cao một do-diên, mũi nhọn dài một thước sáu, chúng sanh kia bị bắt treo lên tuột xuống. Lúc mới từ dưới leo lên cây thì mũi nhọn chúc xuống, lúc trên cây tuột xuống thì mũi nhọn lại dựng lên, mũi nhọn của kiếm thọ đâm thân chúng sanh, đâm tay, đâm chân hoặc đâm cả tay chân, đâm tai, đâm mũi, hoặc đâm cả tai mũi và các bộ phận khác nữa, đâm thân máu đổ suốt vô lượng trăm ngàn năm, chịu đau khổ cùng cực, rốt cuộc vẫn không chết được, để cho nghiệp ác bất thiện của các chúng sanh ấy sạch hết. Một thời

gian lâu dài về sau, các chúng sanh ấy ra khỏi đại địa ngục Rừng Cây Kiếm Sắt.

Tiếp theo đại địa ngục Rừng Cây Kiếm Sắt, các chúng sanh ấy lại sanh vào địa ngục Sông Tro, có hai bờ rất cao bao quanh tạo thành mũi nhọn. Trong sông có nước tro sôi và tối om. Các chúng sanh kia thấy rồi tưởng là nước mát và thường có nước mát. Sau khi tưởng như vậy, các chúng sanh ấy liền nghĩ: “Chúng ta đến đó tắm rửa, tha hồ uống no, được mát mẻ khoái lạc.” Các chúng sanh ấy tranh nhau chạy đến mà vào trong đó, muốn tìm nơi hoan lạc, tìm chỗ nương tựa. Nếu các chúng sanh ấy tụ tập chừng vô lượng trăm ngàn, thì liền rút xuống sông tro. Sau khi rơi vào sông tro, có chúng sanh trôi ngược, chúng sanh trôi xuôi có chúng sanh trôi ngược rồi lại trôi xuôi. Lúc các chúng sanh trôi xuôi, trôi ngược, trôi cả ngược xuôi thì da chín rã xuống, thịt chín rã ra, hoặc thịt và da chín cùng lúc rã xuống, chỉ còn lại xương tủy. Hai bên bờ sông tro có lính địa ngục, tay cầm đao kiếm hoặc chĩa sắt lớn. Các chúng sanh ấy muốn leo lên bờ, tức thì lính ngục đẩy nhận xuống. Lại nữa, hai bên bờ sông tro có lính địa ngục tay cầm móc câu liệng xuống, móc chúng sanh từ sông tro lên bỏ vào nơi sắt nóng, lửa cháy hừng hực, móc chúng sanh ấy đưa lên rồi quật mạnh xuống đất. Rơi xuống, chúng sanh ấy đang quần quai, bị cật vắn:

“— Người từ đâu lại?

Các chúng sanh ấy đáp:

“— Chúng tôi không biết từ đâu đến, nhưng hiện giờ chúng tôi chỉ sợ đói lắm”.

Lính địa ngục ấy liền xách chúng sanh liệng lên giường sắt nóng, lửa cháy hừng hực, bắt ngồi trên đó, dùng kẹp sắt nóng kẹp vạch miệng ra, dùng hòn sắt nóng đang cháy hừng hực, bỏ vào. Hoàn sắt nóng ấy đốt cháy môi; cháy môi xong, đốt cháy lưỡi; cháy lưỡi xong, đốt lợi răng; lợi cháy xong, đốt cuống họng; cuống họng cháy xong, đốt tim; tim cháy xong, đốt ruột già; ruột già cháy xong, đốt dạ dày; dạ dày cháy xong hoàn sắt từ thân rơi xuống. Các chúng sanh ấy bị bức bách như vậy suốt vô lượng trăm ngàn năm, chịu khổ đau cùng cực, rốt cuộc không chết được, để cho nghiệp ác bất thiện của các chúng sanh ấy sạch hết.

Lại nữa, lính địa ngục ấy hỏi chúng sanh:

“— Người muốn đi đâu?

Chúng sanh đáp:

“— Chúng tôi chẳng biết muốn đi đâu, chỉ sợ khát lắm.

Ngục tốt liền xách chúng sanh ném lên giường sắt nóng đang cháy đỏ rực, bắt buộc ngồi trên đó, dùng kẹp sắt nóng, kẹp vạch miệng ra, lấy nước đồng sôi rót vào. Nước đồng sôi đó đốt môi, đốt môi rồi đốt lưỡi, đốt lưỡi rồi đốt lợi răng, đốt lợi răng rồi đốt cuống họng, đốt cuống họng rồi đốt tim, đốt tim rồi đốt ruột già, đốt ruột già rồi đốt ruột non, đốt ruột non rồi đốt dạ dày, đốt dạ dày rồi nước ấy từ thân chảy xuống. Các chúng sanh ấy chịu bức bách như vậy suốt vô lượng trăm ngàn năm, chịu khổ đau cùng tột, cuối cùng vẫn không chết được, để cho nghiệp ác bất thiện của các chúng sanh ấy sạch hết.

Nếu nghiệp ác bất thiện mà những chúng sanh ở địa ngục kia không dứt sạch, không dứt sạch tất cả, không dứt sạch đến mức không còn lưu dư thì những chúng sanh ấy lại đọa vào đại địa ngục Sông Tro, lại chịu cảnh trèo lên tuột xuống ở đại địa ngục Rừng Cây Kiếm Sắt, lại vào đại địa ngục Rừng Cây Lá Sắt, lại rót xuống đại địa ngục Phần Thi, lại qua lại đại địa ngục Phong Nham, lại vào Bốn Cửa đại địa ngục.

Nếu nghiệp ác bất thiện của những chúng sanh kia dứt sạch, dứt sạch tất cả, dứt sạch đến

mức không còn lưu dư, thì những chúng sanh ấy từ đó về sau hoặc đọa vào loài súc sanh, hoặc đọa vào loài ngạ quỷ, hoặc sanh vào cõi trời. Nếu lúc ấy chúng sanh đó vốn là người mà bất hiếu với cha mẹ, không biết tôn kính Sa-môn, Phạm chí, không làm đúng như thật, không tạo phước nghiệp, không sợ tội đời sau thì phải thọ khổ báo không ái, không niệm, không hỷ như vậy, giống như trong địa ngục kia. Nếu chúng sanh kia vốn là người mà hiếu thuận với cha mẹ, biết tôn kính Sa-môn, Phạm chí, làm đúng như thật, tạo nghiệp phước đức, sợ tội đời sau, thì được thọ lạc báo khả ái, khả niệm, khả hỷ như thế, giống như trong cung điện của thần hư không.

Thuở xưa, có Diêm vương ở tại viên quán tâm nguyện rằng: “Thân mạng này mất, ta được sanh vào loài người. Nếu có dòng họ nào giàu có tốt cùng, của cải vô lượng, sản nghiệp chăn nuôi, không thể tính được, phong hộ thực ấp đầy đủ mọi thứ. Dòng họ ấy là gì? Tức là đại trưởng giả thuộc dòng Sát-lợi, đại trưởng giả thuộc dòng Phạm chí, đại trưởng giả thuộc dòng Cư sĩ. Nếu có dòng họ giàu có tốt cùng, của cải vô lượng, sản nghiệp chăn nuôi không thể tính được, phong hộ thực ấp đầy đủ mọi thứ như thế, thì ta mong sanh vào nhà ấy. Sau khi

sanh vào thì giác căn thành tựu, mong được tịnh tín pháp luật chân chánh do đức Như Lai nói ra. Được tịnh tín rồi thì cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống đời sống không gia đình mà học đạo. Con nhà quý tộc đã cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống đời sống không gia đình mà học đạo thì chỉ mong cầu vô thượng phạm hạnh, trong đời hiện tại, tự biết, tự giác, tự thân tác chứng, thành tựu an trú, biết như thật rằng: "Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa".

Thuở xưa, Diêm vương ở trong viên-quán đã nguyện như thế. Bấy giờ vua đọc bài tụng rằng:

*Bị Thiên sứ quả trách,
Người vẫn cứ phóng dật,
Chuồn sấu nào mãi hoài,
Tệ ấy do dục che.
Bị Thiên sứ quả trách,
Quả thật có thượng nhơn,
Không còn phóng dật nữa,
Khéo nó diệu thánh pháp.
Thấy thọ là khiếp sợ,
Mong cầu sanh, lão dứt,*

*Không thọ, diệt không còn,
Thế là sanh lão hết.
Là an ổn khoái lạc,
Đắc diệt độ đời này,
Vượt khỏi mọi khiếp sợ,
Cũng vượt dòng thế gian.*

Đức Phật dạy như vậy, sau khi nghe xong điều đức Phật dạy, các Tỳ-kheo hoan hỷ phụng hành.

HẾT TẬP I

MỤC LỤC

KINH TRUNG A-HÀM - Tập 1

I. PHẨM THẤT PHÁP

1. KINH THIỆN PHÁP	11
2. KINH TRÚ ĐỘ THỌ	19
3. KINH THÀNH DỤ	23
4. KINH THỦ DỤ	33
5. KINH MỘC TÍCH DỤ	41
6. KINH THIỆN NHÂN VẮNG	55
7. KINH THỂ GIAN PHƯỚC	61
8. KINH THẤT NHẬT	67
9. KINH THẤT XA	77
10. KINH LẬU TẬU	91

II. PHẨM NGHIỆP TƯƠNG ƯNG

1. KINH VÍ DỤ HẠT MUỐI	101
------------------------	-----

2. KINH HÒA PHÁ	109
3. KINH ĐỘ	117
4. KINH LA-VÂN	125
5. KINH TƯ	137
6. KINH GIÀ-LAM	145
7. KINH CA-DI-NI	157
8. KINH SƯ TỬ	165
9. KINH NI-KIỀN	179
10. KINH BA-LA-LAO	201

III. PHẨM XÁ-LÊ TỬ TƯƠNG ỨNG

1. KINH ĐẰNG TÂM	229
2. KINH THÀNH TỰU GIỚI	237
3. KINH TRÍ	247
4. KINH SƯ TỬ HỒNG	259
5. KINH THỦY DỤ	273
6. KINH CÙ-NI SƯ	279
7. KINH PHẠM CHÍ ĐÀ-NHIÊN	289
8. KINH GIÁO HÓA BỆNH	309
9. KINH ĐẠI CÂU-HY-LA	331
10. KINH TƯỢNG TÍCH DỤ	355
11. KINH PHÂN BIỆT THÁNH ĐẾ	375

IV. PHẨM VỊ TÀNG HỮU

1. KINH VỊ TÀNG HỮU PHÁP	397
2. KINH THỊ GIẢ	413
3. KINH BẠC-CÂU-LA	437
4. KINH A-TU-LA	443
5. KINH ĐỊA ĐỘNG	455
6. KINH CHIÊM-BA	463
7. KINH ÚC-GIÀ TRƯỞNG GIẢ (A)	473
8. KINH ÚC-GIÀ TRƯỞNG GIẢ (B)	487
9. KINH THỦ TRƯỞNG GIẢ (A)	497
10. KINH THỦ TRƯỞNG GIẢ (B)	509

V. PHẨM TẬP TƯƠNG ƯNG

1. KINH HÀ NGHĨA	515
2. KINH BẤT TƯ	519
3. KINH NIỆM	523
4. KINH TÀM QUÝ (A)	525
5. KINH TÀM QUÝ (B)	527
6. KINH GIỚI (A)	531
7. KINH GIỚI (B)	533
8. KINH CUNG KÍNH (A)	535
9. KINH CUNG KÍNH (B)	537

10. KINH BỐN TẾ	539
11. KINH THỨC ĂN (A)	543
12. KINH THỨC ĂN (B)	553
13. KINH TẬN TRÍ	559
14. KINH NIẾT-BÀN	565
15. KINH DI-HÊ	569
16. KINH VỊ TỈ-KHEO THUYẾT	577

VI. PHẨM VƯƠNG TƯƠNG ỪNG

1. KINH THẮT BẢO	583
2. KINH TAM THẬP NHỊ TƯỚNG 5	85
3. KINH TỬ CHÂU	595
4. KINH NGƯU PHẤN DỤ	607
5. KINH TẦN-BỆ-TA-LA VƯƠNG NGHINH PHẬT	617
6. KINH BỆ-BÀ-LĂNG-KỲ	629
7. KINH THIÊN SỬ	659

Hết tập I Trung A-Hàm

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ĐẠI TẠNG KINH VIỆT NAM

KINH TRUNG A-HÀM
TẬP I

Ban thực hiện:

Thượng tọa	THÍCH CHƠN THIỆN
Cư sĩ	VÕ ĐÌNH CƯỜNG
Cư sĩ	TRẦN TUẤN MẮN
Thượng tọa	THÍCH NGUYỄN THIỆN
Cư sĩ	TÂM DUNG

XIN LIÊN HỆ ĐỊA CHỈ:

716 Nguyễn Kiệm - Phú Nhuận - TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 8448893

ĐẠI TẠNG KINH VIỆT NAM

KINH TRUNG A - HÀM

TẬP I

Chịu trách nhiệm xuất bản : **THIỀU QUANG THẮNG**

Chịu trách nhiệm bản thảo : **PHẠM NGỌC HẬU**

Biên tập : **ĐỖ THỊ QUỲNH**

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

10 Chu Văn An - Hà Nội

Điện thoại : 080.48106 - 08048312, FAX : (84).080.48240

In 1.000 bản, khổ 14,5 x 20,5 cm. Tại XN In Gia Định, số 9D Nơ Trang Long, TP. Hồ Chí Minh. Số xuất bản: 24-1229/XB-QLXB ngày 23.10.2002. In xong và nộp lưu chiểu tháng 12 năm 2002.

